

# *Lịch Sử Hội Thánh*

## I. THỜI KỲ CÁC SỨ-ĐỒ (Năm 30 Đến 100 Tây Lịch)

1. Cơ-Đốc Giáo Phôi Thai
2. Một Niềm Tin Khác Thường Xuất Hiện
3. Việc Viết Thành Sách Tân Ước
4. Cơ-Đốc Giáo Do Thái

## II. XÁC NHẬN VÀ BẢO VỆ NIỀM TIN (Năm 100 Đến 300)

5. Tình Trạng Thế Giới Khi Cơ-Đốc Giáo Xuất Hiện
6. Những Đụng Độ Ban Đầu Với Tà Giáo
7. Kinh Thanh Cơ-Đốc Xuất Hiện
8. Hội Thánh Sau Con Bắt Bớ
9. Những Phụ Giáo Của Hội Thánh

## III. HỘI THÁNH THẮNG LỢI ( Năm 300 Đến 500)

10. Cơ-Đốc Giáo Trở Thành Tôn Giáo Của Đế Quốc La Mã
11. Tín Điều Va Kinh Thánh
12. Hội Thánh Và Sự Thờ Phụng
13. Những Giảng Sư Va Người Lãnh Đạo Nổi Danh
14. Thê Chế Tu Viện Lúc Ban Đầu
15. Hội Thánh Bành Trướng

## IV. THỜI TRUNG CỔ ( Năm 500 Đến 1500)

16. Tình Hình H.T. Sau Khi Đế Quốc La Mã Suy Sụp
17. Chế Độ Tu Viện
18. Học Thuật Và Triết Lý Trung Cổ
19. Chế Độ Giáo Hoàng
20. Các Cuộc Thánh Chiến
21. Kinh Thánh

## V. CÁC H.T. CHÍNH THỐNG MIỀN ĐÔNG (Năm 1054 Đến 1980)

22. Đông Tây Xung Đột
23. Đế Quốc Phương Đông Va Hội Thánh
24. Những Thành Quả Và Thất Bại Của Miền Đông
25. Hội Thánh Chính Thống Đông Phương Ngày Nay

## VI. THỜI KỲ CẢI CHÁNH ( Năm 1500 Đến 1600)

26. Những Làn Gió Cách Tân

27. Desiderius Erasmus (1483-1536)
  28. Martin Luther ( 1483-1546)
  29. John Calvin ( 1509-1564)
  30. H.T. Anh Quốc Và Vua Henry VIII( 1509-1547)
  31. Hai Triều Đại Edward VI Và Mary(1547-1548) Trang 108
  32. Công Cuộc Hòa Giải Của Nữ Hoàng Elizabeth
  33. Cuộc Cải Cách Trong Hội Thánh Công Giáo La Mã
- VII. CƠ-ĐỐC GIÁO HIỆN ĐẠI
34. Tình Hình Sau Cuộc Cải Cách
  35. Cơ-Đốc Giáo Vào Mỹ Châu
  36. Cộng Đồng Cơ-Đốc Giáo Ngày Nay
- MỘT SỐ NIÊN ĐẠI CẦN NHỚ

Giáo Hội Nghị tại Giê-ru-sa-lem  
Hoàng Đế Nero bắt bớ Hội Thánh  
Polycarp tử đạo  
161 - 180 Hoàng Đế Marcus Aurelius  
249 - 251 Hoàng Đế Decius  
284 - 305 Hoàng Đế Diocletian  
Giáo Hội Nghị Carthage  
Sắc lệnh Milan  
Constantine trồn quyền  
325 Giáo Hội Nghị tại Nicaea  
361 - 363 Hoàng Đế Julian

MỘT SỐ DANH XŨNG TRONG  
LỊCH SỬ HỘI THÁNH CẦN NHỚ

Ê-tiên  
Phao-lô  
Irenaeus  
Justin Martyr  
Marcion  
Ignatius  
Polycarp  
Hoàng Đế (Emperor) Marcus Aurelius  
Hoàng Đế (Emperor) Decius  
Hoàng Đế (Emperor) Diocletian  
Giám Mục Papias  
Cyprian  
Clement of Alexandria  
Origen

Hoàng Đế (Emperor) Constantine  
Sắc lệnh Milan 313  
Codex Vaticanus  
Codex Sinaiticus  
Hoàng Đế (Emperor) Julian  
Hoàng Đế (Emperor) Teodosius  
Arius  
Athanasius  
Tín Điều của Hội Đồng Nicaea  
Jerome (340 - 420)  
Vulgate  
Augustine  
John Chrysostom  
Ambrose  
Pelagius  
Alaric  
Anthony  
Pachomius  
Basil, Giám mục Caesarea  
Ulphilas  
Patrick  
Clovis  
Attila  
Benedict  
Columba  
Boniface  
St. Bernard  
Dominic  
Francis of Assisi  
Thomas Aquinas  
William of Ockham  
Roger Bacon  
Bonaventura  
Giáo hoàng Gregory the Great  
Charlemagne  
Giáo Hoàng Gregory VII (Hildebrand)  
John Wycliff  
Tu sĩ Lollard  
John Huss  
Desiderius Erasmus

Martin Luther  
Philip Melanchthon  
John Calvin  
Henry VIII  
Thomas Cranmer  
Thomas More  
Cromwell  
William Tyndale  
Vua Jame I  
IgnatiusLoyola  
Roger William  
Francis Makemie  
Geoge Fox  
William Oenn  
John Wesley  
Thomas Coke  
Francis Asbury  
Thomas Campbells

(Năm 30 đến 100 Tây Lịch)  
CƠ-ĐỐC GIÁO PHÔI THAI

Khi bóng tối bao phủ mịt mù trên thành Giê-ru-sa-lem chiều thứ sáu ấy, sau khi Chúa Giê-xu đã chịu hình trên đồi sọ, thì sứ mạng của Ngài dường như đã kết thúc trong thất bại hoàn toàn. Những nhà cầm quyền thời bấy giờ nghĩ rằng đem xử tử Ngài như một tội nhân tầm thường là đủ phá tan uy tín của phong trào do Ngài khởi xướng và chấm dứt được ngay tình trạng sôi động trong dân chúng. Đang khi thi thể Ngài được đặt suốt ngày Sa Bát trong ngôi mộ vốn dành cho người khác thì những môn đồ Ngài tê bại vì xúc động và thất vọng, thương khóc Ngài, người mà họ đã 'trông mong chắc sẽ cứu lấy dân Y-sơ-ra-ên' ([LuLc 24:21](#)). Khi họ nhớ lại cơn cuồng nộ của đám dân hò hét 'Hãy đóng đinh nó', 'Hãy đóng đinh nó', các bằng hữu cũng như các người đã theo Ngài vẫn còn run sợ. Nhiều ngày sau có lẽ họ sẽ chỉ dám gặp nhau trong những căn phòng đóng cửa cài then thật kỹ.

Dường như mọi sự kinh hoàng diễn ra đã xóa tan tất cả công cuộc phục vụ sáng lòa của Chúa Giê-xu. Ngài đã chữa lành bệnh cho bao người và làm sống lại niềm hy vọng trong lòng hàng trăm người khác. Lúc đó, chưa ai viết lên một dòng của Tân Ước, họa may có người nào đó nguệch ngoạc ghi vội một vài lời Ngài đã phán phòng hồ sẽ quên chẵn. Đêm thứ sáu ấy và trong suốt ngày Sa Bát tiếp theo, phần đông các nhân vật cầm quyền tại Y-sơ-ra-ên thật đã thỏa lòng vì đã làm câm miệng được một tiên tri vô danh xuất thân từ xứ Ga-li-lê, một tiên tri đã gây ra biết bao xáo trộn. Cả các bạn của Ngài cũng phải thú nhận là bao nhiêu hy vọng của họ đã

tiêu tan hết. Nhưng cũng giống như kinh nghiệm của Ysoraên trong dĩ vãng, từ thất bại lại xuất hiện ra mầm thắng lợi, vì 'PHÚC ÂM' mà Chúa Giê-xu đã rao truyền ra chỉ trong vòng không đến ba trăm năm là đủ trở thành một nguồn động lực tâm linh cho Đế Quốc La Mã và rồi cho cả nền văn minh Tây phương nữa.

Sự thể đã xảy ra như thế nào? Chúng ta có thể thấy lời giải đáp ở trong bốn sách Phúc Âm và ở trong sách Công Vụ các Sứ Đồ, cuốn này là cuốn sách lịch sử duy nhất ghi lại thời kỳ các Sứ Đồ viết chính trong lúc đương thời. Theo bốn sách Phúc Âm thì niềm tin Cơ-Đốc chớm nở vào ngày thứ nhất trong tuần lễ, ngày mà từ đó về sau hết thấy mọi người Cơ-Đốc đều kể là ngày Thánh. Ngày đó những người đàn bà theo Chúa Giê-xu mang các loại thuốc thơm và dầu xức đến mộ Ngài để sửa soạn thi thể Ngài trước khi chôn.

Những việc xảy ra sau đó là một sự huyền nhiệm vượt qua sự giải thích bằng lý luận, tuy nhiên những việc đó cũng đã khiến những kẻ theo Chúa Giê-xu tin quyết rằng sự chết của Ngài không phải là một kết thúc mà trái lại, chính là một khởi đầu. Thoạt tiên những môn đồ nghe tin các bà kia nói lại thì họ không hiểu nổi ý nghĩa và họ coi những lời kể lại về ngôi mộ trống và câu nói của thiên sứ như là một 'chuyện hoang đường'. Dầu vậy Phi-e-rơ và Giăng có chạy thẳng đến ngôi mộ đục trong đá núi để được tận mắt chứng kiến và họ thấy ngôi mộ quả thật trống. Ngược lại trong đám môn đồ của Chúa ai là người đầu tiên tin rằng Chúa của họ đã sống lại từ kẻ chết, điều này không được rõ lắm. Có thể là 'Môn đồ mà Ngài yêu' ([GiGa 20:8](#)) cũng có thể là Ma-ri Ma-đơ-len ([20:11-18](#)) hoặc Phi-e-rơ ([ICo1Cr 15:5](#)). Rồi không bao lâu sau đó, kể cả Tô-ma, là một người hoài nghi, tất cả môn đồ đều đồng lòng tin rằng Chúa đã sống lại vì hết thấy đều đã nhìn thấy Ngài. Bởi có sự tin quyết ấy nên họ chẳng hề bị xao xuyến về những tin đồn đại mà nhà cầm quyền tại Giê-ru-sa-lem cho loan truyền ra để giải thích về ngôi mộ trống, một sự kiện có thể gây rất nhiều rắc rối. Một tin đồn nói rằng các môn đồ đã ăn trộm xác Chúa đem đi, tin ấy không thể đứng vững là vì có thể nào chính những kẻ tổ chức một sự lừa dối lại có thể mắc lừa bởi sự lừa dối ấy?

Đối với các môn đồ, sự sống lại của Chúa Giê-xu dường như đã cất khỏi mặt họ một cái màn che và họ bắt đầu hiểu những việc trong đó họ đã dự phần. Sự sống lại thực sự của Chúa đã trở thành cao điểm trong lời tuyên bố vào ngày lễ Ngũ Tuần 'Đức Chúa Giê-xu này, Đức Chúa Trời đã khiến sống lại, và chúng ta thấy đều làm chứng về sự đó' ([Cong Cv 2:32](#)). Niềm tin này không phai nhạt đi, mà càng ngày càng tăng, vì Phaolô sau này lại trân trọng viết trong thư [ICo1Cr 15:14](#). 'Nếu Đấng Christ chẳng đã sống lại thì sự giảng dạy của chúng tôi ra luống công, và đức tin anh em cũng vô ích'. Niềm tin về sự sống lại của Chúa Christ đánh dấu bước khởi đầu lịch sử của Cơ-Đốc Giáo. Học giả Charles H. Dodd đã xác định đó 'không phải là một niềm tin trong Hội Thánh, mà chính Hội Thánh đã phát triển quanh niềm tin ấy'.

Sách Tân Ước ghi lại rằng sau khi Chúa Christ Phục Sinh, Ngài ở lại với nhóm

môn đồ ít ỏi của Ngài, và dạy cho họ hiểu những phương diện sâu sắc hơn trong niềm tin của họ và mô tả cho họ thấy trước được hình thái phát triển tương lai của Cơ-Độc Giáo. Có người nói : 'Cơ-Độc Giáo đã được sinh thành với quyển Kinh Thánh trong nôi'. Trong thời gian Ngài phục vụ, Chúa Giê-xu đã thường lấy lời Đức Chúa Trời làm nền móng cho sự dạy dỗ của Ngài. Ngài trích dẫn những lời ấy và Ngài giải thích. Theo Phúc Am Lu-ca, Chúa Christ sau khi Phục Sinh đã giải thích lại Kinh Thánh cho môn đồ qua ánh sáng của sự Phục Sinh của Ngài và Ngài 'mở trí cho môn đồ được hiểu Kinh Thánh' ([LuLc 24:45](#)). Những lời giải thích của Ngài thật bao quát vì 'Ngài bắt đầu từ Môi se, rồi kể đến mới đến các đấng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong câu Kinh Thánh' ([24:27](#))

Những sách cổ xưa được tổ tiên lưu lại nay bao hàm thêm ý nghĩa mới vì những môn đồ được thấy trong đó nhiều ám chỉ về đời sống, về sự Phục Sinh của Chúa Christ và họ nhận ra rằng những lời hứa của Kinh Thánh trong quá khứ đã thể hiện trọn vẹn trong Ngài. Chính Ngài cũng đã phán rõ ràng về Kinh Thánh : 'Ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn'. ([Mat Mt 5:17](#)). Các môn đồ hiểu rằng sự Phục Sinh của Chúa Christ là dấu hiệu nói lên sự trị vì của Đức Chúa Trời trên mặt đất, điều họ hằng trông đợi, thật đã bắt đầu. Bây giờ họ biết rằng Giê-xu mà họ đã lẻo đẻo theo tại các miền Ga-li-lê và Giu-đê, chính Ngài là Chúa và là Đấng Christ. Cách Ngài giảng giải những vấn đề căn bản trong Kinh Thánh sau này trở thành nền móng cho những bài giảng của các Sứ Đồ và những thư tín của Phao-lô, đồng thời cũng là đề tài của các sách Phúc Âm nữa.

Tiếng ca ngợi của lời làm chứng từ những người rao truyền những việc Chúa Giê-xu đã làm, bổ túc thêm vào những lời chứng trong Cựu Ước, đó là tiếng của những kẻ theo Ngài, những kẻ đã được nghe Ngài phán: 'Các ngươi sẽ làm chứng về ta' ([Cong Cv 1:8](#)). Thật vậy họ đã trở thành những chứng nhân về tất cả những 'điều mắt chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã ngắm và tay chúng tôi đã sờ, về lời sự sống' ([IGiI Ga 1:1](#)).

Để lấp chỗ trống do sự bội phản của Giu-đa các môn đồ đã chọn Ma-thi-a (Matthias) làm Sứ Đồ thứ 12. Trong mắt họ, họ đã kể Ma-thi-a xứng đáng chức vụ Sứ Đồ bởi vì Ma-thi-a đã làm chứng nhân về sự Phục Sinh của Chúa và 'đã theo cùng chúng ta trọn lúc Đức Chúa Giê-xu đi lại giữa chúng ta, từ khi Giảng làm phép Báp Têm cho đến ngày Ngài được cất lên khỏi giữa chúng ta'. ([Cong Cv 1:21-22](#)). Nói tóm lại, Ma-thi-a có thể làm chứng vì chính ông đã chứng kiến. Dù sau khi cả bốn sách Phúc Âm đã được viết xong, thì người ta vẫn thích nghe lời làm chứng của những kẻ đã tận mắt chứng kiến Chúa Giê-xu, hay là những kẻ đã từng theo sát họ, hơn bất cứ những gì chép trong một sách. Vào khoảng giữa thế kỷ thứ hai, Giám Mục Papias ở Hierapolis, hồi tưởng lại thời niên thiếu của mình khi những kẻ thường được theo chân các môn đồ đầu tiên hãy còn sống, sống viết như sau :

'Nếu tôi gặp người nào đã từng theo các bậc trưởng lão, tôi thường hối tiếc về các lời mà các bậc trưởng lão ấy nói ra. Anh rê nói gì, hoặc Phi-e-rơ, hay bất cứ môn đồ nào của Chúa... Vì tôi nghĩ rằng đọc sách thì ích lợi sao bằng được nghe những lời phát từ một tiếng nói sống động và hằng nhắc nhở'.

Không bao lâu sau ngày Chúa Phục Sinh, đám người đang trông ngóng Ngài nhận được mệnh lệnh sau chót của Ngài. 'Vậy hãy đi dạy dỗ muôn dân' ([Mat Mt 28:19](#)). Đối với nhóm người Do Thái này, đây quả là một mệnh lệnh lạ thường, vì Do Thái Giáo chưa từng bao giờ là tôn giáo phái giáo sĩ đi các nước mà chỉ là một sở hữu quý giá của một dân tộc riêng biệt. Do Thái Giáo là niềm tin riêng của dòng dõi Ap-ra-ham mà thôi.

Khi Chúa Christ ra lệnh: 'Này ta thường ở cùng với các ngươi luôn cho đến tận thế', chắc chắn kèm theo đó là một bảo đảm có sự phù trợ từ trời, và cuối cùng, Ngài còn hứa 'khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi thì các ngươi sẽ nhận được quyền phép' ([Cong Cv 1:8](#)). Lời hứa này sẽ được thực hiện vào ngày Lễ Ngũ Tuần trong một phòng cao tại Giê-ru-sa-lem khi những người theo Chúa Giê-xu từng trải sự được ban cho Đức Thánh Linh. Họ nghe thấy tiếng gió mạnh thổi ào ào, rồi lại nhìn thấy những ngọn lửa, và họ đã nói 'các thứ tiếng khác'. Khi họ được nói những 'tiếng khác' ấy, họ thâm hiểu rằng sứ điệp của Chúa Christ cần phải được rao truyền đến mọi giống dân. Đối với những môn đồ nhóm họp ngày đó, ngày Lễ Ngũ Tuần chính là ngày của Chúa như đã được tiên báo trong Kinh Thánh. Những sự lạ thường xảy ra trong ngày đó đã thể hiện quyền ủy và sự tôn cao của Chúa Phục Sinh của họ mà từ đây họ sẽ tôn thờ như một Chúa sống đời đời.

Kinh nghiệm được ban cho Đức Thánh Linh cho họ một cảm xúc mạnh mẽ tưởng như thân linh của Đức Chúa Trời vốn ở trong họ nay đã thức tỉnh. Đó là một thân linh họ chưa hề nghĩ đến một lời giải thích nào theo thần học, nhưng họ biết chắc rằng đó chính là sự ban cho mà Chúa Christ đã từng hứa ([GiGa 14:26](#) ; [Cong Cv 2:38, 39](#)).

Trong những ngày kế tiếp, Đức Thánh Linh này đã ở trong họ, tác động lòng những người đàn ông và đàn bà ấy và giúp họ 'làm hơn điều họ muốn làm, thương yêu hơn lòng họ muốn thương yêu, cầu nguyện hơn tâm thần họ muốn cầu nguyện'.

Được Đức Thánh Linh cảm động, Phi-e-rơ trước hết kêu gọi 'cả nhà Y-sơ-ra-ên', giải thích những việc xảy ra trước ngày Lễ Ngũ Tuần bằng những lời tiên tri của Giô-ên ([Gio Ge 2:26-28](#)) và xác định là Chúa Giê-xu đã thật Phục Sinh. Phi-e-rơ nhấn mạnh cao điểm của lời giảng: 'Vậy cả nhà Y-sơ-ra-ên khá biết chắc rằng Giê-xu mà các ngươi đã đóng đinh trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đã tôn cao Ngài làm Chúa và Đấng Christ' ([Cong Cv 2:36](#))

Lời nói của Phi-e-rơ đâm thấu tim những người nghe nên họ hỏi 'vậy chúng tôi phải làm chi?' Cả đám dân xôn xao kích động, những dấu kỳ phép lạ tiếp tục xảy

ra; hàng trăm người được làm phép Báp Têm trong danh Chúa Giê-xu Christ, và nhiều người khác, kể cả những thầy tế lễ, đã nhận Chúa Giê-xu chính là Đấng Mê-si-a. Vào thời kỳ phôi thai thuở đó, phong trào này quả thật là một sự phục hồi sinh động của Do Thái Giáo, một cuộc phấn hưng với tất cả lòng sùng kính, tin cậy, lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời. Người ta bắt đầu nhận ra rằng trong sứ mạng của Chúa Christ, trong đời sống, sự chết và Phục Sinh của Ngài quả thật Đức Chúa Trời đã mở rộng một đường mới cho mọi người đến với Ngài.

Những kẻ tin Chúa hằng sống vẫn còn trung tín với luật pháp Do Thái cũ, và họ vẫn đến đền thờ cầu nguyện vào những giờ đã định, vì họ tin rằng niềm tin của họ không phải là niềm tin mới nhưng là sự thực hiện niềm tin cũ cách đầy đủ hơn. Tuy nhiên, những người theo phái Sa-đu-sê hoảng sợ khi thấy dân chúng quá sốt sắng tiếp nhận sứ điệp mới, và họ đã cấm các Sứ Đồ nhân danh Đấng Christ rao giảng sứ mạng mới. Phi-e-rơ và Giăng bị bắt giam hai lần. Hai người bị đánh đập, bị điệu ra trước tòa công luận, ở đó có luật sư (Rabbi) Ga-ma-li-ên bênh vực cho họ ([Cong Cv 5:34](#)), cảnh giác các đồng sự bằng những lời sau này trở thành những lời tiên tri: 'Nếu mưu luận và công cuộc này ra bởi người ta, thì sẽ tự hư đi, nhưng nếu bởi Đức Chúa Trời ra thì các người phá diệt các người đó chẳng nổi, và lại là liều mình chống nghịch cùng Đức Chúa Trời' ([5:39](#)).

Mặc dù sự ngăn chặn của nhà cầm quyền, Cơ-Đốc Giáo tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Những kẻ theo phong trào độc lòng giữ lời dạy của các Sứ Đồ, sự thông công giữa anh em, lễ bẻ bánh và sự cầu nguyện... và hết thảy những kẻ tin đều hiệp lại với nhau, lấy mọi vật làm của chung. Họ bán gia tài điền sản mình mà phân phát cho nhau, tùy sự cần dùng của từng người. ([2:42](#), [44](#), [45](#)). Các Sứ Đồ được công nhận làm lãnh đạo, khéo gây dựng mọi thông công mạnh mẽ trong phong trào đến nỗi những ai thiếu thốn đều được giúp đỡ và những kẻ tin đều 'một lòng một ý cùng nhau; '[\(4:32\)](#). Trong bầu không khí hiệp một này, các Sứ Đồ dạy rằng Đấng Christ là sự thực hiện đầy trọn những gì đã tiên báo trong Kinh Thánh. Họ cùng nhau chia sẻ những gì họ nhớ lại về những lời Ngài đã phán, những việc Ngài đã làm, cứ nhắc đi nhắc lại như thế cho đến khi cô đọng thành các câu chuyện văn chương linh hoạt mà sau này các sách Phúc Âm đã thâm thập làm nền tảng.

Thêm vào sự dạy dỗ và thông công, lại còn những buổi thờ phượng hàng ngày chung với những thân hữu Do Thái trong đền thờ, đồng thời có cả những buổi nhóm riêng tại nhà các tín hữu. Tại đây 'lễ bẻ bánh' trở thành bữa ăn chung để cùng ghi nhớ bữa ăn tối họ dự lần chót cùng Chúa. Trong những buổi nhóm họp này, họ đọc những đoạn Kinh Thánh Cựu Ước và giảng theo lẽ lối như Chúa Giê-xu đã thực hành trong các nhà hội. Tuy nhiên kể từ nay, những lời giảng này được soi sáng bởi những điều Ngài dạy dỗ và sự Phục Sinh của Ngài.

## MỘT NIỀM TIN KHÁC THƯỜNG XUẤT HIỆN

Đông đảo người Do Thái gia nhập phong trào mới, tự nhiên họ như bị thu hút bởi



tính cách sáng tạo tâm linh và tinh thần nhân đạo trong đó. Họ xúc động khi nghe Phúc Âm do các Sứ Đồ giảng và họ tin chắc rằng trong Chúa Cứu Thế, sự khai thị của Đức Chúa Trời cho dân Ysraên đã vượt đến tột đỉnh. Nhưng có một số người Do Thái không muốn nhận Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a (Messiah) là Chúa vì họ sợ rằng cách dạy dỗ mới mẻ này sẽ phá đổ thay vì làm cho trọn vẹn niềm tin cũ của họ. Không bao lâu sau đó, lòng sợ hãi ấy đã dồn cả vào Ê-tiên, là một tín đồ Do Thái, giỏi tiếng Hy Lạp.

Kinh Thánh gọi ông là một người 'Chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp (Hellenist). Các Sứ Đồ đã nhận Ê-tiên để giúp rao giảng Tin Lành cho người Hy Lạp đồng hương với Ê-tiên. Vào lúc đó có lẽ Ê-tiên là người đã hiểu rõ hơn những người Cơ-Độc Giáo Do Thái ở Giê-ru-sa-lem vốn nói tiếng A-ra-ma-ich (Aramaic). Ê-tiên hiểu rằng những điều Chúa Giê-xu dạy dỗ hoặc minh bạch, hoặc hình bóng đều là những lời Ngài phán với mọi dân tộc. Lệnh Ngài là : 'Hãy đi dạy dỗ muôn dân' (có nghĩa là 'Hãy khiến muôn dân là môn đồ ta' ([Mat Mt 28:19](#)). Lệnh ấy đe dọa tính chất riêng tư của niềm tin Do Thái.

Có một số người lên tiếng cãi với Ê-tiên thì họ không thắng nổi sự thông sáng và lời lẽ hùng biện của Ê-tiên khi ông bàn cãi về Chúa Cứu Thế. Họ nổi giận, xúm vào bắt Ê-tiên và đưa ra tòa công luận. Ê-tiên tự bênh vực mình bằng những lời giải thích lịch sử xuất sắc nhưng đến khi nói họ hãy ngắm xem Chúa Giê-xu vinh hiển đứng bên hữu Đức Chúa Trời' ([Cong Cv 7:56](#)), thì những lời đó đã gây ra hỗn loạn tại phiên tòa. Những người Do Thái cho những lời Ê-tiên nói là phạm thượng, kéo Ê-tiên ra ngoài tường thành và ném đá cho đến chết.

Sau-lơ bấy giờ còn niên thiếu, trung thành với Do Thái giáo đến như cuồng tín, đứng xem trận ném đá giết Ê-tiên lấy làm đắc ý. Nhưng có thể lời cầu nguyện 'Lạy Chúa, xin đừng để tội này trên họ' của Ê-tiên để xin tha thứ cho những kẻ giết mình, đã ám ảnh Sau-lơ. Cũng có thể, theo như Thánh Augustine nhận định sau này : 'Nếu Ê-tiên không cầu nguyện lời đó, Hội Thánh đã chẳng có được Sau-lơ'. Kế đó, trên đường đi Đa mách (Damascus) Sau-lơ trở lại tin Chúa Cứu Thế và đổi tên mới là Phao-lô, ông tiếp tục công việc của Ê-tiên mở rộng ranh giới Cơ-Độc Giáo.

Người Cơ-Độc trở lại đạo đầu tiên là lời chứng minh chân lý trong câu nói của Tertullian, nhà thần học nổi danh đầu thế kỷ thứ ba : 'Huyết kẻ tử đạo là hạt giống của Hội Thánh'. Sau khi Ê-tiên chết và trong cơn bất bớ liền theo sau đó, nhiều người Cơ-Độc nói tiếng Hy Lạp trốn khỏi Giê-ru-sa-lem và khởi sự giảng Tin Lành của Chúa Cứu Thế ra các vùng Giu-đê, Sa-ma-ri, Phê-ni-xi (Phoenicia), Chíp-rơ (Cyprus) và An-ti-ốt. Lúc đầu lời giảng của họ là để kêu gọi người Do Thái trở về cùng Chúa, nhưng sau này các dân khác gốc cũng được nghe Phúc Âm của Ngài.

Theo sách Công Vụ Các Sứ Đồ, nhờ lời giảng của Phi-e-rơ mà người ngoại đạo đầu tiên tin Chúa. Sự kiện này gây ra nhiều chỉ trích mạnh mẽ của số tín đồ tại

Giê-ru-sa-lem ([Cong Cv 10:1-11:18](#)). Vào thời sơ khai Hội Thánh đã phải đối diện với một vấn đề gây chia rẽ sâu đậm. Khi những người Cơ-Đốc Do Thái hội hiệp với dân ngoại, ăn chung với họ thì câu hỏi đặt ra là những người này có là phạm luật pháp hay không? Khi một người ngoại muốn trở thành tín đồ Chúa thì trước hết có phải làm theo luật pháp Do Thái trọn vẹn chẳng?

Trong vòng 10 năm sau khi Ê-tiên tử đạo, những môn đồ được tương đối bình an ở lại Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem là thành của giao ước cũ, họ lại càng tôn kính thành ấy vì là thành Thánh, nơi mà Chúa Cứu Thế đã lập giao ước mới, nơi mà Ngài đã chết và Phục Sinh, nơi mà Thánh Linh đã được ban cho cộng đồng của những người theo Chúa. Chính giữa cơn bắt bớ dữ dội trong thời Vua Ac-rip-ba (Agrippa) đệ nhất, là cháu vua Hê-rốt (Năm 42 - 44 SC) mà Sứ Đồ Gia-cơ bị chặt đầu và Phi-e-rơ bị bắt và tống giam. Sau những biến cố tàn bạo đó, những môn đồ đầu tiên bị tản lạc, và sách Công Vụ không theo dõi vết tích của họ nữa. Thành An-ti-ốt và La Mã đều nhận Phi-e-rơ là người sáng lập. Hội Thánh Ê-phê-sô thì liên hệ nhiều đến Sứ Đồ Giăng, và Hội Thánh Mar Thoma ở An Độ tiếp tục tôn Sứ Đồ Tô-ma là người sáng lập. Tại Giê-ru-sa-lem, công việc lãnh đạo Hội Thánh được trao cho Sứ Đồ Gia-cơ, là em của Chúa Giê-xu. Vào năm 49 sau Chúa, ông tổ chức Giáo hội nghị đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem, trong đó ông đề nghị nên có một sự thỏa thuận giữa những người Cơ-Đốc gốc Do Thái và nhóm người Cơ-Đốc không phải gốc Do Thái, nhóm này tuy nhỏ nhưng đang gia tăng nhanh chóng ([Cong Cv 15:1-29](#)). Sự thỏa thuận này khiến cho những người hoạt động không còn bị bó buộc trong những đòi hỏi nghi lễ của luật pháp Do Thái, những đòi hỏi đã ngăn trở nhiều người ngoại tin nhận Cứu Chúa. Kết cục của sự thỏa thuận này là dần dần họ coi bỏ được cái ách Do Thái đè trên cộng đồng Cơ-Đốc.

Nhiều người đàn ông và đàn bà có tên hay không có tên ghi trong sách Tân Ước đã rao truyền sứ điệp của Cứu Chúa đến các người ngoại. Dĩ nhiên ông Phao-lô là người nổi danh hơn cả. Trong những chuyến du hành truyền giáo rất xa, ông luôn luôn dẫn đầu phong trào Cơ-Đốc, dù ở An-ti-ốt, nơi các tín đồ lần đầu tiên được gọi là Cơ-Đốc nhân, hay ở đảo Chip-rơ, Tiểu Á, Hy Lạp, hoặc La Mã, những người Do Thái và cả những người Cơ-Đốc Do Thái cũng chê trách ông là đã bỏ đường lối đã theo xưa nay. Nhưng vì đã được giáo dục trong vòng người Pha-ri-si, được huấn luyện làm thầy dạy luật, quen thuộc với tư tưởng Hy Lạp, được hiểu sự dạy dỗ của các Sứ Đồ và trên hết đầy lòng trung tín với Chúa, nên dù phải đối đầu với sự chống báng, ông càng hiểu sâu sắc lời dạy dỗ, cũng như ý nghĩa về Chúa Cứu Thế hơn, có lẽ hơn bất cứ ai trong hàng những người lãnh đạo ban đầu.

Phao-lô tin chắc rằng 'dân Y-sơ-ra-ên là dân đã được nhận làm con nuôi, được sự vinh hiển, lời giao ước, được ban cho luật pháp, sự thờ phượng và lời hứa, là dân sanh ra từ các tổ phụ và theo phân xác thì thuộc về dòng dõi của Chúa Cứu Thế'. ([RoRm 9:4-5](#)). Phao-lô và các nhà truyền giáo đầu tiên trước hết đã mang Tin Lành của Chúa đến các anh em của họ, thuộc dòng giống của họ. Họ thăm viếng các nhà

hội rải rác khắp nơi sau thời kỳ dân Do Thái bị lưu đày, để cố gắng thuyết phục mọi người rằng sự khải thị của Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên đã đạt cao điểm nơi Chúa Cứu Thế. Nơi nào ông không thuyết phục nổi người Do Thái, thì họ quay lại chốn nghịch và thóa mạ ông như đã xảy ra tại An-ti-ốt xứ Bi-xi-đi (Pisidia) ([Cong Cv 13:14-17](#)) lúc bấy giờ ông mới xây qua người ngoại, vì vậy sứ mạng truyền giáo của ông càng ngày càng hướng về người ngoại. Mặc dầu ông đã gây dựng nhiều Hội Thánh quanh bờ biển Địa Trung Hải, ông luôn luôn cố san bằng những dị biệt giữa những người này và những người Cơ-Đốc Do Thái tại Giê-ru-sa-lem. Có một lần ông viết thư bày tỏ 'Sự buồn phiền lớn không nguôi' khi ông thấy mình không thắng được sự cứng lòng thuộc dòng giống của chính ông, không đem được họ về niềm tin trong Đấng Christ là Đấng Mê-si-a của họ. Ông đã rất đau lòng khi viết rằng: 'Thà tôi cầu nguyện xin chính mình tôi bị rút bỏ, lìa khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phần xác' ([9:3](#)). Bản thân ông vẫn là một người Do Thái trung thành với truyền thống cũ, và đoạn sách [21:15-16](#) tường thuật cho ta rõ hành vi sau chót của ông là một người tự do làm trọn nghi lễ luật pháp Do Thái (Câu 19 và 24)

Ông đã giảng một Phúc Âm về Chúa Cứu Thế vượt trên Do Thái Giáo và luật pháp của tôn giáo này. Ông viết 'Không phải tôi sống nữa mà Đấng Christ sống trong tôi'. Ông lại thêm 'Vả anh em ai đã chịu phép Báp Têm trong Đấng Christ đều đã mặc lấy Đấng Christ vậy, tại đây không còn chia ra người Do Thái hoặc người Hy Lạp, không còn tôi mọi hoặc tự chủ, không còn đàn ông hoặc đàn bà vì trong Chúa Christ anh em thấy đều là một. Lại nếu anh em thuộc về Đấng Christ thì anh em là dòng dõi của Ap-ra-ham, tức là kẻ kế tự theo lời hứa' ([GaGl 2:20](#); [3:27-29](#))

## VIỆC VIẾT THÀNH SÁCH TÂN ƯỚC

Ngày nay người ta được biết rõ về công việc viết sách Tân Ước hơn là so với thời xưa, tuy nhiên vẫn còn nhiều điểm không chắc chắn lắm và nhiều tháng năm vẫn còn nghi vấn. Nhưng các học giả phần đông đồng ý một điều: lá thư thứ nhất của Phao-lô gửi người Tê-sa-lô-ni-ca, viết từ thành Cô-rinh-tô vào khoảng năm 50 sau Chúa là bản văn Tân Ước lâu đời nhất thuộc Tân Ước, còn giữ nguyên được bản chính. Thư đó và những thư Phao-lô viết tiếp theo sau đã khởi đầu sự hình thành sách Tân Ước. Phao-lô và những Hội Thánh nhận thư tín của ông cũng chưa ai coi những lời truyền thông ấy là kinh điển, vậy mà khi mọi người nhận biết đó là những lời phát biểu chính thức của niềm tin Cơ-Đốc thì những tài liệu ấy trở thành kinh điển, họ biết những lời đó được Đức Chúa Trời soi dẫn.

Công cuộc truyền giáo của Phao-lô giữa dân ngoại, theo lời truyền lại đã chấm dứt vào năm 64 sau Chúa là năm Phao-lô và Phi-e-rơ cũng bị tử đạo cùng với nhiều Cơ-Đốc nhân khác trong thời Nê-rô hành hại. Khi tiếng của các Sứ Đồ im bật thì những chứng nhân thế hệ sau càng ngày phải căn cứ vào những nguồn tài liệu để tìm ra các sự kiện đã làm căn bản cho Tin Lành về Đấng Christ. Trong thời kỳ này,

người ta gom góp, chép và chuyển cho nhau xem trong vòng các Hội Thánh, các thư của Phao-lô và vào năm 150 sau Chúa, khi quyển sách cuối cùng của Tân Ước được viết xong, tác giả đã minh định rằng các thư của Phao-lô quả là kinh điển ([IIPhi 2Pr 3:15-16](#)).

Thêm vào những thư nói trên, Hội Thánh cũng sưu tập những mẩu chuyện, những lời phán của Chúa Giê-xu, cùng những việc đã xảy ra trong khi Ngài sống trên đất. Người ta cũng gom góp những bản văn Cựu Ước có liên hệ đến sứ mạng của Ngài. Thế rồi những tài liệu ấy được viết ra minh bạch để các vị truyền giáo và giáo sư có thể dùng làm căn bản niềm tin. từ những bản văn như thế và từ ký ức những người đã được chính tai nghe lời các Sứ Đồ giảng dạy, chúng ta được biết là sách Phúc Âm Mác đã hoàn thành vào khoảng các năm 65 đến 75. Sau đó một thời gian ngắn hai tác giả khác đã duyệt lại sách Mác thêm vào một số tài liệu riêng họ đã tìm ra và trình bày một cách thích đáng cho những thánh giả đặc biệt của họ.

Các sách Phúc Âm Ma-thi-ơ và Lu-ca cũng được viết ra cách tương tự. Rồi có lẽ gần cuối thế kỷ thứ nhất, ông Giăng, một nhà truyền giảng thứ tư, đứng trên một quan điểm độc lập, trích rất ít tài liệu từ ba sách Phúc âm kể trên, viết ra sách Phúc Âm Giăng, theo sự hướng dẫn của Thánh Linh. Cả bốn sách Phúc Âm nói trên và sách Công Vụ không viết bằng ngôn ngữ A-ra-ma-ích như người ta trông chờ, vì tiếng A-ra-ma-ích là ngôn ngữ mà Chúa và các môn đồ Ngài sử dụng, nhưng lại viết bằng tiếng Hy Lạp, là ngôn ngữ thông dụng khắp đế quốc La Mã trong 2 thế kỷ đầu tiên. Chắc chắn là các tác giả đã dịch một số tài liệu từ A-ra-ma-ích ra. Quả vậy, một vài tiếng A-ra-ma-ích còn sót lại trong các sách Phúc Âm. Nhưng ngày nay cũng có một số học giả tin rằng các sách Phúc Âm đầu tiên được viết bằng tiếng A-ra-ma-ích. Nhưng chúng ta biết là các sách Phúc Âm, sách Công Vụ, và các thư của Phao-lô được viết cho Hội Thánh dân ngoại, nói tiếng Hy Lạp, mục đích là để trình bày Chúa Christ cho người sống trong thế giới La Hy (La Mã, Hy Lạp)

## CƠ-ĐỐC GIÁO DO THÁI

Trong khi Cơ-Đốc Giáo phát triển trong vòng dân ngoại và cho ra những tài liệu căn bản, thì nhóm Cơ-Đốc Do Thái đem sứ mạng của Chúa Giê-xu đến với dân họ là dân Y-sơ-ra-ên. Trong khoảng 20 năm, Sứ Đồ Gia-cơ, em Chúa Giê-xu, chủ tọa Hội Thánh gốc tại Giê-ru-sa-lem là một nhánh riêng thuộc Do Thái Giáo. Trong khoảng thời gian có nhiều bạo động tôn giáo vì lòng cuồng tín nổ ra trước chiến tranh Do Thái - La Mã, cộng đồng Cơ-Đốc phải lánh nạn qua sông Giô-đanh, tại thành Pella của dân ngoại, một thành phố trong vùng Đê-ca-bô-lơ (Decapolis), nơi đây những tín đồ đã tránh được nạn tàn phá Giê-ru-sa-lem bởi tay người La Mã vào năm 70.

Sau cơn tàn phá, những tín đồ Do Thái trở lại thành Thánh, và họ chọn Si-mê-ôn là cháu Sứ Đồ Gia-cơ lên làm lãnh đạo Hội Thánh, vì dường như chức vụ này được biệt riêng cho dòng dõi gia đình Chúa Giê-xu. Vào thế kỷ thứ tư, có sứ giả

Eusebius chuyên viết về các Hội Thánh đã viết: 'Những người được xưng là anh em... quản trị toàn thể Hội Thánh vì họ là những người tử đạo và bà con với Chúa Christ'

Mười lăm Giám Mục tiếp nối nhau là những người dân Do Thái hành đạo, và lãnh đạo khối Cơ-Đốc Do Thái tranh đấu tại Palestine cho đến năm 135. Sau đó khối Cơ-Đốc này càng ngày càng bớt người đi, kém tài chánh nên không thu hút được những người lãnh đạo đủ khả năng, kết cuộc là Hội Thánh Palestine xưa kia mạnh mẽ thế nào, nay không còn sánh được với Hội Thánh dân ngoại ngày càng thêm sinh lực. Năm 132 người Do Thái nổi lên chống lại kẻ cầm quyền La mã. Họ rêu rao rằng người lãnh đạo cuồng tín của họ Simon Bar Kosiba, là Đấng Mê-si-a đến để cứu Y-sơ-ra-ên. Hội Thánh gốc từ thời các Sứ Đồ không thể chấp nhận lời rêu rao ấy, bèn dứt liên hệ với Do Thái giáo và tàn lụi đi. Bởi vậy, sau thế kỷ mà Phao-lô và các người khác đổ bao công khó để thuyết phục dân Do Thái rằng Đấng Christ là sự trọn đầy của những lời hứa từ Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên, thì Do Thái Giáo và Cơ-Đốc Giáo hoàn toàn phân rẽ.

Bar Kosiba nổi loạn bị thua thiệt nặng nề trên đồng đò nát của Giê-ru-sa-lem, người La mã xây dựng lại một thành phố thuộc địa đặt tên là Aelia Capitolina. Dưới Giê-ru-sa-lem ngày nay ta còn tìm thấy vết tích địa đồ thành phố xưa. Thành phố này có rạp hát, có nơi làm trò xiếc hoặc những trụ cột lớn, có những bờ tắm hơi, có các công vào, các cửa lớn, các tượng thần Jupiter và Hoàng Đế Hadrian nơi đền cũ được xây. Các người Do Thái và Cơ-Đốc nhân gốc Do Thái không được vào thành phố nói trên, tuy nhiên có những tín đồ gốc dân ngoại được vào đó và thành lập một cộng đồng Cơ-Đốc mới, cộng đồng đó được các Giám Mục dân ngoại hướng dẫn.

Đầu thế kỷ thứ 3, những tín đồ dân ngoại tại thành phố Aelia có dịp đón rước một đoàn hành hương, đoàn người này sống theo một đức tin mới. Theo Giám Mục Melito ở Sardis, họ đến để thấy tận mắt 'nơi mà Phúc Âm được truyền rao và lịch sử Cơ-Đốc bắt đầu diễn tiến'. Cũng tại đây, Giám Mục Alexander Flavian lập nên một thư viện vào năm 212 có những tài liệu vô giá về lịch sử Hội Thánh ban đầu cho những học giả như Origen, Eusebius, và Jerome.

(Năm 100 đến 300)

## TÌNH TRẠNG THẾ GIỚI KHI CƠ-ĐỐC GIÁO XUẤT HIỆN

Bấy giờ Đế quốc La Mã có uy quyền nhất. Với quân lực mạnh và chính trị xảo quyệt. Đế quốc La Mã tuy gọi là hợp nhất nhiều dân tộc khác nhau, nhưng vẫn phải chấp nhận tình trạng không thuần nhất trong các dân tộc khác nhau nên đã nói rộng cho họ một phạm vi đáng kể để họ thực hiện những phong tục ngôn ngữ, tôn giáo của riêng họ, Dầu vậy, luật La Mã áp dụng cho toàn đế quốc vì thế nên Phao-lô là người gốc Do Thái có quốc tịch La Mã vẫn có quyền chống án tại tòa án cấp tỉnh ở Xê-xa-rê lên tòa thượng thẩm tại La Mã. Tàu bè di chuyển trong biển Địa Trung

Hải có những đường riêng được bảo vệ, hệ thống đường bộ cũng rất tốt giúp cho sự giao thông trong toàn đế quốc. Khởi đầu những đường này chỉ có mục đích quân sự và kinh tế để di chuyển quân đội và trao đổi hàng hóa, nhưng sau đã đem lại ích lợi nhiều trong việc truyền bá Cơ-Đốc Giáo.

Đến khi Cơ-Đốc Giáo tiến tới các thành phố chính trong vùng Địa Trung Hải, thì những thần La Mã vẫn tôn thờ từ trước, không còn mấy người theo và đế quốc này thiếu một trung tâm tôn giáo. Để đáp ứng nhu cầu tâm linh, người La Mã hướng về niềm tin khác nhau trong số đó có cả những huyền giáo của Hy Lạp lẫn Đông phương. Rất nhiều người cứ hướng thờ những nữ thần thiên nhiên như nữ thần Đại mẫu (Cybele) ở Tiểu Á, Nữ thần Isis, thần của sung túc và ảo thuật. Nhiều người La mã muốn sống theo những tiêu chuẩn đạo đức cao thì thờ thần Mithras của Ba Tư, thần của sự thông sáng. Đây là một tôn giáo mà quân sĩ ưa theo, vì thế mà có sự ganh đua với Cơ-Đốc Giáo; còn Do Thái Giáo, tuy không được phổ biến như những loại huyền giáo nói trên, nhưng cũng lôi cuốn được một số người ngoại như đã chép trong Tân Ước, là vì tôn giáo này nêu cao một Thượng Đế thánh khiết và nếp sống đạo đức. Tuy nhiên trước kia các tiên tri đã rao truyền một sự cứu chuộc ban cho toàn thế giới. ([EsIs 45:22-23](#))

Do Thái giáo căn bản vẫn là tôn giáo của một dân riêng biệt nên không thu hút được nhiều người La mã. Cơ-Đốc Giáo kết hợp được những gì tốt nhất trong các tôn giáo đương thời, tôn giáo này vừa đạo đức vừa huyền bí. Nó chống lại mọi điều ác phá hoại cuộc đời mọi người đàn ông và đàn bà, và làm thỏa lòng họ khi nó giúp họ tìm ra lẽ sống. Niềm tin Cơ-Đốc tập trung vào một Đức Chúa Trời thánh khiết, vì Cha của tất cả mọi người, Con Ngài là Đức Chúa Giê-xu Christ bảo đảm cho tình thương của Cha chung. Tôn giáo này dạy rằng những ai sống ngay thẳng và có đức tin đều có thể thông công với Đức Chúa Trời qua Đức Giê-xu Christ. Ông Augustine là vĩ nhân lãnh đạo Hội Thánh ở Bắc Phi sau này có viết: 'Cơ-Đốc Giáo giúp cho những người thường có thể sống theo một quy luật đạo đức mà trước kia chỉ có một vài triết gia theo nổi'.

Sự thắng lợi của Hội Thánh vẫn còn là mộng xa vời vào thế kỷ thứ hai và thứ ba, vì những khó khăn và hiểm nghèo quá lớn đe dọa Hội Thánh. Vừa ra thoát khỏi những bó buộc chính trị và tôn giáo của Do Thái Giáo vào thế kỷ thứ nhất, lại bị các huyền giáo ganh đua và chính quyền bắt bớ, ngay trong lòng Cơ-Đốc Giáo lại có những tà giáo nổi lên. Cơ-Đốc Giáo chân chính phải tranh đấu để tồn tại, bằng cách thực hiện trách nhiệm định nghĩa niềm tin, thẳng hơn nhưng phải ganh đua và cầm cự được sự bắt bớ mà không nao sòn. Ngoài ra lại còn phải thuyết phục hoán cải những dân man rợ luôn luôn muốn xâm lấn đế quốc, đồng thời phải gây dựng một tổ chức khả dĩ tồn tại dù Đế Quốc sẽ tan rã và nền văn minh La Mã sẽ sụp đổ. Để đương đầu với mọi thách thức nói trên, Hội Thánh đã chiêu tập và trường dưỡng những bộ óc sáng tạo nhất thời đó và duy trì được những tài khéo cũng như nền trí thức của La mã, Hy Lạp và Ai Cập. Đầu thời Trung Cổ, qua bao chìm nổi,

Cơ-Độc Giáo đã thiết lập được một sự hợp nhất mới tại Tây Âu, tập trung vào một hội tự nguyện duy nhất trên thế giới, bao gồm hết được mọi phương tiện của con người và cuộc sống. Kết cuộc là từ Hội Thánh đã xuất hiện ra được một nền văn minh mới.

## NHỮNG DỤNG ĐỘ BAN ĐẦU VỚI TÀ GIÁO

Vì Cơ-Độc Giáo có sinh lực, lại được người ta ưa thích càng ngày càng đông, nên đã thu hút một số lớn những người Cơ-Độc 'giả hiệu'. Sách Công Vụ có nói đến một đám nhỏ nhăng, ngay thời kỳ mới mẻ đó, đã có mưu đồ lợi dụng niềm tin mới như vợ chồng A-na-nia và Sa-phi-ra, thuật sĩ Si-môn (sau này có từ ngữ 'Simony' nghĩa là nghề phù phép nhằm nhĩ), Ê-ly-ma, một thuật sĩ khác ở đảo Chip-rơ ; các thầy bói tại Phi-líp, rồi đến các con trai của Sê-va đi rong làm nghề đuổi quỷ. Những người bạn giả của Cơ-Độc Giáo này dễ nhận ra nên không gây tai hại bao nhiêu. Những phái tà giáo bóp méo Phúc Âm theo những ý riêng lạ lùng của họ còn tai hại hơn. Vì cộng đồng Cơ-Độc đón tiếp bất cứ ai đến, cung hiến tự do cho những ai đã gia nhập, gây nên bầu không khí thích hợp cho những tư tưởng và giáo thuyết khác nhau. Những tư tưởng và giáo thuyết này làm sinh động Hội Thánh, và giúp mọi người hiểu Phúc âm sâu sắc hơn. Tuy nhiên một số lý thuyết quá cực đoan đã gây ra nhiều vụ tranh cãi có thể làm thiệt hại cho niềm tin Cơ-Độc. Tân Ước có 5 thư tín viết trong khoảng những năm từ 80 đến 150 (Hê-bơ-rơ, I và II Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giu-đe) đã phản ảnh những cuộc tranh cãi nói trên.

Trong những năm ấy, Hội Thánh cần những lời dạy dỗ chính xác, nên tìm đến các thư của Phao-lô mà họ thâu góp được, và các sách Tin Lành vừa viết xong, để họ học thẳng từ nguồn gốc tức là những nhân chứng hàng đầu và hàng nhì và để biết chắc về những gì họ đã được nghe kể lại ([LuLc 1:14](#)).

Hồi đó, Hội Thánh sử dụng một sách mới sắp xếp lại gọi là 'codex'. Sách này giúp họ có ngay những tài liệu thuận tiện, dễ đọc, để phá đổ phía tà giáo, dạy dỗ trung tín và thu hút người chưa tin. Thời ấy, sách Codex chẳng khác gì sự sáng chế ra truyền thanh và truyền hình của thế kỷ 20. Codex là sách viết trên giấy bằng ruột loại lau sậy Papyrus, cũng có trang như những sách ngày nay. Nó không công kênh như những cuộn giấy người ta dùng lúc ban đầu, nên đạt được tác dụng phổ biến tốt hơn. Hội thánh được coi như là đã đi tiên phong trong cách sử dụng lối truyền thông mới này, bởi vì rất nhiều sách codex tìm thấy, sót lại từ thế kỷ thứ 2, thứ 3, đều có lời văn Cơ-Độc.

Từ lúc được Phao-lô tìm cách tách ra khỏi luật pháp Do Thái, Cơ-Độc Giáo phải đối đầu với một phái gọi là Trí Thức Giáo (Gnosticism). Phái này đe dọa nặng nề nhất. Thư Cô-lô-se và thư I Giăng có nói đến hình thái ban đầu của phái ấy. Trí Thức Giáo là một phong trào có tính cách huyền bí bao gồm triết học Hy Lạp, các đạo giáo Đông phương, những dạy dỗ có tính cách mặc khải trong đạo Do Thái lẫn với tin tưởng Cơ-Độc, tất cả các thứ nói trên nhào trộn thành một mớ 'trí thức' kín

giấu hứa hẹn sự cứu rỗi cho những ai được 'khai tâm' tức là được soi sáng tâm linh. Những người theo phái trí thức không nhận Đức Chúa Trời sáng tạo vì họ coi vật chất xấu xa và không hy vọng tìm được hạnh phúc ở thế gian này. Hơn nữa họ cũng không nhận rằng Đấng Christ là một người thực sự đã sống, đã chịu cực hình và đã chết trên cây thập tự như là một người thường. Họ giảng rằng Đấng Christ quả thật là một biểu hiện tâm linh, một thần đã xuất hiện trong hình dáng một người. Giáo lý này hoàn toàn trái ngược với lời chứng của các Sứ Đồ, nói rằng 'Đấng Christ đã được thể hiện ra trong xác thịt' ([ITi1Tm 3:16](#)).

Phái 'Trí Thức Giáo' có lúc gần như lấn áp Cơ-Độc Giáo vì những người thông minh nhất và giáo sĩ tận tâm nhất trong Hội Thánh đã từng bị lôi cuốn theo phong trào được nhiều kẻ ưa thích này và họ đã viết nhiều về lý thuyết của họ, người ta tìm được 64 tài liệu của phái này viết ra tại vùng Nag-Hamadi, thuộc Ai Cập vào năm 1946. Đó là những bản còn sót, hẳn còn nhiều bản khác đã thất lạc. Có ba bản cùng lấy tên là sách Phúc Âm theo Tô-ma (Thomas), sách Phúc Âm theo Phi-líp, và sách Phúc Âm của chân lý. Tất cả đều viết bằng ngôn ngữ Coptic, là tên một giống dân ở Ai cập, có ghi nhiều câu nói của Chúa Giê-xu, phần lớn đã chép trong bốn sách Phúc Âm chính thức. Dầu vậy, cũng có những câu chúng ta không được biết đến và có thể kể như đáng được biết trong di sản Cơ-Độc Giáo.

Một người đã bênh vực Hội Thánh chống lại phái trí thức giáo, đó là ông Irenaeus, sinh tại Tiểu Á, có tinh thần tin kính sâu đậm. Ông là đồ đệ của Polycarp ở Si-miêc-nơ (Smyrna), sau làm Giám mục tại Lyons, một thành phố phía Nam nước Pháp (Gaul) và được gọi là một trong những giáo phụ đầu tiên của Hội Thánh.

Quyển sách quan trọng nhất ông viết ra vào năm 185 là quyển Chống Lại Các Tà Giáo trong đó ông nêu lên những điểm tỏ ra rằng giáo thuyết của 'Trí Thức Giáo' đặt nền móng hoàn toàn trái ngược với niềm tin Cơ-Độc từ đầu.

Vào thế kỷ thứ 2, những cộng đồng Cơ-Độc đẩy những phần tử theo 'Trí Thức Giáo' ra ngoài hàng ngũ. Qua kinh nghiệm này Hội Thánh bắt đầu viết rõ ra lẽ lối tin như thế nào là đúng, thành những câu hỏi mà những người muốn chịu phép Báp Têm phải trả lời. Niềm tin ban đầu chỉ tóm tắt trong câu xác nhận 'Giê-xu là Chúa' ([ICo1Cr 12:3](#)) nhưng đến thế kỷ thứ ba, hội thánh tại La mã hỏi những người muốn chịu phép Báp Têm những câu hỏi dưới đây :

'Người có tin vào Đức Chúa Trời, Cha toàn năng không? Người có tin vào Chúa Giê-xu Christ Con của Đức Chúa Trời, sinh bởi Thánh Linh và Nữ Trinh Ma-ri, bị Bôn-xơ Phi-lát (Pontius Pilate) đóng đinh, đã chết và sống lại từ kẻ chết ngày thứ ba, đã lên trời, và ngồi bên hữu Đức Chúa Cha, và sẽ trở lại để đoán xét kẻ sống và kẻ chết không? Người có tin Thánh Linh Hội Thánh và sự sống lại của thể xác không?'

Sau đó người ta thêm một vài chi tiết khác để ngăn ngừa các tà giáo xâm nhập, và những câu hỏi trên đổi thành những lời xác nhận, và nay chúng ta có đoạn văn thường đọc được gọi là Bài Tín Điều Các Sứ Đồ.



## KINH THÁNH CƠ-ĐỐC XUẤT HIỆN

Ngay từ đầu, Hội Thánh tôn trọng bản Septuagint là bản sách Cựu Ước viết bằng tiếng Hy Lạp và coi đó là Kinh Thánh. Các Sứ Đồ, giáo sĩ luôn luôn trích dẫn trong đó và đọc từng đoạn trong giờ thờ phượng. Không lâu sau đó người ta đọc những bản văn Cơ-Đốc đầu tiên, kể cả những thư tín của Phaolô ([II Phi 2Pr 3:15-16](#)) và các sách Phúc Âm, thêm vào bản văn Suetuagint. Ông Justin Martyr, viết sách Biện luận (Apogoy) tại La Mã vào năm 150, bắt đầu trích đọc sách Tin Lành, sau đó trích đọc Cựu Ước như sau :

'Những ký sự của các Sứ Đồ (sách Tin Lành) hoặc những bản văn của các tiên tri được đọc lên khi có đủ thì giờ. Khi người đọc xong, người hướng dẫn khiển trách và khuyến khích chúng tôi nên làm theo những gương mẫu tốt lành đó. Sau đó chúng tôi đứng cả lên và cùng cầu nguyện, khi cầu nguyện xong chúng tôi dự phần ăn bánh và uống rượu hoặc nước.

Marcion một chủ tàu giàu có ở tỉnh Bông (Pontus ) bên bờ Bắc Hải, là con một Giám Mục Cơ-Đốc. Ông đến La Mã vào năm 140 để tìm người ủng hộ đề nghị của ông về việc chấp nhận một sách giao ước 'mới'. Sau khi dâng hiến một số tiền lớn cho công việc bố thí của Hội Thánh, ông đứng lên trình bày những ý kiến của ông. Vì chịu ảnh hưởng của phái Trí Thức Giáo, nên ông tin rằng Đức Chúa Trời của Cựu Ước là đại diện cho sự ác và muốn hồi phục Tin Lành của Đấng Christ để trở về với tính cách thuần túy ban đầu thì cần phải dứt niềm tin này ra khỏi bối cảnh Do Thái của nó. Ông đề nghị phải bãi bỏ cả bộ sách Septuagint (Cựu Ước viết bằng tiếng Hy Lạp) và công nhận một bản thuyết trình do ông viết ra, cộng thêm một số tài liệu trích từ sách Tin Lành Lu-ca đã kiểm lại nghiêm ngặt, cùng với những thư tín của Phaolô, lấy đó làm sách giao ước 'mới'. Dù Marcion có một số đông người ủng hộ, nhưng Hội Thánh La Mã vẫn bác bỏ những tư tưởng 'trí thức' của ông, coi đó là tà đạo, trả lại tiền ông dâng hiến, và mời ông ra khỏi Hội Thánh (dứt phép thông công).

Marcion không nản lòng, ông về sáng lập một nhóm 'Trí thức' mới người ta gọi là nhóm Marcionite. Nhóm này khá mạnh, nên tồn tại đến tận thế kỷ thứ 5. Vì không công nhận Chúa Giê-xu là một người như mọi người, Marcion và nhóm người theo ông đã loại trừ sự hiển nhiên của những việc chép trong các sách Tin Lành và sự dạy căn bản của Hội Thánh. Vì loại bỏ Cựu Ước, họ cũng loại bỏ luôn cả niềm tin trong Chúa Christ của Hội Thánh, không kể đó là sự thể hiện đầy trọn của kinh điển và cao điểm trong sự khai thị của Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên .

Để đối phó với sự tấn công hai mặt của phe 'trí thức' Hội Thánh xác định lại Kinh Thánh là nền móng của niềm tin, định rõ tin những điều nào, và loại trừ những sách cổ động cho lý thuyết lạ. Công tác chống trả thực tế nhất là danh sách những sách nào bày tỏ niềm tin các chân thực nhất.

Còn một số sách Phúc Âm khác có nhiều điểm còn phải hoài nghi (Apocryphal)

được viết ra từ năm 170. Hồi đó ông Tatian là một Cơ-Đốc nhân người Syria, sưu tầm viết một sách Tin Lành để dùng trong công việc rao truyền danh Chúa trong vùng Đông Bắc Syria thuộc Vương quốc Edessa. Ông trích và chắp nối những đoạn lấy từ 4 sách Tin Lành chính thức ra làm thành một câu chuyện liên tiếp về đời sống Chúa Giê-xu. Người ta đặt tên sách này là Diatessaron, nghĩa là '4 tin lành làm một' nhưng cũng có tên chế riễu là 'Tin Lành keo kéo' (kéo cắt, keo dán). Có lẽ lúc đầu sách dùng bằng tiếng Syria, sau đó người cũng dịch ra thành tiếng Hy Lạp. Sự kiện ông Tatian đã loại bỏ những sách Phúc âm có điểm hoài nghi mà chỉ dùng 4 sách Phúc âm sau này được công nhận là chính thức để tra cứu, chứng minh rằng trước đầu thế kỷ thứ ba bốn sách Phúc âm nói trên đã có giá trị nổi bật và được kể là đáng tin cậy, có uy tín nhất. May thay, không mấy người theo phương pháp của Tatian để hòa hợp 4 sách Tin Lành. Vì vậy mỗi sách vẫn giữ được sắc thái riêng biệt duy nhất không bị mất nét đặc thù như số phận những tài liệu ban đầu mà những nhà sưu tầm Cựu Ước đã ghi chép lại biết bao nhiêu lần, từ Sáng Thế Ký cho đến Phục Truyền.

Có một bản văn chép tay bằng chữ La Tinh, gọi là Muratorian Fragment, người ta cho rằng bản văn này xuất xứ từ Hội Thánh La Mã vào năm 200. Bản văn này công nhận tất cả các sách trong Tân Ước hiện tại là Kinh Thánh, ngoại trừ mấy thư Hê-bơ-rơ, thư Gia-cơ, thư I Phi-e-rơ và II Phi-e-rơ, và III Giăng, còn có sự tranh cãi về uy tín của những thư nói trên.

Bản văn Muratorian Fragment cũng chỉ công nhận thêm hai sách (sau này cũng sẽ bị kể là có điểm hoài nghi) Sự Sáng láng của Sa-lô-môn và Khải huyền của Phierơ. Dầu vậy về quyển thứ hai, tài liệu cũng có ghi lại sự không tin quyết thời đó như sau: 'Một vài Giám Mục không đồng ý cho đọc giữa Hội Thánh'

Cuối cùng, tính chất thuộc linh và giá trị vượt thời gian của những tài liệu đưa ra bởi ảnh hưởng cá nhân của các Sứ Đồ và những người theo họ ban đầu, càng tỏ rõ là những sách này được tôn kính như Kinh Thánh. Danh sách cổ nhất liệt kê 27 sách gồm thành Tân Ước được ghi lại trong bức thư do ông Athanasius, Trưởng lão tại Alexandria viết và năm 367 trong dịp Lễ Phục Sinh, gửi cho tất cả các vị lãnh đạo các Hội Thánh nhỏ trong giáo phận ông quản trị.

## HỘI THÁNH SAU CƠN BẤT BỐ

Trong thế kỷ thứ nhất, tuy còn ít người biết và yếu đuối, lâu lâu cũng có các sự bất bố do những chống nghịch địa phương, nhưng Hội Thánh cứ được phát triển trong yên lặng. Như chúng ta đã biết, nào là một đám đông Do Thái đã ném đá Ê-tiên, Sau-lơ làm khó cho những môn đồ của Chúa. Vua Ac-ríp-ba (Agrippa) chém đầu Sứ Đồ Gia-cơ, bắt giam Phi-e-rơ và Phao-lô cũng thường bị tầm nã và giam cầm. Hoàng Đế Nero giết nhiều người Cơ-Đốc La mã, có lẽ kể cả Phi-e-rơ và Phao-lô, việc đó không hẳn là chính sách của đế quốc, mà chỉ là một âm mưu đồ lỗi cho họ đã gây ra cơn hỏa hoạn khốc liệt của thành La Mã khiến cho các Sứ Đồ và tín hữu

biến thành kẻ 'đưa đầu chịu báng'.

Tuy nhiên vào cuối thế kỷ 'vấn đề Cơ-Đốc' cũng làm chính quyền La Mã đau đầu. Như đã chép trong Tân Ước vào năm 81 - 96 (15 năm), Hoàng Đế Domitian chính thức ra lệnh ruồng bắt tín đồ Cơ-Đốc và Hội Thánh gồng mình cầm cự ([IPhi 1Pr 4:12-17](#) và [KhKh 2:10](#)). Một trong những nạn nhân của cuộc bắt bớ là tác giả Khải-huyền, bị đẩy khỏi sai ở đảo Bát Mô (Patmos) ngoài bờ biển Tiểu Á ([1:9](#)). Một nạn nhân khác là Khâm Sai Flavius Clements anh em họ của Hoàng Đế, năm 95 ông này bị xử tử có lẽ vì ông tin Chúa. Vợ ông tên là Flavia Domitilla bị đẩy. Tín hữu của Hội Thánh La Mã trốn tránh trong những hầm mộ dưới đất. Một trong những hầm mộ rất xưa ấy mang tên của Domitilla. Đến thời Hoàng Đế Trojan lên ngôi trị vì (98-117) mặc dầu có những sự bắt bớ trước đó, nhiều người tài giỏi, tên tuổi đã tin theo niềm tin mới, vì thế Cơ-Đốc Giáo trở thành một lực lượng đáng kể. Chính sách La Mã rộng rãi với các đạo giáo nhưng không áp dụng cho người Cơ-Đốc là vì họ không chịu theo quốc giáo và những thần của La Mã, họ lại từ chối không chịu đốt hương thờ cúng Hoàng đế như thần đang tôn thờ. Chính quyền kết án họ là vô thần, loạn phản và tuyên bố đạo của họ là bất hợp pháp. Người nào bị buộc tội là tin Chúa, có thể bị chém đầu, muốn khỏi tội chỉ cần từ chối Chúa Christ và thờ phượng các thần La Mã. Tuy chính quyền không theo dõi riêng từng cá nhân để đem ra xử án, nhưng quả thật các tín đồ đã phải sống trong bầu không khí thường xuyên bị đe dọa. Trước những đám đông cuồng nộ, nhiều người đã phải từ chối niềm tin, nhưng cũng có những người chọn tử đạo để làm chứng lần chót về đức tin của họ trong Chúa Giê-xu Christ.

Một trong những người này là Ignatius, Giám mục thành An-ti-ốt (Antioch). Năm 110 ông bị giải đến La mã như một tử tội. Nghĩ đến ngày sắp chịu hành hình tại công đường, ông viết : 'Tôi muốn hết thấy ai nấy đều biết rằng tôi tự ý chịu chết cho Đức Chúa Trời. Tôi là hạt lúa của Đức Chúa Trời. Lũ thú rừng đã xay tôi để tôi được thành bột bánh tinh khiết cho Đấng Christ. Có thể Ignatius đã là một môn đệ thân cận của Sứ Đồ Giăng. Ông chống lại phe 'Trí Thức Luận' duy trì sự hợp nhất trong Hội Thánh, và ông là người đầu tiên nói Hội Thánh là 'chung ' nghĩa là 'phổ thông' 'Hội Thánh' không có tính cách 'riêng của ai ' hay 'riêng nơi nào'

Một vị tử đạo nổi tiếng khác là Polycarp, bạn của Ignatius và làm Giám Mục tại Si-miêc-nơ (Smyrna) thuộc Tiểu A. Năm 156 ông đã cao tuổi, đi truyền giáo tại La mã trở về Smyrna thấy Hội Thánh nhà đang bối rối vì có những kẻ chống báng nổi lên, lại thêm đám đông bên ngoài hò la : ' Tổng khừ bọn vô thần này đi'. Rồi họ lại kêu : "Hãy bắt lấy tên Polycarp!". Chính quyền Smyrna khuyên vị giám mục già hãy từ chối đức tin mình đi, nhưng Polycarp trả lời : 'Tôi đã hầu việc Ngài 86 năm, Ngài không làm gì thiệt thòi cho tôi. Làm sao tôi có thể nói điều gì xấu về Vua tôi là Đấng Cứu tôi ? ' Thế là dân chúng xô Polycarp chết thiêu trên đống gỗ, đầy đủ phẩm giá và lòng can đảm. Có lẽ ông là người cuối cùng còn lại trong số những người đã được tiếp xúc với những người đã đối diện với Chúa Giê-xu dưới thời

Hoàng Đế Marcus Aurelius (161 - 180), vị Hoàng Đế này có thể đã là một người nhân từ và hiểu biết, nhưng dưới triều ông Hội Thánh lại càng bị truy nã nhiều thêm quá đỗi. Nguyên do chỉ vì Hoàng Đế ấy tin rằng chính đạo Cơ-Đốc đã gây nên nhiều rối loạn làm lung lay ngài vàng của ông. Thời ấy, trưởng Hội Thánh là Justin, có danh hiệu là 'người tử đạo' cũng bị xử tử tại La mã cùng với một số môn đồ khác.

Sau Marcus Aurelius thì đế quốc suy sụp rõ ràng. Số dân giảm xuống, thương mại thu hẹp, thuế má gia tăng. Chính quyền bất lực, việc trấn giữ biên thùy không được như trước. Tuy có mộ quân ngoài vào hàng ngũ thật nhiều, nhưng quân lực La Mã không còn hùng mạnh như xưa. Rồi ông ta đổ tội đó cho người Cơ-Đốc; số người của họ tăng và họ từ chối không chịu thờ các thần xưa nên các thần nổi giận làm cho La Mã khôn khổ. Bởi thế, Cơ-Đốc Giáo vẫn bị chính quyền coi là bất hợp pháp. Nhưng trên thực tế Hội Thánh không bị quấy nhiễu luôn luôn, do đó Hội Thánh cũng đã hưởng một thế kỷ gọi là được dung túng và số tín hữu và lực lượng của họ tiếp tục gia tăng.

Đến thời Hoàng Đế Decius (249 - 251) ông ra lệnh rất nghiêm ngặt thẳng tay đối với tất cả những Cơ-Đốc nhân nào không chịu dâng lễ cho Hoàng Đế. Chính sách rất tàn bạo này thi hành luôn trong 10 năm. Trong thời gian này, một học giả nghiên cứu Kinh Thánh, cũng là một trong những vĩ nhân Hy Lạp về thần học là Origen cũng bị tra tấn mà chết.

Dưới thời Hoàng Đế Diocletian (284 - 305) cuộc bắt bớ cuối cùng lại càng bội phần kinh khủng. Để thiết lập lại trật tự trong Đế Quốc rối loạn, Diocletian ban hành 4 sắc lệnh chống Cơ-Đốc Giáo. Họ bị cấm nhóm họp. Các nhà thờ bị phá hại, Kinh Thánh bị đem đốt, các người lãnh đạo Hội Thánh bị tra tấn và xử tử. Những người Cơ-Đốc Giáo trung tín bị lưu đày, tài sản bị tịch thu. Tất cả mọi người Cơ-Đốc bắt buộc phải tế thần và dâng lễ cho Hoàng Đế cũng như cúng thần. Từ thuở đầu, những người Cơ-Đốc vẫn vâng theo luật pháp. Và cứ theo sách [ITi1Tm 2:1-2](#), họ thường xuyên cầu nguyện cho Hoàng Đế và tất cả những bậc cầm quyền, nhưng họ nhất mực không chịu cầu nguyện xin Hoàng Đế. Khi bị thử thách một số đã từ chối niềm tin, nhưng trong thời gian bị bắt bớ danh sách các người tử đạo vẫn mỗi ngày mỗi dài thêm. Chiến dịch khủng bố lan rộng toàn Đế Quốc. Người ta kể lại có một lính La Mã tên là Alban người tử đạo đầu tiên tại Anh Quốc bị xử tử tại Verulamium gần Luân Đôn vì ông ta đã giúp cho một người hầu việc Chúa ẩn trú. Cuối cùng chính sách của Hoàng Đế Diocletian cũng thất bại, qua cơ hành hại, khôn khéo, Hội Thánh vẫn vươn mình lên trong thắng lợi, vì được dứ đẩy bởi lòng can đảm và trung tín của những người chịu tử đạo, và càng ngày càng vững mạnh vì niềm tin sống động trong Chúa Cứu Thế.

## NHỮNG GIÁO PHỤ CỦA HỘI THÁNH

Đang lúc Hội Thánh chống cự với các tà giáo, và tìm cách đứng vững trước cơn

bất bớ, Hội Thánh đã đào tạo ra một số người thánh thiện viết sách. Những sách này làm thành nền văn chương Cơ-Đốc trong những thế kỷ sau thời kỳ các Sứ Đồ. Những Giám Mục, thần học gia, giáo sư, các học giả này có trí thức cao, phán đoán giỏi lại thông thuộc kinh điển. Họ được gọi là những Giáo Phụ của Hội Thánh và sự dạy dỗ của họ được coi là có uy tín về đức tin cũng như về đời sống thực tế. Sách của họ cho chúng ta biết nhiều điều vô giá về truyền thống và niềm tin Cơ-Đốc, về lịch sử Hội Thánh và về truyền thống và niềm tin Cơ-Đốc, về lịch sử Hội Thánh và sự hình thành Tân Ước. Sách của họ trích nhiều từ các bản Tân Ước đầu tiên cho nên giúp rất nhiều cho các học giả sau này trong việc nghiên cứu bản văn Tân Ước. Những sách của họ viết có thể đến hàng chục cuốn.

Những Giáo Phụ Hội Thánh được gọi là những "Giáo Phụ sau thời Sứ Đồ" thì đúng hơn, là vì họ đã quen biết hoặc gặp gỡ chính các Sứ Đồ hay là các môn đệ gần cận của các Sứ Đồ. Có những văn bản của các Giáo Phụ nói trên viết đồng thời với những sách hiện nay dùng trong Tân Ước. Tân Ước có lúc gồm cả "thư của Barnabas" 'Đấng Chấn Chiên của Hermas' thư 'I Clement và II Clement'. Hai tài liệu thứ nhất tìm thấy trong sách Codex Sinaiticus. Hai tài liệu sau tìm thấy trong sách Codex Alexandrinus, vào thế kỷ thứ năm. Phần đông các Giáo Phụ không phải là những người giỏi văn chương. Cũng như Phao-lô, họ viết để đáp ứng nhu cầu khẩn cấp lúc bấy giờ, bởi vậy họ viết ra những tài liệu đầy nhân tính, bày tỏ tâm tình họ đối với Cơ-Đốc Giáo.

Các văn bản của các Giáo Phụ một số được liệt kê dưới đây :

1. 'Bức thư của Barnabas' : do một giáo sư vô danh viết khoảng các năm 78 - 120. Nội dung sách luận rằng Cơ Đốc Giáo siêu việt hơn Do Thái giáo và khuyên dạy về đạo đức.
2. 'Hai bức thư của Clement' bức thư thứ nhất, (I Clement) có lẽ do 1 Giám Mục đầu tiên của La Mã, môn đệ của Phi-e-rơ. Đó là một thư chính thức viết vào năm 96 của Hội Thánh La Mã gửi Hội Thánh Cô-rinh-tô nói đến ba trách nhiệm trong sự hầu việc. Bức thư thứ hai (II Clement) viết vào khoảng năm 120 - 160 là một bài giảng về các đề tài đạo đức, không rõ tên người viết.
3. 'Bảy bức thư của Ignatius' giám mục An-ti-ốt (Antioch) viết vào năm 110 nói về hành trình đi La Mã của ông để chịu tử đạo.
4. 'Bức thư của Polycarp' do Giám mục Hội Thánh Si-mi-êc-nơ (Smyrna) viết gửi Hội Thánh Phi-líp vào năm 115. Ông hỏi thăm số phận bạn ông là Ignatius. Sự quan trọng của Kinh Thánh trong Hội Thánh ban đầu được ghi lại qua mấy lời ông viết : 'Tôi tin tưởng anh em rất am tường Kinh Thánh'
5. 'Sự Tử đạo của Polycarp' viết vào năm 155 do một người đã tận mắt chứng kiến vụ hành hình giám mục Polycarp tại Smyrna.
6. 'Đấng Chấn chiên của Hermas' là một sách Khải Thị, khuyên dạy về đạo đức do Hermas một Cơ-Đốc nhân La Mã viết. Ông này có thể là anh em với Giám mục tại La mã vào năm 140.

7. Sách 'Lời dạy của 12 Sứ Đồ ' giảng về đức tin Cơ-Đốc, sự thờ phượng và hầu việc, viết vào năm 90.

8. 'Những bản văn của Papias ' vào năm 145 vị Giám mục này ở Hieropolis, góp nhặt những lời dạy quý báu của tất cả những ai đã biết Chúa Giê-xu. Hai câu sau đây ta thường gặp, là do Papias viết : 'Mác nhân được trở thành người thông dịch của Phi-e-rơ đã chép ra chính xác mọi điều ông nhớ được'. Và Ma-thi-ơ sắp xếp thứ tự lại những lời phán của Chúa bằng tiếng Aramaic mà 'mọi người giảng giải theo khả năng thông hiểu của mình'

9. 'Bức thư gửi Diognetus ' viết hỏi nào không được rõ, tác giả cũng vô danh, đã mô tả Cơ-Đốc nhân như là 'linh hồn của thế giới'. Trong thư có nói rằng : 'họ cũng giống như mọi người khác, họ theo phong tục địa phương, ăn, uống như mọi người. Họ lấy vợ lấy chồng, có con, nhưng không giết trẻ con. Họ sống trên đất, nhưng quê hương của họ ở trên trời. Họ vâng theo luật pháp tùy nơi họ ở và vượt lên trên luật pháp trong nếp sống riêng của họ'

Trong thế kỷ thứ 2 và thứ 3, khi các Giáo phụ Hội Thánh bảo vệ niềm tin chống lại tà giáo, có nhiều người trình bày những phương diện trí thức của Cơ-Đốc Giáo cho số người ngoại có học thức. Sự cố gắng đó đem lại kết quả khiến Hội Thánh thắng cuộc trong cuộc tranh chấp chống ngoại đạo đa thần, bởi vậy những người Cơ-Đốc viết sách nối tiếp nhau trong thời vàng son của văn chương các Giáo Phụ, có cơ hội nghiên cứu các vấn đề thần học và giải bày kinh điển.

Dưới đây là danh sách 6 vị Giáo Phụ Hội Thánh danh tiếng nhất trong thế kỷ thứ 2 và thứ 3:

- Justin 'người tử đạo' (100-165)
- Irenaeus (120-200)
- Clement ở Alexandria (150-215)
- Tertullian (160-230)
- Cyprian (220-258)
- Origen (182-251)

1. Justin Martyr (100-165) sinh tại Shechem xứ Samaria xưa, sau trở thành một triết gia Hy Lạp. Đang khi ông nghiên cứu triết học Plato, ông bắt đầu chú ý đến các tiên tri Do Thái và 'những người đã làm bạn hữu của Chúa Christ' và tin rằng những lời giảng của họ về 'ban đầu và cuối cùng của mọi sự' là thật. Ông thành tâm tin rằng Cơ-Đốc là triết học xưa nhất, chân thực nhất và cao siêu nhất. Khi ông du hành đây đó giảng dạy, ông choàng bộ áo triết gia là dấu hiệu về nghề nghiệp ông. Ông thành lập một trường học tại Lã Mã ở đó ông diễn thuyết về đức tin và đạo đức và ông giảng dạy kinh sách. Một trong những học trò của ông là Tatian, sau này viết sách 'Bôn Tin Lành làm một ' Diatessaron. Chính ông viết sách 'Biện Hộ ' (Apology) và 'Đối thoại với Trypho ' trong đó ông bênh vực Cơ-Đốc Giáo chống lại những chỉ trích của người ngoại, những phản đối của người Do Thái và những lời lên án của chính quyền. Ông tử đạo ở La mã nên người ta kêu ông là Justin

'người tử đạo'.

2. Irenaeus (120-200) nhà thần học vĩ đại thứ nhất và là Giáo Phụ đầu tiên sắp xếp thứ tự tất cả những điều dạy dỗ Cơ-Độc thành hệ thống. Sách chính của ông là quyển 'Chống lại các tà giáo'; , trong đó ông viết ' Chúa Christ là giáo sư duy nhất chân thực và vững chắc, là lời Đức Chúa Trời , Chúa Giê-xu Christ chúng ta, bởi tình thương siêu việt của Ngài, thật đã trở thành như chúng ta có thể đem chúng ta lên đến bậc giống như Ngài. Ông là một trong những người đầu tiên xác nhận những bản văn Cơ-Độc viết theo sự dạy dỗ của các Sứ Đồ cũng ngang uy tín và giá trị như kinh điển Cựu Ước.

3. Clement ở Alexandria (15-215) là vị ện trưởng thứ hai viện Kinh Thánh ở Alexandria. Trường học danh tiếng này gần giống như một đại học Cơ-Độc cho những người mới tin cũng như những người đã giỏi về kinh điển. Clement khuyên những người mới tin nên đọc Kinh Thánh ở nhà trước bữa cơm chính trong ngày. Ông cũng khuyên những cặp vợ chồng nên đọc chung với nhau. Clement là người đầu tiên kết hợp triết học Plato với Cơ-Độc Giáo. Ông đã nhớ đến [GaGl 3:24-24](#) khi viết 'triết học được ban cho người Hy Lạp, cho đến lúc Chúa kêu gọi người Hy Lạp. Bởi vì đây là một thầy giáo đã đem tâm trí người Hy Lạp cho Đấng Christ cũng như luật pháp đã đem người Do Thái đến với Ngài'.

4. Tertullian (160-230) người bên vực niềm tin hăng say nhất thời kỳ này, sinh tại Carthage ở Bắc Phi, ông làm luật sư, tin Chúa tại La Mã vào năm 190, là người tín đồ Cơ-Độc đầu tiên viết bằng tiếng La Tinh. Sách 'Biện hộ' viết bằng thể văn mạnh mẽ, dễ đọc, bày tỏ học vấn rộng rãi của ông và chứng minh khả năng ông có thể giảng về Cơ-Độc Giáo cách minh bạch và chính xác. Ông trình bày những ý niệm Cơ-Độc một cách gọn ghẽ và gay ấn tượng sâu sắc. Ông đã viết những câu này : Tín đồ Cơ-Độc không được sinh ra, song được sinh lại. 'Đức tin không sợ chết đói; , 'Huyết những người tử đạo là hạt giống của Hội Thánh' ông ghi chép những nỗ lực truyền giáo miền xa kể cả những khu ở Mê-sô-bô-ta-mi (Mesopotamia), Ba Tư và biên thùy An Độ, nhưng ông quen thuộc nhiều hơn với những Hội Thánh Bắc Phi, Tây Ban Nha và Pháp. Ông viết: 'Những nơi nào rên đất Anh mà người La Mã không đặt chân tới đều lệ thuộc luật pháp Đấng Christ'. Đó là lời ghi chép xưa nhất cho chúng ta biết khoảng năm 200 đã có những giáo sĩ Cơ-Độc tại Anh Quốc.

5. Cyprian (220-258) là một người giàu có, nhiều học thức, làm giám mục tại Carthage. Ông là một trong những người lãnh đạo Hội Thánh có uy quyền nhất. Khi lớn tuổi ông mới tin Chúa, ông nổi tiếng giúp Hội Thánh đặt ra một chính sách đối với những tín đồ vấp ngã, do yếu đuối đã từ chối Chúa để khỏi tử đạo. Ông khuyên Hội Thánh nên cho những tín đồ ấy một cơ hội thứ hai. Chính ông cũng phải trốn chạy trong một cơn bắt bớ. Tuy nhiên 8 năm sau khi gặp lầy thử thách ông đứng vững trong đức tin và tử đạo.

6. Origen (182-251) nhà thần học vĩ đại nhất thuở ban đầu. Sinh tại Alexandria, cha mẹ tin Chúa, khi ông còn nhỏ đã được dạy dỗ về Kinh Thánh. Khi cha ông tử

đạo ông muốn chịu tử đạo theo để làm chứng lần chót về Chúa Christ, nhưng mẹ ông ngăn cản. Khi 18 tuổi ông trở thành viện trưởng trường Kinh Thánh, trường dạy theo lối vấn đáp ở Alexandria là trường có một số người lãnh đạo danh tiếng các Hội Thánh Đông Au theo học. Làm giáo sư ông không lấy học phí của sinh viên, nhưng chép tay những kinh điển để kiếm tiền, ông sống một đời sống thanh bạch. Sau này ông dời đến Caesarea tại Palestine và ông lập một trường học danh tiếng, sử gia Eusebius đã theo học tại đó.

Về phương tiện nghiên cứu, ông giỏi trong nhiều lĩnh vực, quyển sách 'Bàn về Những Nguyên Tắc Đầu Tiên' viết trước năm 231, theo lời tác giả Wiliston Walker, không những là quyển đầu tiên giới thiệu Cơ-Đốc Giáo một cách mạch lạc xuất sắc, mà những tư tưởng và phương pháp trong đó đã định lượng cả đà phát triển tín điều Hy Lạp'. Quyển 'Chống lại Celsus' là 'bản văn bênh vực niềm tin Cơ-Đốc có những lý lẽ sâu sắc nhất mà thế giới xưa đã để lại'. Còn hơn 600 bộ sách khác được người đương thời gán tên cho ông, coi ông là một nhà viết văn Cơ-Đốc sáng tạo và dồi dào nhất giữa Phao-lô và Augustine.

Ông cũng là một người đi tiên phong trong việc nghiên cứu lịch sử cũng như các văn bản Kinh Thánh. Cùng với các học trò tại Sê-sa-rê (Caesarea) ông so sánh nhiều bản văn Tân Ước thời đó, hơi khác nhau, hy vọng tìm ra chính nguyên bản như thế nào.

Hơn nữa ông cũng dùng khả năng bao quát của mình, tra cứu Cựu Ước và với sự phụ họa của đồng bạn viết ra quyển sách nổi danh Hexapla sau 20 năm công phu cực nhọc. Quyển sách này đã ghi lại phương pháp phê phán văn bản. Sách trình ra 6 bản Cựu Ước để so sánh và nghiên cứu. Mỗi trang sách Hexapla chia làm 6 cột. Cột một chép văn bản Do Thái mà Origen đã nhận được do các giáo sư Do Thái để lại. Cột hai là bản âm bản văn ấy ra tiếng Hy Lạp. Cột 3, 4 và 6 chép ba bản dịch khác ra tiếng Hy Lạp do Aquila, Symmachus và Theodotion dịch. Cột 5 là chính những lời phê phán của Origen về bản Septuagint (ở cột hai)

Sách Hexapla khó có thể chép lại toàn bộ vì dày những 6500 trang, nhưng vẫn được lưu tại thư viện của Origen tại Caesarea, trong vòng 400 năm tiếp đó. Các học giả Cơ-Đốc thường đến đó tra cứu. Khi người Hồi chiếm Palestine vào thế kỷ thứ bảy thì sách đó mất. Nhân việc tìm thấy những cuốn sách tại Hắc Hải vào năm 1947, người ta cũng thấy một số khác đựng trong các bình đất nung đặt trong một hầm mộ tại Giê-ri-cô (Jericho). Những tài liệu trên đây cho chúng ta biết ý kiến của Sử Gia Eusebius (thế kỷ thứ tư) khi bình luận về sách Hexapla của Origen. Ông nói : 'trường hợp một trong những này (văn bản Thi Thiên được chép lại trong sách Hexapla) Ông Origen nhắc lại rằng người ta đã tìm thấy nó tại Jericho đựng trong một cái lọ vào thời Hoàng Đế Antonius, con Hoàng Đế Severus (khoảng 211)'

(Năm 300 Đến 500)



## CƠ-ĐỐC GIÁO TRỞ THÀNH TÔN GIÁO CỦA ĐẾ QUỐC LA MÃ

Đầu thế kỷ thứ 4, mặc dầu bị bắt bớ, Cơ-Đốc Giáo đã trở thành một lực lượng sống động trong Đế Quốc. Lúc đầu nó chỉ thu hút được những người nghèo và thiếu học đến khi phẩm hạnh của các đời sống Cơ-Đốc trở nên rõ rệt, thì những người học rộng, trí thức cao bắt đầu giải nghĩa Phúc Âm cho những kẻ đương thời, và những giai cấp cao như là gia đình thượng thư, các sĩ quan trong quân lực, các bậc tỉnh trưởng, và những người thân quyến của Hoàng Đế đều đến tiếp nhận niềm tin mới. Những cộng đồng Cơ-Đốc đã được thiết lập tại các thành phố lớn quanh Địa Trung Hải càng ngày càng thu hút nhiều người và người ta thành lập được nhiều Hội Thánh cả đến những nơi xa của đế quốc. Tác giả Edwyn Bevan viết trong sách 'Cơ-Đốc Giáo' như sau:

'Cơ-Đốc Giáo ngay từ đầu đã có sức thu hút có tính cách xã hội, ít có ai nghĩ tới điều đó. Phúc âm của Cơ-Đốc nếu chỉ là một chân lý lẻ loi đơn độc trôi ra trong không khí thì khó chinh phục được lòng người. Nhưng kết quả ấy chính là do nếp sống hợp quần của những nhóm Cơ-Đốc nhỏ sinh hoạt trong những thành thị của thế giới xưa... Những người đã tiếp xúc với một nhóm như thế cảm thấy một bầu không khí không giống ở đâu hết.'

Giữa một thế giới độc dữ, những người Cơ-Đốc cư xử tử tế. Trong một hệ thống xã hội căn cứ trên sự phân chia giai cấp quá cách biệt, người Cơ-Đốc coi ai cũng là con của Đức Chúa Trời. Giữa xã hội đầy dẫy những căm dỗ đục tình, người Cơ-Đốc cố gắng sống đời sống thanh sạch, và gia đình họ được hướng dẫn bằng những lý tưởng cao. Họ tin rằng hôn nhân không thể tan rã được và họ coi việc dạy dỗ con cái theo hạnh kiểm Cơ-Đốc là một trong những trách nhiệm chính của họ. Khi thời cuộc đổi thay, kinh tế xáo trộn, người Cơ-Đốc chăm sóc những góa phụ và trẻ mồ côi, người nghèo, người bệnh và người tàn tật. Họ mở rộng cửa tiếp khách lạ thuộc mọi tầng lớp và mọi chủng tộc vì họ tin rằng Hội Thánh là một xã hội rộng rãi bao gồm đủ mọi người. Một người ngoại, xúc động vì tình thân hữu Cơ-Đốc đã thốt lên: 'Ôi! Những tín đồ của Đấng Christ thương yêu nhau một cách lạ lùng' Những người Cơ-Đốc thường thường là những người lương thiện, đáng tin và tốt. Họ đến đâu thì họ đem vui vẻ bình an cho mọi người lân cận. Những người La Mã ngoại đạo, khi đã tỉnh ngộ thấy tôn giáo của họ suy tàn dần, lại hốt hoảng thấy nền văn minh của họ từ từ tan rã, nên họ kêu nhau đông đảo đến các Hội thánh, ở đó họ gia nhập vào một nhóm người có niềm tin vào một quê hương ở trên trời một niềm tin và hy vọng đem lại ý nghĩa cho đời sống.

Năm 200, Ông Tertullian, với lời văn chính xác, đã mô tả Hội Thánh gương mẫu trong quyển 'Biện Hộ' của ông như sau:

'Chúng tôi là một hội, cùng chung một ý niệm tôn giáo, một kỷ luật hợp nhất, có niềm hy vọng chung ràng buộc. Chúng tôi họp nhau cùng đến gần Đức Chúa Trời qua lời cầu nguyện. Chúng tôi cũng cầu nguyện cho các vị Hoàng Đế các bậc

thượng thư, những người cầm quyền để thế giới được an ninh, mặt đất được thái bình. Chúng tôi họp nhau để đọc sách của Đức Chúa Trời. Chúng tôi nuôi niềm tin của chúng tôi bằng những lời Thánh ấy'.

Danh sách ba kỳ Giáo Hội nghị chứng tỏ công cuộc truyền giáo lan rộng đến phương Tây. Kỳ hội nghị họp năm 256 ở Carthage đã qui tụ được 87 Giám Mục từ Bắc Phi đến dự. 19 Giám Mục và 24 trưởng lão từ các nơi trong xứ Tây Ban Nha, đã nhóm họp tại Elivira (Grenada) vào năm 305. 9 năm sau, tại Arles, Đông Nam nước Pháp, có 33 Giám Mục (trong số này có 3 vị từ ba vùng trong Anh quốc đến dự: Londinium, Eboracum và Lindum Colonia) nhóm kỳ giáo hội nghị lớn thứ nhất của Hội Thánh Tây Âu.

Dẫu vậy, cho đến năm 311 Cơ-Đốc Giáo vẫn là một tôn giáo bất hợp pháp. Và các cá nhân tín đồ vẫn còn sợ sệt một sự trừng phạt tối đa từ phía chính quyền. Người nối ngôi Hoàng Đế Diocletian là Hoàng Đế Galerius, vì muốn được sự ủng hộ của đám quân sĩ dưới quyền không tin Chúa, đã ra lệnh truy nã Hội Thánh một lần chót. Nhưng khi hấp hối, ông đột nhiên đổi chính sách, ký sắc lệnh 'hòa đồng', cho phép những tín đồ Cơ-Đốc 'quyền được sinh hoạt lại và thiết lập những nơi thờ phượng' sắc lệnh cũng còn ghi thêm rằng các tín đồ phải 'cầu nguyện Đức Chúa Trời cho chúng ta được qua khỏi' có thể là vì hấp hối sợ chết nên ông ta đã ra đạo luật nói trên.

Constantine, bấy giờ 23 tuổi làm phụ tá Hoàng Đế là người có cao vọng muốn nắm quyền, đã cùng ký. Với sắc lệnh năm 311, Hoàng Đế Galerius lại thêm các điều khoản bắt buộc áp dụng chặt chẽ nên được các Cơ-Đốc nhân ủng hộ sốt sắng. Trước đó, Hoàng Đế Constantine đã được đạo quân La Mã đóng tại York tôn lên để nối ngôi cha mình là Hoàng Đế Constantius. Nay muốn được lòng toàn Đế Quốc, Constantine phải chiến thắng được những kẻ địch thù trước. Sau khi Galerius chết, Constantine dẫn quân sĩ qua núi Alps theo hướng Nam về La Mã để giành quyền cai trị Thủ Đô Đế Quốc khỏi tay Maxentius là Hoàng Đế miền Tây, quân Maxentius mạnh hơn ngăn chặn Constantine qua sông. Theo lời sử gia Eusebius, Constantine được xem một sự hiện thấy 'một thập tự ánh sáng ở trên trời' và một hàng chữ lửa rao báo 'In hoc signo vinces' (Với dấu này, người sẽ chiến thắng). Sáng hôm sau trước khi lâm trận ông vội vã ra lệnh quân sĩ sơn dấu hiệu Cơ-Đốc nhân (hai mẫu tự Hy Lạp Chi và Rho) vào mũ trận của ông và các khiên của chiến sĩ, trong số đó hẳn có nhiều người đã tin Chúa. Họ giáp chiến hăng hái và Constantine đã thắng trận, Maxentius bị chìm chết dưới sông Tiber và Constantine làm bá chủ miền Tây.

Trận đánh ở cầu Milvian vào ngày 28 tháng 10 năm 312 đánh dấu một khúc quanh lịch sử Cơ-Đốc Giáo, vì khi Constantine nhớ rằng ông ta đã chiến thắng dưới dấu thập tự thì ông tin rằng Đức Chúa Trời của người Cơ-Đốc đã ở cùng ông và sự thành công của ông là phần thưởng của niềm tin Cơ-Đốc.

Năm 313, Constantine đến Milan dự lễ cưới em gái là Constantia lấy Licinius,

Hoàng Đế miền Đông, hai vị Hoàng Đế đã ký chung một sắc lệnh gọi là sắc lệnh Milan nội dung như sau :

'Những người Cơ-Đốc và tất cả những người khác phải được tự do theo tôn giáo nào họ thích. Họ phải được phép tiếp tục đức tin của họ không bị ngăn trở và không bị quấy rối hoặc hành hạ. Điều đó phải hợp với trật tự của Đế Quốc và sự thái bình của thời đại chúng ta, vậy ai nấy phải được tự do thờ phượng Thượng Đế mình lựa chọn'.

Sự giao hảo giữa Đông và Tây trở nên căng thẳng khi Licinius lại bắt bớ người Cơ-Đốc. Chiến sự bùng nổ vào năm 323 giữa hai Hoàng Đế. Licinius thua trận và bị xử tử. Từ đó Constantine nắm trọn quyền trên Đế Quốc La Mã cả hai miền Đông Tây.

Nhận thấy Đế Quốc quá rộng cần có một trung tâm điểm thuộc linh để hoàng thành sự hiệp một, Constantine loại trừ các thần La Mã xưa và công nhận Cơ-Đốc Giáo, cho tín hữu dự phần phục vụ quốc gia. Vì Ông thấy rõ sinh lực cũng như sự đoàn kết của các cộng đồng Cơ-Đốc, về phương diện đạo đức họ cũng vượt hơn các nhóm tôn giáo khác, nên ông hy vọng những đức tính tốt của người Cơ-Đốc sẽ được tiêm nhiễm vào đời sống của Đế Quốc. Do đó ông hành động rất nhanh, thêm quyền và uy tín cho Hội Thánh để Hội Thánh có đủ sức hỗ trợ quyền độc đoán của ông. Ông bổ nhiệm các Giám Mục Cơ-Đốc và các vị lãnh đạo Hội Thánh từ trong các người thân cận, mướn thầy Cơ-Đốc dạy học các con ; ra lệnh đức tiên có biểu hiệu Cơ-Đốc, khuyến khích bà Helena là mẹ ông đi thăm đất thánh, mang trên mũ một cái đỉnh của cây thập tự mà Chúa Giê-xu đã bị treo, mà theo bà Helena là đã được tìm thấy ở thành Giê-ru-sa-lem. Ông trở thành người bảo trợ Hội Thánh rất đắc lực và ra những đạo luật nhân đạo theo nguyên tắc Cơ-Đốc, nhưng ông cũng làm một vài việc ác như giết con trai, giết vợ đầu, khiến người ta khó hiểu ông tin Chúa thế nào.

Phần nào cũng vì thành phố La Mã là thành trì của tôn giáo La Mã xưa đang suy tàn, Constantine di chuyển kinh đô đến Byzantium, trên bờ biển Bosphorus. Năm 330 ông mời các Giám Mục đến dâng thành phố mới này cho Nữ Trinh Phước Hạnh Mary. Thành này sau lấy tên là Constantinople. Tại đây, cũng như tại La Mã, Giê-ru-sa-lem, Bết-lê-hem và nhiều nơi khác, ông sai các kiến trúc sư, họa sĩ và điêu khắc gia, xây cất và trang hoàng những cung điện nguy nga làm nơi thờ phượng.

Constantinople cho xây cất 50 nhà thờ mới, ông yêu cầu bạn ông là sử gia Eusebius, cũng là Giám mục ở Sê-sa-rê (Caesarea), tác giả cuốn Lịch Sử Giáo hội (Historia Ecclesiastica), chép ra 50 bản Kinh Thánh lớn. Constantine dặn Eusebius tìm những người chép chuyên nghiệp và phải dùng những nguyên bản nào đáng tin cậy nhất có thể kiếm được. Họ phải chép trên loại giấy Vellum tốt nhất, không được dùng giấy Papyrus mau hư. Ông còn dặn thêm là những sách chép đóng xong phải dễ đọc và thuận tiện mang đi, khi công việc chép sách đóng sách xong xuôi

phải chờ đến Constantinople trên 2 cỗ xe có một chấp sự đi theo trông coi. Hai bản Kinh Thánh đẹp nhất còn sót lại từ nửa trên thế kỷ thứ tư, bản Codex Vaticanus được giữ ở thư viện Vatican tại La mã và bản Codex Sinaiticus được giữ ở thư viện Anh Quốc, Luân Đôn, có lẽ là hai bản của Hoàng Gia. Theo chữ viết tay ở hai bản đó, ta có thể biết chắc thời kỳ chép là nửa trên thế kỷ thứ tư, và ta cũng biết người chép phần Tân Ước trong sách Codex Vaticanus cũng đã chép lại một ít của sách Codex Sinaiticus. Hồi đó số văn bản được công nhận làm Tân Ước chưa được hoàn toàn, vì như đã trình bày, sách Codex Sinaiticus có chép cả 'thư của Barnabas' và 'Đấng chăn chiên của Hermas' là hai tài liệu sau này bị loại ra. Constantine sợ rằng sự tranh cãi về giáo thuyết do Arius đưa ra (xin xem chương 11) có thể làm thiệt hại sự hiệp nhất của Hội Thánh, bèn tham gia trực tiếp vào vấn đề có liên hệ đến niềm tin Cơ-Đốc và triệu tập một đại hội đồng Cơ-Đốc lần thứ nhất vào năm 325. Nơi họp là thành phố Nicaea, ở Bắc Tiểu Á, Constantine đích thân long trọng chủ tọa phiên khai mạc với đầy đủ lễ nghi, tỏ ra quyết tâm chỉ huy công việc của Hội Thánh, nghĩ rằng danh hiệu truyền thống La mã ông được mang là Pontifex Maximus (tạm dịch : Đệ Nhất Giáo Chủ) cho ông quyền đó. Suốt thời kỳ ông trị vì, ông không hẳn là một Cơ-Đốc nhân đúng nghĩa, mà chỉ chuẩn bị làm tín đồ nghĩa là chưa được nhận phép Báp Têm, chân chữ cho đến khi nằm trên giường hấp hối, ông tin rằng làm cách đó thì có thể chết và tha hết mọi tội ác. Ông qua đời năm 337, được chôn ở Hội Thánh các Sứ Đồ tại Constantinople, là nơi ông đã dự bị sẵn mộ mình giữa các kỷ niệm công đức các Sứ Đồ. Các con của Constantine tiếp tục chính sách của ông. Sau khi những người này chết đi, có người cháu là Julian (361 - 363) mệnh danh là 'kẻ bội đạo' là Hoàng đế La Mã cuối cùng công khai theo tà giáo. Mặc dầu ông tìm cách khôi phục việc thờ cúng các thần xưa và rút lại những đặc quyền đã ban hành cho người Cơ-Đốc, ông đã thất bại. Người ta kể lại rằng trước khi chết ông đã kêu lên : 'Hỡi người Ga-li-lê! Ông đã thắng' Đến năm 392, khi Hoàng đế Theodosius I cấm việc cúng bái và tuyên bố tất cả mọi hình thức tôn giáo trái với Hội Thánh là bất hợp pháp bấy giờ Cơ-Đốc Giáo mới trở thành tôn giáo duy nhất hợp pháp của Đế Quốc. Sự thắng lợi của Hội Thánh đồng thời cũng đem lại một số vấn đề mới. Phẩm chất của sinh hoạt muốn được hưởng những đặc quyền dành riêng cho tín đồ Cơ-Đốc giảm dần, nhiều người kéo nhau đến xin chịu phép Báp Têm và trở thành những tín đồ chỉ có danh hiệu là tín đồ mà thôi. Hơn nữa quyền lực của Hội Thánh trên các vấn đề nội bộ bị sút giảm vì các Hoàng Đế Đông Phương bắt đầu từ Constantine, không những hay xía vào các vấn đề nói trên lại còn dùng Hội thánh để củng cố chính sách Đế quốc nữa.

## TÍN ĐIỀU VÀ KINH THÁNH

Trong những thế kỷ đầu tiên, vấn đề khẩn cấp nhất đối với Hội Thánh là làm thế nào để tồn tại, nhưng khi chính quyền đã chấp nhận Cơ-Đốc Giáo làm quốc giáo

thì một mối lo mới xuất hiện : làm thế nào đương đầu với các đạo giáo khác. Các học giả về tư tưởng Hy Lạp cố gắng tìm hiểu huyền nhiệm của Đấng Christ và ý nghĩa của tín điều đầu tiên thời các Sứ Đồ : Tín điều đó xác nhận 'Giê-xu là Chúa' ([ICo1Cr 12:3](#)) và đã đưa ra một số giáo thuyết mới. Tín điều nói trên đã khởi phát tại La Mã trong thế kỷ thứ 2, sau này gọi là Tín Điều các Sứ Đồ. Tín Điều này dùng để đánh đổ tà giáo trí thức luận. Dầu vậy, đến thế kỷ thứ tư có một Linh Mục cao tuổi tên là Arius, có lòng tin kính và rất được kính trọng như một nhà truyền giáo có học thức rộng đã đưa ra một chủ thuyết mà mọi người gọi là Arianism. Tại hội thánh Alexandria, ông giảng rằng Chúa Christ là một người được Thượng Đế tạo dựng nên, thì phải lệ thuộc dưới quyền Đức Chúa Trời là Cha, vì Chúa Giê-xu không hoàn toàn là Đức Chúa Trời, và cũng không hoàn toàn là người. Vị trưởng lão ở Alexandria đã lên án ông Arius và những người theo sự giảng dạy sai lạc đó của Arius. Nhiều nhà thần học Hy Lạp thấy chủ thuyết của Arius làm yếu đi đức tin Cơ-Độc vì nếu Chúa Christ chỉ có nửa thần thánh, thì khác gì các thần ngoại đạo đâu?

Người đứng lên chống lại thuyết của Arius là Athanasius, một chấp sự trẻ tuổi thông minh, sau này trở thành trưởng lão tại Alexandria. Athanasius tin quyết rằng Chúa Christ đích thật là Đức Chúa Trời, Ngài cũng hoàn toàn là người, và đời sống của Ngài là một đời sống trong đó bản tánh của Đức Chúa Trời đã được tỏ bày trọn vẹn. Niềm tin này căn cứ trên kinh sách ([GiGa 1:1-18](#); [CoCl 1:15-20](#); [HeDt 1:1-4](#)). Athanasius có nhận xét tinh tường, ông nhận thấy chủ thuyết của Arius chẳng đem lại sự cứu rỗi cho nhân loại. Vì vậy, Athanasius viết như sau : Chúa Christ đã thành người để chúng ta có thể mang bản chất của Đức Chúa Trời, một câu gài nghĩa với câu của Phao-lô ([CoCl 2:9-10](#)) 'Sự đầy đầy của bản tánh Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ, và anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy đầy sự sống'.

Cuộc tranh luận chỉ thu gọn vào hai tiếng. Phe Athanasius giảng rằng Chúa Christ đồng một bản chất (homoiousion) với Đức Chúa Trời. Còn phe Arius thì nói rằng Chúa Christ có bản chất tương tự như bản chất của Đức Chúa Trời (homoiousion), một số người không ưa những cái quá tế nhị trong tư tưởng Hy Lạp, cho cuộc tranh cãi này chỉ dựa trên một vần, một chữ. Cả Hoàng Đế Constantine cũng viết : 'Vấn đề có gì đâu, thật không đáng phải cãi cọ hăng như vậy'

Dầu vậy, Hoàng Đế cũng công nhận là sự tranh luận này đã đe dọa nền hợp nhất của Hội Thánh là nền tảng căn bản của sự an ninh trong Đế Quốc. Bởi vậy, như đã nói ở trên, ông triệu tập Hội Đồng các vị lãnh đạo Hội Thánh tại Nicaea trong Tiểu Á, trả tiền cho hơn 300 Giám Mục đến dự, và ông đã đích thân chủ tọa phiên khai mạc Hội đồng. Bạn của Constantine là sứ giả Eusebius cũng dự hội và nhận thấy nhiều Giám Mục còn mang trên mình dấu tích những sự tra tấn họ đã phải chịu dưới thời các Hoàng Đế trước Diocletian và Galerius. Đại đa số giám mục đã đầu phiếu bác bỏ chủ thuyết của Arius, và đó cũng phản ảnh ý của Hoàng Đế muốn hợp nhất Hội Thánh. Hội Đồng truất phế và cất chức Arius cùng với hai giám mục

khác về phe với ông này.

Trước khi Hội Đồng giải tán, một nhóm người do Athanasius hướng dẫn đã yêu cầu có một văn kiện đủ uy tín về niềm tin của Hội Thánh phải được thảo ra và được Hội Đồng chấp thuận. Đó là nguồn gốc của bài được gọi là Tín Điều của Hội đồng Nicaea. Bản tuyên ngôn này mô tả Chúa Christ 'chính là Đức Chúa Trời là Cha, và vì để cứu rỗi chúng ta mà Ngài đã nhập thể trong xương thịt và trở nên một người'. Niềm tin này, được Hội Đồng Constantinople năm 381 kiểm lại và đại hội đồng giáo phẩm tại Chalcedon duyệt y vào năm 451 (70 năm sau), nó nói lên lòng tin quyết căn bản của Hội Thánh rằng Chúa Christ là sự khải thị trọn vẹn về Đức Chúa Trời trong một đời sống con người thật sự. Các Hội Thánh chính thống Đông Au, Công giáo La mã và phần lớn Hội Thánh Tin Lành sau này đều công nhận bản tuyên ngôn ấy như là lời giải thích về sự huyền nhiệm của bản tánh và nhân vị Chúa Christ. Mặc dầu bài Tín Điều của Hội đồng Nicaea đã được công nhận rồi, những sự bất đồng tín kiến tại miền Đông vẫn không chấm dứt, sau thuyết Arianism lại còn các thuyết Nestorianism và Monophysitism tiếp tục gây nên nhiều vụ tranh cãi gay go.

Tên của Athanasius không những có liên quan với bản 'Tín Điều của Hội Đồng Nicaea' nhưng cũng liên quan cả với việc lựa chọn 27 sách của Bộ Tân Ước. Như đã nói trên, bức thư ông viết vào dịp Lễ Phục Sinh năm 367 gửi cho các lãnh đạo Hội Thánh ở Alexandria lần thứ nhất có kể đủ danh sách này.

Athanasius, và những tín đồ miền Đông nói chung đọc Tân Ước qua nguyên bản tiếng Hy Lạp, Cựu Ước của họ dùng dĩ nhiên là quyền Septuagint (Cựu Ước bản dịch ra tiếng Hy Lạp). Ở miền Tây, ngôn ngữ La Tinh là ngôn ngữ thông dụng của nhà nước và Hội Thánh, người ta dùng những bản dịch ra tiếng La Tinh. Vì các bản tiếng cổ ngữ La Tinh ấy vẫn chượng vụng về nên vị Giáo Hoàng Damasus hồi thế kỷ thứ tư đã sai thứ ký của ông à Jerome soát xét và sửa lại.

Ông Jerome (340 - 420) không những là một học giả Kinh Thánh, có kiến thức rộng lại giỏi về ngôn ngữ nên viết ra những lời La Tinh trong sáng, sắc sảo và khéo dùng những từ ngữ súc tích. Chính ông cũng dè dặt về sự chính xác trong công việc dịch thuật. Ông đã viết cho Giáo Hoàng như sau : 'Những người quen đọc một bản Kinh Thánh, bất cứ bản nào, sẽ chê trách tôi là mạo muội thêm bớt những sách xưa và dám sửa những sách ấy'. Dầu vậy, ông quyết tâm 'tìm cho ra sự thật đúng đắn' và ông nghiêm chỉnh làm công việc sửa lại những lầm lỗi của những người dịch không chính xác, và những thay đổi của những kẻ phê phán dốt nát và những kẻ vừa chép lại vừa ngái ngủ.

Ông lui về một tu viện gần Bêt-lê-hem, tìm sự giúp đỡ của các học giả Do Thái và ông dịch nguyên bản Hê-bơ-rơ của Cựu Ước ra tiếng La Tinh. Ông cũng nhuận chánh lại những bản Tân Ước đã dịch ra cổ ngữ La Tinh và sửa lại theo các sách Codex Hy Lạp đương thời, khi dịch, ông cố gắng diễn ý nguyên bản văn thay vì dịch từng tiếng một. Bản dịch mới hoàn thành vào khoảng năm 400, mang tên là

Vulgate. Bản dịch này không được kết quả như mong muốn ngay. Một số người đã quen với lời văn cổ của những bản cổ ngữ La Tinh cho rằng Jerome đã thay đổi bản văn và làm sai lạc ý nghĩa. Augustine là Giám mục nổi danh tại Hippo, viết thư cho Jerome, nói có lần một Giám Mục ở Bắc Phi đọc theo bản dịch La Tinh mới của Jerome, lời văn lạ đã gây ẩu đả trong Hội Thánh. Jerome trả lời có lẽ những người ấy đã không thích dùng chữ hereda, khi họ đã quen đọc chữ Cucurbita để chỉ về dây dưa phủ bóng che cho Giô-na. Trong thư trả lời, Jerome cũng nhận việc chọn chữ của ông chưa hẳn đúng.

Chính Augustine cũng không hoàn toàn thỏa mãn với lời văn thông dụng hằng ngày của bản dịch Jerome. Vì khi trẻ được thấm nhuần văn chương cổ điển, ông che sự sùng bái của những bản dịch cổ ngữ La Tinh. Nhưng sau này, trở thành tín đồ, ông lại nói ông thích những bản cổ ngữ hơn là bản dịch mới là vì người ta thấy được tính cách xưa của Thánh Kinh và điều đó nói lên một niềm tin không đứt đoạn.

Mặc dầu bị chỉ trích, trong thời kỳ ấy, bản Vulgate là một nỗ lực có ý nghĩa và giá trị học thuật, sau này cũng được tôn trọng. Dần dần bản dịch cũng được công nhận và đứng vững, làm cuốn Kinh Thánh của Tây Âu trong một ngàn năm. Qua những năm dịch Kinh Thánh, Jerome thấy rằng ý nghĩa sâu sắc của nó không hiện ra bên ngoài, ông viết : 'Cái gì trong sách Thánh cũng lóng lánh lờ sáng, kể cả vỏ ngoài, nhưng trong ruột ngọt hơn. Nếu ai muốn ăn ruột thì phải bóc vỏ đi'

Augustine hẳn còn nhớ hồi nhỏ chưa là tín đồ, ông còn bài bác Kinh Thánh vì không đủ khả năng hiểu, nên ông nói rằng phải sống trong cộng đồng Cơ-Đốc mới có thể hiểu được Kinh Thánh là làm tăng trưởng đức tin, hy vọng và tình thương của người đọc hoặc người nghiên cứu. Hơn nữa, ông còn tin rằng lý do đầu tiên việc giảng Kinh Thánh không phải là để khoe kiến thức, hay để làm lòa mắt người nghe, nhưng là để giúp người nghe hiểu đức tin của họ và phát triển những đức tin Cơ-Đốc.

## HỘI THÁNH VÀ SỰ THỜ PHƯỢNG

Khi Cơ-Đốc Giáo trở thành quốc giáo, người ta thấy rõ rệt sự thay đổi trong các nơi thờ phượng. Thời kỳ Các Sứ Đồ, người ta nhóm thờ phượng tại các nhà riêng ([CoCl 4:15](#)) hoặc các nhà nguyện nhỏ không ai chú ý đến trong những năm bị bắt bớ. Nay người ta dần dần xây cất những nhà thờ nguy nga to lớn, thường được Hoàng Gia bảo trợ. Những nhà thờ lớn ấy trang bị đón tiếp từng đoàn người ngoại đến xin chịu phép Báp Têm hoặc để nghe những giảng sư có tài. Những nhà thờ lớn này cũng có thêm nghi lễ trang nghiêm hơn và theo những hình thức cố định. Năm 323, Hoàng Đế Constantine xây đền Chúa Cứu Thế tại La Mã, tại nơi hiện này là nhà thờ St. John Lateran. Nhờ thờ này được cất kè bên lầu đài của Hoàng Đế Plantius Lateranus, lầu đài này được để lại cho Giáo Hoàng Sylvester I, và trở thành nhà thờ La Mã, mang tên là 'Mẹ và đầu của Hội Thánh tại La Mã và thế

giới'. (Urbis et Orbis). Các kiến trúc sư La Mã đã xây cất trên nền đền cũ, trước kia dự tính làm toà án La Mã và phòng hội của Hoàng Gia. Hoàng Đế Constantine trang trí nhà thờ này bằng những hình bông hoa, nhả bát, những bình cắm nến bằng vàng và bạc.

Năm kế tiếp, người ta kể lại là Constantine lại xây một đền thờ khác trên đồi Vatican, nơi có mộ Phi-e-rơ. Đây là đền thờ đầu tiên mang tên Phi-e-rơ một đền thờ có thể chứa 40.000 tín đồ đứng cầu nguyện. Kiến trúc lộng lẫy, có sân phía trước, đại sảnh rộng lớn, có 5 hành lang và một rừng cột, phía trên chạm trổ tinh vi. Các tường đều có các bức họa và kính hoa màu. Khi đền này bị hư, người ta phá đi và xây đền thờ Thánh Phierơ hiện tại. Công việc khởi sự vào năm 1506 và có các nghệ sĩ nổi danh cộng tác như Bramanti, Raphael, Michelangelo và Bernini. Kế hoạch xây cất của Hoàng Đế Constantine không phải chỉ gồm có hai ngôi Thánh Đường lớn ở La mã. Theo lệnh của Hoàng Đế, Giám Mục Macarius ở Giê-ru-sa-lem đào dưới Roman Forum tại thành thánh và tìm thấy một hang đá trước là ngôi mộ đặt xác Chúa. Do đó, các thế hệ tín đồ sau này biết đó là nơi Chúa đã phục sanh. Sau khi Giê-ru-sa-lem bị tàn phá vào năm 70, người La Mã còn xây cất nhiều kiến trúc khác trên di tích ấy. Hoàng Đế truyền cho Macarius dựng một đài kỷ niệm xứng đáng để ghi nhớ nơi chí thánh này. Bà Helena là mẹ của Hoàng Đế Constantine cũng đến thăm Giê-ru-sa-lem vào dịp đó và chắc đã được xem sơ đồ những dinh thự sắp xây nơi mộ Chúa Christ. Bà cũng xây 2 ngôi Thánh Đường ở nơi khác, một trên núi Ô-li-ve và một tại Bết-lê-hem.

Các công thự chính mà Constantine xây cho Giê-ru-sa-lem là một ngôi đền kiểu tròn có mái lớn cất trên mộ Chúa và một Thánh Đường. Những tín đồ Cơ-Đốc Hy Lạp gọi ngôi đền tròn là Anastasis có nghĩa là Phục Sinh. Người Cơ-Đốc La Tinh gọi là Mộ Thánh. Những di tích của ngôi đền nói trên được lưu trữ trong ngôi đền cũng kiểu tròn tương tự, do những người dự các cuộc thánh chiến xây vào thế kỷ 12. Ngày này hãy còn nhiều dấu tích. Gần Thánh Đường Anastasis, người ta cũng xây một đền lớn khác, các vách tường và sân phía trong đều được phủ dưới những tấm đá cẩm thạch nhiều màu, theo lời của sử gia Eusebius 'trần thì lát bằng những tấm chạm trổ trông lên như một mặt biển lớn... với những trang trí vàng lóng lánh chiếu muôn màu trong đền.'

Sau khi toàn bộ đền đài tại Giê-ru-sa-lem đã hoàn tất. Hoàng Đế làm lễ dâng hiến vào năm 335, từng đoàn người hành hương đến thờ phượng tại nơi chí thánh này của Cơ-Đốc Giáo. Những đoàn hành hương có ghi lại cảm tưởng qua những lưu bút kỷ niệm trong số có một người vô danh từ Bordeaux (Pháp). Ông này đã được xem đền khi đang xây vào năm 333. Nửa thế kỷ sau, một bà người Tây Ban Nha, cũng là một tín đồ tin Kinh Thánh thật tên là Etheria (hoặc Egeria) có một nhận xét tinh tường, đến thăm viếng các nơi thánh, tay cầm quyển Kinh Thánh. Năm 1884 người ta tìm thấy các thư bà viết, mô tả chi ti tiết các lễ bà đã dự, một tài liệu vô giá cho người sau biết rõ thể thức thờ phượng hồi thế kỷ thứ 4. Bà cũng bình luận về



quang cảnh lộng lẫy bên trong nhà thờ Mộ Thánh (Holy Sepulcher) với những trang trí bằng bạc và vàng, các màn, châu báu, cây cắm nến và cây đèn.

Đền thờ nguy nga nhất thời đầu tiên ấy là nhà thờ Hagia Sophia do Hoàng Đế Justinian xây. Tên nhà thờ có nghĩa là 'Sự Khôn Ngoan Thánh' (Holy Wisdom) nói lên nhân vị Chúa Christ. Qua nhiều trận động đất và nhiều lần xây cất lại, ngôi đền đó vẫn còn. Các kiến trúc sư, Anthemios ở Tralles và Isidoros ở Melitus, đã xây đền này tại Constantinople. Trong lễ dâng hiến vào năm 537, người ta kể lại Hoàng Đế Justinian đã thốt lên: 'Sa-lô-môn ơi, tôi đã cất ngôi đền đẹp hơn đền ông xây'. Đền này cũng biểu hiện sự cố gắng của Hoàng Đế muốn củng cố Hội Thánh, làm thành trì của Đế Quốc, làm sống lại Đế Quốc La Mã Cơ-Đốc (Christ Roman Empire) phổ thông, nơi này là trung tâm chính trị và tôn giáo của toàn miền Đông Đế Quốc cho đến thế kỷ thứ 15. Thánh Đường Sophia là một kiến trúc vĩ đại kỳ diệu bằng cẩm thạch, vàng và bạc. Bên trong chạm trổ nguy nga. Đây là tuyệt đỉnh của kiến trúc Byzantine. Đây cũng là công trình kiến trúc đẹp nhất kiểu Byzantine. Thánh Đường Hagia Sophia là nhà thờ của Giáo phụ, do đó ngai của Giáo Phụ cũng đặt tại đền thờ. Khi quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Constantinople vào năm 1453, nhà thờ biến thành chỗ thờ phượng của người Hồi Giáo. Ngày nay ngôi nhà lại dùng làm bảo tàng viện nghệ thuật Byzantine.

Trong những nhà thờ mới huy hoàng và tại những nhà thờ nhỏ bé khiêm nhường khắp nơi, âm thanh cầu nguyện và thờ phượng đều phản ảnh tư tưởng và lời Kinh Thánh. Những lời lẽ phát biểu từ ngàn xưa vẫn thể hiện sự sống của con người trong Đức Chúa Trời, không những bày tỏ những nét sâu đậm hùng hồn và lòng tin kính của tín đồ nhưng còn nuôi dưỡng cả tâm thần hiệp một trong sinh hoạt cầu nguyện của toàn thể Hội Thánh. Ai ai dù ở đâu cũng tìm cảm hứng trong Kinh Thánh. Kinh Thánh nuôi dưỡng niềm hy vọng Cơ-Đốc, thêm chất liệu vào đức tin Cơ-Đốc. Những điều ghi chép về sự mặc khải của Đức Chúa Trời trong công cuộc sáng tạo thế gian, trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên, và cuối cùng là trong Chúa Giê-xu Christ, cho ta sự tin chắc về lẽ thật Cơ-Đốc Giáo. Tín đồ và các người chán dặt họ, nhờ nghiên cứu Thánh Kinh mà được hiểu sâu hơn về phạm vi bao gồm trong Tin Lành của Chúa Cứu Thế.

Những lễ Báp Têm trọng thể tổ chức trong các ngôi đền thờ mới đưa các người lớn vào đời sống Cơ-Đốc trưởng thành. Kiến trúc đẹp như chỗ làm phép Báp Têm tại Ravenna được xây cất lên và trang trí nhằm mục tiêu nói trên. Irenaeus nhắc đến một lễ Báp Têm cho con trẻ vào năm 185, nhưng lễ này đến thế kỷ thứ 6 mới trở thành phổ thông, vào thời kỳ này đã có nhiều người có địa vị được xuất thân từ những gia đình Cơ-Đốc.

Người ta giữ lễ thờ phượng vào Chúa Nhật vì là ngày Chúa Christ Phục Sinh.

Trong những buổi lễ phái nam ngồi một bên phái nữ ngồi một bên, như thể lệ các nhà hội. Thanh thiếu niên đứng hay ngồi ở một nhóm riêng. Người già cả có ghế, phụ nữ có con trẻ có chỗ riêng, các chấp sự chăm sóc chu đáo sắp xếp nói trên và

ngăn cản các lời thì thào, cười cợt hay ngủ gật. Lễ Chúa Nhật có 2 phần. Phần đầu ai dự cũng được họ hát Thi Thiên, đọc Cựu Ước, những thư của Phao-lô hay các Sứ Đồ khác, và các sách Tin Lành. Đoạn Kinh Thánh đã lựa cho được giảng theo lời dạy dỗ của Chúa Christ, một thể thức bắt chước cách dạy dỗ trong các nhà hội xưa ([LuLc 4:16-21](#)). Phần đầu kết thúc bằng lời cầu nguyện, một bài giảng và lời chúc phước. Sau đó những ai chưa chịu phép Báp Têm đi về nhà.

Những đoạn Kinh Thánh lựa chọn trong lễ Chúa Nhật có mục đích bổ túc những bài học Kinh Thánh trong một khoảng thời gian nào đó. Đến cuối thế kỷ thứ 4, Hội Thánh Cơ-Đốc theo phong tục Do Thái, ghi ra những bài học bắt buộc và lập thành một công thức có dính những bài nào, đoạn nào thích hợp cho các lễ Tuần Thánh, Phục Sinh, Giáng Sinh và Hiện Linh (Epiphany, 6 tháng giêng) là lễ kỷ niệm ngày Chúa Christ tự tỏ mình cho dân ngoại khi các bác học Đông Phương đến Bê-lê-hem.

Phần thiêng liêng nhất trong lễ thờ phượng là Tiệc Thánh, khi những người chưa chịu phép Báp Têm đã ra về những người đã nhận lễ Báp Têm ở lại. Sau khi một chấp sự nói : 'Kyrie Eleison' (Xin Chúa thương xót) Hội Thánh đọc Kinh Thánh đối đáp và đọc bài Tín Điều Các Sứ Đồ và cầu nguyện chung. Kế đó, Giám Mục chủ lễ mặc áo lễ, với các đồng sự đứng xung quanh khởi sự lễ Tiệc Thánh, còn gọi là Lễ Cảm tạ (Eucharist). Danh hiệu này, từ chữ Hy Lạp Eucharistia (Tạ On) nhấn mạnh sự tạ ơn vì Chúa đã nhập thể và chịu hy sinh và tạ ơn Chúa về sự sống mới mà Ngài đã ban cho dân Ngài. Hội Thánh tin vào sự hiện diện thiêng liêng của Chúa Christ trong bánh và rượu, nhắc lại lời Ngài đã phán để thiết lập lễ mầu nhiệm ban sự sống mới. 'Đây là thân thể ta vì các ngươi mà phó cho ... chén này là giao ước mới trong huyết ta' ([ICo1Cr 11:24-25](#) ; [Mac Mc 14:22-24](#)).

## NHỮNG GIẢNG SƯ VÀ NGƯỜI LÃNH ĐẠO NỔI DANH

Trong thời kỳ từ cuối thế kỷ thứ 4 đến giữa thế kỷ thứ 5, có nhiều giảng sư có tài tại các thành phố. Những bài giảng của họ là phần quan trọng trong các buổi lễ ngày Chúa Nhật. Thường thường vị Giám Mục là giảng sư. Ông ta giải nghĩa Kinh Thánh và dạy dỗ, áp dụng vào đời sống hằng ngày những gì học được. Thường lễ hội chúng vỗ tay khi được nghe những đoạn thích thú. Có ba vị giảng sư nổi danh thời đó là ba Giám Mục: Ông John Chrysostom ở Hội Thánh miền Đông và các ông Ambrose và Augustine ở Hội Thánh miền Tây.

John Chrysostom (245 - 407) là một thầy tu khổ hạnh, chăm chỉ trong việc nghiên cứu. Ông là một trong những giáo phụ Hy Lạp xuất chúng, và được người ta gọi là Chrysostom, có nghĩa là 'miệng vàng' vì ông giảng rất hùng hồn. Ông giải nghĩa Kinh Thánh không theo kiểu 'hình bóng' như mọi người quen làm hồi đó, nhưng ông đứng trên quan điểm văn chương và lịch sử. Ông nói Kinh Thánh là đồ dùng của người Cơ-Đốc. Ông khuyên các gia đình nên mời lân bang xóm giềng đến nhà đọc Kinh Thánh chung với họ. Ông có thể báo trước đoạn Kinh Thánh sẽ giảng

tuần sau để Hội Thánh biết và nghiên cứu trước ở nhà và dự bị hiểu sứ điệp của ông. Ông giảng rất hay về những vấn đề thực tế của đời sống Cơ-Đốc, do đó trong 12 năm ông rất được ưa chuộng tại An-ti-ôt (Antioch). Có một lần ông trách hội chúng vỗ tay ca ngợi ông, lúc ông cho là không thích hợp, nhưng khi ông trách hội chúng lại càng vỗ tay nhiều hơn. Danh ông càng nổi. Năm 398, Hoàng Đế mời ông về Constantinople làm giáo phụ. Ở đây cũng như ở An-ti-ôt các đám đông say mê nghe ông giảng dạy. Tuy nhiên vì ông muốn cải tổ lối sống buông lung của các người lãnh đạo và không đồng ý với lối y phục quá đáng của phụ nữ. Nữ hoàng Eudoxia cho là ông chỉ trích chính bà cho nên cả phái lãnh đạo và nữ hoàng đều can gián ông. Họ triệu tập một cuộc họp mặt của hội đồng Hội Thánh một cách bất hợp pháp, lên án và cách chức vị giáo phụ, đổ tội vu vơ và đày ông đi Armenia. Giáo hoàng Innocent I lấy làm bất bình về việc này, dứt thông công với Constantine nhưng ông John Chrysostom qua đời tại nơi bị lưu đày.

Ambrose (337 - 397) được giáo dục tại La Mã, với mục đích giữ chức vụ hành chánh. Khi còn trẻ ông đã làm thị trưởng thành phố Milan. Một ngày kia người ta bầu một vị tân Giám Mục và có nhiều tiếng cãi cọ ồn ào. Ông thị trưởng muốn làm cho làm cho dân chúng yên lặng và bảo vệ trật tự, bèn đi vào trong nhà thờ. Đang khi ông nói thì có tiếng người la, rồi cả đám đông cùng reo lên : 'Ambrose làm Giám Mục' Tuy ông chưa nhận phép Báp Têm nhưng ông cho sự reo hò kia là một tiếng gọi từ Đức Chúa Trời, và dự bị chịu phong chức Giám Mục sau lễ Báp Têm và nhận chức vụ hầu việc Chúa. Ông đem tiền của cho người nghèo, đem tài sản cho Hội Thánh và độc chí nghiên cứu thần học. Lòng trung thực của ông, thêm óc thông minh và tài quản trị đã giúp ông trở thành một người hầu việc xuất sắc ở Hội Thánh Miền Tây.

Đọc những sách thần học của ông viết về đức tin và ảnh hưởng của đức tin trong những vấn đề thực tế, người ta thấy ông là người biết rộng về nền học cổ điển cũng như thông thạo kinh điển. Ông có ý niệm sâu sắc về tội lỗi và ân điển nên ông viết : 'Tôi không khoe mình vì tôi là công bình, nhưng khoe mình vì đã được chuộc. Tôi không khoe mình vì đã thoát khỏi tội, nhưng vì được tha thứ về những tội của tôi'.

Về Kinh thánh ông viết : 'Trên thiên đường cũng như trong những trang Kinh Thánh, Đức Chúa Trời bước đi tìm kiếm con người. Khi một kẻ có tội đọc những lời Kinh Thánh, kẻ ấy nghe tiếng Đức Chúa Trời phán : 'A đăm ngươi ở đâu?'

Tại nhà thờ ông soạn những bài Thi Thiên cho hội chúng hát đối đáp. Ông chép một số Thánh Ca xưa ra thành những đoạn thơ 4 dòng, có bài còn được giữ trong những sách Thánh Ca hiện nay, ông cũng cho sử dụng loại bài ca ngâm không có nhịp điệu, có lẽ lấy từ lời ca ngâm của Do Thái và Hy Lạp xưa. Bây giờ tại Milan, người ta còn giữ lời ca ngâm của Do Thái và Hy Lạp xưa này gọi là 'Ambrosian Chant'

Danh tiếng của ông đã làm cho ông phải đối đầu với đại đế Theodosius ngay tại cửa nhà thờ. Ông cầm đại đế bước vào thánh đường trước khi công khai nhận tội

đã tàn sát dân chúng tại thành Tê-sa-lô-ni-ca (Thessalonica) và xin Đức Chúa Trời tha tội cho. Đại đế Theodosius phải làm theo, và như vậy là công nhận sự ưu việt của uy quyền thuộc linh của Giám Mục, và Giám Mục có quyền can thiệp vào đời sống thế gian.

Ông Ambrose có nhiều tài năng, và trên hết ông là một giảng sư hùng biện.

Augustine thích nghe ông, có lần được cảm động, và trở thành tín đồ.

Augustine (354 - 430) sinh tại Bắc Phi, cha là người ngoại đạo và mẹ là tín đồ tên là Monica. Tuy khi còn trẻ ông sống chỉ để tìm lạc thú, không bỏ qua cơ hội vui chơi nào, nhưng tâm trí ông vẫn đắm chiêu dò tìm ý nghĩa của đời sống. Ông tìm hiểu Kinh Thánh nhưng bất mãn với lời văn chương khi ông so sánh với các tác giả La Tinh Và Hy Lạp mà ông ưa thích. Sau khi ông trở thành giảng sư về khoa luận thuyết ở La Mã và Milan, chính tại Milan ông được những buổi giảng của Ambrose thu hút.

Ông Ambrose làm phép Báp Têm cho Augustine vào năm 387. Đời sống tín đồ đã hoàn toàn thay đổi ông và ông trở lại Bắc Phi. Ông dâng trọn đời sống hầu việc Chúa, nghiên cứu Kinh Thánh viết sách và giảng đạo, sau đó ông làm giám mục tại Hippo. Khi quân Vandal đến đây vây Hippo thì ông qua đời.

Ảnh hưởng của Augustine trong tư tưởng Cơ-Độc chỉ đứng sau Phao-lô mà thôi. Tuy nhiên, trong thời ông còn sống, lý thuyết căn bản của ông về tội lỗi và ân điển cũng bị người ta chỉ trích. Năm 400 có Pelagius, một thầy tu, cũng là một nhà thần học gốc Anh có lẽ là Ai Nhĩ lan, đến La Mã giảng một thuyết mới bác bỏ tội nguyên thủy. Pelagius dạy rằng ai nấy, đàn ông, đàn bà, đều có thể tự sức làm nên sự cứu chuộc mình. Họ có thể trở thành người trọn vẹn bởi đức tin nhờ việc lành của họ. Năm 415, Augustine viết thư cho Jerome, bấy giờ làm chủ tọa tại Tu Viện Bết-lê-hem, tỏ ý lo lắng là Pelagius có mưu đồ đưa tà thuyết của mình vào miền Đông, Jerome viết thư nói thẳng với Pelagius, gọi ông là 'kẻ ngu nhất trong đám kẻ ngu, trí óc đã trở nên tối tăm vì ăn nhiều cháo lúa Ai Nhĩ Lan. Người ta lên án tà thuyết của Pelagius, nhưng vấn đề tự do ý chí và ân điển mà Pelagius nêu ra vẫn còn chưa giải quyết được.

Mặc dầu có những thách thức như trên, ảnh hưởng của Augustine lúc đương thời cũng như sau đó rất rộng rãi. Ông luôn luôn viết thư, luận thuyết, viết sách, viết bài giảng. Năm trăm bài giảng còn lưu lại đến bây giờ. Hai quyển sách ông viết gây ảnh hưởng sâu xa trong Cơ-Độc Giáo tây phương và được coi là những sách tôn giáo cổ điển đó là quyển Xung tội (Confessions) và Thành Đức Chúa Trời (De Civitate Del). Quyển 'Xung tội' viết vào năm 400 là sách tự thuật đời sống thuộc linh, nói lên một trình độ tin kính cá nhân rất sâu đậm, chỉ thua Phao-lô. Trong lời cầu nguyện mở đầu ông viết như sau: 'Chúa đã làm nên chúng ta cho chính mình Chúa, lòng chúng ta không tìm được yên nghỉ cho đến khi tìm được sự yên nghỉ trong Chúa'.

Ông bắt đầu viết quyển 'Thành của Đức Chúa Trời' vào năm 412, tên sách lấy ở

[Thi Tv 87:3](#). Mới hai năm trước đó, vua quân Visigoth là Alaric đã đánh chiếm La Mã là thành được phòng thủ kiên cố. Những người có tâm tư suy nghĩ đều bàng hoàng và sợ hãi là mở màn cho những ngày tàn của lịch sử. Nhiều người không tìm được lý do tai nạn, đổ cho Hội Thánh là đã gây ra sự suy sụp của La Mã vì đã bỏ những thần xưa là những vị thần vẫn giữ gìn bảo vệ thành. Dầu vậy, Augustine cũng nhìn cuộc chiến của Alaric trong bối cảnh lịch sử và trích dẫn Kinh Thánh để giải thích một triết lý về lịch sử, đem lại niềm tin nơi Đức Chúa Trời và khiến người ta hiểu được cả cuộc thăng trầm. Về tấn kịch của nhân loại ông cho rằng những quyền lực của thế gian, lên rồi xuống, nhưng Thành của Đức Chúa Trời là Hội Thánh, nơi ẩn trú và quê hương thật của loài người, còn mãi đời đời. Trong thời Trung Cổ cả Hội thánh lẫn Đế quốc cũng tìm cảm hứng từ giấc mơ 'Thành của Đức Chúa Trời trên đất' của Augustine. Người ta kể lại là Đại đế Charlemagne thường để một sách này dưới gối lúc nằm ngủ.

## THỂ CHẾ TU VIỆN LÚC BAN ĐẦU

Khi Cơ-Đốc Giáo được nhà nước công nhận ở thế kỷ thứ 4 thì các tu viện mọc ra nhanh và nhiều. Hồi đó, dân ngoại đổ xô đến các nhà thờ và Hội Thánh trở nên càng ngày càng dính líu với những việc thế gian. Phần nào vì muốn phản ứng lại những khuynh hướng thế gian ấy, hơn nữa từ thoát đầu người tín đồ đã từ khước những giá trị vật chất để tìm kiếm những phần thưởng thuộc linh, nên có nhiều người đàn ông và đàn bà dâng đời sống của họ cho Đức Chúa Trời qua lối sống tin kính và khổ hạnh.

Anthony (250 - 350) một người Ai Cập trẻ tuổi, giàu có được coi như là người sáng lập thể chế tu viện. Một hôm, sau khi nghe đọc tại Hội Thánh câu : 'Hãy đi, bán hết gia tài mình, đem thí cho kẻ nghèo khó, chắc sẽ được của báu ở trên trời rồi hãy đến mà theo ta' ([Mac Mc 10:21](#)) ông về làm theo ngay lời Chúa. Ông lui về sa mạc để một mình cầu nguyện, sống khổ hạnh và chống cám dỗ. Nhiều người theo gương thánh thiện của ông, ngược hẳn sự độc dữ của thế gian, kéo vào sa mạc ở với ông, họ sống đơn độc trong các hang hốc, nhưng thường nhóm thờ phượng và ăn chung. Anthony được tôn làm người lãnh đạo của họ và được gọi tên là Abbot. Nhiều thầy tu trong số này không đọc chữ được nên phải học thuộc những câu Kinh Thánh để suy ngẫm ngày đêm. Vị giáo phụ tại Alexandria là Athanasius, một lần kia bị lưu đày và bị lên án chung với những thầy tu nói trên, đã sùng sốt thấy lòng tin kính lớn và đời sống thanh đạm của họ. Ông bèn viết sử của người sáng lập, quảng bá uy tín của Anthony. Từ đó Hội Thánh được nghe tin tức về phong trào mới này.

Pachomius (292 - 346) là một lính Ai Cập, trở thành tín đồ, đưa ra một hình thức tu viện mới: 'Các thầy tu không sống riêng biệt nhưng liên hệ với nhau chặt chẽ như một hội đoàn, có kỷ luật nhất định và nghiêm ngặt. Họ làm những việc được giao phó, đúng giờ thì họp lại thờ phượng và mặc áo giống nhau. Rất nhiều người nam

và nữ ưa thích hình thức mới này và gia nhập đông đảo. Vào giữ thế kỷ thứ 4, có 10 tu viện như thế được thành lập tại Ai Cập. Bà chị của Pachomius cũng sáng lập 2 tu viện cho phụ nữ.

Vào năm 362, Martin ở Tours, một ngày kia lấy áo choàng của mình phủ cho một người hành khất, và trở nên nổi tiếng từ đó. Ông sáng lập một tu viện tại Poitiers (Pháp) và cổ võ phong trào này. Ông Jerome vừa dịch Kinh Thánh vừa trông nom một tu viện tại Bết-lê-hem. Ông cũng kiểm soát một nữ tu viện gần đó do hai mẹ con bà Paula một người La Mã giàu có xây cất. Các họa sĩ thời phục hưng thường vẽ tranh ông Jerome ngồi viết gần bàn g iấy, trong một phòng nhỏ, bên ông có một con sư tử hoặc ngòi, hoặc ngủ dưới chân.

Basil (330 - 370) Giám mục thành Sê-sa-rê (Caesaria) ở xứ Cáp-ba-đốc (Cappadocia) là một trong những giảng sư có tài về việc giải thích bản Tín Điều Nicaea, sửa đổi lối sống tu viện do Pachomius lập ra. Basil đưa vào tu viện nhiều công việc bình thường hơn và tuy lối sống vẫn khổ hạnh nhưng bầu không khí chung có phần thoải mái hơn. Chính ông là người đặt ra quy luật một ngày tu viện có 8 buổi thờ phượng chung. Những giờ xen kẽ là để học Kinh Thánh, làm việc thủ công hay những việc khác có ích như dạy học trẻ em. Bà Macrina chị của Basil ở Caesarea và cũng là chị của Gregory ở Nissa, cũng là một nhà thần học có tài năng và chính bà đã đặt nền móng cho nếp sống của những nữ tu.

## HỘI THÁNH BÀN TRƯỞNG

Từ ban đầu Hội Thánh đã vâng lệnh Chúa Christ đi rao Tin Lành 'cho đến cùng trái đất' ([Cong Cv 1:8](#)). Trước khi Hoàng Đế Constantine ban sắc lệnh Milan, những nhà truyền giáo Cơ-Đốc cũng đã đặt chân lên hầu hết Đế Quốc La Mã và còn đi xa hơn nữa. Như ta đã biết, vào cuối thế kỷ thứ hai Tin Lành đã được giảng cho Anh Quốc khi còn là thuộc địa La Mã. Người tử đạo đầu tiên tại Anh là Alban, ông tử đạo trong thời kỳ Hoàng đế Diocletian hành hại tín đồ. Năm 314 có 3 Giám Mục người Anh đến dự hội nghị ở Arles (Pháp).

Về phía Đông có xứ Armenia, một vương quốc chịu phục dưới quyền đế quốc La Mã. Xứ này là xứ đầu tiên nhận Cơ-Đốc Giáo làm quốc giáo. Gregory được gọi là 'người soi sáng' đã khuyên vua Tiridates tin Chúa và làm phép Báp Têm cho vua vào năm 301, việc này xảy ra 11 năm trước khi Constantine chiến thắng ở cầu Milvian, dưới những cơ mang dấu hiệu Cơ-Đốc.

Phía Bắc sông Danube, có Ulfilas (311 - 383) mệnh danh là 'Sứ Đồ của người Goth' đã kêu gọi được nhiều ngòi Visigoth trở lại tin Chúa. Ông này tin Chúa tại Constantinople và năm 341 được phong làm Giám Mục lưu hành. Vì ngôn ngữ Goth chưa có chữ viết nên Ulfilas phải dựa vào chữ Hy Lạp và La Tinh mà sáng tác ra một cách chép văn Gothic để dịch Kinh Thánh ra tiếng Gothic. Đến thế kỷ thứ 5, một Linh Mục có học ở Armenia, tên là Mestrop cũng gặp một tình trạng như vậy. Ông cũng phải sáng chế ra một cách dịch Kinh Thánh cho Hội thánh

Armenia. Trong tập khảo cứu về lịch sử Cơ-Đốc, tác giả Kenneth Scott Latourette kết luận : 'Nhiều ngôn ngữ đã được chuyển ra chữ viết bởi công của các nhà truyền giáo Cơ-Đốc, nhiều hơn bất cứ các cơ quan nào khác hợp chung lại'.

Ulfilas tôn kính bản văn xưa nên ông dịch sát nghĩa, gần như dịch từng tiếng, nhưng ông e ngại về tinh thần sách 'Các Vua', nên không dịch, sợ rằng đọc sách này dân chúng trong nước ông lại nổi máu chiến tranh. Vào thế kỷ thứ 6 người ta có chép lại những sách Tin Lành đã dịch ra tiếng Gothic, gọi là quyển Codex Argenteus chép bằng bạc và vàng trên giấy tím, hiện nay tàng trữ tại trường đại học Uppsala, Thụy Điển.

Nhờ công lao của những người truyền giáo như Ulfilas nên khi các giống dân Visigoth, Ostrogoth, Vandal, Burgundian và Lombard vượt qua bờ cõi đế quốc trong thời các bộ lạc di dân, có nhiều người đã tin Chúa rồi. Cả những bộ lạc không biết Chúa cũng bỏ những thần ngoại đạo cũ của họ khi họ đến định cư giữa dân chúng La Mã, vì họ cho rằng văn minh và Cơ-Đốc Giáo đồng nghĩa với nhau và họ sốt sắng tiếp nhận cả hai.

Những bộ lạc Celtic ở Ai Nhĩ Lan, từ lâu đời vẫn là ngoại đạo, được ông Patrick (389 - 461) hướng dẫn đến niềm tin Cơ-Đốc. Ông này là thế hệ thứ ba từ khi Cơ-Đốc Giáo vào đất Anh. Khi còn nhỏ, những toán cướp từ Ai Nhĩ Lan đến phá phách nông trại của cha ông có lẽ bây giờ ở xứ Wales, họ bắt ông và đem về đất Ai Nhĩ Lan ngoại đạo. Ông ở đó 6 năm làm nô lệ chăn bầy chiên cho chủ. Theo lời ông nói, ông đã cầu nguyện 'mỗi ngày 100 câu, mỗi đêm cũng gần số đó, khi phải ở trong rừng trong núi'. Một đêm kia, trong giấc mơ, ông nghe tiếng nói : 'Chiếc tàu của anh đã sửa soạn xong', ông bèn chạy vội ra bờ biển và thuyết phục chủ tàu cho ông về quê hương. Sau đó ông lại nghe tiếng nói giống Ai Nhĩ Lan có vẻ như van nài ông : 'Hỡi con trẻ thánh, hãy trở lại và đi giữa chúng tôi một lần nữa'. Ông theo học tại một tu viện ở Gaul (pháp) được phong chức Giám Mục vào năm 432 và trở lại Ai Nhĩ Lan. Tại đây ông tiếp những người cầm đầu bộ lạc tin Chúa, lập những giáo phận và đặc biệt thành công trong việc thành lập các tu viện trên các đất đai mà các người cầm đầu bộ lạc dâng hiến. Sau 29 năm truyền giáo, Ai Nhĩ Lan đã trở thành như một xứ Cơ-Đốc Giáo.

Clovis (466 - 511) khi 15 tuổi đã nối ngôi vua của dân Salian Franks, và đem bộ lạc gốc Đức này đánh thắng quân La Mã ở Bắc và Trung nước Pháp (Gaul). Không bao lâu sau đó ông kết hợp được toàn dân Frank chịu quyền cai quản của ông. Vợ ông là Clotilda, một công chúa Burgundian, vì thuộc về dòng La Mã chứ không phải giòng Arian, nên khuyên ông nên theo đạo của bà, tức là Cơ-Đốc Giáo. Do đó năm 496 tại Rheims, vua và 3000 người theo ông đã chịu Báp Têm. Clovis được lòng tất cả dân chúng La Mã, được các Giám Mục ủng hộ nên đã mở mang được bờ cõi từ sông Rhine đến chặng núi Pyrénées, gây thiệt hại cho những bộ lạc Đức khác đã theo thuyết Arius từ trước. Bởi vậy Clovis đã thành người lập quốc cho nước Pháp. Ông lấy Paris làm kinh đô, xây nhà thờ của Các Thánh Đô, sau này gọi

là Nhà thờ St. Genevieve. Vì có những người có quyền trong đám dân Franks ngả theo niềm tin chính thống tức là niềm tin chung của dân La Mã, nên những bộ lạc Đức khác cũng đã bỏ chủ thuyết Arius và trở về Cơ-Đốc Giáo chính thống, vì vậy Tây Âu có một sự thống nhất khó có thể đạt được bằng bất cứ cách nào khác. Trong thế kỷ thứ tư và thứ năm (300 - 500), những câu chuyện điển hình này đã chứng tỏ là Hội thánh đã tiến trên nhiều 'mặt trận', vậy nên đến đầu thời Trung Ồ, Hội thánh đã bắt đầu giúp dân ngoại quay về niềm tin thật và tiến lên địa vị có uy quyền thế lực.

(Năm 500 Đến 1500)

## TÌNH HÌNH HỘI THÁNH SAU KHI ĐẾ QUỐC LA MÃ SUY SỤP

Đến thế kỷ thứ sáu, thế giới cổ xưa đã đạt một cao độ trật tự và nếp sống văn minh, nhưng sau đó thì mất năng lực sáng tạo và bắt đầu tan rã. Những dân tộc man rợ xung quanh liên tiếp tấn công bờ cõi đế quốc, La Mã tuy có quân đội đồn trú cẩn mật nhưng cũng không chống lại được từng đợt xâm lăng tiến xuống Tây và Nam vượt qua sông Danube, sông Rhine, và Bắc Hải, rồi chèo thuyền theo giòng sông vào tận miền quê không phòng thủ.

Những trận xâm lăng lớn bắt đầu vào thế kỷ thứ năm. Khoảng giữa các năm 410 - 442, sau khi đã chiếm đóng hơn 300 năm, những đoàn quân La Mã rút khỏi Anh Quốc, để lại số dân chúng đã chịu ảnh hưởng La Mã làm cơ cho những tranh chấp nội bộ và những toán cướp từ mọi phía kéo vào: từ phía Tây có bọn cướp Ai Nhĩ Lan, từ phía Bắc có bọn Pick, từ phía Đông có bọn Jut, Angle và Saxon. Ở nước Ý sau khi vua Alaric và quân Visigoth cướp phá thành La Mã vào năm 410, một đạo quân xâm lăng mới lại đến thành vào năm 452, đó là đạo quân Hung Nô của Attila. Đoàn quân thiện chiến này từ Trung Á kéo đến, lẽ ra đã chiếm được thành La Mã nếu Giáo Hoàng Leo I, một nhà lãnh đạo vĩ đại thời đó, không đích thân ra gặp Attila, không biết ông đã thuyết phục Attila cách nào mà Attila rút lui. Hành vi can đảm này nâng uy tín chức vụ của ông, vì nó chứng tỏ khi các quan cai trị và các tướng tá bỏ trách nhiệm thì Hội thánh sẵn sàng bước ra lấp chỗ trống do chính quyền để lại.

Vào năm 476 là năm Đế Quốc La Mã kể như 'sụp đổ', quân Ostrogoth hạ bệ vị Hoàng Đế La Mã cuối của phương Tây, còn ở phương Đông, dù quân Ba Tư có tiến hành đế quốc Byzantine vào thế kỷ thứ sáu, quân Hồi Giáo tấn công vào thế kỷ thứ 7, đế quốc còn tồn tại được một nghìn năm, mãi đến ngày quân Thổ tràn chiếm vào năm 1453. Những đoàn quân của các bộ lạc xâm lăng tiến đánh Tây Phương đã gây ra nhiều cuộc chém giết, loạn ly ghê gớm đến nỗi nay nhắc đến mấy thế kỷ đầu thời Trung Cổ người ta còn gọi thời đó là 'thời tăm tối'. Một số dân man rợ, khi chiếm được đất mới họ ao ước, liền gấp rút học theo lề lối sống địa phương. Nhưng phần lớn vì muốn đoạt ngay kết quả một nền văn hóa cao, đã mạnh tay cướp lấy bất cứ những gì chúng ước muốn, nên vô tình đã hủy phá tan tành một hệ thống



văn minh chúng tưởng là dễ chiếm lấy, những thật ra chúng không hiểu và không bảo tồn được. Đường sá, hải cảng không được chăm sóc nữa trở thành hư hỏng, làm trở ngại giao thông và thương mại. Dân chúng sợ sệt cho hiện tại, kinh hãi tương lai, không dám có kế hoạch dài hạn. Những thợ xây và các thợ khéo trong các nghề khác chẳng có công việc để sử dụng những kiến thức tài năng chạm trổ trên đá đã làm nổi danh dân La Mã. Cả đến việc xây gạch cũng không còn vì người ta chỉ cần những chỗ trú tạm bợ mộc mạc, những ống máng dẫn nước khi đã hư hỏng thì cứ để hư luôn. Một thành phố như thành La Mã, đã có cả triệu dân nay chỉ còn khoảng 50.000, vì thiếu nước uống. Tai hại hơn cả, những trung tâm học thuật ở La Mã, Alexandria, Carthage, Milan bị hủy hoại và các thư viện bị đốt. Trong những điều kiện như thế thì kiến thức cũng như tư tưởng sáng tạo phải ngưng lại. Nền giáo dục tiêu biến, ngoại trừ trong các tu viện còn sót lại ít người biết đọc hay biết viết, kể cả nhóm thầy tu.

Vào thế kỷ thứ 6 ông Gregory, Giám Mục tại Tours, đã nói : 'nghiên cứu sách vở đã chết hẳn giữa chúng tôi rồi'

Trong thời rối loạn này, khi các quân man rợ và sự ngu dốt đã tiêu diệt hết những thành quả của thời kỳ Hy Lạp - La Mã, chính Cơ-Đốc Giáo đã cứu vãn được những gì còn vớt vát được của nền văn minh hấp hối. Hội thánh nhờ có niềm tin chung, và uy quyền tập trung nơi Giám Mục La Mã, nên đã duy trì được nhiều ý niệm La Mã về vấn đề trật tự và bảo vệ được phần nào hệ thống trong Đế Quốc. Nhờ Kinh Thánh và nghi lễ, Hội thánh còn giữ gìn được ngôn ngữ La Tinh và công trình nghiên cứu học hỏi của người đi trước. Trong thời loạn lạc tuyệt vọng, Hội Thánh vẫn giảng cho dân chúng sự bình an đời đời, niềm phước hạnh mà dù cơ cấu chính trị, kinh tế, xã hội có vô luật pháp đến đâu cũng không xâm phạm được.

Cuối cùng, Hội Thánh là nguồn năng lực thiêng liêng đem về sự hiệp một và sức mạnh cho nền văn minh mới. Thời kỳ lộn xộn dù lâu dài cũng chấm dứt và một nền an sinh tương đối vững hơn xuất hiện. Cơ-Đốc Giáo dấy lên như kẻ tranh đấu cho văn minh Tây Phương. Thời đại những sự kiện này xảy ra có thể gọi là thời đại của niềm tin. Thành phố nào cũng có nhà thờ, các tu viện mọc lên như nấm. Học vấn lại phục hồi, và những nhà thờ là những công trình tiêu biểu nhất thời trung cổ để lại, chúng nó vẫn còn đứng sừng sững như là những biểu hiện niềm tin của các vua, các Giám Mục, và dân chúng, nhắc cho mọi người rằng nước Đức Chúa Trời là một thực tại.

## CHẾ ĐỘ TU VIỆN

Sau khi đế quốc La Mã sụp đổ thì lối sống tu viện xuất hiện từ thế kỷ thứ ba và thứ tư đã ăn sâu vào đức tin cá nhân và sự hết lòng hết ý hầu việc Chúa Christ này trở thành sức mạnh của Hội thánh. Thoạt đầu, nếp sống lý tưởng trong tu viện cốt dành cho những người đơn độc, nhưng về sau nó cũng ảnh hưởng đến lối sống của các người ngoại. Tu viện có thể là nơi ẩn náu cho những ai muốn lánh khỏi những

con rối loạn chính trị và xã hội thời trung cổ. Không những thế, tu viện còn là nơi học hỏi, huấn luyện những thầy tu đi rao truyền Phúc Âm cho các dân man rợ. Có nhiều dòng tu cố võ việc lao động tay chân, vả lại phần lớn các dòng tu phải tự túc nên họ huấn luyện cả nghề trồng trọt cây cấy để sinh hoa lợi mà sống. Các thầy tu dọn cỏ, dẫn nước vào những mảnh đất của họ, trồng hoa màu, chia khu trồng cây ăn trái vườn nho, nuôi bò, cừu, gà và lập những trang tại kiều mẫu, và do đó lao động được đề cao. Họ cũng tiếp tục làm tròn trách nhiệm quản trị thiên nhiên theo lối dạy trong đoạn một sách Sáng Thế Ký.

Chính các tu viện đã có công lớn bảo vệ được kho tàng kiến thức thời xưa.

Cassiodorus (480 - 575) là một nhà văn, một thầy tu và một nhà chính trị giỏi, đã lập 2 tu viện tại đất của nhà ở miền Nam nước Ý. Khi xong nghiệp chính trị, làm thư ký cho đại đế Theodoric, ông rút về tu viện ở Vivarjim, tại đây ông thu góp sách, lập nên một thư viện dạy các tu sĩ học và chép lại kinh điển xưa, dịch sách Hy Lạp ra tiếng La Tinh. Ông cũng nhuận chánh bản Vulgate La Tinh của Jerome căn cứ vào những bản văn chép tay khả tin nhất, là vì trong khoảng 150 năm sau khi sách này được dịch ra những người chép lại đã chép sai nhiều chỗ. Như vậy khắp nơi các tu viện vẫn làm các công việc hàn găn xây dựng nói trên ngay đang thời các thế kỷ tối tăm hắc ám bao trùm cả Tây Âu.

Ông Benedict ở Nursia (480 - 547) là nhà cải cách nổi danh, tác giả quyền luật dòng Benedictine đã ngăn ngừa phong trào tu viện Tây Âu khỏi sự khổ hạnh quá độ cũng như những điều kiện thiếu sáng suốt khác. Năm 529 ông thành lập tu viện mẫu, dòng Benedictine trên đồi Monte Cassino, khoảng giữa La Mã và Naples. Ở đây, các học viên được thử sống một năm đời sống tu viện, sau đó mới tuyên thệ sống thanh bần chịu vâng phục và tiếp tục ở lại cộng đồng dưới sự hướng dẫn của một viện trưởng được bầu lên. Tuy ông Benedict tin rằng thờ phượng là nhiệm vụ đầu tiên của tu sĩ, ông cũng buộc học viên phải học và làm việc đồng áng cũng như tiểu công nghệ vì ông nói : 'Nhàn hạ là kẻ thù của linh hồn'. Suốt dòng lịch sử, phái Benedictine đã cung cấp 24 giáo hoàng, 200 tổng giám mục và khoảng 15.000 văn sĩ và học giả cho Hội Thánh.

Chế độ tu viện Celtic (vùng Bắc Pháp) khác với chế độ Benedictine vì có tính cách huyền nhiệm hơn và cũng khắc khổ hơn. Tại những tu viện do Patrick sáng lập sau 432, những con trai và con gái các gia đình lớn ở Ai Nhĩ Lan thường ở trong những căn lều, vách làm bằng cành cây đan, xung quanh có tường đất. Ở đó họ được yên ổn phần nào vì khắp nơi các bộ lạc nổi lên tranh hùng tranh bá.

Công việc truyền giáo cũng như lòng ham học là những đặc điểm của chế độ tu viện Ai Nhĩ Lan khởi đầu từ ông Finnian khi ông sáng lập một tu viện và trường học tại Clunard vào năm 520. Tu viện này trở thành mẫu mực cho các tu viện Clomacnois, Bangor, Derry, Durrow và Kells. Thế kỷ thứ 6 và thứ 7 là thời vàng son của nền học vấn tu viện Ai Nhĩ Lan, các trường học tại tu viện dạy đủ môn : La Tinh, Hy Lạp, toán số, hình học, thiên văn học, địa dư, âm nhạc, thu hút nhiều học

giả các nơi từ Âu Châu đến và ảnh hưởng vào sự phục hưng nền học vấn thời các vua Carolingian tại Pháp (từ 751 trở đi)

Năm 563, Columba là học trò của Finnian, cùng 12 đồng bạn dùng những thuyền nhỏ bọc da thú khởi hành từ Scotland đi truyền giáo hải ngoại. Họ cập bến bờ biển phía Tây Tô Cách Lan (đảo Iona, thuộc quần đảo Inner Hebrides). Tại đây họ thành lập một tu viện, sau này trở thành trung tâm Cơ-Đốc Giáo Celtic. Từ đó họ rao truyền danh Chúa khắp Tô Cách Lan đến tận vùng đông Bắc là Northumbria. Ông Adamnan sau này làm viện trưởng tu viện Iona có viết tiểu sử Columba, và trong tập này lần đầu tiên có nói đến con quái vật hồ Loch Ness. Sách chép rằng quái vật đã đe dọa một người bơi và nó lui đi khi ông Columba làm dấu thập tự. Năm 634, Aidan, một thầy tu ở Iona lập một tu viện trên đảo Lindisfarne ngoài bờ biển Đông Bắc nước Anh. Từ trung tâm này, Cơ-Đốc Giáo lan truyền khắp Northumbria, ở đây bao nhiêu dấu tích của Cơ-Đốc Giáo La Mã trước kia đều bị những người Anglo Saxon xâm lăng mới đến bôi xóa hết. Những thầy tu Ai Nhĩ Lan cũng sang Châu Âu lập tu viện St. Gall ở Thụy Sĩ, tu viện Bobbio ở Bắc Ý. Thời Trung Cổ những nơi này nổi tiếng vì các thư viện và đời sống văn hóa tại đó. Trong các tu viện Ai Nhĩ Lan, người ta luôn luôn chép lại các bản văn xưa và cách trang trí sách về chữ đầu trang trở nên một nghệ thuật có giá trị. Một trong những ví dụ đặc sắc của nghệ thuật Celtic (Tây Bắc Âu) là quyển sách Tin Lành tiếng La Tinh chép tay, trang trí bằng những nét xoắn cuộn với nhau và những hình người, hình thú rất đẹp, gọi là sách của tu viện Kells. Sách có lẽ làm xong hồi thế kỷ thứ 8, thứ 9, nhưng được đem về Kells ở Ai Nhĩ Lan trong thời gian quân Bắc Âu cướp phá. Bây giờ sách nói trên được lưu giữ tại thư viện Đại Học Ba Ngôi (Trinity) tại Dublin. Những sách khác có dấu tích nghệ thuật Celtic là quyển sách của tu viện Dorron (thế kỷ thứ 7) cũng được lưu giữ ở thư viện nói trên; và quyển Tin Lành Lindisfarne, sách này được để tại thư viện Anh ở London. Những trang trí trong quyển này đẹp và hoa mỹ đến độ người xem có thể ngỡ là thiên sứ họa chứ không phải tay người họa được.

Trong những người Anh Quốc được huấn luyện tại tu viện rồi sang truyền giáo tại lục địa nổi tiếng có ông Infrid (Winfrith) là người gốc Anglo Saxon ở Devonshire, xuất thân từ tu viện Benedictine gần Winchester. Giáo hoàng Gregory III đặt tên ông là Boniface (680 - 754). Vị 'Sứ Đồ Đức Quốc' này (người đồng thời gọi ông như vậy) làm việc cho Charles Martel (ông của Charlemagne). Nhiều người tin Chúa tại các vùng Thuringia, Hesse, Franconia và Bavaria qua công cuộc truyền giáo của ông. Trong các tu viện ông lập nên để ủng hộ niềm tin mới, có trung tâm Benedictine lớn, dạy học và huấn luyện truyền giáo tại Mainz vào năm 746, ông Boniface, với tư cách là người có chức vụ hơn cả, tổ chức lại Hội thánh và duy trì kỷ luật giữa một thời kỳ rối loạn. Lúc về già ông trở lại Friesland (Holland) nơi ông khởi đầu sứ mạng. Tại đây sau này ông bị tử đạo dưới tay bọn ngoại đạo thờ thần Notan.

Một số người nam và nữ có trình độ khá nhất đã gia nhập các tu viện. Họ cầu nguyện, thờ phượng và giữ niềm tin sống động. Họ giúp đỡ người nghèo, người bệnh và người đói. Vì họ có tài nghiên cứu nên lo việc dạy học và giáo dục, và vì họ tin vào một thế giới trật tự do Đức Chúa Trời cai trị, Ngài là Đáng đáng tin cậy và không lầm lẫn nên họ đặt được nền móng cho khoa học hữu lý phát triển. Thế giới bấy giờ, chính trị rối ren 'như tơ vò', loạn lạc kh ông ngừng gây nhiều khôn khó, những học giả chỉ có cách ẩn vào tu viện mới được yên ổn và có thì giờ nghiên cứu viết lách. Ở trong đó ít nhiều không bị xâm phạm quấy rối, người ta chép kinh điển và những sách t hánh khác, các nghệ sĩ sáng tạo những trang trí chữ, họa phẩm kiến trúc, điêu khắc phẩm, âm nhạc, thêu, làm đồ kim khí, thủy tinh, thủy đều phục vụ cho Cơ-Độc Giáo và vinh quang Đức Chúa Trời.

Các tu viện càng ngày càng được ưu chuộng vì có hiệu quả tốt, nên càng trở nên giàu có và có uy quyền. Nay lại lôi cuốn những kẻ lười biếng là những ai chỉ muốn tránh những gian nan và lo lắng của đời sống. Và khi kỷ luật trong tu viện lỏng lẻo, lòng sốt sắng giảm sút, tất nhiên phải có những phong trào cải cách.

Năm 910, công tước xứ Aquitaine là William the Pious lập một tu viện tại Cluny, nơi này sau trở thành trung tâm tôn giáo và văn hóa quan trọng nhất ở Âu Châu hồi thế kỷ 10 và 11. Hai ông viên trưởng đầu tiên là Berno và Odo đã thiết lập những cải cách mà cả ngàn nhóm cộng đồng dưới quyền họ quản trị đều bắt chước rập rập. Kết quả phong trào Cluny là có nhiều nhà thờ được xây cất, nghi lễ được tô bồi, nhiều trường được thành lập và các phòng học, phòng chép sách được mở rộng.

Dòng Cluny cũng hơi đi quá trớn trên phương tiện xa xỉ và kiến trúc quá cầu kỳ, nên lại có dòng Cistercian được thành lập năm 1098 trong rừng Citeaux gần Dijon. Đây là một dòng khác đã có nhiều ảnh hưởng trong thế kỷ 12. Vị viện trưởng thứ 3 gốc Anh Quốc, tên là Stephen Harding (1134), tổ chức nếp sống khổ hạnh trong cộng đồng. Những tu sĩ để ít thì giờ thờ phượng nhưng ra công phát cỏ, nhặt đá tháo nước vùng lầy mở mang được nhiều đất trồng trọt tốt. Chính là các tu sĩ dòng này đã nhập cảng nghề len vào Anh quốc và nhiều kỹ thuật nông trại vào Âu Châu, cả hai điều này đã mang lại lợi lớn về kinh tế. Trong vòng 150 năm, có hơn 600 tu viện xin gia nhập vào hệ thống tu viện Citeaux, nhận sự lãnh đạo của viện trưởng. Một trong những tu viện trưởng là St. Bernard (1090 - 1153) nổi tiếng thời Trung Cổ, sáng lập tu viện Clairvaux và làm viện trưởng nhiều năm.

St. Bernard thích âm nhạc và trong một thư ông viết ông có nói : âm nhạc phải 'chiếu ra' chân lý Cơ-Độc, và làm vui tai để cảm động lòng người. Âm nhạc nếu giữ được thế quân bình giữa sự bừa bãi và sự khắc khổ, tất nhiên sẽ ảnh hưởng vào bản chất con người. Những bản văn và những bài giảng ông viết ra, luôn luôn phản ảnh lời cũng như lối viết ra tư tưởng kinh điển nên ta thấy rõ ông rất tinh thông sách Thánh. Ông khuyên mọi người nên quay về nghiên cứu Kinh Thánh nhưng nói rằng đôi được lòng người quan trọng hơn là giảng Kinh Thánh. Nhiều người

biết danh ông, như một giảng sư bậc nhất thời đó lại là người lãnh đạo tôn giáo có thế lực nhất ở Tây Âu, ông kêu gọi cuộc Thánh chiến thứ hai, chẳng may thất bại. Sự sinh hoạt thành thị đến thế kỷ thứ 13 được hồi phục lại, nay cần một lối sinh hoạt mới. Cho đến bây giờ Hội Thánh chỉ chăm sóc cho dân chúng các làng mạc thôn quê, nay xuất hiện những dòng khát sĩ, mục đích của họ là đáp ứng nhu cầu cho dân chúng thành thị. Tu sĩ (Tiếng Hy Lạp là Monachs đơn độc) là người ở riêng biệt, những khát sĩ (tiếng La Tinh Franter, tiếng Anh xưa : Frere : anh em) không ở trong tu viện kín mà đi ra giảng dạy nơi nào có dân ở.

Dòng black Friar cũng gọi là Dominican là do ông Dominic gốc (1170 - 1221) ở nhà thờ Castile (Tây Ban Nha) sáng lập. Ông cùng đồng bạn, đều sống thanh bần truyền giáo tại vùng Languedoc (Pháp) vừa giảng vừa học, những tu sĩ Dominican đến dạy học tại những trường đại học mới mở. Những ngày đi hành khát họ mang theo một cái túi, nay đã đổi thành 'giải áo' của những người tốt nghiệp đại học.

Một người khác, sáng lập dòng Grey Friar thường gọi là dòng Franciscan, ai cũng yêu mến và biết đến, đó là Francis of Assisi (1182 - 1126) ông vui tính, giản dị, chỉ biết hầu việc Chúa, tôn trọng mọi vật sống như anh chị em, ông biểu hiện cho những lý tưởng thuộc linh cao nhất thời trung cổ. Ông được cảm hứng sáng lập dòng Friars đi chân không, khi một sáng kia vào giờ lễ, một Linh Mục đọc đoạn Kinh Thánh [Mat Mt 10:5-14](#) Chúa sai 12 môn đồ đi rao giảng Tin Lành. Dòng Franciscan thu hút được những bộ óc thông minh và tâm thần cao quý nhất thời đó và đóng góp được 4 giáo hoàng và nhiều học giả.

Sau đây chúng ta sẽ thấy phần lớn hai dòng khát sĩ Dominican và Franciscan, nhờ có nhiều học giả thông thái, đã đóng góp nhiều hệ thống luân lý học, triết học và thần học thời Trung Cổ và nhờ đó các trường đại học được mở mang.

## HỌC THUẬT VÀ TRIẾT LÝ CƠ-ĐỐC THỜI TRUNG CỔ

Hệ thống tư tưởng phát sinh từ các trường học đầu tiên tổ chức trong các tu viện và nhà thờ, hoạt động trí thức được thức tỉnh sau nhiều thế kỷ mê man, thụ động. Đó là hệ thống tư tưởng Cơ-Đốc trong thời Trung Cổ. Hệ thống này căn cứ trên uy quyền Kinh Thánh, các Giáo phụ và cả Aristotle nữa. Hệ thống này khởi thủy từ Anselm, Viện trưởng tu viện ở Bec, sau làm Tổng Giám mục tại Canterbury vào năm 1093. Ông đưa ra ý kiến nói rằng vì trí óc con người có thể quan niệm về một Thượng Đế hoàn hảo, chẳng có ai hơn, vậy thì chính đó là bằng chứng thật có một Đức Chúa Trời. Khẩu hiệu của Anselm là Fides Quaerens Intelligentiam' nghĩa là 'Niềm tin tìm thông hiểu' nói lên điều mà các học giả tin quyết, ấy là lẽ phải và luân lý có thể giúp hiểu sâu hơn và làm sáng tỏ niềm tin và các giáo thuyết của Hội Thánh.

Nhiều triết gia thời Trung Cổ cho rằng đức tin và lý trí là hai phần của một toàn bộ, và họ tin rằng trí óc con người có thể dung hòa hai phần ấy. Trong thời con người còn mê tín dị đoan và sự tin kính thường khi vô lý, những người theo hệ thống tư

tưởng mới tìm cách đạt một nền móng hợp lý cho Cơ-Đốc Giáo. Những cuộc tranh luận của họ có khi đi vào chi tiết đến độ như 'chẻ sợi tóc làm đôi'. Họ đặt những câu hỏi như là : Có bao nhiêu thiên sứ có thể đứng trên đầu một mũi kim? Tuy nhiên vì họ muốn tìm ra một niềm tin hợp lý nên lòng ham học càng trở nên sốt sắng, lời nói cần được minh bạch hơn và tư tưởng cần chính xác hơn. Kết quả là vô số sinh viên kéo nhau đến các đại học mới, đặc biệt là tại Paris và Oxford, cả hai buổi đầu đều nổi danh vì có nhiều thầy giỏi về triết học và thần học. Thời đó, Kinh Thánh là một trong những đề tài chính trong chương trình học. Trường Đại học Paris, thành lập thế kỷ thứ 12, là một trung tâm dẫn đầu việc nghiên cứu tư tưởng Aristotle, triết lý của ông đã gia nhập Tây Phương giữa các năm 1120 - 1220 nhờ sách của 2 tác giả: Triết gia Averroes gốc Tây Ban Nha Ả Rập, và học giả Maimonides gốc Do Thái. Các giáo sư đã thu hút nhiều sinh viên từ khắp Âu Châu đến các trung tâm học vấn lớn nhất trên, trong thế kỷ 12 là các ông Peter Abelard, William of Champeaux, Hugh of St. Victor, và Peter Lombard.

Đến thế kỷ 13, hệ thống tư tưởng này đạt đến độ phát triển cao nhất nhờ học giả Dominican và Franciscan dạy ở Paris và Oxford. Hai vị thầy Dominican xuất sắc là Albertus Magnus (c. 1280) một trong những học giả đầu tiên nghiên cứu tư tưởng Aristotle và học trò của ông là Thomas Aquinas (1274). Người ta nói ông này đã 'Cơ-Đốc hóa Aristotle'. Ông ta là một bậc trí thức lớn rất lỗi lạc thời đó. Ông viết bộ Summa Theologiae vào năm 1265 để dung hòa lý trí với tôn giáo. Thi sĩ Dante xúc động sâu sắc vì quyển sách nổi tiếng trên nên viết vở kịch Divine Comedy, ông sáng tác ra một lối trình bày độc đáo về ý niệm triết học và thần học của Aquinas.

Ngày nay, quyển Summa của Thomas Aquinas là căn bản thần học của Giáo hội Công giáo La Mã. Người ta gọi hệ thống thần học của ông là Thomism.

Dòng Franciscan có khuynh hướng chống đối thuyết Thomism. Ông Bonaventura (1274) người viết tiểu sử St. Francis và quản lý dòng Franciscan, không đồng ý với Thomas Aquinas, người bạn và đồng sự của mình tại đại học Paris. Ông tranh cãi là vì ông sợ rằng lý luận nhiều quá sẽ làm mất niềm tin. Ông chỉ chấp nhận sự dạy dỗ của Aristotle đến độ những lời dạy dỗ này phù hợp với sự khai thị và truyền thống Cơ-Đốc mà thôi.

Nhưng người Franciscan ở Oxford lại chống ông Aquinas xa hơn nữa. Một trong những người này, Roger Bacon (1294) một học giả rất giỏi, đi trước thời đại của mình về khoa học thiên nhiên, chỉ trích những học giả chỉ tin tưởng vào Aristotle để mở rộng kiến thức. Ông không muốn đọc những bản dịch La Tinh vụng về nói về Aristotle, (Chính ông biết tiếng Do Thái và Hy Lạp), ông khuyên các học giả nên thí nghiệm với những vật có thật vì ông tin rằng, nếu nghiên cứu ra những nguyên tắc chỉ huy những vật đó, thì sẽ có ngày con người bay được, đi xe không cần ngựa kéo, đi tầu biển không cần buồm hay chèo!

Duns Scotus (1308) thuộc về nhóm Franciscan ở Oxford là một nhà tư tưởng, luân

lý xuất sắc, ông đề ra một hệ thống tư tưởng thần học mới cho rằng mặc dầu thần học dành nhiều chỗ cho sự hoài nghi triết học nhưng triết gia phải chấp nhận uy quyền của Hội Thánh. Đến đây thì kiến thức của hệ thống tư tưởng Cơ-Đốc có câu kỳ hồi đó bắt đầu nứt rạn.

Sau rốt, William of Ockham (1349) học trò của Duns Scotus, cũng như thầy dạy học tại Oxford, thuộc phái Franciscan, nói rằng đức tin khái thị ra những chân lý vượt quá tầm lý trí và thần học Cơ-Đốc không thể kết hợp được với hình thức ngoại đạo của triết học Aristotle được. Thế là hệ thống tư tưởng Scholasticism bị hoàn toàn suy sụp. Ockham dạy rằng người tín đồ dựa vào uy quyền Kinh thánh mà thôi, không dựa vào quyết định của Giáo Hoàng hay giáo hội nghị, đó là một sự dạy dỗ mà sau này ông Martin Luther ca ngợi, tôn ông Ockham là 'thầy yêu quý' Dù hệ thống tư tưởng Cơ-Đốc thời trung cổ (Scholasticism) không giải thích được một cách hữu lý tất cả các giáo thuyết của Hội Thánh, nhưng hệ thống ấy cũng đã tạo nên một khuôn mẫu tư tưởng thời trung cổ, cũng hùng hồn, phong phú, tỉ mỉ, tế nhị như kiến trúc Gothic phát hiện thời ấy, hơn nữa, tuy không đạt được mục tiêu, hệ thống này cũng thành công ở chỗ dạy con người biết suy tư và giải thoát Âu Châu khỏi đêm dài tối tăm.

## CHẾ ĐỘ GIÁO HOÀNG

Chế độ Giáo Hoàng từ thời Trung Cổ đã phát triển thành một trong những cơ cấu đặc sắc nhất. Lúc ban đầu, các Giám Mục và Linh Mục đều được gọi là 'pope' từ từ ngữ La Tinh 'Papa' (cha). Nhưng từ thế kỷ thứ 6 danh hiệu 'Pope' đã chỉ dành cho Giám Mục La Mã. Phải đến thế kỷ thứ 9, Gregory VII mới ra lệnh rõ ràng là từ đây chỉ Giám Mục đương nhiệm tại La Mã mới được gọi là Giáo Hoàng thôi.

Sự ưu việc của Hội Thánh La Mã được căn cứ trên tục truyền rằng Sứ Đồ Phi-e-rơ đã sáng lập Hội Thánh này, chính Phi-e-rơ cũng làm Giám Mục đầu tiên, sau nữa là theo 3 đoạn sách Tin Lành [Mat Mt 16:18-19](#); [LuLc 22:32](#); [GiGa 21:15-17](#) người ta có thể cho rằng những đoạn này như có hàm ý là ông Phi-e-rơ được Chúa giao cho chức vụ lãnh đạo toàn thể Hội Thánh.

Thế kỷ thứ 5, Giám Mục Leo the Great (400 - 461) người đã giải cứu La Mã khỏi Attila cầm đầu rợ Hung (Hun) nói rằng địa vị cao hơn hết của Phi-e-rơ đối với các Sứ Đồ về phương tiện đức tin cũng như quản trị, phải thuộc về những người nối tiếp Phi-e-rơ làm Giám Mục La Mã.

Năm 445, Leo yêu cầu được Hoàng Đế Valentinian III ban sắc lệnh truyền các Giám Mục và hàng giáo phẩm mới phải vâng lời Giám Mục tại La Mã, vì vị này có 'uy quyền của Phi-e-rơ'

Địa vị của chế độ Giáo Hoàng được Gregory the Great (540 - 604) củng cố, ông này là người đầu trong số 16 người cùng mang tên Gregory. Ông có tài quản trị và có lòng xây dựng một xã hội La Mã trật tự tôn trọng luật pháp nên đã thành công trong sứ mạng lãnh đạo tinh thần của ông. Ông sinh trưởng trong một gia đình

thượng thư giàu có; khi ông trở thành thầy tu ông đã thành lập 7 tu viện Benedictine trên đất của gia đình. Câu chuyện sau được nhiều người biết: Một ngày kia Gregory thấy có nhiều thiếu niên tóc hung bị rao bán làm nô lệ ở chợ La Mã. Ông hỏi: 'Chúng là ai?' người ta trả lời ông đó là dân Angle ở Anh đó, ông nói: 'Sao lại bán người Angle, mặt họ như mặt thiên sứ, thì họ phải đồng kế tự với các thiên sứ trên trời mới đúng'. Ông nóng lòng muốn đem những người Angle trở lại cùng Chúa, ông định lên đường đến tận quê hương họ nhưng sau 3 ngày Giáo Hoàng kêu ông trở lại.

Năm 590 ông được bầu làm Giáo Hoàng. Ông nhận chức vụ tuy có bệnh lâu năm không khỏi. Ông là một thầy tu đầu tiên trở thành Giáo Hoàng. Ngồi chức vụ cao như vậy đang lúc quyền cai trị trong nước sút kém, ông mộ quân đánh người Lombard, ra lệnh cho các tướng tá, cắt đất tỉnh trưởng, sửa lại các ống dẫn nước, nuôi kẻ nghèo khó bằng hoa lợi ruộng đất của Hội Thánh và bang giao với các vua ở Âu Châu. Từ đó có những hoạt động thế gian của chức vụ Giáo Hoàng.

Giáo Hoàng có nhiệm vụ duy trì kỷ luật chặt chẽ trong hàng giáo phẩm. Ông cũng nhấn mạnh là uy quyền của Giáo Hoàng phải ở trên những quyết định của Giáo Trưởng tại Constantinople. Năm 596, vì còn muốn rao truyền Tin Lành cho Anh Quốc, ông Gregory sai bạn mình sau này mang tên là Augustine ở Canterbury cùng với 40 thầy tu xuất thân từ tu viện của chính ông thành lập tại La Mã, đi mang sứ điệp của Chúa cho người Anglo Saxon. Những người truyền giáo đầu tiên lên bờ ở Kent, đặt căn cứ ở Canterbury và bắt đầu công việc kêu gọi dân Anh trở lại cùng Chúa.

Trên nhiều phương diện, ông Gregory là vị Giáo Hoàng tài ba hơn hết trong các vị Giáo Hoàng thời trung cổ. Tác giả Williston Walket viết như sau trong quyển 'lịch sử Hội Thánh Cơ-Đốc'. Hội Thánh đã phát triển theo những đường hướng mà chính ông Gregory đã nhằm. Ông tự lấy tên là Servus Servorum Dei, 'người hầu việc các tội tớ của Đức Chúa Trời'. Ông còn là một nhà lãnh đạo xuất sắc nhờ tài nghiên cứu và giảng dạy nữa. Ông viết sách phổ biến những chủ thuyết của Augustine, vị Giám Mục nổi danh ở Hippo. Thời đó ca nhạc thờ phượng rất khác nhau ở nhiều Hội Thánh rải rác khắp đó đây, đe dọa tính chất thống nhất của sự thờ phượng và cả đến niềm tin nữa. Ông Gregory bèn lập ra một loại nhạc Cơ-Đốc duy nhất cho Lễ Mi Sa. Loại nhạc này gọi là điệu ca Gregory hay là Plain Song, tức là một kiểu như vừa hát vừa nói.

Thời Trung Cổ cũng là thời hay xảy ra những vụ tranh chấp bất đồng trong những mối liên hệ giữa Giáo Hoàng và chính quyền trong nước. Pepin the Short con của Charles Martel và bố của Charlemagne, muốn được Giáo Hội cho phép trước khi ông truất phế vị vua vô quyền cuối cùng của triều đại Merovingian và tự mình nhận chức vua của dân Frank. Do đó, ông nhờ Giáo hoàng Zacharias giúp.

Zacharias vội vàng chuẩn y ngay, nói rằng: 'Thà để người có quyền cai trị được làm vua, hơn là giữ kẻ chỉ xưng vua mà không có khả năng'. Trong lễ phong vương



cho vua Đức, những nhà quý tộc Frank nâng cao cái khiên mà Pepin đứng trên đó, nhưng đến năm 751 mới được xúc dầu và đội vương miện, vua tự do lấy tên là Gratia Dei Rex Francorum, 'Vua dân Frank bởi ân điển Đức Chúa Trời'. Một ý niệm mới về tước vua nảy sinh ra từ đó, theo lời sử giả người Anh Edward Gibbon 'Một trưởng bộ lạc Đức nay hóa thành một người được xúc dầu của Chúa'. Một vua, 'bởi ơn của Đức Chúa Trời từ nay sẽ được coi như đại diện của Đức Chúa Trời trên đất, và việc thần dân tuân lệnh vua trở thành như một nhiệm vụ tôn giáo. Mặt khác, Pepin nhấn úc dầu và đội vương miện với sự đồng ý của Giáo Hoàng, cho nên từ đó lập ra nguyên tắc Giáo Hoàng có quyền cho phép hay rút lại ngôi tước, một nguyên tắc làm đầu mối cho nhiều vụ bất bình và tranh chấp giữa các Giáo Hoàng và các nhà cai trị thời Trung Cổ.

Vị giáo hoàng kế tiếp Zacharias là Stephen II lại làm vững thêm uy tín của danh hiệu Pepin, khi ông đến thăm viếng Hội thánh St. Denis gần Paris và đội vương miện cho Pepin lần nữa! Ông cũng xúc dầu cho Pepin và các con trai của Pepin, ban cho chúng một danh hiệu "nhà quý tộc cai trị Đế quốc La Mã". Để báo ơn Giáo Hoàng, Pepin tiến quân qua ý và đánh bại quân Lombard. Để công nhận yêu cầu của các Giáo Hoàng được quyền thừa kế đế quốc tại La Mã, Pepin tặng cho Giáo Hoàng lãnh thổ Ravenna đã chiếm được của đế quốc Byzantine. Vụ này gọi là 'quà tặng của Pepin' vào năm 756 và có hậu quả lâu dài về sau : nó đặt nền móng cho các phần đất thuộc Giáo Hoàng và khơi mào cho quyền thế gian của Giáo Hoàng, một quyền được duy trì mãi đến năm 1870.

Con của Pepin là Charlemagne Đại đế (742 - 814) mở rộng lãnh thổ hơn gấp đôi di sản của cha mình và vì có công tái tạo được một Đế Quốc nên gây ra ý niệm một Đế quốc La Mã Thánh. Charlemagne là một nhân vật kỳ tài, một chiến sĩ, một nhà hành chánh một người đỡ đầu cho nền học vấn và giáo dục, lại là một người con tin kính của Hội Thánh, ông là một trong những người lãnh đạo được ngợi khen nhất thời Trung Cổ. Charlemagne cũng chịu Giáo Hoàng phong chức cho giống như cha mình.

Ngày Giáo hoàng Leo III đặt vương miện lên đầu ông, khi ông quỳ tại Thánh đường St. Peter ở La Mã vào dịp Giáng Sinh năm 800, thì tất cả mọi người quen với ý nghĩ Hội Thánh và quốc gia là hai phương diện tương liên chặt chẽ của nước Đức Chúa Trời. Vì đã nghiên cứu sách 'thánh Đức Chúa Trời' của Augustine, Charlemagne nghĩ rằng ông chính là người được cầm quyền một đế quốc thuộc Đức Chúa Trời.

Trong một thư cho Leo, Charlemagne ví Giáo Hoàng như A-rôn và chính mình như Môi-se. Mục tiêu của Charlemagne là cộng tác với Giáo hoàng, ủng hộ Giáo Hoàng chứ không phải vâng lệnh Giáo Hoàng.

Trong cuộc tranh chấp giữa giáo hội và nhà nước hồi thế kỷ 11, có những hoàn thân thế lực muốn kiểm soát Hội Thánh, còn các Giáo Hoàng thì đòi quyền đứng trên các nhà cai trị. Đến một thời điểm suy thoái của lịch sử Giáo Hội, sự tham

những lan tràn và chức Giáo Hoàng bị trắng trợn bán mua, thì một vị Giáo Hoàng mạnh nhất và đáng kể nhất trong các Giáo hoàng Trung Cổ xuất hiện. Đó là ông Hildebrand, ông sinh tại Tuscany, học tại La Mã trong một tu viện dòng Cluny (Xem chương 17). Năm 1073 trong lúc đám tang Giáo Hoàng Alexander II cử hành tại nhà thờ St. John Lateran, dân chúng tôn Hildebrand làm Giáo Hoàng và mặc dầu trước đó ông đã hai lần từ chối, họ cũng bắt ông về nhà thờ St. Peter và tôn ông lên ngôi vị.

Ông lấy tên hiệu là Gregory VII (1220 - 1085) và lập tức cải cách khiến cho Giáo hội vượt lên trên quyền cai trị trong nước và làm cho quyền vị Giáo hoàng đứng cao trên hết. Trong nỗ lực này, người ta thấy ông không vì cao vọng cá nhân mà chỉ dốc lòng làm tròn trách nhiệm thiêng liêng là chặn bầy chien Cơ-Đốc giữa một thời đại vô luật pháp và lòng người độc ác đến dã man. Ông tin rằng quyền thế của Giáo Hoàng là một sự ban cho từ trời và chỉ vì mục đích cứu chuộc các linh hồn và thay đổi các tổ chức của loài người theo những nguyên tắc Cơ-Đốc. Ông đòi hỏi hàng giáo phẩm, dân chúng và nhà cầm quyền, phải tuyệt đối vâng theo lệnh luật của Giáo Hoàng. Ông cảnh cáo các Vua Pháp, Anh, Đức phải bỏ đường tà và vâng theo lời khuyên bảo của ông. Ông giải nghĩa cho William the Conqueror biết rằng quyền của Giáo Hoàng lớn hơn quyền của vua vì đến ngày sau rốt, Giáo Hoàng chịu trách nhiệm cho vua. Hoàng Đế Henry IV ở Đức vì chống lại nên bị dứt thông công. Henry IV muốn xin ân đó nên tìm đến Giáo Hoàng ở Canossa, ông đi chân trần tuyết như một tội phạm, quang cảnh này nói lên sự hạ mình thấp nhất của quyền thế gian đứng trước quyền Giáo Hội.

Thế kỷ 13, Giáo Hoàng Innocent III (1198 - 1216) một Giáo Hoàng tài giỏi, có học thức và tài cai trị, nâng quyền thế gian của Giáo Hoàng lên độ cao nhất. Ông tin rằng nếu những vấn đề thuộc linh đứng trên những vấn đề thuộc thế, và nếu Hội Thánh quản trị tâm linh và các vua thế gian quản trị thân thể thì các vua thế gian phải lệ thuộc Giáo Hoàng. Hành động theo lý thuyết quyền tối cao của Giáo Hoàng, ông dành được và thi hành quyền ấy trên các vương quốc ở Âu Châu để :

Hoặc nhỏ, hoặc phá

Hoặc diệt, hoặc đố

Hoặc dùng, hoặc trọng ([Gie Gr 1:10](#))

Trong các việc chính trị của ông, ông ra lệnh chọn người cầm quyền tại Đế Quốc La Mã thánh và phong tước cho Otto ở Brunswick làm Hoàng Đế. Sau khi Otto sai lời ước hẹn với Giáo Hoàng, ông dứt thông công với Otto và chọn Frederick II nối ngôi. Khi Innocent III chọn Stephen Langton làm Tổng giám mục tại Canterbury (Anh) trái với ý muốn của vua John, vua này làm khó cho hàng giáo phẩm Anh và tịch thu đất của Hội Thánh. Giáo Hoàng trả đũa bằng cách khai trừ, bởi vậy trong 6 năm chuông nhà thờ không vang, cửa nhà thờ đóng không cho tín hữu ra vào.

Cuối cùng Giáo Hoàng dứt thông công với vua John và xui người Pháp đặt kế hoạch xâm lăng Anh quốc. Thấy tình hình bất an, vua John đầu phục Giáo Hoàng

như một sứ quân vào năm 1213 và ưng thuận nộp số thuế lớn hàng năm. Mọi giao hảo mới giữa Giáo hoàng và vua gây hoảng hốt cho Tổng giám mục Stephen Langton, ông sợ hậu quả khó lường được. Ông này hợp sức với các bá tước Anh tìm cách ngăn chặn quyền độc tài áp bức của vua bằng cách ép vua phải ký giao ước Magna Charta tại Runnymede, công nhận quyền hạn của họ, và Tân Giáo Hoàng lên án giao ước này.

Để củng cố thêm uy quyền của mình, Giáo Hoàng Innocent III triệu tập đại hội đồng Lateran lần thứ tư, năm 1215, một hội đồng nổi tiếng, ra luật ấn định những ý tưởng của Giáo Hoàng đối với Hội Thánh và thiết lập vững vàng một quan điểm về quyền tối cao của Giáo hoàng, quan niệm này kéo dài đến cuối thế kỷ.

Mặc dầu quyền thế nói trên của Giáo Hoàng đã lên đến tột đỉnh ở thế kỷ 13, sau đó quyền ấy bắt đầu đi xuống nhanh chóng. Từ 1309 đến 1377 các Giáo hoàng người Pháp, sống tại Avignon trên bờ sông Rhone. Cũng nhờ lời thuyết phục của 2 bà phụ nữ đức hạnh là Bà Catherine người thành Siena và bà Bridget người Thụy Điển chức vị Giáo Hoàng dần dần được hồi phục và trở lại La Mã. Tuy nhiên ngay sau đó lại có những tranh chấp nội bộ, từ 1378 đến 1417, có khi 2,3 người tranh nhau chức vị Giáo Hoàng.

Giáo hội nghị Constance tìm cách chấm dứt những tranh chấp này, đổi thể chế Giáo Hoàng từ độc tài sang lãnh đạo theo hiến pháp nhưng cũng không đi đến đâu. Mặc dầu dưới 'triều' các Giáo hoàng ở thế kỷ 15 các nghệ sĩ đại tài của Tây Phương đã được nâng đỡ, biến La Mã thành một kinh đô lộng lẫy của thời Phục Hưng, nhưng về phương diện thuộc linh, chế độ Giáo hoàng đã xuống quá thấp, có những người như Alexandria VI giữ quyền vị, dân chúng phản kháng âm ỉ đưa dần đến cuộc Cải Chánh "Tin Lành"

## CÁC CUỘC THÁNH CHIẾN

Ngay từ trước khi Hoàng đế Constantine xây cất nhà thờ tại 'Mộ Thánh' vào thế kỷ thứ tư, thành Giê-ru-sa-lem đã là nơi chiêm bái của vô số người hành hương. Đến thời Trung Cổ, thành này lại càng quan trọng hơn vì tín đồ Cơ-Đốc rất tôn trọng các cuộc hành hương cũng như các thánh tích. Ngay cả sau khi quân Hồi Giáo đã chiếm Giê-ru-sa-lem khỏi tay Đế quốc Byzantine vào năm 638, những đoàn hành hương vẫn tiếp tục không bị trở ngại vì người Ả Rập cũng đồng tâm với người Cơ-Đốc tôn kính những nơi có liên hệ đến đời sống của Chúa Cứu Thế. Dầu vậy, khi quân Thổ Nhĩ Kỳ (Seljuk Turk) chiếm Giê-ru-sa-lem vào thế kỷ 11, chúng làm khó cho các đoàn hành hương và phá phách nhà thờ "Mộ Thánh". Những khiêu khích ấy là một trong những nguyên nhân đưa đến cuộc thánh chiến.

Năm 1005, Giáo hoàng Urban II (1042 - 1099) một vị Giáo Hoàng học thức và hùng biện, cũng là bạn của Gregory VII, nhận được lời yêu cầu giúp đỡ của Hoàng Đế Byzantine, Alexis, khi quân Thổ đang đe dọa thành Constantinople. Năm ấy Giáo Hoàng tuyên bố mở cuộc thánh chiến thứ nhất qua một bài diễn văn đầy

niệt tình và rất kết quả đọc tại Hội Đồng Clermont miền Đông nước Pháp, ông kêu gọi tất cả tín đồ đi giúp Hoàng Đế Alexis đang lâm nạn và giải cứu những nơi Thánh khỏi tay người Hồi Giáo. Giáo Hoàng kêu gọi các hiệp sĩ và lính ngưng chém giết các anh em tín đồ Cơ-Đốc của họ để đi giúp các thân hữu Cơ-Đốc miền Đông. Ông khuyến khích họ 'hãy lên đường đến Mộ Thánh; hãy giũt lại đất đai trong tay những kẻ vô tín độc ác và chinh phục lại những xứ ấy. Cả hội chúng hăng say đồng thanh đáp lại. Đây là ý Chúa. Cuộc thánh chiến đầu tiên bắt đầu với khẩu hiệu đoàn kết ấy.

Lòng hăng say ban đầu được một tu sĩ ở Amiens là Peter vị ẩn tu cổ võ qua những bài giảng cảm động, khiến cho hết thảy người nghe đủ mọi hạng từ dân chúng cho đến hàng vua chúa đều được giục lòng lo lắng cho Đất Thánh. Nhưng người ta gia nhập cuộc thánh chiến này do nhiều lý do khác nhau. Có người vì thích phiêu lưu mạo hiểm, danh vọng hay của cải cướp được. Cũng có người lên đường vì cảm động với lòng tin nhiệt thành, họ tin rằng họ chiến đấu cho Đấng Christ và để linh hồn họ được cứu. Họ mang một thập tự trước ngực khi đi, và đeo sau lưng khi về. Ba đạo quân lớn do hàng quý tộc Âu Châu chiêu mộ lên đường tiến về phương Đông tháng 8 năm 1096, nhưng đến tháng 6 năm 1099 mới chiếm lại được Giêrusalem, sau khi tàn sát những người dân Hồi giáo ở trong thành, những chiến sĩ lập nên một chế độ phong kiến tại đó, gọi là Vương quốc Giê-ru-sa-lem. Lãnh tụ Godfrey ở Bouillon tự xưng tước tại xứ Giê-ru-sa-lem với danh hiệu là 'người bảo vệ Mộ Thánh' nhưng sau khi ông qua đời năm 1100 em ông nối ngôi làm vua lấy danh hiệu là vua Baldwin I (1100 - 1118)

Đất Thánh được chia ra làm 4 vùng, mỗi vùng có một Tổng Giám Mục và 10 giáo phận nhỏ, mỗi giáo phận có một giám Mục, tất cả đều thuộc dưới quyền một Giáo Trưởng La Tinh ở tại Giê-ru-sa-lem. Nhiều tu viện được thành lập. Các thương gia Ý đã tiếp tế cho quân sĩ định cư ở những thành phố lớn. Nhiều dòng tu sĩ đồng thời là binh sĩ, trong số đó quan trọng nhất là dòng hiệp sĩ Templar và hiệp sĩ Hospitaller, giữ trọng trách trấn thủ vương quốc.

Cuộc thánh chiến thứ hai do Bernard người sáng lập tu viện Clairvaux, dòng Cistercian (xem chương 17) lãnh đạo. Cuộc thánh chiến này thất bại. Tin thua trận Giê-ru-sa-lem và phần lớn Đất Thánh đã lọt vào tay người Hồi Giáo, khiến Hoàng đế Frederick Barbarosa, vua Philip Augustus của Pháp và vua Richard the Lion Hearted của Anh, hợp nhau tổ chức cuộc thánh chiến thứ ba. Sau khi Hoàng Đế chết đuối trong một tai nạn, hai vua con lại bất đồng ý kiến, nên chuyện này lại thất bại nữa. Đến cuộc thánh chiến thứ tư, do dân chúng Venice yêu cầu, họ cung cấp ngựa xe chuyên chở nên chiếm lại được Constantinople. Điều khôi hài nhất là trong cuộc thánh chiến đó chính những chiến sĩ Cơ-Đốc đã cướp phá nhà thờ lớn Hagia Sophia (xem chương 12) .

Cuộc thánh chiến cho con trẻ tham gia vào năm 1212 là một giai đoạn lỗi lầm thể thảm. Còn vài cuộc viễn chinh khác tiếp theo, lần thứ 9 là lần chót vào năm 1271

do Hoàng Thân Edward của Anh Quốc lãnh đạo, sau này là vua Edward I. Mặc dầu, tổn rất nhiều sinh mạng và tiền của trong gần 200 năm, nhưng cuộc thánh chiến không đạt được mục tiêu đề ra. Giê-ru-sa-lem thất thủ năm 1244. Thành trì Cơ-Đốc cuối cùng là Acre cũng mất năm 1291, thế là chấm dứt việc chiếm đóng Đất Thánh của người Cơ-Đốc. Dầu vậy, hậu quả gián tiếp của những chiến trận này thật là vô số. Thương mại được phồn hưng, những đường giao thông dọc sông Rhine và qua dãy núi Alps đem lại thịnh vượng lớn cho những thương gia ở Genoa, Venice, Pisa và nhiều thành phố khác. Nhu cầu cần quyền tiền tiếp tế cho những đoàn quân tham chiến đã khiến quan lại phong kiến chia xẻ đất đai tài sản của họ. Từ đó thành thị phát triển, các ngành thủ công chuyên nghiệp lập thành hiệp hội và những thương gia củng cố nghiệp đoàn. Quan trọng hơn nữa, các cuộc thánh chiến đã phổ biến giáo dục tự do và mở rộng tầm quan sát cho những ai chưa hề ra khỏi làng xã hay lâu đài của họ... khi được mắt thấy tai nghe về những nền văn minh ở phương Đông. Hơn nữa sự tiếp xúc với người Ả Rập là một chủng tộc rất thông minh, cũng thức tỉnh nhiều trí óc còn mê ngủ. Không lâu sau đó, Âu Châu được chứng kiến một cuộc phục hưng về trí thức nhờ phong trào hành hương liên tiếp thăm viếng những cổ tích danh tiếng như Giê-ru-sa-lem, La Mã, Compostella ở Tây Ban Nha và Canterbury ở Anh. Như đã nói ở các chương trước, nhờ các phong trào tín ngưỡng nói trên, Hội thánh nâng đỡ việc thành lập các đại học, thần học và triết học thời Trung Cổ (gọi là hệ thống tư tưởng Cơ-Đốc, xem chương 18) các nhà thờ Gothic được xây cất, và những tác giả như Chaucer khởi sự dùng ngôn ngữ địa phương để viết văn. Kết quả tốt đỉnh của thời kỳ Trung Cổ là nhà học giả John Wycliffe. Ông xuất thân từ Đại học Oxford và hoàn thành dịch t oàn bộ Kinh Thánh ra chữ Anh.

## KINH THÁNH

Thế kỷ thứ sáu, mở đầu thời Trung Cổ, Giáo hoàng Gregory the Great tuyên bố Kinh Thánh là nguồn cốt yếu của mọi kiến thức tôn giáo. Ông tin rằng Kinh Thánh được linh cảm thiên thượng và có ý nghĩa thuộc linh hàm súc. Nhưng ông khuyên người đọc nên tìm hiểu nghĩa lịch sử của Kinh Thánh trước khi đi sâu vào sứ điệp kín dấu trong những trang sách này. Ông nói : 'Muốn hiểu Kinh Thánh thì phải ưa thích đọc Kinh Thánh và làm theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh'. Ông còn viết 'Chúng ta sẽ nghe được lời Chúa nếu chúng ta làm theo lời ấy'. 'Trong suốt cả quyển Kinh Thánh, Đức Chúa Trời chỉ nói với chúng ta nhằm mục đích ấy mà thôi, để đưa chúng ta đến chỗ yêu mến Ngài và yêu thương đồng loại.'

Khi thời hắc ám đã man tàn bạo xảy đến, nền văn minh Tây Phương (Hy Lạp và La Mã) suy sụp và gần như bị dập tắt. Mặc dầu năm thế kỷ trước đó, sự đọc Kinh Thánh đã nuôi dưỡng đời sống các tín đồ Cơ-Đốc và làm cho đời sống họ sâu nhiệm hơn, đồng thời cũng đã phồn hưng tinh thần trí thức của những người lãnh đạo họ trong dân chúng, có nhiều người đến nhà thờ, nghe đọc Kinh Thánh bằng

tiếng La Tinh song chẳng hiểu gì cả, vì tiếng La Tinh chẳng còn ai nói nữa. Trẻ con không được dạy đọc và trong các gia đình Cơ-Đốc, cũng như trong số các Thầy Tế Lễ, Linh Mục phần lớn đều mù chữ. Sách thì hiếm và đắt. Mua được một cuốn Kinh Thánh cũng đắt như mua một cái nhà. Trong thời dốt nát và xáo trộn này, các thầy giảng không thể trông mong như John Chrysostom trông mong là hội chúng đã đọc những câu Kinh thánh mà ông đưa ra vào Chúa Nhật trước khi đến nhà thờ dự lễ.

Dẫu vậy, trong những giai đoạn hắc ám nhất, vẫn còn có một vài tín đồ yêu mến Kinh Thánh. Ở những tu viện xa xôi, vẫn có những bàn tay kiên nhẫn chép Kinh Thánh. Vẫn có những cặp mắt chăm chú đọc Kinh Thánh. Các tu sĩ nam và nữ vẫn dùng Kinh Thánh trong giờ thờ phượng và họ sống theo những nguyên tắc mà Kinh Thánh nêu ra. Đặc biệt là trong các tu viện Ai Nhĩ Lan, người ta đề cao sự nghiên cứu và truyền giáo. Kinh Thánh được giữ gìn, chép lại ra nhiều bản, học hỏi nghiên cứu, đem đi các nơi làm căn bản cho việc truyền giáo và kim chỉ nam cho đời sống Cơ-Đốc.

Charlemagne, ý thức được giá trị của học vấn cổ điển cùng về Kinh Thánh, có mời một học giả nổi danh ở Anh là Alcuin ở thành York đến lập trường Palace School ở Aachen để dạy những con nhà quý tộc và làm trường đại học cho Hoàng Gia, hàng giáo phẩm cũng như triều đình. Alcuin (735 - 804) trước được theo học ở trường nhà thờ York do một môn đệ của một Linh Mục và cũng là một học giả người Anglo Saxon tên là The Venerable Bede dạy và nhờ vậy đã nhận được một nền giáo dục tốt nhất có thể có được thời đó ở Tây Âu. Khi ông nhận lời mời của Charlemagne, ông đã đem về lục địa bao nhiêu kiến thức bấy lâu ẩn dấu và phát triển trên hòn đảo Anh Quốc khi Âu Châu bị giặc cướp man rợ xâm lăng. Chính Charlemagne cũng đến học ở Palace School (trường của hoàng cung), đọc được nhưng viết không nổi. Tại Aachen ông Alcuin dạy 7 môn học chính thời trung cổ là : văn phạm, viết văn minh bạch, luân lý, toán số, hình học, thiên văn học và âm nhạc. Ông cũng nhuận chánh lại quyển Vulgate (Kinh thánh La Tinh, xem chương 11) sửa lại những sai lầm về chữ viết, và dấu và văn phạm, do những người chép lại không cẩn thận. Khi Charlemagne lên ngôi tại La Mã năm 800, Alcuin có tặng cho ông một cuốn sách Tin Lành. Theo gương Charlemagne người nổi ngôi là Alfred the Great (871 - 900) vua của dân Saxon miền Tây cũng khuyến khích sự học, bằng cách mời một nhóm học giả tiếng tăm lập một trường thuộc hoàng cung cho thanh thiếu niên giáo phẩm và quý tộc. Tuy phần lớn của đời ông phải chinh chiến với dân Dane nhưng ông đã củng cố Hội thánh, hồi phục kiến thức cho hàng giáo phẩm và khuyến khích việc đọc Kinh Thánh. Tuy không có chứng cứ chính xác, nhưng có một số học giả cho rằng vua Alfred đã dịch 50 bài Thi Thiên đầu ra tiếng Anglo Saxon.

Sau hiểu biết Kinh thánh tăng dần dần, nên đã gây ảnh hưởng càng ngày càng thêm vào những giá trị căn bản của xã hội. Để giúp những ai biết ít tiếng La Tinh, người

ta thường viết những lời giải thích bằng ngôn ngữ địa phương ở giữa những dòng Kinh Thánh. Từ thế kỷ 12 trở đi, Kinh Thánh là đề tài nghiên cứu trong những trường đại học và nhà thờ danh tiếng. Tại đây có những thầy giỏi như là Anselm, Peter Lombard, Abelard và Hugh of St. Victor. Người ta cũng soạn ra những sách bình luận và viết những tập vấn đáp. Ngay cả trước khi sáng chế ra chữ in các tin đồ hành hương và tu sĩ đi dạy đạo đều mang theo trong bao những sách Tin Lành có hình vẽ. Những hình vẽ mẫu in ra bằng những bản khắc gỗ và chữ thì chép tay. Loại Kinh Thánh cho người nghèo này đã giúp sứ điệp Kinh Thánh lan tràn và cũng giúp cho nghệ thuật họa hình Cơ-Đốc phát triển.

Cho đến cuối thời Trung Cổ, dân chúng chỉ hiểu Kinh Thánh qua nghi lễ, phần lớn được sắp xếp và chọn lựa theo những bản Kinh Thánh. Những nghi thức này thiết lập ra những lễ lời thờ phượng có ý nghĩa sâu xa và giữ trong tâm hồn. Những bài Thi Thiên được dùng luôn trong lễ thờ phượng, người đương thời ưa thích vì những lời trong các bài thi ca cổ ấy như nói lên chính lời nguyện cầu của họ.

Trong lễ Misa, sách Phúc Am được tin như là biểu hiện cho chính Chúa Christ. Một chấp sự có chấp sự phó đi theo mang bình đốt hương, và 2 người cầm nến, đi lên bàn thờ đem quyển Kinh Thánh về bàn đọc, trong khi mọi người tháo mũ, để gươm và gậy sang một bên để nghe đọc bài học Phúc Am. Có nhiều quyển Phúc Am còn sót lại viết chữ rất đẹp và có hình vẽ về các câu chuyện của Kinh Thánh. Nhìn công phu và nghệ thuật tỉ mỉ trong những sách đó, ta thấy được niềm tin sống động trong lòng những người điều khiển công việc viết sách, những người viết sách và những người sử dụng sách. Vua Chúa, quý tộc tặng nhau hay tặng cho nhà thờ, tu viện, có những quyển có bìa vàng do những thợ kim hoàn Trung Cổ trang trí có những bìa ngà khắc hay chạm bằng châu báu.

Trước khi thời kỳ tươi sáng trở lại, Kinh Thánh quả đã trở thành quyển sách căn bản thời Trung Cổ. Sách này huấn luyện cả nam và nữ hiểu về Thánh Linh. Tâm trí họ đầy lời Kinh Thánh, ý Kinh Thánh và chuyện Kinh thánh. Văn La Tinh nghệ của Jerome trong quyển Vulgate đã đổi thành ra La Tinh Trung cổ thích hợp với người có học, và nay lại ảnh hưởng đến các ngôn ngữ thông dụng địa phương của dân chúng. Người ta dùng Kinh Thánh để dạy thiếu nhi, cũng như để học hỏi nghiên cứu trong những đại học mới thành lập. Văn chương và kịch nghệ tôn giáo trở thành phong phú. Kinh Thánh thúc đẩy mọi cải cách trong nội bộ Hội thánh, nhà thờ. Tóm lại, Kinh Thánh là một yếu tố chính để tạo nên thời đại mới.

Nhờ Kinh Thánh mà các nghệ sĩ và thợ khéo hồi đó có vô số đề tài để mô tả và chạm vào đá, hay vẽ hình màu trong sách, dệt thảm thêu, khắc vào kim khí, gỗ hay ngà, nem, đồ gốm hay vẽ trên tường. Những tay thợ khéo này tin rằng tài năng của họ là tự Chúa ban cho, như Bết-xa-lê-ên (bezalel) xưa kia ([XuXh 35:31-33](#)) mà Môi se nói là ông 'đầy đầy thần của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết để làm mọi thứ nghề thợ, đặt bày ra và làm đồ vàng bạc và đồng, đặt khắc và khảm các thứ ngọc, đặt chạm cây làm các đồ khéo léo'. Những mỹ

nghệ phẩm của họ dù để trang trí một nhà thờ, hay chữ đầu một trang giấy là để bày tỏ vẻ đẹp cao trọng mà thời Trung Cổ gọi là Splendor Veritatis, sự chói sáng của lẽ thật hay là 'hào quang chân lý'.

Những ý tưởng và hình ảnh trong Kinh Thánh gây nhiều cảm hứng trong kiến trúc Gothic. Chúng ta ai nấy đều thấy rõ cách bày tỏ đức tin và sinh lực thuộc linh của thời Trung Cổ khi nhìn xem các nhà thờ lớn, các tu viện lưu lại dấu tích nền kiến trúc vẻ vang này. Hồi đó người ta tin rằng các thực tại cuối cùng trong đó họ sống động và hiện hữu tức là cái thế giới thuộc linh, mắt người không nhìn thấy, một nơi toàn vẻ đẹp thiên thượng và hòa điệu. Để biểu dương tính chất hòa điệu vô hình của toàn thể công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời, những người thợ xây và kiến trúc thời đó nỗ lực hoàn thành một thứ tự và kích thước tương quan hoàn hảo trong mọi phần của công trình. Những nhà thờ họ xây có nhiều cái sừng sững giữa miền đất mênh mông, giống như Cơ-Đốc Giáo đã ngự trị trong đời sống của những nam nữ thời đó, khiến người nhìn ngắm xúc động tưởng như đây chính là nơi Đức Chúa Trời ngự, là trung tâm của nước Ngài trên đất.

Ngày lễ dâng hiến nhà thờ Canterbury năm 1123, trong ánh sáng của màu sắc lộng lẫy vinh quang, ban thánh nhạc vừa thành lập đã cất tiếng ca 'Kinh hoàng thay nơi này ! quả thật, đây là nhà Đức Chúa Trời, cửa của thiên đàng, nơi sẽ được gọi là hoàng cung của Chúa'. Tập sử ký về tu viện Annales Monastic có tường thuật lại rằng, trong lễ dâng hiến này, vua Henry I đứng cùng những bậc lãnh đạo quý tộc Anh Quốc 'đã tuyên thệ với lời thề từ miệng vua rằng quả thật thánh đường này đáng kinh hoàng'.

Năm 1144, tu viện trưởng Suger sửa chữa lại mặt tiền và chỗ của ban nhạc tại nhà thờ tu viện St. Denis gần Paris, đánh dấu ngày một kiểu xây Gothic canh tân xuất hiện. Kiểu này có những cửa cuốn, nhọn phía trên, những cột chống đứng cách xa tường, những mái vòm có đường xây ngạnh, thay đều hòa hợp nhịp nhàng đưa tầm mắt xuống nền đá nguy nga kiên cố, và dùng đường nét và ánh sáng nói lên sự huy hoàng linh động của thành Thánh trong đó Đức Chúa Trời ngự giữa loài người. Muốn biết người được xem thấy một nhà thờ Gothic, đầy ánh kính màu đã có những cảm xúc mạnh mẽ thế nào, hãy nghe bức thư đọc trong lễ dâng hiến : 'Tôi cũng thấy thành Thánh là Giê-ru-sa-lem mới từ trên trời ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống ([KhKh 21:2-5](#)) sửa soạn sẵn như một người vợ mới cưới trang sức cho chồng mình tôi nghe một tiếng lớn từ nơi Ngài mà đến, nói rằng: Đây đền tạm của Đức Chúa Trời ở giữa loài người ! Ngài sẽ ở với chúng và chúng sẽ làm dân Ngài; chính Đức Chúa Trời sẽ ở với chúng. Ngài sẽ lau ráo hết nước mắt khỏi mặt chúng, sẽ không có sự chết cũng không có than khóc, kêu ca, hay là đau đớn nữa ; vì những sự thứ nhất đã qua rồi. Đáng ngự trên ngai phán rằng: Đây ta làm mới lại hết thảy muôn vật. Đoạn lại rằng: 'Hãy chép, vì những lời này đều trung tín và chơn thật'

Khi mô tả chỗ ban thánh nhạc chứa chan ánh sáng ở nhà thờ St. Denis có 12 cột



chống, ông Suger trích một đoạn thư [Eph Ep 2:20-22](#) để nói lên biểu hiện kiêu kiến trúc này: 'Anh em đã được dựng lên trên nền của các Sứ Đồ cùng các đẳng tiên tri, chính Đức Chúa Giê-xu là đá góc nhà. Trong Ngài cả tòa nhà ràng buộc với nhau, để làm nên một nhà thờ thánh trong Chúa'. Với những hình ảnh như trên trong lòng, những người xây cất và trang trí thường khắc một biểu tượng về Chúa Christ vào những viên đá nổi dưới mái vòm Gothic. Trên thực tế, cả tòa nhà và với những hình ảnh và trang trí, ánh sáng, đường nét và màu sắc đã được dùng như một bản tóm lược tư tưởng tôn giáo Trung Cổ và khác nào như một quyển Kinh Thánh cho dân chúng.

Chính quyển Kinh Thánh xưa chỉ những người giàu và học thức mới có, mãi đến thế kỷ 14, 15 mới thấy xuất hiện những bản tóm tắt có hình vẽ gọi là Biblia Pauperium. Phần lớn những sách này chứa đầy tranh ảnh với lời chú thích bằng ngôn ngữ thông dụng địa phương. Ý kiến đặt trọn bộ Kinh Thánh vào tay mọi người bằng ngôn ngữ Anh vừa xuất hiện, dường như bắt nguồn từ ông John Wycliffe (1320 - 1384) giảng sư ở Đại học Oxford, một chính trị gia, một nhà cải cách tôn giáo và cha đẻ của văn xuôi Anh. Do nghiên cứu và kinh nghiệm chính trị, nên ông tin rằng chỉ có một thẩm quyền duy nhất đáng kể về các vấn đề thuộc linh. Thẩm quyền ấy là quyền Kinh Thánh chứ không phải Giáo Hoàng, hay hàng giáo phẩm, hay truyền thống Hội Thánh. Thời đó, người dân thường hay cả đến các thầy tu cũng rất ít học, rất hiếm người hiểu được ý nghĩa của văn La Tinh nghe đọc vang vang từ quyển Vulgate của Jerome vì chẳng có bản văn nào khác. Dầu vậy, ông Wycliffe tin rằng bất cứ người nào cũng nên đọc và nghiên cứu Kinh Thánh. Thường dân hay giáo phẩm thì tin rằng nhiều bại hoại đã len lỏi vào các tổ chức tôn giáo, sẽ khiến chấm dứt đời sống Hội Thánh. Nhưng việc đọc Kinh Thánh sẽ thánh hóa Hội Thánh và Cơ-Độc Giáo sẽ đổi mới.

Cho nên ông Wycliffe nhóm lại những học giả đã cùng dịch bản Vulgate ra tiếng Anh năm 1382. Vì chưa có máy in nên bản văn đầu cũng như những bản tiếp theo đều phải chép tay. Đó là những pho sách rất công phu và tốn kém. Để vượt qua sự khó khăn này, Wycliffe tổ chức những 'thầy tu nghèo' những tu sĩ Lollard du hành đi chân trần, mặc áo dài, mang gậy cứ hai người một, đi khắp nước Anh giảng chủ thuyết của ông và đem kiến thức Kinh Thánh cho dân chúng. Mặc dầu những kẻ cầm quyền trong Hội Thánh cũng như trong chính quyền đều chống đối mạnh mẽ, vì ai nấy đều nhìn thấy phong trào này là một thách thức đối với uy quyền của họ, những tu sĩ du hành Lollard vẫn tiếp tục công tác cho đến lúc thời cải chánh khởi mào.

Đến Wycliffe, thì thời kỳ Trung Cổ bắt đầu hạ màn. Vì sự chống đối ý tưởng của ông quá mạnh nên việc ông chủ trương không thay đổi Anh Quốc bao nhiêu. Nhưng những sinh viên Bohemian ở Oxford trong số này có vị tử đạo Jerome ở thành Prague vì cảm phục chủ thuyết của Wycliffe, về nước phổ biến thuyết đó tại Đại học Prague. Sứ điệp của họ thúc giục nhà cải cách tôn giáo John Huss tiếp tục

chống lại sự hư hoại của các Hội Thánh và nêu cao Kinh Thánh là 'luật pháp của Đức Chúa Trời'. Kết cuộc là chính ông bị tử đạo.

(Năm 1054 đến 1980)

## ĐÔNG TÂY XUNG ĐỘT

Đang khi mọi diễn tiến thời Trung Cổ xảy ra ở Tây Âu thì tại miền Đông xảy ra một diễn biến khác. Các Hội Thánh bắt đầu từ các thế kỷ đầu tiên trên lý thuyết kể như là hợp nhất. Trong phạm vi nội bộ này, Đại hội đồng Chalcedon lần thứ 4, họp năm 451 chỉ công nhận năm vị nắm chủ quyền cho năm vùng chính. Mỗi vùng có một Giáo Trưởng, Giáo trưởng là một Giám Mục có quyền trên các Giám Mục khác. Năm Giáo trưởng nói trên là những vị lãnh đạo ở La Mã, Constantinople, Alexandria, Antirôt và Giêrusalem. Hơn nữa đại hội Chalcedon quyết định rằng Giáo trưởng Constantinople là người duy nhất đứng đầu toàn thể Hội Thánh miền Đông.

Sự phân rẽ lớn xảy ra năm 1054, mà chẳng bên nào muốn, là do mỗi bên đi quá xa về nhiều phương diện. Ngoài vấn đề ngôn ngữ, lại còn các vấn đề về văn hóa, chính trị, tôn giáo phân rẽ các Hội Thánh Đông và Tây. Thế kỷ thứ ba, tiếng La Tinh được thay thế tiếng Hy Lạp ở miền Tây thì miền Đông vẫn duy trì tiếng Hy Lạp trong Hội thánh Cơ-Đốc. Những trận xâm lấn của các giống dân man rợ thời Trung Cổ làm giảm sút đời sống văn hóa của phương Tây nhưng Phương Đông vẫn bình an, ở phương Tây giáo hoàng thường khi có thế lực hơn chính quyền nhưng ở Phương Đông Hội Thánh vẫn luôn luôn ở dưới sự kiểm soát mà Hoàng đế Constantine đã thiết lập. Vào thế kỷ thứ tám và thứ chín có cuộc tranh luận về việc sử dụng hình ảnh để thờ phượng, thì Hoàng đế Leo III Tại Phương Đông ra lệnh cấm và cũng ban lệnh đó cả trong hàng ngũ quân đội. Nhưng ở Phương Tây thì Giáo Hoàng và dân chúng không theo. Đông và Tây bắt đầu không còn thông công với nhau nữa. Cuối cùng cuộc rạn nứt lớn năm 1054 đã chia Hội Thánh Cơ-Đốc ra làm hai. Hội Thánh Chính Thống Đông Phương và Hội thánh Công Giáo La Mã Tây Phương. Vấn đề chia rẽ hai bên từ trước đến nay vẫn là : Đông Phương bác bỏ thẩm quyền của Giáo Hoàng.

## ĐẾ QUỐC PHƯƠNG ĐÔNG VÀ HỘI THÁNH

Ở phương Tây trong những năm thời Trung Cổ đầy khó khăn và đầy biến cố, thì kinh đô Constantinople vẫn là nơi tàng trữ chủ yếu của văn hóa Hy Lạp và La Mã đồng thời cũng là trung tâm của một nền văn minh tiến bộ và cầu kỳ nhất trên thế giới. Thành phố này có ba vòng tường thành phòng thủ kiên cố, chiếm được cũng khó, nên đã trở thành lớn rộng và thịnh vượng nhất Âu Châu. Những công viên, những đường phố, những cung điện lâu đài chứa đầy kho tàng văn chương, nghệ thuật. Những nhà thờ nổi tiếng nhất là nhà thờ Hagia Sophia khiến cho du khách

Anh, Do Thái, Ả rập, Goth và Norsemen trầm trồ ca ngợi. Có những sứ thần Nga đến từ Kiev vào thế kỷ thứ 10 được thấy nhà thờ Hagia Sophia, về viết như sau : 'Chúng tôi chỉ biết có Đức Chúa Trời ở giữa loài người và lễ của họ trang mỹ hơn mọi lễ ở các nước khác, vì chúng tôi không thể quên được vẻ tráng lệ ấy' Hoàng đế Justinian (527 - 565) đã thành công trong việc cầm đầu Hội Thánh Phương Đông hơn cả các Hoàng Đế trước, Hội Thánh trở nên giống như một 'bộ trong guồng máy Quốc Gia!' Vì được coi như đại diện Chúa Christ trên đất, Hoàng Đế cũng là người quản trị Hội Thánh và người đứng ra triệu tập các hội đồng Cơ-Đốc. Những uy quyền chính trị, những hiểu lầm ganh tỵ, lại thêm những quan niệm khác nhau về nhân vị Chúa Christ luôn luôn làm đầu mối xung đột giữa Giáo Phụ, Hội Thánh vì có đó trở nên yếu dần.

## NHỮNG THÀNH QUẢ VÀ THẤT BẠI CỦA MIỀN ĐÔNG

Nestorius là một Linh Mục ở Syria, nổi tiếng là sống thanh đạm khắc khổ và có tài hùng biện. Ông trở thành Giáo Phụ Constantinople năm 428. Hội đó những người tin kính gọi Mary Mẹ Chúa Giê-xu là 'Mẹ Đức Chúa Trời'. Nestorius khi giảng chống lại cách gọi như thế vì nó làm cho sự phân biệt nhân tính và thần tính của Chúa Christ không được rõ ràng. Do đó có một cuộc tranh cãi thần học cam go về việc định nghĩa chính xác nhân vị của Chúa Christ. Và ông Cyril, Giáo phụ tại Alexandria, nắm lấy cơ hội để làm mất mặt một Giáo Phụ trở hơn bèn lên án Nestorius là muốn tách đôi nhân vị của Chúa Christ. Tuy thế, Nestorius chỉ có nói : 'Khi nói danh Đấng Christ, chúng ta đồng thời hàm ý hai bản chất'. Dầu vậy, lòng ganh tỵ, hiểu danh, óc bè đảng đã thổi phồng sự 'khác biệt' giữa hai chủ thuyết của Hai Giáo Phụ đến nỗi kéo luôn cả hai Hoàng Đế Đông và Tây vào sự chia rẽ. Thế là sự hợp nhất của Cơ-Đốc Giáo không còn nữa. Hội đồng Ê-phê-sô năm 431 lên án và cất chức Nestorius mà không cho ông phần trần, ông bèn rút về tu viện cũ của ông tại An-ti-ốt, nhưng rồi cũng bị Hoàng Đế lưu đày sang xứ Arabia. Sau đó Hội Thánh Đông Phương dưới quyền của Hoàng Gia, làm khó cho những người theo Nestorius khiến cho họ phải trốn sang Ba Tư, ở đây họ thành lập những Hội Thánh Nestorian rất mạnh mẽ.

Sự sốt sắng của các Hội thánh này lên cao độ đến nỗi họ đã sai các giáo sĩ của họ tới tận bờ biển Malabar tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ 6. Tại đây, họ khởi lập, hoặc tái lập Hội Thánh Mar Thoma là cộng đồng Cơ-Đốc địa phương lâu đời nhất, còn duy trì ở Ấn Độ ngày nay. Đến thế kỷ thứ 7, những người Cơ-Đốc theo thuyết của Nestorius vào trung bộ Trung Hoa và nhờ họ có một số người tin Chúa tại tỉnh Shensi (Giang Tây). Tại Sian (Tây An) trung tâm hoạt động của giáo phái này còn thấy một bia đá dựng lên năm 781 để kỷ niệm sự thành lập một Hội Thánh và trên tảng đá có khắc bằng chữ Trung Hoa và Syriac nội dung nói Tân Ước có 27 sách. Sau khi cộng đồng Cơ-Đốc Trung Hoa ấy bị tiêu diệt, những giáo sĩ Nestoran còn trở lại Trung Hoa lần nữa vào thế kỷ 13, và thuyết phục được nhiều người trong

các bộ lạc Tartar và Thổ tin nhận Chúa. Một bà công chúa gốc thổ Nhĩ Kỳ theo giáo phái này là bà mẹ của Kublai Khan (Hốt-tát-liệt) vị thủ lĩnh Mông Cổ đã cai quản cả đế quốc Trung Hoa rộng lớn. Marco Polo, một thuyền trưởng từ Venice (Y Đại Lợi) đã đến thăm triều đình tại Bắc Kinh, ở đó các tín đồ Nestorian được Hoàng đế Kublai Khan che chở, và một tòa nhà Tổng giám mục được thành lập tại Kinh đô vào năm 1275.

Những điều mà giáo phái này tin nhận cũng gây nên một phản ứng lớn. Vào thế kỷ thứ 5 và thứ 6 xuất hiện một chủ thuyết tên là Monophysitism, do một từ ngữ Hy Lạp có nghĩa là 'một bản chất', 'một tính'. Mặc dầu chủ thuyết này nói rằng Chúa Christ chỉ có một bản chất vừa nhân tính, vừa thần tính không phân chia nhưng hậu quả vẫn là đặt nặng phần thần tính.

Hội Thánh Chính Thống không đồng ý, nhưng có điều Hội Thánh miền Đông đã theo chủ thuyết 'nhất tính' này. Những người Ai Cập theo có lẽ chẳng phải vì thật tin, nhưng vì không ưa người Hy Lạp chế ngự trong các Hội Thánh Chính Thống. Họ lập ra Hội Thánh Coptic độc lập, có tính cách quốc gia của riêng họ, nay hãy còn và Hội Thánh Ê-thi-ô-bi (Ethiopia) là con đẻ của Hội thánh Coptic Ai Cập hiện cũng còn. Ban đầu, giữa thế kỷ thứ 4, có Frumentius được Giáo Phụ Athanasius ở Alexandria phong cho làm Giám Mục tại Axum là người đã t hành lập Hội thánh Ethiopia. Các nước Palestine, Syria và Armenia đều theo gương Ai Cập lập các Hội Thánh độc lập, có tính cách quốc gia. Hội Thánh Syria này gọi là Hội Thánh Jacobite của Syria nay còn sinh hoạt tại thung lũng sông Tigris và có tín đồ ở Nam Ấn.

Những vụ cãi nhau về lý thuyết ấy không có lợi cho Giáo Hội Cơ-Đốc miền Đông, nên khi những đoàn quân Hồi Giáo cuồng tín tiến đánh những nơi đã có tín đồ Cơ-Đốc vào thế kỷ thứ 7, Đế Quốc không còn sức chống lại xâm lăng : Syria, Palestine, Ai Cập, và vùng Bắc Phi, đảo Sicily đều bị chiếm trong danh Allah! Một 'nước' Hồi giáo được lập nên, biên giới lan đến tận Tây Ban Nha. Nhưng năm 732 ông của Charlemagne là Charles Martel thắng trận tại Tours, đánh đuổi được những người theo Mohammed ra khỏi đất Pháp.

Giáo Hội miền Đông thất lợi phía Nam vì sự bành trướng của Hồi Giáo thì lại được bù trừ nhờ sự phát triển về phương Bắc vào những lãnh thổ dân Slavic trong vùng Balkans và Nga. Được lời mời của công tước xứ Moravia, Hoàng Đế miền Đông sai hai đặc sứ, Cyril và Methodius đi truyền giáo cho người Slavic vào năm 864. Để chuẩn bị cho công tác, tục truyền rằng Cyril đặt ra một loại chữ viết Slavic gọi là Cyrillic, làm căn bản cho mẫu tự chữ Nga. Còn Methodius thì dịch Kinh Thánh ra tiếng Slavic khi đã cao niên.

## HỘI THÁNH CHÍNH THỐNG ĐÔNG PHƯƠNG NGÀY NAY

Sau khi Đế quốc Byzantine bị sụp đổ năm 1553, Hội Thánh miền Đông bước vào 5 thế kỷ liên tiếp thay đổi, nhưng vẫn cố níu lấy lẽ lối thờ phượng và niềm tin riêng

của mình. Ở Phương Đông giáo điều không quan trọng bằng kinh nghiệm tôn giáo. Người ta nhận được kinh nghiệm này khi thờ phượng, vì lòng tôn thờ mà được tiếp xúc một cách thần bí với Đức Chúa Trời. Những bài tín điều đọc lên không phải là những tuyên ngôn của đức tin mà là những hành động thờ phượng. Đến thế kỷ 13, lễ nghi Byzantine đã được phát triển ở Constantinople, và trở thành lễ lối chung cho các Hội Thánh Chính Thống và người ta dịch lời Hy Lạp ra mọi ngôn ngữ để dùng trong các Hội Thánh khác nhau. Đến lúc các Hội Thánh tự trị của từng quốc gia xuất hiện thì cộng đồng Hội Thánh Chính Thống Đông Phương thành hình. Họ có được sự hiệp nhất trong chủ thuyết là vì tất cả đều thừa nhận các quyết định của 7 Giáo hội Nghị hợp trong khoảng thời gian từ năm 325 đến năm 787 (462 năm) Mặc dầu ngày nay cộng đồng này tự coi như là thừa kế đích thực của Hội Thánh Cơ-Đốc đầu tiên, họ cũng tạo được tình thân hữu với các khối Cơ-Đốc khác và nhiều Hội Thánh miền Đông là thành viên của Hội Đồng các Hội Thánh Hoàn Cầu (World Council of Church). Hội Thánh miền Đông gồm có 4 giáo phận dưới sự trông coi của Thượng Giáo Phụ Constantinople, Alexandria, An-ti-ốt, Giê-ru-sa-lem và các Hội Thánh Chính Thống của các nước sau đây: Đảo Chíp rơ (Cyprus), nước Nga, Rumania, Nam Tư, Hy Lạp, Bulgaria, Georgia, Albania, Phần Lan và Tiệp. Giáo Phụ Constantinople lãnh đạo cộng đồng Chính Thống Miền Đông, nhưng quyền của ông tại đây không sánh được với quyền của Giáo Hoàng ở miền Tây, vì Giáo Phụ chỉ là người có địa vị cao hơn trong các người ngang hàng và ông chỉ trực tiếp kiểm soát Hội Thánh của ông mà thôi. Nhiều thuộc viên của Hội Thánh này sống tại Bắc Mỹ, Nam Mỹ và Âu Châu.

Bởi được nuôi dưỡng qua các bí tích và cảm hứng qua nghi lễ, sự học hỏi Kinh Thánh, gương cao của đời sống tu sĩ, Cơ-Đốc Giáo vẫn đứng vững mặc dầu bị công kích nhiều trận và tiếp tục là một lực lượng tiềm tàng ở phương Đông. Ngày nay, nhiều Hội Thánh và tu viện phương Đông còn những tấm kính màu hoặc hình trang trí trên tường, khi ngắm xem tưởng như dĩ vãng và tương lai vô tận vẫn hòa hợp cùng nhau, những dấu tích ấy quả đã chứng tỏ về những truyền thống linh động của Cơ-Đốc Giáo tại Đông Phương.

(Năm 1500 Đến 1600)

## NHỮNG LÀN GIÓ CANH TÂN

Chúng ta thấy Cơ-Đốc Giáo đã lan tràn khắp Châu Âu vào thời Trung Cổ. Hội Thánh tiến vào lấp chỗ trống tâm linh do sự sụp đổ của Đế Quốc La Mã gây nên và nhận lãnh trách nhiệm đem nhân loại đến văn minh. Giáo lý Cơ-Đốc đặt ra các tiêu chuẩn hạnh kiểm giảng dạy thanh bản và bình an. Cơ-Đốc Giáo gây một niềm hy vọng vượt lên trên mọi hoàng cảnh để nâng đỡ những kẻ tâm thương. Nhờ Cơ-Đốc Giáo các tài năng và những kiến thức của Hy Lạp và La Mã được bảo tồn. Cơ-Đốc Giáo khai hóa dân man rợ và đón tiếp họ vào đại gia đình. Sau hết, Hội Thánh đã lập nên một sự thống nhất mới, bao gồm cả Âu Châu, tại miền Tây, Giám Mục La

Mã, tức là Giáo Hoàng đứng trên hết kể cả luật pháp và xét xử. Mặc dầu vẫn còn chống đối song ông vẫn duyệt y kết quả sự bầu cử của các Giám Mục khác, kiểm soát giới tu sĩ và các tu viện, phái đại diện đến các triều đình, và trên uy quyền trần tục ông vẫn đứng trên các Hoàng Đế, các vua và các bậc cầm quyền khác. Dùng thế lực tài chánh, ông định tầm quan trọng của các giáo hạt, giáo phẩm, định lệ phí cho một số dịch vụ và thu từ mỗi gia đình Cơ-Đốc một số tiền nhỏ hằng năm gọi là 'đồng xu Phi-e-rơ'. Bởi ông có quyền dứt phép thông công, không những chỉ cho một cá nhân, và có khi cả một nước, được nhận bí tích và sự thông công với Hội Thánh, cho nên ông có quyền lớn. Ông tuyên bố Giáo Hội là cơ cấu duy nhất khả dĩ đi giảng lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu Christ và cứu các linh hồn cho được sự sống đời đời. Ngoài Hội Thánh, không ai có thể được cứu. Bởi vậy, thời Trung Cổ, đời sống của mọi người nam, nữ hay thiếu niên đều ở dưới quyền Hội Thánh. Tuy nhiên, các thương gia, hoặc thợ chuyên môn không biết Chúa, và các hội đồng hoàng gia chống đối quyền của giới tu sĩ, và luật đạo.

Giữa thế kỷ 14, các cơn gió canh tân bắt đầu thổi. Tình thế chung đã được thiết lập bảy giờ đang chuyển sang giai đoạn giao thời, về tôn giáo, chính trị, kinh tế văn hóa và trí thức. Các lãnh Chúa, thế lực sút kém vì gánh nặng kinh tế do các cuộc thánh chiến gây nên, và những trận chiến gây hoang tàn, nay được thay dần bằng những chế độ quốc gia trong đó dân chúng được quyền lên tiếng. Nô lệ không còn nữa vì kinh tế tiền tệ mới phá hủy dần tập tục ấy. Giới trung lưu trở nên lớn mạnh, thương mại và kỹ nghệ lan rộng, các thành thị trung cổ mở mang thành quan trọng hơn. Các thuyền nhỏ mong manh, được thay thế dần bằng các tàu đi trên biển cả và nhờ máy đo sao, và địa bàn nên đi xa và trở về bến an toàn.

Hội Thánh vẫn đứng đầu trong những thành quả to lớn thời Trung Cổ về học vấn, nghệ thuật, văn chương và đã thao luyện nhiều trí óc xuất sắc thời bảy giờ, vẫn tiếp tục nuôi dưỡng các học giả và văn minh Tây Phương từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17.

Hội thánh đỡ đầu cho mọi thành công về nghệ thuật, văn chương và nghiên cứu.

Nhiều nhà nhân văn đầu tiên, những học giả của nền 'kiến thức mới' là những tu sĩ. Nền 'kiến thức mới' được phát triển thêm khi quân Thổ Ottoman chiếm

Constantinople vào năm 1453, và các học giả Hy Lạp, mang theo những sách quý cổ điển Hy Lạp và La Mã, chạy trốn về phương tây. Vì say mê đón nhận những tư tưởng và hình thức cổ điển, tất cả những gì tự nhiên và hợp với nhân tính, nên các nhà nhân văn học bỏ những khảo cứu trừu tượng và hệ thống tư tưởng Cơ-Đốc theo phái triết học Aristotle. Các đại học Âu Châu đều quen thuộc với các bộ sách cổ điển Hy Lạp La Mã, giới tu sĩ sợ những điều dạy dỗ đạo đức của Cơ-Đốc Giáo bị lấn át. Nhưng dần dần các Giám Mục cũng như các hoàng thân đều đón nhận 'kiến thức mới'. Giáo Hoàng Nicolas V, cũng là một học giả cổ điển quen thuộc, giữa thế kỷ 15, thành lập thư viện Vatican và quyết định đỡ đầu các công trình nghiên cứu cổ điển. Nhiều nhà nhân văn học bắt đầu quan tâm đến những bản văn Cơ-Đốc đầu tiên và nghiên cứu Kinh Thánh theo một quan điểm mới mẻ. Những

điều này cách mạng hóa quan điểm tôn giáo tại Tây Âu Châu và dọn đường cho thời kỳ cải cách.

Đến cuối thời Trung Cổ (thế kỷ 15) tất cả những thay đổi trên tạo nên nhiều đảo lộn, báo hiệu một thời kỳ hát triển mới của nhân loại đang đến gần. Người ta thêm niềm tin vào con người và những khả năng vô hạn của con người. Nhân phẩm, giá trị của các nhân nam nữ được chú ý hơn, đây là điều dạy dỗ căn bản của Cơ-Đốc Giáo, thể hiện qua mối quan tâm đến an sinh của mọi người. Thế kỷ 14 và 15 có nhiều bằng chứng cụ thể là thời đại mới đã mở đầu. Cuối chương 20 đã nói đến ông Wycliffe, người được gọi là 'sao mai của thời kỳ cải chánh' đã trồng hạt giống, dù chính quyền bắt bớ, thiếu phương tiện truyền thông tư tưởng, hạt giống ấy cũng sẽ đem về một mùa gặt hái.

Nghề in được sáng chế và trở thành một yếu tố mạnh mẽ trong cuộc Cải Chánh. Năm 1455, quyển sách đầu in ra bằng chữ kim loại ở thế giới Tây Phương là quyển Kinh Thánh tiếng La Tinh do xưởng in của Gutenberg tại thành phố Mainz trên bờ sông Rhine phát hành. Hai mươi năm sau tại Anh, William Caxton được khuyến khích lập xưởng ấn loát và in quyển sách đầu tiên ngay nơi phát chẩn từ thiện của tu viện Westminster, nhờ mối quan tâm và đỡ đầu của một nhà từ thiện, là bà Margaret Beaufort, dòng dõi vua Edward III và mẹ của vua Henry VII.

Lề lối sinh hoạt của thời Trung Cổ thay đổi dần dần, dân chúng bắt đầu chống lại những lạm dụng len lõi trong các tổ chức tôn giáo của họ và tra vấn những điều mê tín bấy lâu nay vẫn được chấp nhận không bàn cãi. Nhiều hình thức tôn giáo từ bao lâu nuôi dưỡng tâm linh họ nay họ cho chỉ là những công thức trống rỗng không thỏa mãn được đời sống nội tâm của họ, Giáo Hội cần phải thích ứng với thế giới chung quanh. Giáo Hội cần được Cải Chánh. Tiếc thay, Giáo Hội dính líu vào chính trị và quyền hành trong nước quá chặt chẽ nên khi thời cải cách đến, nứt rạn đã xảy ra làm tan vỡ nền hợp nhất mà Hội thánh đã giữ được trong quá khứ.

#### DESIDERIUS ERASMUS (1466 - 1536)

Erasmus, một nhà văn học Hòa Lan, đã gây ảnh hưởng mạnh trong thời đại của ông và ông là một nhà tiên phong của phong trào Cải Chánh. Tuy sinh ở Rotterdam, nhưng ông sống nhiều năm tại Pháp, Anh, Ý, Đức và Thụy Sĩ, vì ông là một người quốc tế 'coi t hế giới như là một quê hương chung của mọi người'. Khi mới lên 9 tuổi, học ở một trường ở Deventer, ông đã tỏ ra có nhiều hứa hẹn vì có trí nhớ rất sắc và ham học. Một bạn học của ông là Adrian ở Utrecht, sau này dạy học cho Hoàng Đế Charles V và sau cùng trở thành Giáo Hoàng Adrian VI. Ông cố gắng bài trừ các tệ đoan đạo đức và hành chánh, nhưng chưa đầy hai năm thì ông qua đời. Ông là vị Giáo hoàng cuối cùng không có quốc tịch Ý, cho đến khi John Paul II được bầu làm 1978.

Khi Erasmus độ 18 tuổi, cha mẹ ông mất, vì nghèo ông phải vào tu viện, ở đó ông rất chăm chú tra cứu trong thư viện. Tuy nhiên, đời sống trong tu viện quá bình

lặng, đến nhà nguyện và làm các việc hằng ngày, và ông chán vì chẳng có ai đủ học thức cao để đối thoại. Sau đó ông xin được ra khỏi tu viện và vào đại học Paris. Để tự túc, ông dạy học, trong các học trò của ông có Lord Mountjoy, vị này mời ông sang Anh và giới thiệu ông với một nhóm nhân văn học xuất sắc ở Oxfoxd. Họ lấy các sách cổ điển và Kinh Thánh làm nền móng cho việc dạy học, vì họ tin rằng những tài liệu trên sẽ soi ánh sáng mới vào những chân lý cũ. Xem bức thư dưới đây do ông viết, ta biết ông đã rất vui thích về những người ông gặp và mọi điều ông thấy ở Anh 'không khí dịu, thoáng và dễ chịu, người thì nhạy cảm và thông minh, nhiều người có học, biết văn chương cổ điển. Khi Colet giảng, tôi tưởng đang nghe Plato. Linacre (sau này làm Bác sĩ cho Henri VIII) là một nhà tư tưởng sâu sắc, tôi chưa hề gặp ai như vậy. Grocyn có kiến thức rất rộng rãi. Thomas More có một tính tình thật là dịu dàng vui vẻ. Số sinh viên học văn chương cổ điển ở đây thật là đông.

Gặp những người bạn mới này khiến ông càng thêm thích văn chương cổ điển. Tất cả sau này đều nổi danh. John Colet, trước đã học tại Ý và Pháp, giảng cho một số đông sinh viên Oxford về đời sống và những thư của Phao-lô. Vì Colet tin rằng cần phải tìm về nguồn gốc từ Kinh Thánh, nên ông khuyên Erasmus học chữ Hy Lạp và dốc lòng tra cứu Tân Ước trong ngôn ngữ của sách này. Sau này Erasmus viết thư cho Colet như sau: 'Ông tìm cách đem trở lại Cơ-Đốc Giáo của các Sứ Đồ và cắt bỏ những gai góc rườm rà mọc lên bấy lâu nay, thật là một công trình cao quý' Năm 1501, Erasmus trở lại Anh, Thomas More lúc đó mới 22 tuổi, đưa ông đến lâu đài Eltham gần Greenwich, nơi con cháu của hoàng gia thường đến chơi không khí. Tuy vua Henry VII, Hoàng Hậu và con cả là Arthur không có mặt, Erasmus có gặp Hoàng Tử Henry và hai người em của hoàng tử : một người là Margaret, sau làm Hoàng Hậu Scotland (Tô Cách Lan) và là bà của Mary vừa mới lên ba, sau này là Hoàng Hậu nước Pháp một thời gian ngắn và sau đó trở nên bà của Lady Jane Grey. Erasmus rất thán phục cách cư xử của Hoàng Tử Henry, mới lên 9, song có nhiều năng khiếu và học giỏi, cũng đã nghe đến đời sống trí thức nổi danh của Erasmus và nóng lòng muốn nghe Erasmus nói chuyện. Sau này, 6 năm sau, Hoàng Tử trả lời thư của Erasmus như sau : "Thư của ông làm cho tôi vui nhiều lắm, lời lẽ hùng biện nhưng tôi không khen ngợi thể văn mà cả thể giới ngưỡng mộ'. Vì ông có trí óc thông sáng, viết sách nhiều và liên lạc thư tín với nhiều người, lại nghiên cứu, nên danh tiếng lan rộng ở Châu Âu. Về phương diện tôn giáo ông có óc thực tế và ưa điều hợp lý, nên ông tượng trưng cho một quan niệm nhân văn tốt đẹp nhất ở Châu Âu. Ông quen biết và thư từ với nhiều người giỏi thời bấy giờ, và nhiều nhà lãnh đạo , kể cả vua Charles V, Giáo hoàng Leo X, Vua Henry VIII, cũng công nhận ảnh hưởng của ông và vẫn tham khảo ý kiến ông.

Những sách chính của ông viết về các giáo phụ của Hội Thánh như : Jerome, Cyprian, Irenaeus, Ambrose, Augustine, Chrysostom, Basil và Origen. Những bản văn này, cộng với những lời phi lộ do ông viết đều do xương in danh tiếng của



John Froben tại Basel phát hành.

Nhưng tác phẩm quan trọng nhất là tập Tân Ước nguyên văn Hy Lạp, mà ông dịch ra tiếng La Tinh, kèm những ghi chú liên quan đầu tiên bằng tiếng Hy Lạp có đề tặng cho Giáo Hoàng X là người đã ưng thuận việc thực hiện công trình này.

Erasmus phải mất 3 năm từ 1511 đến 1514 dịch quyển này, khi ông giữ ghế Giáo Sư Lady Margaret Beaufort chuyên đề thần học tại Đại học Cambridge do bạn ông là John Fisher đã thu xếp giữ chỗ cho ông.

Quyển Tân Ước của Erasmus đạt kết quả vượt mức, riêng tại Pháp sách bán ngay được 100.000 cuốn. Trong những lần xuất bản tiếp theo, ông thêm nhiều ghi chú và bình luận công khai chống lại những lạm dụng trong Hội Thánh và sự ngu dốt của những người lãnh đạo giáo dân trong Giáo Hội. Ở thế kỷ thứ 16, người ta thường lấy Kinh Thánh làm tòa giảng để phổ biến ý kiến của người dịch.

Cho đến lúc bấy giờ, những tập Kinh Thánh được giấu kín trong các thư viện của tu viện, và chỉ có những người nghiên cứu thần học mới được dùng đến. Thường dân chỉ được biết những đoạn nghe ở nhà thờ, những đoạn này lại được đọc bằng tiếng La Tinh với giọng khó hiểu cho nên sứ điệp của Kinh Thánh không được truyền thông ra quần chúng. Khi quyển Kinh Thánh của Erasmus dịch xong thì các nhà học giả và các người trí thức mới có thể tự mình tìm hiểu những việc thuộc về Chúa Christ, các Sứ Đồ và những điều họ dạy dỗ. Họ có thể so sánh lối sống bất toàn và có lúc thối nát trong Hội Thánh đương thời với Cơ-Độc Giáo nguyên thủy, một đức tin đã kêu gọi nhiều người trở lại cùng Chúa. Kết quả là một cơn động đất thuộc linh.

Năm 1521 Erasmus viết : 'Công trình của tôi là phục hồi lại một bản văn đã chọn và nhắc nhở các tu sĩ là chẳng nên cãi nhau về các chi tiết nhỏ mà nên học biết Tân Ước'. Biết Kinh Thánh là một nguyên tắc căn bản của thời kỳ cải chánh. Ngoài công việc tu chánh Kinh Thánh, ông Erasmus luôn luôn bận rộn viết sách hoặc những văn tập nhỏ với lời văn sáng sủa, vui vẻ và dễ đọc của ông. Ông học rộng và rất quan tâm đến những khó khăn trong Cơ-Độc Giáo, lại vì có đức tính ngay thẳng và viết văn rõ ràng nên người đương thời rất thích đọc sách của ông. Dĩ nhiên ông viết bằng chữ La Tinh, ngôn ngữ thông dụng của các học giả và các nhà trí thức khắp Âu Châu. Sách Đối Thoại (Colloquies) là những cuộc đối thoại ông nhạo cười những thói nát của xã hội một cách dí dỏm nhưng đầy lòng thông cảm. Sách Tục Ngữ Cách Ngôn (Adages) bày tỏ ý kiến của ông đối với những vấn đề thông thường. Một quyển khác ai cũng biết là quyển Ca ngợi sự Điên Rồ (the Praise of Folly) trong đó ông tóm lược những cuộc đàm thoại khi thăm hai bạn thân tại Anh: Ông Thomas More, lúc đó đang làm việc trong cung vua, và ông John Fisher, giám mục Rochester. Cuộc thảo luận nghiêm trang và có ý buồn, vì ba người bạn cùng nhận biết thảm trạng trong Hội Thánh và không ngớt chê bai lên án những xấu xa và lạm dụng trong đó.

Ông mong rằng khi mọi người biết rõ vấn đề hơn, và khôn sáng hơn, họ sẽ biết

những lầm lẫn của họ và từ bỏ, cũng như sẽ chấm dứt những tệ đoan mê tín và những tập tục vô nghĩa của Hội Thánh. Ông thấy trước là phong trào Luther đang sửa soạn cơn bão tố, ông cảnh cáo: 'Đã đành Hội Thánh cần cải cách, nhưng bạo động không phải là đường lối tốt'. Ông còn nghĩ rằng, nếu những người hiểu biết cầm quyền ở Âu Châu thì tình hình đã chín mùi để họ đem cải cách đến một cách yên lặng. Nhưng thật ra, điều đó đã không xảy ra.

#### MARTIN LUTHER (1483 - 1546)

Martin Luther một giáo sĩ dòng Augustinian, học giả Kinh Thánh, giáo sư thần học tại Đại Học Wittenberg, là người châm ngòi lửa đầu tiên cho cuộc Cải Chánh. Cha ông, một thợ mỏ quê mùa, có đức tin, đã phấn đấu từ khi nghèo khó cho đến lúc trở thành một người dân thành thị khá giả. Ông có cao vọng nuôi con đi học để làm luật sư. Luther vào đại học, nhưng ông bị ám ảnh, luôn cảm thấy cảm thấy mình tội lỗi nên ông lánh đời để trở thành một tu sĩ. Có lòng tin kính và hầu việc cách đặc biệt, ông lại có tài giảng dạy và giỏi quản trị hành chánh. Có một thời kỳ tranh đấu nội tâm, ông cảm thấy không đến gần Đức Chúa Trời được mặc dầu với nhiều cố gắng khổ tu và làm 'công đức', ông bắt đầu nghi ngờ rằng chưa hẳn Hội Thánh đã có phương tiện đưa đến cứu rỗi. Phải chăng con người phải làm theo những đòi hỏi của Hội Thánh, bí tích và 'công đức' mới được nhận ơn của Đức Chúa Trời? Thành linh, lời Phao-lô ở Rô-ma 1:17; vang trong trí ông như sấm sét. 'Người công bình sẽ sống bởi đức tin' hay là 'người được công bình nhờ đức tin sẽ sống'. Ông nói rằng lời này 'quả thật là cửa thiên đường cho ông', và từ đó thay vì cố gắng tìm sự cứu rỗi bằng công khó nhọc của mình, ông được yên lòng tin rằng Đức Chúa Trời đã cho ông sự cứu rỗi ấy. Từ kinh nghiệm cá nhân đó, ông Luther viết ra một giáo thuyết trái với sự dạy dỗ của Hội Thánh cho rằng, con người 'chỉ được cứu rỗi nhờ bí tích và công đức'. Ông giảng rằng Đức Chúa Trời ban cho đức tin và đó là điều kiện duy nhất của sự cứu rỗi để thoát khỏi tội lỗi và mặc cảm tội lỗi, để được kể là công bình trước mặt Đức Chúa Trời.

Ông bất bình với Hội thánh khi có những thừa sai của Giáo hoàng Leo X đến Đức để bán những 'phép xá tội' (tức là Giáo Hoàng tuyên bố tha cho tội nhân đã ăn năn hay đã chuộc lại lỗi mình, khỏi phải chịu đau đớn vì những tội cũ ấy trong 'nơi luyện tội' (Purgatory). Tiền thu được sẽ dùng vào công việc xây dựng lại nhà thờ St. Peter ở La Mã là Tòa Thánh của Cơ-Đốc Giáo Phương Tây. Ông Luther coi việc mua bán này là một lạm dụng xấu xa trái hẳn với những chân lý sâu xa của Cơ-Đốc Giáo. Kế đó, ngày 31 tháng 10 năm 1517 ông viết 95 điều khoản (thesis) lên án việc bán 'phép xá tội' đó là 95 đề án danh tiếng mà ông đã đóng đinh vào cửa nhà thờ lớn ở Wittenberg. Ông muốn có cuộc thảo luận để tiến đến cải cách, ông không muốn cách mạng. Nhưng thảo luận thì chẳng thấy đâu, mà 95 điều khoản thì được vô số người chàyen tay nhau và sốt sắng chăm chú đọc. Tình hình đã chín mùi, lòng người sôi động và những biện pháp cứng rắn được thi hành. Thế

là Luther đã mở toang cửa ngõ cho cuộc cách mạng lớn nhất của lịch sử Hội Thánh.

Ông tiếp tục giảng dạy và viết bài chống lại những lạm dụng của giới tu sĩ, chống lại uy quyền thiêng liêng của Hội Thánh, lại còn thúc giục hoàng thân tại Đức hãy tách lãnh thổ của họ ra ngoài vòng kiểm soát ngoại lai của Giáo hoàng. Bị triệu đến trước Hội đồng các vùng trong Đế Quốc La Mã thánh, họ tại Worms năm 1521, ông công nhận là ông đã viết tất cả chồng tài liệu chữ Đức, chữ La Tinh, mà các thẩm phán đưa ra, nhưng ông nói ông không thể rút lại những lời ông đã chỉ trích Giáo Hoàng, trừ phi có người tìm được trong Kinh thánh những đoạn thích hợp để vạch ra sự sai lầm của ông. Ông nói lớn : 'Tôi không thể làm thế nào khác được. Ông đứng đây, giữ những lời đã nói, Đức Chúa Trời sẽ giúp tôi. Amen'. Hội đồng bèn ban lệnh tuyên bố Luther ở ngoài vòng luật pháp, và không cho phép ai cho ông ta ăn, uống hay nơi nghỉ ngơi. Dầu vậy, ông đã được coi là vĩ nhân và không mấy người quan tâm đến lệnh của hội đồng. Liên sau đó, các bạn ông kiếm ra một nơi an toàn cho ông ẩn náu, đó là tòa lâu đài tại Wartburg của Frederick the Wise, hoàng thân xứ Saxony.

Tại đó ông dịch Tân Ước ra tiếng Đức và xuất bản sách đó năm 1522. Ông không dịch từ bản dịch Vulgate, vì trước đó bản La Tinh này đã có người dịch ra nhiều bản tiếng Đức vụng về, nhưng dịch thẳng từ bản văn Hy Lạp đã được in ra sách, nhờ công lao của Erasmus. Trong khoảng 10 năm, vừa tổ chức vừa phổ biến những bài giảng thuyết của ông, ông dịch xong toàn bộ Kinh Thánh. Bản dịch này rất quý giá về phương diện tôn giáo cũng như văn chương vì ông Luther rất giỏi về ngôn ngữ thông dụng; văn ông dễ đọc vì ông dùng nhiều thành ngữ dân tộc và lại trau chuốt.

Lề lối ngôn ngữ của văn chương Đức sau này chịu ảnh hưởng rất nhiều của quyển Kinh Thánh do Luther dịch.

Khi các lãnh thổ Đức nổi lên chống lại Giáo Hoàng, thì có những người tin kính tán đồng vì họ không chịu nổi những lạm dụng của Hội Thánh, cũng có những người vụ lợi đồng ý vì muốn chiếm đất đai và lợi tức của Hội Thánh, và cũng có những người yêu nước không ưa uy quyền của La Mã. Có đủ hạng người ủng hộ Luther : hoàng thân, dân thành thị, thợ thuyền, dân quê, tu sĩ. Họ công kích cả hệ thống cai trị thuộc linh, phép tha tội, rút thông công, miễn phạt, tuyên bố sạch tội, luôn cả thủ tục xưng tội và các tòa án tôn giáo. Chẳng bao lâu, bạo động bùng nổ, lôi cuốn Đức Quốc vào rối loạn.

Erasmus ở xa xem xét và tỏ ý bất mãn vì những điều dạy dỗ của ông, khi Luther và đồng bạn đem ra áp dụng lại gây kết quả quái đản như vậy, thoát đầu ông Erasmus viết : 'Tôi tán thành những việc có vẻ đầy thiện ý của Luther, tôi có viết thư cho ông ta và khuyên ông ấy rằng nên dùng ngôn ngữ nhẹ nhàng một chút, có lẽ ông sẽ là một tia sáng soi ra ra tối tăm và có thể Giáo Hoàng sẽ trở t hành bạn ông, tôi tin điều đó'. Nhưng sau đó ông lại viết : 'Tôi không thể tán thành bạo động' cuộc nổi

loạn tại Đức càng tăng độ gay gắt, lòng ông càng thêm lo âu. Ông tự hỏi : Không hiểu cái gì đã thúc đẩy Luther nặng lời với Giáo Hoàng và các học giả Hội Thánh cùng các khất sĩ như thế. Sự trạng đã rồi bởi lại còn khuấy động thêm có ích gì? Hay Luther muốn đốt cháy cả thế giới?

Tại hội đồng Speyer năm 1529, đa số các nhà cầm quyền tại các lãnh thổ Đức quyết định ngăn trở phong trào Luther, nhưng có một thiểu số đã thực hiện những cải cách do Luther đề ra và họ ký một thư phản kháng. Bởi vậy, những người theo Luther từ đó được gọi là 'protestant' (những người phản kháng), danh từ này nay chỉ về những người không theo sự dạy dỗ và luật pháp của Hội Thánh Công Giáo La Mã.

Năm 1530, một bác học là bạn và đồng nghiệp của Luther ở Wittenberg nhà nhân văn học khiên nhường Philip Melancthon, soạn một bản tuyên ngôn rõ, gọn, về những tín điều và giáo thuyết của phái Luther, bản tuyên ngôn này gọi là 'Bản xưng nhận đức tin Augsburg'. Sau khi các hoàng thân phái Luther ở Đức đã công nhận bản văn đó, và tài liệu trên trở thành bản tín điều chính của Hội Thánh Lutheran. Hội Thánh đã có tiêu chuẩn giáo lý, có Kinh Thánh Đức Ngữ, giờ thờ phượng, có thêm hội chúng tham dự vào việc ca ngợi, bằng ngôn ngữ thường ngày của dân Đức, nên Hội Thánh Lutheran phát triển mau, lan sang Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy và trở thành tôn giáo chánh thức tại các nước trên. Riêng tại Đức vẫn phải chia hai nhóm: Các địa phương theo Công giáo La Mã và các địa phương theo Lutheran, tùy người lãnh đạo địa phương ấy theo bên nào.

Những năm còn lại, Luther sắp đặt và phổ biến Tin Lành mới của ông. Năm 1525 ông cưới một bà trước kia là tu sĩ, Katherine Von Bora, một phụ tá quý giá, đem cho ông hạnh phúc gia đình, 3 con trai và 2 con gái.

Mặc dầu bận rộn, ông cũng sáng tác được 30 thánh ca, có một bản tên là Ein Fests Burg. 'Thành vững mạnh là Đức Chúa Trời chúng ta'. (Chúa vốn bức t hành kiên cố ta rày...) bản này được hát tại các Hội Thánh Tin Lành khắp nơi như tiếng hát đức tin trong trận chiến. Có lẽ Luther đã phỏng theo một điệu ca Gregorian cổ để làm bài hát này. Cả bài, nhất là câu đầu, được khắc vào đài lễ niệm của ông ở Wittenberg, dường như nói lên được cái tiềm lực sống của con người ông.

#### JOHN CALVIN (1509 - 1564)

Song song với Martin Luther, thế kỷ thứ 16 còn có nhà thần học Pháp John Calvin, là người lãnh đạo phong trào Tin Lành rất nổi tiếng đương thời. Hai người có bản tính trái ngược nhau, Luther có óc sáng tạo hay xúc động và dễ bị hoàn cảnh thúc đẩy, trái lại Calvin sống khổ hạnh, bình thản, biết diễn tả tư tưởng mạnh mẽ. Ông sinh vào một gia đình trung lưu khá giả sống tại Noyon đông bắc Paris. Cha ông muốn có chức vụ trong Hội Thánh Công Giáo nên xin được một học bổng cho ông và do đó ông vào được Đại học Paris. Ở đây ông chuyên tâm nghiên cứu về nhân văn và tập viết văn rất xuất sắc. Một người bà con tên là Olivetan khuyên ông

ngiên cứu Kinh Thánh và tập đọc Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp. Chính Olivetan cũng là người đầu tiên dịch Kinh Thánh ra tiếng Pháp. Hồi đó những ý tưởng của Luther đã bắt đầu có ảnh hưởng tại Pháp nên không lâu sau đó Calvin gặp được một nhóm nhân văn học không đồng ý với các việc làm và chủ thuyết của Hội Thánh. Khi ông hơn 20 tuổi ông đã được từng trải một kinh nghiệm thuộc linh mà ông gọi là 'đột ngột trở lại Chúa' nên từ đó ông tin quyết là Đức Chúa Trời đã phán với ông qua Kinh Thánh và từ nay ông phải vâng theo ý Chúa. Khi ông nhận thấy ông không thể nào tiếp tục nhận trợ cấp của Hội Thánh Công Giáo, ông bèn khước từ sự giúp đỡ ấy. Dứt liên hệ với Hội Thánh thì ở Pháp khó yên thân, ông mới đi sang Basel, thành phố Tin Lành và trung tâm đại học tại Bắc Thụy Sĩ, nơi Froben đã in bản Tân Ước song ngữ Hy Lạp La Tinh của Erasmus.

Năm 1536, tại Basel, Calvin xuất bản quyển Nguyên Tắc Đại Cương Cơ-Độc Giáo (The Institutes of the Christian Religion) tóm tắt những gì thuộc về đức tin Tin Lành cổ điển. Sách này trình bày những ý tưởng thần học của những người lãnh đạo đầu tiên, nhất là Luther và nhà cải cách Thụy Sĩ, ông Ulrich Zwingli, lời văn hay đẹp, rõ ràng, mạch lạc. Calvin không công nhận quyền của Giáo Hoàng, nhưng công nhận những giáo thuyết như : Kinh Thánh không sai lầm, con người được cứu duy bởi đức tin, và thuyết lý cho là kẻ tin là đã được lựa chọn trước. Ông cũng đồng ý là kỷ luật cần thiết trong Hội Thánh để bảo vệ đạo đức trong sạch của tín hữu. Ông viết một thư trình trọng, lễ phép trình tặng quyển sách Nguyên Tắc Đại Cương Cơ-Độc Giáo cho vua nước Pháp (Francis I) và khi vua 26 tuổi ông đã trở thành người lãnh đạo của Tin Lành Pháp. Theo lời mời của nhà cải cách Pháp Guillaume Farel, Calvin đến Thụy Sĩ năm 1536 để giúp tổ chức Cộng Hòa Tin Lành mới tại Geneva. Ngoại trừ một lần đi xa, ông giữ chức vụ Mục Sư trưởng và giảng sư tại Genève cho đến ngày tạ thế. Thành phố Genève dưới quyền lãnh đạo tôn giáo và chính trị của ông trở thành trung tâm Tin Lành tại Tây Âu, và người ta gọi ông là 'Giáo Hoàng Tin Lành', ông gây dựng một nước ở dưới sự quản trị của Chúa, mọi vấn đề của dân sự đều do Hội Thánh hướng dẫn.

Hội thánh thì có các Mục Sư hay trưởng lão (gọi là Presbyter) quản trị. Do đó có danh hiệu Presbyterian. Calvin đề cao những đức tính tân tiến, chăm chú, tiết độ và tinh thần trách nhiệm, ông coi những đức tính ấy rất cần thiết cho sự thể hiện sự trị vì của Đức Chúa Trời trên đất.

Mỗi ngày ông giảng tại nhà thờ, và giải quyết về các vấn đề giáo thuyết và sự quản trị Hội Thánh, ngoài ra ông còn trả lời những câu hỏi về luật pháp, cảnh sát, kinh tế, thương mại và sản xuất công nghệ. Ông liên lạc bằng thư tín rất rộng, viết những sách thần học bình luận về Kinh Thánh và dịch Kinh Thánh ra tiếng Pháp. Ông lập nhiều trường trung và đại học tại Genève, có nhiều sinh viên từ Anh, Tô Cách Lan và nhiều nơi khác tại Âu Châu đến theo học do đó giáo thuyết Calvin đã được truyền bá khắp nơi xa gần.

Các học giả Anh, muốn xa lánh những cuộc hành hại của Nữ Hoàng Mary, đến

Geneva thì tìm được không khí tự do và sự khuyến khích mà họ cần để nhuận chánh lại quyển Kinh Thánh 1539 vì tại đây họ được giúp đỡ nhiều hơn. Người anh rể của Calvin là William Wentingham đã lo việc sắp xếp và in tập Tân Ước Geneva năm 1557. Ba năm sau cả quyển Kinh Thánh được nhuận chánh và in xong, đó là một trong 6 quyển Kinh Thánh tiếng Anh đã được in ra và là quyển chính xác hơn hết và có ghi chú nhiều hơn cả. Khổ sách tương đối nhỏ và mỗi đoạn chia ra thành nhiều câu cho nên rất tiện dụng. Quyển Kinh Thánh này rất thông dụng trong mỗi gia đình, Shakespeare đọc bản văn đó và những người hành hương Puritan cũng đã mang sang Mỹ Châu bản văn đó khi họ đến Plymouth (Massachusetts) năm 1620.

Những người được Calvin huấn luyện đã phổ biến những nguyên tắc của ông đến hầu hết mọi nước ở Âu Châu, lập nên một tiêu chuẩn xử thế đạo đức cao giữa tín đồ Tin Lành. Năm 1560 mặc dầu có sự chống đối của Mary, Nữ Hoàng Tô Cách Lan John Knox cũng thành lập được một Hội Thánh cải chánh, tín hữu lấy tên là Presbyterian. Ở Pháp, những người theo thuyết Calvin gọi là Huguénot, ở Hòa Lan, thuyết Calvin được biến thành ra tôn giáo của những người yêu nước, William, Hoàng thân xứ Orange đã lãnh đạo những người này thành lập Công Hòa Hòa Lan. Những người theo Calvin ở Anh lấy tên là Trưởng Lão (Presbyterian) và những người này khi muốn loại trừ mọi ảnh hưởng Công Giáo trong Hội Thánh thì được gọi tên là Thanh Giáo (Puritan). Một số người Thanh Giáo dời sang Massachusetts vào thế kỷ 17. Giáo thuyết Calvin đã ảnh hưởng lâu bền trong văn hóa Âu Châu mãi cho đến ngày nay, do đời sống trí thức, lòng tin kính vững chắc, và sự sốt sắng tham gia vào công tác xã hội.

#### HỘI THÁNH ANH QUỐC VÀ VUA HENRY VIII (1509 - 1547)

Đến thế kỷ thứ 16, đa số dân chúng Anh bất mãn với Hội Thánh. Sự bất mãn bắt đầu gia tăng mau từ thời John Wycliffe cuối thế kỷ 14. Có nhiều lý do cho sự bất mãn này. Dân Anh là dân có quốc gia tính nhất Âu Châu, họ không tin Hội Thánh là vì Giáo Hoàng, người đứng đầu của Giáo Hội, là người ngoại quốc đối với họ. Ngay từ năm 1215, các bá tước Anh đã ép vua John phải ký bản Magna Charta công nhận một số quyền tự do chính trị và dân sự cho dân chúng.

Vấn kiện quan trọng nhất trong lịch sử hiến pháp Anh là một điều khoản nhằm vào quyền độc đoán của Vua và sự can thiệp của Giáo Hoàng : "Hội thánh Anh quốc được tự do bảo vệ những quyền và những tự do của mình không bị xâm phạm".

Vào thời Trung Cổ, một số tu sĩ dốt nát đến nỗi không hiểu những chữ La Tinh không Kinh Thánh, giới cấp cao của họ thì lai giàu có, nhiều quyền và thế lực. Các Giám Mục ở lâu dài như các hoàng thân. Hội Thánh có một phần tư đất đai trong nước và kiểm soát ít nhất một phần mười lợi tức quốc gia, mà không trả thuế.

Những số tiền thật lớn gửi đi La Mã (Rome) để phục vụ Giáo Hoàng, cho nên giới nghèo và trung lưu rất âm ức. Dân chúng than phiền về lệ phí và thuế Hội Thánh

thu, chê trách lối sống và đạo đức của giới tu sĩ, bất mãn về những điều họ nhìn thấy trong các tu viện, thật sự nhiều tu viện đã trở nên vô ích vì không theo đúng mục đích ban đầu nữa. Thêm vào những yếu tố trên, còn có ảnh hưởng của những nhà nhân văn có thực tài hồi đầu thế kỷ 16 như Erasmus, Colet, Thomas More và nhiều người khác tại Đại học Oxford và Cambridge, họ đồng thanh cổ vũ việc cải cách Hội Thánh và trở lại Cơ-Độc Giáo thuần túy của Kinh Thánh.

Mặc dầu Hội thánh tại Anh bị chỉ trích, nhưng dân Anh vẫn là một dân tin kính, chuông nhà thờ ít khi yên lặng, nên hòn đảo Anh Quốc được mang tên là 'hòn đảo chuông rền'. Các nhà thờ được xây cất cho đến thời kỳ cải cách. Nhà thờ Bath Abbey như ta thấy ngày nay được xây cất từ năm 1499 do những tay thợ giỏi của Vua Henry VII. Mái vòm rất đẹp của nhà thờ Kings College Chapel tại Đại học Cambridge được cất xong năm 1513 và những cửa kính màu mãi đến năm 1531 mới xong.

Vua Henry VIII là một người Công giáo La Mã có lòng tin kính, chăm nghiên cứu thần học, thông minh, không hẳn chỉ biết hưởng thụ. Năm 1521, khi biết có bọn 'tà giáo' Lutheran mới tại Đức, Henry VIII lấy làm khó chịu và viết sách bài bác Đề Cao Bảy Bí Tích. Ông gửi một bản cho Giáo hoàng Leo X. vì tiên đoán những việc có thể xảy ra, cố vấn của vua là Sir. Thomas More khuyên vua đừng đề cao uy quyền của Giáo Hoàng quá mức trong thư. Nhưng vua Henry VIII bỏ qua lời khuyên, và nói rằng: 'Chúng ta chịu ơn của thế lực La Mã thật nhiều, nên có tôn trọng quá mức cũng không sao'.

Lòng tin kính của Henry VIII và cách hiểu đúng phép của vua làm đẹp lòng Giáo hoàng nên được phong cho danh hiệu Người Bảo Vệ Niềm Tin (Fidei Defensor) là danh hiệu vua mang cho đến khi qua đời. Những vua kế tiếp của Anh Quốc tiếp tục được mang danh hiệu này, trên các đồng tiền lưu hành có khắc nổi hai chữ 'FD' hay 'Fid Def'.

Tuy nhiên Henry liên quan vào một tình thế chính trị khiến ông phải cắt đứt giao hảo với Giáo Hoàng. Nguyên là ông lấy Catherine ở xứ Aragon là vợ của ông anh Arthur, vừa qua đời. Luật Hội Thánh cấm kết hôn với vợ góa của anh và vua Henry đã phải xin Giáo Hoàng cho phép. Catherine chỉ sinh được một con gái là công chúa Mary, và không có hy vọng sinh thêm một trai cho Henry để nối ngôi. Để đề phòng một cuộc nội chiến tranh ngôi như trận War of the Rosse, vua Henry biết là phải có một con trai hợp pháp. Từ trước đó chưa hề có phụ nữ làm vua nước Anh. Bà Margaret Beaufort (xem cuối chương 26) đã dành ngôi vua mới cho con trai bà là Henry VII, cũng như Elizabeth ở thành York là vợ của Henry VII cũng dành cho chính mình, nhưng Henry VII là người đã được ngôi. Bởi vậy, Henry VIII theo gương đó, khôn khéo yêu cầu Giáo Hoàng hủy bỏ hôn nhân với Catherine, lấy cơ là sự cho phép của Giáo Hoàng trước không đủ lý do chính đáng và Henry VIII xin cưới Anne Boleyn. Mặc dầu sự hủy bỏ như trên cũng chỉ là chuyện thường, Giáo Hoàng cũng chần chừ 7 năm không giải quyết. Lý do là vì từ lúc Hoàng Đế

Charles V cướp phá La Mã vào năm 1527, Giáo hoàng như tù binh giam lỏng, và Hoàng Đế Charles quyết tâm không muốn Catherine (là dì của Hoàng Đế) bị vua Henry VIII phế bỏ.

Thấy Giáo hoàng bất động, coi nhẹ quyền lợi của Anh Quốc, Henry VIII tức giận tự mình giải quyết vấn đề. Vua Henry VIII truất phế Wolsey là đương kim khâm sai Giáo Hoàng tại Anh, khi đó làm đầu quốc hội, lấy cớ là Wolsey đã không xin được sự thỏa thuận của Giáo Hoàng cho hủy bỏ hôn nhân với Catherine - và Sir Thomas More được mời lên thay thế Wolsey. Kể từ năm 1529 cả quốc hội lẫn hội đồng Giám Mục và tu sĩ Anh Quốc ra nhiều đạo luật, thỉnh cầu và quyết nghị ủng hộ việc cắt liên lạc với Giáo Hoàng. Năm 1534, hội đồng Giám Mục và tu sĩ Anh Quốc tuyên bố 'theo Kinh Thánh, Giám Mục La Mã không có quyền gì lớn hơn bất cứ Giám Mục ngoại quốc nào tại Anh'. Cũng trong năm đó, quốc hội cấm gửi mọi ngân khoản cho Giáo Hoàng và cho phép Tổng Giám Mục ở Canterbury từ đây cấp mọi phép tắc và miễn lễ. Tuy nhiên, luật này có nói rõ là chủ thuyết về niềm tin Công Giáo đã có từ trước không có gì thay đổi. Vậy, cuộc Cải Chánh đã bắt đầu từ Anh Quốc, Hội Thánh Anh Quốc vẫn tiếp tục là Hội Thánh Phổ Thông vẫn có từ xưa. Quyền hành trước kia Giáo Hoàng có tại Anh thì nay chia ra cho Hội Thánh và nhà vua. Tổng Giám Mục ở Canterbury được uy quyền tôn giáo cao nhất tại Anh giải quyết các vấn đề tôn giáo. Còn vua Anh thì cũng giống như các hoàng t hân Cơ-Đốc thời đó chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề ngoài Hội Thánh là: ấn định quyền lợi Hội Thánh, tổ chức an sinh và bảo vệ hòa bình.

Vua Henry cử Thomas Cranmer, một học giả thuộc Viện Đại Học Cambridge, vẫn chống quyền Giáo Hoàng xưa nay, làm Tổng Giám Mục ở Canterbury. Sau khi được ban và phong chức năm 1533, Cranmer triệu tập một tòa án tôn giáo, và tuyên bố hôn nhân của Henry VIII với Catherine là vô giá trị. Và vua cưới Anne Boleyn, sinh được một con gái tên là Elizanbeth.

Ngày 3 tháng 11, 1534, quốc hội duyệt một văn kiện tuyên bố vua Henry và các vua kế tiếp là 'lãnh đạo tối cao duy nhất của Hội Thánh Anh Quốc, trong giới hạn luật Đấng Christ cho phép'. Những ai không nhận quyền vua là tối cao thì sẽ bị chặt đầu về tội phản quốc. Hai học giả danh tiếng, cũng là tu sĩ đạo đức cao là Giám Mục John Fisher ở Rochester - Erasmus gọi ông này là một vị thánh - và Sir Thomas More người 'bạn chân thành' rất được Erasmus quý trọng, đều bị bỏ trong ngục Tower vì không nhận quyền vua. Giáo Hoàng phản ứng, phong Fisher làm khâm sai Giáo Hoàng nhưng cả Fisher và More đều bị chặt đầu.

Con gái vua Henry VIII là Mary không chịu phủ nhận quyền Giáo Hoàng, nhưng được Cranmer kín đáo che chở xin tha, nên thoát chết chém.

Giáo Hoàng mới, Paul III, dứt phép thông công vua Henry VIII và ra lệnh cho dân chúng Anh nổi loạn chống vua. Ông cũng xúi giục các vua Âu Châu khai chiến với Henry. Tại Anh có nhiều vụ chống đối nhỏ như nhóm Pilgrimage of Grace miền Bắc, nhưng nói chung, không ai chú ý đến lời xúi giục của Giáo Hoàng. Hội Thánh



Anh quốc tiếp tục giữ lễ Misa, các bí tích và các buổi hành lễ không thay đổi. Dầu vậy, có một phương diện trong sinh hoạt Hội Thánh đã biến chuyển rất mạnh. Vua Henry và vị đầu quốc hội bấy giờ, Thomas Cromwell, một chính trị gia tàn bạo, phế bỏ tất cả các tu viện để chiếm đất đai, tài sản, lấy có rằng những tu viện này có liên lạc trực tiếp với Giáo Hoàng và là những ồ tề đơan trong Hội Thánh đang cần cải cách. Thêm nữa trên thực tế những tu viện không còn tác dụng lợi ích như xưa nên chẳng có ai lên tiếng phản đối. Bộ mặt nước Anh thay đổi vì Cromwell đã phế bỏ các tu viện. Những nhà thờ xây trong đó thì bị lột mái, nên suy sụp dần. Dân chúng thành thị hoặc thôn quê đến lấy đi đá, gỗ, gạch đem về dùng vào việc riêng. Những nhà nguyện đẹp như nhà nguyện tại tu viện Tewkesbury cũng không tránh khỏi phá phách. Khi tu viện này giải tán và nhà thờ bị đánh giá 'thừa', dân chúng trong vùng nhất quyết muốn giữ lại phần chính của nhà thờ, viện lẽ là họ vẫn nhóm thờ phượng tại đó, nên họ được phép mua lại cả khu nhà thờ với giá là 450 bảng Anh, là giá các chuông và mái nhà bằng chì mà những ủy viên của Cromwell đã định nấu cho chảy ra và bán lấy tiền. Vua Henry lấy đất tu viện ban thưởng cho các bạn ông và những người ủng hộ ông, hoặc bán giá rẻ cho giai cấp đang lên, nhưng vua cũng giữ lại một số đất để dùng. Những khu đất lớn nhất mà vua giữ nay thành những công viên chính của Luân Đôn.

Thêm vào sự phá phách các tu viện, những tay sai của Cromwell và những kẻ cuồng tín dưới thời vua Edward VI nóng nảy vì muốn dẹp hết mọi dấu tích của mê tín và lối tư tưởng lỗi thời, đã làm thiệt hại rất nhiều vẻ đẹp của nước Anh thời Trung Cổ. Họ đập vỡ tranh thờ, và vòng đá chạm xung quanh, họ ném đá vào các cửa kính màu chấp hình các thánh và thiên sứ. Họ làm tiêu tán những 'xá lợi' của các vị thánh và bàn thờ lưu giữ các xá lợi ấy. Bàn thờ của nhà nguyện Westminster Abbey rất đẹp, có chạm châu báu, do Edward the Confessor (người xưng nhận đức tin) làm, bị phá hủy và bàn thờ giắt vàng của Thomas và Becket Tổng giám mục ở Canterbury cũng bị đập tan tành. Mặc dầu những biến chuyển nói trên, đời sống tôn giáo và tập quán dân chúng vẫn tiếp tục, bề ngoài ít thay đổi, có những người vẫn trung thành với Giáo Hoàng, lén thờ phượng chung với lân bang cùng trong một nhà thờ họ đạo và cũng nhận bí tích ở nhà thờ. Cũng giống như vua nước Anh, đa số dân chúng tán thành việc thoát khỏi quyền Giáo Hoàng nhưng họ không thích lối thờ phượng và giáo thuyết hoàn toàn đổi mới mà Luther và Calvin khơi mào tại lục địa.

Dầu vậy, những thay đổi dĩ nhiên phải đến. Từ bao nhiêu thế kỷ, dân chúng đã được dạy rằng duy Giáo Hoàng mới mở được cửa thiên đàng. Khi không còn Giáo Hoàng, họ hỏi nhau : 'Ai bây giờ có quyền tha tội và cứu linh hồn chúng ta'. Năm 1536 Tổng Giám Mục Cranmer đã trả lời câu hỏi này dứt khoát rồi. Ông nói 'Không có người nào hay tổ chức nào của loài người có thể đem đến cho họ sự cứu rỗi'. Bảo rằng tội của chúng ta được tha bởi luật pháp hay nghi lễ của loài người lập

ra, thật là sai quá. Muốn được cứu rồi chỉ có cách tin Chúa Christ. Từ đó, những giáo thuyết Tin Lành bắt đầu được dạy tại các nhà thờ Anh.

Trung tâm cuộc Cải Chánh là quyển Kinh Thánh, chúng ta đã thấy các học giả tận tụy nghiên cứu các nguyên bản. Khắp nơi có những phong rào dịch Kinh Thánh ra tiếng địa phương mới để các người ngoài Hội Thánh có thể tự tìm lấy ý nghĩa của lời Đức Chúa Trời. Tuy thế tại Anh vẫn còn những luật nghiêm ngặt cấm người ngoài đọc Kinh Thánh. Hơn nữa, mãi đến năm 1525 khi quyển Tân Ước của William Tyndale xuất hiện, bấy giờ dân Anh mới được đọc Kinh Thánh qua ngôn ngữ đương thời. Ấy là nhờ Tyndale đã được thâm nhuần nền học cổ điển tại Đại học Oxford, có những thầy như Grocyn, Latimer và Linacre ; tại Đại học Cambridge học thầy Erasmus lại nhờ ông có biệt tài viết văn Anh lúc đó mới thành hình và nhờ nhiều cố gắng phi thường của ông và đồng bạn nên có nhiều người dâng đời sống cho lý tưởng của dân Anh từ đây có Kinh Thánh bằng tiếng mẹ đẻ. Mặc dầu chính quyền sợ những tư tưởng Tin Lành giải bày trong lời giới thiệu và những ghi chú bên lề của sách Tân Ước Tyndale, và cứ hễ tịch thu được bao nhiêu thì đem đốt bấy nhiêu, nhưng không ngăn chặn được những bản in tại Đức và thâm nhập vào Anh qua các hải cảng. Mà dân chúng thì lại thích đọc văn bản Tyndale, không có cách gì ngăn trở được.

Trước khi Tyndale tử đạo gần Brussels (bỉ) vào năm 1535, Miles Coverdale xuất bản quyển Kinh Thánh toàn bộ đầu tiên bằng Anh ngữ. Ông đã thu góp những bản dịch hay nhất để làm thành quyển này, trong số có nhiều bản của Tyndale ông đề tặng sách cho vua Henry VIII, có hình họa ở trang đầu. Năm 1537 John Rogers là người được kế nghiệp trong việc xuất bản sách này, phát hành một sách sưu tầm tất cả những bản dịch Tân Ước, Cựu Ước cộng thêm một số bản dịch của Coverdale rồi in tên hiệu tác giả là Thomas Matthew, quyển này sẽ được dùng làm căn bản cho những bản dịch về sau. Cả Cranmer và Cromwell đều hoan nghênh quyển này và Cromwell xin được sự chấp thuận của vua 'cho phép dân chúng được mua và đọc trong nước'.

Vốn là nhà chính trị xảo quyệt Cromwell biết rằng cả hai bộ Kinh Thánh tiếng Anh đang lưu hành, không bộ nào hoàn toàn, quyển dưới tên Matthew thì có những ghi chú có thể tranh cãi, quyển của Coverdale thì phẩm chất không đều. Cromwell xin vua cho sửa soạn quyển Kinh Thánh năm 1539 và in ra rất đẹp. Phần nhiều giữ nguyên những bản dịch của Tyndale như Coverdale đã làm nhưng không có những ghi chú bên lề nữa.

Vị lãnh đạo quốc hội này ra lệnh đặt quyển Kinh Thánh mới này tại các nhà thờ họ đạo khắp nơi để cho dân chúng có thể đọc lời Chúa qua Anh Ngữ. Khi truyền ngôi vua cho con, vua Henry cũng để lại một nước trong đó mà đa số dân chúng ủng hộ Hội Thánh Anh. Bên cạnh đa số nói trên, có hai nhóm nhỏ, nhóm thứ nhất những người Tin Lành này mỗi ngày đã đông thêm mặc dầu vua Henry đàn áp. Vẫn muốn du nhập những cải cách của Luther và Calvin nhóm thứ hai là những người Công

Giáo La Mã muốn lập lại uy quyền của Giáo Hoàng. Dưới thời vua Edward VI, những người Tin Lành được thăng hơn, nhưng dưới thời Mary phái Công Giáo La Mã lại được lợi thế.

## HAI TRIỀU ĐẠI EDWARD VI VÀ MARY ( 1547-1558)

Edward VI là con của Jane Seymour, bà vợ thứ ba của Henry VIII, lên ngôi khi vừa được chín tuổi, một cậu bé nghiêm trang. Khi nhận phong vương, người ta trình cho vua ba thanh gươm tượng trưng cho ba vương quốc, tục truyền rằng cậu bé có hỏi thanh gươm thứ tư - tức là Kinh Thánh mà cậu gọi là 'gươm của Thánh Linh ... đáng quý hơn các gươm kia'. Trong 6 năm trị vì, nước Anh người theo Tin Lành càng nhiều, vua Edward cũng hiểu nhanh mọi việc của Hội Thánh và chính phủ. Khi Edward còn nhỏ, Hội Đồng Cố Vấn chọn công tước Somerset là cậu của vua, một quân thần giỏi và hoạt động, giao quyền bảo vệ nước Anh. Somerset có thiện chí và thiện cảm với Tin lành, tin ở tự do tôn giáo và chính trị, thương người nghèo và người bị mất tài sản. Tuy nhiên ông cũng là người của thời đại và cũng có tham vọng vật chất và thế lực. Cần vật liệu xây lâu đài cho mình, ông không ngại phá một phía cửa nhà thờ St. Paul, và dự bị phá luôn cả nhà nguyện Westminster Abbey, nhưng vị Mục Sư quản nhiệm ở đó can ngăn kịp thời. Ông cho phép những người cải cách Tin Lành tự ý đổi những tập tục tôn giáo tại Anh, nên tạo cơ hội cho những bất hòa cay đắng và những phản kháng của dân chúng nữa.

Thời đó Thomas Cranmer, vị Tổng Giám Mục học giả ở Canterbury cho rằng những luật lệ tôn giáo mới không cải cách Hội Thánh cách tốt đẹp được, ông bèn khởi sự xét lại cách thờ phượng và các bí tích của Hội Thánh Trung cổ. Năm 1549 ông và một vài bạn đưa ra quyển Sách Cầu Nguyện Đầu Tiên Của Edward VI vì có ý muốn khôi phục lại tinh thần thờ phượng của người Cơ-Đốc ban đầu. Ông dịch lại các bài học từ tiếng La Tinh cổ ra tiếng Anh, làm đơn giản và bỏ các chi tiết mê tín, và dùng thì giờ đọc Kinh Thánh làm phần chính trong lễ thờ phượng.

Từ Coverdale dịch Thi Thiên ra thành thơ, đến Cranmer lược lặt những văn bản dịch hay dễ cảm động người đọc, nay Kinh Thánh đã thành một tác phẩm Anh Ngữ. Thế kỷ tiếp, dầu còn xảy ra nhiều biến cố tôn giáo, Kinh Thánh vẫn còn nguyên, chỉ thay đổi ít và thành thông lệ cho lễ thờ phượng tại các nhà thờ Anh Giáo. Từ bấy giờ người đến dự có thể hiểu được những lời lẽ trong giờ lễ và tích cực dự phần trong sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Hồi đó, Cranmer cũng soạn một bản xưng nhận đức tin mục đích là để loại trừ những ý tưởng tà đạo đương thời và để làm nền móng cho sự hợp nhất. Những điều tin nhận này được gọi là 42 Điều Khoản được vị vua trẻ tuổi chấp thuận trước khi vua qua đời năm 1553

Người kế nghiệp vua là Mary, người chị cùng cha khác mẹ, là một tín đồ Công giáo, Mary trị vì năm năm, khôi phục lại uy quyền Giáo Hoàng tại Anh và áp dụng lại các luật chống tà giáo đã có từ thời Trung Cổ. Mary cũng yêu cầu khâm sai

Reginald Pole, người trong hoàng tộc, đã ở ngoài nước nhiều năm trở về để đại diện cho Giáo Hoàng. Ông này trở lại nước Anh cách tung bồng, trong thuyền đi ngược dòng sông Thames, mũi thuyền có trang trí bằng một cây thập tự bóng lộn. Sau khi ngỏ lời trước Quốc Hội, ông ban phép tha tội cho toàn quốc, và như vậy nước Anh không phải ân hận gì về việc cũ, theo tà giáo và chia rẽ. Tuy vậy, Khâm Sai Pole là người không thực tế không nhìn rõ hoàn cảnh sinh hoạt ở Anh, nên không giúp được Nữ Hoàng Mary đối phó với Tin Lành và ngăn chặn phong trào này. Mary lấy Philip II ở Tây Ban Nha, ông này cũng là người ủng hộ Công Giáo có danh ở Âu Châu. Nhưng hạnh phúc chẳng thấy đâu, Mary lại bị dân chúng chê bai và Giáo Hội Công Giáo cũng chẳng tiến hơn được bước nào. Cuối cùng, khi biết không khôi phục lại được Hội Thánh La Mã ở Anh, Mary cùng các cố vấn đổi sang chính sách đàn áp. Gần 300 nhà cải cách Anh đã phải bị xử tử, nhiều người trong số đó bị đốt, vì bà hoàng tin rằng chỉ có lửa mới rửa được nước Anh khỏi những tội nặng nề đã phạm.

John Rogers, Mục Sư nhà thờ St Paul bạn thân của Tyndale và phụ trách về mọi bản văn Tyndale đã viết ra, là người tử đạo đầu tiên bị thiêu tại Smithfield ngoại ô Luân Đôn. Dân chúng Luân Đôn hò reo ca tụng ông khi ông tiến đến hỏa đài.

Ngày 16 tháng 10, 1555, trước cửa trường Baliel College ở đại học Oxford, Hugh Latimer và Nicholas Ridley, hai nhà cải cách có danh và đức độ, cũng bị thiêu.

Trước khi chết Latimer an ủi Ridley: ‘Hỡi bạn, hãy vui mừng và can đảm, hôm nay bởi ơn Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ đốt lên một ngọn nến mà tôi tin sẽ không bao giờ tắt tại Anh’. Latimer, Mục Sư của Hoàng gia và cố vấn cho vua Henry VIII, có đạo tâm sâu sắc, lời giảng mạnh và thấm thía nên đã kêu gọi được nhiều người theo những nguyên tắc của phong trào cải cách. Ridley, Giám mục Luân Đôn, giúp đỡ người nghèo trong giáo hạt và thiết lập kỷ luật trong giới tu sĩ dưới quyền ông.

Năm sau, Thomas Cranmer đã già yếu, bị truất khỏi chức Tổng Giám Mục Khi bị xử án, ông chối bỏ đức tin vì theo Giám Mục Hooper ở Gloucester, nhận xét nhược điểm của ông ta là ‘quá sợ việc gì sẽ có thể xảy đến cho mình’. Dù chối bỏ đức tin, ông vẫn bị xử tử tại Oxford. Trên hỏa đài ông cầu xin Chúa tha tội cho ông và anh dững dờ tay ra lửa, bàn tay đã ký tờ chối bỏ, nói rằng: ‘Bàn tay phải không xứng đản này!’

Mary, người dùng nhiều cách hung bạo để dập tắt phong trào, là người mà dân chúng Anh không mấy ưa thích, và có nhiều người từ các Giám Mục thông thái đức độ, đến các nam nữ thường dân, đều muốn chết vì niềm tin của họ và quả thật, ngọn nến mà Latimer đốt lên đã không hề tắt.

## CÔNG CUỘC HÒA GIẢI CỦA NỮ HOÀNG ELIZABETH

Elizabeth I, khi còn nhỏ đã phải sống qua một thời kỳ có nhiều giao động nguy hiểm về chính trị và tôn giáo. Năm 1558, lúc bà 25 tuổi, bà lên nối ngôi Mary, chị

cùng cha khác mẹ. Dân chúng hân hoan đón chào Nữ hoàng mới. Nhiều bức tranh họa đã mô tả bà như một Nữ hoàng xa vời, một hình ảnh trong huyền thoại, đeo đầy người ngọc vàng châu báu, mặc những áo choàng kỳ lạ. Tuy vậy, trong 45 năm trị vì, bà tỏ ra có tài trị quốc, thông minh và cứng rắn, làm cho nước Anh lại cường thịnh về kinh tế cũng như chính trị, và bà đã hàn gắn được những tranh chấp tôn giáo thời vừa qua.

Là con gái của vua Henry VIII và Anne Boleyn, bà chủ trương tách biệt với Hội Thánh La mã. Ngoài ra, bà lại là sinh viên rất giỏi, thấm nhuần nền giáo dục Cơ-Đốc mới của thời Phục Hưng, các người trợ lực tài giỏi và trung thành của bà lại là tín đồ Tin lành cả. Việc đầu tiên khi lên ngôi, là bá ký một đạo luật gọi là Đạo Luật Chủ quyền ( Act of Supremacy) cử bà là ‘Người quản trị đứng đầu của Hội Thánh Anh’ chứ không gọi là ‘Vị cầm đầu trên hết’( Supreme head ), ngay cả người Công Giáo La mã cũng không ưa thích danh hiệu này.

Bà hỏi ý kiến của tất cả các nhóm về vấn đề an ninh của Hội Thánh và giao cho một ủy ban duyệt lại quyển Sách Cầu Nguyện . Trong tinh thần hòa giải hai quyền I và II Sách Cầu Nguyện của Granmer thực hiện năm 1549 và 1552, được soạn lại làm chung thành một quyển năm 1559 gọi là Sách Cầu Nguyện Chung . Quyển này viết bằng loại Anh ngữ ai cũng hiểu. Nội dung có những điểm cốt yếu của đức tin Cơ-Đốc, lễ nghi Cơ-Đốc, kết hợp với sự thâm hiểu Tin Lành trong tinh thần cải chánh. Sách căn cứ vào sự dạy dỗ của Kinh Thánh theo lời giảng của các trưởng lão Hội Thánh ban đầu cũng như các học giả Cơ-Đốc đương thời. Sách nói lên niềm tin Cơ-Đốc đã có từ ban đầu, gìn giữ những bí tích của Hội Thánh đầu tiên, công nhận chức vụ của các Giám Mục, Linh Mục, Chấp Sự, xử dụng quyển sách lễ (những lời cầu nguyện dùng trọn năm) quyển sách cầu nguyện hằng ngày, và những nghi lễ Đông Phương. Lần đầu tiên, toàn thể nghi lễ của Hội Thánh được ghi trong sách, Mục Sư và người ngoài tổ chức Hội Thánh đều có thể đọc, ngoại trừ những bài giảng, hoặc những đoạn Kinh Thánh dài. Lời văn trong sáng lại nói lên đức tin phổ thông một cách rất hay, uyển chuyển và uy nghi nên ngôn ngữ của Sách Cầu Nguyện thấm dần vào ngôn ngữ của dân chúng. Người ta đọc sách của văn hào Shakespeare và những thi hào thế kỷ 17 như John Donne và George Herbert, thường gặp những thành ngữ đã có trong Sách Cầu nguyện năm 1559. Sách này làm nền tảng cho lễ thờ phượng của các nhà thờ Anh Giáo qua nhiều thế kỷ kế tiếp.

Mặc dầu quyển Sách Cầu Nguyện tóm tắt đầy đủ giáo thuyết của Hội Thánh Anh, nhưng năm 1563, một văn bản Xưng Nhận Đức Tin có '39 điều khoản' cũng được công bố để thay thế cho bản 42 Điều Khoản của Cranmer làm 10 năm trước. Bản 39 Điều khoản (Articles) đề cập đến các vụ tranh cãi chủ thuyết bằng một thể văn nhẹ nhàng để hòa giải những người Anh càng nhiều càng tốt. Vì lẽ phần đông các Mục Sư cấp thời không dính líu đến chính trị thời Bà Mary, nên họ tiếp tục hầu việc dưới thời Bà Elizabeth, nhưng những người nào đã nhận phong chức dưới thời

bà Mary thì tình trạng khác. Tất cả những người này (chỉ trừ một người) sau khi không chịu rút lại lời thề hứa trung thành với Giáo Hoàng, đã rời bỏ giáo hạt của họ, khiến cho thời đó nước Anh rất thiếu Giám Mục. Khi Tổng Giám Mục Pole tạ thế, Bà Elizabeth chọn Matthew Parker làm Tân Tổng Giám Mục tại Canterbury, trước đó có hỏi ông làm Mục Sư cho thần mẫu của bà. Ông là một người khôn sáng, nhất tâm, trước làm Giảng sư ở Trường Corpus Christi, thuộc Đại học Cambridge, bây giờ mọi người còn nhớ ông vì cứ mỗi năm đến ngày sinh nhật ông có lễ tặng cho đại học một sách trong thư viện của ông Hoàng Giáo.

Ông cũng để lại cho đại học của ông cả thư viện vô giá có những bộ Kinh Thánh chép tay và sách thảo góp từ các tu viện đã bị giải tán các năm trước đó.

Ngày 17 tháng 12, 1559 là ngày phong chức cho Tổng Giám Mục Matthew Parker. Chương trình lễ được hoạch định rất cẩn thận để bảo vệ sự nối tiếp chức vụ Tổng Giám Mục sau này tại Anh quốc. Tại lâu đài Lambeth, là tư dinh của Tổng Giám Mục bên bờ sông Thames thành phố Luân Đôn, dưới chân năm cửa sổ nhọn phía bên trong ngôi nhà nguyện cổ, nơi gần 200 năm trước John Wycliffe đã bị kết tội theo tà đạo, Matthew Parker chịu phong chức dưới sự đặt tay của bốn Giám Mục, William Barlow ở Bath, John Scory ở Hereford, John Hodgkin ở Bedford và Miles Coverdale trước ở Exeter.

Hai người trong số trên đã chịu phong chức dưới triều vua Henry VIII theo nghi lễ tiên cải cách. Hai người còn lại đã chịu phong chức theo nghi thức đã được ấn định trong quyển Sách Cầu Nguyện của Cranmer đã duyệt lại. Như vậy, sự nối tiếp của các Giám Mục từ thời các Sứ Đồ được duy trì trên phương diện lịch sử trong Hội Thánh Anh quốc, và điều này rất quan trọng cho tính cách hợp lệ của các cấp bậc Giám Mục, Mục Sư và Chấp Sự trong Anh Giáo.

Không lâu sau khi được phong chức, Tổng Giám Mục Parker khởi sự duyệt lại quyển Kinh Thánh lớn (1539) để thay thế quyển Kinh Thánh Geneva (1557) vì quyển này có nhiều ghi chú của Calvin mà Anh giáo không chấp nhận. Năm 1568, nhờ sự cộng tác của một số người trợ lực Parker hoàn thành quyển 'Kinh Thánh của các Giám Mục' một quyển sách to và đẹp. Vì các phần duyệt lại, phẩm chất không đồng đều nên số người ưa sử dụng không đồng, tuy nhiên quyển này quan trọng ở chỗ nó làm nền tảng chính chức cho việc soạn thảo quyển King James tức là 'Bản Dịch Được Phép' (Authorized Version) năm 1617.

Giữa một thời đại tranh chấp tôn giáo rất hăng say, những biện pháp của thời kỳ lắng dịu dưới triều Nữ Hoàng Elizabeth đã hợp nhất lại sinh hoạt tôn giáo tại Anh. Vừa duy trì niềm tin và nghi lễ xưa, vừa công nhận những lễ thật đã xuất hiện trong phong trào cải chánh. Hội thánh Anh Quốc này đứng giữa một bên là Công Giáo La Mã, và một bên là Tin Lành Luther và Calvin. Ngay thời đó, những giáo thuyết và nghi lễ trong Anh giáo vừa rộng rãi, vừa hàm súc, và đã thành nền tảng cho đại gia đình các Hội Thánh thuộc Anh Giáo khắp hoàn cầu. Cương vị mà Hội thánh Anh có được là do công lao của hai học giả thần học xuất sắc: John Jewel và

Richard Hooker. Do sự nghiên cứu truyền thống của Hội Thánh đầu tiên Jewel phân biệt rõ những gì chỉ là bề ngoài và những gì là cốt yếu của Hội thánh. Khi ông làm Giám Mục tại Salisbury, ông đã tu bổ lại những tường đổ nát bao quanh khuôn viên nhà thờ, nhưng trên một phương diện khác, ông đã đặt viên đá đầu tiên cho Anh Giáo. Năm 1562, ông viết sách *Bên vực Hội thánh Anh*, đây là lần thứ nhất cương vị Hội Thánh Anh được xác định một cách hệ thống nói lên những gì khác biệt với Hội thánh La Mã.

Hooker là một cậu bé nghèo quê ở Heavitree gần Exeter, được Giám mục Jewel giúp cho vào trường Corpus Christi thuộc Đại học Oxford. Tại đây, ông đã trở nên một trong những nhà thần học nổi danh của Anh. Sau này, khi phục vụ trong vòng các họ đạo thôn quê ông đã viết pho sách lớn *Luật Tổ Chức Quản Trị Trong Giới Tu Sĩ*. Đây là một tập thảo luận nổi tiếng về vấn đề quản trị Hội thánh, một tài liệu cổ điển xác định những nguyên tắc Anh Giáo, viết bằng một thể văn rất hay giải bày cái cũ cái mới, cương vị Công giáo và Cải Chánh thế nào có thể hòa hợp và sự nối tiếp trên dòng lịch sử của Hội Thánh Anh được duy trì. Về phía Bắc nhà thờ Exeter có một tượng đá trắng mô tả ông Hooker, mũ áo học giả, đang ngồi, một quyển sách mở đầu gối, như ngồi cạnh bảo vệ đời sống liên tục của nhà thờ và cộng đồng Cơ-Đốc.

Dù có nhiều dị biệt căn bản, Anh Giáo và Công Giáo tiếp tục thờ phượng cùng nhau cho đến năm 1570, nhờ chính sách của Nữ Hoàng muốn bao gồm vào Hội Thánh quốc gia thật nhiều dân chúng Anh và thật nhiều quan điểm tôn giáo, càng nhiều càng hay. Nữ hoàng Elizabeth không coi Hội Thánh Anh như một giáo phái hay một danh hiệu, nhưng là một cộng đồng quốc gia hiệp chung cầu nguyện. Năm 1570 Giáo Hoàng dứt phép thông công Elizabeth, ra lệnh cho những người Công Giáo La Mã tại Anh rút khỏi Hội Thánh Anh, cho phép dân Anh được khỏi thần phục Nữ Hoàng của họ, đồng thời kêu gọi các vua Pháp và Tây Ban Nha đem quân xâm chiếm nước Anh. Trong những nhóm mưu phản Nữ Hoàng hồi đó, có cả một người chị em họ với Nữ Hoàng đã tham gia đó là bà Mary, Nữ Hoàng Tô Cách Lan. Giáo Hoàng phái quân sĩ đi ủng hộ một cuộc nổi loạn ở Ai Nhĩ Lan, và đã bắt đầu chuẩn bị cho một đội chiến thuyền Tây ban Nha (Spanish Armada) tiến vào Anh quốc. Trong thời gian này, Nữ Hoàng Elizabeth đã phải phản ứng bằng cách bắt giam hay xử tử những kẻ bội phản, người ta có thể coi đây là một vụ đàn áp tôn giáo nhưng cũng có thể coi là trách nhiệm bảo vệ quốc gia khỏi bị bội phản.

Bên cạnh Hội Thánh Anh, lại còn có những người Thanh Giáo (xem cuối trang 29) cho rằng việc dàn xếp của thời Nữ Hoàng Elizabeth chưa thật đủ để cải cách Hội Thánh Trung Cổ cho nên họ tổ chức nhóm họp thờ phượng riêng. Mặc dầu có nhiều người Thanh Giáo bị làm khó và bắt buộc phải rời nước Anh, nhưng vẫn còn một số lớn Thanh Giáo hoặc Presbyterian (xem cuối chương 29) ở lại trong hội thánh Anh. Khi Elizabeth qua đời năm 1603, tất cả các giáo phái đều hân hoan đón vị vua kế nghiệp là James I: Công Giáo thích là vì bà mẹ của Jame I là Mary, Nữ

Hoàng Tô Cách Lan. Những người Thanh Giáo hoặc Trưởng Lão (Presbyterian) thích là vì Jame I đã được giáo dục theo lẽ lối Trưởng Lão (Presbyterian), những người theo Anh Giáo thích là vì họ nghĩ rằng vua James I sẽ thân với họ hơn là thân với phía Trưởng Lão. Vì James I thường hay nói câu: 'không có Giám mục, thì không có vua', ý kiến của phái Anh giáo là đúng hơn cả.

Vừa lên ngôi, ông triệu tập một hội nghị họp tại Hampton Court để xem xét những điều bất bình của phái Thanh Giáo và giải quyết sự bất hòa của họ với các Giám mục. Vua James chẳng làm gì để giải quyết, và hội nghị sắp sửa kết thúc trong thất bại thì John Reynolds, vị lãnh đạo của người Thanh Giáo và Viện Trưởng trường Corpus Christi, tại đại học Oxford đứng lên đề nghị nên làm một bản dịch Kinh Thánh mới vì những bản đang dùng sai sót nhiều và không diễn tả hết tất cả chân lý của nguyên bản. Vua James, vì tự mình cũng đã dịch vài bài thi thiên, nên ông thuận ngay. Vua chỉ định một nhóm 54 vị học giả đầy khả năng làm việc trong bảy năm và họ đã hoàn thành bản Authorized Version (Văn Bản Được Phép) năm 1611. Bản dịch là kết quả vẻ vang của công trình này, nên ngôi vị tôn trọng của nó không bản nào tranh dành được và vì nhờ bản dịch này mà dân Anh đã thành một dân ham đọc Kinh Thánh.

## CUỘC CẢI CÁCH TRONG HỘI THÁNH CÔNG GIÁO LA MÃ

Ngay cả trước khi phong trào Cải Chánh bắt đầu, đã có nhiều người trong Hội Thánh Công Giáo muốn có một công cuộc cải cách. Một thế hệ trước Erasmus, Nữ hoàng xứ Castile là Isabella, cùng trị vì với chồng là Ferdinand, vua nước Tây Ban Nha thống nhất, hai người đã cố gắng tìm cách cải tổ Hội Thánh. Là một phụ nữ tin kính trí thức cao và có đức tin mạnh, bà Isabella cất đặt những người đức độ, có lòng tin kính vào những chức vụ cao trong Hội Thánh Tây Ban Nha. Bà sốt sắng đến nỗi đã tìm cách diệt trừ tà giáo và đuổi người Do Thái ra khỏi Tây Ban Nha. Bà là mẹ của Catherine, vợ thứ nhất của Vua Henry VIII, và ai nấy đều biết bà đã đem nữ trang của bà ra cầm để có tiền giúp đỡ chuyến đi Columbus tìm ra Tân Thế Giới.

Bà cũng nhờ ông Francisco Ximenes (Ximenes là linh mục của bà) cùng tìm cách sửa lại những quá độ trong giới tu sĩ và dạy dỗ họ thêm. Do đó Hồng Y Ximenes mới mở một trường đại học tại Alcalá. Chính tại đây, suốt 15 năm kế tiếp, ông Ximenes đã tài trợ và trông nom một chương trình in, ấy là sưu tầm và in bộ Kinh Thánh đa ngữ gồm nhiều quyển tên là Complutensian (Alcalá) Polyglot Bible. Đây không phải là bộ Kinh Thánh cho thường nhân, nhưng là cho giới học thức, vì không phải là văn bình dân thông dụng mà là bản văn Do Thái và Hy Lạp, La Tinh và các tài liệu phụ khác. Thật ra bản Tân Ước Hy Lạp của bộ sách nói trên in năm 1514 là bản Hy Lạp đầu tiên. Nhưng vì bản này chỉ được mọi người biết đến khi toàn bộ Kinh Thánh đa ngữ được xuất bản năm 1522, do đó bản văn Hy Lạp của Erasmus in năm 1516 được ra mắt công chúng trước.



Khi Giáo Hoàng Paul III được bầu vào năm 1534, thì phong trào Cải Chánh đã gây tai hại nhiều cho uy tín Hội Thánh Công giáo. Người ta bắt đầu tìm cách chữa chầy. Giáo Hoàng mới viết một thư cho Erasmus nhờ ông giúp đỡ giải quyết những trận xâu xé gây chia rẽ trong Hội Thánh, nhưng Erasmus đã cao tuổi, lại ốm yếu nên không làm gì được. Bấy giờ việc đầu tiên Giáo Hoàng làm là đòi hỏi chính sách lựa chọn người để giao phó trách nhiệm, từ nay sẽ căn cứ trên lòng hăng say phục vụ và học thức chứ không căn cứ trên dòng dõi gia đình hay tài sản nữa. Vì vậy, Giáo hoàng Paul III đã mở đường cho nhiều vị kế tiếp ông, khôn ngoan và ngay thẳng khiến Hội Thánh Công Giáo có được một tinh thần tin kính mới. Việc thứ hai là ông triệu tập Hội nghị Trent và ủy quyền cho hội nghị làm những cải cách cần thiết và giải quyết những vấn đề còn giằng co về đức tin. Từ 1546 đến 1563, hội họp 3 lần, bác bỏ những giáo thuyết của Tin Lành, xác nhận lại những điểm chính trong thần học Công Giáo, công nhận quyền tối cao của Giáo Hoàng, ban bố sắc lệnh nhằm đưa đời sống các tu sĩ vào kỷ luật, xuất bản một sách đối đáp tín điều đồng nhất và một quyển Kinh Thánh La Tinh thông dụng, theo bản Vulgate. Giáo hoàng cũng rất quan tâm đến nghệ thuật nên thuê họa sĩ Michelangelo vẽ tranh 'Phiên Tòa Đoán Xét Cuối Cùng' trên bàn thờ trong nhà thờ Sistine Chapel. Năm 1541, lễ cắt băng khánh thành bức tranh, thật là một xác minh mạnh mẽ uy quyền Hội Thánh và là lời cảnh cáo về số phận những ai theo tà giáo. Năm 1546 Giáo Hoàng Paul III lại cử Michelangelo trông coi việc xây cất lại nhà thờ St. Peter tại La Mã, một công trình kiến trúc lớn nhất của Cơ-Độc Giáo. Michelangelo làm việc vì vinh hiển Đức Chúa Trời nên đã khéo phối hợp công trình của các kiến trúc sư trước đó làm thành một hệ thống nguy nga sau trở nên trung tâm của Hội Thánh Công Giáo La Mã và cũng là một biểu tượng về sức mạnh và quyền tối thượng của Hội Thánh này nữa.

Để đối lại với phong trào Cải Chánh Hội Thánh La Mã biểu lộ một tinh thần tin kính cao hơn khi lập thêm những dòng khổ tu và cải cách những dòng cũ. Đứng đầu trong các dòng mới lập có 'Dòng Tên' Jesus, cũng gọi là 'Dòng Jesuit'. Dòng này do Ignatius Loyola thành lập. Ông là một quân nhân Tây Ban Nha. Ông quyết định thay vì hầu việc vua thế gian, thà làm lính cho Chúa Christ để chiến đấu cho vinh hiển lớn của Đức Chúa Trời. Có sáu bạn học của ông ở Đại học Ba Lê (Paris) theo ông. Năm 1540 Giáo hoàng Paul III công nhận dòng Jesuit. Dòng này thu hút nhiều người tài giỏi đến hầu việc hết lòng và giữ kỷ luật cao, tuyệt đối vâng lệnh vị lãnh đạo của họ cư ngụ tại La Mã.

Trong thời kỳ xung đột gay go trong nội bộ Hội Thánh La Mã, dòng Jesuit đã góp phần làm sâu đậm thêm đời sống thuộc linh của Hội Thánh và củng cố quyền của Giáo Hoàng. Các trường và các đại học họ lập ra được nổi danh bởi vì những người Jesuit là những người học giả giỏi về khoa học và nhân văn, họ là những thầy dạy giỏi nhất Âu Châu. Công việc truyền giáo đem họ đi khắp nơi, sang cả Viễn Đông, vị giáo sĩ nổi tiếng nhất tại đây là Francis Xavier.

Bên Tân thế Giới, họ truyền giáo cho những bộ lạc Huron và Iroquois ở Bắc Mỹ. Một giáo sĩ Jesuit là Jacques Marquette đã tìm ra sông Mississippi, tại Nam Mỹ họ làm việc giữa những thổ dân Brazil và Paraguay. Cho đến nay Dòng Jesuit là dòng lớn nhất trong Hội Thánh Công Giáo La Mã, nhờ công khó của họ nên Hội Thánh đã phấn hưng và trở thành một lực lượng thuộc linh lớn mạnh.

## TÌNH HÌNH SAU CUỘC CẢI CHÁNH

Sau cuộc cải chánh, bản đồ Cơ-Đốc Giáo thay đổi toàn diện. Mặc dầu vẫn còn sự phân cách giữa các Hội Thánh chính thống miền Đông và Hội Thánh Công Giáo miền Tây, nhưng tại phương Tây còn có những chia rẽ mới. Như chúng ta đã thấy, sự hiệp một của Hội Thánh Công Giáo thời Trung Cổ không còn nữa khi Âu Châu theo Tin Lành và Anh quốc theo Anh giáo. Tô Cách Lan, các nước Bắc Âu, Phần Lan, Estonia, Latvia, những xứ thuộc miền Bắc nước Đức, những quận thuộc miền Tây Thụy Sĩ, Cộng Hòa Hòa Lan đều rút khỏi thế lực của Giáo Hội Công Giáo La Mã để thành lập các Giáo Hội Tin Lành quốc gia. Giáo Hội La Mã còn tồn tại ở Ý, Tây Ban Nha, Ba Lan, Bohemia, Hung, Bồ Đào Nha, Pháp, Nam Hòa Lan, Nam Đức, tại Pháp và Ai Nhĩ Lan, nhưng ảnh hưởng Giáo Hội Công Giáo ở những nơi khác đã sụt đến tối thiểu. Tuy nhiên, nói chung tình hình tại Tây Âu như đã mô tả trên đây tương đối được vững an từ 1600 đến nay. Ta cũng đã thấy, nhờ có phong trào cải cách mà Hội Thánh Công Giáo La Mã đã trở dậy mạnh mẽ hơn và sốt sắng hơn để hồi sinh Cơ-Đốc Giáo. Các tệ đoan phổ thông nhất đã được bài trừ, cương vị thần học được Giáo hội ấn định rõ ràng, những dòng tu mới phục vụ dân chúng một cách thiết thực hơn nhờ đáp ứng nhu cầu tâm linh của họ, vì vậy Hội Thánh Công Giáo La Mã bước vào thời đại mới một cách vững chắc. Tại những nước chịu ảnh hưởng Tin Lành, đời sống thuộc linh của nhiều người được thức tỉnh. Nhiều người đọc Kinh Thánh, lòng tin kính nẩy nở, người ta biết quan tâm đến đồng loại và lo về sự cứu rỗi của linh hồn họ. Nhưng Tin Lành cũng bị yếu vì chia rẽ. Ngoài những hệ thống Lutheran, Cải Cách (Calvinitic) và Hội thánh Anh (Anglican), lại còn có những phong trào độc lập khác, nhỏ hơn khiến cho các cơ cấu Tin Lành lớn cũng gặp khó khăn trong lý thuyết và thực hành.

Tại Anh, có nhóm Thanh Giáo (puritan) chống lại một số hình thức trong Hội Thánh Anh, mà họ coi là mê tín Công Giáo còn sót lại, nên họ muốn thanh tẩy những nghi lễ và giáo thuyết cho hoàn hảo. Họ tin rằng Kinh Thánh phải là uy quyền căn bản của Cơ-Đốc Giáo, chứ không phải Hội Thánh. Vì họ cổ võ quan niệm mọi tín đồ đều là thầy tế lễ, nên họ đồng ý việc các Mục Sư mặc áo lễ, dường như đặt mình ra một loại người riêng biệt. Họ đề cao một đức tin sốt sắng nhưng đơn giản, không có những nhà thờ hào nhoáng, nhưng có một nếp sống đạo đức cao, một xã hội cải cách. Đời sống của người Puritan được mô tả đầy đủ trong sách 'Thiên Lộ Lữ Trình' (the Pilgrim's Progress) của John Bunyan; ở thế kỷ thứ 17

những người chống lại Hội Thánh được nhiều người theo, trong nước họ thường bị bác bỏ vì không có tự do tín ngưỡng và sự nhường nhịn nhau cũng hiếm. Tại Âu Châu, duy có Hòa Lan có một trình độ tự do và nhân nhượng về tôn giáo khá rộng rãi, do đó nhiều người bị bắt bớ chỗ khác chạy đến Hòa Lan ẩn náu, trong số này có nhóm Separatist Puritan, nhóm Hội Chúng (Congregationalist) Anh, sau này cũng theo chân nhóm những người hành hương tự do (pilgrim Fathers) đến định cư tại Tân Thế giới vào năm 1620.

## CƠ-ĐỐC GIÁO VÀ MỸ CHÂU

Trước hết Cơ-Đốc Giáo đến Tân Thế Giới vào thế kỷ 16 do những người Tây ban Nha đi chinh phục Trung Mỹ và Nam Mỹ Châu. Theo đó có rất nhiều giáo sĩ Franciscan, Dominican và Jesuit đến thành lập những hệ thống truyền giáo để kêu gọi dân địa phương. Năm 1551 và 1553 những giáo sĩ này mở hai trường lớn nhất tại Tân Thế Giới : Đại học San Marcos thành phố Lima, thuộc Peru và Đại học Mexico.

Năm 1604, Pierre de Monts, người Pháp thành lập nhóm Tin Lành Huguenot đầu tiên tại Gia Nã Đại. Sau đó những người Công Giáo Pháp đến dưới sự hướng dẫn của Giám Mục đầu tiên, Francis de Laval, ở Québec, Hội Thánh Công giáo La Mã trở nên một sinh lực trong khối dân định cư này. Hội đó, tiểu thuyết gia Willa Cather viết chuyện Bóng Người Trên Đá (Shadows on the Rock) và trong truyện đó Giám mục De Laval là nhân vật chính.

Các nhóm dân khác từ Âu Châu đến Mỹ Châu định cư phần lớn là vì họ bị bắt bớ bởi đức tin của họ. Dĩ nhiên cũng có nhiều người đến vì lý do chính trị, kinh tế hay xã hội, nhưng hầu như mỗi giáo phái đã xuất hiện sau phong trào Cải Chánh đều có gửi tín đồ sang Tân Thế Giới. Bốn khối lớn nhất định cư trong thời gian này : Anh Giáo (Anglican), Hội chúng (Congregational), Trưởng Lão (Presbyterian) và Báp tít (Baptist).

Năm 1607, khi các người Anh đến định cư tại Jamestown họ thành lập ngay tiểu bang Virginia với ý định lập một nơi cư ngụ vĩnh viễn và họ ra một đạo luật công nhận Hội Thánh Anh là Hội Thánh chính thức tại đây, dưới sự cai quản của Giám Mục Luân Đôn (London). Rồi lần lượt Hội Thánh Anh được gọi là Hội Thánh chính thức tại Tiểu bang Maryland, Bắc và Nam Carolina, Nữ Ước và Georgia nhưng tại các tiểu bang này, cũng có chỗ Hội Thánh Anh yếu thế là vì có nhiều Hội thánh khác không đồng ý.

Tại Virginia năm 1693 đại diện của Giám Mục London là giáo sĩ James Blair, thành lập đại học William & Mary tại thành phố Williamsburg. Đây là ngôi trường cổ thứ hai tại Bắc Mỹ. Ngôi trường thứ nhất là Harvard do những giáo sĩ Hội Chúng (Congregationalist) thành lập năm 1636. Hai trường trên mở đường cho một danh sách dài những trường đại học nổi tiếng do các Hội thánh tổ chức. Trong số này có trường King's College nay là đại học Columbia thành lập tại Nữ Ước năm

1754 do Hoàng Gia trợ cấp. Lúc đầu các lớp được dạy học tại Hội Thánh Trinity. Đến lúc phong trào định cư chấm dứt và nền độc lập của Hoa Kỳ được công nhận vào năm 1783, thì những Hội Thánh Anh bấy lâu vẫn do Giám mục London cai quản, bây giờ tự tổ chức lại trong hoàn cảnh mới. Những người Anh này lấy tên là Giám Nhiệm (Episcopalian) và các Hội Thánh của họ trở thành Giáo Hội Giám Nhiệm (Episcopal Church) để bày tỏ lòng trung thành của họ đối với công việc các Giám Mục đã làm từ thời các Sứ Đồ, cho tới lúc đó chưa có người Mỹ nào làm Giám Mục. Năm 1783 một vị Giám Mục đã được bầu lên ở Connecticut là Samuel Seabury không được Hoàng Gia Anh chấp thuận là vì có luật định rằng các Giám Mục phải tuyên thệ trung thành với Hoàng Gia, ông Seabury bèn đi Tô Cách Lan. Tại đó các vị Giám Mục có thể phong chức cho ông Seabury mà không cần buộc phải tuyên thệ. Cho nên ngày 14 tháng 11 năm 1784, ba vị Giám Mục của Hội Thánh Episcopal Tô Cách Lan đã phong chức cho ông Seabury làm Giám Mục đầu tiên của Hội Thánh Giám Nhiệm (Episcopal). Đây là bước đầu tiên mở đường cho sự bành trướng của Hội thánh Anh Giáo ra hải ngoại và khắp thế giới.

Hai năm sau, Quốc Hội Anh ra một đạo luật miễn cho các Giám Mục được phong chức để hầu việc tại các Hội Thánh ngoài các lãnh thổ thuộc Anh, khỏi tuyên thệ trung thành với Hoàng Gia. Và Tổng Giám Mục tại Canterbury năm 1787 đã phong chức cho những vị Giám Mục được bầu là ông William White ở Pennsylvania và ông Samuel Provost ở Nữ Ước. Buổi lễ được tổ chức tại ngôi nhà nguyện cổ đẹp trong lâu đài Lambeth nơi Matthew Parker (chương 32) đã được phong chức Tổng Giám Mục tại Canterbury hơn hai trăm năm trước và cũng là nơi Wycliffe (xem cuối chương 21) bị xử tội tà giáo vào thế kỷ 14.

Quyển sách cầu nguyện chính thức đầu tiên tại Mỹ, được nhuận chánh lại cho thích hợp với nhu cầu tín đồ Mỹ được xuất bản năm 1789 sau đại hội đồng Hội Thánh nhóm họp tại Philadelphia. Từ đó Hội Thánh Tin Lành Giám nhiệm (Episcopal) tại Hoa Kỳ được thiết lập, có Sách Cầu Nguyện Chung, có Giám Mục và tổ chức Hội Thánh theo lối dân chủ. Từ Tiểu bang Maine đến tiểu bang Georgia, đâu cũng có những Hội thánh Episcopal, nhưng ít hơn các Hội Thánh Hội Chúng.

(congregationalist), Trưởng lão (Presbyterian), và Báp-tít (Baptist). Tuy nhiên trong số người đã ký tên vào bản tuyên ngôn độc lập, thì những người Tin Lành Giám Nhiệm (Episcopalian) nhiều hơn các Hội Thánh khác. Khởi đầu từ ngày các tín đồ Thanh Giáo (Puritan - Pilgrim Fathers) đặt chân lên Plymouth năm 1620, rất nhiều người Thanh Giáo (Puritan) Anh đã vượt qua Đại Tây Dương để lánh nạn và tránh bắt bớ tại quê hương, họ đến Tân Thế Giới lập những cộng đồng khả dĩ thể hiện những lý tưởng Cơ-Đốc của họ. Do đó tại Plymouth, Massachusetts Bay, Connecticut (Hartford) và New Haven các nhóm Hội Chúng (Congregationalist) đã tổ chức thành những khối 'thịnh vượng chung' theo lời Kinh Thánh, đặt dưới quyền Đức Chúa Trời, được những lãnh đạo như John Winthrop và John Cotton ở Boston, Richard Mather ở Dorchester, Thomas Hooker ở Hartford và John

Davenport ở New Haven. Họ theo hình thức Hội chúng (Congregational) về tổ chức Hội Thánh và mỗi Hội Thánh đều tự do giải quyết công việc nội bộ. Mỗi khối đều phải có hình thức tôn giáo thống nhất. Những người không đồng ý phải bị loại ra ngoài khối, quyển sách kỷ luật của nhóm Hội Chúng, ghi những điểm chính yếu của Calvin, trong bản xưng nhận niềm tin Westminster làm năm 1647. Đại học Harvard được thành lập năm 1636 bằng trợ cấp của nhóm Hội Chúng (Congragational) định cư tại vùng Vịnh Massachusetts và tài sản của John Harvard để lại cho. Ông tốt nghiệp trường Emmanuel ở đại học Cambridge và Đại học mang tên ông có mục đích để huấn luyện Mục Sư cho các Hội Thánh Hội Chúng (Congragational) nhiều hơn những Hội Thánh mang ba danh hiệu kia.

Roger William được coi như là ông tổ của những người Báp-tít Mỹ. Ông bị truất khỏi cộng đồng Vịnh Massachusetts vì chống đối sự gò bó tôn giáo, và ông lánh đến Rhode Island. Năm 1639, tại thành phố Providence ông và nhiều đồng bạn muốn tìm tự do tín ngưỡng đã thành lập Hội Thánh Báp-tít đầu tiên tại Mỹ.

Những người Báp-tít chủ trương những nguyên tắc sau đây :

- Hội Thánh và chính quyền phân biệt
- Phép Báp Têm nhận chìm xuống nước
- Tin Chúa là được làm thành viên Hội Thánh
- Mỗi Hội Thánh đều độc lập
- Cá nhân chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời .

Trong những thời kỳ phấn hưng ở thế kỷ 18 và những chuyên di cư lớn về phía Tây số tín đồ Báp-tít tăng nhanh là vì tổ chức Hội Thánh dân chủ, và các Mục Sư không cần được huấn luyện, không lãnh lương đặc biệt của dân chúng sống trong các vùng biên giới.

Giáo sĩ Francis Makemie, người Ái Nhĩ Lan gốc Tô Cách Lan được gọi là ông tổ của nhóm Trưởng Lão (Presbyterian) Mỹ vì ông có công tổ chức hội trưởng lão đầu tiên tại Philadelphia năm 1706. Từ 1720 đến 1740 có hơn 100.000 người Trưởng Lão ở Ái Nhĩ Lan, nhưng gốc Tô Cách Lan, họ không chịu được những điều kiện kinh tế, tôn giáo do chính quyền Anh ép buộc họ, nên họ đã đến Mỹ. Vì họ đến muộn nên những người Trưởng Lão (Presbyterian) sùng đạo này tiến xa về phía Tây, định cư tại West Virginia, phía Tây North Carolina, Kentucky, Tennessee và các tiểu bang phía Nam. Để huấn luyện Mục Sư cho số Hội Thánh tăng trưởng nhanh, năm 1746 những người Trưởng Lão (Presbyterian) lập trường Đại học New Jersey nay là Đại học Princeton. Ông John Wetherspoon, Viện trưởng Đại học này là Mục Sư duy nhất đã ký vào bản tuyên ngôn độc lập. Khi cuộc chiến tranh cách mạng bắt đầu (1775 - 1783) các lãnh thổ Anh tại Mỹ dứt ra khỏi quyền kiểm soát của nước Anh. Các hội thánh Trưởng lão (Presbyterian) chỉ thua các Hội Thánh Hội Chúng (Congragational) về con số mà thôi.

Ngoài bốn tổ chức tôn giáo lớn nhất kể trên, còn một số những giáo phái nhỏ hơn nhưng có ảnh hưởng rải rác trong các khối định cư tại Mỹ. Nhóm lâu dài nhất là

nhóm Hội Thánh Cải Cách Hòa Lan, lập tại New Amsterdam, bây giờ là thành phố New York, năm 1628. Ông Jonas Michaelius từ Hòa Lan đến làm Mục Sư đầu tiên cho Hội Thánh này. Hội Thánh này và các Hội Thánh Cải Cách khác theo giáo thuyết Calvin nhưng hình thức tổ chức quản trị thì theo Trưởng Lão (Presbyterian). Có nhiều nhà thờ của người di dân định cư ở Hudson Valley, Long Island, New York và New Jersey đã dựng lên cho Hội Thánh Cải Cách Hòa Lan. Năm 1766, Hội Đồng Trưởng Lão của họ đã thành lập Queens College nay là Đại học Rutgers ở New Jersey.

Những nhân viên của Hội Thân Hữu (Society of Friends) tức là Quaker từ Anh đến Massachusetts năm 1656 như là giáo sĩ để rao truyền giáo thuyết của người sáng lập ra hội này là ông George Fox. Ông là một tín đồ có đời sống nội tâm đặc biệt, gần như thần bí. Ông tin ở 'ánh sáng nội tâm' trong mỗi người và ông giảng rằng Cơ-Đốc Giáo chân thật thể hiện ở đời sống dẫu hiến và biến đổi. Ông không ưa hình thức, ghét chế độ nô lệ và tuyên bố rằng đối với người Cơ-Đốc, chiến tranh là bất hợp pháp. Cũng vì tư cách của họ, những người Quaker chống đối quyền hành Hội Thánh của người Thanh Giáo (Puritan) tại Massachusetts nên bốn người trong bọn họ đã bị treo cổ ở công viên Boston. Ông George Fox du hành qua các vùng định cư từ New England đến North Carolina, lấy lời giảng mạnh mẽ củng cố đức tin của những người theo ông. Trước khi ông tạ thế năm 1691, ông đã gây dựng được nếp sống kỷ luật và tiết độ làm thơm danh những người Quaker từ đó.

Năm 1681 ông William Penn, một giáo sĩ Quaker tài giỏi, đã xin được vua Charles II cấp cho một vùng đất lớn rộng để định cư, nay là tiểu bang Pennsylvania, ông quyết tâm đến Mỹ là để tìm ra tự do mà người Quaker không có được ở nơi khác, ông luôn luôn nhấn mạnh vào nguyên tắc tự do tôn giáo. Điều này trở thành một nguyên tắc căn bản cho hệ thống chính trị Mỹ. Ông Penn thành lập thành phố Philadelphia và mở rộng vùng định cư cho những người Quaker. Với 100 bảng Anh, một người có thể mua được 5000 mẫu đất và một khu đất trống tại thành phố Philadelphia. Khoảng năm 1775, có số người Quaker đến tập trung ở Pennsylvania, nhưng cũng có những cuộc nhóm họp của họ tổ chức từ Maine đến Georgia. Chính sách tự do tôn giáo của William Penn thu hút đến Pennsylvania nhiều người có tín ngưỡng khác nhau. Nhóm Tin Lành Mennonite từ Đức và Thụy Sĩ đến nương náu ở Germantown vào năm 1683. Nhóm nay sống đơn giản và mặc áo xềnh xoàng. Những nhóm từ Đức đến gồm những người Báp-tít Đức gọi là Dunker. Những người thuộc Hội Thánh Cải Cách Đức, và những người Lutheran. Khoảng năm 1748, khi ông Henry M. Muhlenberg tổ chức Hội Đồng đầu tiên các Hội Thánh Lutheran (Có tính cách trường cửu) thì nhóm Lutheran là tôn giáo lớn nhất ở Pennsylvania.

Hội thánh Moravian là sự hồi phục lại của nhóm Bohemian Brothers thành lập năm 1457 do những người theo John Huss, bị tử đạo (xin xem cuối chương 21). Nhờ sự lãnh đạo của Bá tước Von Zinzendorf, Hội thánh Moravian nổi danh vào thế kỷ 18

không những về sinh hoạt thuộc linh mà cũng vì lòng sốt sắng truyền giáo nữa. Năm 1741 Zinzendorf đặt tên vùng định cư của người Moravian tại Pennsylvania là Bethlehem thành phố này trở thành trung tâm của phong trào do ông khởi xướng tại Mỹ và sau này có nhiều cơ xưởng đúc thép. Tính tất cả những giáo phái nhỏ kể trên, có 95 Hội Thánh Quaker, 251 Hội Thánh Cải Cách Hòa Lan và Đức, khoảng 20 Hội t hánh Mennonite, 20 nhóm Dunker và độ 8 Hội thánh Moravian.

Tuy trong thời gian định cư, người Công giáo La Mã chỉ có độ 50 Hội Thánh, phần lớn tại Maryland và Pennsylvania, nhưng nhân số họ đã tăng mau do những chuyến di cư lớn từ Ái Nhĩ Lan và Nam Âu Châu vào thế kỷ 19 và 20. Hiện nay họ có khoảng 50 triệu tín đồ và là nhóm tôn giáo lớn nhất tại Hoa Kỳ. Mặc dầu có nhiều Hội Thánh sinh hoạt trong các vùng định cư, có nhiều hình thức thờ phượng phong phú, về đức tin cũng như nghi lễ, đa số dân chúng Mỹ vẫn lãnh đạm với tôn giáo cho đến ngày Phong Trào Phấn Hưng (Great Awakening) xuất hiện và đời sống Cơ-Độc được dứt dây, họ mới bắt đầu đến các nhà thờ. Bắt đầu từ 1726 từ các Hôi Thánh Cải Cách Hòa Lan tại New Jersey, sự phấn hưng này gây xúc động mạnh lan tràn qua tất cả các vùng định cư và kéo dài hơn nửa thế kỷ. Các Mục Sư giảng khuyên mọi người sống một đời sống đạo đức, và phải có lòng tin kính nghiêm trang, đồng thời nêu cao tính chất biên đời sống của sự 'tin Chúa'. Phong trào bắt đầu từ Anh với John Wesley. Khi ông còn là sinh viên tại Oxford, ông có thành lập một nhóm tôn giáo nhỏ trong đó có em ông là Charles sáng tác thánh ca và ông George Whitefield, có tài giảng ngoài trời cho công chúng. Các sinh viên khác chế giễu và gọi họ là 'Methodists' vì họ chăm nghiên cứu và dự những buổi nhóm đều đặn, nhưng họ cứ vững lòng tiến bước. Ông John Wesley trở thành một Mục Sư của Hội Thánh Anh. Ông nỗ lực rao truyền đạo Chúa khắp nơi. Ngoài đồng ruộng, trong xưởng máy, và trong Hội Thánh du hành tại Anh, Tô Cách Lan và Ai nhĩ Lan. Sứ điệp của ông là 'sự cứu rỗi chỉ đến từ Chúa Christ' và khi ông đề cao sự tái sanh và đời sống thánh thiện, có hàng nghìn người tin theo. Năm 1791 ông tạ thế thọ 88 tuổi. Ông có thể thỏa lòng là đã cùng các bạn đồng công cách mạng đời sống đức tin của từng lớp hạ lưu và trung lưu tại Anh. Nhờ một người trong số các bạn của Wesley là ông George Whitefield, nhà truyền giảng phấn hưng danh tiếng đã du hành nhiều lần qua các vùng định cư từ 1740 đến 1770 giáo phái Giám Lý (Methodist) được thành lập tại Mỹ.

Năm 1764 ông Thomas Coke được John Wesley ủy thác, thành lập Hội thánh Methodist Episcopal tại Mỹ. Ông Coke và ông Francis Asbury, một nhà truyền giảng du hành nổi tiếng, trở thành hai Giám Mục đầu tiên. Sự sốt sắng của các Giám Mục du hành và lòng tin kính cao độ tại các trại nhóm họp đã khiến các hội thánh Giám Lý (Methodist) mọc lên nhan nhản. Hơn nữa, người Giám Lý (Methodist) nhấn mạnh vào điểm 'An điển được ban nhưng không' và cá nhân phải chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời nên thích hợp với dân chúng sống trong một xã hội dân chủ. Ba nhánh của những người Giám lý (Methodist) họp nhau lại

để thành lập Hội Thánh Giám Lý (methodist) vào năm 1939. Đến 1968 Hội Thánh này lại hiệp một với Hội Thánh Evangelical United Brethren Church (chính Hội Thánh này cũng là kết quả của một cuộc liên kết) để lập nên Hội thánh Giám lý Tổng hợp (United Methodist Church) một trong những Hội Thánh lớn mạnh có uy thế nhất tại Hoa Kỳ và trên thế giới.

## CỘNG ĐỒNG CƠ-ĐỐC NGÀY NAY

Giữa những biến đổi của thế kỷ 19 và 20, Cơ-Đốc Giáo phát triển nhanh tuy phải đương đầu với sự thách đố của các triết lý quá thiên về vật chất và về đời sống hiện tại. Nhiều phong trào truyền giáo đã được tung ra để rao truyền sứ điệp của Chúa đến mọi nơi trên thế giới. Cơ-Đốc Giáo đã thành lập được nhiều Hội Thánh then chốt mới, đã dịch Kinh Thánh ra gần 2000 thứ tiếng và thổ ngữ, đã nghiên cứu lại những tín điều căn bản, đã nhìn sâu hơn vào lời Chúa đã làm cho lễ thờ phượng phong phú hơn, đã cố gắng sửa sai và đi tiên phong trong nhiều dịch vụ nhân đạo. Vô số các thành tựu khác nhau đó của cộng đồng Cơ Đốc là do lòng hiến dâng và sự hi sinh không hề ngưng của vô vàn Cơ-Đốc Nhân. Câu chuyện Cơ-Đốc Giáo vẫn 'mạnh tiến qua giông tố; trong những năm này, là câu chuyện của nhiều dân tộc trong nhiều quốc gia, hẳn bao nhiêu pho sách cũng còn chưa đủ chép.

Giáo thuyết Tin Lành đã khuyến khích tự do tín ngưỡng lại vừa là con đường cho sự phát triển, nên tiềm tàng có khuynh hướng thành lập nhiều Hội thánh mới. Ví dụ, những người trong Hội Thánh Hội Chúng (Congregationalist) không tin giáo lý Ba Ngôi Đức Chúa Trời, đi ra thành lập một nhóm mới, vào khoảng năm 1815 lấy danh hiệu là Unitarian. Trong số người lãnh đạo của nhóm này, có Ralph Waldo Emerson nhà luận thuyết, triết gia và thi sĩ nổi danh. Vào đầu thế kỷ 19, Thomas và Alexander Campbell cùng một số người khác rao truyền một Tin Lành đơn sơ, mộc mạc, họ ước mong tất cả các tín đồ đều trở về sự đơn sơ mộc mạc ấy, để chấm dứt mọi chia rẽ phe phái, nhưng chính những người theo họ sau cùng tách ra khỏi để lập Hội thánh 'Môn đồ Đấng Christ' (Disciples of Christ) nay gọi là Giáo Hội Cơ-Đốc (Christian Church).

Còn những tổ chức khác cũng bắt nguồn từ đức tin Cơ-Đốc, dầu không là chính thống, chúng ta cũng nên nhắc đến ở đây: Nhóm Mormon, do Joseph Smith thành lập năm 1830 ; nhóm Christian Scientist, do Mary Baker Eddy thành lập năm 1879, nhóm Nhân Chứng cho Giê-hô-va (Jehovah's Witnesses) thành lập năm 1931. Những nhóm khác theo đúng tinh thần của Phúc âm là nhóm Ngũ Tuần (Assemblies of God), một nhóm có nhiều tinh thần truyền giáo thành lập năm 1914, và nhiều nhóm khác ảnh hưởng đến đời sống tại Mỹ như Hội Phước Am Liên Hiệp (Christian & Missionary Alliance) Hội Na-xa-rin (Church of the Nazarene)

Vì quá nhiều khối tôn giáo nên nhiều Cơ-Đốc Nhân và những người lãnh đạo lấy làm chán nản không biết tương lai đi về đâu. Nhớ đến lời Chúa dạy Hội Thánh là



'một bầy chiên, một người chăn' ([GiGa 10:16](#)), những người lãnh đạo bắt đầu tiến từ phân rẽ đến cộng tác và hiệp một. Tại Hoa Kỳ, nước đầu tiên vào năm 1905 có 30 Hội Thánh thỏa thuận lập nên một số cơ quan để phối hợp hoạt động. Đến giữa thế kỷ 20, cơ quan này thành Hội Đồng Quốc Gia các Hội Thánh Đấng Christ tại Hoa Kỳ (National Council of the Churches of Christ in the U.S.A) bao gồm khoảng 33 danh hiệu của Tin Lành vừa chính thống Đông Phương tổng cộng hơn 40 triệu tín đồ. Tại Pháp, Thụy Sĩ, Anh và Gia Nã Đại, người ta cũng tổ chức các cơ quan tương tự. Phong trào hợp nhất cứ tiếp tục, tránh được sự chia rẽ do giáo thuyết dị biệt trong cùng một danh hiệu, và nhiều Hội Thánh đã từng tách rời nay lại hiệp một lại. Từ 1925 đến 1965 trên khắp thế giới có 37 tổ chức liên hiệp mới xuất hiện, bao gồm những 124 Hội Thánh trước đó đứng riêng rẽ.

Ở cấp bậc cao hơn, phong trào Cơ-Độc nói chung đã tới một khúc quanh khi 150 tổ chức Tin Lành, Anh giáo, Và Chính thống từ 44 nước đã họp tại Amsterdam năm 1948 để chính thức thành lập Hội Đồng Các Hội Thánh thế giới (World Council of Churches). Ba mươi năm sau số hội viên gia nhập đã gia tăng lên đến hơn 200. Hội thánh Công Giáo La Mã đã bắt đầu nối liên lạc với các Hội Thánh khác sau khi Hội Đồng Vatican II (1962 - 1965) ban hành sắc lệnh khuyến khích người Công Giáo cộng tác với những 'Hội thánh và cộng đồng phân cách' đứng ngoài Hội Thánh La Mã'. Giáo hoàng John 23 (1958 - 1963) tuy chỉ giữ chức vụ có 5 năm nhưng đã mở lòng nghênh đón những Hội Thánh Chính Thống Miền Đông từ lâu đời phân cách. Giáo Hoàng John nhớ đến chuyện Giô sếp và những người anh đã trở nên xa lạ của Giô sếp, đón chào vị thủ lãnh của Hội Thánh chính thống Hy Lạp bằng mấy tiếng đầy ý nghĩa 'Tôi là John, người em của các anh'.

Trải qua 20 thế kỷ, như chúng ta đã thấy, Hội Thánh đã từng tiến bước trong giông tố cũng như dưới ánh nắng quang đấng. Cộng đồng thánh của dân Chúa mỗi thời đại vẫn lớn mạnh nhờ đức tin và đời sống thuộc linh sâu đậm của mỗi tín đồ, những người này dù có lúc đã thất bại có lúc đã xử sự như kẻ thù, và dù bản chất con người nhiều lúc yếu đuối, nhưng họ vẫn tiếp tục tiến tới đúng như lời Cyrill F. Garbett vị Tổng Giám Mục tại York mới đây đã viết : 'Hội Thánh là một đoàn quân tiến giữa lòng đất địch, không phải là nơi nghỉ cho người mệt mỏi'

Tại mặt trận nào Hội thánh cũng phải đương đầu với các mẫu mực vật chất và những giá trị mau t hay đổi. Dần dần những chân lý Cơ-Độc cũng bị nghi ngờ khiến cho sự hầu việc của Hội Thánh để đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân loại càng khó khăn. Dầu vậy sứ điệp của Cơ-Độc Giáo vẫn mãi là một sinh lực thâm nhập và thắng hơn trong nền văn minh của chúng ta. Mỗi thế hệ mới, phấn đấu với những khốn khó của đời người, bất mãn với tình trạng sống chỉ là hiện hữu mà thôi, khao khát nhân đạo, tự do, hòa bình và niềm vui. Con người vẫn tự hỏi: 'Tại sao tôi sống? Ý nghĩa đời sống của tôi là gì? Từ xưa đã có lời "loài người sống chẳng phải nhờ bánh mà thôi' ([PhuDnl 8:3](#); [Mat Mt 4:4](#)). Ngày nay cộng đồng dân Chúa rải khắp thế giới, cộng đồng của tình thương rao truyền một Phúc Âm, một

sứ điệp đã liên tiếp giải phóng mọi người nam nữ khỏi ràng buộc nô lệ của tội lỗi và đem họ vào sự sống hoàn toàn đổi mới. Lời hứa của Chúa vẫn vững bền: 'Còn ta, khi ta đã được treo lên khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta' ([GiGa 12:32](#))

Chuyển ngữ

Xong ngày 14 tháng 1, 1986

10 giờ tối

Fountain Valley, CA 92708

Nguyễn Xuân Cảnh

Mục Lục

7 Lịch Sử Hội Thánh

Tác giả: Donald D.Smeeton

Giới thiệu giáo trình

**ĐƠN VỊ 1: LỊCH SỬ HỘI THÁNH VÀ THỜI ĐẠI CÁC SỨ ĐỒ.  
BÀI HỌC**

1. Giới Thiệu về Lịch Sử Hội Thánh

2. Thời Đại Các Sứ Đồ

**ĐƠN VỊ 2: HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN**

3. Con Bất Bớ Hội Thánh

4. Các Nhà lãnh Đạo Hội Thánh

5. Các Vấn Đề Tranh Cãi Về Thần Học

**ĐƠN VỊ 3: HỘI THÁNH ĐẦU THỜI TRUNG CỘ**

6. Củng Cố Hội Thánh

7. Những Người Lãnh Đạo Hội Thánh và Các Giáo Hội Nghi

8. Mối Liên Hệ Giữa Hội Thánh Thời Trung Cộ

9. Đời Sống Thuộc Linh và Các Sinh Hoạt của Hội Thánh

**ĐƠN VỊ 4: HỘI THÁNH CUỐI THỜI TRUNG CỘ**

10. Thể Chế Giáo Hoàng và Sự Sốt Sắng Thuộc Linh

11. Thần Học và Sự Thờ Phụng

12. Các Tình Huống Dẫn Đến Cuộc Cải Chánh

Bảng Tóm Lược

Từ Vựng

Sách Tham Khảo

## Giới Thiệu Giáo Trình

Hội Thánh: Từ Lễ Ngũ Tuần đến Cuộc Cải Chánh.

Lịch sử đã kể một câu chuyện. Kể về ai, điều gì, nơi đâu, khi nào và vì sao của thời quá khứ. Lịch sử Hội thánh là câu chuyện của Cơ Đốc giáo.

Trong tài liệu này, chúng tôi bàn về từ ngữ "lịch sử" và "Hội Thánh", quan điểm của Cơ Đốc nhân về lịch sử, và công tác của sử gia. Chúng ta bắt đầu câu chuyện này với sự khai sinh của Hội thánh vào ngày Lễ Ngũ Tuần, và theo dõi sự phát triển của Hội thánh cho đến cuộc cải chánh năm 1517. Từ những ngày đầu của cơn bắt bớ của các thế lực bên ngoài đến cuối thời Trung Cổ của Tôn Giáo Pháp Đình, Hội thánh đã truyền bá Tin lành một cách can đảm. Với việc xuất hiện và sa sút của quyền lực chế độ Giáo hoàng, Hội thánh đã luôn lập lại việc tìm kiếm sự cải tổ và đổi mới thuộc linh. Mặc cho các trở lực từ các tranh chấp trong giáo lý và đạo đức đòi bại trong giới tăng lữ, Hội thánh vẫn tăng trưởng mạnh mẽ.

Bạn sẽ thích thú trong việc nghiên cứu lịch sử Hội thánh, thậm chí còn thích thú hơn nữa nếu bạn tưởng tượng mình đang sống trong mỗi hoàn cảnh ấy. Hãy xem xét các yếu tố đã dẫn đến một hệ thống thánh lễ tôn ti thật tỉ mỉ. Hãy nghiên cứu mối tương quan của Hội thánh với quốc gia, những cuộc đụng độ với các tà thuyết, các Hội nghị Cộng đồng quá trình đi ra truyền giáo của Hội thánh. Hãy đánh giá cẩn thận các sự đóng góp công sức của các nhà lãnh đạo chính yếu, sự phát triển của chủ nghĩa tu viện và chủ nghĩa kinh viện, ảnh hưởng của thời kỳ phục hưng và của chủ nghĩa. Khi bạn sống trở lại thời quá khứ, bạn sẽ thấy chính mình được chuẩn bị tốt hơn để sống trong hoàn cảnh lịch sử hội thánh ngày nay.

### Mô Tả Giáo Trình

Hội Thánh : Từ Lễ Ngũ Tuần đến Cuộc Cải Chánh Là môn học giới thiệu về lịch sử Cơ Đốc giáo từ ngày khai sinh cho đến những ngày đầu của cuộc cải chánh. Tài liệu này cung cấp phần giới thiệu về lịch sử như là một môn học và nhấn mạnh tầm quan trọng của lịch sử trong mối tương quan với đức tin Cơ Đốc. Tài liệu đề cập đến Hội thánh thời các sứ đồ, các giáo phụ đầu tiên, các Hội nghị cộng đồng, sự xuất hiện nền thần học Trung cổ và nghi thức giáo hội, cũng như buổi đầu thời kỳ phục hưng tại Âu châu. Nội dung của giáo trình gồm có phân suy xét về những đóng góp của các nhà thần học Cơ Đốc chính yếu, mối liên hệ giữa nhà nước và giáo hội, và sự xuất hiện của chủ nghĩa Tu viện và chủ nghĩa Kinh viện. Tài liệu cũng lần theo sự bành trướng của Cơ Đốc giáo theo địa dư. Mười hai bài học được tổ chức để giúp bạn có thể đem các sự sáng suốt đã được học áp dụng vào các tình huống hiện nay.

### Các Mục Tiêu của Giáo Trình

Khi học xong môn này, bạn sẽ có thể:

1. Định nghĩa bản chất của lịch sử và tầm quan trọng của lịch sử đối với Cơ Đốc giáo.

2. Mô tả và đánh giá các phong trào thần học chính yếu trong thời kỳ này.
3. Nhận ra những sự đóng góp của các nhà tư tưởng và các nhà lãnh đạo Cơ Đốc chính yếu.
4. Theo dõi và giải thích sự bành trướng về mặt địa dư của Cơ Đốc giáo.
5. Đánh giá cao bản chất toàn cầu của Hội thánh.
6. Nhận ra công tác của DCT giữa vòng nhân loại.
7. Dùng lịch sử làm phương tiện phát triển những nhận thức đúng đắn về vai trò của Hội thánh ngày nay.

#### Các sách Giáo Khoa

Bạn sẽ dùng tài liệu Hội Thánh: Từ Lễ Ngũ Tuần đến cuộc Cải Chánh Sách Giáo Khoa Nghiên Cứu Độc Lập của Donald vừa làm sách giáo khoa, vừa làm tài liệu hướng dẫn cho môn học này. Kinh Thánh là sách duy nhất khác bạn cần phải có. Các câu tham khảo trích từ Bản New International Version.

#### Thời Gian Học:

Thời gian bạn thật sự cần cho mỗi bài học tùy thuộc vào kiến thức của bạn về đề tài này và vào học lực của bạn trước khi bạn bắt đầu môn học này. Thời gian học cũng tùy thuộc vào mức độ bạn tuân theo các lời chỉ dẫn và triển khai các kỹ năng cần thiết cho việc tự nghiên cứu. Hãy hoạch định thời khóa biểu học tập của bạn để bạn đầu tư đủ thời gian đạt được các mục tiêu do tác giả giáo trình đề ra cũng như các mục tiêu riêng của bạn.

#### Cách Tổ Chức Bài Học và Cách Học

Mỗi bài học gồm có: 1. Tựa bài, 2. Đoạn mở đầu, 3. Dàn bài, 4. Mục tiêu bài học, 5. Sinh hoạt học tập, 6. Các từ then chốt, 7. Khai triển bài học, bao gồm các câu hỏi nghiên cứu, 8. Bài tự kiểm tra và 9. Giải đáp các câu hỏi nghiên cứu.

Dàn bài và mục tiêu bài học sẽ nêu khái quát về đề tài, giúp bạn tập trung vào những điểm quan trọng nhất đang khi nghiên cứu và giúp bạn biết bạn cần phải học điều gì.

Phần khai triển bài học sẽ giúp bạn dễ dàng học thấu suốt tài liệu này. Bằng cách nghiên cứu bài học theo từng phần nhỏ, bạn sẽ tận dụng được những khoảng thời gian ngắn vào bất cứ lúc nào thay vì phải chờ đến lúc bạn có đủ thời gian học toàn bài một lúc. Những lời giải thích, các bài tập và các câu trả lời đều đã được soạn nhằm giúp bạn đạt được các mục tiêu của bài học.

Một số các câu hỏi nghiên cứu trong phần khai triển bài học, bạn có thể trả lời vào khoảng trống có sẵn trong tài liệu. Một số câu khác đòi hỏi bạn trả lời vào vở của bạn. Khi trả lời vào vở, bạn cần ghi rõ số thứ tự và tựa bài. Hãy viết câu trả lời theo đúng số thứ tự trong sách. Điều này sẽ giúp bạn khi ôn bài để làm các phần đánh giá theo từng đơn vị.

Đừng bao giờ xem trước câu trả lời cho đến khi bạn đã trả lời xong. Nếu bạn tự trả lời, bạn sẽ nhớ bài tốt hơn. Sau khi trả lời, hãy kiểm tra câu trả lời với phần giải đáp ở cuối bài học. Sau đó, hãy sửa những phần nào bạn trả lời sai. Câu giải đáp

không nằm theo thứ tự bình thường để bạn không tình cờ thấy phần giải đáp cho câu hỏi tiếp theo.

Các câu hỏi này rất quan trọng. Chúng sẽ giúp bạn phát huy và hoàn thiện kiến thức vào sự hầu việc Chúa của bạn. Các sinh hoạt gợi ý cũng sẽ giúp bạn đi từ lý thuyết đến thực hành.

### Phương Pháp Nghiên Cứu

Hãy đọc cẩn thận các lời chỉ dẫn về phương pháp nghiên cứu trong tập Học viên của bạn. Chúng sẽ giúp bạn biết ICI mong bạn nghiên cứu bài học, ôn bài để làm phần đánh giá tiến bộ theo Đơn vị (bài kiểm tra), và chuẩn bị thi cuối khóa bằng cách nào. Nếu bạn không thường xuyên nghiên cứu theo cách ICI đã chỉ dẫn, thì vấn đề quan trọng là bạn nên soạn phương pháp nghiên cứu của bạn sao cho thích hợp để bạn đạt được thành công cao nhất.

### Các cách Nghiên Cứu Giáo Trình này

Nếu bạn tự nghiên cứu giáo trình ICI này, bạn có thể hoàn tất mọi công việc của mình bằng thư từ. Mặc dù ICI đã soạn giáo trình này để bạn tự học, bạn vẫn có thể nghiên cứu trong một nhóm hoặc một lớp. Trong trường hợp này, người hướng dẫn sẽ chỉ dẫn thêm cho bạn ngoài những hướng dẫn đã có sẵn trong giáo trình. Hãy theo sát các lời hướng dẫn của hướng dẫn viên.

Có lẽ bạn sẽ thích thú khi dùng giáo trình này để nghiên cứu trong một nhóm học Kinh Thánh tại gia, hoặc trong một lớp học tại nhà thờ, hoặc trong Trường Chúa Nhặt. Bạn sẽ thấy cả phần nội dung lẫn phương pháp nghiên cứu của đề tài này đều xuất sắc để dùng vào các mục đích này.

### Chứng Chỉ Cho Môn Học này

Để nhận được chứng chỉ của ICI cho môn học này, bạn phải thi đậu kỳ thi cuối khóa. Bài thi này phải được viết ra trước sự hiện diện của một giám thị do ICI cử đến. Bởi vì chúng tôi có nhiều giám thị tại các quốc gia, nên có lẽ bạn không khó khăn gì trong việc gặp gỡ vị giám thị trong khu vực của bạn. Hướng dẫn viên sẽ giúp bạn biết thêm chi tiết.

Môn học này cũng có thể chỉ dùng cho việc thực hành, và không cần chứng chỉ. Nếu vậy, bạn không cần gửi đi bài làm hoặc bài thi cuối khóa. Việc nghiên cứu bài học này sẽ làm đời sống bạn thêm phong phú, dù bạn có lấy chứng chỉ hay không.

### Chứng Chỉ qua Kỳ Thi

Bạn có thể nhận được chứng chỉ của môn này mà không cần nghiên cứu các tài liệu này, bằng cách bạn thi đậu kỳ thi cuối khóa. Tuy nhiên, vì sách giáo khoa nghiên cứu độc lập và các bài tự trắc nghiệm được soạn để chuẩn bị cho bài thi cuối khóa, có lẽ bạn cần nghiên cứu tài liệu này. Hãy hỏi ý kiến Giám đốc quốc gia ICI của bạn để biết thêm chi tiết.

### Xếp Hạng Cuối Khóa

Việc xếp hạng cuối khóa được dựa vào bài thi cuối khóa có giám định của bạn.

Việc xếp hạng được liệt kê như sau: A hạng ưu; B trên trung bình; C trung bình; D

dưới trung bình; U không được cấp chứng chỉ cao đẳng; Inc...không hoàn tất kỳ thi; WP cho phép rút lại kết quả thi; WU không cho phép rút lại kết quả thi.

### Tập Học Viên

Tập học viên bạn nhận được kèm theo giáo trình này gồm những lời chỉ dẫn để làm phần Đánh Giá Tiến Bộ đơn vị và Bài Thi Cuối Khóa. Tập học viên cũng có phần đánh giá Tiến Bộ Theo Đơn Vị, các tờ bài làm và các biểu mẫu quan trọng khác. Hãy dùng bảng danh sách trên bìa tập học viên là phần cho bạn biết các tài liệu nào bạn phải đệ trình, và khi nào phải đệ trình cho hướng dẫn viên. Bạn cũng sẽ thấy phần giải đáp các bài tự trắc nghiệm trong tập học viên.

### Phần Đánh Giá Tiến Bộ theo Đơn Vị và Bài Thi Cuối Khóa

Mặc dù điểm trả lời các câu hỏi nghiên cứu, các bài tự trắc nghiệm và các phần Đánh Giá Tiến Bộ Theo Đơn Vị sẽ không tính vào điểm của khóa học, bạn nên gửi các tờ bài làm của phần Đánh Giá Tiến Bộ theo Đơn Vị cho hướng dẫn của bạn. Sau đó, bạn có thể xem lại các tài liệu trong sách giáo khoa cũng như trong Kinh Thánh về những điểm bạn thấy khó. Việc ôn lại các mục tiêu bài học, bài tự trắc nghiệm, các bài Đánh Giá Tiến Bộ theo Đơn Vị sẽ giúp bạn chuẩn bị cho kỳ thi cuối khóa.

### Tác Giả Của Tài Liệu Nghiên Cứu Sách Này

Dầu Donald Dean Smeeton đã sinh trưởng tại Florida, ông đã sống hầu hết thời thanh xuân tại Âu Châu. Ông hiện là một trưởng khoa trong ban giáo sư của ICI, và trước khi giữ chức vụ này, ông đã dạy dỗ chín năm tại Cao Đẳng Kinh Thánh ở Brussels. Ông cũng đã hầu việc Chúa trong vai một mục sư trẻ tại Mt. Prospect, và trong vai nhà truyền giáo lưu động cho tổ chức Teen Challenge tại Đức và Bỉ. Tiến sĩ Smeeton đã lập gia đình và có hai con. Ông thích đọc, viết lách và đi bộ.

Ngoài hai bằng cấp trong thời sinh viên, Tiến sĩ Smeeton còn có bằng Cao học của trường Assembly of God Graduate School và một bằng Cao học của trường Trinity Evangelical Divinity School. Học vị tiến sĩ của ông ở trong ngành Lịch Sử Thần học của trường Catholic University ở Louvain, Bỉ.

### Hướng Dẫn Viên ICI Của Bạn

Hướng dẫn viên ICI của bạn sẽ rất vui giúp bạn tận tình. Hãy nêu rõ bất cứ thắc mắc nào của bạn cho hướng dẫn viên trong việc sắp xếp kỳ thi cuối khóa để có đầy đủ thời gian phù hợp cho các kế hoạch, hãy yêu cầu hướng dẫn viên sắp xếp đặc biệt cho nhóm học tập.

Nguyện Chúa ban phước cho bạn khi bạn bắt đầu nghiên cứu Hội Thánh Từ Lễ Ngũ Tuần Đến Cuộc Cải Chánh. Mong rằng tài liệu này sẽ làm phong phú cuộc sống và chức vụ của bạn, giúp bạn làm trọn chức năng của mình trong thân thể Đấng Christ một cách hữu hiệu hơn.

### BÀI HỌC 1: Giới Thiệu về Lịch Sử Hội Thánh

Mỗi chúng ta đều có một di sản độc đáo của gia đình. là Cơ Đốc nhân chúng ta thừa hưởng một di sản chung trong lịch sử Hội thánh, bất kể địa vị trong xã hội của chúng ta, địa danh chúng ta đang sống, hoặc mức độ trưởng thành trong việc phục sự Chúa có ra sao đi nữa, mỗi chúng ta đều có thể nhận được ích lợi khi học hỏi về sự hình thành của Cơ Đốc Giáo gần 2000 năm trước và sự bành trướng và phát triển của Hội thánh kể từ lúc đó.

Vậy thì, lịch sử là gì và Hội thánh là gì? chúng ta định nghĩa các từ này và những từ khác nữa trong bài học mở đầu này để thiết lập một nền tảng cho việc nghiên cứu lịch sử Hội thánh của chúng ta, kể từ lúc Hội thánh hình thành cho đến cuộc Cải Chánh vào cuối thế kỷ mười sáu. Chúng tôi cũng đưa ra một nền tảng cho quan điểm của Cơ Đốc nhân về lịch sử. Sau đó, chúng tôi sẽ bàn luận vắn tắt về công tác của sử gia và nhu cầu để được quân bình cả trong đời sống riêng tư của mỗi chúng ta và cả trong Hội thánh.

Khi bắt đầu nghiên cứu về di sản Cơ Đốc của bạn, mong rằng bạn sẽ am hiểu được sự lớn lao của Đức Chúa Trời (thậm chí còn hơn thế nữa), là Đấng đã sáng tạo muôn vật và ngày nay, vẫn tiếp tục thực hiện công tác của Ngài trong thế giới này.

Định nghĩa "Lịch Sử"

Kết quả và tiến trình

Quan điểm của Cơ Đốc nhân về lịch sử.

Định nghĩa "Hội Thánh"

Bên Trong

Bên Ngoài

Công tác của Sử Gia

Chúng có

Sự Phân Chia Thời Gian

Nguyên Nhân Lịch Sử

Sự Quân Bình trong Hội Thánh

Bức ảnh về mảnh giấy Papyrus . Thư viện Chester Beatty , Dublin , cho phép đăng .

Học xong bài này, bạn sẽ có thể:

Định nghĩa "Lịch Sử" và quan điểm của Cơ Đốc nhân về lịch sử.

Định nghĩa "Hội Thánh" cả về phương diện bên trong lẫn bên ngoài

Mô tả công việc của sử gia

Giải thích nhu cầu để được quân bình trong sinh hoạt học tập.

1. Đọc phần tài liệu hướng dẫn nghiên cứu này. Hãy lưu ý các mục tiêu chung cho việc nghiên cứu trong khóa học này. Tất cả các mục tiêu này đều quan trọng, nhưng có lẽ một số mục tiêu nào đó sẽ nổi bật để đối với bạn. Hãy viết chúng vào vở của bạn. Bạn có những mục tiêu nào khác ngoài những mục tiêu đã đề ra

không? Bạn cũng hãy ghi chúng vào vở.

2. Hãy nghiên cứu phần Dẫn Bài và phần Mục Tiêu Bài Học. Chúng sẽ giúp bạn tìm thấy những vấn đề bạn cần phải cố gắng học biết khi nghiên cứu bài này.

3. Tham khảo phần từ vựng ở cuối tập tài liệu hướng dẫn này để xem các định nghĩa của những từ then chốt được nêu ra dưới đây.

4. Hãy học phần Khai Triển Bài Học trong tập tài liệu này, tham khảo Kinh Thánh khi cần để trả lời các câu hỏi. Trong tập tài liệu này, bất cứ chỗ nào không có chừa khoảng trống để bạn trả lời, bạn hãy ghi câu trả lời vào vở riêng. Phải biết chắc là bạn đã ghi số và tựa của bài học ở đầu trang, rồi số của mỗi câu trả lời để bạn có thể dễ dàng kiểm tra và ôn lại chúng. Bạn sẽ nhận được nhiều ích lợi hơn từ giáo trình này nếu bạn thực hành bằng cách viết ra điều gì đó trước khi xem câu giải đáp. Sau khi viết ra câu trả lời, hãy lật đến phần giải đáp cuối bài học. Hãy đọc phần giải đáp và các lời giải thích hữu ích.

5. Làm bài tự trắc nghiệm ở cuối bài học này, và cẩn thận kiểm tra các câu trả lời của bạn với phần giải đáp trong tập học viên. Hãy ôn lại bất cứ câu trả lời nào bạn làm sai.

Hiểu được các từ then chốt chúng tôi liệt kê ở đầu mỗi bài học sẽ giúp bạn khi nghiên cứu. Bạn sẽ thấy các từ then chốt được liệt kê theo thứ tự ABC và được định nghĩa trong phần từ vựng ở cuối tập tài liệu hướng dẫn nghiên cứu này. Nếu nghi ngờ ý nghĩa của bất cứ một từ then chốt nào, bạn có thể tìm hiểu chúng ngay hoặc khi bạn bắt gặp chúng trong bài.

Của ngành khảo cổ

Quân bình

Nhập thể

Cơ thể

Tổ chức

Trên danh nghĩa

## ĐỊNH NGHĨA "LỊCH SỬ"

### Kết Quả và Tiến Trình

Trước khi đọc phần này, bạn hãy viết một câu định nghĩa về từ "lịch sử" theo như bạn hiểu.

.....  
.....

Nếu định nghĩa của bạn có những từ "trong quá khứ" hay điều gì đó tương tự thì đề xuất của bạn rất hay. Khó khăn trong việc viết ra định nghĩa về "lịch sử" ấy là nó có ít nhất hai ý nghĩa. Trước hết, nó có thể nói đến những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Có lẽ bạn đã từng nghe nói: "Điều đó hoàn toàn là chuyện lịch sử!". "Lịch sử" cũng có thể định nghĩa là "bộ môn nghiên cứu về quá khứ". Theo ý nghĩa này, nó nói đến tiến trình học hỏi bằng việc nghiên cứu về những gì đã xảy ra, các



nguyên nhân và các ý nghĩa của những điều đã xảy ra.

Tóm lại, từ "lịch sử" có thể mang ý nghĩa "những điều đã xảy ra" hoặc "việc nghiên cứu về những điều đã xảy ra".

2. Sắp xếp cho phù hợp từng phương diện của lịch sử (bên phải) với định nghĩa của nó (bên trái)

...a. Những sự kiện thực tiễn trong quá khứ

...b. Việc nghiên cứu các sự kiện trong quá khứ.

Từ ngữ "lịch sử" ra từ chữ Hy Lạp *historia*. Thật thú vị khi lưu ý đến cách dùng từ này trong Tân Ước. Sứ đồ Phao Lô đã dùng một hình thức của từ này trong lời làm chứng của ông ở [Ga 1:18](#) "Kể đó gần ba năm, tôi lên thành Giêrusalem đặng làm quen với (historiasia) Sêpha và tôi ở với người mười lăm ngày". Theo mạch văn của câu này và sự việc Phao Lô đã ở lại mười lăm ngày, chúng ta phỏng định rằng đây không phải là một cuộc viếng thăm tình cờ. Từ ngữ *historiasia* có nghĩa là "học hỏi về, hoặc viếng thăm để làm quen với..." Phao Lô muốn lập một cuộc điều tra nghiêm túc về đức tin mới mẻ của ông.

Cần phải phân biệt rõ ràng giữa các sự kiện trong quá khứ với việc điều tra về các sự kiện đó. Lịch sử là các sự kiện thì không thể bị thay đổi, dù cho chúng ta có khám phá ra các chứng cứ mới, các nguyên nhân mới hoặc là ý nghĩa mới liên quan đến các sự kiện đó.

3. Giả sử bạn đang dạo trong rừng. Bạn thấy một con thú chết trên lối đi, bạn nghĩ: "Người thợ săn đã bắn chết nó". Tuy nhiên, sau khi xem xét con vật, bạn không thấy một vết thương nào. Sau đó, bạn khám phá ra một con suối gần đó đã bị bỏ thuốc độc. Hãy phân loại từng phương diện sau của sự việc này theo 1) Lịch sử như là kết quả hoặc 2) Lịch sử như là một tiến trình

...a. Sự khám phá tình cờ xác con thú

...b. Cái chết của con thú

...c. Phán đoán đầu tiên của bạn, cho là con thú bị thợ săn giết chết.

## MỘT TRIẾT GIA HY LẠP

### Quan Điểm của Cơ Đốc Nhân

Ý nghĩa mà bạn tìm thấy trong các sự kiện thời quá khứ có liên hệ với quan điểm của bạn về thế giới này - triết lý sống của bạn. Đối với nhiều người, lịch sử trình bày một bản liệt kê ngày tháng và nhân vật dài dằng dặc. Đối với nhiều người khác, lịch sử (hay chính cuộc sống) chẳng mang một ý nghĩa gì cả. Một Văn sĩ người Anh nói rằng: "Lịch sử là một đống xương tàn vĩ đại". Một nhà kỹ nghệ người Mỹ đã nói rằng: "Lịch sử chẳng là cái thá gì cả". Dường như ông ta đang nói rằng lịch sử không có chút giá trị nào cả.

Đối với Cơ Đốc nhân, lịch sử rất quan trọng vì nó bày tỏ sự giao tiếp của Đức Chúa Trời đối với con người. Chúng ta tin Đức Chúa Trời đã trở nên người tại một địa điểm cụ thể và vào một số năm cụ thể. Đức Chúa Trời bày tỏ bản tánh của Ngài

bằng cách sai Chúa Jesus Christ, Con Ngài bước vào cõi thời gian và không gian. Công cuộc cứu rỗi nhân loại nhờ vào sự chết và của lễ chuộc tội của Chúa Jesus là sự minh họa quan trọng nhất cho sự giao tiếp của Đức Chúa Trời với con người. Khi một người tin Chúa Jesus Christ, người đó thực sự tự kết ước với Đấng đã thực sự được sinh ra tại Bêlêhem, lớn lên ở Naxarét, đã dạy dỗ trong xứ Galilê, và đã bị giết tại thành Giêrusalem. Vì có Chúa Jesus đã thực sự sống lại từ trong mồ mả, chúng ta có thể tin cậy nơi Ngài trong cõi đời này và cõi đời đời.

Sự nhập thể của Đấng Christ đã là tuyệt điểm trong sự chuyển động tuyến tính hướng về một mục tiêu thiên thượng. Trong quan điểm của Cơ Đốc nhân, lịch sử đang chuyển động từ [SaSt 1:1](#) "Ban đầu", đến lời hứa của Đấng Christ "Ta sẽ trở lại". Quan điểm này phủ nhận quan điểm cho rằng lịch sử hay thời gian tự nó chỉ mang tính chu kỳ hay lập lại mà thôi.

4. Hãy đọc [GiGa 1:14](#), sau đó đọc câu 1-13 của [1:1-51](#). Theo phân đoạn này, ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử đối với Cơ Đốc nhân là gì?

.....  
.....  
.....  
.....

5. Giả sử có người đề xuất rằng, dù cho Chúa Jesus có thực sự sống lại từ trong kẻ chết hay không, điều đó cũng chẳng quan trọng gì. Sau khi đọc [ICo1Cr 15:17](#), bạn hãy viết ra câu trả lời cho đề xuất này.

.....  
.....  
.....  
.....

6. Nếu sự Phục sinh của Đấng Christ không thực sự đã xảy ra, điều này sẽ tác động như thế nào đến những người truyền đạo (Xem [15:14](#))?

.....  
.....  
.....  
.....

Tôi nhớ đến những suy nghĩ khi còn nhỏ "Con người xây nhà bằng gạch. Các nhà máy tạo ra gạch nung từ đất sét, đất sét do Đức Chúa Trời dựng nên. Thế ai dựng nên Đức Chúa Trời? Bây giờ thì tôi hiểu được không ai dựng nên Đức Chúa Trời cả. Đức Chúa Trời luôn luôn hiện hữu. Mặc dù Ngài vận hành trong cõi thời gian, nhưng Ngài vượt trên cõi thời gian. Theo [EsIs 57:15](#), Đức Chúa Trời hằng sống, hay "ở nơi đời đời vô cùng", theo bản Kinh Thánh K.J.V.

Thánh Kinh là một bản kỹ thuật được soi dẫn, chép về các hoạt động của Đức Chúa Trời trong thế giới này. Trong Cựu Ước, chúng ta thấy mối tương quan của Đức Chúa Trời đối với tạo vật của Ngài. Lịch sử hội thánh là bản kỹ thuật về

những người nam và những người nữ đồng đi cùng với Đức Chúa Trời trong cõi thời gian và không gian. Vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Ngài nắm quyền điều khiển toàn thể giới này. Có lẽ chúng ta dễ dàng thấy bàn tay tể trị của Đức Chúa Trời trong những điều tốt lành đã xảy ra hơn là trong những điều tội tệ, nhưng cả hai đều nằm trong ý định thiên thượng. Công việc của Đức Chúa Trời là bí mật. Ấn dụ về cỏ lùng và lúa mì của Đấng Christ trong [Mat Mt 13:24-30](#) giúp giải thích cho mùa gặt giống tốt và giống xấu trong suốt lịch sử.

Trong bài 2, chúng ta sẽ thấy Đức Chúa Trời vận hành như thế nào qua Thánh Linh Ngài trong Hội thánh đầu tiên thời Tân ước. Kể từ đó, trong mọi thế hệ, bất kể những trở lực hay tình trạng hư hỏng, thối nát, Thánh Linh vẫn đang vận hành trong Hội thánh. Đức Thánh Linh đang hành động trong những sự kiện để đem vinh hiển cho Đức Chúa Trời... Một ngày kia, Đức Chúa Trời sẽ đem tất cả lịch sử trong cõi thời gian đến điểm chung kết. ([ICo1Cr 15:24](#))

7. Hãy đọc [SaSt 1:1-5](#) và [IIPhi 2Pr 3:8](#), sau đó hãy so sánh "cõi đời đời" với "cõi thời gian".

.....  
.....  
.....  
.....

8. Đọc [Eph Ep 1:9-10](#) và [RoRm 11:36](#). Dựa theo những câu này và những gì chúng ta đã nói về bàn tay tể trị của Đức Chúa Trời trong lịch sử, Cơ Đốc nhân cần phải có thái độ nào đối với việc nghiên cứu lịch sử.

.....  
.....  
.....  
.....

9. Dựa vào nội dung của phần này, hãy tìm mỗi câu sau là câu 1) chính xác hoặc 2) không chính xác.

.....a. Đối với sử gia Cơ Đốc, bản ký thuật về thời quá khứ phần lớn bao gồm các niên hiệu và nhân vật.

.....b. Lịch sử Hội thánh là câu chuyện về công tác của Đức Chúa Trời trong cõi thời gian.

.....c. Không có gì khác nhau về ý nghĩa của lịch sử giữa giới Cơ Đốc và giới phi Cơ Đốc.

10. Hãy xem định nghĩa của bạn về lịch sử trong câu hỏi số 1. Bây giờ, hãy chuẩn bị viết một định nghĩa mới về lịch sử, bao gồm những gì bạn đã học được trong phần này. Hãy viết câu trả lời vào vở của bạn.

**ĐỊNH NGHĨA "HỘI THÁNH"**

Bên Trong

Chúng ta nói gì về nghĩa của từ "Hội Thánh"? Như chúng ta đã thấy về nghĩa của

từ "lịch sử", một số từ có thể có nhiều ý nghĩa. Khi một người nói: "Họ đang sơn Hội thánh màu trắng", người đó đang dùng từ "Hội Thánh" để nói đến một tòa nhà (nhà thờ). Khi một người nói: "Hội thánh Anh Quốc Giáo tin nơi Đức Chúa Trời", từ "Hội Thánh" mang ý nghĩa một giáo phái hay một nhóm tín đồ. Khi chúng ta nói: "Hội Thánh bắt đầu nhóm vào lúc 10 giờ sáng Chúa nhật" chúng ta dùng chữ "Hội Thánh" để nói đến một công tác phục vụ hay một buổi nhóm thuộc về tôn giáo.

#### MỤC TIÊU 4:

Trong tựa của giáo trình này, từ "Hội thánh" không nói về một tòa nhà, (ngôi nhà thờ), hay là một buổi nhóm thờ phượng. Chúng tôi sẽ không truy tìm sự phát triển của một ngôi nhà thờ, một lời tuyên xưng đơn thuần hay là một kiểu thờ phượng. Chúng ta sẽ truy nguyên một ý nghĩa quan trọng hơn mà chúng ta tìm được trong từ "Hội Thánh"

"Hội Thánh được dùng trong Tân ước nhiều lần để nói đến "một hội chúng". Chúa Jesus nói về hội chúng của Ngài hay Hội Thánh của Ngài là một nhóm tín hữu địa phương ([Mat Mt 18:17](#)) và cũng như là một hội trên toàn cầu (phổ thông) của những Cơ Đốc nhân ([16:18](#)). Dù có thể đã nhiều lần chúng ta xem Hội thánh như là một hội chúng địa phương, mỗi quan tâm chủ yếu của chúng ta sẽ là xem Hội thánh như là một Hội chung trên toàn cầu.

11. Giả sử có người tuyên bố rằng Hội thánh của người ấy là hội duy nhất của những người tin Chúa thật lòng. Người ấy nói rằng nhóm của mình sẽ là nhóm duy nhất ở trên thiên đàng. Người ấy đã thiếu đi phương diện nào của Hội thánh?

.....  
.....  
.....

12. Sứ đồ Phao Lô sử dụng nhiều từ gọi hình để mô tả Hội thánh, nhưng một trong hình ảnh được yêu mến nhất được tìm thấy trong [Eph Ep 1:22-23](#). Trong phân đoạn này, Hội thánh được mô tả bằng hình ảnh gì?

.....  
.....

Hình ảnh của Hội thánh như là thân thể của Đấng Christ phác họa Hội thánh như là một cơ thể. Cơ thể là một hữu thể sống động được tạo nên từ nhiều phần khác nhau, mang những chức năng khác biệt nhưng phụ thuộc hỗ tương với nhau. Hình ảnh về một thân thể của Đấng Christ tạo ra ý nghĩa bên trong của từ "Hội Thánh". Phao Lô đã triển khai chi tiết vấn đề này ở trong [ICo1Cr 12:1-31](#)

13. Hãy đọc [12:1-31](#) và tóm tắt ngắn gọn ý nghĩa bên trong của Hội thánh như là thân thể của Đấng Christ. Hãy viết vào vở của bạn.

Bên Ngoài

Ngoài việc được xem xét như là một cơ thể, Hội thánh cũng được xem như là một

tổ chức hay là một thể chế. Theo ý nghĩa đó, Hội thánh có cấu trúc thuộc thể, các hình thức thuộc về nghi lễ, các chức vụ, và các đặc trưng bên ngoài khác nữa mà thể gian có thể thấy được trong khi Hội thánh bề trong hoặc Hội thánh sống động không thể được nhìn thấy bằng cách đó. Môn nghiên cứu lịch sử Hội thánh của chúng ta tự nhiên sẽ bao gồm cả phương diện bên ngoài lẫn bên trong của Hội thánh. Chúng ta sẽ thấy Hội thánh như là một nhân chứng sống và có thể nhìn thấy được để chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời đang hành động giữa con người. Tuy nhiên, chúng ta không được sai lầm mà quy các sự thất bại của Hội thánh cho Đức Chúa Trời thánh khiết của chúng ta.

Hai từ ngữ khác thường được áp dụng cho Hội thánh: Hữu hình và vô hình. Dù các từ ngữ này có những nhược điểm, nhưng chúng vẫn hữu ích cho việc phân biệt giữa những người thật sự tin cậy vào ân điển của Chúa Jesus Christ và những người chỉ là thành viên của một "nhóm Cơ Đốc nhân" trên danh nghĩa mà thôi. Đức Chúa Trời biết tâm lòng của mọi người ([Cong Cv 1:24](#)). Trong vòng những người ủng hộ cho một Hội thánh hữu hình (một thể chế), có những người không thật tâm. Họ chỉ tuyên xưng ở bề ngoài mà thôi. Ngược lại, tất cả những người thuộc về Hội thánh vô hình đều có một mối tương quan đặc biệt với Đức Chúa Trời bằng một đức tin riêng tư và chủ động.

Tất nhiên trong giáo trình lịch sử Hội thánh này, chúng ta sẽ dành nhiều thì giờ cho Hội thánh hữu hình đã được thể chế hóa. Chúng ta sẽ lần theo sự bành trướng của Hội thánh với thế gian này. Trải qua suốt sự phát triển của Hội thánh, từ lúc Đấng Christ nhập thể, chịu chết và phục sinh cho đến hiện nay, phương diện vô hình của Hội thánh đã và đang thực hiện việc thúc đẩy, nhắc nhở Hội thánh hữu hình tìm cách cải tổ và đổi mới. Thực ra, lịch sử Hội thánh phác họa tình trạng căng thẳng giữa Hội thánh vô hình (dân sự của Đức Chúa Trời được sanh bởi Đức Thánh Linh) và Hội thánh hữu hình (một tổ chức của con người).

14. Hãy so sánh Hội thánh như là một cơ thể với Hội thánh như là một tổ chức. Hãy viết vào vở của bạn.

15. Khi Hội thánh như là một tổ chức bên ngoài, thất bại trong việc bày tỏ bản tánh yêu thương của Đấng sáng lập Hội thánh, sự thất bại đó là lỗi của ai?

.....  
.....

16. Nhiều học giả hiểu ẩn dụ lúa mì, cỏ lùng trong [Mat Mt 13:24-30](#) có ý nói đến Hội thánh trong thời đại này. Nếu đúng như vậy, ẩn dụ này dạy gì về "Cỏ Lùng" ở trong Hội Thánh?

.....  
.....

17. Hãy xếp các phương diện của Hội thánh (bên phải) phù hợp với những câu nói về Hội thánh (bên trái)

.....a. John thuộc về Hội thánh Methodist

....b. Hội thánh của Đấng Christ là Hội thánh vinh hiển.

....c. Hội thánh của Đấng Christ ở trong mọi dân tộc và không có một sự thất bại nào.

## CÔNG TÁC CỦA SỬ GIA

### Chứng Cớ

Công tác của sử gia là phải đánh giá chứng cớ còn lại để bởi các sự kiện. Trước tiên, sử gia thu thập các nguồn tài liệu. Điều này có thể là một bản kỹ thuật của một nhân chứng trực tiếp là người đã thật sự quan sát hoặc đã tham dự vào sự kiện đó.

Điều này sẽ là thông tin của nguồn chính yếu. Một nguồn thứ yếu sẽ là bản kỹ thuật về những gì mà ai đó đã nói về các sự kiện này dựa trên sự nghiên cứu, tìm tòi của mình. Nói chung, đối với một sử gia, một nguồn chính yếu quan trọng hơn một nguồn thứ yếu. Sử gia cũng sử dụng các khám phá của khảo cổ học như là các đồng tiền, các tượng đài kỷ niệm hoặc các toà nhà. Từ các đầu mối đó, sử gia có xác định xem điều gì đã xảy ra.

Ông ta đánh giá các chứng cớ này bằng cách nêu các câu hỏi như: "Ai đã viết ra điều đó?" và "nó có căn cứ, thẩm quyền như thế nào?". Dù cho ông ta biết thông tin có thể không được hoàn hảo, đầy đủ, ông vẫn làm việc như một khoa học gia đang thu thập thông tin để dựa vào đó mà rút ra kết luận của mình.

Ngoài việc thu thập chứng cớ, sử gia còn phải tìm cách giải thích, bằng cách cung cấp những mẫu hình và sự tổng hợp, so sánh, đối chiếu, và các nguyên nhân và hậu quả. Sự giải thích của sử gia là kết quả của sự tận tâm và trí tưởng tượng của chính người ấy. Vì vậy, sử gia kết hợp các kỹ năng của nhà khoa học, của triết gia, và của nghệ sĩ vào trong công tác ghi chép sử của mình.

18. Giả sử bạn cần phải chuẩn bị soạn lịch sử phong trào Ngũ Tuần trong khu vực của bạn. Một số tài liệu mà bạn sẽ sử dụng là gì?

.....

19. Hãy chỉ ra các tài liệu nào trong câu trả lời 18 của bạn thích hợp với các loại sau:

a. Nguồn chính yếu

.....

b. Nguồn thứ yếu

.....

c. Của Khảo cổ học

.....  
.....  
.....  
LƯU Ý: Danh sách tài liệu bạn nêu ra trong câu 18 có lẽ hơi khác với danh sách chúng tôi đã cung cấp, nhưng chắc chắn là bạn phải hiểu vì sao chúng tôi phân loại tài liệu này theo cách chúng tôi làm trong câu giải đáp 19.

20. Có thể bạn đã đọc trong một cuốn sách nào đó nói rằng nơi bạn sinh sống, không có một tín đồ Ngũ Tuần nào cả, tuy nhiên, bạn đã trò chuyện với những tín hữu Ngũ tuần trong khu vực bạn ở. Điều chứng cứ nào là chính yếu, chứng cứ nào là thứ yếu, và bạn sẽ chấp nhận chứng cứ nào là đúng?

.....  
.....  
.....

Một sử gia không thể nào viết ra những gì mà mình mong nó đã xảy ra hoặc thậm chí không thể viết những gì có thể đã xảy ra. Ông ta phải đề cập đến toàn bộ những gì đã xảy ra. Những biến cố hoặc những thời kỳ nào đó trong lịch sử, ví dụ như sự suy tàn của Đế Quốc Lamã có thể khiến cho người ta nói rằng (giống như sử gia Edward Gibbon): "Thực ra, lịch sử còn kém quan trọng hơn cả cuốn sổ ghi chép các tội phạm, các hành động ngu xuẩn, và những nỗi bất hạnh của nhân loại". Tuy nhiên, sử gia Cơ Đốc biết tìm ra giải pháp. Ông ta hiểu rằng Đức Chúa Trời sai Con Ngài xuống thế gian vào một thời điểm cụ thể để giải phóng nhân loại thoát khỏi "những tội phạm, những hành động ngu xuẩn, những nỗi bất hạnh" này ([GiGa 3:16-17](#))

21. Nếu có người nói: "Tôi không thích nghiên cứu lịch sử, vì những người ác trong đó làm cho tôi thất vọng", bạn sẽ trả lời cho người này như thế nào? hãy viết vào vở của bạn.

### Sự Phân Chia Thời Gian

Nhiều sử gia Hội thánh đã nhận định rằng lịch sử Cơ Đốc Giáo giống như chiếc áo dài không có đường may của Đấng Christ. Điều họ muốn nói ấy là có một dòng các sự kiện liên tục không bị ngắt đoạn. Một sự kiện này dẫn đến một sự kiện khác. Các biến cố trong cuối thế kỷ này góp phần vào các sự kiện trong thập niên vừa qua. Các biến cố trong mười năm trước tác động đến những điều đang diễn ra trong năm nay.

Để giúp chúng ta hiểu và nhớ các sự kiện, các sử gia cố gắng sắp xếp chúng thành từng nhóm thời gian. Các sử gia không đồng ý với nhau về cách phân chia nào là tốt nhất. Thực ra, các sự kiện trong quá khứ có thể được chia ra theo niên đại (theo thời gian), theo địa dư (theo không gian), hoặc theo đề tài. Hình sau đây được một số sử gia Hội thánh gợi ý trình bày thứ tự các biến cố theo niên đại.

33 100 313 590 1054 1305 1517

Hãy xem bảng mục lục ở phần đầu tập tài liệu nghiên cứu này. Bạn sẽ thấy các đơn vị được chia theo niên đại. Hãy chú ý nơi các sự phân chia theo địa dư hoặc theo chủ đề được gợi ý bằng những tựa bài hoặc những tiêu đề riêng lẻ.

**LƯU Ý:** Đôi khi đặc biệt trong những ngày đầu của Hội thánh, những niên hiệu về ngày sinh hoặc tử không thể xác định chính xác được. Chúng tôi cho biết những niên hiệu gần đúng bằng chữ C.

22. Hãy sắp xếp những vấn đề lệ thuộc (bên trái) phù hợp với phương pháp thích hợp trong việc sắp xếp (bên phải)

...a. Phong trào chung theo thời gian từ Đấng Christ đến hiện nay.

...b. Sự bành trướng của Cơ Đốc Giáo bắt đầu từ Giêrusalem hay từ Rôma

...c. Các nhà lãnh đạo khác nhau của Hội thánh đầu tiên.

**Nguyên Nhân Lịch Sử**

Sử gia luôn đề cập đến nguyên nhân và ảnh hưởng lịch sử khó dẫn đến kết luận về quá khứ. Ông ta phải cẩn thận trong việc phỏng định rằng sự kiện thứ nhất là nguyên nhân cho sự kiện thứ nhì chỉ vì có sự kiện thứ nhì xảy ra sau sự kiện thứ nhất. Điều này dường như là một khuynh hướng chung trong chúng ta. Nếu có người nói "Tôi đi ra ngoài trời và trời mưa", chúng ta sẽ không kết luận rằng việc người đó đi ngoài trời gây cho trời mưa. Tuy vậy, chúng ta thường có những phỏng định sai lầm như thế đối với nhiều loại sự kiện khác.

Sử gia phải nhớ rằng Đức Chúa Trời đang điều khiển thế giới của Ngài, và vì vậy, Ngài gây nên các sự kiện. Đúng hơn là Ngài sử dụng sự can thiệp cách phi thường hay một cách siêu nhiên. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời thường hành động qua các nguyên nhân thuộc thể bình thường. Có thể Đức Chúa Trời sử dụng một tình trạng kinh tế đặc biệt để đem lại một kết quả thuộc linh chẳng hạn. [Cong Cv 3:1, 4](#) cho chúng ta biết các Cơ Đốc nhân lánh khỏi Giêrusalem vì cơn bất bố (nguyên nhân), nhưng họ đã đem Tin lành đi mọi nơi (kết quả). Sử gia phải công nhận rằng có thể có một số các nguyên nhân góp phần vào một phản ứng đặc biệt hoặc một ảnh hưởng đặc biệt cuối cùng, sử gia phải xem xét ảnh hưởng của ý chí tự do của con người trên quá trình xảy ra các sự kiện.

23. Giả sử bạn đang làm chứng cho một người nói rằng người ta trở thành Cơ Đốc nhân vì họ nghèo. Bạn sẽ trả lời như thế nào? Hãy viết vào vở của bạn.

24. Hãy định nghĩa nguyên nhân lịch sử và các mối nguy hiểm cần phải tránh khi cố gắng xác định các nguyên nhân.

**SỰ QUÂN BÌNH TRONG HỘI THÁNH**

Đời sống của Hội thánh, giống như đời sống của một cá nhân tín đồ, phải có sự quân bình. Hội thánh phải làm cho thỏa mãn nhu cầu về cảm xúc, hành động, và lý trí. Hình vẽ sau thể hiện mức quân bình cần thiết.

**ĐẦU TAY**



## TIM

Trái tim là chiếc ngai của cảm xúc. Đây là phần vô hình trong đời sống Cơ Đốc của chúng ta. Nó gồm có lòng thành kính, sự cầu nguyện và sự ca ngợi của cá nhân. Nó gồm có sự đầu phục Đức Chúa Trời của chúng ta và sự vâng phục Đức Thánh Linh. Nó nhắm vào từng trải cảm xúc của chúng ta.

Đầu là ngai của lý trí, trí tuệ. Đây là phần vô hình trong đức tin Cơ Đốc của chúng ta. Nó nói đến lý trí của chúng ta tuyên ngôn về thần học của chúng ta, và luận lý của chúng ta. Nó tập trung vào những gì chúng ta suy nghĩ về Đức Chúa Trời.

Tay tượng trưng cho hành động. Đây là sự phục vụ hay công việc mang tính chủ động của chúng ta vì có Chúa. Đời sống, đạo đức và chức vụ hầu việc của chúng ta là các phương diện trong sự phục vụ của chúng ta. Bằng hành động, chúng ta (Hội thánh) phải chứng tỏ và tuyên bố đức tin của Phúc Âm.

Luôn luôn có mối nguy hiểm của sự mất quân bình xảy ra khi một người nhấn mạnh đến từng trải cảm xúc do bị mất đi nội dung thần học hay sự phục vụ tích cực. Tương tự, cũng có mối nguy hiểm của sự mất quân bình đối với những Cơ Đốc nhân sống bằng lý trí và các chi tiết trong nền thần học của mình, nhưng thất bại trong việc sống một đời sống đạo đức hay sống đầu phục Chúa. Cuối cùng, sự mất quân bình được tạo ra do người nói rằng những gì mà mình tin về Chúa và từng trải của mình với Ngài là không quan trọng bằng công tác phục vụ Cơ Đốc. Dù đang bận rộn phục vụ người khác, người này vẫn thất bại trong việc đạt đến một đời sống tráng kiện quân bình để làm sáng danh Chúa. Chúng ta không thể thiếu một phần nào trong đời sống Cơ Đốc, cũng không thể quá nhấn mạnh một phần nào mà bỏ mất đi các phần khác. Đức Chúa Trời cần hết thảy chúng ta! Đức Chúa Trời cần sức lực của chúng ta như cần sức mạnh của tinh thần và sức mạnh tình cảm của chúng ta.

Khi chúng ta cùng nghiên cứu lịch sử Hội thánh, chúng ta sẽ khám phá ra những con người hoặc những phong trào đã nhấn mạnh hoặc đã thiếu sót một hay nhiều phương diện này trong đời sống Cơ Đốc: Đầu, Tim, Tay. Ví dụ: Một số các phong trào phục hưng đã nhấn mạnh đến phương diện tim (cảm xúc) và thiếu sót phương diện đầu (giáo lý, hay thần học). Thường thường, sự tăng trưởng và hiệu quả của Hội thánh đã phải chịu điều này. Sự công nhận cuộc đấu tranh không ngừng này để được quân bình sẽ đem lại cho bạn bí quyết để giúp bạn hiểu và giải thích lịch sử Hội thánh một cách tốt hơn.

25. Giả sử bạn được yêu cầu phát biểu cho những nhóm giáo viên trong nhiều Hội thánh khác nhau. Mỗi nhóm đều thiếu quân bình. Hãy xếp lĩnh vực cần được quân bình (bên phải) cho phù hợp với mỗi nhóm giáo viên (bên trái)

.....a. Họ hăng hái phục vụ trong Hội thánh nhưng đa số luôn phê bình lẫn nhau.

.....b. Họ rất thông thạo Kinh Thánh, nhưng miễn cưỡng dâng hiến thời gian của họ để dạy dỗ.

.....c. Dường như họ quan tâm nhiều đến học viên nhưng có rất ít biến đổi trong

kiến thức của học viên về Kinh Thánh

26. Một số Cơ Đốc nhân cảm thấy họ phải rút lui khỏi mọi mối giao tiếp với thế giới này để dâng mình vào sự cầu nguyện, nghiên cứu Kinh Thánh và thần học. Điều nào không quân bình đối với những người này

.....

.

.....

.

Trong bài học này, chúng ta đã lập nền tảng để xác định những gì chúng ta muốn nói về từ "lịch sử" và lịch sử liên quan thế nào đến đức tin của chúng ta nơi Chúa Jesus Christ. Chúng ta đã xác minh rằng Hội thánh là gồm cả thân thể của Đấng Christ và cả tổ chức thuộc thể bao gồm (nhưng không phải toàn bộ là) Hội thánh như cơ thể bên trong. Chúng ta đã thiết lập một số quy tắc cho chúng có lịch sử, việc phân chia của lịch sử và nguyên nhân lịch sử. Cuối cùng, chúng ta thấy tầm quan trọng của sự quân bình giữa lý trí, cảm xúc, hành động của chúng ta. Chúng ta hãy cầu xin Đức Chúa Trời đem đời sống chúng ta vào trong sự quân bình đẹp lòng Ngài.

Bài tự trắc nghiệm.

Sau khi đã ôn lại bài này, hãy làm bài tự trắc nghiệm. Sau đó, kiểm tra câu trả lời của bạn với phần giải đáp đã cho trong tập học viên. Hãy ôn lại bất cứ câu hỏi nào bạn trả lời không đúng.

**TRẢ LỜI NGẮN** . Hãy trả lời các câu hỏi sau càng ngắn càng tốt .

1. Cho biết sự khác biệt giữa lịch sử như là kết quả với lịch sử như là tiến trình?
2. Sự việc Đức Chúa Trời sai Chúa Jêsus Con Ngài bước vào cõi thời gian và không gian trong một số năm cụ thể tác động như thế nào đến thái độ của Cơ Đốc Nhân đối với lịch sử?

**CÂU CHỌN LỰA** . Mỗi câu hỏi có một câu trả lời đúng nhất . Hãy khoanh tròn mẫu tự đứng trước câu trả lời bạn chọn.

3. Trái với giới Phi Cơ Đốc Giáo, giới Cơ Đốc bao hàm điều sau đây vào trong định nghĩa của họ về lịch sử.
  - a. Đó là bản ký thuật về các sự kiện trong quá khứ.
  - b. Đó là một bản ký thuật về những mối giao tiếp của Đức Chúa Trời và loài người.
  - c. Đó là môn nghiên cứu về các sự kiện trong quá khứ.
  - d. Đó là thời gian đang tự lặp lại.
4. Ý nghĩa của từ "Hội thánh" không nằm trong Kinh Thánh ấy là:
  - a. Một tổ chức.
  - b. Một cơ thể.
  - c. Một ngôi nhà thờ.

- d. Tất cả các câu trên.
5. Giáo trình này sẽ nhấn mạnh đến Hội Thánh như là một:
- Nhóm trên toàn cầu.
  - Hội chúng địa phương.
  - Một giáo phái riêng biệt.
  - Tất cả các câu trên.
6. Các sử gia nghiên cứu qua việc sử dụng các thông tin thu thập từ:
- Các nguồn chính yếu.
  - Các nguồn thứ yếu.
  - Các đầu mối của ngành khảo cổ.
  - Tất cả các câu trên.
7. Các chứng cứ chính yếu liên quan đến lịch sử mâu thuẫn với chứng cứ thứ yếu, cách tốt nhất thường chấp nhận chứng cứ đúng chính là:
- Chứng cứ thứ yếu.
  - Chứng cứ chính yếu.
  - Không chấp nhận chứng cứ nào cả.
  - Chứng cứ nào được bạn thu nhận trước nhất.
8. Hãy sắp xếp các phương diện của Hội Thánh (bên phải) phù hợp với các đặc tính (bên trái)
- Một cơ thể sống.
  - Bản chất hữu hình.
  - Hình thức tổ chức.
  - Bản chất vô hình.
  - Thân thể của Đấng Christ.
9. Hãy xếp loại (bên phải) phù hợp với phương pháp thích hợp trong việc phân chia các sự kiện trong quá khứ (bên trái)
- Theo không gian
  - Theo chủ đề
  - Theo thời gian
10. Hãy sắp xếp các biểu tượng (bên phải) phù hợp với các phương diện trong đời sống của một cá nhân và của Hội thánh cần được quân bình (trái)
- phục vụ tích cực
  - từng trải trong cảm xúc
  - những suy nghĩ của lý trí

Giải đáp các câu hỏi nghiên cứu .

14. Câu trả lời của bạn. Là một cơ thể, Hội Thánh đang sống, đang tăng trưởng, chủ động và sinh sản. Là một tổ chức, Hội thánh được xem như là một tổ chức hữu

hình, thuộc thể và có cấu trúc.

1. Câu trả lời của bạn.

15. Đó là lỗi của những người không đồng đi cùng Đức Chúa Trời mà đáng ra, họ đã phải đồng đi với Ngài.

2. a. 2) Kết quả

b. 1) Tiến trình.

16. Cỗ lòng sẽ bị loại ra khỏi lúa mì trong sự đoán xét của Đức Chúa Trời.

3. a 2 (Toàn bộ những phần trong một tiến trình không nhất thiết phải được dự tính trước.)

b 1

c 2

17. a 1) Bên ngoài

b. 2) Bên trong.

c. 3) Cả hai.

4. Các câu này mô tả khởi đầu của lịch sử. Cơ đốc giáo tin rằng các sự kiện đó thực sự đã xảy ra. Chúng là lịch sử. Cơ đốc nhân rất xem trọng lịch sử vì Đấng Christ là một phần của lịch sử.

18. Câu trả lời của bạn có thể gồm các buổi chuyện trò với các bậc trưởng lão, các cuộc phỏng vấn nam hoặc nữ tín hữu sau thế hệ tín đồ đầu tiên của phong trào Ngũ Tuần, các tư liệu do các nhà lãnh đạo soạn ra, các bài viết trong các tác phẩm hoặc các tạp chí nói về đề tài này, và các lời bản ký thuật về các bia mộ ghi ngày tháng năm sinh và qua đời của các tín hữu. (Danh sách này chưa đầy đủ.)

5. Nếu sự phục sinh của Đấng Christ không xảy ra, sứ điệp Cơ đốc vô nghĩa, đức tin hoá ra vô hiệu, và sự cứu chuộc không thể thực hiện được. Điều quan trọng là Đấng Christ có sống lại từ kẻ chết hay không.

19 a. Trò chuyện với các bậc trưởng lão, các tư liệu do các nhà lãnh đạo soạn ra.

b. Phỏng vấn những người nam hoặc người nữ trong thế hệ tín hữu đầu tiên của phong trào Ngũ tuần, các bài viết trong các tác phẩm hoặc trong các tạp chí nói về đề tài này.

c. Các bản ký thuật từ các bia mộ ghi lại ngày tháng năm sinh và sự qua đời của các tín hữu.

6. Cơ đốc nhân sẽ không có sứ điệp về Tin Lành; sẽ không thể có những nhà truyền giáo.

20. Chứng cứ chính yếu là những cuộc trò chuyện với các tín hữu trong khu vực của bạn: chứng cứ thứ yếu là tác phẩm kia. Bạn sẽ phải chấp nhận chứng cứ chính yếu là đúng sự thật.

7. Cõi đời đời và cõi thời gian (những năm) khác nhau đến nỗi không thể nào đem so sánh với nhau được. (câu trả lời của bạn phải tương tự, nhưng không nhất thiết phải giống nhau từng lời.)

21. Câu trả lời của bạn. Có thể bạn đề xuất Cơ đốc nhân nhìn biết rằng có nhiều

người ác trong thế gian này, nhưng Đấng Christ đã chết thay cho người ác. Đức Chúa Trời đang hành động qua những sự kiện để đến cuối cùng đem lại vinh hiển cho chính Ngài.

8. Cơ đốc nhân cần phải có thái độ rất tích cực vì Đức Chúa Trời đã tạo ra muôn vật, hành động trong muôn vật và sẽ qui muôn vật về vinh hiển Ngài trong Đấng Christ.

22. a 1) Theo niên đại

b. 2) Theo địa dư

c. 3) Theo đề tài.

9. a. 2

b.1

c.2

d.1

23. Câu trả lời của bạn. Dù có một số người trở thành Cơ đốc nhân vì động cơ kinh tế, thì cũng có những người giàu có trở thành Cơ đốc nhân. Tình trạng nghèo nàn không phải là nguyên nhân duy nhất. Người ta đến với Đấng Christ vì họ có nan đề tội lỗi mà chỉ có Đấng Christ mới có thể giải quyết cho họ được.

10. Câu trả lời của phải bao gồm ý nói rằng lịch sử là bản ký thuật về sự giao tiếp của Đức Chúa Trời với con người trong cõi thời gian và không gian. Sự giao tiếp này của Đức Chúa Trời được minh họa rõ nhất trong công cuộc cứu chuộc do Chúa Jêsus Christ đem đến.

24. Nguyên nhân lịch sử liên quan đến việc xác định xem các biến cố hoặc hoàn cảnh nào dẫn đến những sự kiện hay những kết quả nào khác. Người ta phải tránh việc vội vàng đi tới kết luận, phải nhớ rằng Đức Chúa Trời đang tể trị, công nhận rằng có nhiều nguyên nhân, và xem xét ảnh hưởng của ý chí tự do.

11. Người ấy thiếu xót trong phương diện phổ thông, vì Hội thánh gồm có những người tin Chúa thật lòng từ trong tất cả mọi nhóm.

25. a 1) Tim

b 2) Tay

c. 3) Đầu.

12. Hội thánh là thân thể của Đấng Christ.

26. Câu trả lời của bạn. Họ đang bỏ qua sự chăm sóc phục vụ người khác để có được tri thức và sự công bình của bản thân họ. Thiếu tình yêu thương và sự quan tâm đến người khác cho thấy rằng họ có sự quan tâm quân bình thích hợp giữa tay và tim.

13. Hội thánh là thân thể của những kẻ tin, là những người có nhiều chức năng riêng biệt nhưng tùy thuộc vào người khác, phục dưới Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm đầu Hội thánh. Câu trả lời của bạn sẽ tương tự như câu này.

## BÀI HỌC 2: Thời Đại các Sứ Đồ

Luca, một thầy thuốc đã viết sách Công vụ trong Tân ước và vì vậy, ông trở thành sử gia đầu tiên của Hội thánh. Nếu không có bản ký thuật của ông, chúng ta sẽ biết rất ít thông tin trong những năm đầu tiên của Hội thánh. Sách Công vụ bắt đầu với sự thăng thiên của Đấng Christ và kết thúc với việc Phao Lô bị giam giữ tại Rôma mà vẫn bận rộn truyền bá Tin lành của Phúc âm.

Giữa hai biến cố đó, Luca lần theo sự bành trướng của Hội thánh. Sách Công vụ cho thấy mạng lệnh Chúa truyền phải làm những chứng nhân tại Giêrusalem, cả xứ Giuđê, xứ Samari, cho đến cùng trái đất ([Cong Cv 1:8](#)) đã được ứng nghiệm như thế nào bởi các môn đồ đã được ủy nhiệm trong thế kỷ đầu tiên, cũng như mạng lệnh ấy tiếp tục được ứng nghiệm trong ngày nay vậy.

Khi học bài này, bạn hãy tạ ơn Đức Chúa Trời vì các ân tứ khác nhau Ngài đã ban cho Hội thánh. Hãy chúc tụng Ngài vì Ngài đã chuẩn bị các sự kiện trong lịch sử. Hãy thờ phượng Ngài vì ngày nay, Ngài vẫn không hề thay đổi.

Nền Tảng của Hội thánh

Bản Chất Của Ân Tứ

Hình Thức Tổ Chức

Kỳ Đã Trọn

Sự Tăng Trưởng của Hội thánh

Việc Truyền Bá Cơ Đốc Giáo

Chức Vụ của Sứ Đồ Phao Lô

Khi học xong bài này, bạn sẽ có thể:

Ừ Mô tả các phương diện về ân tứ và tổ chức của Hội thánh thời các sứ đồ.

Ừ Mô tả các yếu tố của "kỳ đã trọn" đối với việc hình thành Hội thánh.

Ừ Tóm tắt những sự đóng góp của các sứ đồ và sự phát triển lúc ban đầu của Hội thánh.

Ừ Lần theo sự bành trướng của Hội thánh qua chức vụ của Phao lô.

1. Đọc cẩn thận đoạn mở đầu bài học, dàn bài, và mục tiêu bài học.
2. Kiểm tra trong phần từ vựng ở cuối tài liệu về định nghĩa của các từ then chốt nào mới lạ được liệt kê ra bên dưới.
3. Nghiên cứu tuần tự từng đoạn trong phần khai triển bài học, trả lời các câu hỏi nghiên cứu rồi kiểm tra chúng với các câu giải đáp đã cho.
4. Làm bài tự trắc nghiệm ở cuối bài học, kiểm tra câu trả lời của bạn với câu giải đáp trong tập học viên, và ôn lại bất cứ điều nào bạn trả lời sai.
5. Làm theo chỉ dẫn đã cho sau phần bài tự trắc nghiệm để ôn Đơn vị 1 và làm phần Đánh Giá Tiến Bộ Đơn Vị 1.

Các Sứ đồ

Giám mục  
Có ân tứ  
Cộng đồng Cơ Đốc giáo  
Tín điều  
Phân tán  
Dân ngoại bang  
"Những kẻ kính sợ Đức Chúa Trời"

## NỀN TẢNG CỦA HỘI THÁNH

Vào ngày lễ Ngũ tuần, khoảng 120 môn đồ của Chúa Jesus đã nhóm lại tại Giêrusalem để chờ đợi và cầu nguyện. Thành linh, họ nghe một âm thanh giống như tiếng gió ào ào. Có cái gì giống như lưỡi bằng lửa xuất hiện trên đầu của mỗi người. Họ bắt đầu nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Những người này đã được đầy đầy Đức Thánh Linh. Bạn có thể đọc toàn bộ câu chuyện Luca viết về việc Thánh Linh khởi tuôn đổ trên các môn đồ của Chúa Jesus chép trong Công vụ đoạn 1 và đoạn 2.

Viên đá móng của Hội thánh là Đức Chúa Jesus Christ. Như Phierơ đã nói trong bài giảng cho đám đông trong ngày Lễ Ngũ tuần, ([2:22-36](#)) các lời Tiên tri trong Cựu ước về Đấng Mêsi đã được ứng nghiệm qua đời sống, chức vụ, sự chết và sự phục sinh của Chúa Jesus Christ.

Nếu không có Chúa Jesus thì cũng không có Hội thánh. Công tác của Chúa Jesus là phải chịu đau đớn, chịu chết và sống lại để đem sự cứu rỗi đến cho những ai tiếp nhận sự cứu rỗi. Sứ điệp của Ngài khi còn ở trên đất này là nói về vương quốc của Đức Chúa Trời. Ngài cũng làm nhiều phép lạ để chứng tỏ Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Qua suốt chức vụ của Ngài, chúng ta thấy Chúa Jesus đã được mặc lấy quyền phép của Đức Thánh Linh. Ngài "cậy Đức Thánh Linh" mà răn dạy các môn đồ ([1:1-2:47](#)). Trước khi về trời, Ngài truyền họ phải chờ đợi trong thành Giêrusalem cho đến khi họ được báp tem bằng Đức Thánh Linh ([1:4](#)). Sau khi chờ đợi, và chỉ khi đó, họ mới mặc lấy quyền phép để tiếp tục chia sẻ Tin lành về Christ phục sinh cho đến đầu cùng đất. Một sử gia Hội thánh mô tả rằng một Hội thánh thật là Hội thánh có Đấng Christ làm nền tảng và Đức Thánh Linh là Đấng sáng lập (Cairns, trang 58).

Chúa Jesus đã chỉ dạy cho các môn đồ Ngài biết về công tác của Đức Thánh Linh. Hãy đọc [GiGa 14:16-18](#), [26](#); [15:26-27](#) và [16:7-15](#). Đức Thánh Linh sẽ cư trú vĩnh viễn trong những ai thực lòng tin cậy nơi Chúa Jesus. Hội thánh là thân thể của Chúa Jesus phải được mặc lấy quyền năng bởi Đức Thánh Linh. Vì vậy, các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã tiến đến chỗ công nhận Đức Thánh Linh là một thân vị hằng sống.

Nhiều người đã nhận định rằng, trong Tân ước, tên hay hơn dành cho sách "Công

vụ các sứ đồ" ấy là "Công vụ của Đức Thánh Linh làm qua các sứ đồ". Trong suốt sách Công vụ, chúng ta đã đọc bản kỹ thuật về công tác của Đức Thánh Linh.

1. Hãy đọc bài giảng của Phero trong [Cong Cv 2:14-39](#). ý tưởng chính của ông là gì?

.....  
.  
.....  
.

2. Hãy đọc mỗi câu sau và ghi ra thật vắn tắt những gì Chúa Jesus nói Đức Thánh Linh sẽ thực hiện trên thế gian

a. [GiGa 14:26](#)

b. [Cong Cv 1:8](#)

c. [GiGa 16:8](#)

d. [16:13](#)

3. Hãy chọn câu trả lời đúng nhất. Vào ngày lễ Ngũ tuần, công tác của Thánh Linh ([Cong Cv 2:41](#)) ấy là khoảng

a. 100 người được cứu

b. 1000 người được cứu.

c. 300 người được cứu

d. 3000 người được cứu.

4. Các Cơ Đốc nhân mới tin Chúa đó, họ đã làm gì ([2:41-42](#))?

.....  
.  
.....  
.

5. Hãy liên hệ giữa công tác của Thánh Linh với công tác của Đấng Christ trong việc sáng lập Hội thánh.

.....  
.  
.....  
.

Hình thức tổ chức

Chúng ta thấy cả bản chất của ân tứ (công tác của Đức Thánh Linh) và bản chất của tổ chức Hội thánh thật rất quan trọng. Trong suốt lịch sử Hội thánh, nhiều lần chúng ta thấy một trong những phương diện này bị quá nhấn mạnh và xao lãng phương diện kia. Kết quả của sự mất quân bình đó luôn luôn là kết quả đáng buồn. Giống như một Cơ Đốc nhân phải được quân bình giữa đầu, tim, tay thì Hội thánh cũng phải được quân bình giữa những phương diện vô hình (ân tứ) và hữu hình (tổ chức). Chúng ta thấy sự quân bình đó được thiết lập trong Hội thánh đầu tiên.

Trong khi chờ đợi Đức Thánh Linh trong thành Giêrusalem, các môn đồ đã tổ chức



một số công tác để củng cố cơ cấu nhóm của họ. Họ chọn một sứ đồ khác, Mathia để điền vào chỗ trống của Giuda ([1:15-26](#)). Họ đã nhận ra nhu cầu trong một số tổ chức để đem lại tình trạng ổn định và liên tục cho Hội thánh.

Tiếp sau ngày lễ Ngũ tuần, các thành viên của Hội thánh non trẻ này bắt đầu chia sẻ của cải cho nhau, cùng nhóm nhau lại để dạy dỗ, thông công, bẻ bánh và cầu nguyện chung với nhau. Các sứ đồ tiếp tục được Đức Chúa Trời dùng để làm nhiều phép lạ. Mỗi ngày Đức Thánh Linh đã cáo trách nhiều người để họ ăn năn và tiếp nhận Jesus làm Cứu Chúa của mình. Hãy đọc câu chuyện nói về công tác của Thánh Linh và các loại tổ chức đặc trưng cho một Hội thánh tăng trưởng nhanh chóng được chép trong Công vụ 2-6.

Công tác của Hội thánh đã gặp phải sự chống đối từ bên ngoài. Phierơ và Giăng đã bị nhốt vào ngục và bị đánh đập. Tuy nhiên, như [4:31](#) cho biết sự tin cậy đứng đắn vào sự hướng dẫn và sự ban cho quyền phép của Đức Thánh Linh đã khiến cho Hội thánh đầu tiên có năng lực để bắt đầu làm trọn mục đích làm chứng nhân cho toàn thế giới.

Ngoài sự chống đối từ bên ngoài, Hội thánh trẻ thời các sứ đồ đã bắt đầu đối diện với các nan đề từ bên trong. Những người mới qui đạo tại Giêrusalem đã được Thánh Linh nhắc nhở phải chia sẻ của cải của mình ([4:32-37](#)). Khi số người tăng lên, điều này đã trở nên khó khăn hơn trong khi phân phát vật dụng để chăm sóc những nhu cầu của mọi người. Một số người cảm thấy bị bỏ bê. Các sứ đồ thấy rằng họ không còn có thể vừa trông nom việc cấp phát quan trọng này mà vẫn không xao nhãng việc giảng đạo được. Các sứ đồ đã lập ra một ban chấp sự để trông nom nhu cầu vật chất cho các tín đồ. ([6:1-7](#)).

Sau này, sứ đồ Phao lô đã liệt kê các tư cách, phẩm chất của các chấp sự trong một số thư tín của ông ([ITi1Tm 3:8-15](#)). Trong các thư tín Mục vụ (I, IITimôthê và Tít), ông đã chỉ dạy cho toàn thể Hội thánh về trật tự cũng như tư cách, phẩm chất của các ban trong Hội thánh. Ông đã nhấn mạnh nhu cầu thờ phượng có trật tự, ngay cả khi các ân tứ của Đức Thánh Linh đang được thể hiện ([ICo1Cr 14:26-40](#)) Một ban thứ nhì trong Hội thánh đầu tiên đó là các trưởng lão (presbuteros) hay là giám mục (episkopos). Ban này được đề cập đến nhiều lần trong Tân ước (như trong [20:17, 28](#); [Phi Pl 1:1](#); [Tit Tt 1:5-9](#)). Dường như từ ngữ "trưởng lão" hay "giám mục" có thể được sử dụng thay thế lẫn nhau để nói đến một người trông nom cai quản. Người trông nom cai quản là người chăn của bầy chiên. Người ấy chịu trách nhiệm về phần nhu cầu thuộc linh của tín hữu. Theo dòng thời gian, khuynh hướng phát triển này đã đánh giá người làm giám mục là cao hơn các thành viên trưởng lão của mình. Chúng ta sẽ thấy trong lịch sử Hội thánh về sau, phẩm trật của các ban này trở nên rất tỉ mỉ. Cuối cùng, chúng ta nên lưu ý rằng phụ nữ đã đóng vai trò lãnh đạo trong Hội thánh đầu tiên ([ITi1Tm 3:10-11](#); [Cong Cv 21:9](#); [RoRm 16:1](#)).

Tóm lại, Hội thánh đầu tiên đã từng trải cả các phép lạ lẫn sự chống đối. Các tín

hữu đã được đầy đầy Đức Thánh Linh. Đi đến đâu, họ cũng nói về những điều Chúa Jesus đã làm. Ngọn lửa của một "đạo mới" đã lan ra. Khi đó, Hội thánh đang phát triển này đã tổ chức để giải quyết các nhu cầu của Hội thánh.

6. Hình thức tổ chức của Hội thánh thời Tân ước được:

- a. Chúa Jesus nêu ra trong các lời Ngài răn dạy các môn đồ.
- b. Sứ đồ Phao lô lập ra trước tiên trong các sách Thư tín Mục vụ.
- c. Các sứ đồ khởi xương khi nhu cầu vấn đề này xuất hiện.
- d. Đức Thánh Linh phác thảo.

7. Một số người tranh luận rằng sự thanh khiết của Hội thánh đầu tiên đã bị sự tổ chức làm cho hư hoại. Một số khác tranh luận rằng một tổ chức vững mạnh, cụ thể đã được Tân ước dạy dỗ cho chúng ta. Hãy giải thích xem Hội thánh đầu tiên đã tránh mỗi nguy hiểm của việc tổ chức quá nhiều hoặc quá kém như thế nào.

Hãy viết vào vở của bạn.

8. So sánh các phẩm chất và các chức năng của các trưởng lão và các chấp sự. (hãy tham khảo các câu Kinh thánh được đề cập trong đoạn trên đây)

.....  
....  
.....  
....

## KỶ ĐÃ TRỌN

Phao Lô viết cho các Hội thánh tại Galati rằng: "Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài..." ([GaGl 4:4](#)). Nhiều sử gia Hội thánh nhìn thấy kỳ đã trọn trong thế gian này khi Chúa Jesus giáng sinh. Họ cảm thấy rằng thế giới đã được chuẩn bị sẵn cho sự kiện trọng đại này. Không còn nghi ngờ gì nữa, nhiều nhân tố ở thời điểm đó trong lịch sử đã góp phần vào sự bành trướng mau lẹ sau này của Hội thánh.

Trước hết, toàn bộ vùng Địa Trung Hải, kể cả những vùng của Châu phi, Châu á, Châu âu (tiếp giáp với Palestine) đều thuộc về Đế quốc Lamã, dưới sự cai trị thống nhất, có nghĩa là sự thống nhất trong nhân loại chưa từng có trước đây. Có sự hòa bình. Người Rôma mở rộng quyền công dân cho người không phải là dân Lamã. Họ làm những con đường rất tốt nối liền các thành phố có vị trí chiến lược trong Đế quốc. Đường giao thông trên biển không bị nạn hải tặc. Việc đi lại rất dễ dàng và khá nhanh chóng. Không giống như ngày nay, họ không cần dấu thị thực hay hộ chiếu gì cả. Các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã có thể tận dụng các điều kiện đi lại thuận tiện đó mà đi bất cứ nơi nào để công bố về Đấng Christ phục sinh.

Thứ hai, ảnh hưởng của nền văn minh Hylạp, lan ra từ A-thên, đã đánh dấu khắp toàn lãnh thổ. Tiếng Hylạp đã là ngôn ngữ thứ hai cho dân chúng trong toàn đế quốc. Nó là ngôn ngữ giao tiếp mang tính quốc tế. Ngôn ngữ phổ thông này cho phép Phao lô giảng khắp các miền Tiểu-Á và ở Châu Âu chỉ bằng một ngôn ngữ thôi. Ông viết các lá thư cho các Hội thánh bằng tiếng Hylạp, kể cả Hội thánh ở

Rôma, nơi tiếng Latinh là ngôn ngữ trước nhất. Thực ra, hầu hết các sách trong Tân ước trước hết đã được viết bằng tiếng Hylạp. Những người Giuđa định cư ở Alexandria, Aicập đã làm cho Cựu ước trở nên hữu dụng cho mọi người bằng cách viết lại bằng tiếng Hylạp.

Chủ nghĩa duy trí thức Hylạp đã tạo ra một ảnh hưởng được truyền bá rộng rãi trong triết lý hoặc trong việc theo đuổi sự khôn ngoan. Con người luôn tìm câu giải đáp cho thắc mắc cơ bản: Tôi là ai? Tôi hiện hữu để làm gì? Có sự sống bên kia phân mộ hay không? Chủ nghĩa duy trí thức Hylạp đã hủy hoại nhiều sự ủng hộ cổ hủ của các tôn giáo thuộc về đa thần giáo. Tuy nhiên, với lý luận của nhân loại không thôi thì không thể làm thỏa mãn sự khao khát trong tâm linh. Dân chúng đã sẵn sàng tìm kiếm Đức Chúa Trời và để có được mối tương giao riêng tư. Nói chung, họ đã mất lòng tin nơi triết lý và đã sẵn sàng cho Ngôi lời đến từ Thiên đàng.

Thứ ba, và là điều quan trọng nhất, Do thái giáo đã dọn đường cho Đấng Christ đến. Cựu ước đã nói trước về sự xuất hiện của Đấng Mêsi - Đấng chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời. Tôn giáo của người Do thái đã thiết lập một chủ nghĩa độc thần hoàn chỉnh. Nó đưa ra các tiêu chuẩn đạo đức cao mà sau này đã hấp dẫn một đế quốc được đặc trưng bằng một tình trạng cực kỳ đồi bại. Chủ nghĩa luật pháp của luật pháp Môise đã không làm thỏa mãn các nhu cầu thuộc linh. Nhiều người như Xachari, Elisabét, Simêôn và Anna ([LuLc 12:25-28](#)) đang khao khát mãnh liệt một Đấng Cứu thế. Đời sống, chức vụ, sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ đã ứng nghiệm đến từng chi tiết các lời tiên tri trong Cựu ước.

Cuối cùng, người Do thái đã bị tản lạc trong khắp đế quốc Lamã thành những vùng định cư lớn trong các thành phố trọng yếu như Alecxanđơ, Antiôt, Tạtơ, Êphêô và Rôma. Đi đến đâu họ cũng xây dựng nhà hội để thờ phượng và răn dạy. Họ thuyết phục những người không phải dân Do thái theo Do thái giáo; những người được gọi là "người kính sợ Đức Chúa Trời". Các nhà hội này, các người Do thái và những người kính sợ Đức Chúa Trời là các mục tiêu trước tiên cho việc truyền bá Phúc âm trong toàn đế quốc. Các môn đồ của Chúa Jesus tự nhiên vào trong nhà hội để công bố các điều đã xảy ra. Họ giải thích rằng những niềm hy vọng của dân Do thái về Đấng Mêsi đã được ứng nghiệm trong sự xuất hiện của Đấng Christ. Như chúng ta sẽ thấy, trong khi nhiều người Do thái tiếp nhận sứ điệp này, vẫn có nhiều người khác không chịu tiếp nhận. Trong khi đó, nhiều dân ngoại bang đã tiếp nhận sứ điệp này. Công tác của Đức Chúa Trời hay những việc tiếp xúc với những cá nhân đã mang tính phổ thông.

9. Nếu Đức Chúa Trời đã sai Chúa Jesus đến thế gian vào một thời điểm chính xác trong lịch sử ([GaGl 4:4](#)), việc này gợi lên điều gì về mối tương quan của Đức Chúa Trời đối với các vấn đề của nhân loại?

.....

....



tin chân chính. Không muốn thỏa hiệp Cơ Đốc giáo với Do thái giáo. Ông đã tuyên bố rằng Cơ Đốc giáo mang tính phổ thông. Cơ Đốc giáo phải bị đối xử khác biệt từ phía luật lệ. Đền thờ người Do thái là luật lệ ban các đặc quyền tôn giáo cho dân tộc này cao hơn các dân tộc khác ([Cong Cv 6:8-8:3](#)).

Sự bắt bớ Êtiên và sự chết của ông dẫn đến việc các Cơ Đốc nhân người Hêlênit phân tán ra từ Hội thánh Giêrusalem. Khi chạy khỏi thành phố này, họ đã đem theo sứ điệp Tin lành đi khắp mọi nơi trong miền Giu đê và Samari: Đây là một yếu tố trọng yếu trong việc ứng nghiệm [1:8](#). Các sứ đồ vẫn lưu lại tại Giêrusalem vì trách nhiệm, nơi không bị nghi ngờ gì về người Hêbơơ thuần chủng còn lưu lại trong suốt thời đại các sứ đồ.

Philíp, cũng là một trong bảy chấp sự đầu tiên đã trở thành người giảng Tin lành đầu tiên ([8:4-40](#)). Ông đã giảng đạo trong xứ Samari, nơi dân chúng không phải là dân Do thái thuần chủng. Nhiều người đã tiếp nhận Đấng Christ. Khi các sứ đồ ở Giêrusalem nghe tin này, họ đã sai Phierơ và Giăng đến thăm viếng Hội thánh mới này. Các sứ đồ đã cầu nguyện cho các tân tín hữu này để họ có thể nhận được báp têm bằng Đức Thánh Linh, và họ đã nhận được.

Sau đó, Đức Thánh Linh đã hướng dẫn Philíp đến chăm sóc cho người Êthiôbi đang trên đường từ Giêrusalem về đến Gaxa. Đây là một trường hợp người ngoại bang tiếp nhận Đấng Christ. Người Êthiôbi này chắc chắn đã đem Tin lành đến đất nước của ông. Trong khi đó, Philíp tiếp tục rao giảng tại các thành phố ven biển, từ Axôt đến Sêsarê.

Phierơ bắt đầu đi khắp vùng Palestine thăm viếng các Hội thánh mới. Nhiều Hội thánh đã được nhen nhóm do các Cơ Đốc nhân người Hêlênit bị tản lạc ([9:32-11:8](#)). Trong khi ở Gióp bê, ông thấy một khải tượng để chuẩn bị ông cho việc chăm sóc cho một sĩ quan Lamã tên là Cộnây. Vì vậy, Phierơ đã được Đức Thánh Linh dẫn dắt đến chia sẻ Tin lành cho một người ngoại bang và toàn gia đình đó. Điều này đã chính thức mở đường cho việc truyền bá Tin lành vượt khỏi ranh giới người Do thái.

Trong [11:19-21](#), chúng ta thấy các Cơ Đốc nhân bị phân tán trước tiên đã chia sẻ Tin lành cho người Do thái tại Phênixi, đảo Chíp rơ, và thành Antiôt xứ Syri. Sau đó, họ cũng đã giảng Tin lành cho người Hylạp. Hội thánh Giêrusalem vẫn đóng vai trò người trông nom cộng đồng Cơ Đốc giáo, đã sai Banaba đến Aitiôt để xem những gì đã diễn ra tại đó. Banaba quyết định để Phaolô giúp đỡ mình trong việc xây dựng công tác này ở những nơi đó.

Cũng trong khoảng thời gian này, Giacơ bị Hêrốt giết (khoảng 44. A.D.). Phierơ đã bị tống giam và đã được cứu thoát. "Bây giờ đạo Đức Chúa Trời tấn tới rất nhiều, càng ngày càng tràn thêm ra" ([12:24](#)). Vì vậy, một nhân tố trọng yếu khác nữa để truyền bá Tin lành ấy là do ảnh hưởng tích cực mà cuộc bắt bớ đem lại. Sự sốt sắng mạnh mẽ của các tín đồ đã thu hút những người chưa tin Chúa đến với Đấng Christ.

Trong phần tiếp theo, chúng ta sẽ thấy Phao lô đem Tin lành đi khắp đế quốc Lamã như thế nào, càng làm ứng nghiệm thêm [1:8](#) như thế nào. Lúc này, Tin lành cũng đang truyền bá trong những vùng khác trên thế giới, dù chúng ta không được biết chi tiết. Theo lời truyền khẩu, hầu hết các sứ đồ đều tuận đạo vì có Tin lành đang khi họ rao giảng ở nhiều vùng khác.

Hội Thánh The Mar Thomas tại Đn độ tuyên bố được sứ đồ Thôma khai sáng. Hội thánh này được sáng lập từ rất sớm. Các tín hữu ở đây đã duy trì lời chứng cho Cơ Đốc giáo suốt nhiều thế kỷ. Hội thánh Copt (The Coptic Church) ở Aicập và Êthiôbi cũng có từ rất xưa, cũng có lẽ được khai sáng từ thời các sứ đồ. Người ta cũng nghĩ rằng cả Mathia và Mathiơ đã làm việc tại Êthiôbi. Nhiều người nói rằng Giảng Mác đã khai sáng Hội thánh Alexandria ở Aicập. Các Hội thánh này rất mạnh mẽ. Nhiều vị lãnh đạo của Hội thánh đầu tiên là người Châu phi. Sau này, chúng ta sẽ gặp một số vị lãnh đạo ấy.

14. Hãy mô tả [1:8](#) đang bắt đầu ứng nghiệm như thế nào vào thời gian này trong lịch sử Hội thánh

.....  
...  
.....  
...

15. Hãy đọc lại [11:1-18](#) và giải thích ý nghĩa của sự kiện này đối với sự ứng nghiệm [1:8](#) trong tương lai.

.....  
...  
.....  
...

16. Hãy xem xét sự tuận đạo của Êtiên và Giaco, việc bắt giam Phierơ cũng như các câu chuyện khác kể về sự bất bớ. Điều gì dường như là mẫu mực cho sự tăng trưởng của Hội thánh?

.....  
...  
.....  
...

#### Chức Vụ Của Sứ Đồ Phao Lô

Trong Công vụ 9, chúng ta gặp Saulơ (Phaolô), một người Do thái nhiệt thành có quyền công dân Lamã, là người đã tận tâm dập tắt Cơ Đốc giáo. Mía mai thay, ông lại trở thành một trong những nhà truyền giáo đầu tiên và những nhà thần học vĩ đại nhất của Hội thánh. Hãy đọc câu chuyện này trong [9:1-31](#) kể về việc hoán cải của ông và sự tiếp nhận lúc đầu của các Hội thánh.

Phao lô là nhân vật chính trong [12:1-28:31](#). Ảnh hưởng của ông trên Hội thánh không thể lường được. Ông đã giảng cho những người Do thái và người ngoại

bang, các hoàng thân và các tù nhân trong toàn vùng Tiểu á và trong Âu châu. Gần như ông đã viết nửa quyển Tân ước. Ông đã minh giải các nguyên tắc của đức tin. Ông đã vạch trần tà giáo trong Hội thánh đầu tiên. Một sử gia Hội thánh nói rằng: Phao lô là người đầu tiên là một Cơ Đốc nhân hoàn toàn: Người đầu tiên hoàn toàn hiểu đầy đủ hệ thống thần học của Chúa Jesus, hiểu thấu tầm quan trọng của những sự biến đổi mà hệ thống này đã thể hiện, và việc hoàn toàn chấm dứt luật pháp của Do thái giáo. (Johnson, trang 35)

Sau khi để nhiều thời gian rao giảng tại Đamách, Phaolô đi lên thành Giêrusalem trước tiên, sau đó đến Tạt sơ, ở lại đó nhiều năm (cho đến khoảng 45 S.C.). Sau đó ông và Banaba cùng thi hành chức vụ tại Antiôt trong một năm. Tại đó, lần đầu tiên thành viên của Hội thánh được gọi là Cơ Đốc nhân.

Công vụ 13 bắt đầu với phao đoàn của Phao lô và Banaba đi từ Hội thánh tại Antiôt là những nhà truyền giáo. Đáp lại sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, họ bắt đầu chuyên hành trình truyền giáo đầu tiên. Họ đến các thành phố lớn. Họ ghé thăm Salamin và Baphô, trên đảo Chípơ; Antiôt xứ Bisidi; Icôn; Líttrơ, Đetbơ trong xứ Licaoni; và Bếtgiê và Áttali trong xứ Bamphily khi họ quay về Antiôt xứ Syri ([13:1-14:28](#)).

Bất cứ nơi nào có dịp là họ giảng trong nhà hội ở địa phương đó. Nơi đó là chôn lý tưởng để tìm những người muốn hiểu biết thêm về Đức Chúa Trời. Những người Do thái hiểu biết Cựu ước và nhiều người Ngoại bang hay những người kính sợ Đức Chúa Trời đã bị lôi cuốn đến đó vì nền đạo đức của tôn giáo người Do thái. Và Phao lô cũng đang giữ theo sự quả quyết rằng Tin lành cần được chia sẻ cho người Giuđa trước nhất, sau đó cho người Ngoại bang ([RoRm 1:16](#))

Phao lô luôn luôn bày tỏ sự giảng đạo là sự công bố của các sứ đồ về sự cứu rỗi nhờ Chúa Jesus Christ. Điều đó bao gồm chức vụ của Giăng Bápútít, sự chết của Đấng mêsi, sự phục sinh của Ngài, Tinlành của Chúa Jesus trong chức vụ Đấng Mêsi và việc kêu gọi đến sự ăn năn.

Sau khi giảng Tin lành ở một vùng mới, các nhà truyền giáo tiếp tục đi. Thường là họ bị bắt buộc rời khỏi vùng vì cơn bắt bớ. Sau đó, họ trở lại thăm viếng các vùng này để củng cố đức tin của các tín hữu và tổ chức họ vào một Hội thánh địa phương.

Chẳng bao lâu, sự rắc rối đã xảy đến cho Hội thánh non trẻ này. Những người Do thái quả quyết rằng mọi Cơ Đốc nhân phải phục theo luật pháp Do thái. Các Cơ Đốc nhân người Ngoại bang phải chịu phép cắt bì. Tuy nhiên, các Hội thánh đã được Phao lô và Banaba dạy dỗ rằng con đường cứu rỗi là giống nhau đối với mọi người. Hai ông nói rằng đức tin đến Đức Chúa Jesus Christ là con đường dẫn đến sự sống chứ không phải là luật pháp của người Do thái. Sự chia rẽ đã xuất hiện trong Hội thánh.

Một cuộc họp lớn đã tổ chức tại Giêrusalem vào năm 49 S.C để giải quyết vấn đề này. Người ta gọi là Giáo hội nghị Giêrusalem. đây là sự kiện quan trọng trong lịch

sử Hội thánh đầu tiên. Không những chỉ là các sứ đồ và các trưởng lão ở đó tham dự mà thôi, kể cả Phao lô và Banaba đến từ Antiôt, nhưng họ còn đại diện cho toàn thể Hội thánh nữa. Quyết định không bắt người ngoại bang phải chịu phép cắt bì, đã được gửi về Antiôt bằng một lá thư do Giuđa và Sila cầm đi ([Cong Cv 15:1-25](#)). Phao lô đã đem Sila theo ông trong hành trình truyền giáo lần thứ hai, kéo dài khoảng ba năm. Họ ghé thăm các Hội thánh tại Đetbơ, Líttrơ (Timôthê đã gia nhập đoàn truyền giáo tại đây), Icôni, và Antiôt xứ Bisidi (đều ở trong xứ Galati). Họ chỉ ghé qua cõi Asi trên đường đến Maxêdoan. Họ cũng giảng tại Philip, nơi có Lyđi là người Châu âu đầu tiên qui đạo. Họ cũng giảng trong các thành Têsalônica, Bêrê, Athên và Êphêsô. Sau đó, họ quay về Sêsarê và Antiôt xứ Syri ([Cong Cv 15:36-18:22](#)). Hành trình thứ ba của Phao lô bắt đầu bằng chuyến trở lại ghé thăm các Hội thánh trong xứ Galati và xứ Phirigi. Ông trở lại Êphêsô hai năm và đã thành lập tại đây một Hội thánh mạnh mẽ. Hội thánh này trở thành Hội thánh quan trọng thứ nhì đối với Hội thánh Antiôt xứ Syri đối với công tác của các sứ đồ và công tác truyền giáo của Hội thánh Cơ Đốc. Các thành phố lân cận như Côlôse cũng được nghe giảng Tin lành trong thời điểm này. Phao lô đã ghé lại thăm các Hội thánh xứ Maxêdoan và ở lại Côrinthô xứ Gôréc trong ba tháng. Ông viết một lá thư cho Hội thánh Rôma, nói rằng ông dự định thăm Rôma trên đường đến Tây ban nha. Thay vào đó ông đã đến Trôách, rồi xuống thuyền đến Giêrusalem để trao món quà của các Hội thánh dân ngoại bang gởi cho Hội thánh Giêrusalem vào dịp lễ Ngũ tuần (khoảng năm 57 S.C). Phao lô biết rằng đây là chuyến đi cuối cùng của ông đến vùng bờ biển Aegean ([18:23-21:16](#)). Hành trình thứ tư của Phao lô đưa ông đến Rôma, ông đến đó như là một tù nhân. ông bị tù hai năm tại Giêrusalem và Sêsarê trong khi chờ ứng hầu Sêsa tại Rôma. Trong chuyến đi này Phao lô đã khích lệ Hội thánh tại Sidôn. Sau khi bị đắm tàu, ông đã thi hành chức vụ tại Mantơ suốt ba tháng. Suốt hai năm bị giam giữ trong nhà, cuối cùng, Phao lô đã giảng Tin Lành tại Rô ma ([21:17-28:31](#)). Có lẽ ông đã được thả và có thể đã tiếp tục công việc truyền giáo cho đến khi ông sang Rô ma lần thứ nhì. Thời đại của các Sứ đồ chấm dứt với sự tuận đạo của Phao Lô và Phi e rơ tại Rô ma khoảng năm 64 S.C trong cơn bắt bớ các Cơ Đốc nhân vào thời Hoàng đế Nero.

17. Nhận dạng từng dữ kiện sau như là 1) nếu nó thích hợp với mẫu mực chức vụ của Phao Lô, hoặc 2) nếu không thích hợp.

...a. Trước tiên, giảng đạo ở các thành phố nhỏ.

...b. Tránh các nhà hội.

...c. Thăm viếng lại nhiều Hội thánh.

...d. Tổ chức các Hội thánh bằng các chấp sự và các trưởng lão.

...e. Giảng đạo cho người Ngoại bang.

...f. Vâng phục sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh.

18. Phao Lô đã đóng góp rất nhiều cho Hội thánh đầu tiên bằng cách



ông

- a) khẳng khăng đòi Hội thánh hỗ trợ.
- b) bình vực cho đức tin, chống lại Do Thái giáo và tà thuyết.
- c) đóng vai trò một vị giáo hoàng đầu tiên của Giáo hội La mã.
- d) tất cả các câu trên :

19. Tại sao Giáo Hội Nghị Giê ru sa lem là một bước ngoặc cho Hội thánh ?

.....  
....  
.....  
....

20. Phao Lô đã giải quyết việc tổ chức Hội thánh như thế nào ?

.....  
....  
.....  
....

21. Dùng những đường kẻ lên bản đồ trang trước cho biết các cuộc hành trình truyền giáo của Phao lô. Dùng các kiểu đường kẻ sau cho mỗi cuộc hành trình :

Hành trình thứ nhất

Hành trình thứ nhì

Hành trình thứ ba

Hành trình thứ tư .....

Một nhóm nhỏ các Cơ Đốc nhân người Do Thái tại Giê ru sa lem đã bành trướng thành một Hội thánh có nhiều chủng tộc, nhiều nền văn hóa. Ngay từ đầu, Hội thánh đã từng trải sự gây rối, sự tranh luận, thậm chí cả sự chia rẽ nữa. Dù các nan đề này đã luôn tiêu biểu cho Hội thánh trong suốt lịch sử Hội thánh, Đức Thánh Linh không hề thôi hành động trong Hội thánh.

Bài tự trắc nghiệm

CÂU CHỌN LỰA . Mỗi câu hỏi có một câu trả lời đúng nhất . Hãy khoanh tròn mẫu tự trước câu trả lời đúng.

1. Nền tảng của Hội thánh là

- a) Phi e rơ
- b) Đức Thánh Linh
- c) Chúa Jesus Christ
- d) ĐCT

2. Công tác của Đức Thánh Linh là

- a) ban quyền năng cho các tín đồ để họ chia sẻ Tin Lành.
- b) cáo trách tội lỗi của con người để đem họ đến sự cứu rỗi.
- c) dạy dỗ các Cơ Đốc nhân về chân lý liên quan đến Đấng Christ và tương lai.

- d) tất cả các câu trên.
3. Tổ chức các Hội thánh đầu tiên được sách Công vụ mô tả là
- gần như không thực hữu.
  - được quân bình nhờ vâng phục Đức Thánh Linh.
  - được xác lập rõ ràng như là một mẫu mực cho mọi Hội thánh mai sau.
  - khá lỏng lẻo và không đạt hiệu quả.
4. Các phẩm chất trong Tân Ước dành cho các giám mục và các trưởng lão là
- rất giống nhau đối với mỗi chức vụ.
  - khác nhau đối với từng chức vụ.
  - không được phát biểu rõ ràng.
  - được minh định trong sách Công vụ.
5. Đấng Christ xuất hiện khi kỳ đã trọn có ý nói đến
- sự phát triển đầy đủ thời hạn của Ngài trong lòng mẹ.
  - sự ứng nghiệm của một ngày tháng xuất hiện đã được báo trước.
  - việc chuẩn bị các sự kiện trong thế giới này.
  - tất cả các câu trên.
6. Việc ứng nghiệm [1:8](#) là cần yếu cho
- Tổ chức của Hội thánh.
  - Sự tăng trưởng của Hội thánh.
  - Sự cứu rỗi của Hội thánh.
  - Tất cả các câu trên.
7. Việc truyền bá Cơ Đốc giáo thời Hội thánh đầu tiên được liên kết với
- cơn bắt bớ các tín đồ.
  - sự cứu rỗi cho người Ngoại bang cũng như cho người Do Thái.
  - các cuộc hành trình truyền giáo của Phao lô trong toàn đế quốc.
  - tất cả các câu trên.
8. Những đóng góp của Sứ đồ Phao lô cho Hội thánh đầu tiên bao gồm
- ước muốn thỏa hiệp với những người làm theo người Do Thái
  - thực hiện việc tiên phong mở các Hội thánh mới mà về sau này ông đã tránh giao tiếp với các Hội thánh ấy.
  - tập trung tìm kiếm người ngoại bang trước nhất, sau đó là người Do Thái.
  - tuyệt đối tận tâm với phương cách phổ thông của sự cứu rỗi.
9. Hãy sắp xếp các nơi đến chính của Phao lô trong các cuộc hành trình truyền giáo (bên trái) phù hợp với diễn tiến thích hợp (bên phải)
- Rô ma
  - Thăm lại vùng Ê phê sô và Cô rinh tô.
  - Các thành phố tại Chíp rơ và Ga la ti.
  - Các thành phố ở xứ Ma xê đơ an và xứ A chai.

## ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ ĐƠN VỊ 1.

Bây giờ bạn đã học xong Bài 1 và Bài 2, hãy ôn lại để chuẩn bị phần Đánh Giá Tiến Bộ Đơn Vị 1. Bạn sẽ thấy phần này là Tờ Bài làm cho phần này trong Tập Học viên. Hãy trả lời mọi câu hỏi mà không được xem lại sách giáo khoa hay tài liệu hướng dẫn nghiên cứu. Hãy gửi Tờ Bài làm của bạn cho hướng dẫn viên ICI, kèm theo bất cứ các tài liệu nào được chỉ ra trên bìa của Tập Học viên. Sau đó, bạn có thể tiếp tục nghiên cứu Bài 3.

Giải đáp các câu hỏi nghiên cứu

11.b) Việc chuẩn bị trong lịch sử cho Đấng Christ xuất hiện.

1. Câu trả lời của bạn cần gồm có : Chúa Jesus là Chúa và là Đấng Mê si như đã được chứng tỏ bởi sự ứng nghiệm các lời tiên tri trong Cựu Ước về việc Thánh Linh tuôn đổ trên mọi xác thịt và bởi các sự kiện trong chức vụ, sự chết và sự phục sinh của Ngài. Sứ điệp kết thúc bằng lời kêu gọi đến sự ăn năn.

12. Đức tin và sứ điệp của người Do Thái được ứng nghiệm trong Chúa Jesus Christ.

2.a. Dạy dỗ, nhắc nhở.

b. Ban quyền năng.

c. Cáo trách.

d. Hướng dẫn.

13. Câu trả lời của bạn. Nếu Tin Lành sẽ được tiếp nhận, nó phải được trình bày một cách thật dễ hiểu; không có ngôn ngữ chung để giới thiệu Tin Lành sẽ khiến cho nhiều người trong một khu vực khó hiểu, hay không thể hiểu được về Tin Lành. 3.d) 3000 người được cứu.

14. Việc làm chứng bắt đầu tại Giê ru sa lem, nơi các sứ đồ đang lãnh đạo Hội thánh. Sau khi Ê tiên qua đời, các Cơ Đốc nhân tản lạc khắp xứ Giu đê và xứ Sa ma ri truyền bá Tin Lành bất cứ nơi nào họ đi đến.

4. Họ được thêm vào trong Hội thánh và tiếp tục giữ lời dạy của các Sứ đồ, sự thông công của anh em, lễ bẻ bánh và cầu nguyện.

15. Phi e rơ chính thức đem Tin Lành cho dân Ngoại, đã mở đường cho việc làm chứng vượt ra khỏi ranh giới người Do Thái đến đầu cùn đất.

5. Là viên đá móng cho Hội thánh, Chúa Jêsus đã được mặc lấy quyền phép của Đức Thánh Linh để đi ra thi hành chức vụ.

16. Sự bắt bớ đem lại sự sốt sắng cho các Cơ Đốc nhân, điều này lôi cuốn những người chưa tin Chúa đến với Đấng Christ. Hội thánh đã tăng trưởng nhanh chóng.

6.c) Các Sứ đồ khởi xướng khi nhu cầu về vấn đề này xuất hiện.

17. a 2

b 2

c 1

d 1

e 1

f 1

7. Dù có nhiều sự sáng suốt trong việc tổ chức của Hội thánh đầu tiên, cơ cấu như thế không được bày tỏ ra như là một cơ cấu cứng nhắc. Dù vậy, từ ngày Lễ Ngũ tuần, Hội thánh đã có tổ chức và cơ cấu.

18.b) binh vực cho đức tin, chống lại Do Thái giáo và tà giáo.

8. Sự khác nhau duy nhất về phẩm chất ấy là khả năng dạy dỗ của các trưởng lão. Các chấp sự có trách nhiệm theo dõi trông nom về thuộc thể và các trưởng lão có trách nhiệm theo dõi trông nom về thuộc linh.

19. Câu trả lời của bạn. Giáo Hội nghị này đã giúp tách Cơ Đốc giáo ra khỏi Do Thái giáo bằng việc thiết lập nền tảng của sự cứu rỗi là đức tin nơi Đấng Christ chứ không phải là tuân thủ luật pháp hay là luật lệ của Đền Thờ.

9. Câu trả lời của bạn. ĐCT tể trị trên các biến cố trong lịch sử, tác động đến các vấn đề của nhân loại. Lịch sử không xảy ra ngẫu nhiên. Nó có mẫu mực và chủ đích.

20. Ông đã thăm lại các Hội thánh, bổ nhiệm các trưởng lão và khích lệ hội chúng. Ông viết những lá thư để giải quyết các nan đề tại địa phương.

10. a 2) Ảnh hưởng của trí tuệ

b 1) Ảnh hưởng chính trị

c 2) Ảnh hưởng của trí tuệ

d 3) Ảnh hưởng tôn giáo

e 3) Ảnh hưởng tôn giáo

2/ Hãy kiểm tra để thấy rằng các đường kẻ của bạn đi xuyên qua các thành phố đã được đề cập đến trong tài liệu hướng dẫn nghiên cứu.

### BÀI HỌC 3: Sự Bất Bớ Hội Thánh

Sau khi bành trướng nhanh chóng trong Thời Đại các Sứ Đồ. Hội thánh đầu tiên đã ý thức được nhu cầu về tình trạng liên tục và ổn định. Tuy nhiên, trong suốt thế kỷ thứ hai và thế kỷ thứ ba, Hội thánh đã bị bắt bớ liên tục. Hội thánh không chỉ phải gặp sự chống đối từ phía Do Thái giáo, mà còn phải gặp áp lực từ nhà nước buộc phải vâng lời "Sê sa" hơn là vâng lời Đấng Christ.

Trong thời gian này, các nhà lãnh đạo vững vàng đã xuất hiện để binh vực đức tin, xác định giáo lý, và chỉ dẫn việc thờ phượng. Các nhà lãnh đạo này và các vấn đề tranh luận về thần học là những đề tài của Bài 4 và Bài 5.

Lịch sử Hội thánh có một giá trị chắc chắn trong việc đem lại cho chúng ta ý thức về di sản Cơ đốc của chúng ta, khi nó liên kết quá khứ với hiện tại và tương lai.

Trong bài này, lịch sử Hội thánh còn cống hiến cho chúng ta nhiều hơn nữa - cống hiến một sức mạnh làm động cơ thúc đẩy. Là những Cơ Đốc nhân, chúng ta vẫn đang đối đầu với tình trạng khó xử : vâng lời Đấng Christ hay vâng lời Sê sa.

Nhiều người chịu bắt bớ vì có đức tin nơi Đấng Christ của họ. Vì vậy, lời chứng

kiên cường của các tín hữu bị bắt bớ gần 2000 năm qua cảm động chúng ta bằng sức mạnh thuộc linh và bản chất không thể bị hủy phá được của Hội thánh trong những thời đã qua.

Phao lô đã nói lên một lẽ thật : chúng ta là các chi thể của cùng một thân; khi một chi thể chịu đau, tất cả chúng ta đều cùng chịu đau. Chúng ta cảm biết ý nghĩa của sự hiệp một. Chúng ta hãy xem cách Đức Chúa Trời có thể đem lại sự đắc thắng như thế nào, dù cho từ trong những nan đề nghiêm trọng nhất đi nữa.

Các nguyên nhân của cơn bắt bớ.

Vấn đề tôn giáo

Vấn đề chính trị

Vấn đề xã hội

Các phản ứng đối với cơn bắt bớ.

Quan điểm của Kinh Thánh.

Hội thánh, trong các hầm mộ.

Đề cập đến niềm tin quyết

Bình vực đức tin

Kết quả của cơn bắt bớ.

Sự khâm phục những người tuận đạo

Truyền bá đức tin

Khi học xong bài này, bạn sẽ có thể

Ừ Bàn luận các vấn đề trong tín ngưỡng, chính trị, và xã hội đã dẫn đến việc bắt bớ các Cơ Đốc nhân của Hội thánh đầu tiên.

Ừ Trình bày các yêu cầu của Kinh Thánh liên quan đến sự bắt bớ, sự tuận đạo và lời bình vực cho đức tin.

Ừ Mô tả các đáp ứng của Hội thánh đầu tiên trong cơn bắt bớ.

Ừ Lần theo sự bành trướng của Hội thánh đầu tiên đến cuối thế kỷ thứ ba.

1. Xem bảng tóm lược lịch sử Hội thánh sau bài 12 trong tài liệu này. Bảng này bao gồm các sự kiện và các nhà lãnh đạo quan trọng cho đến năm 1517 S.C . Bạn sẽ cần xem bảng này nhiều lần nữa khi bạn nghiên cứu từng bài trong giáo trình này .

2. Nghiên cứu bài này theo cách thức đã nói trong Bài 1.

3. Làm bài tự trắc nghiệm và kiểm tra câu trả lời của bạn.

Nhà thân oan

Chủ nghĩa vô thần

giáo phận

lầm lạc

người ngoại đạo

Thánh tích

môn phái

Sùng bái

Thờ phượng

### CÁC NGUYÊN NHÂN CỦA CƠN BẮT BỐ.

Hội thánh đầu tiên đã gặp một vài sự chống đối mạnh mẽ, đe dọa dập tắt ngọn lửa Cơ đốc. Nhiều khi, sự chống đối rất hung tợn. Thường thường, nó được tiến hành ở địa phương và thường mang hình thức của sự kỳ thị. Chỉ có những cuộc tuận đạo xảy ra lẻ tẻ mà thôi. Mãi đến 250 S.C, vẫn chưa có một cơn bắt bớ nào có chủ đích rộng khắp để quốc do lệnh của Hoàng đế xảy ra cho Cơ Đốc nhân.

Có nhiều lý do khác nhau ẩn sau những cơn bách hại. Nhiều vấn đề tranh luận khác nhau đã kích động cơn giận dữ ở nhiều miền khác nhau trong đế quốc. Chỉ việc hiểu lầm thôi cũng đã khiến cho nhiều cơn bắt bớ bùng lên.

#### Vấn Đề Tín Ngưỡng

Suốt Thời Đại các Sứ Đồ, người La Mã xem Cơ Đốc giáo như là một môn phái của Do Thái giáo. Nhà nước La Mã công nhận đức tin của người Do Thái là *religiocita*, một nhóm tôn giáo được chấp nhận và hợp pháp. Vì vậy, các Cơ Đốc nhân được chấp nhận một cách rộng rãi trên toàn đế quốc.

Tuy nhiên, khi Cơ đốc giáo phát triển, các nhà lãnh đạo người Do Thái ngày càng khó chịu với các nhà giảng đạo Cơ Đốc đầy nhiệt huyết. Sứ điệp về quyền tự do của Cơ Đốc nhân đã làm suy yếu dần chủ nghĩa luật pháp của người Do Thái. Sự dạy dỗ về ân điển của Christ đã thay thế di sản hợp pháp vốn bắt nguồn từ Môi se. Người Do Thái cũng cảm thấy rằng chủ nghĩa độc thần của họ đã bị sự thờ phượng Jesus Christ đe dọa. Vì họ chỉ thờ phượng một Đức Chúa Trời độc nhất, người Do Thái được hưởng đặc quyền miễn thờ cúng trong việc thờ Hoàng đế của người La Mã. Cơ Đốc giáo đã gây nguy hiểm cho tình trạng vốn đã yếu kém của người Do Thái trong đế quốc.

Khi kết quả của sự khác biệt giữa Cơ Đốc giáo và Do Thái giáo phát triển trong chính những người Do Thái, thì sự khác biệt giữa hai nhóm này cũng đã trở nên rõ ràng trước nhà nước La Mã. Các Cơ Đốc nhân đã trở thành những người làm cho nhà nước rất mịch lòng vì từ chối thờ cúng Hoàng đế.

1. Có nhiều ví dụ về sự chống đối của người Do Thái đối với Cơ Đốc giáo được chép trong sách Công vụ. Hãy đọc [6:8-14](#) và liệt kê hai lời buộc tội mà người Do Thái gán cho Ê tiên.

.....

..

.....

..

Sự thờ phượng theo tín ngưỡng của người Rô ma thuộc về bề ngoài. Các bàn thờ, hình tượng, những đám rước, các ngôi đền, các nghi lễ là toàn bộ những thành phần của buổi thờ cúng. Người La Mã thật ra rất dễ dung nạp về mặt tôn giáo. Họ

không ngần ngại bổ sung thêm nhiều vị thần mới vào danh sách các vị thần của họ. Tuy nhiên, họ không thể hiểu nổi loại tôn giáo của người Cơ Đốc giáo là gì nữa. Cơ Đốc nhân không sử dụng thần tượng hay bàn thờ gì cả. Họ tuyên bố rằng Đức Chúa Trời là Đấng không thể nhìn thấy được, và bất cứ lúc nào, những kẻ tin Ngài đều có thể thưa chuyện với Ngài bằng lời cầu nguyện. Vì vậy, những người La Mã sử dụng các đối tượng bằng vật chất làm các vị thần cho mình đã diễn giải Cơ Đốc giáo là một hình thức của thuyết vô thần. Họ tin rằng Cơ Đốc nhân không có một Đức Chúa Trời nào cả.

Một văn sĩ người ngoại đã thách thức hiệu quả trong việc thờ phượng của người Cơ Đốc bằng đối chiếu với sự thờ phượng của người Do Thái : Vì sao họ (các Cơ Đốc nhân) không có bàn thờ, không có đền thờ, không có những hình ảnh được công nhận?...Dân tộc Do Thái cô đơn và khốn khổ này đã thờ phượng một Đức Chúa Trời, và chính là một sự thờ phượng lạ kỳ; nhưng mà họ đã thờ phượng Ngài một cách Công Khai bằng những đền thờ, bàn thờ, các sinh tế, và bằng những nghi lễ, và Đấng đó có quá ít sức mạnh hay quá ít năng quyền đến nỗi đã bị các vị thần của người La Mã bắt làm nô lệ, cùng với chính dân tộc đặc biệt của Đấng đó.

Khi Hội thánh phát triển, Hội thánh đã trở thành một Hội thánh phần lớn là của người ngoại bang. Những người ngoại đạo đã hoàn cải từ chối tiếp tục thờ cúng các vị thần La Mã trước kia. Họ đã bị buộc tội từ bỏ các vị thần này.

2. Sự thờ phượng của các Cơ Đốc nhân đầu tiên khác với sự thờ phượng của cả người La Mã lẫn người Do Thái như thế nào ?

.....

..

.....

..

3. Thái độ của người La Mã đối với người Do Thái như đã được văn sĩ ngoại đạo phát biểu là thái độ.

- a) khinh miệt
- b) tôn trọng
- c) chấp nhận
- d) thông cảm

4. Hãy nghiên cứu tình hình trong [17:16-34](#). Hãy tóm lược tôn giáo của người A then và sứ điệp của Phao lô cho người A then. Hãy viết vào vở của bạn.

Vấn Đề Chính Trị

Vì cơ chính quyền La Mã dễ dung nạp mọi tôn giáo nên người ta có thể thờ bất cứ vị thần nào họ muốn, miễn là họ cũng thờ Hoàng Đế nữa (Sê sa). Hoàng đế Domitian, cai trị 81-96 S.C, đã naóng danh hiệu "Giáo sư và Thần linh" để tỏ ra đặc tính của Hoàng đế này. Trong thời cai trị của ông, Sứ đồ Giăng đã bị đày ra đảo Bát mô, ở nơi đó, ông đã viết sách Khải Huyền.

Tuy nhiên, Cơ Đốc giáo dường như đã đe dọa đến sự thống nhất về mặt chính trị

của đế quốc. Các Cơ Đốc nhân đã nói về Đấng Christ như là một vị Vua và giảng về nước thiên đàng. Chúa Jesus đã dạy các môn đồ Ngài phải "Trả cho Sê sa vật gì của Sê sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời" ([Mat Mt 22:17-21](#)). Vì vậy, Cơ Đốc nhân hiểu rằng sự thờ phượng thuộc về Đức Chúa Trời, chứ không phải thuộc về Sê sa.

Đế quốc này đang cố bảo tồn nền văn hóa Hy Lạp và La Mã cổ. Lợi ích của quốc gia phải đặt lên trên. Nhà cầm quyền tin rằng chấp nhận hay dung nạp Cơ Đốc giáo sẽ đưa đến sự phản bội hay nổi loạn chống lại Đế quốc La Mã. Các hành động của Cơ Đốc nhân có khuynh hướng xác quyết những sự nghi ngờ của nhà cầm quyền. Với việc tách Cơ Đốc giáo ra khỏi Do Thái giáo, các Cơ Đốc nhân không còn được miễn thờ cúng Hoàng đế. Tuy vậy, họ vẫn không chịu dâng hương cho Hoàng đế La Mã vì họ xem điều này là hành động thờ cúng. Mặt khác, những nhà lãnh đạo La Mã lại xem dâng hương là một hành động của lòng trung thành. Họ cảm thấy Cơ Đốc nhân đang phản bội bằng cách từ chối dâng hương. Quốc gia quy định một luật lệ buộc mọi người phải hứa nguyện trung thành với La Mã bằng cách tuyên bố "Sê sa là Chúa". Những Cơ Đốc nhân từ chối vâng theo luật này đã bị đối xử bằng nhiều cách khác nhau. Một số đã được dung tha, nhiều người đã bị bách hại. Lá thư của Pliny, quan trấn thủ xứ Bi thi ni, gửi cho Hoàng đế Trajan năm 111 S.C chứng tỏ rằng lời tuyên xưng thuộc về Cơ Đốc giáo có thể bị trừng phạt đến chết trong nhiều miền của đế quốc. Pliny viết rằng :

Tôi hỏi họ có phải là Cơ Đốc nhân không, nếu họ xưng là Cơ Đốc nhân, tôi hỏi họ một lần thứ hai, lần thứ ba với sự đe dọa trừng phạt. Nếu họ vẫn giữ vững lời tuyên xưng, tôi ra lệnh đem họ đi hành hình; vì tôi cho rằng không còn phải thắc mắc gì về điều họ đã thú nhận, bất cứ một trường hợp nào ngoan cố và ngang ngược kiên quyết đều xứng đáng bị trừng phạt... Còn đối với những người nói rằng họ không phải là, mà cũng chưa hề là Cơ Đốc nhân, tôi nghĩ là nên thả họ ra, vì họ đã đọc theo lời cầu khẩn với các thần, van khẩn và dâng hương và rượu cho tượng của Đức Vua...hơn nữa, họ đã nguyện rửa Christ- là nhiều điều (như đã kể trên) mà những kẻ thực sự là Cơ Đốc nhân không thể nào chịu thực hiện (Stevenson, trang 13-14). Chúng ta sẽ nghiên cứu sau về một nhà lãnh đạo Hội Thánh tên là Ignatius, người bị tuẫn đạo vào năm 115 S.C do những hành động của Pliny.

5. Hãy đọc [RoRm 13:1-7](#), [ITi1Tm 2:1-2](#), và [IPhi 1Pr 1:13-17](#), là những câu đề cập đến mối liên hệ giữa Cơ Đốc nhân với bậc cầm quyền. Hãy khoanh tròn mẫu tự trước câu phát biểu ĐÚNG về thái độ của Cơ Đốc nhân.

- a) Cơ Đốc nhân chỉ phải chịu vâng phục Đức Chúa Trời, không vâng phục các nhà cầm quyền.
- b) Cơ Đốc nhân cần phải tìm nhiều cách để trốn thuế.
- c) Cơ Đốc nhân cần phải công nhận rằng các bậc cầm quyền nằm trong kế hoạch của Đức Chúa Trời.
- d) Cơ Đốc nhân cần phải sợ và vâng lời các bậc cầm quyền, nhưng không kính



trọng họ.

e) Cơ Đốc nhân phải cầu nguyện cho các bậc cầm quyền để được sống bình tĩnh yên ổn.

6. Nếu bạn bị điệu đến trước mặt Pliny, bạn sẽ nói gì với ông ta ? Hãy viết vào vở của bạn.

7. Tại sao chính quyền La Mã cảm thấy không thể dung nạp Cơ Đốc giáo ?

.....  
...  
.....  
...

### Vấn Đề Xã Hội

Bên cạnh việc đối đầu với những xung khắc về tôn giáo và chính trị, chính các Cơ Đốc nhân còn cảm thấy mâu thuẫn với những khuôn mẫu xã hội trong cuộc sống của người La Mã. Trước hết, nhiều người trong số các Cơ Đốc nhân đầu tiên xuất thân từ tầng lớp hạ lưu trong xã hội ([ICo1Cr 1:26](#)) Tuy vậy, những người nam và nữ trong những giai cấp cao nhất và thấp nhất của xã hội đều nhóm thờ phượng chung với nhau. Các tín hữu thuộc giới quý tộc và giới có thế lực trong xã hội La Mã đã bị nghi ngờ là khăng khăng đòi bình đẳng cho mọi người.

8. [CoCl 3:11](#) sẽ là một thách thức như thế nào cho xã hội La Mã hoặc bất cứ một xã hội có ý thức giai cấp ?

.....  
..  
.....  
..

Cơ Đốc nhân dường như đã rút lui khỏi xã hội La Mã. Họ từ chối tham dự những môn thể thao khát máu của người La Mã. Họ phản đối sân khấu đầy thú vui nhục dục của người La Mã. Họ từ chối tham dự các buổi tụ tập của người ngoại trong đền thờ. Những láng giềng ngoại đạo đã buộc tội họ là những kẻ thù của nhân loại. Do tiếp nhận Đấng Christ, các tín đồ đã loại bỏ không chỉ các vị thần và nhiều luật lệ của xã hội ngoại đạo, mà họ còn loại bỏ cả những nền đạo đức của các xã hội ấy nữa.

Càng gặp sự chống đối, các Cơ Đốc nhân càng phải cẩn thận hơn trong các buổi nhóm. Họ thường nhóm lại trong những chỗ kín đáo, bí mật và vào ban đêm. Điều này càng gây thêm nhiều thắc mắc. Các Cơ Đốc nhân đang cố gắng dấu giếm điều gì? Họ đang dự định những âm mưu gì ?

Quan niệm của công chúng cáo buộc họ là đòi bại, vô đạo đức vì các tín hữu nói về tình yêu đối với các anh em và chị em mình. Người ta cho là họ đã loạn luân và tổ chức các cuộc truy hoan dâm dật. Khi các Cơ Đốc nhân nói về các yếu tố trong buổi tiệc Thánh, là "thân và huyết của Chúa", họ bị buộc tội là cử hành tập tục ăn thịt người. Nhiều người nói rằng các Cơ Đốc nhân đó đã giết và ăn thịt trẻ con như

là một sinh tế dâng cho Đức Chúa Trời của họ. Các lời buộc tội sai lầm này đã gây thêm sự nghi ngờ, mất lòng tin, và ác ý với những người tin theo Chúa Jesus Christ. Sự chống đối phổ biến này dựa trên sự sợ hãi và đã dẫn đến các chính sách bắt bớ của chính quyền về sau này.

Sự thanh sạch và mối quan tâm tích cực đến xã hội của các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã là những lời trách móc tình trạng vô đạo đức và ích kỷ của xã hội La Mã. Cơ Đốc nhân chăm sóc người đau ốm, thăm viếng tù nhân, bố thí cho kẻ nghèo, chôn cất người chết. Sự phục vụ này là lời buộc tội thầm lặng nghịch lại sự thờ ơ của xã hội La Mã. Một văn sĩ giữa thế kỷ thứ hai đã tóm tắt cương vị của Cơ Đốc nhân trong thế giới này :

Nói đơn giản : Linh hồn ở trong thân thể thế nào, thì Cơ Đốc nhân ở trong thế gian cũng thế ấy. Hồn được phân tán khắp mọi chi thể của thân, và các Cơ Đốc nhân bị tản lạc khắp trong mọi thành phố trong thế gian này. Linh hồn ở trong thân thể, nhưng không thuộc về thân thể, Cơ Đốc nhân cũng ở trong thế gian này nhưng không thuộc về thế gian này (Petry, trang 20).

9. Giả sử bạn là một Cơ Đốc nhân thời đầu tiên bị buộc tội chống lại xã hội vì bạn từ chối tham gia các cuộc vui đấm máu để tỏ lòng kính trọng một vị thần của người ngoại. Bạn sẽ đáp lại lời buộc tội này như thế nào ? Hãy viết vào vở của bạn.

10. Vì sao toàn bộ công chúng sợ các Cơ Đốc nhân ?

.....  
..  
.....  
..

11. Hãy giải nghĩa : các Cơ Đốc nhân ở trong thế giới này nhưng không thuộc về thế giới này là như thế nào ?

.....  
..  
.....  
..

12. Hãy ghép các nguyên nhân của cơn bắt bớ (bên trái) phù hợp với loại vấn đề (bên phải).

...a Thất bại trong việc chúng tỏ lòng trung thành với Hoàng Đế

...b Công bố sự bình đẳng của mọi giai cấp

....c Là bỏ các thần của người La Mã

....d Bí mật nhóm lại để thờ phượng

....e Tách biệt khỏi Do Thái giáo

.....f Hành động bất trung khi từ chối dâng hương

Có lẽ ngày nay bạn đã biết đến những sự hiểu lầm tương tự hoặc đã phải chịu khổ vì điều đó. Khi học tiếp bài này, bạn sẽ thấy các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã đáp ứng

với con bắt bớ như thế nào và lời của Đức Chúa Trời đã chiến thắng như thế nào.

## CÁC PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI CON BẮT BỚ

### Quan điểm của Kinh Thánh

Các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã chịu bắt bớ dưới nhiều hình thức khác nhau. Họ đã bị ngược đãi, nhạo báng, lưu đày, bắt giam, và bị xử tử. Hầu hết các con bắt bớ bắt nguồn từ nỗi sợ hãi của công chúng đối với người láng giềng "sùng đạo" của họ. Các nhà lãnh đạo chính trị chỉ có liên can trong những cuộc bắt bớ xảy ra ở địa phương như là con bắt bớ thời Hoàng đế Nero (64 S.C.).

Năm 250 S.C, Hoàng đế Decius đã gây ra con bắt bớ đầu tiên khắp trên toàn đế quốc. Năm đó là lễ kỷ niệm lần thứ 1000 ngày thành lập thành phố Rô ma. Decius đã đổ lỗi để quốc suy tàn, đặc biệt là từ năm 180 S.C, cho sự phát triển của Cơ Đốc giáo trong cùng thời kỳ đó. Để cứu vãn đế quốc, ông cảm thấy phải bắt các Cơ Đốc nhân từ bỏ các mục tiêu của họ để giải quyết cho các mục tiêu của đế quốc. Ông không bắt tay vào việc xử tử các Cơ Đốc nhân nhưng bắt họ trở thành những kẻ phản bội (traditores). Những người đã lìa bỏ Cơ Đốc giáo thay vì tuyên xưng mình là Cơ Đốc nhân trong con bắt bớ đã tạo ra một nan đề cho Hội Thánh trong những năm sau này, khi họ muốn được tha nhận lại.

Từ lúc đầu, các tín hữu đã phải suy xét hậu quả trước khi xưng danh "Cơ Đốc nhân"; vì vậy, những người tin không thật lòng và những kẻ giả hình đã bị loại khỏi Hội Thánh Cơ Đốc. Những ai liêu bỏ mọi sự vì cơ Đấng Christ đều biết rằng họ có thể rơi vào chỗ chết vì cơ họ đồng đi với Đức Chúa Trời của những Cơ Đốc nhân. Các giáo phụ thời các sứ đồ đã gặp tình thế khó xử này và đã đề cập đến chúng trong các tác phẩm của họ.

13. Hãy đọc [Cong Cv 14:22](#), [IITi 2Tm 3:12](#), và [IPhi 1Pr 4:12-19](#) rồi nói lên quan điểm của Kinh Thánh về mối liên quan giữa sự bắt bớ và đức tin của Cơ Đốc nhân.

.....  
.  
.....  
.

### Hội Thánh Trong Các Hàm Mộ

Trong Hội Thánh đầu tiên, bắt bớ và áp lực bên ngoài đã gia tăng trên lòng nhiệt thành và kỷ luật của các tín hữu. Họ tiếp tục nhóm chung với nhau để thờ phượng, bắt chấp sự chống đối. Tại Rô ma, họ thường nhóm bí mật vào ban đêm trong các hầm mộ. Các hầm mộ này là những khu liên hợp các địa điểm chôn cất trong lòng đất, rất rộng lớn. Chúng là những lối đi dài hàng dặm đào trong lòng đất, sâu từ 7-12 thước dưới mặt đất. Tối thiểu có 35 hầm mộ với tổng số ước tính khoảng 500 dặm đã được các nhà khảo cổ hiện đại xác định vị trí. Hơn 2.000.000 ngôi mộ đã được tìm thấy trong các hầm mộ ở Rô ma. Chúng vẫn được sử dụng cho đến đầu thế kỷ thứ năm.

Nhiều danh tánh và hình ảnh được khắc trên các bức tường trong hầm mộ đã cung cấp cho các sử gia ngày nay các đầu mối của nếp sinh hoạt trong Hội Thánh. Các biểu tượng như thập tự giá, con cá, và Chi Rho rất phổ biến. Các câu chuyện trong Cựu Ước được minh họa trên các tảng đá đã truyền đạt các chân lý Cơ Đốc. Ví dụ như bức tranh Con tàu Nô ê đã truyền đạt ý tưởng sự an ninh trong cơn bão táp. Các bia ký nói đến những niềm tin của Hội Thánh đầu tiên như là Ba Ngôi hay thần tánh của Chúa Jesus Christ. Những bức còn lại thể hiện nghi thức Báp tem và Tiệc thánh.

Dù bị bắt bớ, các Cơ Đốc nhân đã duy trì một lời chứng đầy sức sống. Họ còn trôi hơn những kẻ chinh phục họ. Trong nơi vắng vẻ, hẻo lánh, họ đã có thể thông công với nhau và tiếp nhận sự dạy dỗ cho đức tin.

14. Bản chất của Hội Thánh đã nhóm họp nơi hầm mộ là gì ?

.....  
.....  
.....

#### Chết Trong Niềm Tin Quyết

Nhiều Cơ Đốc nhân đã chết trong tay những kẻ bắt bớ. Chúng ta sẽ kể về một trường hợp như thế trong những bản ký thuật đầu tiên. Nó liên quan đến Polycarp, Người Tuân đạo trong cơn bắt bớ tại Si miệc nơ vào giữa thế kỷ thứ hai. Chúng ta sẽ nghiên cứu thêm về ông trong Bài 4, còn đây là một đoạn trong bản ký thuật của một nhân chứng trực tiếp thuật lại vụ xử Polycarp.

Lúc đó ông bị dẫn lên phía trước, tiếng la lối ầm ĩ vang lên rất lớn khi họ nghe Polycarp đã bị bắt giữ. Rồi ông bị điệu đến trước quan Tổng trấn, quan hỏi ông có phải là Polycarp không. Ông trả lời "Vâng !", quan tổng trấn cố thuyết phục ông chối bỏ đức tin, nài nỉ rằng "Ta kính trọng ông là người cao niên" và phần còn lại, theo thông lệ "Hãy thề nhơn danh thần của Sê sa; hãy thay đổi ý kiến của ngươi; hãy nói "Từ bỏ bọn vô đạo". Với sắc mặt nghiêm nghị, Polycarp nhìn vào đám đông theo tà đạo tụ tập trong sân, ra dấu cho họ, đoạn ông nhìn lên trời, thốt ra một tiếng kêu đau đớn và nói "Từ bỏ bọn vô đạo". Quan Tổng trấn tiếp tục cố nài nỉ và nói : "Hãy thề đi, rồi ta sẽ thả ngươi ra, hãy rửa Christ đi". Polycarp đáp "Đã 86 năm qua, tôi hầu việc Ngài, và Ngài không hề làm cho tôi một điều xấu nào; tôi nào nguyên rửa Vua của tôi, là Đấng đã cứu tôi ?" (Stevenson, trang 21) Sau nhiều dịp nữa để cho ông chối bỏ Đấng Christ mà không được, Polycarp đã bị dẫn đi và đưa lên giàn hỏa thiêu. Loại lời chứng này đã tác động lên các đạo phủ và đám đông đang chứng kiến. Nó đã trở nên phổ thông với những người chịu chết vì Đấng Christ, đó là những kẻ được cảm động chịu từ bỏ mọi sự vì cơ Ngài. Họ cần một loại niềm tin quyết giống như vậy trong cuộc sống để đối diện với cái chết mà các người tuân đạo đã thể hiện.

Một người không trở nên thánh khiết hơn vì cơ người ấy chết cho Đấng Christ.

Thường thì sống cho Ngài khó hơn là chết cho Ngài. Nói chung Hội Thánh đầu tiên không chấp nhận hay khích lệ những kẻ tìm kiếm sự tuận đạo, tuy vậy nhiều người đã đối diện với sự chết trong niềm tin quyết.

15. Hãy phân biệt giữa những gì quan Trấn thủ muốn nói và những gì Polycarp đã nói qua câu "Từ bỏ bọn vô đạo".

.....  
...  
.....  
...

16. Theo Polycarp, điều gì đã làm cho ông có thể đối diện với sự chết mà không chịu chối bỏ đức tin của ông ?

.....  
...  
.....  
...

17. Theo [Phi Pl 1:20-26](#), một tín đồ cần phải đối diện với sự chết trong sự

a) tận tâm một cách vững vàng với Đấng Christ bất kể hoàn cảnh nào.

b) vui lòng vì lợi ích Đấng Christ

c) ao ước được tiếp tục sống để Đấng Christ được cả sáng

d) tất cả các câu trên

Binh Vực Đức Tin

Một số Cơ Đốc nhân đã nhóm lại bí mật, một số chịu chết vì niềm tin nơi Đấng Christ. Một số khác cố gắng trả lời cho các lời buộc tội và các quan niệm sai lầm đang được lưu truyền để chống lại Cơ Đốc nhân. Những người soạn các tác phẩm để biện hộ được gọi là những nhà Thân Oan. (Chúng ta sẽ nghiên cứu về một số nhà Thân Oan trong Bài 4). Họ chú tâm vào một thế giới thù địch để nỗ lực giải thích về Cơ Đốc giáo và giải thoát Cơ Đốc giáo khỏi các lời buộc tội tầm thường, cũng như khỏi những sự công kích tinh vi hơn.

Các nhà Thân oan dành thời gian để cố gắng bẻ bác các lời buộc tội về thuyết vô thần, sự loạn luân, tập tục ăn thịt người, và về sự phản bội. Họ cũng cố gắng giải thích về đức tin Cơ Đốc bằng cách so sánh nó với Do Thái giáo, các tôn giáo thần bí, sự thờ phượng của nhà nước và triết lý. Dù rằng họ dâng các bài viết của mình cho Hoàng đế, thực ra họ đang viết cho giới công chúng có học thức thời ấy với hy vọng thay đổi được quan niệm của công chúng và dắt đem nhiều người đến với Đấng Christ.

18. Một lần nọ, tôi có nghe nói rằng : "Tin lành không cần được binh vực, Tin lành chỉ cần được rao giảng ra mà thôi !" Bạn có đồng ý hay không ? Hãy giải thích tại sao. Hãy viết vào vở của bạn.

19. Theo [Iphi 1Pr 3:15](#), [CoCl 4:6](#), [Tit Tt 1:9](#)

a) Không cần phải binh vực cho Kinh Thánh

b) Cơ Đốc nhân không cần phải có khả năng giải thích đức tin của mình cho những người khác.

c) Cơ Đốc nhân phải tranh cãi về tôn giáo.

d) Cơ Đốc nhân được yêu cầu phải có khả năng bình vực cho Tin lành.

20. Hãy đọc [Cong Cv 9:22, 29](#); [17:3, 17](#) và [18:4](#). Hãy kể ra các vấn đề Phao lô đã làm chứng tỏ rằng ông là một nhà Thân oan Cơ đốc.

.....  
.....  
21. Các phản ứng của Cơ Đốc nhân đối với cơn bắt bớ bao gồm việc bí mật thờ phượng cũng như công khai bình vực đức tin. Hãy kể ra các tình huống mà ngày nay bạn biết được các kiểu phản ứng với cơn bắt bớ này đang được thực hiện. Hãy viết vào vở của bạn.

### KẾT QUẢ CỦA CƠN BẮT BỚ.

Dù không phải lúc nào các cơn bắt bớ cũng nghiêm trọng, nhưng chúng đã tác động đến sinh hoạt và việc làm chứng của các Cơ Đốc nhân đầu tiên. Sự tận tâm kiên quyết với Đấng Christ và vui lòng chịu chết vì Ngài đã chinh phục nhiều kẻ mới tin nhận Ngài và ổn định những tín hữu đang bị nao núng dưới áp lực của cơn bắt bớ. Nói chung, các tác động của cơn bắt bớ đã củng cố Hội Thánh và làm cho Hội Thánh bành trướng.

Sự Khâm Phục Những Người Tuận Đạo.

Cái chết của Cơ Đốc nhân đầy đau đớn và công khai. Trong tác phẩm *Global View of Christian Missions*, J. Herbert Kane có trích một lời chứng của một nhân chứng về các Cơ Đốc nhân tuận đạo.

Họ bị xử tử cực kỳ tàn nhẫn, và Nero còn gia thêm những sự giễu cợt và nhạo báng vào sự chịu khổ của họ. Nhiều người bị bọc trong những tấm da dã thú, rồi quăng cho lũ chó cắn xé; nhiều người khác bị đóng đinh trên cây thập tự; nhiều người bị thiêu cho đến chết; nhiều người bị tẩm trong những chất dễ cháy rồi đem đốt để làm những cây đuốc suốt đêm (trang 130).

Những người đã đóng ấn lời chứng bằng chính huyết của mình dần dần rất được khâm phục. Sự tuận đạo của họ là dấu hiệu tối hậu cho việc làm môn đồ Đấng Christ. Chuyện kể rằng Origen, sau này là một nhà Thân oan nổi danh, khi còn là một cậu bé đã muốn được xử tử chung với cha ông. Mẹ ông đã ngăn cản bằng cách giấu y phục của ông.

Chẳng bao lâu, sự khâm phục này đã biến thành sự sùng bái. Nhiều Cơ Đốc nhân cảm thấy những người tuận đạo là thánh khiết và được Đức Chúa Trời ban phước cách đặc biệt. Chẳng hạn như Hội Thánh Si miệc nơ đã kỷ niệm sự chết của Polycarp hàng năm, họ nhóm họp quanh ngôi mộ của ông. Những thông lệ như thế đã dẫn đến việc sùng bái các di vật của các người tuận đạo. Dân chúng đi dần đến chỗ tin rằng các lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời hơn danh các người tuận đạo cụ thể có hiệu quả một cách đặc biệt.

Vì vậy, Hội Thánh đầu tiên bắt đầu liên kết các ý tưởng về các thần ngoại giáo với các người tuận đạo. Họ trân trọng giữ các thánh tích; các ngôi mộ, và bất cứ thứ gì có liên hệ mơ hồ với những người tuận đạo. Họ đi dần đến chỗ tin rằng những vật đó có quyền phép để làm các phép lạ. Trong các thế kỷ sau, sự khâm phục tột độ này đã được đưa vào trong nền thần học của Hội Thánh.

22. Sùng bái những người tuận đạo có nghĩa là

- a) sự khâm phục đơn thuần
- b) lòng kính sợ
- c) sự công nhận đầy tôn trọng
- d) sự quan tâm

23. Kết quả tiêu cực trong sự khâm phục các người tuận đạo của Hội Thánh đầu tiên là gì ?

.....  
.....

### Truyền Bá Đức Tin

Trong [Cong Cv 8:1-4](#), chúng ta thấy điều đó là một kết quả của việc Ê tiên tuận đạo và con bắt bớ Hội Thánh. Các Cơ Đốc nhân đi khắp nơi rao giảng Tin lành. Suốt lịch sử Hội Thánh, chúng ta sẽ thấy con bắt bớ đem lại sự bành trướng.

Thông tin về các sự di chuyển của các Cơ Đốc nhân đầu tiên ấy rất hạn chế. Chúng ta chỉ có những lời nói bóng gió về những gì đã xảy ra. Một Hội Thánh đã được thành lập tại Rô ma trước khi Phao lô đến đó. Ông có đi Tây Ban Nha như điều ông mong ước hay không ([RoRm 15:24](#)), chúng ta không biết được. Phi e rơ đã gửi lời chào thăm từ "Ba bi lôn" ([IPhi 1Pr 5:13](#)). Dù nhiều học giả cho đây là một lời nói ám chỉ đến Rô ma (nơi Phi e rơ đã tuận đạo với Phao lô), nhưng có thể nó thật sự nói đến một Hội Thánh ở trong vùng Mê sô pô ta mi.

Những bức thư của Giáo phụ Ignatius (111-115 S.C) được viết cho các Hội Thánh ở Ê phê sô, Magnesia, Tralles, Philadelphia, và Smyrna trong vùng Tiểu Á. Cơ đốc giáo đã di chuyển về hướng Đông của Palestine, bước vào vùng Mesopotamia, đặc biệt là Dessa và Osrhoene. Vào thế kỷ thứ hai, Hội Thánh đã được thành lập ở xứ Gaul (nước Pháp ngày nay) với một giáo phận ở tại Lyons. Rõ ràng là đức tin đã được truyền khắp các làng mạc cũng như các thành phố.

Vào thế kỷ thứ ba, tại Tây Ban Nha đã có nhiều Hội Thánh và nhiều giám mục (Hãy nhớ các giám mục là các trưởng lão đã được tuyển chọn để coi sóc các trưởng lão khác) Không ai biết được Cơ đốc giáo đã đến quần đảo Anh Quốc lần đầu tiên bằng cách nào. Chúng ta chỉ biết rằng năm 314 S.C, ba giám mục từ York, London, và Lincoln đã có mặt tại hội nghị xứ Arles bây giờ thuộc miền Nam nước Pháp.

Tại lục địa Châu Phi, Cơ đốc giáo được hoan nghênh tại Ai Cập. Thực ra, Alexandria đã trở nên những trung tâm chính của nền thần học Cơ đốc và các nhà truyền giảng Tin lành. Dù Hội Thánh Alexandria tuyên bố Mác đã giảng Tin lành ở

đó, nhưng không ai rõ ai là người đầu tiên đem đức tin đến đó. Tại Ai Cập, Cơ đốc giáo không chỉ đã thâm nhập vào cộng đồng Do Thái, mà còn cả cộng đồng Hy Lạp nữa. Một bản dịch Kinh Thánh qua ngôn ngữ Copt được khởi sự không trễ hơn giữa thế kỷ thứ ba.

Cyrene (Sy ren), một vùng xa hơn về phía Tây Châu Phi, đã có khoảng 6 giáo phận vào năm 410 S.C. Thật thích thú khi suy nghĩ đến mối liên hệ khả dĩ giữa sự kiện này và 4 lần người Sy ren được Tân Ước nhắc đến ([Mat Mt 27:32](#); [Cong Cv 2:10](#); [11:20](#); [13:1](#)).

Trong vùng này, ngày nay được biết dưới cái tên Tunis và Algeria, Cơ đốc giáo đã được tiếp nhận một cách rộng rãi. Có lẽ Tin lành đã đến vùng này cả từ phía Rô ma lẫn Ai Cập. Các Cơ Đốc nhân ở đây chủ yếu nói tiếng La tin, và có lý do để tin rằng bản dịch Kinh Thánh ra tiếng La tin trước tiên xuất phát từ vùng này. Các Hội Thánh ở Châu Phi nằm trong số các Hội Thánh mạnh mẽ nhất đế quốc. Họ có được nhiều giám mục, một số các bản dịch Kinh Thánh sớm nhất, nhiều nhà truyền giáo và nhiều nhà thần học nổi danh nhất của Hội Thánh đầu tiên.

Khả năng bành trướng Hội Thánh có thể cũng đã có từ ngày Lễ Ngũ Tuần. Dân chúng tụ tập về Giê ru sa lem là dân từ một vùng lãnh thổ rộng lớn, dân gồm nhiều dân tộc ([Cong Cv 2:5-11](#)). Thực ra, Lu ca nói rằng có nhiều người Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời đến đó từ mọi quốc gia trong thiên hạ. Những người này đã chứng kiến việc Đức Thánh Linh tuôn đổ trên Hội Thánh và ban quyền năng cho Hội Thánh. Không có gì để nghi ngờ rằng nhiều người trong số họ đã tin Chúa Jesus và đem Tin lành về quê hương của mình.

24. Dựa trên thông tin nêu trong phần này, hãy chỉ ra những vùng nằm trong sự bành trướng của các Cơ Đốc nhân đầu tiên bằng cách gạch dưới các địa danh trên bản đồ nằm ở trang sau.

Những thế kỷ đầu của Hội Thánh Cơ đốc đã được đánh dấu cả bằng sự chống đối và bằng sự bành trướng. Các Cơ Đốc nhân đã thờ phượng một Đức Chúa Trời không thấy được, vì vậy, họ bị gọi là bọn vô đạo trong xã hội Rô ma, một xã hội buộc mọi người phải thi hành một số nghi thức nào đó của tôn giáo. Bị bắt bớ vì lối sinh hoạt độc đáo và từ chối thờ Hoàng đế, các Cơ Đốc nhân đã che dấu hoặc cố gắng bình vực cho đức tin của mình. Nhiều người đã chịu chết một cách can đảm. Đức Chúa Trời đã sử dụng cơn bắt bớ này làm vinh hiển Danh Ngài. Lòng nhiệt thành, sốt sắng của các Cơ Đốc nhân đã làm cho nhiều người tiếp nhận Đấng Christ và Sự sống đời đời

## BÀI TẬP

### SỰ TRUYỀN BÁ CƠ ĐỐC GIÁO

Cuối thế kỷ thứ tư .

Bài tự trắc nghiệm



**CÂU LỰA CHỌN .** Mỗi câu hỏi có một câu trả lời đúng nhất . Hãy khoanh tròn mẫu tự của câu trả lời đúng.

1. Sự thờ phượng của các Cơ Đốc nhân ban đầu khác với sự thờ phượng của cả người La Mã lẫn người Do Thái

- a) trong sự trung thành với một Đức Chúa Trời.
- b) vì không có các đối tượng bằng vật chất.
- c) trong sự dung nạp các tôn giáo khác.
- d) trong việc chi tiết hóa các nghi lễ.

2. Người Do Thái cảm thấy bị đe dọa bởi

- a) Việc truyền đạo của Cơ Đốc nhân.
- b) Sự thờ phượng Đấng Christ của Cơ Đốc nhân.
- c) Sứ điệp của Cơ Đốc nhân nói về sự tự do.
- d) Tất cả các câu trên.

3. Lối sống của các Cơ Đốc nhân ban đầu đã đem lại sự bất bớ, vì có nó

- a) đã đe dọa ý thức phân biệt giai cấp của người La Mã.
- b) đã gia thêm gánh nặng của nhà nước trong việc chăm sóc người nghèo.
- c) gây rối loạn nền hòa bình bằng những biểu hiện cảm xúc công khai của lối sống đó.
- d) Tất cả các câu trên.

4. Theo quan điểm của Thánh Kinh, các Cơ Đốc nhân

- a) được bảo vệ khỏi bị bắt bớ.
- b) bị đập tan khi bị bắt bớ.
- c) có khả năng phải đối diện với sự bắt bớ.
- d) không thể bị bắt bớ.

5. Các khám phá của ngành khảo cổ về các hầm mộ cho thấy Hội Thánh đầu tiên

- a) là Hội Thánh tận tâm.
- b) đã tiếp nhận sự chỉ dạy.
- c) đã làm lễ Báp têm và Tiệc Thánh.
- d) Tất cả các câu trên.

**CÂU ĐÚNG - SAI .** Hãy viết chữ Đ vào khoảng trống trước câu đúng , viết chữ S nếu là câu sai.

.....6 Theo quan điểm của Kinh Thánh, việc binh vực cho đức tin là một việc làm phí thời gian, vì Tin lành không cần phải binh vực làm gì.

.....7 Khi sự khâm phục các người tuận đạo tăng lên, nó đã bắt đầu biến thành một kiểu sùng bái của ngoại giáo trong việc thờ phượng các thánh.

.....8 Hội Thánh đã được thành lập tại Tiểu Á, ở lục địa Châu Âu, ở Châu Phi với nhiều giáo phận tại mỗi vùng vào cuối thế kỷ thứ tư.

**TRẢ LỜI NGẮN .** Trả lời ngắn gọn các câu hỏi sau bằng lời của bạn .

9. Hãy giải thích tại sao việc các Cơ Đốc nhân vâng lời Chúa Jesus dạy : "Hãy trả

cho Sê sa vật gì của Sê sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời", dường như đã đe dọa sự thống nhất về mặt chính trị của Đế Quốc La Mã.

.....  
.....  
.....  
.....

10. Dọc vào từng trái của Polycarp và lời giải thích của Phao lô trong [Phi Pl 1:20-26](#), thái độ đúng đắn của một tín đồ đang đối diện với sự tuận đạo là gì ?

.....  
.....  
.....  
.....

Giải đáp các câu hỏi nghiên cứu

13. Sự bắt bớ là điều hoàn toàn bình thường. Nếu Cơ Đốc nhân không bị bắt bớ vì đức tin thì đó là điều đáng ngạc nhiên hơn là việc họ chịu bắt bớ. Đức tin của Cơ Đốc nhân được củng cố trong những lúc bị bắt bớ.

1. Ông đã nói phạm đến Đức Chúa Trời và Môi se, và ông đã nói phạm đến nơi thánh và luật pháp.

14. Câu trả lời của bạn. Hội Thánh đã được hình thành từ chính những tín hữu tận tâm, có kỷ luật, là những người đã phải thường hay nhóm lại nơi bí mật để thờ phượng Đức Chúa Trời và tiếp nhận lời chỉ dạy cho đức tin. Vì cơ họ đã liêu khi nhóm chung với nhau, họ đã rất nghiêm túc trong phương pháp sống của họ.

2. Các Cơ Đốc nhân không có một vị thần hữu hình và các vật thể để thờ phượng.  
15. Quan Tổng trấn muốn nói là từ bỏ những Cơ Đốc nhân đang thờ phượng một Đức Chúa Trời không thấy được, trong khi Polycarp muốn nói từ bỏ những người ngoại giáo đang thờ thần tượng.

3. a) khinh miệt

16. Ông công nhận mình đã mang ơn Đấng Christ, Đấng trước hết đã cứu ông bởi ân điển và chẳng hề xây khôi ông.

4. Người A then chính là những người thờ thần tượng rất sùng đạo. Họ không thể hiểu được Cơ đốc giáo, tôn giáo tập trung vào Đức Chúa Trời, Đấng không cần sự trợ giúp của con người hay các hình thái vật chất như vàng, bạc. Phao lô đã nhấn mạnh Đức Chúa Trời là Đấng Tạo hóa cho chúng ta không thể bị con người hạ xuống thành ra một đồ vật để thờ phượng.

17. d) Tất cả các câu trên.

- 5. a Sai
- b Sai
- c Đúng
- d Sai
- e Đúng

18. Câu trả lời của bạn. Hãy tham khảo các câu Kinh Thánh trong câu hỏi 19.

6. Câu trả lời của bạn. Bạn có thể đáp : "Tôi không thể dâng hương và thờ cúng một con người như Sê sa. Đấng Christ là Vua của tôi".

19. d) Cơ Đốc nhân được yêu cầu phải có khả năng bình vực cho Tin lành.

7. Câu trả lời của bạn. Chính quyền sợ có sự nổi loạn và không thống nhất trong đế quốc vì có sự bất trung rõ ràng của các Cơ Đốc nhân khi họ từ chối tuân hành nghi lễ thờ Hoàng đế. 20. Chứng minh; trò chuyện và tranh luận, giải nghĩa và chứng minh; biện luận, cố thuyết phục.

8. Những ngăn cách giữa dân tộc và địa vị xã hội đã bị phá bỏ trong Đấng Christ.

21. Câu trả lời của bạn. Có nhiều trường hợp do áp lực của xã hội, và mất những người bạn thân. Có một số vùng, áp lực chính trị buộc họ phải nhóm lại cách bí mật. Đôi khi, nhiều người bị buộc phải rời bỏ Hội Thánh trước đó của họ, sau khi họ tìm ra Đấng Christ làm Cứu Chúa.

9. Câu trả lời của bạn. Có thể bạn sẽ trích các câu Kinh Thánh Cựu ước lên án việc làm đồ huyết. Đức Chúa Trời tuyên bố mọi người đều quý giá..v..v..

22. b) lòng kính sợ

10. Câu trả lời của bạn. Họ không thể hiểu nổi việc rút lui khỏi các sinh hoạt trong xã hội và việc thờ phượng bí mật của các Cơ Đốc nhân. Họ nghi Cơ Đốc nhân che dấu các hành động kinh kiếp hoặc các âm mưu.

23. Nhiều người bắt đầu trân trọng gìn giữ các đồ vật và địa danh liên quan đến các người tuận đạo và gán cho chúng nhiều quyền năng đặc biệt. Họ đã đưa các yếu tố thờ phượng của ngoại giáo vào trong đời sống của họ.

11. Câu trả lời của bạn. Họ đã truyền bá Tin lành và thực thi các hành động yêu thương kẻ nghèo, kẻ đau ốm, người bị ruồng bỏ, nhưng đã tự kiềm chế để không bị dính líu đến các phong tục và các sự kiện của người ngoại giáo (thế gian).

24. Cơ đốc giáo đã phát triển khắp trong Đế quốc La Mã như đã biểu diễn trên bản đồ trong Bài 2 với sự tiếp cận tại xứ Armenia, Dacia và Bỉ.

12. a 2) Chính trị

b 3) Xã hội

c 1) Tín ngưỡng

d 3) Xã hội

e 1) Tín ngưỡng

f 2) Chính trị

**BÀI HỌC 4: Các Nhà Lãnh Đạo Hội Thánh**

Thomas Carlyle, một sử gia người Anh (1795-1881) nói rằng : "Lịch sử là thực chất của những bản tiểu sử không thể đếm nổi". Trong bài này, chúng ta sẽ thấy những bản tiểu sử tóm tắt của nhiều vị lãnh tụ của Hội Thánh từ cuối thế kỷ thứ nhất đến giữa thế kỷ thứ ba. Chúng ta sẽ ôn lại các hành động của họ để thiết lập một Hội Thánh tăng trưởng đang bị đế quốc thù địch chống đối. Họ đã đối diện với các tình huống khó có thể tin được, tuy vậy, Đức Chúa Trời đã giúp họ trong cơn đau đớn của họ. Khi nghiên cứu về những người này, những người xuất thân từ nhiều địa danh và nền văn hóa khác nhau, bạn sẽ hiểu được những đóng góp của họ. Đức Chúa Trời đã ban phước cho họ bằng sự phong phú của các ân tứ Ngài, để trợ giúp cho sự phát triển của Hội Thánh trẻ trung này. Sự hiểu biết đôi chút về những gì các bậc tiền bối đã làm sẽ giúp bạn hiểu nhiều phương diện trong lịch sử Hội Thánh. Nó cũng sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về Hội Thánh của chính bạn. Bạn có thể vui mừng vì Đức Chúa Trời đã luôn luôn sử dụng những ai tận tâm trong sự hầu việc Ngài để có ích cho Vương quốc Ngài. Khi nghiên cứu bài này, có thể bạn cần phải phản ánh cương vị của bạn trong việc xây dựng vương quốc Ngài.

#### Các Giáo Phụ.

- . Clement ở Rô ma : Người Chăm bầy tận tụy
- . Ignatius : Người vui lòng tuân đạo
- . Polycarp : Mối liên kết với các Sứ đồ

#### Các Nhà Thân Oan.

- . Justin Martyr : Người biện hộ tài năng
- . Aristides, Athenagoras, Tatian : các nhà Thân oan.

#### Các Thiên Tài Lãnh Đạo.

- . Irenaeus : Nhà bút chiến công hiệu
- . Tertullian : Cha đẻ của nền thần học La tin
- . Cyprian : Cha đẻ của thể chế giám mục
- . Origen : Học giả và Giáo sư

Khi học xong bài này bạn sẽ có thể :

Ừ Tìm ra và đánh giá các đóng góp của các nhà lãnh đạo Hội Thánh đầu tiên vào việc phát triển Hội Thánh.

Ừ Sử dụng bất cứ sự sáng suốt nào có thể áp dụng được cho Hội Thánh tại địa phương bạn.

1. Nghiên cứu bài theo các chỉ dẫn trong Bài 1.
2. Ghi chú trên các bản đồ sự phân chia tự nhiên giữa các Hội Thánh phía Đông và phía Tây đã xảy ra rất sớm trong lịch sử Hội Thánh.
3. Làm bài tự trắc nghiệm và kiểm tra câu trả lời của bạn. Các từ then chốt.

Tỷ dụ hóa  
Cấm dục (khổ tu)  
người đang học Phước âm yếu chỉ  
Sống độc thân  
Đấng - Christ - Học - bán - thân  
Đấng Hóa Công của giáo hội  
thể chế giám mục  
Giám mục đoàn  
chú giải

### CÁC GIÁO PHỤ THỜI SAU CÁC SỨ ĐỒ

Các sứ đồ như Giăng, Phao lô, Phi e rơ chỉ viết cho Cơ Đốc nhân và vì Cơ Đốc nhân. Chúng ta có những lá thư của họ trong Tân Ước. Các bài viết này đề cập đến nhiều phương diện khác nhau trong đời sống Cơ Đốc nhân. Quãng thời gian kéo dài từ cuối thế kỷ thứ nhất đến đầu thế kỷ thứ hai, có nhiều nhà lãnh đạo Hội Thánh mà chúng ta có thể gọi là các giáo phụ sau thời các sứ đồ. Họ cũng chỉ viết cho các Cơ Đốc nhân. Chúng tôi sẽ giới thiệu ba vị trong số các giáo phụ ấy.

Clement ở Rô ma : Một người chăn bầy tận tụy.

Chúng ta biết rất ít về cuộc đời của Clement ở Rô ma. Nhiều học giả nói rằng ông là người được đề cập đến trong Phi líp 4:3;. Ông là vị lãnh đạo của Hội Thánh tại Rô ma lúc ông viết một bức thư dài gửi cho Hội Thánh Cô rinh tô, khoảng năm 97 S.C. Lá thư này rất quan trọng, vì nó cho biết nhiều nan đề, tương tự như những nan đề đã thôi thúc Phao lô viết thư cho Hội Thánh này, vẫn không được giải quyết nhiều năm sau đó. Tuy nhiên, giá trị của bức thư ấy còn lớn lao hơn thế, vì nó là một gương mẫu cổ nhất của văn chương sau thời các sứ đồ.

Trong thư Clement không cố gắng củng cố bất cứ thẩm quyền nào. Đúng hơn, xuất phát từ mối quan tâm đơn thuần của người chăn dắt với bầy chiên của Đức Chúa Trời, ông cố giải quyết nan đề. Ông viết thư này vì có nhiều người dấy lên nghịch cùng các trưởng lão. Clement mở đầu thư bằng cách yêu cầu các tín hữu Cô rinh tô phải khiêm nhường và vâng lời. Ông đi ngay vào căn nguyên của nan đề : sự kiêu ngạo. Ông trích dẫn nhiều ví dụ từ Cựu ước (hầu như 150 ví dụ) để cho thấy hậu quả của sự ương ngạnh.

Trong lời nài xin Hội Thánh, Clement đã trình bày một nền tảng vững chắc cho sự thánh khiết của chức giám mục. Chính các sứ đồ đã bổ nhiệm các giám mục và các chấp sự để phục vụ trong địa vị lãnh đạo Hội Thánh. Ông nói rằng: Sẽ là phạm tội nếu giáng chức một người mà người đó vẫn trung tín hầu việc trong chức vụ đó. Cuối cùng, Clement đã khẩn khoản kêu gọi sự hiệp một và dâng lời cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ họ.

1. Nền tảng của lời nài xin hiệp một do Clement viết cho Hội Thánh Côrinhtô là  
a. Các tác phẩm của Phaolô trong Tân ước.

b. Thẩm quyền của chính ông là giám mục ở Rôma.

c. Các ví dụ trong Cựu ước nói về sự ương ngạnh.

d. Tất cả các câu trên.

2. Bạn nghĩ vì sao Clement đã trích dẫn rất nhiều câu Kinh Thánh Cựu ước trong lời nài khuyên người Côrinhtô.

.....

...

.....

...

3. Hãy đọc [ICo1Cr 1:10-13](#), [3:3-6](#); [6:1](#) và [IICo 2Cr 12:20](#). Theo các phân đoạn này một trong những nan đề thường được Phaolô nhắc đến là gì?

.....

...

.....

...

4. Hãy liệt kê một vài điều trong phương pháp giải quyết của Clement đối với Hội Thánh Côrinhtô mà nó có thể giúp bạn giải quyết nan đề của Hội Thánh. Hãy viết vào vở của bạn.

Ignatius: Người Vui Lòng Chịu Tuận Đạo

Ignatius (khoảng 50-115 S.C), giám mục của Hội Thánh Antiôt xứ Syri đã bị bắt giữ vì ông là một Cơ Đốc nhân. Việc này xảy ra trong thời Pliny bắt bớ các Cơ Đốc nhân ở xứ Bithini ngay phía Tây Bắc. Ignatius bị các lính gác có vũ trang giải đến Rôma và bị xử tử tại đó. Dù là một tù nhân, ông vẫn được phép viết thư cho nhiều Hội Thánh và nhiều người trên đường đi đến Rôma. Nhờ các bức thư này, chúng ta có một cái nhìn mới về các nan đề và các cơ hội mà Hội Thánh có được trong những năm đầu sau khi các sứ đồ qua đời.

Ignatius quan tâm đến đời sống thánh thiện và qua đời thánh thiện. Ông đã vui lòng, thậm chí hăm hở chịu chết vì Đấng Christ. Trong bức thư gửi cho Hội Thánh Rôma yêu cầu họ đừng làm điều gì để ngăn trở ông chịu tuận đạo, ông nói rằng: "Tôi thích chịu chết vì Đấng Christ hơn là cai trị toàn thế giới này. Hãy để mặc tôi cho những con thú để nhờ chúng, tôi có thể thành người ngồi đồng bàn với Đức Chúa Trời". Sự can đảm của ông đã và còn đang là sự cảm động cho nhiều tín đồ đang đối diện với sự bắt bớ.

Qua các bức thư, Ignatius đã đóng góp một số ý kiến mới về sự tổ chức cho cộng đồng Hội Thánh. Ví dụ như ông là người đầu tiên nói đến Hội Thánh "Công giáo" ("Catholic" Church), nghĩa là một Hội Thánh phổ thông.

Bị xáo trộn do mối nguy hiểm của sự chia rẽ và giáo lý giả nguy trang Hội Thánh, nên Ignatius đã kêu gọi một sự hiệp một Cơ Đốc, tập trung vào giáo phận. Ông đã phân biệt giữa ban "giám mục" và "trưởng lão" để có được ba cấp bậc chức vụ: Giám mục trưởng lão và chấp sự. Ông coi vai trò của giám mục ngang với vai trò

của Đức Chúa Trời, vai trò các trưởng lão ngang với vai trò hội các sứ đồ, và các chấp sự ngang với vai trò chức vụ của Chúa Jesus Christ.

Mẫu mực "chức vụ bộ ba" đã trở thành mẫu mực phổ thông trước thế kỷ thứ ba. Giám mục trở thành vị lãnh đạo không phải bàn cãi gì nữa trong cộng đồng Cơ Đốc. Dầu sự phân biệt này đã khuyến khích sự gia tăng quyền bính của giám mục, Ignatius đã không đề cao vị giám mục tại Rôma. Đối với ông, vị lãnh đạo Hội Thánh tại Rôma cũng chỉ là một trong những vị lãnh đạo Hội Thánh địa phương. Ignatius cũng đã đề cập đến hai tà thuyết: Chủ nghĩa duy luật pháp của người Do thái (thuyết Ebionitism) và Hình như thuyết Docetism), (chúng ta sẽ học hai thuyết này trong bài 5). Người Do thái khẳng định cho rằng giữ luật pháp là việc cần yếu để được sự cứu rỗi, nhưng Ignatius đáp rằng các Đấng tiên tri trong Cựu ước đã mong đợi Đấng Christ, là Đấng bày tỏ Đức Chúa Trời hằng sống. Chồng lại với các giáo sư của Hình như thuyết, là những người cho rằng Đấng Christ chỉ là ma hay là bóng ma, ông đã tranh luận rằng Đấng Christ thực sự sinh ra bởi bà Mari, đã thực sự ăn và uống, đã thực sự bị bắt bớ dưới tay Bôn-xơ Philát, đã thực sự bị đóng đinh trên cây thập tự và bị chết, và đã thực sự sống lại từ trong kẻ chết. Cả người Do thái lẫn người theo thuyết Docetism thực sự không hiểu các lẽ thật của Kinh Thánh. Ignatius đã nêu lên rằng, vì Đức Chúa Trời đã trở thành con người, đã làm ứng nghiệm Cựu ước, thực sự đã sống và đã chết, Ngài trời hơn là việc tuân giữ luật pháp hay chỉ là bóng ma. Mọi lá thư của ông đều mang tính thần học lấy Đấng Christ làm trung tâm.

5. Sắp xếp các đóng góp (trái) phù hợp với các vị lãnh đạo Hội Thánh (phải).

.....a Xác định ba cấp bậc chức vụ

.....b Viết tác phẩm cổ nhất thời các giáo phụ.

.....c Giải quyết nan đề chia rẽ Hội Thánh

.....d Xem vị Giám mục tại Rôma là vị lãnh đạo của Hội Thánh phổ thông.

6. Quan điểm của Ignatius về "Giám mục" và "Trưởng lão" khác nhau như thế nào so với quan điểm của Thánh Kinh đã được trình bày trong phần "Hình Thức Tổ Chức" ở bài 2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Hãy kể ba sự đóng góp của Ignatius cho Hội Thánh đầu tiên.

.....

.....

.....

.....

## Polycarp: Mối Liên Kết với Các Sứ Đồ

Một người đã nhận bức thư của Ignatius là Polycarp, vị giám mục tại Simiêcnơ (khoảng 70-156). Bạn còn nhớ đến phần nói về phiên xứ Polycarp trong Bài 3 không? Polycarp không chỉ là bạn của Ignatius mà ông còn là một môn đồ của sứ đồ Giăng. Ông đã trò chuyện với nhiều người đã từng biết Chúa Jesus khi Ngài sống tại Galilê. Vì vậy, Polycarp là mối liên kết quan trọng giữa Hội Thánh thời các sứ đồ và Hội Thánh về sau này.

Polycarp đã viết một bức thư cho Hội Thánh Philíp. Ông khích lệ họ hãy cứ vững vàng trong đức tin và làm các việc lành. Ông nhấn mạnh điều răn của sự công bình được làm trong đời sống ấy là "được dẫn dắt bởi lòng yêu mến Đức Chúa Trời, Đấng Christ và người lân cận". Ông cũng đề cập đến vai trò của người vợ, các quả phụ, các chấp sự, các trưởng lão. Về phần các trưởng lão, ông nói rằng:

Các trưởng lão cũng phải có lòng thương xót, nhân từ đối với mọi người, đem những ai đã lầm lạc quay trở lại, chăm sóc người đau ốm, không bỏ lơ các góa phụ, trẻ mồ côi hoặc người nghèo khổ; nhưng phải luôn nghĩ đến những điều đáng kính trọng theo cách nhìn của Đức Chúa Trời và của con người, cố nhịn mọi cơn giận giữ, sự thiên vị, đoán xét không công bằng, tránh xa mọi sự ham tiền, không hấp tấp nghĩ điều xấu cho bất cứ ai, cũng không đoán xét nghiêm khắc, biết rằng hết thảy chúng ta đều mắc một món nợ tội lỗi. (Petry; trang 11)

Bức thư này có tầm quan trọng vì Polycarp đề cập đến lá thư Phaolô đã viết cho Hội Thánh này. Thực ra Polycarp trích dẫn từ các sách Tân ước khoảng 60 lần, trong đó hơn 30 lần là từ các bức thư của Phaolô.

Dù Polycarp có thể đã đến Rôma để tìm kiếm một giải pháp cho một số các nghi vấn về thần học, mối quan tâm chính của ông không phải là giáo thể của Hội Thánh, nhưng là nhu cầu cho việc sống đạo mỗi ngày, sống như một Cơ Đốc nhân. Tác phẩm của ông chứng tỏ sự tận hiến riêng tư, sâu sắc cho Đấng Christ hằng sống.

8. Hãy chú ý cẩn thận đến định nghĩa của Polycarp về vai trò của vị lãnh đạo Hội Thánh. Suốt lịch sử Hội Thánh, vai trò này đang thay đổi. Theo Polycarp, điều gì dường như là toàn bộ đặc tính của người lãnh đạo Hội Thánh?

.....  
.....  
.....  
.....

9. Trong thư gửi Hội Thánh Philíp, nguồn thẩm quyền mà Polycarp dựa vào ấy là:

- a) Địa vị làm giám mục tại Simiêcnơ
- b) Chức vụ giám mục tại Rôma
- c) Ignatius, bạn ông.
- d) Các sách trong Tân ước

10. Ý nghĩa trong chức vụ và đời sống của Polycarp là gì?



.....  
.....  
.....  
**CÁC NHÀ THÂN OAN**

Không giống như các sứ đồ và các giáo phụ sau thời các sứ đồ, là người viết cho Cơ Đốc nhân, các nhà Thân Oan đã viết cho người ngoại. Họ đã viết như là triết gia hơn là như nhà thần học. Họ cố bình vực cho đức tin Cơ Đốc bằng những lời giải thích và biện minh hợp lý để chống lại những lời buộc tội vô lý từ sự chống đối của dân chúng.

**Justin Martyr Người Biện Hộ Tài Năng**

Justin Martyr (khoảng 100-165 S.C) là nhà Thân oan hàng đầu và là người phát ngôn trong giới văn học vào giữa thế kỷ thứ hai ở miền Đông Đế Quốc. Hãy chú ý sự phân chia của Hội Thánh phía Đông (Đông Giáo hội) và các Hội Thánh phía Tây (Tây Giáo hội) trên bản đồ. Sinh ra trong gia đình ngoại giáo, ông đã được huấn luyện như một triết gia chuyên nghiệp. Ông đã kể lại thể nào ông đã đi từ tôn giáo này sang tôn giáo khác để cố tìm ý nghĩa thỏa đáng của cuộc sống. Chính phẩm chất của cuộc sống Cơ Đốc và cách thức họ đối diện với sự chết đã gây ấn tượng tốt trên ông.

Sau khi qui đạo, Justin Martyr cố gắng áp dụng quá trình huấn luyện chuyên môn của mình để hầu việc Đức Chúa Trời. Trong các tác phẩm của mình, ông cố bày tỏ rằng Cơ Đốc nhân không phải là bọn vô đạo, cũng không phải là kẻ thờ thần tượng. Ông trình bày sự tranh luận tương tự như cuộc tranh luận của Phaolô tại Athên ([Cong Cv 7:16-31](#)). Ông nói rằng: "Thần tượng là những đồ vật dễ hư hỏng. Các của lễ chỉ hủy hoại những gì mà Đức Chúa Trời đã sáng tạo. Nước Đức Chúa Trời không phải là một vương quốc trên đất này. Vì vậy niềm tin cậy của Cơ Đốc nhân không nằm trong các lễ nghi hiện tại".

Cũng giống như các nhà Thân oan ở phía Đông, Justin Martyr nhấn mạnh các lời tiên tri trong Cựu ước, bày tỏ sự ứng nghiệm các lời tiên tri đó trong Tân ước qua Đấng Christ. Ông thường xuyên nói đến sự cứu rỗi cho dân ngoại bang cũng như dân Do thái nhờ sự chết và sự phục sinh của Chúa Jesus Christ. Theo phong tục của các nhà Thân Oan Đông phương, ông cũng so sánh Cơ Đốc với triết lý của ngoại giáo, trình bày Cơ Đốc giáo như là một triết lý cổ xưa nhất, đúng nhất và triết lý thiên thượng nhất.

Bằng nỗ lực giải thích cho những người đương thời của ông biết về những gì Cơ Đốc nhân đã làm trong bí mật, ông đã để lại cho chúng ta một bức tranh bằng lời về sự thờ phượng buổi ban đầu. Sự nhóm lại ngày Chúa nhật được đánh dấu bằng sự cầu nguyện, đọc các sách thánh, cử hành nghi lễ Báp têm và Tiệc thánh, thâu góp sự dâng hiến, các của dân và sự thông công.

Những người mới hoán cải, những người được gọi là người đang học Phước Âm

Yếu Chỉ đã phải để nhiều thời gian (lên đến ba năm) cho việc cầu nguyện và kiêng ăn để được xá tội trong quá khứ của họ. Suốt thời gian này, họ được chỉ dạy, sau đó họ được làm phép Báp-têm bằng nước nhơn danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Jesus Christ và Đức Thánh Linh. Trong buổi nhóm với các anh em sau lễ Báp-têm, họ đã đồng dự bánh và rượu nho pha với nước đã được biệt riêng ra. Justin tuyên bố rằng bánh và nước nho này là thịt và huyết thật của Chúa Jesus nhập thể. Lý thuyết này về sau đã được triển khai thành một giáo lý chính thức.

Justin Martyr không ở lâu dài tại một ngôi nhà hay Hội Thánh nào. Là một nhà truyền giáo không chuyên, ông cảm thấy được Thánh Linh thúc giục nói về Đức Chúa Trời bằng những ngôn từ trí thức của những nhà tư tưởng thời đó. Các nỗ lực để minh chứng sự siêu việt của Cơ Đốc giáo đối với mọi triết lý và tôn giáo khác đã chiếm hết thời gian trong đời sống của ông. Ông đã tuận đạo trong cơn bắt bớ tàn khốc của Hoàng Đế Marcus Aurelius (161-180 S.C), là Hoàng Đế có tử thù với các Cơ Đốc nhân.

11. Justin Martyr đã bình vực cho Cơ Đốc giáo bằng lời tranh luận hợp lý nói rằng  
a. Con người không thể hạ thấp Đấng tạo hóa (Đức Chúa Trời) thành ra một hình tượng dễ hư hoại.

b. Sự cứu rỗi đến bởi đức tin, đức tin đến bởi nghe Lời Đức Chúa Trời.

c. Đời sống Cơ Đốc là cao quý hơn và đáng chính mình làm của lễ nhiều hơn lối sống của người ngoại giáo.

12. Từ quan điểm lịch sử, thật khó mà xác định sự tranh luận trí thức của Justin Martyr đã thành công như thế nào. Chúng ta không biết cuối cùng các nỗ lực của ông có làm giảm bớt áp lực của cơn bắt bớ trên Hội Thánh hay không. Dầu vậy, phương pháp của ông đã có thuận lợi gì?

.....  
.....  
.....

13. Hãy giải thích sự đóng góp của Justin Martyr cho sự phát triển Hội Thánh khác nhau như thế với sự đóng góp của các giáo phụ sau thời các sứ đồ?

.....  
.....  
.....

Aristides, Athenagoras, Tartian: Các Nhà Thân Oan

Aristides là một triết gia Cơ Đốc tại thành phố Athên. Khoảng 140 S.C, ông đã gửi một bức thư thân oan lên Hoàng đế Antonius Plus. Trong thư, ông so sánh sự thờ phượng của Cơ Đốc nhân với sự thờ phượng của người Canh đê, người Hylạp, và của người Do thái để minh chứng tính Ưu việt của nghi thức Cơ Đốc. ông cũng miêu tả các phong tục và đạo đức của Cơ Đốc nhân:

Vì họ biết và tin cậy nơi Đức Chúa Trời...họ không phạm tội tà dâm...không làm chứng dối, cũng không cũng không thêm muốn những vật gì được đem cầm cố...Họ hiếu kính cha mẹ, tỏ lòng nhân với những kẻ ở gần; ...họ đoán xét cách công bình...với kẻ áp bức họ, họ nhượng bộ....Và khi thấy khách lạ, họ tiếp rước vào nhà (Petry, trang 48)

Ông tiếp tục miêu tả sự chăm sóc của họ dành cho kẻ nghèo, kẻ bị tù trong chính dân sự mình.

Athenagoras là một giáo sư tại Athên, ông đã bị cáo trách về tội lỗi đang khi đọc Kinh Thánh. ông đã bẻ bác lại lời thuyết vô thần buộc tội Cơ Đốc giáo, ông dựa trên lý do các thần ngoại giáo chỉ là các tạo vật của con người. ông cũng chứng tỏ rằng các Cơ Đốc nhân không phạm tội loạn luân hay ăn thịt trẻ con, vì vậy họ không nên bị trừng phạt vì cố các lời buộc tội sai lầm.

Trong tác phẩm, Thơ gởi người Hylạp, Tatian vốn là một môn đệ của Justin Martyr, đã viết cho toàn thể dân chúng. Ông nêu lên tính ưu việt của Cơ Đốc giáo vượt trên triết học và thần bí học của người Hy lạp, ông tranh luận rằng Cơ Đốc giáo (bắt đầu với Môise) đã có từ trước dòng tư tưởng của người Hylạp.

14. Bạn nghĩ điều gì là những nguy hiểm của phương pháp giảng Tin lành dựa vào tri thức?

.....  
.....  
.....

15. Hãy đọc [ICo1Cr 1:8-16](#). Bạn nghĩ gì về điều Phaolô đã nói về phương pháp của nhà Thân Oan?

.....  
.....  
.....

## CÁC THIÊN TÀI LÃNH ĐẠO

Irenaeus: Nhà Bút Chiến Công Hiệu

Irenaeus (khoảng 140-202 S.C) được sinh ra và huấn luyện tại Simiêcnơ, ông đã trở thành nhà bút chiến cũng như một giám mục tại Lyon trong xứ Gaul. ông được học tập dưới sự dạy dỗ của Polycarp và nhiều người đáng kính khác. Có thể là ông được sai đến xứ Gaul làm một nhà truyền giáo. Irenaeus rất tích cực trong việc giảng Tin lành. Chinh phục nhiều linh hồn tại Lyon cho Đấng Christ. Sau khi trở thành giám mục năm 177 S.C, ông đã sai phái nhiều nhà truyền giáo sang nhiều vùng tại Âu châu theo ngoại giáo. Khắp lãnh thổ này, nhiều ân tứ của Thánh Linh đã được bày tỏ ra trong Hội Thánh thời Tân ước.

Đôi diện với cảnh các tà thuyết đang gia tăng, Irenaeus đã viết 5 tác phẩm bất hủ

được gọi là Chống Lại Tà Thuyết (Against Heresies). Dường như là nhà Thần oan binh vực Hội Thánh khỏi sự tấn công từ những người ở ngoài Hội Thánh, còn nhà bút chiến binh vực Hội Thánh thoát khỏi tà giáo ở bên trong Hội Thánh.

Trí huệ thuyết là tà thuyết chính mà Irenaeus đề cập đến. Chúng ta sẽ nghiên cứu chi tiết vấn đề này trong Bài 5. Nói vắn tắt thuyết này nhấn mạnh đến tri thức thuộc linh bí ẩn và dạy rằng Đấng Christ là một bán thần. Irenaeus đã dùng nguồn tài liệu từ Kinh Thánh để bác bỏ lại ý kiến của Trí huệ phái cho rằng vật chất xấu và cho rằng Đấng Hóa Công là vị thần tạo dựng thế gian. Ông đã nhấn mạnh các giáo lý Cơ Đốc căn bản: Thế gian được sáng tạo bởi một Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jesus là con Đức Chúa Trời đã chết để cứu nhân loại, và sẽ có sự sống lại của thân thể này.

Là một nhà thần học, Irenaeus đã dựa hoàn toàn vào Kinh Thánh, như chúng ta thấy trong tác phẩm Chứng Cớ trong Sự Giảng Dạy của các sứ đồ (Proof of the Apostolic Preaching). Trong các tác phẩm của ông, ông đã trung dẫn cả Cựu ước lẫn Tân ước và nêu lên sự hiệp nhất của hai phần này. Ông là người đầu tiên đã trung dẫn mỗi sách trong Tân ước.

Ông nhấn mạnh sự hiệp một của Hội Thánh như một thân thể nhờ các vị lãnh đạo của Hội Thánh. Thực ra, ông đã soạn một danh sách kế vị cho Hội Thánh tại Rôma. Bắt đầu từ Phierơ và Phaolô từ những năm 60. Ông nhấn mạnh sự hiệp một của Ba ngôi trong công cuộc sáng tạo và cứu chuộc. Ông đã viết về ảnh hưởng của Đấng Christ và chương trình của Đức Chúa Trời trong lịch sử. Vì vậy, ông đã dọn đường cho việc giải thích về sau này của Cơ Đốc nhân đối với lịch sử.

16. Để bác bỏ lại tà thuyết, Irenaeus đã dùng thẩm quyền của:

- a. Truyền thống.
- b. Sự kế vị các Sứ đồ
- c. Chức giám mục của ông.
- d. Kinh thánh

17. Tại sao nhất thiết phải đứng trên lập trường sống thực tiễn của chúng ta để đối phó và bác bỏ lại tà giáo?

.....  
.....  
.....

18. Hãy kể một vài đóng góp của Irenaeus vào sự phát triển hội thánh.

.....  
.....  
.....

Terrullian: "Cha đẻ của nền thần học Latin"

Suốt bốn thế kỷ đầu trong lịch sử Cơ đốc nhiều hội thánh nổi bật đầu nằm ở Bắc phi. Các hội thánh này tập trung quanh Carthage về phía Tây, và phía Đông, tập trung quanh Alexandria. Tertullian (khoảng 160-220.sc) được sinh trưởng tại Carthage và hấp thụ nền học vấn của Hylạp lẫn của Latin. Sau cuộc sống đòi trụ khi làm trạng sư tại Rôma, ông đã quay về với Cơ đốc giáo. Sau đó, ông đã dùng trình độ chuyên môn của mình để hầu việc Chúa bằng cách bận rộn với việc biên soạn các tác phẩm thân oan, tranh biện và thần học.

Tertullian đã trở thành nhà thân oan nổi danh nhất của Tây giáo hội (hay giáo hội Latin) cũng như Justin Martyr là nhà thân oan nổi danh nhất của Đông giáo hội. Trong tác phẩm Apology, ông đã chứng minh sự lô bịch về mặt luân lý và mặt lý của việc bắt bớ các Cơ đốc nhân, là người có giáo lý và luân lý tốt lành hơn giáo lý và luân lý của những lảng giềng ngoại giáo của họ. Ông cố gắng chứng tỏ tính ưu việt của Cơ đốc giáo với giáo thuyết của người ngoại, với tà thuyết, và đối với Do thái giáo. Cũng như các nhà thân oan khác, là những người sử dụng phương pháp trí thức để giảng Tin lành Tertullian đã sa vào nan đề của Hồn thành thuyết, kết hợp nhiều yếu tố của nhiều niềm tin khác nhau.

Là một nhà bút chiến, ông đã viết tranh biện với người Trí huệ phái và người theo Hình như thuyết. Cả hai nhóm này đã dạy rằng Đấng Christ kém hơn về thần tính. Tertullian tranh biện rằng:

Vì Đức Chúa Trời cũng là thần linh. Khi một tia sáng được chiếu ra từ mặt trời, nó là một phần của tổng thể, nhưng mặt trời sẽ có ở trong tia sáng, vì vậy, nó là tia sáng của mặt trời, cũng không phải là sự phân chia về bản thể, nhưng là một sự khuếch trương. Thánh linh ra từ Thánh linh, Đức Chúa Trời ra từ Đức Chúa Trời, cũng như tia sáng được chiếu ra từ sự sáng. Thuộc tính của cha mẹ vẫn còn nguyên và không bị suy suyền dầu cho bạn có sử dụng nhiều phẩm chất trong đó đi nữa. Vì vậy, đều đã đến từ Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời và con Đức Chúa Trời, và cả hai là một...(Stevenson, trang 171-172)

19. Tóm lược vấn tất những điều bạn nghĩ Tertullian muốn nói qua các câu trên.

.....  
..  
.....  
..

Tertullian đã sáng lập nền thần học Latin. Trong nhiều tác phẩm tiếng Latin của ông, chỉ còn sót lại ba mươi một tác phẩm. Tầm quan trọng của chúng đối với sự phát triển của thần học ấy là các định nghĩa thuộc về Đấng Christ học và giáo lý Ba Ngôi.

Xuất hiện trong tác phẩm Against Praxeas (215.sc). Ông là người đầu tiên dùng từ ngữ "Ba ngôi" và "bản thể" để diễn tả bản tánh của Đức Chúa Trời và Đấng christ ông binh vực thần tánh của Đấng christ khi khai triển giáo lý Ba Ngôi.

Ngoài những điểm nhấn mạnh khác Tertullian còn nói thẳng như một đấng Tiên tri

ngịch lại tình trạng hội thánh càng gia tăng việc bắt chức thế gian. Khi hội thánh đã được thêm nhiều người và được chấp nhận, hội thánh đã hấp dẫn nhiều người vốn đang sống theo thế gian. Ông kêu gọi một cuộc sống có đạo đức nghiêm khắc, không đi đến các kịch trường. Ông quở trách phụ nữ về y phục của họ và quở trách nam giới về sự liên can đến chính trị. Dù ông đã lập gia đình và xem hôn nhân là điều đáng kính trọng, nhưng ông nói rằng ở đạo thân là tốt hơn ông đã vượt qua các đòi hỏi của Kinh thánh bởi các đạo lý nghiêm khắc của mình.

Cũng giống Justin Martyr, Tertullian cũng là một người không chuyên nhưng đã hoạt động do nhiệt tâm thánh thiện để hầu việc Đấng Christ. Ông cố gắng kêu gọi hội thánh từ bỏ sự lệ thuộc vào guồng máy của giáo hội đang phát triển trong hội thánh do phủ nhận sự dẫn dắt của Đức thánh linh. Như chúng ta sẽ thấy trong bài 5, đây là mối quan tâm chính của giáo thuyết Montanism. Chính Tertullian đã trở thành người theo Montanism vào năm 207.sc.

20. Nếu bạn đang giải thích quan điểm của Kinh thánh cho một bè phái trong hội thánh, bạn đang hành động như một.

- a. Nhà thân oan.
- b. Nhà bút chiến
- c. Nhà thần học
- d. Nhà truyền đạo.

21. Tertullian đã làm náo động nhiều người vì ông giảng về các vấn đề cụ thể trong cách cư xử, như là lối ăn mặc. Những mối nguy hiểm nào đôi khi đi kèm với sự giảng dạy như thế sẽ xảy đến cho đời sống thuộc linh chân chính?

.....  
.....  
.....  
..

22. Đóng góp chính của Tertullian cho nền thần học là gì?

.....  
.....  
.....  
..

Cyprian: Cha đẻ của Thể Chế Giám Mục.

Cũng giống như Tertullian (khoảng 200-258.sc) sinh tại Carthage. Ông là con trai của một quan chức giàu có, người đã cho ông tiếp thu nền giáo dục Hylạp. Ông quy đạo khi đã thành niên, phần lớn do các tác phẩm của Tertullian. Do ông hiểu rằng độc thân và nghèo nàn là thiêng liêng, nên ông không hề lập gia đình và từ bỏ sự giàu sang mình có. Ông bác bỏ mọi thứ văn chương ngoại trừ Kinh thánh và các tác phẩm Cơ đốc. Chỉ hai năm sau khi trở nên Cơ đốc nhân, ông đã trở thành Giám mục tại Carthage (248-258.sc). Sự thăng chức của ông đã làm nhiều người tức

giận.

Con bắt bớ dưới thời Hoàng đế Decius lan ra khắp đế quốc vào năm 250.sc. Nhiều Cơ đốc nhân chịu tử bỏ đức tin và chịu dâng hương cho Hoàng đế. Nhiều người khác chịu hối lộ để có được một giấy chứng nhận họ đã dâng hương mặc dù trên thực tế họ đã không làm như vậy. Nhiều Cơ đốc nhân đã từ chối việc lui bước và còn làm người "tuyên xưng" đức tin nữa, một số người này đã chết vì cố Đấng Christ. Tất cả những ai đã lui bước trước sự bắt bớ đều bị gọi là Lapsi, nghĩa là họ đã sa ngã trong đức tin.

Sau đó, Cyprian và các nhà lãnh đạo khác đã phải giải quyết nan đề này, có nhận lại những người "lapsi" vào hội thánh không. Cornelius, vị giáo mục mới Rôma ủng hộ việc nhận họ lại ông trích các bức thư của Phao lô và ẩn dụ con chiên và người con trai hoang đàng để chứng minh rằng không tội lỗi nào là không thể tha thứ được nếu tội nhân thật lòng ăn năn tội lỗi của mình. Novatian, một Trưởng lão tại Rôma (ông muốn được lên làm Giám mục) đã chống đối việc nhận lại này. Ông xem người sa ngã này như là người "phạm tội nghịch cùng Thánh linh" và tội này không được tha thứ. Ông và những người theo ông đã tách ra khỏi hội thánh. Họ vẫn còn là một nhóm nhỏ, cứng nhắc về mặt đạo đức mãi cho đến đầu thế kỷ thứ VII, lan truyền từ Rôma đến Phi châu, Tiểu á và mọi nơi khác.

Cyprian đã lên án sự ly khai hội thánh của Novatian. Trước hết Novatian chỉ là một Trưởng lão. Ông đã chống đối thẩm quyền của người Giám mục. Cyprian đã viết tác phẩm sự hiệp một của giáo hội (The unity of the church) để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hiệp một và vị trí của Giám mục trong sự hiệp một ấy.

Vị Giám mục xứng đáng được sự kính trọng đặc biệt vì người ấy là người đại diện trực tiếp của các sứ đồ qua việc kế nghiệp các sứ đồ. Sự hiệp một của giáo hội tùy thuộc vào sự hòa thuận và bình đẳng của các Giám mục, là những người ở trong Giám mục đoàn. Ông nói rằng không có sự sống thuộc linh, không có chức vụ, không có giáo nghi, không có sự cứu rỗi nào ở bên ngoài giáo hội. Không thể nào Đức Chúa Trời là Cha mà không có giáo hội như là Mẹ.

Trong những thế kỷ đầu tiên của hội thánh, các nhà lãnh đạo Cơ đốc thường không phân biệt giữa các nhóm ngoại giáo và các nhóm ly khai (tách ra khỏi nhánh chính). Sự nhấn mạnh này nhằm vào một hội thánh có một Giám mục đoàn không bị chia rẽ. Vào năm 255.sc, khi Stephan, người trở thành Giám mục tại Rôma, ủng hộ việc làm báp tem cho Cơ đốc nhân ở ngoài giáo hội công giáo (Catholic church) (nhánh chính), từ Cyprian đã chống đối Stephen. Cyprian tin rằng các sự ban cho của Thánh linh về sự sống và sự cứu rỗi được giới hạn trong giáo hội Công giáo. Trong cuộc tranh luận này, Stephen tuyên bố rằng thẩm quyền đặc biệt này bắt nguồn từ Phierơ. Đến lúc ấy, Cyprian đã xem ngại vị của "Giám mục là" ngại vị thẩm quyền (chức quyền Giám mục) của Phierơ". Nhưng hạt giống này đã gieo cho Rôma để trở thành trung tâm của sự hiệp một trong giáo hội.

Năm 258.sc. Con bắt bớ lại áp đến trên hội thánh ở Bắc phi. Cyprian đã tuân đạo vì

Có Đấng Christ.

23. Hãy ôn lại định nghĩa "hội thánh" trong bài 1. Hãy giải thích sai lầm mà Cyprian đã mắc phải khi tuyên bố rằng không có sự cứu rỗi ở ngoài giáo hội.

.....  
.....  
.....

24. Để nhấn mạnh vai trò của Giám mục Cyprian đã đánh giá chức quyền của vị Giám mục cao hơn các đánh giá đã từng có trước đây.

a. Lời yêu cầu của Cyprian về thẩm quyền khác với các lời yêu cầu của những người được viện dẫn trong các bài này như thế nào?

.....  
.....  
.....

b. Bạn nghĩ khuynh hướng nào đã được thiết lập cho sự đánh giá trên?

.....  
.....  
.....

25. Ngay cả ngày nay, việc nhận lại những người đã từ bỏ Đấng Christ có thể cũng là vấn đề khó khăn. Đôi khi việc ấy có thể gây ra thương tổn do chính cơn bắt bớ đem lại. Bạn sẽ làm gì nếu bạn phải đối diện với việc nhận lại những người đã chối Đấng Christ khi bị chống đối? Hãy viết vào vở bạn.

Orien: Học giả và giáo sư

Khi 18 tuổi, Origen (khoảng 185-254.sc) đã được bổ nhiệm lãnh đạo trường giáo lý đại cương ở tại Alexandria. (Trường này được thành lập từ 185.sc) ông phục vụ như là người lãnh đạo cho đến năm 231.sc. Khi ông phải bỏ Sêsarê trong xứ Palestine để tránh cơn thịnh nộ của Giám mục Demetrius. Origen được tưởng nhớ đến như là một học giả thiên tài nhất và là văn sĩ sáng tác nhiều nhất của hội thánh đầu tiên. Nhưng dường như đời sống ông đầy sự tranh cãi, các tác phẩm của ông đã là nguồn gốc cho sự tranh cãi ngay từ khi ông viết ra.

Sinh trưởng trong một gia đình Cơ đốc ở Alexandria (cha ông đã tuận đạo), ông trở thành người có lòng tin nhiệt thành. Ông đã từ bỏ nghề nghiệp của mình là giáo sư ngoài đời và bán hết các tác phẩm cổ điển của mình và hiến thân. Cho sự nghiệp tôn giáo. Ông sống một đời sống thật khổ tu không chút xa hoa, tiếp nhận Thánh kinh theo nghĩa đen trong vấn đề chỉ có một chiếc áo khoác và không mang giày. Do được huấn luyện làm một học giả văn chương và làm giáo sư Origen đã bắt đầu nghiên cứu Cơ đốc giáo từ những nguồn nguyên thủy. Ông học tiếng Hêborơ để



ngiên cứu Cựu ước. Sau đó ông đã đặt chung vào cuốn Hexapla, một tác phẩm có sáu cột song song chép Cựu ước bằng tiếng Hêborơ, bản chuyển tự sang mẫu tự Hylạp, bản dịch tiếng Hylạp của Aquila, Symmachus, và của Theodotion, và bản Septuagint.

Với kiến thức uyên thâm về triết học và văn hóa Hylạp, Origen cố gắng trình bày sách Phúc âm bằng một thể loại của giới trí thức để dân chúng quen thuộc thể loại cao nhất trong văn hóa Hylạp. Vì vậy, ông đã trình bày đức tin Cơ đốc bằng những ngôn từ của triết học Platon. Điều này dẫn đến việc tổng hợp Cơ đốc giáo với tri thức Hylạp. Trong tác phẩm De Principis (230.sc), ông dạy rằng Đấng Christ được sinh ra đời đời" nhưng thấp kém hơn Đức Chúa Cha. Sau đó, ông bị hội thánh lên án vì một số lời dạy dỗ của ông.

Các bài giảng và các bộ giải nghĩa Kinh thánh đồ sộ của Origen cho thấy khuynh hướng của ông là tỷ dụ hóa phần lớn Kinh thánh. Ông tin rằng có ba mức độ ý nghĩa trong bản văn Kinh thánh. Đó là nghĩa đen mà ông so sánh với phần thuộc thể, ứng dụng về đạo đức cho tâm hồn, và nghĩa bóng hay là ý nghĩa thuộc linh. Mặc dầu công việc tỷ dụ hóa của ông đã gây ra nan đề về sau này, nhưng ông đã mở ra môn chú giải Kinh thánh. Ông qua đời vì bị tổn thương trong cơn bắt bớ thời Hoàng đế Decius

26. Origen đã khởi xướng công việc nào có giá trị trong các tác phẩm đồ sộ của ông?

.....  
.....  
.....  
.....

27. Sự uyên bác cao thâm của Origen đã gây ra tác hại nào?

.....  
.....  
.....  
.....

Các nhà lãnh đạo đầu tiên của hội thánh xuất thân từ Châu phi, Châu âu và vùng Trung đông. Họ đã hy sinh rất nhiều. Nhiều người đã dâng đời sống của mình để bước theo Đấng Christ. Nhiều người là Giám mục nhưng cũng có nhiều người là những người không chuyên đầy nhiệt huyết. Họ bình vực bày chiên, đánh bại kẻ thù, chinh phục nhiều người mới hoán cải, và khuyến khích thúc đẩy sự hiệp một. Sự tận hiến của họ cho đức tin Cơ đốc trong các thời đại và tiếp tục thách thức và khích lệ chúng ta trong hiện tại.

Bài tự trắc nghiệm

CÂU LỰA CHỌN . Mỗi câu hỏi có một câu trả lời đúng nhất . Hãy khoanh tròn mẫu tự đứng trước câu trả lời bạn chọn.

1. Clement ở Rôma là vị lãnh đạo hội thánh đã viết bức thư cho hội thánh Côrinthô để cố gắng giải quyết nan đề.

- a. Sự ương ngạnh và kiêu ngạo.
- b. Sự chia rẽ, thiếu hiệp một.
- c. Không vâng phục các nhà lãnh đạo.
- d. Tất cả các câu trên.

2. Phương pháp của Clement trong việc giải quyết nan đề của hội thánh côrinthô của mọi điều sau NGOẠI TRỪ việc.

- a. Nhấn mạnh thẩm quyền của ông là một nhà lãnh đạo hội thánh.
- b. Tỏ lòng quan tâm về đời sống thuộc linh của tín đồ.
- c. Chứng minh kiêu ngạo là căn nguyên của nan đề.
- d. Sử dụng Kinh thánh để hỗ trợ lời giải nghĩa của mình.

3. Ignatius, vị Giám mục tại Antiôt đã góp phần vào hội thánh đầu tiên bằng mọi phương cách sau NGOẠI TRỪ việc tạo ra.

- a. Sự cảm động bởi sự vui lòng tha thiết chịu chết vì có Đấng Christ.
- b. Cơ cấu hội thánh vững vàng hơn bằng mọi việc định nghĩa ba cấp bậc của chức vụ.
- c. Lời binh vực chống lại các tà giáo theo chủ nghĩa luật pháp và Hình như thuyết.
- d. Sự tranh luận đầu tiên cho rằng vị Giám mục ở Rôma là vị lãnh đạo của giáo hội.

4. Polycarp, vị Giám mục ở Simiêcnơ, đã tạo ra mối liên kết giữa hội thánh thời các sứ đồ và hội thánh sau này bởi:

- a. Sự giao thiệp của ông đối với Chúa Jesus.
- b. Ông là môn đồ của sứ đồ Giăng.
- c. Những lần trò chuyện với sứ đồ Phaolô.
- d. Tất cả các câu trên.

5. Justin Martyr khác với các giáo phụ sau thời các sứ đồ. Vì có ông

- a. Không có trụ sở hội thánh.
- b. Là một triết gia đã được huấn luyện
- c. Đã dùng lối tranh luận hợp lý để binh vực Cơ đốc giáo.
- d. Tất cả câu trên.

6. Irenaeus, người đã trở thành Giám mục tại Lyons, đã phục vụ hội thánh qua việc.

- a. Truyền giảng phần lớn ở vùng ngoại giáo tại Âu châu.
- b. Bẻ bác Hình như thuyết qua các tác phẩm tranh biện.
- c. Công nhận thẩm quyền và sự hiệp nhất của Kinh thánh.
- d. Tất cả các câu trên.

7. Tertullian không những đã sáng lập nền thần học Latin mà ông còn góp phần

định nghĩa về.

a. Sự nên thánh.

b. Ba ngôi

c. Thần học

d. Trí huệ phái.

8. Cyprian nhấn mạnh cơ cấu của hội thánh bằng cách

a. Đề bạt một trung tâm điểm của Giám mục đoàn cho sự hiệp một của giáo hội.

b. Soạn ra dự án khu vực kiểu mẫu cho các hội thánh trong suốt nhiều thế kỷ.

c. Trích dẫn rất nhiều câu Kinh thánh kham khảo về vấn đề này.

d. Nhận lại tất cả những người Lapsi và hội thánh.

9. Dù có những giáo lý sai lầm, Origen cũng đã góp công quý giá vào lãnh vực

a. Tỹ dụ hóa Kinh thánh.

b. Tổng hợp Cơ đốc giáo với học thuyết Platon.

c. Khoa chú giải Kinh thánh

d. Dạy dỗ về thời sau rớt

10. Ghép cặp những nhà lãnh đạo hội thánh (bên phải) phù hợp với đóng góp của vị ấy (bên trái).

.....a. Giảng Tin lành cho xứ Gaul và chống Trí huệ phái.

.....b. Sáng lập nền thần học Latin và định nghĩa về Ba ngôi.

.....c. Cung cấp sự miêu tả về việc thờ phượng của hội thánh đầu tiên qua các tác phẩm thâm oan của mình.

.....d. củng cố cơ cấu của hội thánh bằng cách đánh giá Giám mục đoàn.

.....e. Mở ra khoa chú giải Kinh thánh.

.....f. Phục vụ như là mối liên kết giữa hội thánh thời các sứ đồ với hội thánh về sau này.

.....g. Thể hiện lòng quan tâm yêu thương khi giải quyết tình trạng thiếu hiệp một của hội thánh Côrinhtô.

.....h. Giới thiệu "chức vụ bộ ba" của Giám mục trưởng lão và chấp sự

TRẢ LỜI NGẮN . Trả lời câu hỏi sau càng ngắn càng tốt .

11. Hãy giải thích trở ngại trong phương pháp giảng Tin lành dựa vào tri thức?

.....  
.....  
.....  
.....

Giải đáp các câu hỏi nghiên cứu .

14. Câu trả lời của bạn. Trong khi Ignatius có sự phân biệt rõ ràng, thì Kinh thánh không có.

1. c. Các ví dụ trong Cựu ước nói về sự ương ngạnh

15. Câu trả lời của bạn. Sự khôn ngoan của thế gian. Không có khả năng để giải thích đường lối của Đức Chúa Trời cho con người. Đức tin chứ không phải là tư tưởng trí thức là nền tảng của Cơ đốc giáo chân lý thuộc linh được bày tỏ không phải bằng sự khôn ngoan của con người, mà bởi Thánh linh của Đức Chúa Trời.

2. Câu trả lời của bạn. Ông muốn các tín đồ nhận ra rằng Đức Chúa Trời không vui lòng với sự ương ngạnh.

16. d. Kinh thánh.

3. Nan đề này là sự chia rẽ hay thiếu hiệp một trong hội thánh.

17. Câu trả lời của bạn. Điều gì mà một người tin sẽ tác động đến các người ấy sống.

4. Câu trả lời của bạn. Clement đã được thúc đẩy với lòng quan tâm đầy yêu thương; ông đề cập đến căn nguyên của nan đề (sự kiêu ngạo); ông đã sử dụng Kinh thánh, ông nài xin sự hiệp một, ông dựa vào Đức Chúa Trời bằng sự cầu nguyện.

18. Câu trả lời của bạn. Chúng phải bao gồm việc truyền giảng trong xứ Gaul, đối phó là thuyết (Gnosticism) điềm nhấn mạnh về Kinh thánh gồm có Ba Ngôi, và chương trình của Đức Chúa Trời trong lịch sử.

5. a. 2. Ignatius

b. 1. Clement.

c. 3. Cả hai người

d. 4. Không ai cả.

19. Câu trả lời của bạn. Giống như tia sáng hay mặt trời có thể phát ra phần của chính nó nhưng vẫn còn giống y như nhau, thì Đức Chúa Trời, Đấng Christ và Đức Thánh linh cũng giống y như vậy.

6. Câu trả lời của bạn. Ignatius phân biệt rõ ràng, còn Kinh thánh thì không.

20. Nhà bút chiến.

7. Ông đã để lại một gương can đảm khi đối diện với sự chết; ông định nghĩa ba cấp bậc của chức vụ trong cộng đồng hội thánh để có được một tổ chức chặt chẽ hơn, ông đề cập đến các tà thuyết chủ nghĩa luật pháp của người Do thái và Hình như huyết.

21. Câu trả lời của bạn. Nó có thể bao gồm

1. Nghiêm khắc hơn cả những lời khuyên như của Kinh thánh

2. Đoán xét theo bề ngoài.

3. Thiếu sót nhiều lẽ thật quan trọng trong Kinh thánh.

8. Câu trả lời của bạn. Tinh thần tôi tớ như điều Chúa Jesus đã dạy dường như đặc trưng cho vị Trưởng lão, là người chịu trách nhiệm đối với những người nằm trong sự chăm sóc của mình.

22. Ông đã nêu ra các giáo lý bền vững trong các định nghĩa về Ba Ngôi và thần tính của Đấng Christ.

9. d. Các sách trong Tân ước

23. Câu trả lời của bạn. Ông đã lẫn lộn hội thánh theo phương diện bề ngoài (hữu hình) với hội thánh theo phương diện bên trong (vô hình).
10. Câu trả lời của bạn. Ông đã biết Giảng một cách cá nhân và đã xác minh chân lý trong Kinh thánh. Là mối liên kết với các sứ đồ, ông đã bày tỏ về đời sống thuộc linh trong hội thánh thời sơ khai.
24. a. Hầu hết các người khác cầu cứu đến Kinh thánh hơn là đến cơ cấu hội thánh, tổ chức hội thánh.
- b. Câu trả lời của bạn. Sẽ có việc hình thức hóa sinh hoạt tôn giáo, nhấn mạnh tình trạng chính thống và thẩm quyền bằng việc tập trung quyền lực. Điều này sẽ phủ nhận quyền trực tiếp đến gần Đức Chúa Trời của mỗi cá nhân.
11. a. Con người không thể hạ thấp Đấng tạo hóa thành ra một hình tượng dễ hư hoại
25. Mặc dầu câu hỏi này kêu gọi bạn trả lời, nhưng câu trả lời cần phải tỏ ra tinh thần tha thứ nếu đó là sự ăn năn thật lòng.
12. Câu trả lời của bạn. Ông đã giải quyết sự chống đối này trên lập trường của chính họ, ông đã làm chứng về Đấng Christ cho giới trí thức.
26. Câu trả lời của bạn. Ông đã học tiếng Hêborơ, ông đã nghiên cứu các nguồn nguyên thủy, ông đã mở đường cho khoa chú giải Kinh thánh, ông đã tận hiến cả đời sống để nghiên cứu đức tin Cơ đốc.
13. Thay vì gọi cho các Cơ đốc nhân, ông đã gọi cho những người ngoại, binh vực cho đức tin Cơ đốc bằng những lời tranh luận của người trí thức được gọi là những lời thân oan.
27. Câu trả lời của bạn. Nó đã lập ra lối giải nghĩa Kinh thánh theo nghĩa bóng, nó đã tổng hợp Cơ đốc giáo với triết học Platon, nó giới thiệu giáo lý sai lầm về đời sau rớt.

## BÀI HỌC 5: Các Vấn Đề Tranh Cãi Thần Học

Có lẽ bạn đã có lần nghe ai đó nói rằng: "Tôi chẳng thích gì với môn thần học; tôi chỉ muốn biết rõ về Kinh thánh thôi". Người này không nhận ra được rằng Kinh thánh là một cuốn sách thần học có nghĩa là "môn nghiên cứu về Đức Chúa Trời". Lời Kinh thánh mô tả về lời Đức Chúa Trời là thần học. Tất cả những gì bạn tin về Đức Chúa Trời là một phần trong thần học của bạn. Thậm chí câu khẩu hiệu "Jesus Cứu" cũng là một lời tuyên bố của thần học.

Những điều bạn tin về Đức Chúa Trời là điều rất quan trọng. Bởi vì bạn biết Đức Chúa Trời ghét tội lỗi, nên bạn sợ Ngài. Vì bạn biết Đức Chúa Trời yêu bạn, nên bạn tin cậy Ngài. Những thái độ này minh họa phần lớn thần học của bạn.

Hội thánh đầu tiên đã đối diện với nhiều vấn đề nan giải vì cơ hội chúng có nhiều quan niệm khác nhau về Đức Chúa Trời. Các quan điểm không tuân theo xu hướng chính bị gọi là các tà thuyết. Toàn thể hội thánh đã phải quyết định điều nào trong

số các niềm tin là điều phản ánh chính xác với những điều Kinh thánh thật sự đã nói về Đức Chúa Trời. Trong tiến trình giải quyết các vấn đề thần học này, hội thánh đã xác nhận kinh điển chính thống của Thánh linh, ban bố một bài tín điều cụ thể và thảo luận chi tiết về vai trò của vị Giám mục.

Đôi khi một khái niệm mới về thần học được giới thiệu cho các Cơ đốc nhân ngày nay, nhưng lý thuyết "mới" này thực sự là một quan điểm đã được kiểm tra trong quá khứ vì bị phản đối là phi Kinh thánh. Kinh thánh cảnh cáo chúng ta, nhắc chúng ta phải thận trọng với các sứ đồ giả đội lốt các sứ đồ của Đấng Christ. Chính Satan đã mạo làm Thiên sứ sáng láng. Vì vậy, chúng ta không lạ gì với tội tở của nó cũng mạo làm tội tở của sự công bình. ([II Co 11:13-15](#))

Các khái niệm của tà thuyết

Tà giáo Ebionites (Ebionitism): Vấn đề thuộc về Chủ Nghĩa Luật Pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism): Vấn Đề Thuộc Về Triết Học.

Tà thuyết Montanism: Vấn đề thuộc linh.

Tà thuyết Monarchianism: Vấn đề thần học

Tà thuyết Donatism: Vấn đề giáo hội.

Sự xuất hiện việc thờ phượng theo nghi thức.

Kinh điển

Các tín điều

Vai trò của Giám mục.

Khi học xong, bạn có thể

Ừ Khám phá và đánh giá các quan điểm tà giáo khác nhau mà hội thánh đầu tiên đã phải giải quyết chúng.

Ừ Xác định quan điểm chính thống của hội thánh trong các vấn đề thần học khác nhau.

Ừ Mô tả sự phát triển của kinh điển, tín điều và vai trò của Giám mục.

Ừ Nhận ra thực chất của các tà giáo hiện nay.

1. Nghiên cứu bài học và bài tự trắc nghiệm theo lời chỉ dẫn trong bài 1.

2. Ôn bài để làm phần "Đánh Giá Tiến Bộ Đơn Vị 2" (bài 3-5) theo chỉ dẫn trong tập học viên.

Bội đạo

Kiểu Basilian

Kinh điển (Canon)

Hàng giáo phẩm

Tà giáo

Donatism

Lễ phong chức

Chính thống.

Đấng yên ủi

Lễ sám hối

Các khái niệm về tà thuyết

Hội thánh đầu tiên đã tranh đấu để trở thành một thân thể hiệp nhất ở giữa cả những xung đột bên trong lẫn bên ngoài. Chúng ta đã nghiên cứu về áp lực bên ngoài của con bắt bớ. Bây giờ, chúng ta xem đến các xung đột bên trong do giáo lý. Chúng ta sẽ thấy các niềm tin khác nhau thuộc tà thuyết cuối cùng đã ảnh hưởng như thế nào đến hội thánh để hội thánh ngày càng bận tâm với sự tổ chức. Tà giáo Ebionites (Ebionitism). Vấn đề thuộc về chủ nghĩa luật pháp.

Ebionitism phát triển trong vòng cộng đồng Cơ đốc người Do thái ở tại Jêrusalem và vùng xung quanh đó. Người Ebionites, thường là người Do thái đã quay lại với Cơ đốc giáo, là những người tin rằng họ là hội thánh chân chính. Với nỗ lực trộn lẫn nhiều yếu tố trong Do thái giáo và Cơ đốc giáo lại với nhau, họ đã chống báng những lời dạy dỗ của phao lô và việc "Hêlênit hóa" của Cơ đốc giáo. Họ nhân mạnh tính hiệp nhất của Đức Chúa Trời và quyền sáng tạo vũ trụ này của Ngài. Họ tin rằng sự bày tỏ cao nhất của ý chỉ Đức Chúa Trời ấy là luật pháp của người Do thái. Sự cứu rỗi đến từ việc vâng giữ luật pháp chứ không phải đến từ đức tin nơi Chúa Jesus Christ.

Họ xem Chúa Jesus chỉ là một con người, trở thành Đấng Mêsi (Christ) nhờ đã vâng giữ luật pháp Cựu ước mà không mắc một lỗi lầm nào. Ngài cao trọng hơn Thiên sứ nhưng Ngài không phải là thần linh.

Chúa Jesus là một giáo sư vĩ đại dạy luân lý vĩ đại nhưng không phải là Đấng Cứu Thế thiên thượng. Họ đặt nền tảng những lời dạy dỗ của họ trên Cựu ước và phần lớn của sách Mathiơ. Họ bác bỏ hầu hết các tác phẩm khác trong Tân ước.

Ignatius đã bác bỏ tà thuyết này. Ông nói rằng: "Đừng bị lừa dối bởi các giáo lý lạ cũng như bởi các truyền thuyết cổ, hãy hiểu rằng chúng thật vô ích. Bởi vì nếu mãi đến ngày nay, chúng ta vẫn còn sống theo Do thái giáo, chúng ta thú nhận rằng mình đã không nhận được ân điển". Theo Kinh thánh ([RoRm 3:28-30](#) và [10:4](#)), ấy là nhờ đức tin mà được cứu rỗi, chứ không phải nhờ luật pháp.

Khi các quân đoàn La mã tiêu diệt dân Do thái vào năm 135 sau Chúa, đa số người Ebionites phải chịu tai vạ này. Dù nhiều người tán lạc đến nhiều trung tâm Cơ đốc giáo khác, đặc biệt là ở Ai cập, nhưng họ không còn gây ảnh hưởng chỉ trong hai thế kỷ.

1. Hãy khoanh tròn mẫu tự đứng trước câu đúng liên quan đến niềm tin của Ebionitism.

a. Nền tảng của sự cứu rỗi là việc vâng giữ luật pháp Do thái.

b. Chúa Jesus là cứu Chúa của nhân loại.

Chúa Jesus là một giáo sư vĩ đại nhưng không phải là con Đức Chúa Trời.

d. Giữ luật pháp sẽ không đem lại một địa vị công nghĩa trước mặt Đức Chúa Trời vì một địa vị như thế chỉ đến bởi đức tin.

2. Theo [3:28-30](#) và [10:4](#), câu trả lời của Kinh thánh dành cho những người theo Ebionitism là gì?

.....  
..

.....  
..

3. Có người đã từng nói: "Kẻ nào ngày nay kết hôn với thế gian, ngày mai sẽ trở thành góa phụ". Hãy áp dụng câu này cho hình thức tôn giáo của người Ebionites hoặc bất cứ một nỗ lực nào khác muốn kết hợp Cơ đốc giáo với một nền văn hóa riêng biệt nào đó.

.....  
..

.....  
..

Trí huệ giáo (Gnosticism): Vấn đề thuộc về triết học  
Giống như Ebionitism bị ràng buộc quá chặt chẽ vào Do thái giáo, Trí huệ giáo cũng bị ràng buộc quá chặt chẽ với các triết lý ngoại giáo hay các tôn giáo thần bí. Danh xưng đến từ ngữ Hylạp Gnosticism có nghĩa là "tri thức, hiểu biết". Từ này muốn nói đến những sự dạy dỗ bí ẩn của những người trí huệ giáo. Họ dạy rằng những tia sáng thiên thượng đã bị tản lạc khắp trong những tấm lòng của một số ít người được chọn, và Đấng Christ đem sự hiểu biết về sự cứu rỗi đến để những người này có thể được cứu nhờ những nhân lực tri thức của riêng họ.  
Trí huệ phái, đạt đến cao điểm vào năm 150.sc, không phải dễ mô tả được vì có nó khác nhau ngay trong ý kiến, tùy theo địa điểm. Cũng có nhiều tà giáo khác có chung nhiều yếu tố với Trí huệ giáo. Trước tiên là niềm tin vào Nhị nguyên luận, hoàn toàn tách biệt phần thuộc linh khỏi phần vật chất. Vật chất (phần thuộc thể) là xấu, là điều ác, phần thuộc linh là tốt.  
Để giải đáp cho câu hỏi thế nào mà một vị thần thiện đã có thể tạo dựng bất cứ điều gì xấu (thuộc thể), người theo Trí huệ phái đã đặt ra ý kiến chính thứ nhì. Đức Chúa Trời đã tạo dựng một Đấng Hóa Công, đến lượt Đấng Hóa Công lại tạo dựng một hữu thể khác nữa, thấp kém hơn, là Đấng về sau rất nhiều bước, đã tạo dựng nên thế gian này. Hữu thể sau cùng này là Giêhôva trong Cựu ước.  
Thứ ba, Trí huệ phái chấp nhận một giáo lý nói về Đấng Christ, được là Hình như thuyết (Docetism). Từ ngữ này xuất phát từ tiếng Hylạp do keo nghĩa là "hiện ra hay có vẻ là". Ý kiến này cho rằng Đấng Christ là một con ma. Vì vật chất là xấu, Ngài không thể mang một thân thể bằng vật chất, nhưng chỉ hiện ra để có một thân xác. Sự chịu khổ và sự chết của Ngài chỉ là những biểu hiện bề ngoài.  
Trí huệ phái tin rằng một người thuộc linh thật sự thì nỗ lực để thoát khỏi ách nô lệ của thân xác. Hầu hết đều dạy rằng vì vật chất là ác, trên thân xác phải bị trừng phạt, bỏ đói và bị đày đọa. Tuy nhiên nhiều người đã đi đến chỗ cực đoan. Do tin



rằng thân thể là xấu và dễ hư hoại, họ cảm thấy rằng lối cư xử không có nghĩa bao nhiêu. Họ nói rằng Cơ đốc nhân ở giữa tội lỗi cũng giống như chiếc nhẫn vàng trong đồng bùn không điều gì có thể tác động đến bản chất của người đó. Irenaeus phê bình rằng "cũng vì có đó nên" người trọn vẹn nhất trong số họ chăm vào mọi kiểu hành vi mà Kinh thánh quả quyết với chúng ta rằng những kẻ làm những điều thể ấy sẽ không được hưởng nước Đức Chúa Trời đâu".

4. Ba niềm tin chính của Gnosticism là gì?

.....  
.  
.....  
.

5. Giả sử có ai đó nói rằng chính mình đã đủ khôn ngoan để được lên Thiên đàng. Sau khi đọc [ICo1Cr 1:18-31](#), hãy nói lên cách bạn sẽ trả lời như thế nào cho người đó.

.....  
.....  
..

Chúng ta sẽ xem hai hình thức riêng biệt của Gnosticism

Tà thuyết của Marcion (Marcionism)

Marcion, con trai của vị Giám mục tại Pontus, đã đến Rôma 140.sc và khởi sự dạy dỗ tại đó. Ông đã lôi cuốn được rất nhiều người đi theo ông. Ông đã nghiên cứu các tác phẩm của Phaolô và xác định rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời chỉ có lòng yêu thương mà thôi. Vì vậy ông dạy về sự tách biệt hoàn toàn giữa Cựu ước và Tân ước, giữa dân Isoraên và hội thánh, và thậm chí giữa Đức Chúa Trời và người Do thái và Đức Chúa Trời của Cơ đốc nhân nữa. Cả Cựu ước và Đức Chúa Trời của Cựu ước đều là xấu. Để hỗ trợ cho các quan điểm này, ông đã trích dẫn nhiều đoạn trong các tác phẩm của Phaolô và Luca. Bác bỏ phần còn lại của Tân ước và toàn bộ Cựu ước, ông đã làm ra một cuốn Kinh thánh của riêng ông, phù hợp với nền thần học của ông. Quan điểm của ông về Đấng Christ dựa trên nền tảng của quan điểm Docetism. Ông đã phản đối ý kiến sự phục sinh của thân thể vì có chỉ có linh hồn và tâm thần là được cứu chuộc mà thôi. Ông chống đối hôn nhân và đã sống một đời sống rất khắc kỷ.

Ngoài việc viết bản Kinh thánh riêng của mình, Marcion còn lợi dụng những người theo mình bằng cách làm thỏa mãn chủ nghĩa bài xích người Semite (Anti-Semitism) và sự kiêu ngạo thuộc linh của họ. Theo Marcion, chỉ có một nhóm người ưu tú trong tầng lớp quý tộc sẽ hưởng được nước Thiên đàng. Tuy nhiên, một vấn đề tốt do sự dạy dỗ của ông đem lại ấy là hội thánh đã bị buộc phải đưa ra một danh sách chính thống về các sách trong Tân ước.

Tà thuyết Manichaeus (Manichaeism)

Giữa thế kỷ thứ mười ba, một người Ba-Tur tên là Mani (khoảng 216-276sc), đến

từ Mesopotamia, đã kết hợp nhiều yếu tố của Cơ đốc giáo với Zoroastrianism (tôn giáo của người Ba-Tur) với các tôn giáo Đông phương khác nữa. Ông dạy rằng có một thuyết nhị nguyên giữa các nguồn gốc của sự sáng (Đức Chúa Trời) và của sự tối tăm (vật chất). Đối với ông, sự cứu rỗi liên quan đến việc giải thoát cho ánh sáng Thiên thượng trong linh hồn từ trong ngục tù của thân thể. Ông dạy rằng có một đẳng cấp tế lễ, là người được "chọn" và một đẳng cấp tín đồ, là những "thính giả". Những thính giả này phục vụ cho người được chọn, là những người duy nhất được cử hành các nghi lễ đặc biệt. Sự phân biệt này có thể đã tác động đến sự phân rẽ sau này giữa giới Tu sĩ và với giáo dân trong hội thánh.

Mani và các đồ đệ truyền bá niềm tin của họ khắp Ba-Tur, lan sang vùng Châu phi, Âu châu, Trung quốc. Vào thế kỷ thứ tư, Manichaeism dường như đã là mối đe dọa thực sự đối với Cơ đốc giáo. Nó vẫn tồn tại trong suốt một ngàn năm. Ngày nay, cộng đồng người Madian tại Irắc và Irăn là những người còn sót lại của Trí huệ giáo cổ xưa.

7. Hãy sắp xếp hình thức của Trí huệ giáo (bên phải) phù hợp với đặc trưng thích hợp (bên trái)

.....a. Sự phân biệt Đức Chúa Trời của người Do thái với Đức Chúa Trời của Cơ đốc nhân đã dẫn đến chủ nghĩa bài xích người Semite.

.....b. Sự phân biệt các nguồn gốc của sự sáng và sự tối tăm đã dẫn đến một đẳng cấp tế lễ và một đẳng cấp tín đồ.

.....c. Sự phân biệt phần thuộc linh và phần vật chất đã dẫn đến quan điểm xem Đấng Christ là một con ma.

8. Hãy đọc [RoRm 5:12](#), [15](#), [17](#). Hãy giải thích nguồn gốc của điều ác dựa theo các câu kinh thánh này.

.....  
.....  
.....

9. Mặc dầu các giáo lý của Trí huệ phái không phát triển đầy đủ cho đến tận thế kỷ thứ hai và thứ ba, nhưng Phaolô đã tranh luận rõ ràng một số ý kiến này trong bức thư gửi cho người Côlôse. Trong [CoCl 1:19](#) và [2:9](#), ông mô tả về Đấng Christ như thế nào?

.....  
.....  
.....

Tà thuyết của Montanus (Montanism): Vấn đề thuộc linh

Một số sử gia gọi là thuyết Motanism là một phong trào phục hưng. Những người khác nói rằng nó là biên giới giữa Cơ đốc giáo với sự loạn trí. Trong cả hai cách

nói, phong trào này đã tượng trưng cho sự phản kháng trong hội thánh, chống lại việc quá chi tiết hóa sự tổ chức và tình trạng thiếu vâng phục Thánh linh của Đức Chúa Trời.

Tà thuyết Montanism khởi sự tại Phrygia từ sau 155.sc. Montanus, người lãnh đạo đầu tiên, đã thấy có nhiều khuynh hướng gây xáo trộn trong Cơ đốc giáo. Việc bắt chước thể gian đã thay thế cho sự thánh sạch ban đầu. Uy quyền lãnh đạo của con người đã đang phát triển và ngày càng ít lệ thuộc vào công tác của Thánh linh. Chủ nghĩa hình thức đang thay thế tình trạng tự phát trước đó. Phản đối các xu hướng này, Montanus đã nhấn mạnh vai trò của Đức thánh linh, sự hiện đến mau chóng của Đấng Christ và sự thanh sạch trong đời sống.

Tự xưng mình là Đấng yên ủi, Montanus tuyên bố sự tuôn đổ mới của Thánh linh đang tiếp tục bày tỏ ra. Những kẻ theo ông gồm các nhà Tiên tri (là những người tin rằng Đức thánh linh đã phán qua họ cũng như Ngài đã phán qua Phaolô. Chẳng bao lâu phong trào này bắt đầu nhấn mạnh đến các ân tứ thuộc linh hơn là nhấn mạnh đến Kinh thánh. Họ bị thu hút vào tính chất thiêng liêng (theo ý nghĩa của việc nhấn mạnh các hiện tượng siêu nhiên là sự cho chúng ta biết điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta mất quân bình giữa đầu, tim, tay.

Nỗi khao khát thanh sạch đã dẫn đến chủ nghĩa khổ tu và chủ nghĩa độc thân.

Những người Montanism chỉ ăn thức ăn khô. Họ trông mong bị bắt bớ và khao khát bị bắt bớ nữa. Dù phong trào này đã hầu hết bị cộng đồng Cơ đốc giáo bác bỏ, nó vẫn lan truyền khắp xứ Phrygia, đến tận Bắc phi, và đã biến mất hai thế kỷ sau đó.

Dù cho họ có nhiều điều quá khích, vẫn để lại một bài học quý giá. Một sử gia đã phê bình

Dấu hiệu tốt nhất trong giá trị đạo đức của phong trào này ấy là cuối cùng Tertullian, mối tai họa của những kẻ theo tà giáo, đã gia nhập phong trào này. Ông không thể tiếp tục ủng hộ tình trạng chính thống mà nó không để cho Thánh linh bất cứ một vai trò độc lập nào và cứ khẳng khẳng nói rằng mọi mối liên lạc với Thượng Đế cần phải nhờ đến nguồn liên lạc tầm thường của giáo hội (Johnson, trang 50)

Một sử gia khác đồng ý rằng hội thánh không nên quên yêu cầu được giao tiếp cách riêng tư trong tâm linh giữa con người với Đức Chúa Trời trong khi hội thánh sốt sắng để có được tổ chức và đề ra giáo lý (Cairns, trang 111)

10. Montanism là sự pha lộn giữa các công việc tốt và công việc xấu. Hãy phân loại từng công việc như là 1. Lành mạnh 2. không lành mạnh.

- .....a. Trở nên nhạy bén với tội lỗi
- .....b. Vâng phục Đức Thánh linh
- .....c. Nhấn mạnh chủ nghĩa khắc kỷ.
- .....d. Khao khát các ân tứ thuộc linh.
- .....e. Tìm kiếm sự tuân đạo.

.....f. Đặt các ân tứ thuộc linh lên trên Kinh thánh.

11. Một số học giả xem Montanism như là một phong trào phản kháng. Phong trào này đang phản kháng với điều gì?

.....  
.  
.....  
.

12. Montanism cung cấp cho hội thánh lời cảnh cáo giá trị nào?

.....  
.  
.....  
.

Tà thuyết Monachianism. Vấn đề thuộc về thần học.

Một trong những cuộc tranh cãi trước nhất về thần học ấy là tranh cãi về bản tánh của Đức Chúa Trời. Vào cuối thế kỷ thứ hai, và đầu thế kỷ thứ ba, có hai nhóm người được gọi là Monachian bác bỏ quan điểm Ba ngôi.

Họ khẳng khái quả quyết về sự hiệp nhất thiên thượng hay là "chế độ quân chủ" (Monachy) để xác định Đức Chúa Trời là một ngôi vị.

Một nhóm theo Sabellius được gọi là Modal Monarchians (duy nhất thần giáo hình thức). Họ tin rằng Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài theo ba cách thức hay ba hình thức khác nhau, cũng như một người có thể là một người cha, một người con và một người anh. Người này có ba mối liên hệ khác nhau nhưng chỉ là một người mà thôi. Vì vậy, Đức Chúa Trời được bày tỏ như là một người cha trong thời Cựu ước, là Chúa Jesus Christ trong khoảng ba mươi năm, và hiện nay được bày tỏ như là Đức thánh linh. Nhóm người này phủ nhận thân vị riêng biệt của Chúa Jesus Chrsit.

Paul ở xứ Samosata, Giám mục tại Antiốt (khoảng 260-272.sc), lãnh đạo một nhóm được mệnh danh là Dynamic Monnarchians (Duy nhất thần giáo - Động lực). Nhà truyền đạo và chính trị gia đầy ấn tượng này dạy rằng Chúa Jesus không phải là Đức Chúa Trời. Chúa Jesus chỉ là một con người nhơn lành, có được thần tính nhờ công nghĩa riêng của mình và nhờ thẩm nhuần Logos thiên thượng. (Nghĩa là Ngôi lời). Vì thế, ông phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus.

13. Tà thuyết Monarchianism nhắm vào một vấn đề thần học đặc biệt hơn là các tà giáo khác đã làm vì có thuyết này đặt nghi vấn về.

- a. Sự cứu rỗi
- b. Đức Chúa Trời
- c. Đời sống sùng đạo.
- d. Sự khai thị.

14. Những người Monarchian đặc biệt chống lại

.....  
...

Monarchianism đã gieo rắc mầm mống cho Unitarianism ngày nay (duy nhất thần giáo). Đây là một tà giáo bác bỏ thần tánh, thần đức cũng như bác bỏ Ba Ngôi của Đấng Christ. Bảng so sánh "Cơ đốc giáo chống với các tà giáo" cho thấy các sự dạy dỗ của các tà giáo hiện đại được đặt song song, là các tà giáo đang tấn công Cơ đốc giáo đang bước đi đúng theo Kinh thánh. Hãy đối chiếu các sự dạy dỗ Cơ đốc về Đức Chúa Trời, Kinh thánh, Chúa Jesus Christ, và tội lỗi ở cột thứ nhất với những lời dạy dỗ của các tà giáo trong vùng của bạn.

15. Hãy sắp xếp các định nghĩa về bản tánh của Đức Chúa Trời (bên trái) phù hợp với các loại ở bên phải.

.....a. Đức Chúa Trời của Cựu ước cũng giống với Đấng Christ đã xuất hiện như là một người trong Tân ước của tà thuyết Monarchianism

.....b. Đức Chúa Trời có ba ngôi: Cha, Con, và Đức Thánh Linh.

.....c. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài trong ba hình thức cũng như nước thể hiện qua trạng thái: Lỏng, rắn, thể hơn.

.....d. Đức Chúa Trời không được bày tỏ trong Chúa Jesus, đúng hơn Chúa Jesus chỉ là một người mà kiếm được thần tánh.

16. Hãy đọc [EsIs 9:6](#), [Mat Mt 1:23](#); [Phi Pl 2:5-6](#), [Tit Tt 2:13](#), [GiGa 1:12](#). Dựa trên các câu Kinh thánh này, hãy viết một câu ngắn bác bỏ địa vị trong thần học của Monarchianism và các nhóm tà giáo hiện nay có liên quan đến bản tánh của Chúa Jesus Christ.

.....  
.....  
.....

17. Phần lớn các chứng cứ của Ba Ngôi được nhìn thấy trong những hoạt động có liên quan đến cả ba ngôi vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời: Cha, Con và Thánh Linh. Hãy xem mỗi phân đoạn sau và nói hoạt động hay sự kiện có liên quan đến cả ba ngôi vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

a. [Mat Mt 28:19](#) .....

b. [LuLc 1:35](#) .....

c. [3:21-22](#) .....

d. [IICo 2Cr 1:21-22](#) .....

18. Hãy khoanh tròn mẫu tự đứng trước câu ĐÚNG về các tà giáo.

a. Các tà giáo đã phổ biến trong các thế kỷ đầu tiên của hội thánh chứ không phổ biến trong ngày nay.

b. Các nhà lãnh đạo đã viết thêm vào Kinh thánh.

c. Các thuộc viên này tôn kính Cơ đốc nhân bởi vì họ đã có các chân lý về Đức

Chúa Trời rồi.

d. Sự nhân mạng được nhắm vào các việc lành và hoàn thiện bản tánh của một con người để kiếm được sự cứu rỗi.

e. Người ta tin Chúa Jesus là Đức Chúa Trời.

Tà thuyết Donatism. Vấn đề thuộc về giáo hội.

Ngay cuối thời kỳ này của hội thánh, vào năm 311, một cuộc tranh cãi mới lại nổi lên giữa các hội thánh ở Bắc phi. Nó tương tự với vấn đề Cyprian đã đối diện 60 năm trước (bài 4) và sự ly khai hội thánh của Phe novatians. Lần này, một người trong giáo hội tên là Donatus muốn cách chức Caecilian, vị Giám mục đương chức tại Carthage. Caecilian đã được phong chức làm Giám mục bởi Felix, người đã từng là traditor trong cơn bắt bớ đời Diocletian. Felix đã giao nộp nhiều bản Kinh thánh để đem đi hủy theo như luật Lamã đã đòi hỏi.

Donatus cho rằng không trung tín khi chịu áp lực là bội đạo và ông ủy quyền phong chức của Felix. Khi giáo hội không đồng ý với ông, Donatus đã cùng những người theo ông ly khai giáo hội. Họ bầu những Giám mục riêng cho mình, kể cả Donatus làm Giám mục tại Carthage (313-355.sc)

Nhiều giáo hội đã cố gắng giải quyết sự ly giáo này trong hội thánh. Họ kết luận rằng sự hiệu lực của một thánh lễ (trong trường hợp này là lễ phong chức) không lệ thuộc vào đặc tính của người cử hành thánh lễ ấy. Những người theo Donatus không muốn chấp nhận quyết định này. Họ đòi hỏi có một sự nghiêm khắc thuộc linh chắc chắn và sự quan tâm cao độ đến chủ nghĩa khổ ta. Họ nói rằng tôn giáo của họ là tôn giáo chân chính của người Phi châu.

Phe Donatus đã trở nên một phong trào phản kháng chống lại các nghi thức của giáo hội công giáo. Suốt thế kỷ thứ tư và sau đó, họ đã phát triển nhanh chóng tại Bắc phi theo ranh giới của ngôn ngữ và chủng tộc. Họ đi đến chỗ bác bỏ tiếng Latin và chỉ sử dụng ngôn ngữ địa phương. Họ là những người bài La mã một cách mạnh mẽ.

Họ là giáo hội nổi bật nhất tại Bắc phi mãi cho đến cuối thế kỷ thứ tư. Lúc này, họ đã ủng hộ một cuộc nổi dậy chính trị chống lại quyền cai trị của La mã và kết quả là bị thất bại. Tuy vậy, họ vẫn tồn tại cho đến thế kỷ thứ bảy, khi toàn bộ Cơ đốc giáo tại Bắc phi đã bị thay thế bởi bước tiến của quân hội giáo (chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề này trong bài 9)

Augustine ở Hippo, (chúng ta sẽ nghiên cứu về ông sau) đã viết rất nhiều về thẩm quyền của giáo hội vì có cuộc tranh cãi này. Cuối cùng, ông kết luận rằng giáo hội có thể dùng vũ lực để bắt buộc tuân theo các giáo lý và nghi thức của giáo hội Công giáo. Tác hại của sự dạy dỗ này đã xuất hiện lại trong lịch sử hội thánh, sau một thời gian rất lâu, qua tôn giáo pháp đình (xem từ vựng).

19. Cả hai phái novatianists và Donatists đã kiếm sự thanh khiết bằng cách:

a. Hạn chế thẩm quyền của giáo hội

b. Khuyến khích sự xung tội cách cá nhân và sự tha thứ từ nơi Đấng Christ.

c. Không cho những người trước kia đã từng bội đạo được dự phần trong hội thánh.

d. Tuân theo mọi chính sách của giáo hội Công giáo.

20. Nếu kết luận rằng một người vô đạo đức có thể cử hành một thánh lễ Cơ đốc mà không làm tổn hại đến hiệu quả của thánh lễ, thì theo phép lý luận, bạn nghĩ kết luận này có thể đến các kết luận nào khác? Hãy viết vào vở của bạn.

.....  
....  
.....  
....

21. Đôi khi một người ủng hộ một phong trào trong giáo hội vì một lý do chủng tộc hay lý do dân tộc. Tân ước ([GaGl 3:28](#)) dạy gì về các nhóm tín đồ có văn hóa khác nhau?

.....  
....  
.....  
....

22. Ngoài Donatism ra, một phong trào tà giáo có thành kiến nặng nề về văn hóa ấy là:

- a. Montanism.
- b. Monarchianism.
- c. Gnosticism
- d. Ebionitism

23. Hãy mô tả vấn đề trong giáo hội đã dẫn đến phong trào phản kháng của phe Donatist.

.....  
....  
.....  
....

### SỰ XUẤT HIỆN VIỆC THỜ PHƯỢNG THEO NGHI THỨC

Các nạn đề do cơn bất bớ từ bên ngoài và tà giáo từ bên trong đã bộc lộ nhu cầu cần thêm việc tổ chức trong hội thánh. Để khuyến khích tổ chức, cấp lãnh đạo hội thánh đã phải khá mạnh để loại bỏ những người theo tà giáo và kháng cự những kẻ bất bớ. Các nhà lãnh đạo đã củng cố địa vị của mình bằng cách hoàn tất ba vấn đề: Một cuốn sách có thẩm quyền đối với đức tin và nghi thức Cơ đốc, một lời tuyên xưng niềm tin hay là bài tín điều, và lời hứa nguyện hiệp một với hội thánh qua việc vâng phục vị Giám mục.

Kinh điển

Trong bài 4, chúng ta đã thấy rằng. Càng ngày, các nhà lãnh đạo hội thánh càng phải nhờ đến thẩm quyền của Kinh thánh. Clement trung dẫn Cựu ước để trình bày

nhu cầu hiệp một trong hội thánh Côrinhtô. Polycarp đã trích sáu mươi phân đoạn từ các tác phẩm Tân ước trong lá thư gửi cho người Philíp. Irenaeus trích dẫn từng sách trong cả Tân ước lẫn Cựu ước để bác bỏ tà giáo và xác lập giáo lý. Và Tertullian, nhà thần học Latin đầu tiên, đã đưa ra các định nghĩa của các giáo lý dựa theo Kinh thánh. Nhờ những lời trung dẫn của các sách cụ thể, đặc biệt, được lập lại nhiều lần của những người này và nhiều người khác nữa, hội thánh đã thiết lập được kinh điển của Kinh thánh.

Những người theo tà giáo đã bác bỏ một số sách trong Kinh thánh vốn đã được chấp nhận một cách rộng rãi và họ chấp nhận nhiều sách khác. Có lẽ Marcion đã lập ra một danh sách đầu tiên của kinh điển chính thức (140.sc), gồm có phần của Luca và mười bức thư của Phaolô (không có một bức thư mục vụ nào cả). Phe Montanists giới thiệu lời Tiên tri mới của họ (New Prophecy), nó đã khơi dậy nỗi lo sợ về bản Kinh thánh chính thống. Cũng trong cuối thế kỷ thứ hai, nhiều tác phẩm đã được viết ra, nói về các công việc của các sứ đồ, thờ thơ ầu của Chúa Jesus, và cuộc đời của Philát.

Tất cả các yếu tố này đã thôi thúc hội thánh xác lập Kinh điển của Kinh thánh. Các thư tín của Phaolô đã được sưu tập tại Êphêso vào cuối thế kỷ thứ hai. Irenaeus đã xác định rõ ràng về các sách này. Năm 200.sc. Một danh sách được viết dưới tên Bộ kinh điển Muratori (Muratorian Canon) đã xuất hiện ở Rôma. Bộ kinh điển này gần như đầy đủ, ngoại trừ một số sách còn bị tranh luận về quyền tác giả: Gia cơ, IIPhierơ, II, IIIGiăng và Giuđe. Sách Hêborơ bị bỏ qua, mặc dầu đã được Clement ở Rôma sử dụng rồi. Nhưng vào năm 400.sc, toàn bộ hai mươi bảy sách trong Tân ước đều đã được công nhận.

Có ba vấn đề kiểm tra mang tính chất quan trọng đối với hội thánh khi công nhận là thuộc vào kinh điển Tân ước. Trước tiên, tác phẩm này phải có những dấu hiệu chứng tỏ được viết ra hay được đỡ đầu bởi một vị sứ đồ. Thứ nhì, tác phẩm này phải hợp với qui tắc của đức tin. Thứ ba, tác phẩm này phải được hội thánh chấp nhận một cách rộng rãi. Các hội nghị sau này của hội thánh đã công nhận các tác phẩm đã được chấp nhận rộng rãi rồi là các tác phẩm thích hợp với các tiêu chuẩn này.

24. Điều gì đã dẫn đến nhu cầu tạo ra bộ kinh điển các tác phẩm Tân ước?

.....  
.....

25. Danh sách kinh điển này đã phát triển như thế nào?

.....  
.....  
.....



26 Liệt kê ba vấn đề kiểm tra được áp dụng cho mỗi tác phẩm để tác phẩm đó được chấp nhận là một sách trong Tân ước.

.....

.....

.....

.....

Các tín điều

Khi hội thánh đã phát triển và lan ra khắp mọi nơi trong đế quốc, lúc ấy cần phải có sự thống nhất trong hành động và trong niềm tin. Hội thánh cần một bản qui tắc của đức tin. Origen đã định nghĩa một mục thước như thế là "sự dạy dỗ của hội thánh được bảo tồn bất di bất dịch và được các sứ đồ truyền lại liên tiếp trải qua các đời. Bản quy tắc này là một tuyên ngôn về giáo lý, được gọi là bài tín điều, để có thể dễ ghi nhớ và lập lại khi tuyên xưng công khai. Mặc dầu không do các sứ đồ viết ra, nhưng nó đã trở nên bài Tín Điều Các Sứ Đồ.

Có những dấu hiệu trong Kinh thánh cho biết rằng hội thánh thời Tân ước có thể đã dùng các câu nói trong bài tín điều để trình bày những điểm tóm tắt có giới hạn về chân lý.

27. Hãy xem từng phân đoạn sau và viết một câu văn tắt trong bài tín điều đối với từng phân đoạn [RoRm 10:9-10](#), [ICo1Cr 15:3-4](#), [ITi1Tm 3:16](#). Hãy viết vào vở của bạn.

Trải qua nhiều năm, các giáo hội đã sử dụng được các bản tuyên ngôn đức tin riêng của họ để đương đầu với nhiều tà giáo và chỉ dạy các tân tín hữu. Irenaeus đã viết một bản qui tắc như thế, tập trung vào sự nhập thể, sự chết làm sinh tể chuộc tội cho con người, sự sống lại trong thân thể, và sự tái lâm của Đấng Christ. Bản này chống lại Trí huệ phái một cách rõ ràng.

Các bài tín điều trong lễ báp tem chẳng bao lâu đã trở nên những lời phù hợp (xem [Cong Cv 8:37](#), [Mat Mt 28:19](#)) thoát tiên, các bài tín điều này gồm có các câu hỏi và câu trả lời: Từ giữa thế kỷ thứ ba, chúng chuyển dần thành hình thức tuyên ngôn, mở đầu bằng câu: "Tôi tin...". Đây là bài tín điều các sứ đồ, có niên hiệu khoảng từ 400sc.

Tôi tin Đức Chúa Trời toàn năng là Cha,

Là Đấng dựng nên trời đất

Tôi tin Jesus Christ là con độc sanh của Đức Chúa Trời , và Chúa chúng ta ;

Ngài được dầu thai bởi Thánh linh ,

Sanh bởi nữ đồng trinh Mari ;

Chịu thương khó dưới tay Bôn-xơ Phi-lát ,

Bị đóng đinh trên thập tự giá , chịu chết và chôn ;

Ngài xuống âm phủ ;

đến ngày thứ ba Ngài từ kẻ chết sống lại ;

Ngài thăng thiên , ngồi bên hữu Đức Chúa Trời toàn năng là Cha .

Từ đó , Ngài sẽ trở lại để xét đoán kẻ sống và kẻ chết .

Tôi tin Thánh linh . Tôi tin hội thánh phổ thông ;

Sự cảm thông của thánh đờ ;

Sự tha tội ;

Sự sống lại của thân thể ;

Và sự sống đời đời .

28. Mục đích của các bài tín điều trong hội thánh đầu tiên là gì?

.....

..

.....

..

29. Sau khi đọc lại bài tín điều các sứ đồ, hãy xác định xem các chân lý nào trong bài này sẽ được chấp nhận đối với a. Các nhóm theo tà giáo hiện nay. b. Chính bạn. Tại sao? Hãy viết vào vở của bạn.

Vai trò của Giám mục

Trong các hội thánh thời Tân ước, không có các vị trong chế độ quân chủ, chỉ có các Trưởng lão và các chấp sự. Nói như vậy có nghĩa là không có vị Trưởng lão nào được nhắc lên cao hơn các Trưởng lão khác. Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ thứ hai, chúng ta thấy mẫu mực ba cấp bậc chức vụ đã phát triển. Ignatius đã đặt Giám mục cao hơn các Trưởng lão và chấp sự. Có lẽ chức Giám mục đã xuất hiện để lo giúp việc liên lạc giữa các hội thánh, giải quyết các sự dạy dỗ của tà giáo, và cử hành lễ tiệc thánh. Cuối thế kỷ thứ hai, vị Giám mục là người lãnh đạo hội thánh được chính thức công nhận tại một thành phố hoặc một vùng cụ thể.

Sự xuất hiện của Trí huệ giáo và mối đe dọa của nó đối với thẩm quyền của giáo hội đã dẫn đến việc đã soạn ra các danh sách kế vị các sứ đồ. Các danh sách này đã chứng minh thẩm quyền của Giám mục bằng cách liên hệ trực tiếp Giám mục với các sứ đồ. Chẳng bao lâu, vị Giám mục tại Rôma được công nhận là lãnh tụ trong số các nhà lãnh đạo vì kế vị trực tiếp từ Phierơ. [Mat Mt 16:18](#) được dùng để giải thích rằng Đấng Christ đã lập hội thánh trên Phierơ. Tuy nhiên, nhiều học giả Hylạp nêu lên rằng, lời nói trong phân đoạn này cho biết Đấng christ đang nói đến những gì hoặc là Đấng mà Phierơ đã xưng nhận là nền tảng của hội thánh và Ngài không nói đến bất cứ một chức vụ nào của con người là nền tảng của hội thánh.

Nhiều hoàn cảnh khác nữa đã dẫn đến việc gia tăng quyền lực của vị Giám mục tại Rôma. Rôma là thủ đô của đế quốc, đã có một hội thánh vững vàng mạnh mẽ. Hội thánh có thể cung cấp viện trợ cho các hội thánh khác. Các hội thánh ở Rôma đã có danh tiếng tốt là chính thống khi đối diện với tà giáo trên toàn đế quốc Rôma cũng trở thành một trung tâm chính của Cơ đốc giáo khi các trung tâm khác phải chịu khổ bao nhiêu khác nhau. Jêrusalem bị quân Lamã tàn phá năm 135.sc. Hội thánh tại Êphêsô đã bị Donatism giằng xé toi bời, và bị Giám mục ở đây dứt phép thông công vào gần cuối thế kỷ thứ hai. Carthage đã bị phân rẽ bởi Donatism trong thế kỷ

thứ tư. Vì vậy, các đối thủ tranh quyền lãnh đạo tại Rôma đã bị loại dần. Cuối cùng, các Giám mục tại Rôma là những nhà lãnh đạo khôn khéo, đã cẩn thận gia thêm quyền lực của riêng họ. Ví dụ như Callistus (217-222sc) là Giám mục đầu tiên nhận lại những tội nhân ăn năn vào hội thánh như là một vấn đề thuộc về chính sách. Trước đây các Cơ đốc nhân phạm những tội như tà dâm, giết người, hay bội đạo đã bị cấm nhận lại vào hội thánh. Dần dần, giáo hội đã đặt ra một hệ thống có cấp độ trong lễ sám hối do Giám mục cử hành, cũng giống như lễ báp tem vậy. Cuối thế kỷ thứ ba, sự phân rẽ giữa hàng giáo phẩm và giáo dân đã rõ ràng. Chỉ có hàng giáo phẩm mới có thể cử hành các nghi lễ tiệc thánh và báp tem. Các ngôi giáo đường kiểu Basilica đơn giản đã tách những người học Phước Âm Yếu Chỉ ra một bên tách khỏi vị Giám mục ở bên kia cùng với gian dài ở giữa dành cho giáo dân. Rõ ràng chức Giám mục đang trở thành trung tâm của một tổ chức đồng loạt hơn, cứng rắn hơn trong hội thánh.

30. Phierơ đã chỉ ra ai là nền tảng của hội thánh ([IPhi 1Pr 2:4-8](#)).

.....  
.....  
.....  
.....

31. Hãy giải thích các tà giá như là Trí huệ giáo đã tác động như thế nào đến quyền lực của vị Giám mục.

.....  
.....  
.....  
.....

32. Địa vị của vị Giám mục ở Rôma như là nhà lãnh đạo chính đã được ủng hộ bởi.

- Các lễ thật Kinh thánh.
- các danh sách người kế vị các sứ đồ
- Đế quốc Lamã
- tất cả các câu trên.

33. Hãy soạn một bản liệt kê các nguyên nhân trong việc phát triển thẩm quyền của vị Giám mục tại Rôma. Hãy viết vào vở của bạn.

Năm 312, Cơ đốc giáo đã giải quyết xong một số các nhóm tà giáo. Trong quá trình này, hội thánh đã đạt được một cơ cấu hữu hình trong các lãnh vực: Kinh điển, tín điều và cấp bậc. Bây giờ, hội thánh đang đứng trước ngưỡng cửa của sự biến đổi nghiêm trọng. Với sắc lệnh Milan năm 312, Hoàng đế Constantine I đã mở ra giai đoạn này cho các Cơ đốc nhân, những người trước đây bị bắt bớ, nay trở thành những kẻ bắt bớ khi quốc gia này nhận Cơ Đốc giáo làm quốc giáo.

Bài tự trắc nghiệm

1. Hãy ghép các tà giáo (bên phải) phù hợp với các lời dạy dỗ hay các đặc trưng thích hợp (bên trái).

- .....a. Cho rằng Đấng Christ là một con ma.
- .....b. Ly khai khỏi giáo hội ở Bắc phi để phản kháng các nghi thức của giáo hội công giáo.
- .....c. Nhấn mạnh các ân tứ của Thánh linh hơn là nhấn mạnh đến Kinh thánh.
- .....d. Xem Đức Chúa Trời có Một Ngôi, vì vậy phủ nhận giáo lý Ba Ngôi.
- .....e. Bị diệt sạch sau khi người Lamã tàn diệt dân Do thái.
- .....f. Dạy rằng sự cứu rỗi đến bởi tri thức của con người nhờ những tri thức bí ẩn
- .....g. Gieo rắc mầm mống cho nhóm theo tà giáo Unitarianism ngày nay.
- .....h. Xem địa vị công nghĩa trước mặt Đức Chúa Trời là kết quả của việc vâng giữ luật pháp Do thái.
- .....i. Cho rằng không trung tín trong cơn bất bớ là bội đạo.
- .....j. Phản kháng trước sự bắt chước thế gian, gia tăng sự vâng phục thẩm quyền của con người và chủ nghĩa hình thức trong giáo hội.

2. Sắp xếp các tà giáo (bên phải) phù hợp với những nhân vật có liên quan đến sự phát triển của tà giáo đó (bên trái)

- .....a. Các Cơ đốc nhân người Do thái.
- .....b. Marcion
- .....c. Montanus
- .....d. Donatus
- .....e. Mani
- .....f. Sabellius
- .....g. Paul ở Samosata

CÂU LỰA CHỌN : Khoanh tròn mẫu tự trước câu trả lời đúng nhất .

3. Các nhóm theo tà giáo ngày nay trình bày

- a. Mỗi đe dọa rất nhỏ đối với Cơ đốc giáo.
- b. Các lý thuyết mới mẽ chưa từng được kiểm tra trước đây.
- c. Các tà giáo cũ trá hình là các lý thuyết mới.
- d. Chỉ là sự chệch hướng không đáng kể so với xu thế chính của Cơ đốc giáo

4. Kinh điển Tân ước gồm 27 sách đã được hoàn tất vào năm:

- a. 100.sc
- b. 200.sc.
- c. 300.sc.
- d. 400.sc

5. Các bản tuyên ngôn của đức tin được gọi là các bài Tín Điều được triển khai để

- a. Trình bày giáo lý của hội thánh.
- b. Dễ ghi nhớ và lặp lại.
- c. Chỉ dạy tân tín hữu.

d. Tất cả các câu trên.

6. Các bản danh sách kê vị các sứ đồ đã ủng hộ cho thẩm quyền của vị Giám mục tại Rôma được bắt đầu từ.

a. Đấng Christ.

b. Phierơ.

c. Phaolô.

d. Gia cơ.

TRẢ LỜI NGẮN . Trả lời các câu sau càng ngắn càng tốt .

7. Một số các đặt trưng của các nhóm theo tà giáo ngày nay là gì?

.....

...

.....

...

8. Có mối liên kết nào giữa các nhóm theo tà giáo ngày nay và các tá giáo trong thời đầu tiên?

.....

...

.....

...

## ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ ĐƠN VỊ 2

Bây giờ bạn hãy ôn lại bài 3-5 để chuẩn bị cho phần Đánh Giá Tiến Bộ Đơn vị 2. bạn sẽ tìm thấy phần này và tờ bài làm trong tập học viên của bạn. Hãy trả lời mọi câu hỏi mà không xem sách giáo khoa hay tài liệu nghiên cứu. Hãy gửi tờ bài làm của bạn cho hướng dẫn viên ICI, kèm theo bất cứ tài liệu nào đã chỉ ra trên bìa của tập học viên. Sau đó, bạn có thể tiếp tục nghiên cứu bài 6.

Giải đáp các câu hỏi nghiên cứu .

17. a. Mạng lệnh truyền giáo.

b. Sự giáng sinh của Chúa Jesus Christ

c. Lễ báp tem của Chúa Jesus Christ.

d. Làm cho bền vững, xúc dầu, đóng ấn.

1. a. Đúng

b. Sai

c. Đúng

d. Sai

e. đúng

18. a. Sai

b. Đúng

c. Sai

d. Đúng

e. Sai

2. Vâng giữ luật pháp không đem lại địa vị công nghĩa trước mặt Đức Chúa Trời vì điều kiện đó chỉ đến bởi đức tin.

19. c. Không cho những người trước kia đã từng bội đạo được dự phần trong hội thánh.

3. Câu trả lời của bạn. Nếu Cơ đốc giáo quá mài miệt vào văn hóa của xã hội, và xã hội đó bị hủy diệt như dân tộc Do thái đã bị, thì lời phát biểu đặc biệt đó nói lên những đau khổ mà Cơ đốc giáo phải chịu

20. Câu trả lời của bạn. Có lẽ thánh lễ này được cử hành một cách máy móc và tình trạng vô đạo đức được công nhận trong giới lãnh đạo hội thánh.

4. Đó là nhị nguyên luận, Đấng hóa công và Donatism.

21. Mọi chủng tộc dân tộc và ngôn ngữ đều hiệp một trong Đấng Christ.

5. Câu trả lời của bạn. Sự khôn ngoan của con người là sự ngu dại trước mặt Đức Chúa Trời. Đấng Christ là sự khôn ngoan cho Cơ đốc nhân.

Sự cứu chuộc chúng ta ở trong Đấng Christ.

22. d. Ebionitism.

6. Không phải là sự hủy hoại thân thể, cũng không phải là sự ham muốn của thân thể được phép xảy ra cho "đền thờ của Thánh linh" này.

23. Câu trả lời của bạn. Vấn đề thẩm quyền của giáo hội là trọng tâm trong sự chống đối của phe Donatist đối với các nghi thức của giáo hội công giáo. Trải qua nhiều năm, giáo hội ngày càng nắm lấy nhiều uy quyền hơn tác động vào tình trạng tuân theo một giáo hội công giáo, chánh thống.

7. a. 2. Marcionism.

b. 3. Manichaeism.

c. 1. Toàn bộ Trí huệ giáo.

24. Những người theo tà giáo bác bỏ các tác phẩm đã được chấp nhận một cách rộng rãi và việc viết thêm các tác phẩm mới.

8. Tội lỗi và điều ác đến từ hành động của con người, không phải từ Đức Chúa Trời.

25. Câu trả lời của bạn. Suốt rất nhiều năm, các tác phẩm nào đó đã có được tình trạng có thẩm quyền nhờ đã chấp nhận rộng rãi giữa các hội thánh, bắt đầu từ các thư của Phaolô, kế đó là các sách Phúc âm, rồi đến các sách khác.

9. Phaolô nói rằng mọi sự đầy đầy của Đức Chúa Trời đều ở trong Chúa Jesus Christ khi Ngài thể hiện tình yêu của Đức Chúa Trời trên thế gian này.

26. Được các sứ đồ soạn ra, phù hợp với bài tín điều, được chấp nhận rộng rãi.

- 10. a. 1
- b. 2
- c. 2
- d. 1
- e. 2
- f. 2

27. Câu trả lời của bạn. Có lẽ là những câu như được cứu rỗi nhờ xưng ra và tin rằng "Chúa Jesus là Chúa". Đấng Christ đã chết, đã được chôn, và sống lại vào ngày thứ ba. Đấng Christ đã đến trong hình hài thân thể con người, đã thi hành chức vụ, và đã quay về Thiên đàng.

11. Câu trả lời của bạn. Họ đã phản ứng: Chống lại sự bắt chước thế gian, chủ nghĩa hình thức, và quyền lãnh đạo của con người đã thay thế cho việc vâng phục Đức thánh linh.

28. Bác bỏ các người theo tà giáo và chỉ dẫn các tân tín hữu

12. Câu trả lời của bạn. Hội thánh không được quá nhấn mạnh tổ chức và cấp bậc mà đánh mất sự lãnh đạo của Đức thánh linh và mối tương giao thuộc linh cá nhân với Đức Chúa Trời.

29. a. Các nhóm theo tà giáo được đề cập trong bài này bác bỏ toàn bộ bài tín điều, ý kiến nói rằng Đức Chúa Trời có Ba Ngôi, ý kiến nói rằng Đấng Christ phục sinh là Đấng cứu chuộc tội nhân bởi sự chết và sự sống lại của Ngài và ban sự sống đời đời.

b. Câu trả lời của bạn. Bạn có thể xem từ ngữ "hội thánh" là một thân thể vô hình của Đấng Christ hơn là một tổ chức thuộc thế.

13. b. Đức Chúa Trời

14. Ba Ngôi

31. Câu trả lời của bạn, giáo hội Công giáo đã chứng minh thẩm quyền của cấp lãnh đạo giáo hội và vì vậy đã đưa ra danh sách người kế vị cá sứ đồ, qua đó đề cao vai trò của vị Giám mục.

30. Đức Chúa Jesus Christ.

15. a. 1. Modal Monarchianism

b. 3. Cơ đốc giáo theo Kinh thánh.

c. 1. Modal monarchianism.

d. 2. Dynamic Monarchianism.

32. b. Các danh sách người kế vị các sứ đồ.

16. Câu trả lời của bạn. Đấng Christ là Đức Chúa Trời quyền năng, Emmanuên, con Đức Chúa Trời, và ở cùng Đức Chúa Trời và là Đức Chúa Trời từ lúc ban đầu.

33. Câu trả lời của bạn. Hãy kiểm tra câu trả lời của bạn với các nguyên nhân đã nêu trong tài liệu hướng dẫn này.

**BÀI HỌC 6: Việc Cùng Cố Hội Thánh**

Trong giai đoạn từ năm 313 đến năm 590, giáo hội trở thành một tổ chức có cơ cấu cao hơn nhiều. Hình như trọng tâm nhắm vào Hội Thánh hữu hình hơn là Hội Thánh vô hình. Chiếu chỉ Milan đã làm thay đổi lịch sử khiến cho các Cơ Đốc nhân được tự do trong việc thờ phượng và chuẩn bị dọn đường cho Cơ Đốc giáo trở thành quốc giáo. Tuy nhiên, sự ủng hộ của hoàng đế dành cho Cơ Đốc giáo đã đem đến một số những kết quả xấu. Thay vì bị bắt bớ, Hội Thánh đã trở thành kẻ bắt bớ. Giới giám mục Lamã chiếm quyền hành tuyệt đối như giáo hoàng của giáo hội Công giáo. Hội Thánh ngày càng bị thế tục hoàn toàn.

Để phản ứng lại khuynh hướng đó trong Hội Thánh, một số người đã tìm cách trốn tránh tinh thần thế gian bằng cách sống cô lập ở những nơi hoang vắng. Hệ thống tu viện ra đời. Cũng vậy, về việc thuộc linh, Hội Thánh bắt đầu truyền giáo cho thế giới bằng việc sai phái các nhà truyền giáo ra đi. Hệ thống tu viện và các hội truyền giáo tràn ngập khắp nơi trong giai đoạn này.

Khi bạn dự phần vào việc phát triển Tin lành trong khu vực của mình. Bạn sẽ cần tuân theo những gương mẫu nhất định rút ra từ bài học này cũng như bạn cần tránh những điều nguy hiểm.

Việc Củng Cố Các Mối Quan Hệ giữa Giáo Hội và Nhà Nước

Các hoàng đế Lamã

Các bộ tộc xâm lăng

Sự Phát Triển Của Thể Chế Giáo Hoàng

Sự Chính Thức Hóa của Cơ Cấu Hội Thánh

Vị Giáo Hoàng Đầu Tiên

Hệ Thống Tu Viện Và Các Hội Truyền Giáo

Giáo hội Đông Phương

Giáo hội Tây Phương

Giáo hội của người Celtic

Khi hoàn tất bài học này bạn có thể:

Ừ Phân tích được tác động của những thay đổi về mặt chính trị trên hội thánh.

Ừ Mô tả nguồn gốc của chức vụ giáo hoàng

Ừ Tìm được những sự đóng góp của các tu sĩ và các hội truyền giáo khác nhau đối với việc lan rộng của Hội Thánh.

1. Nghiên cứu bài học này và làm bài tự trắc nghiệm theo các chỉ dẫn trong Bài 1.

2. Nghiên cứu kỹ bản đồ và liên hệ đến biểu đồ tóm tắt ở cuối sách giáo khoa này.

Cha trưởng tu viện

Tổng giám mục

Nhóm Arian

Bộ tộc

Catholicos (giáo trưởng của phái Arian)

Sự xác quyết



## Các chiếu chỉ Giáo khu

### VIỆC CÙNG CỐ CÁC MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ HỘI THÁNH Các Hoàng Đế Lamã

Đế chế Lamã trải qua sự bất ổn định không ngừng trong suốt thế kỷ thứ ba dưới 30 vị hoàng đế khác nhau. Vào năm 284 hoàng đế Diocletian thiết lập một hệ thống hoàng đế cùng cai trị với những người đồng kế vị để bảo đảm sự ổn định thêm cho chính quyền. Chính con trai, người kế vị ông, Constantine là người khởi xướng sự kết hợp thật khó tin giữa giáo hội với nhà nước. Năm 312 Constantine chuẩn bị đánh nhau với địch thủ của ông ở tại Lamã bằng cách cầu nguyện với "Đức Chúa Trời Tối Cao". Truyền thuyết thuật lại rằng ông đã thấy một khái tượng về một chiếc thập tự giá ở trên bầu trời với dòng chữ "Dấu hiệu này sẽ mang đến sự chinh phục". ông đã thắng trận và cải đạo theo Cơ Đốc giáo.

Với tư cách là vị hoàng đế đồng cai trị với Licinius ở phía Đông, Constantine ban hành Chiếu Chỉ Milan vào năm 313, là chiếu chỉ đã khiến cho Cơ Đốc giáo trở thành một tôn giáo hợp pháp. Mặc dầu động cơ của ông có thể không hoàn toàn chân thật, chiếu chỉ của ông cũng đã đem lại những thay đổi sâu rộng. Những Cơ Đốc nhân dưới đế chế không còn sống trong nỗi lo sợ cho tính mạng của mình, phải truyền bá Thánh Kinh trong bí mật hoặc ẩn núp trong những hầm mộ.

Constantine xem Hội Thánh Cơ Đốc và các công việc của Hội Thánh như là một phần thuộc lãnh vực cai trị của ông. Mặc dầu ông không làm cho Cơ Đốc giáo trở thành quốc giáo, nhưng ông ưu đãi Cơ Đốc giáo. Ông đã trả lại tài sản cho giáo hội, cho phép những miễn trừ đối với hàng giáo phẩm, ủng hộ Hội Thánh về mặt tài chánh, biến ngày thứ nhất trong tuần lễ làm ngày thờ phượng dành cho mọi người (mặc dầu đó vốn đã là thông lệ của các Cơ Đốc nhân) và thậm chí đã giữ một vai trò chủ yếu trong các vấn đề thần học của Hội Thánh. Ông cảm thấy ông phải giúp giải quyết bất cứ xung đột nào trong Hội Thánh cũng như hết thảy các hoàng đế ngoại giáo trước kia đã giúp duy trì tôn giáo của quốc gia.

Cuộc can thiệp lần đầu tiên của Constantine vào những công việc của Hội Thánh liên quan đến vấn đề của nhóm Donatist ở tại Bắc Phi. Những người theo truyền thuyết Donatist yêu cầu ông giúp đỡ. Tuy nhiên, về sau họ đã bác bỏ quyết định của các giám mục ở tại Giáo hội nghị Arles (năm 314) là hội nghị Constantine và các hoàng đế khác tiếp tục can thiệp vào các công việc của Hội Thánh, những người theo thuyết Donatist và những người khác đã thắc mắc: "Hoàng triều thì có liên hệ gì đến Hội Thánh?"

Đến năm 324 Constantine đã nắm quyền kiểm soát lãnh thổ của Licinius ở phía Đông và trở thành người cai trị độc nhất. Ông đã triệu tập hội đồng giáo hội đầu tiên của các Hội Thánh từ Đông và Tây. Đó là Hội Đồng Nicaea (325), hội đồng

bàn đến mối liên hệ giữa Chúa Cứu Thế với Đức Chúa Cha. Constantine chủ trì buổi nhóm. Những người bác bỏ thần tính của Chúa Cứu Thế là nhóm Arian. Về sau họ đã ảnh hưởng đến Cơ Đốc giáo ở khắp phương Đông, mặc dầu bản tín điều Nicaea đã công bố rõ thần tính của Chúa Cứu Thế.

Năm 330 Constantine dời thủ đô của Đế quốc Lamã từ Rôma về thành phố Byzantium và đổi tên thành Constantinople. Hiện nay là Istanbul (được đổi tên năm 1930) ở tại Thổ Nhĩ Kỳ. Trong sự thống trị của ông đối với giáo hội kể từ khi dời kinh đô về thành phố này. Constantine đã ấn định một khuôn mẫu mà ngày nay vẫn còn tồn tại trong Giáo Hội Chính Thống của người Hy Lạp, đó là nhà nước kiểm soát giáo hội.

Năm 337 ba người con trai của Constantine chia cắt đế quốc thành nhiều phần, cuối cùng một người trong số họ là Constantius trở thành người cai trị độc nhất (354-360). Ông đóng cửa các đền thờ của người ngoại giáo và tìm cách thống nhất giáo hội với một quan điểm chống lại bản tín điều Nicaea khi ông có khuynh hướng thiên về quan điểm Arian. Vào năm 361 người em họ ngoại giáo của ông là Julian trở thành hoàng đế. Trong vòng hai năm ông tìm cách áp đặt ngoại giáo lên triều đình bằng cách giảm thiểu mọi đặc quyền của giáo hội Cơ Đốc. Tuy nhiên, sau năm 363, các Cơ Đốc nhân đã cai trị đế quốc. Khi Theodosius được chọn làm hoàng đế ở Đông phương, ông đã công bố Cơ Đốc giáo là quốc giáo chính thức vào năm 380 và đã đóng cửa tất cả các đền thờ ngoại giáo. Hội Thánh trước kia bị bắt bớ nay đã trở thành kẻ bắt bớ những ai không thuộc về Hội Thánh.

Sau ba năm cai trị Đông phương và Tây phương, Theodosius qua đời vào năm 395 và Đế quốc bị phân chia giữa vòng các con trai ông. Điều này đã đánh dấu sự phân chia lâu dài của Đế quốc. Tây Đế quốc hay là Đế quốc Lamã chỉ kéo dài đến năm 476, khi các bộ tộc xâm lăng tràn chiếm Đông Đế quốc hay đế quốc Byzantine kéo dài cho đến những năm của thập kỷ 1400, khi nó bị quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm quyền kiểm soát.

Trong một thời gian ngắn ngủi, Đông Hoàng Đế Justinian đệ I (527-565) đã cố gắng để tái thống nhất hai đế quốc. Ông đại diện cho vị hoàng đế tốt nhất trong việc hiệp nhất đế quốc với đạo Cơ Đốc. Ông đã đóng cửa trường triết học ở tại Athens. Ông cảm thấy rằng với tư cách là một người Lamã và là một hoàng đế theo Cơ Đốc giáo, ông chính là người phải thi hành ý muốn của Đức Chúa Trời trong đế quốc. Ông tin rằng Hội Thánh dường như hoà nhập trong xã hội Cơ Đốc.

Vì vậy đến cuối giai đoạn này của lịch sử Hội Thánh, Cơ Đốc giáo trong tay của nhà nước đã trở thành tôn giáo của chính quyền, và là kẻ đàn áp kiên cường những ai từ chối Cơ Đốc giáo.

1. Điền vào chỗ trống những câu trả lời đúng.

a. Theo thuyết Ebionitism và Donatic, chúng ta đã thấy một số các vấn đề nảy sinh khi niềm tin Cơ Đốc bị cột quá chặt chẽ trong một nhóm người riêng biệt. Bây giờ

chúng ta thấy Cơ Đốc giáo đang bị cột chặt vào

.....

b. Văn kiện đã làm cho Cơ Đốc giáo được hợp thức hóa là.....

c. Vị hoàng đế đầu tiên xưng mình là Cơ Đốc nhân là

.....

d. Công việc đầu tiên của Hội Thánh được nhà nước xử lý liên quan đến

.....

e. Cơ Đốc giáo trở thành quốc giáo vào năm

.....

2. Điều gì sẽ xảy ra nếu những người trong gia đình bạn đã bị chết trong những năm nhà nước bất bớ, thế rồi sau đó không những Cơ Đốc giáo được cho phép mà còn được chính quyền khuyến khích đẩy mạnh. Hãy viết cảm tưởng của bạn thế nào. Dùng vở ghi chép của bạn.

3. Theo bạn đời sống thuộc linh của Hội Thánh sẽ bị ảnh hưởng như thế nào bởi việc Cơ Đốc giáo được nhà nước ủng hộ và đẩy mạnh? Viết vào vở ghi chép của bạn.

4. Đến năm 590, hoàng đế đã đảm nhận vai trò gì trong các công việc của Hội Thánh?

.....

...

.....

...

### Các Bộ Tộc Xâm Lăng

Vừa đầu giữa thế kỷ thứ ba, các bộ tộc Hung nô người Đức từ miền Bắc bắt đầu xâm lăng đế quốc. Dân Visigoths đã định cư ở Dacia vào năm 271. Một thế kỷ sau, người Lamã đối xử tệ với họ. Vì vậy vào năm 378 dân Visigoths dấy loạn và giết chết hoàng đế Valens ở tại trận Adrianople. Họ lại ở yên dưới thời hoàng đế Theodosius. Sau khi đế quốc bị chia cắt do các con trai của Theodosius, dân Visigoths bắt đầu xâm lăng nước Ý vào năm 401 dưới quyền chỉ huy của vua họ là Alaric. Năm 410 họ đã chiếm thành Lamã Tây hoàng đế đến Ravenna ở miền Bắc nước Ý để sống. Khi vua Alaric qua đời, dân Visigoths trở về xứ Gaul.

Khoảng đầu thế kỷ thứ năm, người Lamã đã rút tất cả quân lính khỏi xứ Gaul và quần đảo Anh để bảo vệ chính họ khỏi quân Visigoths. Điều đó khiến cho đông đảo các bộ tộc người Đức, dân Angles, dân Saxons, dân Suevi, dân Franks và dân Burgundians đã dồn vào xâm lăng xứ Gaul, dân Angles và dân Saxons và dân Jutes đã giành quyền cai trị hòn đảo Anh. Dân Vandals tràn qua Tây ban nha và chiếm đóng Bắc Châu Phi, việc bắt đầu vào năm 429. Họ tấn công Lamã vào năm 455. Đạo quân Hung nô do Atilla chỉ huy xâm lấn Ý Đại Lợi vào năm 452 nhưng đã rút lui trước sự khản nài của Giám mục Leo đệ I. Năm 476 vị hoàng đế cuối cùng của

Lamã ở phía Tây bị một vị vua ngoại giáo tên là Odoacer truất phế. Từ năm 493 đến năm 526, Theodoric vua dân Ostrogoths cai trị Ý Đại Lợi. Tiếp theo sự nắm quyền của Justinian đệ I, nước Ý bị một bộ tộc khác, dân Lombard cai trị vào năm 568. Lưu ý các bộ tộc xâm lăng khác nhau trên bản đồ ở trang bên.

Người ta thắc mắc điều gì đã khiến Lamã sụp đổ? Các nhà viết sử chỉ có thể đưa ra những ý kiến của họ. Một số người cảm thấy rằng với sự nổi lên của Cơ Đốc giáo khắp đế quốc, làm cho những nhà lãnh đạo dân sự bị lôi kéo vào việc lãnh đạo của giáo hội. Điều đó đã để lại một tình trạng suy yếu. Tây đế quốc cũng nghèo nàn hơn Đông đế quốc. Với những nguồn cung ứng không thích đáng và quá nhiều người không sản xuất cần phải được chăm sóc, Phía Tây bị suy yếu nhiều.

Song sự sụp đổ của đế quốc Lamã, thật sự đã giúp cho Cơ Đốc giáo lan rộng ra.

Hội Thánh được thách thức để Cơ Đốc hóa những dân tộc ngoại giáo, là người đã xâm lăng lãnh thổ của họ, cũng như để truyền giáo cho dân ngoại ở Âu châu.

5. Ghép cặp các bộ tộc xâm lăng với những vùng họ lấn chiếm

- 1) Dân Visigoths, dân Ostrogoths
- 2) Dân Vandals
- 3) Dân Angles, dân Saxons, dân Jutes

.....a. Tây ban nha

.....b. Bắc phi

.....c. Quần đảo Anh

.....d. Ý đại lợi

6. Những yếu tố nào dường như đã dẫn đến sự sụp đổ của Đế quốc Lamã? Viết vào vở ghi chép của bạn.

7. Hãy giải thích việc sụp đổ của Đế quốc Lamã đã giúp đỡ Cơ Đốc giáo như thế nào?

.....

.....

.....

.....

## SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỨC VỤ GIÁO HOÀNG

### Việc Chính Thức Hóa Cơ Cấu Giáo Hội

Sự hợp thức hóa Cơ Đốc giáo đã củng cố vị trí của hết thảy các Giám mục. Dần dần, giám mục ở tại thành Rôma, bởi việc dạy dỗ về việc kế tục của chức vụ sứ đồ, đã thành ra được xem như người phát ngôn của toàn thể giáo hội Cơ Đốc. Khi Constantine dời các chức vụ của chính quyền Rôma đến Constantinople, ông đã để lại một chỗ trống về quyền lãnh đạo ở tại đế quốc phía Tây. Người ngoại cũng như các Cơ Đốc nhân bắt đầu trông đợi giám mục thành Rôma cung ứng quyền lãnh đạo.

Trong suốt thế kỷ thứ tư, một hệ thống phẩm trật chính thức về các chức vụ trong

giáo hội đã được triển khai tương tự như cơ cấu của chính quyền Lamã. Bậc cao nhất là giáo trưởng - Ông ta có pháp quyền trên nhiều địa phận. Năm vị giáo trưởng đầu tiên phục vụ ở tại các tòa giám mục ở Lamã, Alexandria, Antioch, Jerusalem và Constantinople. Chức vụ cao thứ nhì là chức tổng giám mục (hay là metropolitan). Vị này đứng đầu một địa phận của giáo hội bao gồm giáo khu của mình (thường là một thành phố chính) và các địa phận của các giám mục khác. Chức vụ thứ ba là giám mục đứng đầu một giáo khu.

Nếu một người thuộc giáo hội muốn được huấn luyện để gia nhập hàng giáo phẩm, người ấy sẽ trở thành người đọc Kinh Thánh trong các buổi lễ ở nhà thờ, rồi trở thành người giúp lễ (phụ tá), rồi đến phó trợ tế (đến năm 30 tuổi). Kế đó người ấy sẽ hầu việc như một trợ tế (năm năm) và một vị linh mục (mười năm). Đến năm 45 tuổi, người đó có thể được chọn làm giám mục.

Vị giám mục trông coi công việc chăn bầy, các lễ báp têm và lễ Ban Thánh Thể (Tiệc thánh) cho cả thành phố. Những người giúp lễ của ông ta sẽ mang tiệc thánh đến các Hội Thánh khác nhau trong thành phố. Các linh mục kết hợp với các giáo hội, nhưng vai trò của các linh mục giáo xứ, mà ngày nay phổ biến trong giáo hội Công giáo, thì đã không phát triển mãi cho đến thế kỷ thứ sáu cùng với sự xuất hiện của các giáo hội miền quê.

Tổ chức giáo hội đã lớn lên qua sự phát triển về thẩm quyền của những kỳ giáo hội nghị và thẩm quyền của các giám mục nhất định ở trên những giám mục khác. Ví dụ vào năm 381 ở tại Hội Nghị Constantinople, Hoàng đế Theodosius đã tấn phong giám mục thành Constantinople làm giáo trưởng, quyền lực cao thứ nhì so với chức giám mục Lamã. Bước tiếp theo là phong cho giám mục ở Lamã lên đến chức vụ giáo hoàng.

Cùng với việc chính thức hóa hàng phẩm trật này, giáo hội đã chính thức hóa giáo nghi của giáo hội. Hai thánh lễ đầu tiên là Báp Têm và Tiệc thánh đã phát triển. Bao gồm luôn cả việc làm lễ báp têm cho con trẻ, lễ kiên tín, hôn phối, lễ tiệc thánh, lễ phong chức, lễ sám hối và lễ xức dầu thánh lúc lâm chung (chuẩn bị cho người chết). Bởi vì chỉ có hàng giáo phẩm mới có thể thi hành các thánh lễ này, cho nên sự phân biệt giữa hàng giáo phẩm với các tín đồ đã rõ rệt.

Không có gì đáng ngạc nhiên, tà giáo đã tạo ra một vết hằn trên nghi lễ Cơ Đốc giáo. Khi những đám người ngoại giáo gia nhập vào Hội Thánh, họ đã mang theo những tục lệ xưa cổ với họ. Ví dụ sự sùng bái Nữ Đồng Trinh Mary, đến từ việc thờ các nữ thần. Việc tôn thờ các thánh và những người tuận đạo cùng việc sử dụng đèn cầy và nhang cũng bắt nguồn từ người ngoại. Một linh mục không có tiếng tăm đã viết như vậy:

Hầu như chúng ta nhìn thấy các nghi lễ của dân ngoại giáo được đưa vào trong Hội Thánh dưới lý do của tôn giáo, những dây nện được thắp sáng giữa ban ngày và ở khắp mọi nơi người ta hôn và sùng bái một số tượng bụi đất trong một chiếc bình nhỏ, được quấn trong một loại vải quý (được trích trong bài của Eerdman, trang

133).

8. Giáo hội đã triển khai một hệ thống phẩm trật chính thức về các chức vụ trong giáo hội theo khuôn mẫu của:

- a. Những sự dạy dỗ của các sách Tin lành
- b. Hội Thánh thời Tân ước
- c. Chính quyền Lamã
- d. Tà giáo

9. Hãy liệt kê hệ thống phẩm trật của các chức vụ trong giáo hội bắt đầu từ "người đọc kinh" và kết thúc ở chức vụ "giáo trưởng"

.....  
.....  
.....  
.....

10. Những thay đổi nào đó đã diễn ra trong giáo nghi của giáo hội trong suốt thế kỷ thứ tư.

.....  
.....  
.....  
.....

Vị Giáo Hoàng Đầu Tiên

Cho đến cuối thế kỷ thứ tư, các hoàng đế đã thống trị giáo hội. Nhưng Damasus, vị giám mục Lamã (366-384) đã phản đối việc Hoàng đế Theodosius tấn phong chức giám mục thành Constantinople vào vị trí thứ nhì chỉ vì vị trí về mặt địa lý. Ông Damasus nhấn mạnh rằng chức vụ giám mục Lamã chủ yếu là do việc ông kế tục Phierơ ngoài ra không có gì khác. ông nhắc đến những giám mục khác như là "các con trai" chứ không phải "các anh em".

Người kế tục Damasus đã bắt đầu sử dụng các chiếu chỉ là những bức thư áp đặt quyền hành tương tự như chiếu chỉ của một vị hoàng đế. Cuộc đấu tranh vì quyền lãnh đạo trong các công việc của Hội Thánh vì vậy đã tiếp tục giữa các vị hoàng đế với các giám mục Lamã.

Mặc dầu không phải thuộc số những giám mục kế tục ở tại thành Lamã; Ambrose vị giám mục thành Milan (374-379) đã thực hiện được nhiều hơn bất cứ người nào khác để thay đổi quyền thống trị Hội Thánh của các hoàng đế. Năm 390 ông đã dứt phép thông công hoàng đế Theodosius vì vụ giết người hàng loạt đối với 7000 công dân thành Têsalônica, là những người đã giết chết vị chỉ huy quân đội ở đó. Ambrose đã buộc hoàng đế phải công khai xin tha thứ vì tội lỗi của ông. Trên thực tế, Ambrose đã tỏ rõ rằng hoàng đế cũng thuộc trong Hội Thánh, chứ không phải ở trên Hội Thánh. Quan điểm đó được đặc trưng cho giáo hội Công giáo Lamã ở phía Tây, khác biệt với giáo hội Chính Thống Hy Lạp ở phương Đông.

Giám mục Leo đệ I của Lamã (440-461) thường được gọi là vị giáo hoàng đầu

tiên. Ông đã xác lập ưu thế của giáo hoàng trong thực tế (chứ không phải chỉ lý thuyết) với sự ủng hộ của Hoàng đế. Vào năm 445 Hoàng đế Valentinian đệ III ra lệnh tất cả các giám mục đều phải tham dự phiên tòa của giáo hoàng tại Hội nghị Chalcedon năm 451, Leo đã được quyền Tome của ông nói về thần tính và nhân tính của Đấng Christ. Dầu vậy, giáo hội phương Đông bài bác ông, bởi vì họ phủ nhận nền tảng Petrine dành cho ưu thế của chức giám mục Lamã. Leo tiếp tục hành động không những với tư cách của một nhà lãnh đạo thuộc linh mà còn là một nhà lãnh đạo dân sự. Ông can thiệp việc Atilla, quân Hung nô đã xâm lăng Ý đại lợi vào năm 455. Một lần nữa vào năm 455 ông nài xin dân Vandals đừng đốt thành Lamã. Ông đã thành công trong cả hai trường hợp.

Giáo hoàng Gelasius đệ I (492-496) đã mở rộng luận lý của giáo hoàng bằng cách khẳng định cho rằng hoàng đế bảo vệ Hội Thánh song phải vâng phục sự chỉ dẫn của giáo hoàng. Không có những người nào thuộc giáo hội mà phải bị các tòa án thế tục xét xử cả, còn giáo hoàng thì không bị xét đoán gì cả. Ông tuyên bố "không một ai vào bất cứ thời điểm nào vì bất cứ lý do nào của con người có thể ngạo mạn đặt mình lên trên chức vụ của người mà theo lệnh của Đấng Christ đã được cất nhắc lên trên mọi sự và mọi người, là người mà giáo hội hoàn vũ luôn luôn nhìn biết là đầu của Hội Thánh".

Suốt một trăm năm tiếp theo đó, các vị giáo hoàng đã bị các vua xứ Goth và các hoàng đế phía Đông điều khiển và lợi dụng. Bắt đầu với Đại giáo hoàng Gregory (590-604) quyền thế của giáo hoàng đã trở thành một sự thực. Chúng ta sẽ nghiên cứu về Gregory trong Bài 8.

11. Ghép cặp những đóng góp trong việc thành lập chức vụ của giáo hoàng với những cá nhân

- 1) Ambrose
- 2) Damasus
- 3) Gelasius
- 4) Leo

.....a. Đã phản đối việc tiến cử giám mục thành Constantinople vào vị trí thứ nhì

.....b. Thường được xem như vị giáo hoàng đầu tiên và đã bắt phục tất cả các giám mục phải tham gia những phiên tòa của giáo hoàng.

.....c. Đã dứt phép thông công một vị hoàng đế, bày tỏ quyền thống trị của giáo hội trong những việc thuộc linh.

.....d. Nói rộng luận lý của giáo hoàng để miễn trừ việc giáo hoàng bị xét xử do bất cứ tòa án nào.

12. Giải thích những thay đổi về mặt chính trị ở phía Tây đã ảnh hưởng thế nào đến sự phát triển chức vụ giáo hoàng.

.....

..

---

## TU VIỆN CHỦ NGHĨA VÀ CÁC HỘI TRUYỀN GIÁO

Các nguồn tư liệu bảo rằng cho đến năm 590, đa số đông đảo dân chúng trong đế quốc Lamã đã tuyên xưng theo Cơ Đốc giáo. Chúng ta có thể đoán được rằng nhiều người trong số họ chỉ là những Cơ Đốc nhân trên danh nghĩa. Tuy nhiên ở giữa sự thể tục hóa niềm tin ngày càng tăng, thì có hai hoạt động chính về mặt thuộc linh đang tạo được những tiến bộ lớn lao. Đó là chủ nghĩa tu viện và các hội truyền giáo.

### Đông Giáo Hội

Đế quốc Lamã đang sụp đổ. Thuế má nặng nề và lạm phát dẫn đến sự nghèo khổ. Sự suy sụp về đạo đức làm hao mòn sức mạnh của dân chúng. Các bộ tộc hiếu chiến ở biên giới ngày càng trở nên khó kiểm soát. Trong sự mất trật tự đó, người ta thường tìm cách trốn khỏi những thực tế khắc nghiệt của đời sống bằng cách chạy đến những chỗ hoang vắng. Họ trở thành những người sống ẩn dật (là từ Hylạp dành cho chữ "hoang vu")

Những ẩn sĩ Cơ Đốc tìm cách trốn khỏi sự băng hoại ngày càng gia tăng trong Hội Thánh. Chủ nghĩa tu khổ hạnh là một cách sống đối với nhiều tổ phụ của Hội Thánh đầu tiên cũng như những Cơ Đốc nhân khác. Sự rút lui khỏi xã hội này chịu ảnh hưởng bởi lòng tin của Gnostic vào thuyết nhị nguyên về xác thịt và linh hồn là thuyết đã len lỏi vào Cơ Đốc giáo. Người ta cảm thấy nếu họ thánh hóa hoặc trừng phạt thân thể mình bằng cách rút lui khỏi thế gian, thì linh hồn họ sẽ đến gần Đức Chúa Trời hơn.

Nhiều ẩn sĩ đã là những người cực đoan trong những nỗ lực của họ nhằm đạt được sự thánh khiết. Ví dụ một người đàn ông đã sống trên đỉnh một cây cột trong 30 năm. Một người khác thì không hề tắm rửa, có những người khác đã ăn cỏ như bò. Một người đàn ông tên Anthony (251-356) xuất thân từ Aicập là một ẩn sĩ hoặc tu sĩ nổi tiếng đầu tiên. Vào năm 20 tuổi, ông đã bỏ cả những sở hữu của mình để sống một mình trong một cái hang để có thể đắm mình trong sự suy gẫm. Bởi những kinh nghiệm của mình, những người khác đã đến tìm ông để học hỏi, nhưng ông không hề tổ chức họ thành một cộng đoàn.

Chính Pachomius (292-346) là người đã tổ chức tu viện đầu tiên (320) ở tại Ai cập và cũng giới thiệu chủ nghĩa tu viện của người tu hành nghĩa là "đời sống cộng đồng". Ông ta phản đối chủ nghĩa cực đoan và lập một khung sườn thờ phượng và làm việc đặc trưng cho hết cả đời sống tu viện về sau. Các thành viên đã lên bảng giờ giấc các bữa ăn và giờ thờ phượng một cách đều đặn, tự gây quỹ qua những sinh hoạt như làm vườn và dệt vải. Họ phải học thuộc lòng các phần Kinh Thánh và vì vậy phải được dạy biết đọc và viết. Pachomius đã bắt đầu có những cộng đồng dành cho phụ nữ cũng như đàn ông.

Basil ở thành Caesarea (330-397) được sinh ra trong một gia đình Cơ đốc giàu có,



nhưng ông đã trở thành một ẩn sĩ và đã thành lập một cộng đồng. Về sau, ông đã được thụ phong và sau đó được bầu làm giám mục thành Caesarea ở tại Cappadocia (năm 370). Ông kết hợp cộng đồng tu sĩ với giáo hội. Chủ nghĩa tu viện dưới quyền của các giám mục hoàn toàn có hiệu quả trong những lãnh vực về trợ giúp y tế, cứu trợ người nghèo và việc giáo dục. Ngày nay, nguyên tắc của Basil vẫn còn được sử dụng trong giáo hội Chính Thống Hi Lạp.

13. Vì sao có nhiều người trốn đến những sa mạc?

.....  
.....  
.....

14. Mô tả đời sống tu viện mà Pachomius đã hình thành và Basil đã triển khai.

.....  
.....  
.....

Trong thời kỳ này, những người khác đã cảm nhận được sự kêu gọi của Đức Chúa Trời để truyền giáo cho khu vực quanh đế quốc Lamã. "Gregory ngọn Hải Đăng" (257-323), con trai của một gia đình quý tộc Atmêni, đã đến Caesarea thuộc xứ Cappadocia để được đào tạo. Ông đã chịu báp têm tại đó. Vào năm 25 tuổi ông trở về Atmêni và nhanh chóng chinh phục được sự ái mộ của Nhà vua Tiridates đệ III. Song không bao lâu sau ông đã làm cho nhà vua tức giận vì không chịu thờ lạy hình tượng. Sau khi bị bắt bỏ vào ngục mười bốn năm, Gregory đã thành công trong việc cải hóa nhà vua trở về tin nhận Chúa. Tòa án của triều đình, quân đội và thường dân, hết thảy đều trở thành Cơ Đốc nhân trong một cuộc cải đạo hàng loạt. Vì vậy, theo luật pháp vào năm 303 chính Atmêni đã trở thành quốc gia đầu tiên theo Cơ Đốc giáo.

15. Cơ Đốc giáo có thể bị luật pháp lợi dụng hoàn toàn không? Giải thích câu trả lời của bạn.

.....  
.....  
.....

Gregory đã được thụ phong tại thành Caesarea và về sau trở thành Giáo trưởng phái Arian (Catholicos) của Atmêni. Ông bắt đầu rao giảng cho dân chúng bằng ngôn ngữ địa phương, là, phép báp têm cho những người mới tin đạo và phá hủy các hình tượng tà thần. Bởi việc thiết lập các trường học, ông đã phát triển được những con người có tài năng để dẫn dắt hội thánh. Mặc dầu ông không còn sống để chứng kiến điều đó, ông cũng đã tự hào vì bản dịch Kinh Thánh đã được xuất bản vào khoảng năm 400. Sự tận trung của người Atmêni đối với Kinh Thánh đã giúp sức

cho họ trải qua tương lai gian khổ của họ.

Một nhà truyền giáo khác là Ulfilas (311-383) đã truyền giáo cho dân Goth và dân Visigoth cho đến Bắc Tiểu Á. Ông là con trai của những người Cappadocia theo Cơ Đốc giáo bị những bộ tộc xâm lăng này bắt giữ. Có lẽ chúng ta nên gọi ông là một "vị truyền giáo bất đắc dĩ" Đức Chúa Trời sử dụng mọi người trong mọi hoàn cảnh để phát triển Tin lành.

Vào năm 341 Ulfilas được phong chức giám mục của xứ Goths do giám mục thuộc phái Arian ở thành Constantinople. Trong suốt 40 năm kế tiếp, ông kiên nhẫn làm việc với những dân tộc ngoại giáo phóng túng, vô kỷ luật ở bên ngoài và sau này ở bên trong đế quốc. Nhờ việc phát minh một bản mẫu tự, ông đã đặt thứ tiếng nói họ thành ra hình thức chữ viết và đã dịch Kinh Thánh cho họ. Tuy nhiên, ông bỏ qua các sách Samuên và sách Các vua vì ông cảm thấy các dân ngoại giáo đã hiểu biết đủ về chiến tranh rồi.

Chúng ta phải lưu ý Ulfilas là một Cơ Đốc nhân theo phái Arian vì vậy ông đã rao giảng rằng Chúa Cứu Thế không phải là thần song là tạo vật cao nhất của Đức Chúa Trời. Giáo hội ở tại Tây phương đối diện với công tác khó khăn trong những năm có sự cải đạo của không những chỉ bộ tộc ngoại giáo mà ngay cả đến các dân Visigoths thuộc xứ Tây ban nha từ chủ thuyết Arian sang Cơ Đốc giáo chính thống.

16. Trong việc truyền giáo cho người A-t-mê-ni lẫn người dân Goths. Kinh Thánh đã:

- a. Bị ngăn giữ, không phổ biến cho người ta
- b. Được chuyển sang tiếng La tinh
- c. Được dịch sang ngôn ngữ địa phương
- d. Có quan trọng.

17. Ghép cặp những đóng góp đối với chủ nghĩa tu viện và các hội truyền giáo với những người đóng góp

- 1) Anthony
- 2) Basil
- 3) Gregory
- 4) Pachomius
- 5) Ulfilas

.....a. Đã truyền giáo cho dân Goths

.....b. Sống một cuộc sống cô độc để suy gẫm ở tại Aicập.

.....c. Cải đạo cho người A-t-mê-ni theo Cơ Đốc giáo.

.....d. Kết hợp chủ nghĩa tu viện với giáo hội.

.....e. Đã thiết lập tu viện đầu tiên.

Tây Giáo Hội

Athanasius (295-373) giám mục thành Alexandria, có lẽ là người đầu tiên đã tiên

dẫn chủ nghĩa tu viện vào phương Tây. Ông đã bị lưu đày năm lần dưới triều đại của các hoàng đế khác nhau ở phía Đông vì đã chống lại thuyết Arian. Vào năm 335 khi ông bị đày đến Trier (hiện nay thuộc nước Đức), có hai tu sĩ cùng đi với ông. Athanasius là một người bạn của ả sĩ Anthony và ông đã viết một cuốn sách về Anthony, tựa là cuộc đời của thánh Anthony. Cuốn sách ấy đã giúp lan truyền ý tưởng của chủ nghĩa tu viện khắp phía Tây.

Người đã đặt khuôn mẫu cho công cuộc truyền giáo của các tu viện là Martin ở thành Tours (316-397) được sinh ra ở vùng này là Hungary, ông cảm nhận được sự kêu gọi của Đức Chúa Trời để truyền giáo cho phía Nam xứ Gaul. Ông đã trở thành một ả sĩ và đã sống một đời sống gương mẫu đến nỗi lời cuốn được số đông người đi theo ông và hình thành một cộng đồng. Do yêu cầu của dân chúng. Martin được bổ nhiệm chức vụ giám mục thành Tours (372-397) là một vùng phần lớn chưa được truyền giáo. Mỗi quan tâm thực sự của ông chính là việc cải đạo cho tầng lớp dân quê chất phác ở khắp vùng nông thôn. Vì vậy ông đã thiết lập một tu viện và sai phái các nhóm tu sĩ đi ra như là những chiến sĩ để rao giảng Tin lành, làm báp têm cho người hoán cải, và phá hủy các hình tượng. Qua nhiều năm, tu viện của ông đã phục vụ nhằm chuẩn bị cho nhiều giám mục tương lai.

Công việc của Martin đã gây được sức ảnh hưởng ở tại xứ Gaul, nhưng một thế kỷ sau vào năm 496 sự phát triển quan trọng dành cho Cơ Đốc giáo ở tại đó mới đến khi Clovis, vua dân xứ Franks đã cải đạo qua ảnh hưởng của người vợ đã tin Chúa của ông. Các đám đông dân chúng đã theo gương ông trong việc chịu báp têm. Có bao nhiêu người trong số những người mới cải đạo này là thành thật, chúng ta không biết được, nhưng hết thảy người dân xứ Gaul đều đã trung thành với giáo hội Cơ Đốc về mặt hình thức. Xứ Gaul đã trở thành một nền tảng cho những nỗ lực truyền giáo của các nơi khác và các tu sĩ người Frank trở thành những nhà ủng hộ mạnh mẽ của chức vụ giáo hoàng ở tại Lamã.

Chủ nghĩa tu viện lan rộng khắp phía Tây. Augustine ở thành Hippo (354-430) thuộc Bắc phi đã bắt đầu thực hành việc có một nhóm giáo phẩm độc thân sống với nhau và hầu việc Hội Thánh địa phương. Ông và một số các bạn hữu của mình đã thực hiện công việc này, dâng mình chủ yếu để nghiên cứu học tập thậm chí sau khi ông đã trở thành giám mục, năm 395.

Trong lúc đó, quay lại tại xứ Gaul, John Cassian (360-435) đang viết những nhận định chi tiết về chủ nghĩa tu viện, là điều đã tiếp tục lan tràn suốt thế kỷ thứ năm. Ông cũng đã thành lập một tu viện dành cho nam giới và một tu viện cho nữ giới ở tại Marseilles. Do đã từng được huấn luyện, đào tạo như một tu sĩ ở các tu viện phía Đông, ông quan tâm đến việc tránh sống thiếu mục đích, tự làm bần cùng tu viện mà ông đã trải qua ở tại đó và phải đem lại một mục đích về văn hóa cho hệ thống tu viện. Mục đích mà ông nêu lên cho các tu sĩ là phải hoán cải và giáo dục cho người khác.

Cassiodorus (490-583) một viên chức cao cấp trong triều đình của nhà vua

Theodoric ở tại Lamã, đã tìm cách để nâng cao trình độ nền văn hóa của người Lamã và dân Goth. Nhận biết sự suy thoái của hệ thống giáo dục, Cassiodorus đã đề trình lên giáo hoàng rằng phải thành lập tại Lamã một trường học Cơ Đốc. Dự án đã được bắt đầu nhưng không bao giờ hoàn tất. Vì vậy Cassiodorus đã tạo dựng ngôi trường của ông ta ở tại vùng Calabria, Ý Đại Lợi để chuẩn bị một môn học nghiên cứu thấu đáo dành cho những người khổ tu Cơ Đốc. Ông cùng các tu sĩ của mình tập hợp một bộ sưu tập lớn về các tài liệu văn học thế tục và các tài liệu thánh, sao chép các bản sao của từng thứ bản thảo. Nhờ đó ông đã đưa kiểu mẫu dành cho Kinh Thánh (Scriptoria) của tu viện (việc sao chép các thư bản) đó là phải gìn giữ cả văn chương cổ điển lẫn các tác phẩm của những tổ phụ của Hội Thánh đầu tiên cho những thế hệ tương lai.

Rốt lại, đời sống tu viện đã bắt đầu được thể thức hóa suốt trong chức vụ của Giáo hoàng Gregory đệ I (590-604). Ông đã làm hết sức để củng cố nguyên tắc của Benedictine là điều đã được ông lưu tâm sau cái chết của tác giả nó. Benedict người vùng Nursia (480-547) đã thành lập tu viện ở tại Monte Cassino vào năm 529. Nó đã trở thành tu viện nổi tiếng nhất ở cả Châu Âu và đã tồn tại cho đến khi bị đánh bom vào Đệ I Thế Chiến. Benedict đã sử dụng ý thức chung rộng lớn để viết bản Nguyên tắc của ông. Ông đã đem đến một sự tự do nào đó cho sự kiểm chế. Các tu sĩ phải có một chế độ ăn kiêng tốt, và họ phải sắp xếp những thì giờ thờ phượng hàng ngày, lao động chân tay, đọc sách thánh. Sự chú trọng nhằm vào việc hiến thân cho Chúa và cho công việc. Cuối cùng, hầu hết các tu viện đã tiếp thu nguyên tắc của Benedict và cũng đã trở thành các phần chính yếu của việc học hỏi.

18. Ghép cặp những đóng góp với người đóng góp

- 1) Athanasius
- 2) Augustine
- 3) Benedict
- 4) John Cassian
- 5) Cassiodorus
- 6) Clovis
- 7) Martin of Tours

.....a. Đã thành lập tu viện Monte Cassino và bản nguyên tắc nổi tiếng

.....b. Đã sử dụng các nhóm tu sĩ để truyền giáo cho xứ Gaul

.....c. Đã đưa dắt những đám đông dân miền quê đến với Cơ Đốc giáo

.....d. Đưa ra mục đích về văn hóa để đào tạo hệ thống tu viện

.....e. Đã tiến dẫn Kinh Thánh (scriptona) của tu viện

.....f. Đã viết một cuốn sách về Anthony

.....g. Đã thành lập hàng giáo phẩm độc thân để phục vụ hội thánh địa phương

19. Mô tả những phương cách khác nhau mà qua đó hệ thống tu viện đã phục vụ Hội Thánh và xã hội ở tại phía Tây.



đảo Iona vào năm 563. Tu viện đã trở thành trung tâm những hoạt động của các hội truyền giáo lan rộng khắp lục địa Tây Âu. Columba là một nhân vật điển hình của giáo hội Celt. Ông đã tham gia vào công việc của các vua và các trưởng bộ tộc. Ông có một mối quan tâm dành cho việc học thuật và ông yêu mến thiên nhiên. Các tu sĩ ở đảo Celt là những nhà đại lang thang. Tuy nhiên vào năm 575 Columbanus (540-615), một nhà Ai-len khác đưa một nhóm các tu sĩ đến Anh và từ đó lan rộng chủ nghĩa tu viện của dân Celt đến đất Pháp, Ý và dân xứ Alps. Ông thành lập khoảng 40 tu viện. Đã chán ghét việc sống thiếu đạo đức và vô kỷ luật mà ông thấy được tại Châu Âu, ông áp đặt những nguyên tắc khắt khe cho các tu viện của mình.

Ông và những môn đệ của ông đã thu hút sự chú ý của Giáo hoàng Gregory đệ I do sự thể hiện không chính thống của họ (tóc cắt ngắn và kiểu y phục khác), sự họ thừa nhận một ngày tháng xen kẽ dành cho lễ Phục sinh, và đặc biệt là việc họ từ chối vâng phục các giám mục. Chủ nghĩa tu viện của Celt đại diện cho một sự đe dọa đối với chế độ giám mục quản lý, điều cốt lõi của giáo hội Công giáo Lamã. Như đã lưu ý ở phần trước, Giáo hoàng Gregory đã bắt đầu tìm cách củng cố Nguyên tắc của Benedict trong tất cả các tu viện để đảm bảo tính cách chính thống trong khu vực thuộc cơ cấu giáo hội Thiên Chúa Giáo.

Trong phần mô tả vắn tắt về chủ nghĩa tu viện này, chúng tôi đã cho thấy nhiều ảnh hưởng tốt của nó như là công tác truyền giáo, việc giáo dục, và việc học thuật. Tuy nhiên chủ nghĩa tu viện cũng có những ảnh hưởng tiêu cực. Nó đã đem lại một cái nhìn méo mó về đời sống Cơ Đốc. Nó đưa ra hai trình độ đạo đức: một dành cho hàng giáo phẩm là người thề nguyện chịu khó nghèo, độc thân, và phục tùng; và một dành cho các tín đồ. Điều đó làm tăng thêm những niềm tin không có trong Kinh Thánh cho rằng phần thuộc thể của con người là điều xấu và rằng sự cách ly tự động sẽ sản sinh ra sự thánh khiết. Chủ nghĩa tu viện đã bỏ qua việc khuyến khích hôn nhân Cơ Đốc và đơn vị gia đình Cơ Đốc là điều mà chính Đức Chúa Trời truyền phán.

20. Nhận ra từng yếu tố là 1) Nếu yếu tố ấy đặc trưng cho giáo hội Celt, hoặc là 2) Nếu nó không đặc trưng cho điều đó.

.....a. Cốt lõi là tu viện và vị cha trưởng tu viện

.....b. Các giám mục phục vụ như những người lãnh đạo giáo phái.

.....c. Đó là một giáo hội truyền giáo thật sự.

.....d. Các tu sĩ Ai-len có thể nhận diện được do sự thể hiện bên ngoài của họ

.....e. Giáo hội kỷ niệm Lễ Phục Sinh theo ngày thánh Lamã đã ấn định.

21. Ghép cặp những sự đóng góp với những người đóng góp

1. Columba

2. Columbanus

3. Patrick

.....a. Đã truyền giáo cho Ai-len và khiến quốc gia này hầu hết là Cơ Đốc nhân khi

ông qua đời.

.....b. Đã truyền giáo cho Tôcáclan và khiến cho Iona thành trung tâm hoạt động của hội truyền giáo.

.....c. Đã thành lập 40 tu viện ở tại Âu châu và đã đe dọa chế độ giám mục quản lý của giáo hội Lamã bằng cách từ chối tuân phục các giám mục.

22. Hãy kể ra ba điều để phân biệt giáo hội Celt với giáo hội Lamã

.....  
...  
.....  
...  
.....  
...

23. Một số điểm bất lợi của chủ nghĩa tu viện là gì?

.....  
.....  
.....

Trong bài này chúng ta đã thấy được ảnh hưởng của những thay đổi về mặt chính trị trên Hội Thánh. Với sự ủng hộ của chính quyền, chứ không còn bất bớ, Hội Thánh đã có cơ hội để củng cố cơ cấu Hội Thánh, thành lập chức vụ giáo hoàng, và sử dụng rất nhiều năng lực vào việc truyền giáo cho những vùng đất mới. Khi Hội Thánh kinh qua sự tăng trưởng nhanh chóng, thì Hội Thánh phải nhắm đến việc chính thức hóa giáo lý chính thống để đem lại sự hiệp nhất. Trong bài tiếp theo chúng ta sẽ nghiên cứu những vấn đề về giáo lý khác nhau mà Hội Thánh có đề cập cũng như những nhà lãnh đạo chủ chốt của Hội Thánh trong giai đoạn này.

### Bài Làm Tự Trắc Nghiệm

**CÂU ĐÚNG SAI .** Hãy viết chữ Đ vào khoản trống ở trước câu đúng . Viết chữ S nếu câu sai.

.....1 Chiếu chỉ Milan đã mang lại sự hợp thức hóa cho tôn giáo Cơ Đốc.

.....2 Sự tham gia của Constantine vào cuộc tranh cãi của những người theo thuyết Donatist đã ấn định một tiền lệ cho Hội Thánh để chỉ nhận được sự giúp đỡ của hoàng đế khi nào Hội Thánh muốn.

.....3 Quân xâm lăng ngoại giáo đã thất bại trong việc truất phế hoàng đế Lamã mặc dầu họ đã chiếm giữ Ý Đại Lợi.

.....4 Mía mai thay Cơ Đốc giáo là tôn giáo đã từng được làm cho trở thành tôn giáo chính thức của Đế quốc Lamã lại có thể góp phần dọn đường cho đế quốc đến chỗ thất bại.

**CÂU CHỌN LỰA .** Khoanh tròn mẫu tự đứng trước câu trả lời đúng nhất .

5. Trong thế kỷ thứ tư, Hội Thánh đặt trọng tâm vào
- Các mối tương quan cá nhân với Đức Chúa Trời
  - Việc quay lại kiêu thờ phượng trong thế kỷ thứ nhất.
  - Chính thức hóa việc thờ phượng
  - Việc loại trừ tất cả những ảnh hưởng ngoại giáo trong việc thờ phượng
6. Một hệ thống phẩm trật chính thức của các chức vụ giáo hội đã phát triển trong thế kỷ thứ tư để đáp ứng với
- Việc củng cố địa vị cho tất cả các giám mục
  - Kiểm mẫu của chính quyền ở tại Lamã
  - Nhu cầu dân sự cũng như quyền lãnh đạo thuộc linh
  - Tất cả những điều kể trên
7. Chức vụ giáo hoàng dường như phát triển phần lớn để
- Loại bỏ quyền thống trị của các hoàng đế đối với giáo hội
  - Giúp cho giáo hội có năng lực để cai trị trong chính quyền địa phương và chính quyền nhà nước.
  - Làm cho giáo hội và nhà nước đồng đẳng về quyền lãnh đạo
  - Thúc đẩy các giám mục trông mong một chức vụ cao hơn.
8. Ghép cặp những nhân vật với những đóng góp của họ đối với chủ nghĩa tu viện
- Gregory biệt danh Ngọn Hải Đăng
  - Ulifilas
  - Cả hai ông
- .....a Có một sự quan tâm trong việc huấn luyện những người mới cải đạo bằng chính ngôn ngữ của họ.
- .....b Bị bỏ tù 14 năm vì làm chứng cho Chúa
- .....c Trở thành vị giáo trưởng (Catholicos) đầu tiên của Atmêni
- .....d Được phong chức giám mục của dân xứ Goth
- .....e Có liên hệ với xứ Cappadocia (Cápbađốc)
10. Ghép cặp những nhân vật thuộc Tây giáo hội với những sự đóng góp của họ
- Athanasius
  - Augustine
  - Benedict
  - Cassian
  - Cassiodorus
  - Clovis
  - Martin ở thành Tour
- .....a Kinh Thánh (Scriptoria)
- .....b Monte Cassino
- .....c Sự cải đạo của cả quốc gia



- .....d Cuộc đời của Thánh Anthony
- .....e Nhà truyền giáo cho phía Nam xứ Gaul
- .....f Mục đích về văn hóa dành cho hệ thống tu viện.
- .....g Nếp sống cộng đồng dành cho hàng giáo phẩm độc thân

11. Ghép cặp những nhà lãnh đạo của giáo hội của người Celt với những vùng họ đã truyền giáo

- 1) Columba
- 2) Columbanus
- 3) Patrick

- .....a Ailen
- .....b Tô Cách Lan
- .....c Anh, Pháp, Ý, xứ Alps

12. Ghép cặp giáo hội với sự chú trọng chủ yếu thích hợp

- 1) Phía Đông
- 2) Phía Tây
- 3) Đảo Celt

- .....a Mục đích về giáo dục đào tạo
- .....b Chủ nghĩa khổ tu của cá nhân
- .....c Những hoạt động của hội truyền giáo

CÂU TRẢ LỜI NGẮN . Hoàn thành những câu sau càng ngắn càng tốt

13. Đối chiếu giáo hội ở đảo Celt với giáo hội Lamã

.....  
 .  
 .....

14. Hãy kể ra một vài bất lợi của chủ nghĩa tu viện

.....  
 .  
 .....

### Giải Đáp Các Câu Hỏi của Bài Học

12. Câu trả lời của bạn. Do có chỗ trống trong quyền lãnh đạo ở tại Lamã và do có những cuộc xâm lăng của dân ngoại giáo, dân chúng mong đợi giám mục đứng vào vị trí lãnh đạo. Uy tín và thẩm quyền cộng thêm đó kèm với việc chấp nhận quyền thừa kế sứ đồ chẳng bao lâu đã dẫn đến việc giám mục Lamã tự xưng mình là

"giáo hoàng" hay là "cha" trên tất cả các giám mục khác, là những con trai.

1. a. Chính quyền của nhà nước

b. Chiếu chỉ Milan

c. Constantine

d. Thuyết Donatic

e. 380

13. Họ đã chạy trốn vì những lý do thuộc về xã hội để rút mình khỏi những thực tế của một xã hội suy đồi hoặc vì những lý do về thần học nhằm cố gắng đạt được sự công bình qua chủ nghĩa khổ tu.

2. Câu trả lời của bạn. Bạn có thể có cả cảm giác vui mừng lẫn với sự sùng sốt, và nỗi nghi ngờ cũng như một sự thù hận nào đó.

14. Pachomius đã triển khai một nếp sống cộng đồng nhằm vào sự thờ phượng và làm việc, bao gồm việc học thuộc lòng Kinh Thánh. Basil đã kết hợp hết thảy điều đó vào giáo hội, điều đó đã dẫn đến hiệu quả trong việc cứu giúp về y tế, giúp đỡ người nghèo và việc giáo dục.

3. Câu trả lời của bạn. Đời sống thuộc linh và sự tận hiến của cá nhân có thể bị giảm thiểu đến một mức nào đó khi việc tuyên xưng đức tin Cơ Đốc trở thành một điều phổ biến.

15. Câu trả lời của bạn. Mặc dầu luật pháp có thể đem lại một bầu không khí thuận lợi cho Tin lành, song những sự kêu gọi của Tin lành đối với sự kết ước cá nhân là điều không thể nào bị luật pháp ép buộc được.

4. Hoàng đế Justinian đệ I với tư cách đứng đầu Đế quốc phía Đông đã coi mình như người cai trị về mặt thuộc linh và cũng xem giáo hội như là phải hoàn toàn bị nhận chìm trong quốc gia.

16. c. Được dịch sang ngôn ngữ địa phương

5. a. 2) Dân Vandals

b. 2) Dân Vandals

c. 3) Dân Angles, dân Saxons, dân utes

d. 1) Visigoths, dân Ostrogoths

17. a. 5) Ulifilas

b. 1) Anthony

c. 3) Gregory

d. 2) Basil

e. 4) Pachomius

6. Câu trả lời của bạn. Có lẽ có hàng loạt những nhà lãnh đạo giỏi, từ các chức vụ dân sự đã chuyển sang các chức vụ của giáo hội, có một sự nghèo đói lớn đã làm suy yếu đất nước.

18. a. 3) Benedict

b. 7) Martin ở thành Tours

c. 6) Clovis

d. 4) John Cassian

e. 5) Cassiodorus

f. 1) Athanasius

g. 2) Augustine

7. Câu trả lời của bạn. Điều đó buộc HT phải tìm cách cải đạo cho những nhà cai trị ngoại đạo và phải truyền giáo cho các bộ tộc ở khắp Tây Âu.

19. Câu trả lời của bạn. Các tu sĩ đã truyền giáo cho những người hư mất, làm báp têm cho những người hoán cải, phá hủy các thần tượng, dành thì giờ để học tập, đã cung ứng sự giáo dục và gìn giữ các tài liệu thế tục cũng như thiên thượng bằng cách sao chép các bản sao của các bản thảo.

8. c. Chính quyền Lamã

20. a. 1

b. 2

c. 1

d. 1

e. 2

9. Người đọc kinh, giúp lễ, phó trợ tế, linh mục, giám mục, tổng giám mục, giáo trưởng.

21. a. 3) Patrick

b. 1) Columba

c. 2) Columbanus

10. Hai thánh lễ đã bị biến ra thành bảy giáo lễ, những yếu tố thờ phượng của người ngoại giáo cũng đã len lỏi xâm nhập vào.

22. Người dân Celt không chính thống trong cách thể hiện bên ngoài của họ, họ kỷ niệm lễ phục sinh vào một ngày khác và họ từ chối tuân phục các giám mục.

11. a. 2) Damasus

b. 4) Leo

c. 1) Ambrose

d. 3) Gelasius

23. Câu trả lời của bạn. Chủ nghĩa tu viện đã dạy dỗ hai mức độ đạo đức dành cho hàng giáo phẩm và giới tín đồ; đề xướng một quan điểm về nhị nguyên thuyết về đời sống (xác thật nghịch với tâm linh); bỏ qua việc khuyến khích đơn vị gia đình.

## BÀI HỌC 7: Những Nhà Lãnh Đạo Hội Thánh và Các Giáo Hội Nghị

Lịch sử thường nói về những con người. Chúng ta đã quen thuộc với các vị Hoàng đế, các vị Giáo hoàng, các Tu sĩ và các nhà truyền giáo khác nhau, là những người mà sự đóng góp của họ cho lịch sử Hội Thánh đã kéo dài qua ba thế kỷ, từ năm 312 đến 590. Bây giờ chúng ta sẽ gặp gỡ những con người khác là những người đã phục vụ Hội Thánh bằng nhiều cách khác nhau trong suốt giai đoạn này.

Khi nhìn vào dàn bài bên dưới, bạn hãy chú ý ân tứ mà mỗi vị đã có như là một chi

thể trong thân của Đấng Christ. Những người này, mỗi người một ân tứ độc đáo đã đóng góp cho sức sống Hội Thánh Cơ Đốc. Họ đến từ ba lục địa, Châu Phi, Châu Âu và Châu Á. Một số xuất thân từ những gia đình giàu có, một số khác từ giữa vòng những người nghèo. Mỗi người đều cố gắng hiến cả đời mình vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Mỗi người đã sử dụng ta lạng của mình để kiến tạo Hội Thánh. Những điều đó hoặc có liên quan đến lịch sử Hội Thánh hoặc việc giúp đỡ đề ra giáo lý của Hội Thánh ở tại một trong các kỳ hội đồng.

Chúng ta thật biết ơn những người đã liều bỏ tự do và mạng sống của mình để thuyết phục giáo hội thừa nhận những quan điểm đúng với Thánh Kinh. Chúng ta ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự hướng dẫn của Ngài trong những vấn đề thần học mà họ đã đối diện. Chúng ta cầu nguyện để này nay có thêm nhiều người nam người nữ tận hiến chính mình để đem vinh hiển về cho Đức Chúa Trời qua Hội Thánh Ngài.

Những Nhà Lãnh Đạo Nổi Bật

Eusebius: Sử gia

Ambrose: Nhà Quản Trị

Chrysostom: Nhà Truyền Đạo

Theodore người Mopsuestia: Nhà Giải Kinh

Jerome: Dịch Giả

Augustine người Hippo: Nhà Thần Học

Những Cuộc Tranh Luận Về Giáo Lý

Mối Liên Hệ Giữa Đấng Christ với Đức Chúa Trời

Bản Tánh của Đấng Christ

Sự Cứu Rỗi

Khi học xong bài này bạn có thể:

Ừ Nhận biết được những sự đóng góp của nhiều nhà lãnh đạo Hội Thánh nổi bật thuộc Hội Thánh đầu thời Trung cổ.

Ừ Mô tả được những vấn đề thần học được đề cập ở những kỳ hội đồng khác nhau của giáo hội.

1. Nghiên cứu bài học này rồi làm bài tự trắc nghiệm theo những sự chỉ dẫn đã cho trong bài 1.

2. Xem bản đồ trong Bài 4 để xác định quê hương của những nhà lãnh đạo Hội Thánh này.

Các Từ Then Chốt

Phương pháp dùng ngụ ngôn

Ép buộc

Cùng bản thể

Những nguyên tắc đạo đức

Sự chú giải  
Nhà giải kinh  
Ngữ pháp - lịch sử  
Duy nhất thần thuyết  
Thuyết của Nestorius (Cảnh giáo phái)  
Tà thuyết của Pelagius  
Thuật hùng biện  
Tính đa tài

## NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO NỔI BẬT

Cũng như những anh hùng Cựu ước là các gương mẫu cho chúng ta ngày nay, những con người tin kính xuyên suốt lịch sử Hội Thánh có thể dạy dỗ chúng ta nhiều điều về mối tương quan của chúng ta với Đức Chúa Trời và vai trò của chúng ta trong Hội Thánh. Chúng ta đã đề cập đến Ambrose và Augustine, bây giờ bạn sẽ làm quen với một số những vị khác.

Eusebius: Sử Gia

Eusebius (260-399) được gọi là ông tổ của lịch sử Hội Thánh. Ông là nhà viết sử đầu tiên chuẩn bị một tập hồ sơ dễ hiểu về những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ của Hội Thánh. Mặc dầu công việc của ông cho thấy những cảm giác và những suy nghĩ của riêng ông nhiều hơn là của nhà viết sử hiện đại, song ông đã sử dụng rất nhiều nguồn tư liệu chính yếu mà ông có thể có được.

Tác phẩm Sử Ký Hội Thánh của ông là một cuộc nghiên cứu có thẩm quyền về Hội Thánh từ thời các sứ đồ cho đến chiến thắng của Constantine như là vị hoàng đế duy nhất của Đế quốc Lamã vào năm 324. Mô tả sự kế tục của các giám mục và các giáo sư Cơ Đốc, những tà giáo, những sự đau khổ của dân Dothái, việc bách hại các Cơ Đốc nhân, những truyền thống về các trước giả của Tân ước và sự chân xác của Kinh Thánh. Cuộc nghiên cứu kỳ cựu có giá trị này chứa đựng những phần trích dẫn dài từ những tác phẩm khác đã bị thất lạc.

Sinh ra từ một dòng dõi thấp kém, Eusebius đã không ngừng học tập. Ông được bổ nhiệm chức vụ giám mục thành Caesarea ở tại Palestine vào năm 314. Chẳng bao lâu ông trở thành một người bạn riêng của hoàng đế Constantine và phục vụ như một vị cố vấn cho cun đình của nhà vua. Eusebius cũng đã đóng góp trong những lãnh vực về quản trị và về thần học. Ông là một tác giả viết về chú giải Kinh Thánh, về những tác phẩm biện giải, những tài liệu thần học, tiểu sử, cũng như lịch sử Hội Thánh. Bài viết về tiểu sử Constantine của ông hết sức tôn tưng ông ta. Sau này chúng ta sẽ thảo luận về vai trò của Eusebius trong cuộc tranh luận Arian ở tại Hội nghị Nicaea.

1. Lịch sử Hội Thánh cho đến khi Phao lô bị bỏ tù ở tại Lamã được bao gồm trong

- a) Tác phẩm Sử Ký Hội Thánh
- b) Sách Công vụ các sứ đồ

c) Thư Rôma

d) Sách Tin Lành Luca

2. Vì sao tập tiểu sử viết về Constantine lại được coi là quan trọng đối với một vị giám mục như là Eusebius

.....  
.....  
.....

3. Giải thích giá trị tác phẩm của Eusebius với tư cách một nhà viết sử.

.....  
.....  
.....

Ambrose: Nhà Quản Trị

Không giống như Eusebius, Ambrose (339-397) được sinh ra trong một gia đình rất giàu có của một viên chức Lamã ở tại Trier, xứ Gaul. Ông được đào tạo để trở thành một nhà luật sư. Trong khi đang phục vụ như người đứng đầu vùng Milan thuộc phía Bắc nước Ý, thì cuộc chiến ngoài đường phố đã nổ ra vì vấn đề của phái Arian (phủ nhận thần tính của Đấng Christ). Ambrose người được dân chúng yêu mến vì tính công bằng và năng lực lãnh đạo của ông, ông đã kêu gọi Hội Thánh giữ trật tự. Đám đông bắt đầu la lớn "Ambrose làm giám mục!". Mặc dầu là một Cơ Đốc nhân đã tin Chúa trong lòng nhưng ông thậm chí chưa chịu báp têm nữa. Tuy nhiên, với lòng khiêm nhường và niềm tin của ông cho rằng điều đó hẳn phải là ý muốn của Đức Chúa Trời, tám ngày sau vào năm 374 Ambrose đã trở thành giám mục. Hoạt động đầu tiên của ông là đem tiền của mình cho người nghèo. Ambrose biết rằng hiểu biết của ông về Kinh Thánh và thần học còn chưa đầy đủ. Ông đã dâng mình cho những nhiệm vụ mới của mình về việc thành lập Hội Thánh ở tại Milan và đã tìm cách học hỏi trong khi dạy dỗ. Ông giảng dạy thường xuyên và đã trở thành một trong những diễn giả vĩ đại nhất ở tại phía Tây thế giới Cơ Đốc. Ông đề xướng các bài hát của hội chúng trong Hội Thánh, giữ gìn đức tin thật và bác bỏ tà giáo, nhất là thuyết Arian.

Tính cách của ông đã được bày tỏ qua việc ông dứt phép thông công hoàng đế Theodosius (xem Bài 6). Đối với Ambrose, đạo đức và thần học không tách rời được, "tay" phải được giữ liên lạc với "đầu". Bằng việc từ chối ban tiệc thánh cho hoàng đế, Ambrose là người đầu tiên sử dụng chức vụ giáo hội của mình để ép buộc một nhà cầm quyền dân sự

4. Ghép cặp những đóng góp với người đóng góp

1) Ambrose

2) Eusebius

.....a Đã viết lịch sử Hội Thánh đầu tiên

.....b Đột ngột chuyển từ tín đồ sang chức giám mục trong vòng tám ngày

.....c Đã dự phần ở tại hội nghị Nicaea

.....d Đã thành lập Hội Thánh ở tại Milan

.....e Đã nói rằng "tay" phải được giữ liên lạc với "đầu"

5. Đọc [RoRm 12:8](#) và [ITi1Tm 5:17](#), nếu được dùng nhiều bản dịch khác nhau. Những Câu Kinh Thánh ấy nói gì về quyền lãnh đạo?

.....  
.....  
.....

6. Hãy kể một vài phương cách mà những khả năng của Ambrose và việc huấn luyện của ông trong chức vụ quản lý đã giúp đỡ cho Hội Thánh. Viết vào vở của bạn.

Chrysostom: Người Giảng Đạo

Chrysostom (345-407), tên thật của ông là John nhiều khi cũng được gọi là John thành Antioch. Ông được tặng danh hiệu "Chrysostom", có nghĩa là "cái miệng vàng", bởi vì lời rao giảng hùng hồn của ông. Khi ông ra đời ở tại thành Antioch thuộc xứ Syri, thành phố có số dân cư mà phân nửa số đó là Cơ Đốc nhân, John được đào tạo theo ngành luật. Sau khi thực hành luật một thời gian, ông đã trở thành một tu sĩ và đã làm hư hại sức khỏe của mình vì sống trong một hang núi. Ông được phong làm trợ tế vào năm 381 và là một linh mục vào năm 386, khi được chọn lần sau cùng, ngược lại với những ao ước của mình, làm giám mục thành Constantiople vào năm 398.

Một khi đã bước vào chức vụ, sự giảng dạy của Chrysostom ở tại Antioch đã làm cho ông rất nổi tiếng. Ông đặc biệt xuất sắc trong việc giải thích ý nghĩa nguyên văn của Kinh Thánh bằng cách đưa ra sự ứng dụng thuộc linh và sự ứng dụng đạo đức của Kinh Thánh vào đời sống. Ông đã cố gắng để nâng cao mức đạo đức của dân chúng một cách can đảm nhưng thiếu lịch thiệp.

Sau khi được bầu làm giám mục thành Constantiople, ông đã làm cho Nữ hoàng Eudoxia tức giận vì cách ông rao giảng Kinh Thánh và lòng sốt sắng muốn cải cách của ông. Cách sống giản dị của ông đã lên án sự thế tục và xa hoa của triều đình. Ngay cả hàng giáo phẩm địa phương cũng thấy ông quá khắt khe. Ông tin rằng một người chịu từ bỏ mình thì sẽ là một lời chứng quyền năng để thu hút người ta đến với Chúa Cứu Thế hơn cả việc một người chết sống lại nữa.

Nữ hoàng đã buộc tội ông cách sai trái và đã lưu đày ông vào năm 404. Trong khi bị lưu đày, ông tiếp tục phục vụ dân sự mình bằng cách gửi những bức thư khuyên giục và những quà tặng. Khi triều đình đưa ông đi xa hơn nữa, ông đã chết vì những gian nan của cuộc hành trình.

7. Tìm ra mỗi hành động hoặc đặc tính của Chrysostom là 1) nếu bạn thấy điều đó

tốt hoặc ích lợi cho một người truyền đạo, hoặc là 2) nếu bạn tìm thấy điều đó có hại

.....a Rao giảng Thánh Kinh

.....b Can đảm trong việc lên án tội lỗi

.....c Thiếu lịch thiệp với người ta

.....d Vững vàng khi đối diện với những lời buộc tội sai trái.

.....e Bài giảng nói đến những vấn đề thuộc linh

8. Theo bạn, đóng góp nổi bật nhất của Chrysostom là gì?

.....  
.....  
.....  
.....

Theodore người Mopsuestia: Nhà Giải Kinh

Cũng như Chrysostom, Theodore (350-428) người thành Antioch, cả hai đều biết nhau khi còn là những cậu bé và đã được cùng một vị thầy dạy dỗ. Theodore trở thành giám mục Mopsuestia ở tại Cilicia vào năm 392. Mặc dầu ông rất đa tài trong lãnh vực văn chương, người ta vẫn luôn nhớ nhất về ông như là một nhà diễn dịch Thánh Kinh, một nhà giải kinh.

Nhà giải kinh là người giải thích ý nghĩa của một bản văn, Theodore đã trở thành diễn giả của một phương pháp diễn dịch Thánh Kinh được gọi là ngữ pháp - lịch sử. Phương pháp này tìm cách để hiểu được ngữ pháp và nền tảng lịch sử của bản văn ngõ hầu khám phá được ý của người viết. Chẳng hạn như Theodore là người đầu tiên tìm cách đưa các đoạn Thi thiên vào bối cảnh lịch sử.

Phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh mạnh mẽ nhất ở tại Antioch và đã được gọi là Trường Antioch. Nó đối lập với phương pháp dùng ngụ ngôn đã được sự ủng hộ ở tại Trường Alexandria. Bạn còn nhớ Origen là người đã đưa phương pháp này vào Alexandria. Nó nhắm vào việc tìm kiếm một ý nghĩa sâu xa hơn hoặc đang còn ẩn giấu mà chưa tìm được trên bề mặt.

Cả Theodore lẫn Chrysostom cũng là người thuộc Trường Antioch, đều đã có ảnh hưởng đến việc diễn dịch Thánh Kinh trong thời đại của họ. Khi trọng tâm của họ nhắm vào mặt lịch sử và những mối quan tâm về những nguyên tắc đạo đức, họ thường có khuynh hướng nhấn mạnh đến nhân tính của Chúa Cứu Thế. Về sau chúng ta sẽ thấy những quan điểm của Theodore, đặc biệt đã dọn đường cho một cuộc tranh luận lớn về thần tính và nhân tính của Chúa Cứu Thế như thế nào.

9. Định nghĩa chữ "giải kinh" và kể tên hai phương pháp giải kinh.

.....  
.....  
.....  
.....

10. Đọc [LuLc 19:28](#) và tìm ra mỗi một cách diễn dịch này 1) nếu cách dùng ngữ



pháp kết hợp với lịch sử, 2) Nếu là cách dùng ngụ ngôn

.....a Khi so sánh câu này với câu 1 cùng đoạn, chúng ta thấy Chúa Jesus và các môn đồ của Ngài đang trong hành trình từ Giêricô đến Giêrusalem. Cuộc hành trình đưa họ đến những khu vực cao hơn. Địa hình của vùng này hậu thuẫn cho sự nhận biết đó.

.....b Qua câu này, chúng ta hiểu được rằng Chúa Jesus đã phân rẽ khỏi các môn đồ của Ngài vì Ngài đã đạt đến những mức độ từng trải thuộc linh.

11. Sự đóng góp của Theodore với tư cách nhà giải kinh là gì?

.....  
.....  
.....  
.....

Jerome: Dịch Giả

Jerome (345-419) Sinh ra ở miền Bắc nước Ý và đã được học tập ở tại Lamã. người ta đoán ông đã dành những buổi chiều Chúa nhật của mình để sao chép những lời ghi khắc trên các bức tường của hầm mộ. Ông đã cải đạo vào năm 19 tuổi và đã tận hiến chính mình hoàn toàn cho cuộc sống mới của ông. Ông đã nghiên cứu, học tập tiếng Hylạp, Latinh và Hybálai và ngày càng yêu thích những lời viết cổ điển của người Hylạp và người Lamã. Một ngày kia ông có một khái tượng, trong khái tượng đó, Đấng Christ quở trách ông vì ông đã yêu mến các tác giả ngoại giáo. Sau đó ông đã dành các công trình nghiên cứu cho Thánh Kinh. Vào năm 382, Giám mục Damasus tại Lamã chỉ định Jerome, người đang phục vụ như viên thư ký của mình công việc chuẩn bị một bản dịch Kinh Thánh mới bằng ngôn ngữ thông thường trong thời đó. Hai mươi ba năm sau, vào năm 405 Jerome hoàn tất bản Kinh Thánh bằng tiếng Latinh Thông Dụng (Vulgate), bản Kinh Thánh này đã trở thành bản dịch tiêu chuẩn của Giáo hội Công Giáo Lamã cho đến những thời kỳ hiện đại. Vì việc dịch thuật của mình, ông đã sử dụng bản Tân ước Hylạp và cả bản Cựu ước theo tiếng Hylạp lẫn Hybálai nguyên gốc.

Ngoài việc chuẩn bị cho bản Kinh Thánh Thông dụng (Vulgate), Jerome còn viết các vài giải nghĩa cho hầu hết các sách trong Kinh Thánh. Ông đã viết tiểu sử của nhiều vị lãnh đạo giáo hội và người tuận đạo. ông đã viết những bức thư thường là phản ánh sự mỉa mai, sự châm chọc và công kích cá nhân. Cả lối viết lẫn cách sống của ông đều hậu thuẫn cho kiểu sống khổ hạnh nhắm vào tu viện của ông. Vào năm 386 ông rút về đời sống tu sĩ ở tại Bétlehem sau cuộc hành trình đến Antioch xứ Syry, Aicập và xứ Thánh.

Sự hiểu biết của ông về các ngôn ngữ thật khó ai bì kịp, và ông đã trở thành người đứng đầu các học giả Kinh Thánh của giáo hội phía Tây trong thời của mình. Như là một học giả Kinh Thánh đã mô tả về ông, có lẽ ông không chân thật bằng Augustin, không trong sạch và kiêu kỳ về nhân cách cho bằng Ambrose, không có được lẽ phải tuyệt hảo và sự vững chãi bằng Chrysostom, không có sự sáng suốt

sắc bén tính can đảm trước sau như nhất bằng Theodore xứ Mopsuestia, nhưng ông vượt trội tất cả họ trong việc học hỏi và trong khả năng đa tài (trong bài viết của Erdman, trang 189).

12. Theo bạn những loại kiến thức nào ngày nay giúp cho một dịch giả trong việc dịch Kinh Thánh ra các ngôn ngữ khác? Viết vào vở ghi chép của bạn.

13. Sự đóng góp chủ yếu của Jerome cho Hội Thánh là gì?

.....  
.....  
.....

14. Ghép cặp người đóng góp với những sự đóng góp

1) Ambrose

2) Chrysostom

3) Eusebius

4) Jerome

5) Theodore

.....a Dịch bản Kinh Thánh Vulgate

.....b Dạy dỗ phương pháp diễn dịch Thánh Kinh theo ngữ pháp và lịch sử

.....c Từ chối các phương pháp cổ điển chỉ nghiên cứu dựa trên Thánh Kinh

.....d Trở thành một người giảng dạy Thánh Kinh vĩ đại và một nhà cải cách

.....e Trở thành giám mục thành Milan

.....f Đã tham dự hội nghị Nicaea

.....g Được tặng danh hiệu "cái miệng vàng"

Augustine thuộc Hippo: Nhà Thần Học

Augustine (354-430) ra đời tại Tagaste thuộc Bắc Phi, cha mẹ ông đều là Cơ Đốc nhân, nhưng trong tuổi thanh xuân, ông đã có những sinh hoạt tội lỗi. Ông đã sống với một người phụ nữ suốt mười ba năm mà không kết hôn. Ông thiếu kỷ luật và ưa thích săn khấu, nhưng linh hồn ông vẫn phiền muộn. Ông đã tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời và lẽ thật trong một số những triết lý của cả thuyết Thiện Ác Nhị Nguyên (Manichaeism), sự khôn ngoan giả tạo chẳng bao lâu đã làm ông chán ghét.

15. Mô tả bản chất sự khôn ngoan và tri thức giữa vòng những người theo thuyết Thiện Ác Nhị Nguyên là nhóm người mà có lẽ Augustine đã chống lại (xem bài 5)

.....  
.....  
.....

Đang khi ở tại Milan làm công việc, Augustine là giáo sư khoa hùng biện đã bị thu hút bởi việc giảng dạy Kinh Thánh của Ambrose. Một ngày nọ, Augustine đang ở

trong khu vườn thì ông nghe có tiếng phán: "Hãy cầm lấy và đọc đi, hãy cầm lấy và đọc đi". Ông chộp lấy quyển sách các thư tín của Phao lô và mở ra ngay thơ Rôma. Dưới đây là lời làm chứng của ông.

Tôi chộp lấy quyển sách và mở ra và rồi trong sự yên lặng tôi đọc đoạn đầu tiên về những điều mà mắt tôi cảm nhận "Chớ nộp mình vào sự quá độ và say sưa, buông tuồng và bậy bạ, rầy rà và ghen ghét. Nhưng hãy mặc lấy Đức Chúa Jesus Christ, chớ chăm nom về xác thịt mà làm cho phỉ lòng dục nó". Tôi không ước ao đọc thêm và không cần phải làm như vậy làm chi. Vì ngay lập tức, khi đọc đến cuối câu tôi thấy như là ánh sáng của đức tin đã tràn ngập vào lòng tôi và tất cả những tối tăm của sự ngờ vực đều biến mất"

Đoạn văn trên được trích từ bản tự nguyện của Augustine được gọi là Những Lời Thú Tội. Đó là một khuôn mẫu Cơ Đốc đã ban phước cho những người tin Chúa ở mọi thời đại. Không bao lâu sau sự việc kể trên, ông đã được Ambrose làm báp têm vào năm 387.

16. Đọc [RoRm 13:13-14](#), vì sao bạn cho rằng những câu Kinh Thánh ấy đã chạm đến Augustine sâu xa như vậy?

.....  
.....  
.....

Vào năm 388, khi Augustine trở về Phi Châu, ông thành lập cộng đồng tu sĩ của mình để nghiên cứu. Không bao lâu sau đó ông được bổ nhiệm chức vụ linh mục vào năm 396 và được chỉ định làm giám mục thành Hippo gần Carthage. Ông đã xử lý khéo léo những vấn đề về chức vụ chăn bầy, về kỷ luật, về việc quản trị, và những vấn đề thần học, trở thành người bảo vệ tính chính thống của Thiên Chúa Giáo.

Trong bài 5, chúng ta đã đề cập đến đáp ứng của Augustine với thuyết Donatic. Ông xác nhận rằng sự trong sạch của Hội Thánh là dành cho tương lai trong cõi đời đời, chứ không dành cho thời kỳ hiện nay. Ông ủng hộ ý tưởng của Hội Thánh phổ thông bảo rằng mặc dầu các thánh lễ đều có thật bên ngoài giáo hội Công giáo, song chúng không ích lợi gì nếu chúng bị phân rẽ khỏi công việc của Thánh Linh trong thân.

17. Tóm tắt ngắn gọn niềm tin của những người thuộc phái Donatic mà Augustine đã có phản ứng (Bài 5)

.....  
.....  
.....

18. Nếu sự hiệp nhất của Hội Thánh bị hy sinh liên tục để giữ gìn sự trong sạch của Hội Thánh, thì sẽ dẫn đến điều gì?

.....  
.....  
.....

Augustine đã viết tác phẩm chính của ông Thành của Đức Chúa Trời để trả lời niềm tin của người ngoại giáo cho rằng sự suy tàn của đế quốc Lamã là do Cơ Đốc giáo gây ra. Các dân ngoại tin rằng vì cơ các Cơ Đốc nhân đã từ bỏ hình tượng của người Lamã, nên các thần của Lamã đã từ bỏ đế quốc. Sự trả lời của Augustine đã cung ứng một triết lý Cơ Đốc về lịch sử. Ông nói rằng Đức Chúa Trời là Chúa của lịch sử. Ngài đang dõi chuyển các biến cố đi đến một kết thúc. Những sự kiện như Rlaric cướp phá thành Lamã vào năm 410 không phải là một chu kỳ vô nghĩa tự nó lập lại mà còn bày tỏ rằng Đức Chúa Trời đang hành động. Augustine nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời nắm phần kết thúc lịch sử trong tay Ngài. Mọi người phải tìm kiếm thành của Đức Chúa Trời (một lối sống thuộc linh) bởi vì Thành của Loài Người (lối sống theo kiểu mẫu Lamã và Hylạp) đang qua đi. Mặc dầu sự suy đồi của một đế quốc lớn, Đức Chúa Trời vẫn đang làm việc trong Hội Thánh của Ngài bởi ân điển của Ngài.

19. Đọc [DaDn 4:17](#) và [5:18-21](#), những đoạn Kinh Thánh này có hậu thuẫn cho quan điểm của Augustine liên quan đến lịch sử không?

.....  
.....  
.....

20. Augustine được người ta nhớ đến vì điều gì?

.....  
.....  
.....  
.....

### NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ GIÁO LÝ

Trong giáo hội ở phía Đônng, giai đoạn từ năm 325 đến 451 đầy đầy những cuộc tranh cãi về thần tính và bản tánh của Đấng Christ. Bốn kỳ hội nghị chính đã họp để giải quyết các vấn đề này. Tertullian ở phía Tây trước đó lâu đã thiết lập giáo lý chánh thống về Ba ngôi Đức Chúa Trời, vì vậy giáo hội phía Tây không quá bị rắc rối vì những cuộc tranh luận về thần học này. Tuy nhiên, một cuộc tranh luận về một vấn đề thực tiễn hơn đã thật sự làm cho giáo hội phía Tây lo lắng, đó là sự thắc mắc về cách nào để một người được cứu. Nhìn chung, giai đoạn này là một thời kỳ quan trọng của việc trình bày thần học Cơ Đốc.

Mối Liên Hệ Giữa Đấng Christ và Đức Chúa Trời

Vào năm 325, có khoảng 300 giám mục phần lớn từ phía Đông, nhóm lại vì một kỳ hội nghị chung ở tại thành Nicaea. Họ đến do sự thỉnh cầu của Hoàng đế Constantine, là người chịu trả tất cả những phí tổn cho họ và đã chủ trì cuộc họp. Constantine, hoàng đế của cả phía Đông cũng như phía Tây, muốn có một giáo hội hiệp nhất để giúp thống nhất Đế quốc.

Cuộc tranh luận về thần học mà hội nghị đối diện có liên quan đến mối liên hệ giữa Đấng Christ với Đức Chúa Trời. Arius một linh mục thuộc Alexandria, đã chống lại quan niệm đa thần về Đức Chúa Trời là điều ông tin rằng Ba ngôi Đức Chúa Trời đã công bố. Ông dạy rằng Đấng Christ không hiện hữu đời đời nhưng Ngài đã được dựng nên. Đấng Christ là một bản thể khác (heteros) với Đức Chúa Cha và lệ thuộc vào Đức Chúa Cha. Arius cho rằng vì có sự thuận phục tuyệt đối của Đấng Christ, Ngài đã trở thành một người giống như vị thần. Có lẽ bạn nhìn thấy một vài điểm tương đồng ở đây với những quan điểm của Paul người Samosala (xem bài 5, thuyết Duy nhất thần (Monarchian)).

Quan niệm thứ hai của nhà thần học Athanasius, cũng đến từ Alexandria. Ông dạy rằng Đấng Christ hiện hữu đời đời với Cha Ngài. Đấng Christ có cùng một bản thể (homoousios) như Cha Ngài. Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đều đồng đẳng, đồng vĩnh cửu và đồng bản thể. Đối với Athanasius, câu hỏi mấu chốt là: "Liệu Chúa Cứu Thế có cung ứng sự cứu chuộc trọn vẹn được không nếu như Ngài không trọn vẹn bằng Đức Chúa Trời?"

Eusebius người Caesarea trình bày một quan điểm thứ ba. Bản tánh nhã nhặn của ông đã cố gắng để tìm được một sự hòa hiệp. Thoạt đầu ông dựa vào quan điểm của Arius, nhưng khi ông thấy những hậu quả cực đoan của quan điểm ấy, ông đã chuyển sang quan điểm của Athanasius. Ông đã trình bày một bản tín điều mà đã trở thành nền tảng của Bảng Tín Điều Nicaea công bố như vậy. Đức Chúa Jesus Christ là "con độc sanh của Đức Chúa Trời, chứ không phải được Đức Chúa Trời tạo dựng, Ngài có cùng một bản thể với Đức Chúa Trời". Tín lý này đã lên án quan điểm của phái Arian.

Mặc dầu Hội nghị Nicaea đã làm sáng tỏ thần tính của Chúa Cứu Thế Jesus, nó cũng đã làm tổn hại đến sự tự do của Đông giáo hội. Giáo hội phía Đông sẽ không bao giờ lại được tự do khỏi thế lực của nhà nước. Ngoài ra, thuyết Arian vẫn là một sự đe dọa đối với tính chánh thống đôi lần về sau này. Đa số các hoàng đế giữa Constantine đến Theodosius đệ I đều thuộc phái Arian. Athanasius, người đã ủng hộ mạnh mẽ Bản Tín Điều Nicaea, đã bị lưu đày năm lần. Thuyết Arian lan truyền đến các bộ tộc ngoại giáo ở phía Đông và về sau đã đe dọa tính chánh thống của Công Giáo ở phía Tây.

21. Bạn có thể nhớ lại thuyết Arian đầu tiên đã lan truyền đến các bộ tộc ngoại giáo như thế nào không?

.....  
.....

.....  
.....  
22. Đọc [GiGa 10:30](#), [38](#); [12:45](#); [14:7-10](#); [17:10](#). Kết luận của Hội Nghị Nicaea có đồng tình với những đoạn Kinh Thánh trên không?  
.....  
.....

.....  
.....  
23. Bảng Tín Điều Nicaea là gì?  
.....  
.....

### Bản Tánh Của Đấng Christ

Một cuộc tranh luận khác về thần tánh và nhân tánh của Đấng Christ. Trường của người Alexandria nhấn mạnh đến thần tánh của Ngài trong khi Trường của người Antioch nhấn mạnh đến nhân tánh của Ngài, Apollinaris (qua đời năm 392) giám mục thành Ladicea, là người bạn của Athanarius và là một thành phần thuộc trường của người Alexandria. Trong phản ứng của ông đối với thuyết Arian, ông mô tả sự Hiện Thân của Đấng Christ là Ngôi Lời của thiên thượng (Logos) thay thế linh hồn, lý trí trong một thân thể loài người. Ông ta giảm thiểu tính người trong Đấng Christ bằng cách tăng cao thần tánh của Ngài. Tại Hội nghị ở Constantiople vào năm 381, do Hoàng đế Theodosius I triệu tập. Apollinaris đã bị lên án và nhân tánh của Đấng Christ được khẳng định cùng với thân vị của Đức Thánh Linh.

Nestorius (381-451) là một học trò của Theodore ở Mopsuestia, đã phản đối thuyết của Apollinaris và vì vậy đã khởi đầu một cuộc chiến tiếp theo. Nestorius là một tu sĩ học rộng, được bổ nhiệm làm giám mục thành Constantineople vào năm 428. Ông phản đối tước hiệu "Người cưu mang Đức Chúa Trời" (theotokos) được áp đặt cho Mary mẹ Chúa Jesus. Ông cảm thấy từ ngữ ấy nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Mary nhiều hơn Kinh Thánh cho phép. Vì vậy, ông đưa ra danh hiệu "Người cưu mang Chúa Cứu Thế" (christotokos) dành cho Mary.

Tại Giáo Hội Nghị Ephesus vào năm 431, do hoàng đế Theodosius đệ II triệu tập, những nhà lãnh đạo giáo hội do Cyril thuộc Alexandria lãnh đạo và những người ganh tị với địa vị của Nestorius ở tại Constantinople đã buộc tội Nestorius theo tà giáo. Họ tố cáo ông đã dạy dỗ rằng hai bản tánh của Chúa Cứu Thế đã bị ép vào nhau trong một sự hiệp nhất máy móc, giống như hai mảnh cật tông dán keo. Hãy lưu ý những lời bóng gió hai mặt của thuyết Gnostic trong quan điểm này. Đấng Christ là một người cưu mang Đức Chúa Trời, chứ không phải là người-Trời. Ngài chỉ là một con người trọn vẹn, mang ảnh tượng của thiên thượng.

Không rõ là Nestorius có thực sự đã dạy dỗ luận lý này hay không, nhưng vấn đề

đã tạo ra một sự bất đồng (ky giáo) trong giáo hội. Nestorius bị truất phế ở tại hội nghị, và Đấng Christ được công bố là một Thân vị hiệp nhất "hai bản tánh đồng sau sự hiệp nhất". Tuy nhiên thuyết của Nestorius về sau đã trở thành có ảnh hưởng hơn trong vùng Batur.

Tuy nhiên một trận chiến khác lại tiếp tục nổ ra khi một tu sĩ lão thành tên là Eutyches tấn công giáo lý về bản thể "hai bản tánh" của Đấng Christ. Ông cho rằng Đấng Christ chỉ có một thần tánh trong đó nhân tánh đã bị nuốt mất bởi thần tánh. Quan điểm đó được gọi là thuyết Duy nhất thần (Monophysitic) đã dẫn đến Giáo hội nghị Chalcedon vào năm 451. Em gái của hoàng đế Theodosius, người kế vị ông đã triệu tập cuộc họp. Giám mục Leo đệ I (giáo hoàng) của Lamã đã tham dự và đọc tác phẩm Tome của ông, trong đó tuyên bố rằng Đấng Christ có cả nhân tánh trọn vẹn lẫn thần tánh trọn vẹn chứ không phải là một nhân cách bị tách rời ra. Đó là sự đóng góp quan trọng đầu tiên của phía Tây vào một kỳ giáo hội nghị chung.

Giáo hội nghị ban bố một sự định nghĩa mới về Đấng Christ bao gồm Các Bản Tín Điều của năm 325 và năm 381, hai bức thư của Cyril phủ nhận Nestorius, quyển Tome của Leo và một lời xưng nhận mới:

Hết thảy chúng tôi đồng một tiếng nói xưng nhận Cứu Chúa Jesus Christ của chúng tôi là một người và là Con của Đức Chúa Trời, đồng thời trọn vẹn trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời và trọn vẹn về nhân tánh, là Đức Chúa Trời thật và là người thật, gồm một linh hồn và một thân thể phù hợp, một bản chất với Đức Chúa Cha khi xét về thần tánh của Ngài, cùng bản chất với chúng ta khi xét về nhân tánh của Ngài. Ngài giống như chúng ta trong mọi sự, nhưng trừ ra sự phạm tội, là Con của Đức Chúa Cha trước các thời đại khi xét đến thần tánh của Ngài, cũng như vậy trong những ngày cuối cùng, vì chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta được sinh bởi nữ đồng trinh mary, người cưu mang Chúa (thetokos), khi xét đến nhân tánh của Ngài là một người và cũng là Chúa Cứu Thế, là Đức Chúa Con, là Chúa, là Con độc sanh, được thừa nhận trong hai bản tánh, không lẫn lộn, không thay đổi, không phân rẽ hoặc không tách biệt, điểm ưu việt của các bản tánh không hề bị loại bỏ vì sự hiệp nhất, mà hơn nữa thuộc tính đặc trưng của mỗi bản tánh đều được giữ gìn, và hợp nhau để tạo thành một thân vị (Prosopon) và một thực thể (hypostasis), không phải như thân thể Đấng Christ bị tách hoặc chia thành hai con người ...

Trước bản tín điều này từ lâu, Tertullian đã mô tả Đấng Christ như là có hai bản chất trong một thân vị.

Cuộc tranh luận của những người thuộc phái Monophysic tiếp tục khi có nhiều người thuộc Đông giáo hội phản bác lời Định Nghĩa ở hội nghị Chalcedon. Aicập và Syry trở thành những thành trì của thuyết Monophysic. Về sau Atmêni cũng vậy. Batur chọn thuyết của Nestorius khi ở dưới triều của hoàng đế Zeno đế quốc

đã chấp nhận một thuyết Monophysic (Duy nhất thần) thỏa hiệp để tìm cách đem lại sự thống nhất cho Đông giáo hội.

Hoàng đế Justinian đệ I đã triệu tập Giáo hội nghị Constantinople vào năm 553 để tìm cách khôi phục sự hiệp nhất cho Đông giáo hội. Tuy nhiên, không bao giờ có được sự hiệp nhất. Hội nghị đó và những kỳ hội nghị tiếp theo đào sâu thêm sự bất hòa giữa Đông giáo hội và Tây giáo hội. Chỉ có bảy giáo hội nghị trong tất cả các kỳ hội nghị được cả giáo hội ở phía Đông lẫn Tây thừa nhận. Được kể tên trong bảng sau đây.

24. Ghép cặp những quan niệm về Đấng Christ (trái) với những con người (phải)

.....a Đấng Christ là người cru mang Chúa, không phải người - Trời

.....b Thân thể con người của Đấng Christ được đầy đầy lời thiên thượng đã thế chỗ cho linh hồn có lý trí.

.....c Nhân tính của Đấng Christ đã bị thần tính của Ngài nuốt mất.

25. Trong các cuộc tranh luận ở tại các Giáo Hội Nghị năm 381, 431 và 451 thần tính của Đấng Christ không bị phủ nhận. Vậy thì vấn đề là gì?

.....

..

.....

..

26. Đọc [GiGa 5:17-23](#); [12:45](#); [Phi Pl 2:6-7](#); [Mat Mt 1:18](#); 3:7;; [HeDt 2:14-18](#) và [Cong Cv 3:32](#). Hãy giải thích việc Đấng Christ có cả thần tính và nhân tính như thế nào. Viết vào vở của bạn.

27. Điều gì dường như phải xảy ra, như đã được bày tỏ bởi những cuộc tranh cãi liên tục ở tại các kỳ hội nghị, khi một sự dạy dỗ tà giáo nổi lên?

.....

..

.....

..

### Sự Cứu Rỗi

Một quan điểm của sự cứu rỗi được biết đến như là thuyết Pelagianic đã bị lên án ở tại Giáo hội nghị thành Ephesus vào năm 431. Mặc dầu thánh Augustine đã qua đời ngay trước kỳ hội nghị này, ông đã dẫn đầu cuộc phản đối sự dạy dỗ này.

Thuyết này do Pelagius triển khai (360-420), ông là một tu sĩ người Anh, người đã tuyên bố rằng một tội nhân có thể và phải sửa chính mình cho đúng lại với Đức Chúa Trời. Những người thuộc phái Pelagians dạy rằng tội lỗi là một nhược điểm của xác thịt, chứ không phải là sự băng hoại của ý chí con người. Không có nguyên tội, và mỗi người được dựng nên tự do giống như Adam vậy. Con người chọn tội lỗi hoặc sự công bình là do ý chí tự do của riêng họ. Theo những người thuộc phái Pelagian, không phạm tội là điều khả thi. Bởi vì mỗi người đều được tự do, các



thánh lễ nhất là lễ báp têm cho trẻ con là không cần thiết.

Thánh Augustine đã trả lời rằng nguyên tội là tội kế thừa và là sự băng hoại của Adam. Bởi vì ý chí con người bị ràng buộc bởi tội lỗi nên con người không thể làm gì để tìm được sự cứu rỗi cho chính mình. Augustine nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời phải thúc đẩy ý chí để chấp nhận ân điển. Ông nói rằng Đức Chúa Trời đã chọn một số người để được cứu và sai Thánh Linh đem ân điển vào trong con người hầu cho họ có thể vâng phục Đức Chúa Trời. Bởi vì sự không phạm tội là điều bất khả thi, Augustine giải thích, nên các thánh lễ là điều cần thiết.

Mặc dầu những quan điểm của Pelagius và Augustine đã từng được tranh luận qua mọi thời đại, nhìn chung Hội Thánh vẫn đứng về phía Augustine nhiều hơn là phía Pelagius (thật đáng chú ý khi ghi nhận ảnh hưởng của thuyết Pelagius trong việc sùng bái tà thần ngày nay), Những người theo Tin lành đánh giá đúng sự hiểu biết của Augustine về tội lỗi và ân điển trong khi những người theo Thiên Chúa Giáo đánh giá vị trí của ông trong các thánh lễ và giáo hội.

28. Ghép cặp các quan điểm liên quan đến sự cứu rỗi với những con người

1) Augustine

2) Pelagius

3) Không ai cả

.....a Tội lỗi chỉ là một sự yếu đuối của xác thịt

.....b Tội lỗi là sự băng hoại của ý chí loài người

.....c Đức Chúa Trời chọn lựa ai sẽ được cứu

.....d Mỗi người đều tự do chọn lựa phạm tội hoặc chọn sự công bình.

.....e Sự cứu rỗi do ân điển chứ không do việc làm của các thánh lễ

.....f Các thánh lễ cần thiết cho sự cứu rỗi

29. Đọc [RoRm 3:23](#), quan điểm của Augustine về tội lỗi có theo Kinh Thánh không?

.....

..

.....

..

30. Cuộc tranh luận gì đã nổi lên do việc Augustine tin rằng Đức Chúa Trời đã lựa chọn những người sẽ được cứu

.....

..

.....

..

31. Có điều gì sai trật khi chúng ta tin rằng mình có thể cứu lấy mình do những nỗ lực riêng của mình?

.....

..

.....

..

32. Hãy điền vào BẢNG sơ đồ này, nếu nhớ thuộc lòng càng tốt  
Khi chúng ta nhìn lại những con người khác biệt nhau mà mình đã gặp trong bài học này, tôi lại được nhắc nhở về [12:3-8](#) trong khúc Kinh Thánh này, Phao lô đã dạy dỗ về các ân ban cho của Chúa trong Hội Thánh. Thật vậy chúng ta có những ân tứ khác nhau, tùy theo ân điển đã ban cho chúng ta "Theo sự diễn dịch về ngữ pháp và lịch sử của khúc Kinh Thánh này, chúng ta phải khiêm nhường phục vụ thân thể bởi vì chúng ta là chi thể của thân.

Bài Làm Tự Trắc Nghiệm

1. Ghép cặp các đặc trưng với nhân vật. Sử dụng hai câu trả lời nếu phù hợp

1) Ambrose

2) Augustine

3) Chrysostom

4) Eusebius

5) Jerome

6) Theodore

.....a. Ông không phải là một giám mục

.....b. Họ là bạn khi còn là những cậu bé ở Antioch

.....c. Cả hai đều được huấn luyện thành luật sư

.....d. Ông được cứu và sau đó được Ambrose làm phép báp têm.

.....e. Hai vị này đều có dính líu đến thuyết của Arian

.....f. Ông nổi lên từ giai cấp thấp kém để trở thành một người bạn riêng của một vị hoàng đế.

.....g. Ông làm việc ở tại lục địa Phi Châu

.....h. Họ đều được nuôi dưỡng ở tại Ý

2. Ghép cặp những người với những ân tứ phù hợp của họ

1) Ambrose

2) Augustine

3) Chrysostom

4) Eusebius

5) Jerome

6) Theodore

.....a. Sử gia

.....b. Người giảng đạo

.....c. Người quản trị

.....d. Dịch giả

.....e. Nhà thần học

.....f. Nhà giải kinh

3. Ghép cặp những nhân vật với những vùng họ phục vụ với tư cách giám mục

1) Ambrose

2) Augustine

3) Chrysostom

4) Eusebius

5) Theodore

.....a. Caesarea

.....b. Constantinople

.....c. Hippo

.....d. Milan

.....e. Mopsuestia

4. Ghép cặp nhân vật với sự đóng góp của họ

1) Ambrose

2) Augustine

3) Chrysostom

4) Eusebius

5) Jerome

6) Theodore

.....a. Viết lịch sử Hội Thánh đầu tiên

.....b. Dứt phép thông công một vị hoàng đế vì vấn đề về những nguyên tắc đạo đức.

.....c. Sử dụng những phương pháp diễn dịch Kinh Thánh theo ngữ pháp lịch sử

.....d. Bảo vệ tính chính thống của Tiên Chúa giáo bằng cách phủ nhận thuyết của Donatic

.....e. Đã dịch bản Kinh Thánh thông dụng theo tiếng Latinh (Vulgate)

.....f. Rao giảng lẽ thật của Thánh Kinh bằng một sự sốt sắng muốn cải cách.

CÂU TRẢ LỜI NGẮN . Hoàn thành những câu sau đây càng ngắn càng tốt

5. Kể ra những vấn đề của bốn kỳ giáo hội nghị đầu tiên

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Lời Định Nghĩa Chalcedon đã phát biểu gì về Đấng Christ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Thảo luận những khía cạnh theo đúng với Thánh Kinh và không đúng theo Thánh Kinh theo quan điểm của Augustine về vấn đề tội lỗi và sự cứu rỗi.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### Giải Đáp Các Câu Hỏi Của Bài Học

17. Câu trả lời của bạn. Họ tin rằng những người lãnh đạo thuộc linh phải chứng tỏ tính khắt khe về mặt thuộc linh và một chủ nghĩa khổ hạnh để làm cho các thánh lễ trở nên hiệu nghiệm.

1. b) Công vụ các sứ đồ

18. Câu trả lời của bạn. Một số đông đảo các nhóm nhỏ, các nhóm tách biệt không hiệu quả sẽ dẫn đến những con người ai nấy đều tin rằng mình thánh khiết hơn bất cứ nhóm nào khác.

2. Câu trả lời của bạn. Bên trong Đế quốc Lamã, Constantine đã làm cho Cơ Đốc giáo trở thành một tôn giáo hợp pháp. Điều đó ảnh hưởng sâu rộng đến Hội Thánh.

19. Theo Daniel, Đức Chúa Trời hiện nắm quyền kiểm soát các công việc của loài người trong lịch sử.

3. Câu trả lời của bạn. Ông đã cung cấp tập hồ sơ dễ hiểu đầu tiên kèm với vô số các phần trích dẫn được nắm giữ gìn lấy từ các tác phẩm khác không còn tồn tại.

20. Câu trả lời của bạn. Ông là người bảo vệ tính chính thống Công giáo.

4. a. Eusebius

b. 1. Ambrose

c. 2. Eusebius

d. 1. Ambrose

e. 1. Ambrose

21. Uvilas, một Cơ đốc nhân thuộc phái Arian, đã trở thành một nhà truyền giáo cho dân Visigoths và đã dịch Kinh thánh ra ngôn ngữ của họ.

5. Quyền lãnh đạo là một ân tứ Chúa ban cho hội thánh. Những người dẫn dắt hội thánh là đáng kính trọng.

22. Phải, những đoạn Kinh thánh ấy xác minh thần tính của Đấng Christ như Ngài

và cha Ngài là một.

6. Câu trả lời của bạn. Ông đem lại trật tự cho giáo hội ở tại Milan, giúp dàn xếp cuộc tranh luận của phái Arian, đề xướng việc ca hát của hội chúng, dạy dỗ về đức tin thật, và dẫn dắt trong những vấn đề về luân lý.

23. Đó là một lời tuyên bố chính thống về niềm tin rằng Chúa cứu thế Jesus là "con của Đức Chúa Trời, chứ không phải được Đức Chúa Trời dựng nên, có cùng bản chất với Đức Chúa Cha". Điều đó đã xác lập thần tính của Đấng Christ.

7. a. 1

b. 1

c. 2

d. 1

e. 1

24. a. 3. Nertorius

b. 1. Apollinaris

c. 2. Eutyches

8. Câu trả lời của bạn. Mặc dầu ông đã thực hiện nhiều điều tốt, song điều nổi bật nhất ông là người lãnh đạo xuất sắc và cảm động được người nghe.

25. Vấn đề là sự hóa thân của Đấng Christ hoặc sự hiệp nhất của thần tánh và nhân tánh của Ngài.

9. Nhà giải Kinh là người chuyên môn trong việc phân tích diễn dịch, và giải thích Kinh thánh. Hai phương pháp là phép dùng ngụ ngôn và phép dùng ngữ pháp lịch sử.

26. Câu trả lời của bạn. Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời có chính bản tánh của Đức Chúa Trời và bình đẳng với Ngài, đã trở thành một con người, được sinh bởi Mari Ngài cũng giống như chúng ta trong mọi sự để làm của lễ chuộc tội lỗi cho chúng ta.

10. a. 1

b. 2

27. Câu trả lời của bạn. Việc không chấp nhận tà giáo như vậy làm cho một quan điểm chống nghịch cực đoan nổi lên và lại trở thành một tà giáo mới.

1. Ông đã triển khai phương pháp diễn dịch Kinh thánh theo ngữ pháp kết hợp với lịch sử và vì vậy nhấn mạnh đến nhân tánh của Chúa Cứu thế.

28. a. 2. Pelagius

b. 1. Augustine

c. 1. Augustine

d. 2. Pelagius

e. 3. Neither one

f. 1. Augustine

12. Câu trả lời của bạn. Hiểu biết về cách thức ngôn ngữ thể hiện, những ngôn ngữ gốc, ngôn ngữ và cách thành ngữ (những cách diễn tả độc đáo) của người ta để có

được bản dịch, những phong tục của dân chúng trong các thời đại của Thánh Kinh cũng như của những người tiếp nhận bản dịch.

29. Phải, hết thảy đều đã phạm tội, không một người nào không phạm tội

13. Đó là bản dịch Kinh thánh thông dụng theo tiếng Latin của ông

30. Câu trả lời của bạn, vấn đề tiền định được nêu lên.

14. a. 4. Jerome

b. 5. Theodore

c. 4. Jerome

d. 2. Chrysostom

e. 1. Ambrose

f. 3. Eusebius

g. 2. Chrysostom

31. Câu trả lời của bạn. niềm tin này làm giảm đi tầm quan trọng của Đức Chúa Trời trong sự Cứu rỗi, đề cao khả năng của con người để tự cứu mình, và vì vậy đã tôn cao con người và hạ thấp Đức Chúa Trời.

15. Câu trả lời của bạn là thành viên của phong trào Gnostic, họ cảm thấy tri thức của họ về sự khôn ngoan đặc biệt đã làm cho họ xứng đáng trước mặt Đức Chúa Trời.

32. Kiểm tra lại các câu trả lời của bạn với thông tin trên biểu đồ của bài học.

16. Câu trả lời của bạn. Cả sự tìm tòi của ông trong triết học lẫn cuộc đời của ông trong sự vô luân đều được đề cập đến trong những câu Kinh thánh đó. Chúa Cứu thế cũng đã được trình bày như là giải pháp cho những nan đề này.

## BÀI HỌC 8: Mối Liên Hệ của Hội Thánh Thời Trung Cổ với Thế Gian

Trong giai đoạn bắt đầu từ Giáo hoàng Gregory đệ I (590-604) và kết thúc với sự ly giáo giữa các giáo hội phía Đông với phía Tây vào năm 1054, Hội Thánh đã tái xác định mối quan hệ của Hội Thánh với thế gian. Hội thánh lập lại diễn trình này trong mọi thời đại. Hội thánh đáp ứng theo nhiều cách khác nhau kể cả việc rút lui, việc truyền giáo, hoặc nắm vững quyền hành về mặt chính trị cũng như những vấn đề thuộc linh.

Khắp các quốc gia theo Cơ đốc giáo, một cuộc chiến về quyền lãnh đạo đã bắt đầu. Quyền lực của Giáo hoàng đã được củng cố vững chắc dưới thời Gregory đệ I. Chủ nghĩa đế quốc cũng giành được đất dưới hai triều đại. Triều đại Merovingian và triều đại Carolingians. Những công việc của giáo hội và nhà nước ngày càng bị vướng mắc vào nhau. Những nhà cầm quyền thế tục tìm cách để cai trị giáo hội trong khi những người lãnh đạo thuộc linh lại muốn cai trị. Sự căng thẳng gia tăng đã nổi lên giữa giáo hội Cơ đốc với một nhà nước và xã hội "Cơ đốc"

Khi bạn nghiên cứu bài học này, hãy tìm cách để hiểu được thái độ của chính bạn và thái độ của Hội Thánh bạn đối với thế gian. Tìm cách xác định đúng trách

nhiệm của bạn và trách nhiệm của Hội Thánh là gì trong thế gian.  
Sự gia tăng quyền hành của thể chế Giáo hoàng  
Giáo hoàng Gregory đệ I  
Những sự dâng tặng và các chiếu chỉ  
Sự nổi lên của chủ nghĩa đế quốc ở phía Tây.  
Triều đại Merovingian  
"Những người cai trị thuộc dòng họ Carolingian"  
Sự nổi lên của đế quốc Lamã Thánh  
Chế độ phong kiến  
Otto đệ I.

Khi hoàn tất bài học này bạn có thể.

Ừ Mô tả mối quan hệ giữa giáo hội và nhà nước trong giai đoạn nổi lên của chủ nghĩa đế quốc từ năm 590-1054

Ừ Nhận biết những nhân vật chính yếu và những đóng góp của họ trong việc gây dựng các quốc gia theo Cơ đốc giáo.

Ừ Thảo luận ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến trên Hội Thánh.

1. Nghiên cứu bài học này và bài tự trắc nghiệm trong bài theo những chỉ dẫn ở bài 1.
2. Nghiên cứu bản đồ Âu châu trong thời Charlemagne có trong bài học này.

Các Từ Then Chốt

Anh giáo

Chủ nghĩa phong kiến

Chủ nghĩa đế quốc

Lễ tân phong

Đại sứ của Giáo hoàng ở nước ngoài

Trang viên

Lễ Misa

Chủ nghĩa duy vật chất

Ngục luyện tội

Mua bán chức vụ, thánh tích ở nhà thờ.

Tạm thời (lâm thời)

Thuộc dân tộc Greecmanh (Bắc âu)

Thần quyền thể chế

Chư hầu

**SỰ GIA TĂNG QUYỀN HÀNH GIÁO HOÀNG**

Giáo hoàng Gregory đệ I

Quyền lực của Giáo hoàng trong thời Gregory đệ I được chứng minh là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Hội Thánh. Ông ta biểu minh cho thế giới thời trung cổ, trong thời kỳ đó Giáo hoàng, hay là sự thống trị của giáo hội đã rực sáng

và thu hút những sự phát triển về văn hóa.

Gregory sinh năm 540 trong một gia đình giàu có. Ông được huấn luyện theo ngành luật dành cho một nghiệp vụ trong lãnh vực chính trị vào năm 33 tuổi, ông trở thành thị trưởng Lamã, lúc này đang do dân Lombards cai trị ông chịu trách nhiệm trông nom toàn bộ nền kinh tế của thành phố. Tuy nhiên, trong vòng một năm, ông đã rời bỏ chức vụ giữa dân chúng và bước vào một tu viện.

Sau khi bố ông qua đời, ông đã sử dụng của cải của mình để thành lập bảy tu viện và nuôi dưỡng người nghèo. Về sau ông cũng đã biến dinh thự của cha mình thành ra một tu viện. Tin rằng chủ nghĩa khổ tu làm vinh hiển Đức Chúa Trời, Gregory kiêng ăn đều đặn, điều đó đã làm suy yếu thân thể vốn đã yếu ớt của ông.

Giáo hoàng Pelagius đệ II (579-590) đã bổ nhiệm Gregory là một trong các trợ tế của giáo hội Lamã và sai phái ông như một người đại diện đến tại tòa án hoàng đế ở tại Constantinople, sau khi làm việc tại chức vụ đó, Gregory trở thành trưởng tu viện của một trong số các tu viện của ông. Sau đó bệnh dịch đã lan tràn ở Lamã đã giết chết Giáo hoàng Pelagius và Gregory được chọn kế nghiệp ông.

Những trách nhiệm quản trị có phạm vi rộng lớn của Gregory đã chuẩn bị ông thật tốt để trở thành một vị Giáo hoàng mạnh mẽ. Ông đảm nhiệm cả quyền lãnh đạo thuộc linh lẫn quyền lãnh đạo dân sự. Ông củng cố giáo hội để giáo hội phát triển về của cải và quyền lực chính trị. Ông giành được sự hòa bình với dân Lombards và thiết lập những quan hệ tốt với những người cầm quyền các vương quốc của nước Đức ở tại Tây Âu. Ông sốt sắng ủng hộ các hội truyền giáo mà lần lượt, nối tiếp nhau đã đóng góp cho quyền lực của chế độ Giáo hoàng ở xứ Gaul, Tây Ban Nha, Anh, Phi châu và Ý. Chúng ta sẽ nghiên cứu về điều đó trong bài học 9

Suốt trong chức vụ Giáo hoàng của mình, Gregory đã công bố và thi hành pháp quyền cho tất cả mọi người thuộc các nước theo Cơ đốc giáo. Khi giáo trưởng của thành Constantinople, John the Faster tự xưng mình là "giáo trưởng cộng đồng giáo hội" Gregory đã phản đối. Ông trở nên bạn thân thiết với Đông hoàng đế là người đứng về phía Gregory chống lại John. Song, dầu ông thi hành quyền, Gregory vẫn bày tỏ sự khiêm nhường của mình trong việc tránh danh hiệu "Giáo hoàng" ông thích danh hiệu "tôi tớ của các tôi tớ Đức Chúa Trời" hơn.

1. Mặc dầu Gregory không tự xưng mình là "Giáo hoàng" ông đã công bố pháp quyền trên tất cả mọi người khắp các quốc gia theo Cơ đốc giáo như đã cho thấy bởi sự kiện nào?

.....

...

.....

...

2. Những khía cạnh trong bối cảnh của Gregory đã chuẩn bị ông trở thành một vị Giáo hoàng mạnh mẽ gồm có

a. Những trách nhiệm quản trị trong việc thành lập các tu viện



- b. Từng trải về mặt chính trị khi làm thị trưởng thành Lamã
- c. Một đời sống kỷ luật cá nhân và chủ trương khổ hạnh
- d. Tất cả những điều kể trên

3. Những hành động của Gegory đã củng cố quyền hành của Giáo hoàng như thế nào?

.....  
...  
.....  
...

Gregory đã trở nên nổi tiếng là đại Giáo hoàng Gregory không những chỉ bởi quyền lãnh đạo của ông mà còn vì việc ông đã định hình cho hệ thống Công giáo thời đầu trung cổ cùng với Jerome, Ambrose, và Augustine, ông được xem như là một trong bốn vị tiền sĩ vĩ đại nhất của giáo hội phía Tây. Những quan điểm của ông, phần lớn tuân theo lý luận của Augustine, đã mang lại những chỉ dẫn căn bản cho những cuộc bàn luận về thần học dành cho năm thế kỷ tiếp theo.

Về giáo lý của sự cứu rỗi, Gregory dạy rằng con người là một tội nhân đã kế thừa tội lỗi của Adam nhưng không phải sự phạm tội của người ấy. Ý chí của con người được tự do nhưng sự tốt lành của nó đã bị đánh mất. Đức Chúa Trời đã chọn một số người cho sự cứu rỗi nhưng ân điển thì không thể chống lại được. Điều đó đặt trên cơ sở cả trên sự biết trước của Đức Chúa Trời lẫn những công lao của loài người. Vì vậy Gregory đã không nhấn mạnh đến ý tưởng của sự tiền định và phóng đại hoạt động riêng của loài người trong sự cứu rỗi.

Gregory dạy rằng, phép báp tem cung ứng ân điển tha thứ của Đức Chúa Trời dành cho mọi tội lỗi trong quá khứ, nhưng những tội lỗi trong tương lai phải được đền chuộc qua sự sám hối của con người. Điều này đòi hỏi những việc làm hy sinh hoặc chịu khổ hầu giúp cho tội nhân có thể xứng đáng với ân điển của Đức Chúa Trời. Tội nhân cũng có được sự giúp đỡ của các thánh, của nữ đồng trinh Mari và của các duy vật thánh. Sau khi chết, nếu người nào không trả đủ nợ tội của mình, người ấy sẽ phải vào ngục luyện tội là nơi người ấy vẫn phải làm việc để được lên thiên đàng.

Gregory còn làm tăng thêm sức mạnh của lễ ban thánh thể là điều được gọi là lễ Misa thánh. Ông dạy rằng thân và huyết của Chúa Jesus thật sự hiện diện trong bánh và rượu nho. Việc dự phần vào sự thông công đã thay thế cho một số lượng của sự chịu khổ nhất định mà một người phải chịu đựng một cách khác qua sự sám hối. Lễ ban thánh thể cũng hiệu nghiệm đối với việc giữ sạch tội lỗi của những người ở trong ngục luyện tội, nếu được dự thay cho họ.

Gregory đã đóng góp cho chủ nghĩa duy vật chất của sự thờ phượng đã ngày càng gia tăng làm tăng thêm sức mạnh của tất cả hàng giáo phẩm kể cả Giáo hoàng. Những hệ thống lịch tử mỉ của giáo hội tương ứng với cuộc đời của Chúa Cứu thế. Phục sinh là lễ kỷ niệm chính trong hàng năm trong những thời kỳ đầu tiên. Một

giai đoạn bốn mươi ngày được gọi là "Lều trại" trước đó và "Lễ ngũ tuần" tiếp sau đó. Trong thế kỷ thứ tư, lễ Giáng sinh đã bắt đầu được kỷ niệm rộng rãi. Có một khoảng thời gian trước đó được gọi là "kỳ trông đợi". Ngoài ra, vô số ngày lễ của các thánh đã trở thành những ngày lễ. Hàng giáo phẩm mặc những chiếc áo dài đặc biệt để biểu minh cho lễ thật Cơ đốc. Họ mặc những áo dài màu đỏ tía trong những kỳ kiêng ăn như "Kỳ trông đợi" và "Lều trại", áo trắng cho những ngày lễ Phục sinh, Giáng sinh và ngày lễ Thăng thiên, màu đỏ dành cho những ngày của những người tuận đạo, những ngày của các thánh và Lễ ngũ tuần, và màu xanh lá cây vào những dịp khác trong năm.

Mặc dầu Gregory đã tin vào sự thần cảm của Thánh kinh, ông vẫn dựa vào thẩm quyền của truyền thống. Ông ta mê tín quá đáng và đã kết hợp những công bố thần học của giáo hội nghị và những sự dạy dỗ của các giáo phụ với những khái niệm thô sơ, mê tín của quần chúng thất học. Mặc dầu vậy, đóng góp của ông đối với hệ thống phẩm trật thuộc lệ ban thánh thể của giáo hội thời trung cổ là rất lớn. Ông đã đưa vào ca nguyện của Gregory cũng như các nghi lễ khác vào Hội Thánh, ông đã viết nhiều tác phẩm chú giải và cung cấp sách giáo khoa thời trung cổ dành cho các Giám mục được gọi là Pastoral Care (Sự quan tâm của chức vụ chăn bầy).

4. Giải thích của Gregory về các thánh lễ có liên quan đến sự cứu rỗi của loài người.

.....  
...  
.....  
...

5. Quan điểm của Gregory về các thánh lễ đã củng cố quyền hành của Giáo hoàng như thế nào?

.....  
...  
.....  
...

6. Hãy đối chiếu giáo lý, đời sống và sự thờ phượng của Hội Thánh trong giai đoạn này với Hội Thánh thời các sứ đồ.

Hãy viết vào vở ghi chép của bạn.

Những sự dâng tặng và các chiếu chỉ

Suốt năm trăm năm sau theo sau thời của Giáo hoàng Gregory đệ I, cũng có những vị Giáo hoàng mạnh mẽ khác, nhưng không ai đã làm vững mạnh địa vị của Giáo hoàng như Gregory đã làm. Tuy nhiên, có một số các văn kiện đã xuất hiện, điều đó đã thật sự củng cố quyền lực của các Giáo hoàng. Có một văn kiện đáng tin cậy, còn những văn kiện khác đều là giả mạo.

Sự dâng tặng của Pepin

Trong thời trị vì của mình ở tại xứ Gaul. Vua người Frank Pepin the Short đã trở

thành người bảo vệ thể chế Giáo hoàng theo lời thỉnh cầu của Giáo hoàng Zacarias (751-752) năm 754 và 756 Pepin chinh phục dân Lombards thuộc phái Arian khi họ nổi dậy chống lại uy quyền của Giáo hoàng ở tại Ý. Sau đó Pepin đã ban cho Giáo hoàng vùng đất thuộc trung tâm nước Ý từ Lamã cho đến Ravenna (vùng này được đánh bóng trên bản đồ trong bài 9 "sự lan rộng của Cơ đốc giáo 600-1300). Việc ban tặng được gọi là sự dâng tặng của Pepin, hình thành các chế độ do Giáo hoàng quản lý một cách hợp pháp. Khu vực này là sở hữu thế tục thuộc quyền Giáo hoàng cho đến năm 1870 đã trở thành một phần thuộc nước Ý.

#### Sự dâng tặng của Constantine

Vào khoảng thời gian có sự dâng tặng của Constantine. Một văn kiện đã xuất hiện gọi là Sự Dâng Tặng của Constantine. Văn kiện ấy đã kể lại thể nào Constantine đã được chữa lành khỏi bệnh phong và được làm phép báp tem bởi Sylvester, Giám mục thành Lamã. Để tỏ lòng biết ơn, Constantine đã ban cho vị Giám mục thành Lamã quyền trên khắp các địa phận khác, xưng ông là vị Giám mục tối cao của giáo hội. Kèm theo thẩm quyền đó, Giám mục ở Lamã còn nhận được pháp quyền của Lamã và phần phía Tây đế quốc khi Constantine dời thủ đô về Constantinople. Suốt thời trung cổ, thể chế Giáo hoàng đã sử dụng văn kiện này để hợp pháp hóa những lời xưng nhận của văn kiện đối với các sở hữu thế tục cũng như quyền ưu tiên về cả những lãnh vực thế tục lẫn thuộc linh. Văn thư này đã không bị vạch trần là một ngụ thư cho mãi đến thế kỷ thứ mười lăm.

#### Những chiếu chỉ giả mạo của Hoàng đế Isidore

Tiếp theo sau sự nổi dậy của chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là dưới triều của Hoàng đế Charlemagne (768-814), là điều chúng ta sẽ nghiên cứu trong phần kế tiếp, hơn bao giờ hết, các nhà lãnh đạo giáo hội muốn khẳng định ưu thế của họ trên cả thẩm quyền của thế tục. Khoảng giữa thế kỷ thứ chín, một văn thư khác đã xuất hiện, được gọi là những chiếu chỉ giả mạo của Hoàng đế Isidore là bức thư của Giáo hoàng, đưa ra những quyết định có thẩm quyền về những điểm thuộc giáo luật. Một số những người thuộc hàng giáo phẩm đã soạn thảo ra bộ sưu tập gồm những chiếu chỉ và các kinh điển thật lẫn giả của Giáo hoàng trong các kỳ hội đồng kể cả chúc thư dâng tặng của Constantine. Để làm vững mạnh những luận cứ của họ về quyền lực của giáo hội, họ đã công bố nguyên tắc về quyền lực tối cao của Giáo hoàng.

Giáo hoàng Nicholas đệ I (858-867) là vị Giáo hoàng đầu tiên sử dụng các chiếu chỉ. Ông đã ngăn cản hoàng đế Lothair đệ II thuộc dòng họ Caroline ly dị vợ mình dựa trên uy quyền đã ban cho ông trong các chiếu chỉ. Không những các chiếu chỉ ủng hộ ưu thế của Giáo hoàng trong các vấn đề về thế tục, mà còn bênh vực cho quyền lực của Giáo hoàng trong giáo hội nữa. Bất cứ các Giám mục nào cũng có quyền thỉnh cầu trực tiếp với Giáo hoàng, thông qua vị giáo trưởng của mình.

Mặc dầu có việc củng cố chế độ Giáo hoàng từ thời của Giáo hoàng Gregory đệ I cho đến giữa thế kỷ thứ 9, chế độ Giáo hoàng đã đi đến chỗ suy yếu nhất vào thế

kỷ thứ 10 trong bài 9 chúng ta sẽ thảo luận về thời kỳ suy sụp của chế độ Giáo hoàng từ cuối thế kỷ thứ 9 cho đến giữa thế kỷ thứ 11.

7. Ý nghĩa của sự dâng tặng Pepin là gì?

.....  
...

8. Sự dâng tặng của Constantine và các ngụy thư của hoàng đế Isidore đã phục vụ cho thể chế Giáo hoàng với mục đích gì?

.....  
...

### SỰ NỔI LÊN CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC Ở PHÍA TÂY

Triều đại của Merovingian

Từ thời hoàng đế Theodosius tuyên bố đế quốc là một quốc gia Cơ đốc vào năm 380, giáo hội và nhà nước là những người cộng sự hòa thuận trong xứ sở về mặt lý thuyết. Song, chúng ta có thể thấy rằng Giáo hoàng và hoàng đế đã thực sự tranh giành ưu thế.

Tiếp theo sự sụp đổ của đế quốc Lamã ở phía Tây vào năm 476, giáo hội Lamã đã trở nên ngày càng tách biệt khỏi Đông đế quốc. Các Giáo hoàng trông đợi vào những nhà lãnh đạo người Frank ở Tây âu để bảo vệ họ khỏi bộ tộc xâm lăng. Chỗ dựa của chế độ Giáo hoàng bắt đầu năm 496 với sự cải đạo của Clovis đệ I là vua xứ Franks (481-511) và là người sáng lập Triều đại Merovingian.

Dân tộc Frank là một bộ tộc người Đức đã giành được phần lớn xứ Gaul (là phần đất trước kia từng thuộc về đế quốc Lamã kể từ cuộc chinh phục của Caesar Julius vào năm 51.tc) và đã kết hợp phần lớn Tây đức trong suốt những cuộc xâm lăng thuộc thế kỷ thứ năm. Để duy trì chủ nghĩa bành trướng (chủ nghĩa đế quốc) vua Clovis đã tham gia những cuộc Othánh chiến. Khi ông bệnh vực cho Cơ đốc giáo chính thống. Cả giáo hội Lamã lẫn Đông hoàng đế đều công nhận ông ta là người đại diện cho Giáo hoàng ở tại Gaul.

Mặc dầu Clovis là những người kế tục ông đều đã bày tỏ lòng trung thành đối với giáo hội Lamã, song họ đã không tuân phục thế lực của Giáo hoàng có liên quan đến chính sách của nhà nước. Ngoài ra họ thường bổ nhiệm các tín hữu làm Giám mục và buôn bán những thiết bị trong nhà thờ (gọi là buôn bán thánh tích hoặc chức vụ trong nhà thờ). Họ tiếp tục làm điều đó bất chấp những nỗ lực cải cách của Giáo hoàng Gregory đệ I.

Bốn người con trai của Clovis và những người kế nhiệm họ đã chia cắt xứ Gaul thống nhất và đã tham gia vào những cuộc nội chiến suốt trong thế kỷ thứ sáu và thứ bảy. Trong lúc đó các công việc của nhà nước do một chức vụ được biết như là

"người đứng đầu cung điện" điều khiển. Ngay lúc đó, một trong những người đứng đầu Triều đình, Pepin người Heristal (687-714) đã tái thống nhất xứ sở bị chia cắt của vua Clovis và khiến cho chức vụ đứng đầu cung điện được thừa kế. Ông là người đầu tiên trong số những người cai trị thuộc dòng họ Caroline.

9. Sự nổi lên của chủ nghĩa đế quốc ở phía Tây đã có ảnh hưởng gì trên quyền lực của giáo hội?

.....  
...  
.....  
...

10. Khoanh tròn mẩu tự đứng trước những câu ĐÚNG.

- a. Clovis đại diện cho sự bảo vệ chế độ Giáo hoàng
- b. Clovis đã bênh vực những quan điểm của ông về Cơ đốc giáo
- c. Clovis thừa nhận quyền tối cao của Giáo hoàng trong các vấn đề về thế tục.
- d. Những nguồn kế vị Clovis đã thách thức những cố gắng của Gregory để thay đổi những thông lệ của họ như việc bổ nhiệm các tín đồ làm Giám mục.

Những người cai trị thuộc dòng họ Caroline

Những người cai trị đầu tiên thuộc dòng họ Caroline đều là những đứng đầu cung điện, chứ chưa phải là những vị vua. Con trai của Pepin thuộc Heristal, là Charles Martel (714-751) đã trở nên nổi tiếng vì đã đánh bại những người theo hội giáo ở Tours (nước pháp) vào năm 732 khi họ đang tiến đến Tây âu. Ông đã ngăn cản họ xâm nhập quá vùng Địa trung hải. Charles đã làm cho giáo hội Lamã nổi giận khi ông từ chối trao trả những vùng đất của giáo hội đã bị chiếm giữ trong suốt cuộc chiến. Ông cũng đã từ chối việc thỉnh cầu của Giáo hoàng để tấn công dân Lombards ở Ý bởi vì họ đã gia nhập với ông trong việc chống trả lại Ả rập. Khi vua Charles qua đời, vương quốc của người Frank bị chia cắt giữa vòng các con trai ông, Pepin the Short (714-768) và Caroloman (714-747) người đã được nuôi dưỡng trong một tu viện ở gần Paris. Pepin đã trở thành người cai trị độc nhất sau khi Caroloman trở lại đời sống tu viện. Pepin là người đã thành lập các thể chế của Giáo hoàng. Ông được đưa lên ngôi làm vị vua đầu tiên của dòng họ Caroloman vào năm 751 bởi vị đại sứ của Giáo hoàng Boniface về Boniface, chúng ta sẽ tìm hiểu về ông trong bài 9, ông ta được biết đến như Vị sứ đồ của nước ĐứcÚ vì những nỗ lực lớn rộng của ông trong việc Cơ đốc hóa các bộ tộc. Thật ra, Boniface đã giúp Pepin làm được những cải cách quan trọng trong giáo hội của người Frank. Những nỗ lực kết hợp của họ đã mang lại một sự phục hưng về tín ngưỡng và đời sống trí thức sẽ phát triển dưới thời con trai của Pepin là Charlemagne.

Charlemagne (768-814) là người có ân tứ hơn hết trong dòng họ Charlemagne. Một nhân vật có một vẻ oai nghiêm, ông ta là một người quản trị có năng lực và là một vị vua giỏi chiến đấu. Ông đã giành được sức mạnh về quân sự, tôn giáo và trí

tuệ để khiến cho Âu châu (một thực thể chính trị mới mẽ) trở thành một thực thể Cơ đốc trên danh nghĩa trong một ngàn năm tiếp theo đó.

Trong các cuộc chinh phục về mặt quân sự, ông đã mở rộng lãnh thổ ở mọi phía. Ông chiếm đóng khu vực chung quanh Barcelona thuộc Tây ban nha. Ông đánh thắng các bộ tộc độc lập người Đức sau cùng gọi là dân Banarian và dân Saxon ở phía Tây, ông đã vét sạch dân Avar và thêm vào Đông Mark (nước Áo). Sau đó ông đã đánh bại dân Lombards vào năm 774 và trở thành vua nước Ý.

Vào ngày lễ Giáng sinh, Charlemagne được Giáo hoàng Leo đệ III đưa lên ngôi làm hoàng đế của dân Lamã. Hành động này đã tạo được những mối quan hệ thân mật bề ngoài giữa giáo hội và nhà nước. Điều đó cũng làm phục hồi đế quốc phía Đông, vùng đã phải chịu hỗn loạn trong suốt 300 năm. Bấy giờ trung tâm của nó là Tây âu, chứ không phải vùng Địa trung hải. Với sự thừa nhận của giáo hội về mặt tín ngưỡng, Charlemagne trong một vài năm đã có thể tạo được một xã hội không thống nhất, trộn lẫn những mối quan tâm về tín ngưỡng với những công việc của thế gian. Vương quốc mà Chúa Jesus đã nói "không thuộc về thế gian này" đã không thể phân biệt được với thế gian.

11. Bằng những phương cách nào, dòng họ Caroline đã trợ giúp cho thể chế Giáo hoàng?

.....  
....  
.....  
....

12. Theo bạn trong hoàn cảnh không có sự bắt bớ, mức độ thuộc linh vào giai đoạn này như thế nào?

.....  
....  
.....  
....

Sự phục hưng của dòng họ Carolingian

Nhằm giúp bạn hiểu được ảnh hưởng lớn lao mà đích thân Charlemagne đã tạo được trong việc phục hưng giáo dục và tôn giáo, chúng ta sẽ chia xẻ một ít về nền tảng bản thân của ông. Ông có thể diễn đạt hùng hồn về bất cứ điều gì. Ông nói tiếng Latin lưu loát như tiếng mẹ đẻ của mình. Ông cũng hiểu được tiếng Hylạp. Trong khi tận tâm học hỏi những đề tài nghiên cứu tự do, ông đã ủng hộ một cách rộng rãi cho vô số những người uyên bác. Chính ông cũng đã nghiên cứu học hỏi những vấn đề như ngữ pháp, thuật hùng biện, phép biện chứng (xem phần giải thích từ khó) và thiên văn học. Người huấn luyện chính của ông là Alcuin (735-804), một trợ tế người Anglo Saxon từ Anh Quốc, là người uyên bác nhất trong thời của ông.

Phần lớn thành công của Charlemagne trong việc học hỏi là nhờ Alcuin, người đã

từng chỉ huy trường học thuộc nhà thờ lớn thuộc xứ York (York Cathedral School) ở tại Anh. Năm 781 Charlemagne đã mời ông làm hiệu trưởng trường học cung điện của người Frank. Tại đó Alcuin đã đưa cả kiến thức cổ điển Latin lẫn Cơ đốc vào. Ông đã thiết lập bảy ngành (đề tài) tự do như là chương trình giảng dạy căn bản của nền giáo dục thời trung cổ của Tây Âu.

Với Alcuin như là viên tham mưu trưởng của ông về mặt văn hóa và tín ngưỡng, Charlemagne ban chiếu chỉ rằng mỗi một tu viện đều phải có một trường học. Ông viết cho hết thầy những người thuộc giáo hội mà ông kiểm soát phải chịu trách nhiệm về sự cải cách, về việc học hỏi và dạy dỗ Thánh linh. Ông cho thấy rằng những lỗi lầm về lời nói là rất tai hại và thậm chí những lỗi lầm trong sự hiểu biết lại còn nguy hiểm hơn nữa. Vì vậy ông yêu cầu họ không những chỉ học hỏi những qui trình của việc đọc và viết mà còn học hỏi tất cả những môn học giúp họ hiểu được những huyền nhiệm của Kinh thánh. Ông muốn họ là những người lính giỏi của Hội Thánh "thành kính trong tâm trí, hiểu biết sâu rộng trong việc giảng thuyết, trong sáng về phẩm hạnh và hùng hồn trong lời nói". Kết quả họ có năng lực huấn luyện người khác với sự khôn ngoan sâu rộng.

Bằng cách ấy, Charlemagne đã tìm đề huấn luyện đủ số các Linh mục để lãnh đạo việc thờ phượng khắp đế quốc. Những nỗ lực của ông có ảnh hưởng sâu rộng nhất so với những nỗ lực từ thời Cassiodorus (bài 6). Sự phục hưng văn hóa tiếp theo đó đã giúp hoàn thành khái tượng của ông về một xã hội Cơ đốc trong đó không còn sự phân biệt giữa nhà nước và giáo hội.

Về mặt cai trị, Charlemagne đã tạo dựng một hệ thống hữu hiệu để giám sát đế quốc rộng lớn của mình. Ông chia đế quốc làm nhiều vùng do các công tước quản trị. Sau đó ông sai phái cả những sứ giả thuộc hàng giáo phẩm lẫn tín hữu được gọi là Missidominici để thanh tra những phiên tòa của những công tước khác nhau. Họ phải đảm bảo rằng công lý và phẩm hạnh Cơ đốc đang được củng cố. Ngay cả Giáo hoàng cũng không được miễn trừ khỏi hệ thống giám sát của Charlemagne.

13. Mục tiêu lớn lao của Charlemagne là nhằm

- a. Chinh phục thế giới
- b. Đem lại một xã hội Cơ đốc
- c. Chiếm quyền của chức vụ Giáo hoàng
- d. Tất cả những điều kể trên.

14. Hãy kể những lý do khiến có sự phục hưng lớn về mặt văn hóa khắp các quốc gia Cơ đốc giáo (cộng đồng Cơ đốc)

.....

....

.....

....

15. Điều gì dường như phải là mục tiêu cuộc phục hưng về mặt văn hóa?

.....

....

.....

....

## SỰ NỔI LÊN CỦA ĐẾ QUỐC LA MÃ THÁNH

### Chế độ phong kiến

Những người kế nhiệm Charlemagne đã không đủ năng lực để duy trì đế quốc mà ông ta đã xây dựng. Con trai ông là Louis The Pious (814-840) là một nhà cai trị yếu đuối, đã sử dụng nguyên tắc Gieec-manh xưa cũ trong việc chia đất đai giữa vòng các con trai mình. Suốt trong ba năm họ tranh chiến lẫn nhau để dành ưu thế. Thế rồi vào năm 843, họ đã chia vương quốc theo hiệp ước Verdun. Louis nhận phần đất phía Đông, đã trở thành nước Đức hiện đại. Charles The Bald nhận phía Tây, nay là nước Pháp. Lothair giữ phần chính giữa, về sau trở thành nguyên nhân xung đột giữa Đức và Pháp. Lothair cũng giữ tước hiệu Hoàng Đế. Đế quốc của dòng họ Caroline nhanh chóng bị phân hủy.

Suốt cuối thế kỷ thứ 9 và thế kỷ thứ 10, dân Vikings từ phía Bắc và dân Magyar từ Châu á đã xâm lăng Tây âu. Trước hai nạn đề: Một chính phủ bị phân quyền, và nạn các bộ tộc xâm lăng dân chúng bắt đầu trông đợi sự bảo vệ của các lân bang mạnh hơn. Một hệ thống chính quyền và xã hội được gọi là chế độ phong kiến chẳng bao lâu đã được triển khai, trong đó những liên hệ về chính trị và xã hội giữa vòng những người tự do được xác định bằng một sự thỏa thuận.

Hệ thống phong kiến gồm ba yếu tố. Thứ nhất là sự ràng buộc cá nhân giữa lãnh chúa (người mạnh hơn) và kẻ chư hầu (người yếu hơn). Bằng sự thỏa thuận của hợp đồng họ có chung nghĩa vụ và quyền lợi. Kẻ chư hầu phải cung ứng sự phục vụ quân sự và những trợ giúp khác cho chúa mình, trong khi vị lãnh chúa ấy phải đem lại sự bảo vệ và tiền chu cấp cho những kẻ chư hầu của mình.

Yếu tố thứ hai là đất ruộng, là một mảnh đất được giao cho kẻ chư hầu quản lý. Một số các đồng ruộng tạo thành một trang viên nhất định hầu như phải cùng nhau tự cấp dưỡng, có lẽ ngoại trừ việc cung cấp muối hoặc sắt cho họ. Lưu ý cách bố trí của một trang viên tiêu biểu ở hình 1.

Yếu tố thứ ba có liên quan đến chính quyền. Quyền lực chính trị nằm trong tay của những cá thể tư nhân hoặc các nhà quý tộc hơn là những tác nhân của một nhà nước tập trung. Mỗi ông chủ lại lần lượt làm kẻ chư hầu của một người khác, làm cho xã hội thời trung cổ được tổ chức thành khối hình tháp phức tạp của chế độ phong kiến với nhà vua đứng đầu.

## TRANG VIÊN THEO KIỂU PHONG KIẾN

Lâu đài của trang viên: Nhà của chủ

A-J: Các nhà của nông dân

Đất hoang: Cũi để chum



Các vùng đất của điền chủ

Các vùng đất của giáo hội

Những dải đất đánh chữ A-J: Những cánh đồng mùa vụ

Bởi vì giáo hội làm chủ rất nhiều đất đai, nên đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi chủ nghĩa phong kiến. Các Giám mục và các trưởng tu viện phải trở thành người kiểm soát những vùng đất ruộng rộng lớn khi những người nam, người nữ mộ đạo dâng tặng đất đai cho giáo hội. Là những người sở hữu mới mẽ, các chư hầu thuộc giáo hội này sở hữu những thứ nhất định đối với những lãnh chúa địa phương. Hội thánh trở nên bị thế tục hóa khi ngày càng chăm vào việc quản lý tài sản và đất ruộng của mình, và ngày kém lưu ý đến những vấn đề thuộc linh. Các chư hầu thuộc giáo hội phải đối đầu với một nan đề là lòng trung thành bị chia đôi giữa các lãnh chúa thế tục với Giáo hoàng hay vị lãnh chúa thuộc linh.

Giới quý tộc hay can dự để giành được các chức vụ trong giáo hội cho các mối quan hệ của họ bởi vì họ có thể có được ưu thế và đất đai qua việc phụng sự giáo hội. Những người không thuộc linh thường được bổ nhiệm vào các địa vị trong giáo hội. Điều đó đã dẫn đến sự tranh cãi trong việc phong chức tước ở các thế kỷ 11 và 12. Câu hỏi đặt ra là có phải vị lãnh chúa phong kiến hoặc vị Giáo hoàng phải cấp cho kẻ chư hầu phong kiến thuộc giáo hội những vật tượng trưng cho uy quyền của mình không?

Chủ nghĩa phong kiến còn có một tác động tiêu cực khác đối với những quốc gia theo Cơ đốc giáo. Đó là nó đề cao chiến tranh, như vậy là tấn công vào những đạo lý Cơ đốc đặt trọng tâm vào việc yêu thương kẻ lân cận.

16. Điều gì đã dẫn đến sự nổi lên của chủ nghĩa phong kiến

.....  
...  
.....  
...

17. Khoanh tròn mẫu tự đứng trước mỗi câu ĐÚNG có liên quan đến chủ nghĩa phong kiến.

- Chủ nghĩa phong kiến là một hệ thống có tổ chức về mặt chính trị và xã hội.
- Nó bắt nguồn ở Tây Âu trước thời Charlemagne trị vì.
- Nó đem lại một hình thức tập trung thuộc chính quyền
- Nền tảng của chủ nghĩa phong kiến là một sự thỏa thuận có hợp đồng giữa một lãnh chúa và một người chư hầu.
- Sức mạnh chính trị do các cá thể tư nhân nắm giữ nhiều hơn là các tác nhân của chính quyền.
- Kẻ chư hầu quản lý một mảnh đất.

18. Giải thích chủ nghĩa phong kiến đã đưa đến sự thế tục hòa của Hội Thánh như thế nào.

.....  
.....  
.....  
Otto đệ I

Trong việc suy giảm sức mạnh bành trướng tiếp theo sau cái chết của Charlemagne, Giáo hoàng bắt đầu giành thế chế được uy thế hơn những kẻ cầm quyền thế tục. Hãy nhớ rằng các chúc thư và những văn kiện khác đã xuất hiện trong thời kỳ này. Giáo hoàng Nicholas đã thực hiện một số tiến bộ nào đó trong việc khôi phục lại uy quyền đối với thế chế Giáo hoàng, nhưng những ảnh hưởng bại hoại của chủ nghĩa phong kiến vẫn tiếp tục tác hại đến giáo hội lẫn nhà nước. Những người Hung-ga-ry thuộc bộ tộc Slavic đang xâm lăng vùng đất phía Đông đế quốc của Charlemagne bấy giờ thuộc quyền Louis người Đức. Cần phải hiệp nhất để chống lại các lực lượng này. Các công tước của nước Đức đã chọn Herry the Fowler, công tước của vùng Saxon làm người lãnh đạo họ, vào năm 919 ông đã đánh đuổi quân xâm lược một cách thành công. Chính con trai ông là Otto, với tư cách là vua của người Đức (936-973) đã được Giáo hoàng John đệ XII (955- 964) đưa lên ngôi hoàng đế của đế quốc Lamã Thánh vào năm 962. Đế quốc này gồm cả lãnh thổ của nước Đức và Ý, kéo dài cho đến năm 1806. Lưu ý cách ranh giới của nó trên bản đồ trang bài 9 "sự lan rộng của Cơ đốc giáo 600-1300"

Đế quốc Lamã Thánh là "thuộc về Lamã" chỉ trong nhận thức rằng Otto đã phục hưng ý tưởng bành trướng cho rằng hết thảy mọi người đều là một và rằng một quốc gia phải thống nhất họ. Nó chỉ phổ thông về lý thuyết trong sự nhận thức của việc là người bảo vệ của Hội Thánh phổ thông. Danh hiệu "thánh" không còn được dùng luôn cho đến thế kỷ thứ mười hai.

Cùng với sự phục hưng của ý tưởng bành trướng Otto đã tái đề xướng sự kinh địch giữa giáo hội và nhà nước. Thay vì tạo dựng một chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia hùng cường từ nước Đức, Otto và những người kế vị của ông tiếp tục làm cạn kiệt nguồn tài nguyên của người Đức bằng việc can thiệp vào các công việc của Giáo hoàng ở tại Ý. Điều đó kéo dài cho đến thời Giáo hoàng Innocent đệ III chấm dứt sự can thiệp của người Đức vào Ý ở đầu thế kỷ thứ mười ba.

Đế quốc Lamã Thánh, có nền tảng nằm dưới dòng họ Carolingian, đã được tạo dựng dưới dòng họ của những người cai trị dân Đức, Salian. Những vị hoàng đế người Đức này đã lập một chế độ chính trị thần quyền (luật lệ nhà nước được tin là của Chúa), tự làm cho họ thành ra cái đầu của Hội Thánh. Họ coi chức vụ hoàng đế của họ như là một chức vụ thuộc hàng giáo phẩm. Họ bổ nhiệm các Giám mục, các tổng Giám mục, và các cha trưởng tu viện. Thậm chí họ còn truất phế các Giáo hoàng và bổ nhiệm các tân Giáo hoàng. Quyền tự do của họ lớn mạnh nhất trong suốt chức vụ của hoàng đế của Herry đệ III (1039-1056).

19. Đế quốc Lamã Thánh là gì?

.....  
...

20. Việc lên ngôi của hoàng đế Otto đệ I của đế quốc Lamã Thánh do Giáo hoàng John đệ XII tôn vương đã tạo ra.

- a. Sự hợp tác trọn vẹn giữa giáo hội và nhà nước.
- b. Quyền tối cao giành cho chế độ Giáo hoàng là uy quyền đã phong vương cho Otto.
- c. Một cuộc đấu tranh mạnh mẽ tái diễn giữa Giáo hoàng và hoàng đế.
- d. Một mối quan hệ hòa bình giữa hoàng đế và Giáo hoàng

21. Quan điểm thể chế thần quyền về việc cai trị của các hoàng đế đã ảnh hưởng thế nào đến thể chế Giáo hoàng?

.....  
...

.....  
Cuộc chiến giành ưu thế giữa những người lãnh đạo giáo hội và những lãnh tụ chính quyền dân sự theo Cơ đốc giáo đã bắt đầu suốt thời kỳ này. Không bên nào chịu phân biệt thẩm quyền thuộc linh với thẩm quyền dân sự. Vì vậy, không có sự phân biệt giữa giáo hội và nhà nước hoặc giữa đời sống thánh và đời sống thế tục. Song, chúng ta sẽ thấy hậu quả là Hội Thánh ngày càng bị thế tục hóa.

### Bài tự trắc nghiệm

CÂU LỰA CHỌN . Khoanh tròn một mẫu tự đứng trước một câu đúng nhất .

- 1. Giáo hoàng Gregory đệ I được gọi là đại Giáo hoàng vì
  - a. Việc ông đã định hướng cho hệ thống Thiên Chúa giáo thời trung cổ.
  - b. Việc ông củng cố giáo hội qua chế độ Giáo hoàng.
  - c. Những thành công phi thường của ông về mặt lãnh đạo thế tục lẫn thuộc linh.
  - d. Tất cả những điều kể trên.
- 2. Giáo hoàng Gregory đệ I xuất thân từ một nền tảng
  - a. Giàu có và được huấn luyện hoàn hảo
  - b. Gia đình thấp kém
  - c. Ngoại giáo
  - d. Nghèo nàn và khắc khổ
- 3. Ảnh hưởng của Giáo hoàng Gregory trên giáo lý, đời sống, và sự thờ phượng của Hội Thánh đã dẫn đến
  - a. Việc đơn giản hóa những cơ cấu và hình thức phức tạp.
  - b. Gia tăng tính thuộc linh của Hội Thánh

- c. Việc ngày càng vật chất hóa sự thờ phượng
  - d. Việc giảm bớt sự mê tín trong giờ thờ phượng
4. Đời sống và sự thờ phượng trong thời Giáo hoàng Gregory đệ I được đặc trưng bởi tất cả những điều này NGOẠI TRỪ.
- a. Một bản tính lịch thật tỉ mỉ của giáo hội
  - b. Việc thực hành hai nghi lễ mà thôi
  - c. Những ảnh hưởng ngoại giáo
  - d. Việc ăn mặc những chiếc áo dài đặc biệt của hàng giáo phẩm
5. Quyền lực của thể chế Giáo hoàng gia tăng với
- a. Những nỗ lực với những người kế vị hùng mạnh của Gregory đệ I
  - b. Sự suy sụp của những nhà kế tục hùng mạnh
  - c. Sự xuất hiện của các văn thư ủng hộ cho quyền lực của chế độ giáo hoàng.
  - d. Tất cả những điều kể trên.
6. Văn thư đáng tin cậy duy nhất trong số các văn thư sau đây là.
- a. Các chúc thư giả mạo của Isodorian
  - b. Sự dâng tặng của Constantine
  - c. Sự dâng tặng của Gregory
  - d. Sự dâng tặng của Pepin
7. Trước sự nổi lên của chế độ bành trướng đế quốc dưới thời Clovis đệ I thuộc xứ Gaul, thể chế Giáo hoàng đã trải qua một.
- a. Sự suy sụp đột ngột về quyền lực và địa vị.
  - b. Sự trào dâng trong việc sử dụng quyền tối cao
  - c. Sự hậu thuẫn ngày càng tăng kèm với một sự thách thức đối với thẩm quyền của Giáo hoàng
  - d. Sự chia rẽ khỏi những vấn đề thế tục ngày càng tăng
8. Người cai trị có ân tứ nhất trong dòng họ Carolingian là
- a. Charlemagne
  - b. Charles Martel
  - c. Pepin the Short
  - d. Clovis
9. "Sự phục hưng của dòng họ Carolingian" phát triển dưới thời của
- a. Clovis
  - b. Charles Martel
9. "Sự phục hưng của dòng họ Carolingian" phát triển dưới thời của
- a. Clovis
  - b. Charles Martel
  - c. Charlemagne
  - d. Pepin the Short
10. Điểm mấu chốt đối với sự phục hưng văn hóa theo các nước theo Cơ đốc giáo là nằm trong.

- a. Việc giáo dục đào tạo hàng giáo phẩm
  - b. Việc kiểm soát lối sống
  - c. Việc cung ứng những sự kiện về văn hóa
  - d. Việc gia tăng những lễ nghi tôn giáo
11. Chế độ phong kiến là một hình thức chính quyền thời trong cổ
- a. Tập trung quyền lực chính trị
  - b. Cải thiện các mối quan hệ giữa giáo hội và nhà nước
  - c. Củng cố đế chế
  - d. Phân hóa sức mạnh chính trị.
12. Chế độ phong Kiến đã ảnh hưởng đến giáo hội
- a. Rất ít
  - b. Bởi việc làm suy yếu những quyền ưu tiên của giáo hội.
  - d. Bởi việc làm cạn kiệt những nguồn tài nguyên của giáo hội
13. Khi đế quốc Lamã Thánh nổi lên hùng mạnh dưới thời Otto đệ I và những người kế vị ông, giáo hội
- a. Được ích lợi phần lớn từ sự ủng hộ mà giáo hội nhận được
  - b. Đã chịu đựng một sự thử thách lớn đối với thẩm quyền của nó.
  - c. Đã sử dụng pháp quyền phải lẽ của nó trong những vấn đề thuộc linh.
  - d. Đã quy định quyền hành của các nhà cai trị thế tục.
14. Ghép cặp những nhân vật với những đóng góp của họ đối với các quốc gia Cơ đốc
- 1) Alcuin
  - 2) Charlemagne
  - 3) Charles Martel
  - 4) Clovis
  - 5) Pepin the Short
- .....a. Đã cho phép các chính quyền do Giáo hoàng chỉ phối cho thể chế của Giáo hoàng.
- .....b. Đã đánh bại những người theo hội giáo ở Tours
- .....c. Thiết lập giáo trình cho nền giáo dục của Tây âu thời trung cổ.
- .....d. Khôi phục sự học hỏi và tín ngưỡng khắp đế quốc của ông
- .....e. Chuyển sự mâu thuẫn của xứ Gaul cho thể chế Giáo hoàng vì sự quy đạo của ông.

**CÂU TRẢ LỜI NGẮN . Hoàn tất câu sau đây càng ngắn càng tốt .**

15. Liên hệ đời sống thuộc linh với đời sống thế tục trong các nước theo Cơ đốc giáo suốt thời kỳ này

.....  
 ....

.....  
.....  
Giải đáp các câu hỏi của bài học

11. Câu trả lời của bạn. Họ đã bảo vệ Tây đế quốc khỏi bị người Hồi giáo kiểm soát, họ cho phép sự sở hữu của quyền lực Giáo hoàng về các chính quyền do Giáo hoàng chi phối, và họ đã mở rộng thêm nhiều cho vùng đất Cơ đốc.

1. Ông đã phản đối việc giáo trưởng thành Constantinople tự xưng mình là Giáo trưởng của cộng đồng giáo hội. Đó là điều gợi ý pháp quyền của ông ta trên cả mọi người.

12. Câu trả lời của bạn. Ông đã củng cố địa vị của Giáo hoàng bằng việc cho họ quyền quản trị, ông không cho John the Faster giữ tước hiệu Giám mục Giáo hoàng.

14. Câu trả lời của bạn. Charlemagne là một người học rộng với nhiều tài năng. Ông có cơ hội tiếp cận với sự tinh thông và khôn ngoan của Alcuin. Ông có một tầm nhìn về xã hội Cơ đốc. Ông có sức mạnh về chính trị và quân sự, cùng với sự kết ước về niềm tin.

4. Câu trả lời của bạn. Gregory đã xem các thánh lễ là thiết yếu cho sự cứu rỗi của con người, là điều lệ thuộc vào các việc làm, chứ không phải đức tin.

15. Câu trả lời của bạn. Nó buộc phải tạo được một xã hội Cơ đốc trong đó mọi người hiểu biết và sống theo những lẽ thật của Kinh thánh chẳng hạn như sống một đời sống công bình và tin kính.

5. Câu trả lời của bạn. Giáo hội kiểm soát phương cách cứu rỗi và Giáo hoàng là đầu của Hội Thánh.

16. Hai nguyên nhân chính là: Sự phân hóa về chính quyền ngày càng gia tăng do việc chia cắt đế quốc của Charlemagne và các bộ tộc xâm lăng đã khiến cho các cá nhân tìm kiếm sự bảo vệ nơi các nước láng giềng.

6. Câu trả lời của bạn. Hội thánh thời các sứ đồ đã không có một hệ thống thần học cầu kỳ. Giáo lý được tóm tắt trong một bài tín điều đơn giản: Tôi tin Chúa Cứu thế Jesus là Con của Đức Chúa Trời ([Cong Cv 8:37](#)) không có thứ bậc phức tạp về các quyền hành của hàng giáo phẩm; Các trưởng lão và trợ tế giữ chức vụ lãnh đạo. Không có một hệ thống thánh lễ cứng nhắc; sự thờ phượng đơn giản và thường ở tại các nhà riêng. Đặc trưng của Hội Thánh thời các sứ đồ là tính đơn sơ và linh động chứ không phải tính phức tạp cứng nhắc.

17. a. Đúng.

b. Sai

c. Sai

d. Đúng

e. Đúng

f. Đúng

7. Câu trả lời của bạn. Nó đã hậu thuẫn cho sức mạnh của chế độ Giáo hoàng bởi việc ban tặng những sở hữu thế tục được gọi là các chính quyền do Giáo hoàng chi phối.

18. Câu trả lời của bạn. Những người thuộc về giáo hội cũng như mọi người khác đều trở thành những kẻ lệ thuộc khi họ quản lý đất ruộng. Họ trở nên bị thu hút bởi việc kiếm của cải và xao lãng những việc thuộc linh. Họ đã nhận chia lòng trung thành giữa các ông chủ phong kiến với vị Giáo hoàng

8. Câu trả lời của bạn. Dường như chúng đã hợp pháp hóa sự xung nhận của thể chế giáo Hoàng về quyền tối cao trong những vấn đề thuộc linh lẫn thế tục.

19. Đó là một thực thể chính trị gồm Đức và Ý hoạt động một mặt, như người bảo vệ phổ thông, một mặt tìm cách kiểm soát giáo hội.

9. Câu trả lời của bạn. Nó đã làm vững mạnh thể chế Giáo hoàng qua việc mở rộng bờ cõi thuộc quốc gia theo Cơ đốc giáo và cũng đã thách thức uy quyền của Giáo hoàng với tư cách người cai trị tối cao trong các vấn đề thuộc linh như là việc bổ nhiệm các Giám mục.

20. c. Một cuộc đấu tranh mạnh mẽ tái diễn giữa Giáo hoàng và hoàng đế.

10. a. Đúng

b. Sai

c. Sai

d. Đúng

21. Câu trả lời của bạn. Các hoàng đế được coi họ như những nhà lãnh đạo được bề trên chỉ định, điều đó làm giảm giá trị về những lời công bố của Giáo hoàng về quyền tối cao trong các công việc của giáo hội.

## BÀI HỌC 9: Đời Sống Thuộc linh và các Sinh Hoạt của Hội Thánh

Một số các nhà viết sử Hội Thánh gọi giai đoạn từ năm 590 đến năm 1054 là Những Thời Kỳ Ám Thế. Có một sự suy thoái nghiêm trọng trong nhiều lãnh vực của đời sống Hội Thánh. Trong việc liên kết giữa giáo hội với nhà nước, mà chúng ta đã nghiên cứu trong bài vừa qua, Hội Thánh đã tự làm hại chính mình trong những rắc rối chính trị. Tình trạng vô đạo đức đã bắt rễ khi giới lãnh đạo Hội Thánh ngày càng trở nên vật chất hóa và giảm sút về mặt thuộc linh. Vào cùng thời điểm đó, một tôn giáo mới được gọi là Hồi giáo nổi lên và đã chinh phục những vùng đất rộng lớn đã từng là một phần thuộc thế giới Cơ đốc.

Lịch sử của Cơ đốc giáo bày tỏ không biết bao nhiêu lần khả năng đáng ngạc nhiên của Hội Thánh trong việc cải cách và tự làm tươi mới chính mình, để phản ứng trước những sự áp lực và những sự đe dọa, và để truyền giáo. Bất chấp việc mất mát lãnh thổ cho hồi giáo cũng như việc bị tổn thất ngày càng tăng về mặt thuộc linh, nhất là về quyền của Giáo hoàng, Hội Thánh đã gieo ra những hạt giống phục hồi và cứ tiếp tục lan rộng. Nhờ những cố gắng của những nhà truyền giáo tận tụy, giáo hội Lamã đã truyền giáo cho Anh, Đức và Scandinavia. Giáo hội Hy Lạp thì

nhắm vào các nước thuộc Tây Âu và nước Nga.

Sự ganh đua trong công tác truyền giáo giữa các Hội Thánh phía Tây và phía Đông chỉ là một dấu hiệu của sự ly giáo không thể tránh được đã phân chia họ luôn. Vào năm 1054 giáo hội mà trước kia đã xưng là một cộng đồng chung bấy giờ đã chính thức thành ra hai giáo hội giáo hội Công giáo Lamã và giáo hội chính thống Hylạp. Trong bài học này, khi nghiên cứu về đời sống thuộc linh và những sinh hoạt của Hội Thánh thời trung cổ, bạn nên xem xét cách kỹ lưỡng chính Hội Thánh của bạn. Hãy tìm kiếm những sự chỉ dẫn dành cho đời sống thuộc linh của mỗi thông công của bạn. Hãy lưu ý bất cứ lãnh vực nào cần được cải thiện.

Tình trạng thuộc linh của Hội Thánh

Sự sa sút của thể chế Giáo hoàng

Những hạt giống của sự phục hồi

Sự bành trướng Cơ đốc giáo

Sự nổi dậy của Hội giáo

Giáo hội Tây phương trong các Hội truyền giáo

Sự ly giáo trong Hội Thánh

Nguồn gốc của Giáo hội chính thống Hylạp

Giáo hội phía Đông trong các Hội truyền giáo

Khi học xong bài này bạn có thể:

Ừ Mô tả nhu cầu cải cách về mặt thuộc linh trong Hội Thánh

Ừ Phát hiện sự bành trướng về mặt của Cơ đốc giáo về phía Bắc bắt chấp sự đe dọa của Hội giáo.

Ừ Giải thích những lý do của sự chia cắt giữa các Hội Thánh ở phía Tây với phía Đông.

1. Nghiên cứu bài học này và làm bài tự trắc nghiệm theo những chỉ dẫn ở bài 1.
2. Nghiên cứu các bản đồ trong bài học này.
3. Ôn lại từ bài 6 đến bài 9 để chuẩn bị cho phần Đán Giá Tiến Bộ Đơn Vị 3.

Rút phép thông công.

Chế độ Giám mục quản lý.

Tranh tượng Thánh.

Chủ trương đã phá các hình tượng.

người Mông cổ.

Tây vị phẩm trật

Thô ngữ

Tột đỉnh

**TÌNH TRẠNG THUỘC LINH CỦA HỘI THÁNH**

Sự sa sút của thể chế Giáo hoàng

Với sự nổi dậy của chế độ bành trướng đế quốc, thể chế Giáo hoàng tự thấy mình ở



trong vị trí bình địch với các vua và các Giáo hoàng về thẩm quyền trong thế giới Cơ đốc. Giáo hoàng Nicholas đệ I (858-867) hơn bất cứ vị giáo hoàng nào ở vào giai đoạn từ Gregory đệ I đến Gregory đệ VII (1073-1085) đã tìm cách nâng cao quyền lực của Giáo hoàng trên quyền kiểm soát dân sự. Ông đã sử dụng các chiếu chỉ giả hiệu của Isidorius để bênh vực cho lời xưng nhận của Giáo hoàng về quyền tối cao trên cả giáo hội lẫn thẩm quyền của thế tục. Tuy nhiên từ cuối thế kỷ thứ chín cho đến giữa thế kỷ thứ mười một, chế độ Giáo hoàng đã trải qua mức sa sút thấp nhất trong cuộc chiến về quyền lực.

Hết thảy thế giới Cơ đốc ở phía Tây bị suy yếu. Quốc gia của dòng họ Carolingian đang bị phân hủy dưới thời những người kế vị nhu nhược sau Charlesmagne. Dân Viking từ Bắc Âu và dân Magyar từ Đông Âu đang xâm lăng đế quốc, người Hồi giáo tiếp tục tấn công ở phía Nam. Vào thế kỷ thứ mười, trật tự dân sự và nền văn hóa bị sụp đổ ở tại Châu Âu. Thế chế Giáo hoàng không còn sự bảo vệ.

Việc bổ nhiệm các Giáo Hoàng giữa giai đoạn 955-1047 rơi vào tay của giới quý tộc Ý. Họ biến chế độ Giáo hoàng thành một giải thưởng phải giành mới được. Tự nhiên là có sự bại hoại ngày càng gia tăng về mặt đạo đức và thuộc linh giữa vòng các Giáo hoàng. Giới quý tộc cũng kiểm soát trên các giáo khu và các tu viện khắp trong thời kỳ này, chế độ phong kiến đã ảnh hưởng bất lợi đến giáo hội. Các tín đồ đã cung cấp đất đai và các công trình xây dựng cho các Hội Thánh và lựa chọn hàng giáo phẩm cho chính họ. Tệ buôn bán các phẩm trật trong giáo hội ( gọi là Simony) lan tràn. Hàng giáo phẩm trở nên ngày càng ngu dốt và vô đạo đức.

Chính trong giai đoạn thống trị của vị Giáo hoàng vô luân John đệ XII (955-964) mà vua người Đức Otto đệ I, đã nổi lên nắm quyền. Sau khi được Giáo hoàng John phong vương hoàng đế của đế quốc Lamã Thánh. Otto đã truất ông ta và chỉ định một tín đồ vào vị trí của ông ta. Các vị hoàng đế kế nhiệm tiếp tục can thiệp vào những công việc của Giáo hoàng trong khi uy quyền bành trướng đã lên đến tột đỉnh của nó dưới thời các hoàng đế Herry đệ II (1002-1024) và Herry đệ III (1039-1056) trong thời từ Giáo hoàng Nicholas đệ I đến Giáo hoàng Leo đệ IX (1049-1054) có hơn 40 Giáo hoàng. Ngay trước việc bổ nhiệm Leo, có ba người đã xưng là Giáo hoàng.

1. Từ cuối thế kỷ thứ chín cho đến giữa thế kỷ thứ mười một thế giới Cơ đốc.

- a. Đang phân hóa về mặt chính trị
- b. Bị dân Viking và dân Magyar xâm lăng
- c. Bị những vị Giáo hoàng nhu nhược vô đạo đức lãnh đạo
- d. Tất cả những điều kể trên

2. Mô tả sự ngang nhau về quyền lực trong cuộc đấu tranh của các Giáo hoàng chống lại các vua và các hoàng đế.

.....  
.  
.....

Những hạt giống của sự phục hồi

Trong suốt giai đoạn của các Giáo hoàng vô đạo đức cũng như ngay trước thời kỳ này, những mầm móng của sự cải cách đã được gieo ra trong Hội Thánh từ thời Otto đệ I cho đến Herry đệ III đạt đến tột đỉnh về quyền lực, thì Hội Thánh bắt đầu tìm những cách để làm suy yếu sự kiềm kẹp của họ đối với những vấn đề thuộc linh.

Đời sống tu viện bị hư hoại một cách tồi tệ. Các tu sĩ đã thay thế quan niệm phục vụ bằng một quan niệm của một đời sống để giải trong một tu viện giàu có. Khi những nhu cầu "trọng lâm" bị xao lãng, thì sự cải cách về mặt thuộc linh là điều cần thiết. Một phong trào cải cách đã bắt đầu vào năm 910 trong một tu viện được thành lập ở tại Cluny, Pháp. Điều khơi mào phong trào là do có sự đổi mới trong việc cho phép các tu sĩ được chọn lựa vị trưởng tu viện của họ mà không có sự can thiệp từ bên ngoài. Vị trưởng tu viện được tự do khỏi mọi kiểm soát của chế độ Giám mục quản lý cũng như quyền lực thế tục. Ông ta chịu trách nhiệm trực tiếp đối với Giáo Hoàng, chứ không phải với các Giám mục địa phương. Hãy nhớ rằng các Giám mục địa phương thường do những nhà cầm quyền dân sự bổ nhiệm và kiểm soát.

Sự cải cách chung đã lan khắp nước Pháp đến Anh quốc và cuối cùng đến nước Ý vào thế kỷ thứ mười một. Tột đỉnh của nó là đã có 1000 trung tâm chung ở tại Âu châu. Một trong những điều nhấn mạnh chính yếu của nó là sự khôi phục nguyên tắc Benedictine, với việc gia tăng tập trung vào sự thờ phượng và giảm xuống yêu cầu về lao động thân thể.

Sự cải cách Clunian đã ảnh hưởng không những đến đời sống tu viện mà cả đời sống thế tục và đời sống của hàng giáo phẩm. Nâng cao những tiêu chuẩn về đạo đức và đời sống độc thân của hàng giáo phẩm. Lên án nạn lạm dụng buôn bán phẩm trật trong giáo hội và được bổ nhiệm những người bà con vào các chức vụ trong Hội Thánh (nạn tây vị phẩm trật). Phong trào đã dẫn đến việc giải phóng Hội Thánh phần nào khỏi sự kiểm soát của thế gian, trần tục. Vào khoảng giữa thế kỷ thứ mười một, thể chế Giáo hoàng ra chiếu chỉ rằng các Giáo hoàng tương lai phải do những thành viên của Hồng y đoàn tuyển chọn. Các Giáo hoàng sẽ không còn là những kẻ bị giật dây về mặt chính trị nữa. Hoặc ít ra như điều Hội Thánh đã suy nghĩ.

Mĩa mai thay, Hoàng đế Herry đệ III đã giúp cho chế độ Giáo hoàng lên đến chỗ tự do. Ông ta tập trung vào việc cải cách giáo hội dưới quyền lãnh đạo của mình. Tuy nhiên, các nhà cải cách của giáo hội có thể biến những nỗ lực của ông ta thành ra những mục tiêu của họ.

Để đối phó trước cuộc chiến dưới chế độ phong kiến trong thế kỷ thứ mười một, giáo hội đã ban bố một cấm lệnh mang tên "sự hòa bình của Chúa" nhằm tránh những cuộc tranh chấp riêng tư những cuộc tấn công vào những con người không

có vũ trang, việc trộm cắp và cướp phá những nơi thánh. Giáo hội cũng ban bố lệnh "Sự Ngung Chiến Của Chúa" để cấm việc giao chiến kể từ chiều tối thứ tư cho đến sáng thứ hai và vào những ngày lễ. Hội thánh đang tìm cách lập lại trật tự sau những hỗn loạn và giảm bớt những sự tàn bạo của thời kỳ đó.

Cả tín hữu lẫn hàng giáo phẩm đều nhìn nhận nhu cầu cần phải cải cách trong giáo hội. Cuộc tranh chiến quan trọng là phải xác định ai sẽ kiểm soát giáo hội trong cuộc cải cách đó. Chúng ta sẽ thấy kết quả của cuộc chiến đấu này trong bài tiếp theo. Trong lúc đó chúng ta sẽ bàn luận sự bành trướng của Cơ đốc giáo qua các hội truyền giáo ở phái Tây và sau đó tập trung vào giáo hội phía Đông và những sự kiện dẫn đến sự tuyệt giáo cuối ngày giữa hệ thống Công giáo Lamã với giáo hội chính thống Hylạp.

3. Phong trào cải cách chung đã bắt đầu ở

- a. Nước Pháp
- b. Nước Anh
- c. Nước Ý
- d. Nước Đức

4. Một chiến thắng quan trọng của phong trào Clunic là

- a. Sự ràng buộc chặt chẽ hơn với các giáo khu ở địa phương
- b. Gia tăng sự chú trọng vào lao động thân thể.
- c. Sự tự do khỏi quyền soát của thế tục
- d. Tất cả những điều kể trên

5. Sự cải cách chung đã có ảnh hưởng gì trên đời sống của hàng giáo phẩm?

.....  
..  
.....  
..

6. Sự phục hưng dường như là sản phẩm phụ của cuộc tranh chiến lớn giữa những giáo hội và hàng giáo phẩm nhằm kiểm soát giáo hội. Hãy giải thích vấn đề có nghĩa là gì.

.....  
..  
.....  
..  
.....  
..

## SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA CƠ ĐỐC GIÁO

Sự nổi lên của Hội giáo

Sự ra đời của tôn giáo quan trọng thứ ba theo thuyết độc thân. Hội giáo, đã có ảnh hưởng lớn đến giáo hội Cơ đốc. Chịu ảnh hưởng bởi Do thái giáo, Cơ đốc giáo và Bái hỏa giáo. Hội giáo đã trở thành kẻ thù lớn nhất của Cơ đốc giáo thời trung cổ.

Đông đế quốc và giáo hội đã chiến đấu chống lại nó cho đến khi quân Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ cuối cùng đã chinh phục Đông đế quốc vào năm 1453, đặt Đông giáo hội dưới quyền kiểm soát chính trị Hồi giáo. Sau thời trung cổ, nền văn minh Hồi giáo đã trở thành một cộng đồng xã hội phổ biến nhất trên đất.

Mohammed người Mecca ở tại Arabia (570-632) là một người điều khiển lạc đà, đã lấy người đàn góa giàu có, là nhà sáng lập của đạo Hồi. Ông dành nhiều thì giờ để suy gẫm. Vào năm 610 ông cảm nhận sự kêu gọi thiêng liêng để công bố thuyết một thần. Sự giảng dạy của ông chống lại việc thờ hình tượng khiến phải gánh chịu cơn thịnh nộ. Tuy nhiên bởi điều đó ông phải trốn đến Medina vào năm 622 khoảng năm 680 ông có đông đảo người theo mình đến nỗi ông đã chiếm được Mecca. Trong vòng hai năm, hết thảy người Ả rập đều theo Hồi giáo. Trong vòng một trăm năm sau khi Mohammed qua đời, Hồi giáo đã quét sạch giáo hội Cơ đốc ở tại Bắc Phi và làm suy yếu Hội Thánh ở các vùng khác thuộc Phi châu khi người Ả rập chinh phục các vùng đất khác, Hồi giáo đã lan rộng thành hình lưới liềm khắp Sy-ri và xứ Palestine cũng như hết thảy vùng Ba tư cho đến biên giới của Đông đế quốc ở phía Đông và khắp vùng đất thuộc Địa trung hải và Tây ban nha ở phía Tây. Lưu ý sự bành trướng của đạo Hồi trên bản đồ "giáo hội bị phân chia" ở cuối bài học.

Bất cứ nơi nào người Hồi giáo đến, họ đều đưa ra cho người dân bị chinh phục một quyết định hoặc chịu chết để bày tỏ lòng tôn kính, hoặc phải cải đạo theo Hồi giáo. Như bạn đã biết, Charles Martel đã đánh bại những người Hồi giáo ở tại Tours vào năm 732, đuổi họ trở về không chinh phục được Tây đế quốc.

Người theo Hồi giáo có một quyển kinh gọi là Kinh Koran. Quyển kinh này xác lập việc thờ phượng một thần gọi là Allah và tôn kính Mohammed như là vị Tiên tri sau cùng và vĩ đại nhất trong số những Tiên tri như Ápraham, Môi se và Đấng Christ. Những môn đệ của Hồi giáo mỗi ngày đều phải học thuộc lòng bảng tín điều (không có chúa nào khác ngoài Allah và mohammed là vị tiên tri của người) và phải cầu nguyện năm lần. Họ phải giữ những kỳ kiêng ăn, dâng hiến cho công việc từ thiện và tiến hành các cuộc hành hương đến thành Mecca nếu có thể được. Mặc dầu đôi khi những Cơ đốc nhân cũng được phép ở lại tại những xứ sở của người Hồi giáo, họ đã bị hạn chế trong việc truyền giáo và bị đẩy xuống tầng lớp nhân dân thấp kém hơn. Song, chúng ta sẽ thấy rằng, Hội Thánh dầu bị những mất mát lớn ở phía Đông, ở vùng Địa trung hải và Bắc phi, vẫn có được những bước tiến lớn trong việc truyền giáo cho các vùng đất mới ở Châu Âu.

7. Do thái giáo, Cơ đốc giáo và Hồi giáo đều là

- a. Những tôn giáo phổ biến ngang nhau
- b. Những tôn giáo theo thuyết duy nhất thần
- c. Nghe có vẻ đúng theo Kinh thánh
- d. Tất cả những điều kể trên.

8. Đối chiếu nền tảng cứu rỗi trong Cơ đốc giáo và Hồi giáo

Theo bạn nghĩ

9. Những yếu nhược gì của Cơ đốc giáo trong vùng Trung đông và Bắc phi đã góp phần bước tiến của cái của đạo Hồi?

.....  
..  
.....  
..

10. Hãy mô tả việc mất mát lãnh thổ vào tay. Hồi giáo mà Hội Thánh Cơ đốc đã trải qua trong thời kỳ trung cổ

.....  
..  
.....  
..  
.....  
..

## TÂY GIÁO HỘI TRONG CÁC HỘI TRUYỀN GIÁO

Nước Anh

Bạn còn nhớ Cơ đốc giáo ở Celtic đã phát triển mạnh ở Anh quốc trong cuối thế kỷ thứ tư và đầu thế kỷ thứ năm trước khi có những cuộc xâm lăng của dân Angles, dân Saxons và dân Jutes. Vào thế kỷ thứ bảy, nước Anh lại một lần nữa được truyền giáo bởi các Cơ đốc nhân ở Celtic lần tại Lamã, là những người đã từng là những đối thủ trong lòng trung thành của những người thuộc giống dân Anglo-Saxons mới vừa cải đạo.

Giáo hoàng Gregory đệ I sốt sắng muốn cải đạo cho dân tộc Anglo-Saxons và làm cho họ có phần thuộc về mọi khối cộng đồng chung của Cơ đốc giáo. Chuyện kể rằng một ngày kia khi vẫn còn là một tu sĩ Gregory nhìn thấy một số những trẻ em xinh đẹp trong khu chợ nô lệ. Khi được cho biết chúng là giống dân Anglo từ Anh đến, ông bảo chúng là những thiên thần (angels). Sau khi trở thành giáo hoàng, ông đã cử Augustine (không phải Augustine thành Hippo) và 40 tu sĩ đến tại Kent thuộc miền Nam nước Anh. Họ đến ngay trước Phục sinh năm 597. Vị vua ở tại đó, là Ethelbert người đã kết hôn với một cô công chúa người Frank theo Thiên Chúa giáo, chẳng bao lâu sau ông đã cải đạo theo Thiên Chúa giáo và đã giúp vào việc Cơ đốc hóa ba vương quốc của người Anglo-saxons ở tại miền Nam nước Anh.

Không bao lâu sau, Gregory đã phong cho Augustine chức tổng giám mục thành Canterbury, thành trung tâm của chế độ Giám mục quản lý ở tại nước Anh. Ngày nay là trung tâm Cơ đốc giáo của người Anglican. Tuy nhiên, giáo hội của người Celtic đã từ chối công nhận Augustine là vị tổng Giám mục của họ.

Một tu sĩ người Tô cách lan từ Iona tên là Aidan là người Celt đầu tiên truyền giáo cho dân Anglo, Saxons vào năm 634 hội truyền giáo của ông đã đến tại

Northumbria vùng Đông bắc nước Anh. Ông lập một tu viện theo yêu cầu của vị quốc vương vùng đó trên đảo Lindisfarne (đảo thánh). Từ đó ông đi giảng đạo khắp miền Bắc nước Anh thường có nhà vua đích thân đi cùng. Đến lúc Aiden qua đời (651) hầu hết dân trong vùng đều đã cải đạo theo Cơ đốc giáo của người Celt. Không phải cho đến thời của Synod người Whitby vào năm 664 mà Cơ đốc giáo của người Celtic cuối cùng bị Lamã hóa. Quốc vương của Northumbria, người đã hợp nhất phần lớn nước Anh của dân Anglo-Saxon dưới thời chính mình, đã quyết định giữ theo thể thức của người Lamã. Bởi vì Lamã xưng rằng họ có các chìa khóa vào thiên đàng.

Trong một vài năm, Giáo hoàng cử Theodore người Tarsus phục vụ với tư cách tông Giám mục thành Canterbury (669-690) Theodore và những người thuộc giáo hội tiếp tục xây dựng nền tảng mà Augustine (vị Sứ đồ của dân Anh) và giáo hội ở Celtic đã đặt để trong khi họ tổ chức lại giáo hội mới thuộc quốc gia của người Anglo-Saxons, họ cũng giúp mang lại trật tự cho chính quyền thế tục, Sau hết, Theodore đã bắt đầu các trường học mà đã được lưu ý vì sự uyên thâm của các trường đó. York và Jarrow là hai trong số các trường này. Ở tại Jarrow, nhà viết sử tài năng nhất trong thời đầu trung cổ, là Bede (673-735) đã viết tác phẩm của ông lịch sử Thiên Chúa giáo của người dân Anh (Ecclesiastical History of the English People). Đó là nguồn thông tin quan trọng về nước Anh đầu tiên. Bạn hãy nhớ rằng về sau Charlemagne đã mời Alcuin thuộc thành York đến tại Đức.

11. Ghép cặp mỗi nhân vật với sự đóng góp của người ấy đối với giáo hội

- 1) Aidan
- 2) Augustine
- 3) Gregory
- 4) Theodore

.....a. Ông đã thành lập và cử các nhà truyền giáo từ Lamã đến cải đạo cho dân Anglo-Saxons.

.....b. Ông đã tái tiến dẫn Cơ đốc giáo La mã đến cho miền Nam nước Anh.

c. Ông đã truyền giáo phần lớn vùng đông Bắc nước Anh, thiết lập Cơ đốc giáo của người Celtic ở tại đó

d. Ông đã tái thành lập giáo hội của người Anglo-saxons, tạo cho nó một khung sườn quốc gia

12. Tầm quan trọng của Synod người Whitby đối với giáo hội của người Anglo-Soxons là gì?

.....

.....

.....

.....

Nước Đức

Tiếp theo sau những nỗ lực sốt sắng của Giáo hoàng Gregory đệ I nhằm truyền

giáo cho dân Lombard, dân Visigoth thuộc phái Arian, và dân Anglo-Saxons, Cơ đốc giáo Lamã đã chịu đựng một thời kỳ khó khăn. Quyền lực Giáo hoàng đang xung đột với cả dân Lombard lẫn những người cai trị Byzantine. Các vua dòng họ Merovingian thì ngày càng không làm nên trò trống gì và phẩm chất của hàng giáo phẩm và chính quyền của giáo hội đã bị suy sụp yếu bởi sự can thiệp của các nhà cai trị thế tục.

Tuy nhiên vào thế kỷ thứ tám, thế giới Cơ đốc của người Latin đã trải qua một cuộc phục hưng về đời sống tín ngưỡng. Đã có một nhiệm kỳ Giáo hoàng được tiếp sức sống và một hoàng tộc mới (dòng họ Carolingian nổi lên ở tại xứ Gaul của dân Frank. Quan trọng hơn hết, giáo hội Anglo-Saxons đã cử rất đông các nhà truyền giáo đến lục địa.

Như bạn biết, giáo hội của người Celtic đã bắt đầu nhiều tu viện và cử các tu sĩ đi khắp lục địa Châu Âu bắt đầu vào cuối thế kỷ thứ sáu với Columban. Tuy nhiên đặc trưng hay lưu hành của họ đã ít để lại tính lâu bền. Cuộc tiến công dữ dội mới mẽ của các nhà truyền giáo Anglo-Saxons đã đưa tổ chức của giáo hội Lamã vào tổ chức và cột chặt họ với quyền lực của Giáo hoàng. Những nhà truyền giáo này đã truyền giáo cho Hà lan, Bỉ, Lục xâm bảo và Đức. Một trong những nhà truyền giáo đó là Willibord (658-739) một người Anglo-Saxons đã có được lòng sốt sắng truyền giáo từ người Ailen. Ông hoạt động dưới sự bảo vệ của những người cai trị người Frank.

"Vị sứ đồ của dân Đức" là Boniface (680-754). Được sự chúc phước của Giáo hoàng Gregory đệ II ông bắt đầu sứ mệnh của mình vào năm 719 và đã Cơ đốc hóa người Đức. Với tính độc đáo gây ấn tượng mạnh, ông ta được bảo phải hạ một cây cổ thụ mà đã được dùng vào việc thờ phượng hình tượng của dân ngoại giáo và cất một nhà thờ bằng gỗ nó. Khi không có điều dữ nào xảy ra cho ông, dân chúng trong vùng đã được cải đạo. Boniface, cũng là một người Anglo-Saxons đã dạy dỗ những người cải đạo phải trung thành với Lamã.

Với tư cách đại sứ của Giáo hoàng ở nước ngoài. Boniface đưa Pepin vua của dân Frank lên ngôi vào năm 751. Ông đã giúp cho Pepin tiếp sức cho một Hội Thánh khắp xứ Gaul. Đã trở thành tổng Giám mục của xứ Mainz, đáng lẽ Boniface đã có thể kết công tác truyền giáo của mình và về hưu ở tại Fulda, tu viện ông đã thành lập. Thay và đó, ông đã chọn quay trở về Hà lan là nơi những nỗ lực đầu tiên của ông đã thất bại. Ông đã chịu tuận đạo ở tại đó.

Như bạn có thể hình dung, những cuộc cải đạo và báp tem hàng loạt trong thời Biniface đã khiến xuất hiện nan đề của việc chịu báp tem mà không có một kinh nghiệm cá nhân về Cơ đốc giáo. Điều đó luôn luôn khiến nảy sinh một vấn đề ở bất cứ nơi đâu mà sự cải đạo của một nhà lãnh đạo chính trị dẫn đến việc tự nhiên Cơ đốc giáo được chấp nhận một cách phổ biến.

Đôi khi người dân Đức đã bày tỏ sự miễn cưỡng phải chấp nhận Boniface vì có những mối liên hệ của ông với hoàng đế. Sự ràng buộc đó giữa Cơ đốc giáo với

nhà nước chỉ càng chặt chẽ hơn trong thời cai trị của hoàng đế Charlemagne. Ông đã liên hệ hoạt động của việc truyền giáo với việc chinh phục bởi việc làm cho những người ngoại giáo bị chinh phục cải đạo theo Cơ đốc giáo, tôn giáo của quốc gia ông. Đến thế kỷ thứ chín và thứ mười, các hội truyền giáo đã bị liên hệ vào sự thống nhất về mặt chính trị dưới thời của đế chế Carolingian.

13. Cả Willbrod và Boniface đều đã truyền giáo cho những khu vực mới dưới sự bảo vệ của... ..

14. Bằng những cách nào mà công việc của Boniface đã đóng góp cho chức vụ của Giáo hoàng?

.....  
.....  
.....

15. Nguy hiểm của những việc cải đạo hàng loạt là gì?

.....  
.....  
.....

16. Điều gì đã phân biệt hoạt động truyền giáo của những thế kỷ từ thứ chín cho đến thứ mười một với hoạt động truyền giáo của những thế kỷ đầu tiên?

.....  
.....  
.....

Scandinavia.

Scandinavia, về mặt vật lý bị cô lập với phần còn lại của Châu Âu, là quê hương của dân Viking. Người dân Châu Âu đã định cư rất sợ những kẻ cướp bóc từ phương Bắc này. Tuy nhiên đối với Ansgar (801-865) những vùng đất phía Bắc tượng trưng cho một dân tộc cần đến Đấng Christ. Khi vua Danish yêu cầu một nhà truyền giáo vào năm 826, Ansgar đã cảm nhận được sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Ông đã dành 36 năm vào công việc truyền giáo ở tại phía Bắc Châu Âu. Đặt cơ sở của mình ở tại những vùng đã được truyền giáo của nước Đức, Ansgar tiến hành nhiều cuộc hành trình truyền giáo vào Scandinavia.

Mặc dầu, Ansgar thường được gọi là "vị sứ đồ của phương Bắc", chức vụ của ông là một khái tượng của sự chuẩn bị nhiều hơn là có kết quả lập tức. Vì có những ràng buộc của ông đối với dòng họ Carolingian, người ta đã từ chức ông và từ chối để được cải đạo trong các đám dân đông. Những gì ông dành được lại bị mất trong việc trở lại với tà giáo. Trong suốt hai trăm năm gian khổ, lịch sử Cơ đốc giáo ở tại đây là một lịch sử của sự tiến bộ và của trở lực.

Về sau, trong những thế kỷ mười một và mười hai, Denmark, Na Uy, Thụy Điển,



Iceland và Greenland.

### NHÀ THỜ CÓ ĐỈNH NHỌN CỦA NGƯỜI SCANDINAVIA.

Đã được Cơ đốc giáo hóa qua những cuộc cải đạo hàng loạt khi những nhà cai trị dẫn đường. Cũng vậy, các khu vực phía Đông thuộc Balan, Hungary và Bohemia đều quy đạo. Đến đầu thế kỷ thứ mười bốn, người dân Pomeranians, dân Lithuanians, dân Pnussians và những dân tộc khác chung quanh biển Baltic đều được Cơ đốc hóa. Lưu ý các vùng này trên bản đồ "sự bành trướng của Cơ đốc giáo, 600-1300" trong bài này.

17. Hãy viết tên của các vị: Augustine, Aidan, Boniface, Ansgar và Willibrord vào nơi nào họ đã truyền giáo.

18. Những vùng đất thuộc nước Đức đã chịu trách nhiệm cho việc phát triển tin lành đến.

a. Nước Anh.

b. Scandinavia.

c. Nước Nga.

d. Lục địa Châu Âu.

19. Những phương pháp truyền giáo cho các khu vực mới bao gồm:

a. Việc thiết lập các tu viện.

b. Đối đầu trực tiếp với các tà thần trong khu vực đó.

c. Việc tìm kiếm sự bảo vệ của các vua thế tục.

d. Tất cả những điều kể trên.

20. Các hội truyền giáo đã có ảnh hưởng gì trên thể chế Giáo hoàng?

.....

.....

.....

.....

### SỰ LY GIÁO TRONG HỘI THÁNH

Nguồn gốc của giáo hội chính thống Hy Lạp

Vào năm 1054 đã có một sự phân rẽ chính thức giữa Đông và Tây thế giới Cơ Đốc. Nguyên nhân trực tiếp của sự tuyệt giao này là do một vấn đề rất nhỏ nhen. Sự chia cắt này gây ra bởi những sự khác biệt âm i hàng nhiều thế kỷ.

Về chính trị

Từ khi Constantine dời thủ đô của đế quốc Lamã về Constantinople, Hội Thánh bắt đầu bị phân chia giữa phía Đông với phía Tây. Đế quốc thật sự đã bị chia cắt vào năm 395 bởi con trai của hoàng đế Theodosius. Sau đó bởi sự sụp đổ của đế quốc Lamã ở phía Tây vào năm 476, giáo hội không bị lệ thuộc vào quyền cai trị của phía Đông.

Ở phía Đông, hoàng đế được coi như là quyền cai trị tối cao ở giáo hội cũng như của quốc gia. Sự sắp đặt ấy được gọi là hệ thống các sêsa cai trị trên cả quyền vị Giáo hoàng. Sự can thiệp này của các nhà cai trị thuộc đế chế vào Đông giáo hội

không bao giờ được Tây giáo hội chấp nhận

Một thực tế thứ nhì về mặt chính trị là sức ép liên tục của hội giáo trên các Hội Thánh ở phía Đông. Sau khi Justinian qua đời vào năm 565, đế quốc Byzantine đã chịu những tổn thất lớn, gồm cả Syria, Palestine và hết thảy vùng Bắc phi cho người Hồi Giáo Ả rập vào thế kỷ thứ tám, đế quốc Byzantine Constantinople, phần giữa và Nam Hylạp, một dải đất thuộc vùng bờ biển Adriatic và chỉ miền Nam nước Ý và phía Tây Sicily. Các giáo trưởng thành Alexandria, Antioch và Giêrulalem đều thuộc quyền cai trị của Hội giáo. Đế quốc tiếp tục bị người Hồi giáo tấn công trong khi phía Tây tương đối thoát khỏi sự tấn công sau chiến thắng của Martel ở tại thành Tours.

Một thực tế chính trị thứ ba là việc lên ngôi của Charlemagne vào năm 800 với tư cách hoàng đế của đế quốc Lamã. Sự phân chia giữa Đông và Tây lại càng rõ rệt hơn.

21. Sự tranh chiến giữa hoàng đế và Giáo hoàng ở phía Tây có liên hệ gì với sự ly giáo trong giáo hội?

.....  
...  
.....  
...

22. Liệt kê ba thực tế chính trị đã làm căng thẳng các mối liên hệ giữa Đông và Tây.

.....  
...  
.....  
...

Về mặt trí tuệ

Chúng ta đã đề cập đến những quan điểm khác nhau giữa Đông và Tây. Triết lý nghịch với thực tế. Các Cơ đốc nhân ở phía Tây chăm vào những điều thực tế của tổ chức, của sự hiệp nhất và của tánh chính thống ở phía Đông, sự quan tâm lại là việc giải quyết các vấn đề về thần học, bởi sự suy đoán về triết học. Vì vậy hầu hết các cuộc tranh cãi được giàn xếp bởi bảy kỳ giáo hội nghị chủ yếu đều là những mối quan tâm của phía Đông về những vấn đề như thần tính và nhân tính của Đấng Christ. Tertullian và những người khác đã ổn định những vấn đề đó ở phía Tây rồi.

23. Tìm ra từng câu, ghi số. 1. Nếu câu đó nói đến phía Đông, ghi số 2. Nếu câu ấy liên quan đến phía Tây

.....a. Thuyết Gnosticism và thuyết Nestorianism

.....b. Những mối quan hệ thực tiễn về tánh chính thống.

.....c. Những người tham dự chính trong các kỳ giáo hội nghị

.....d. Thuyết Donatism

.....e. Những cuộc tranh luận thần học về tính của Đấng Christ.

24. Hệ thống các Sêsa cai trị trên cả giáo hoàng đã liên kết với các kỳ giáo hội nghị như thế nào?

Về giáo nghị.

Có nhiều thông lệ về giáo nghị đã phân rẽ giữa phía Tây và Đông. Hai giáo hội đều giữ lễ phục sinh vào những thời điểm khác nhau trong năm. Ở phía Đông, hàng giáo phẩm ở cấp thấp hơn được phép lập gia đình, còn ở phía Tây hết thảy các giáo sĩ, Mục sư đều phải sống độc thân. Ở phía Đông giáo nghị được tiến hành bằng thổ ngữ, nhưng ở phía Đông thì bằng tiếng Latin. Các Linh mục ở phía Tây để râu, còn ở phía Tây họ phải cạo sạch râu.

Một trong những việc sâu sắc nhất có liên quan đến việc dùng các tranh tượng và ảnh tượng trong sự thờ phượng. Kể từ thế kỷ thứ sáu trở đi, Đông giáo hội và chính quyền đã khuyến khích việc làm tranh tượng thánh và việc tôn kính những tu sĩ thánh khiết vì có những lời buộc tội của Hội giáo về việc thờ hình tượng, vị hoàng đế trong thế kỷ thứ tám đã tìm cách chấm dứt thói quen quỳ gối trước các vật thể thuật. Tuy nhiên, ở phía Tây, tranh tượng và hình tượng được cho phép và thậm chí còn được khuyến khích như là Thánh kinh bằng thị giác cho những người không đọc được. Vấn đề đả phá hình tượng tiếp tục nổ ra dữ dội ở phía Đông với việc một số các hoàng đế phá hủy các tranh tượng thánh trong khi một số hoàng đế khác bênh vực công cụ của chúng. Cuối cùng, ở tại giáo hội nghị Nicaca vào năm 787 phía Đông từ chối các hình tượng nhưng cho phép các tranh tượng thánh tiếp theo sau ý kiến của John người Damascus. Ông bảo rằng trong khi việc thờ phượng hình tượng là sai, thì nó cũng có thể giúp vào mục đích nhắc nhở người ta có sự tôn kính thích đáng. Tuy nhiên, không phải phần lớn vấn đề sử dụng tranh tượng thánh đã phân rẽ Đông và Tây cho bằng sự can thiệp của các hoàng đế phía Đông vào các công việc của Hội Thánh.

25. Tìm ra mỗi khoảng ghi số 1. Nếu câu ấy nói đến phía Đông, ghi số 2. Nếu câu ấy có liên quan đến phía Tây.

- .....a. Các Linh mục cạo sạch râu
- .....b. Những người thuộc hàng giáo phẩm có kết hôn.
- .....c. Giáo nghị được tiến hành bằng thổ ngữ.
- .....d. Chỉ thờ phượng bằng tiếng Latin.
- .....e. Các hình tượng và tranh tượng được khuyến khích.
- .....f. Chỉ các tranh tượng thánh là được cho phép.

26. phương diện nào của cuộc tranh luận đả phá tranh tượng thánh đã làm phân rẽ Đông và Tây nhiều hơn nữa

Về thần học

Những khác biệt về thần học cũng đã làm phân rẽ hai vùng. Phía Đông có khuynh hướng, hướng đến phép ngụ ngôn trong việc diễn giải Kinh thánh, còn phía Tây nhấn mạnh đến phương pháp dùng ngữ pháp kết hợp với lịch sử.

Đương lúc Nicholas đệ I làm Giáo hoàng, thì Đông hoàng đế đã truất phế Ignatius giáo trưởng thành Constantinople. Photius thay thế chỗ của ông ta. Phía Đông không thích điều đó khi Nicholas ra lệnh phục chức cho Ignatius. Photius và Ignatius thay phiên nhau với tư cách là giáo trưởng. Nhưng Photius đã làm gia tăng việc căng thẳng bằng việc tố cáo Nicholas và Tây giáo hội theo tà giáo vì họ đã dùng điều khoản Filioque trong bảng tín điều Nicenne. Đây là lời tuyên bố rằng Đức thánh linh ra từ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Điều đó đã được thêm vào bảng tín điều vào năm 589, nhưng phía Đông không bao giờ chịu chấp nhận điều đó. Họ thích nói rằng Đức Thánh Linh ra từ Đức Chúa Cha bởi Đức Chúa Con.

27. Bằng cách nào Hội Thánh các Sêsa cai trị trên giáo hoàng đã được liên kết với tà giáo của Photian?

Sự bất bớ cuối cùng đã đến vào năm 1054, khi giáo trưởng thành Constantinople, Michael Cerularius (1043-1058) có tham vọng về uy quyền Giáo hoàng. Ông đã lên án việc Tây giáo hội sử dụng bánh mì không men trong lễ Ban Thánh Thể (một thông lệ đã bắt đầu vào thế kỷ thứ chín). Giáo hoàng Leo đệ IX (1049-1054) một nhà cải cách mộ đạo, người đã xem việc củng cố chức vụ Giáo hoàng là một phần trong việc cải cách, đã cử các đại sứ của ông ở nước ngoài làm trung gian hòa giải với Michael. không thể nào đạt được một thỏa hiệp từ Michael, các đại sứ của Leo đã rút phép thông công ông ta cùng những người theo ông tại Hội Thánh Saint Sophia vào ngày 6 tháng bảy, năm 1054. Để đáp trả, Michael đã rút phép thông công Giáo hoàng Leo và những người theo ông. Việc thống nhất giáo hội đã vĩnh viễn bị đổ vỡ. Đông giáo hội nói tiếng Hylạp và Tây giáo hội nói tiếng Latin đã không thể đi cùng nhau bởi vì họ không thể hiểu nhau, trong nhiều cách chứ không phải chỉ một.

28. Vấn đề nhỏ nhoi cuối cùng đã dẫn đến sự ly giáo vào năm 1054 có liên quan đến.

- a. Việc sống độc thân của các Linh mục
- b. Điều khoản Filioque
- c. Bánh mì không men.
- d. Các tranh tượng thánh.

Đông giáo hội trong các hội truyền giáo.

Đến thế kỷ thứ chín, các hội truyền giáo ở phía Đông lẫn phía Tây đều bắt quán triệt được ý tưởng của việc đề ra một xã hội toàn Cơ đốc nhân. Vào thế kỷ thứ sáu, các nhà truyền giáo đã từng đề cập đến việc truyền bá Tin lành, không phải là việc áp đặt một nếp sống mới hoàn toàn lên những người mới cải đạo. Kể từ khi những nỗ lực phổ biến của Charlemagne nhằm tạo được thế giới Cơ đốc hiệp nhất, Hội Thánh đang sử dụng những chiến thuật tương tự.

## Các quốc gia Balkan

Việc đưa ra vấn đề của điều khoản Filioque là một cách trong đó Photius đã làm tăng sự căng thẳng giữa Đông và Tây giáo hội. Một điều khác nữa là sự tham gia của ông vào sự kình địch dữ dội về việc truyền giáo giữa hai vùng trong việc đạt đến được trung tâm Châu Âu. Khi hoàng tử xứ Moravia yêu cầu các nhà truyền giáo, Photius đã giúp chọn lựa hai anh em người Hylạp, là Cyril và Methodius. Họ biết ngôn ngữ của người Slavic, đã lớn lên ở gần dân Slavs là những người định cư ở tại Macedonia. Trước khi bắt đầu chức vụ của họ vào năm 863, họ đã chuẩn bị một bản mẫu tự và đã viết một phần Thánh kinh bằng tiếng Slavic. Hội truyền giáo Moravian rất thành công cho đến khi dân Magyars hủy diệt Moravia.

Cơ đốc giáo chính thống Hylạp và nền văn hóa Byzantine không thể tách rời được và đã nhanh chóng lan rộng giữa vùng các bộ tộc Slavic. Giáo hoàng Nicholas đệ I đã tìm cách làm đổi hướng của Cyril và Methodius khỏi chánh thống Hylạp của họ bằng cách tạo cho họ sự mâu thuẫn của Lamã. Trong một thời gian sau khi Cyril qua đời ở tại Lamã vào năm 869, Methodius đã làm việc để loan truyền Thiên Chúa giáo Lamã bằng thổ ngữ. Điều đó làm cho hàng giáo phẩm người Frank, là những người chuyên nghiên cứu ngôn ngữ Latin, tức giận. Họ đuổi ông trở lại giáo hội Hylạp.

Những người theo Cyril và Methodius (885) đã mang các cuốn sách bằng tiếng Slavic và sứ điệp chính thống đến Bungary. Sa hoàng của Bungary là Boris đã qui đạo và khiến chính thống giáo trở thành quốc giáo. Vào năm 870, ông nhận giấy phép để lập một tổ chức giáo hội độc lập dưới quyền của giáo trưởng thành Constantinople. Điều có ý nghĩa hơn nữa, là ông đã được phép để sử dụng ngôn ngữ địa phương trong nghi thức tế lễ. Điều đó đã bắt đầu một khuynh hướng sử dụng các thứ tiếng địa phương trong các Hội Thánh thuộc các quốc gia Đông Âu. Việc tự do sử dụng ngôn ngữ Slavic là một yếu tố mấu chốt trong quyết định của Boris chọn Chánh thống giáo hơn là Thiên Chúa giáo. Thoạt đầu Boris đã được vào Thiên Chúa giáo Lamã vì có sự chú trọng nặng nề về nghi thức trong Chánh thống giáo của Byzantine đã qui định mọi phương diện của đời sống gồm cả việc khi nào thì tắm rửa hoặc mang thắt lưng. Thế rồi sau khi trao đổi với Giáo hoàng Nicholas đệ I, Boris đã chọn phía Đông. Dường như việc sử dụng thổ ngữ trong việc thờ phượng phong phú hơn, có sức mạnh hơn, và gần gũi hơn, nhưng chắc chắn là phức tạp hơn.

Serbia và Rumania đã tiếp nhận Cơ đốc giáo chính thống từ Bungary. Sau đó công việc của Cyril và Methodius "các vị sứ đồ của dân Slavs" đã lan đến nước Nga.

## Liên bang Xô viết

Vào năm 988 Hoàng thân Vladimir thuộc Kiev đã công nhận Chính thống giáo là quốc giáo, và Chánh thống giáo đã tồn tại cho đến năm 1917. Vì muốn công nhận một trong các tôn giáo chính để củng cố đế chế của mình, Vladimir đã chọn Chánh thống giáo vì sự thu hút lớn lao của nó về mặt thẩm mỹ hơn là những giá trị về trí

tuệ hoặc đạo đức của nó. Cơ đốc giáo của Nga chú trọng về hình thức thờ phượng hơn là vấn đề thần học hoặc đạo đức. Biệt hiệu của tôn giáo "Pravoslavie" có nghĩa là "sự thờ phượng thật" hoặc "sự vinh hiển phải lẽ". Hội thánh Nga đã được ích lợi từ các sách Slavic của Cyril và Methodius.

Dưới triều hoàng thân Yaroslav the Wise (1019-1054) Giáo hội Nga trở nên được dẫn đầu bởi một Giám mục người Hylạp do giáo trưởng thành Constantinople chỉ định tất cả các nhà truyền giáo, các Giám mục và nhiều Linh mục đều đến từ đế quốc Byzantine. Tiếp theo sau sự ly giáo vào năm 1054, người dân Nga đến chỗ coi thường những người theo Công giáo lamã. Giáo hội Nga được gắn bó với Chánh thống giáo Byzantine.

Trong 150 năm (1227-1380) nước Nga, (nay là một phần thuộc Liên bang Xô viết) bị những người Mông cổ hung hăng kiểm soát. Nga phải chịu khổ về mặt văn hóa. Giáo hội bị cắt đứt với những ảnh hưởng của Hylạp và bị buộc phải phát triển những nhà lãnh đạo của quốc gia. Bất chấp những người Mông cổ, người dân Nga vẫn giữ tôn giáo và nền văn hóa của họ. Khi người dân đến với Hội Thánh để tìm sự yên ủi và quyền lãnh đạo, đức tin đã lan đến các thị trấn và các làng mạc hẻo lánh. Điều đó đã dẫn đến việc hiệp nhất phong trào chủ nghĩa dân tộc với tôn giáo. Vào năm 1325 trung tâm giáo hội được dời từ Kiev đến Moscow. Điều này cũng đã làm giảm ảnh hưởng từ Constantinople. Ở tại Moscow, giáo hội ở dưới sự kiểm soát lớn hơn của nhà nước thế tục. Bởi sự sụp đổ của Constantinople và đế quốc Byzantine trước quân thổ nhĩ kỳ vào năm 1453, các Cơ đốc nhân ở tại Đông âu trong đơi quyền lãnh đạo nơi nước Nga hơn là nơi Greece. Vì vậy, đôi khi Moscow được gọi là "Lamã thứ ba" giáo hội Nga gắn bó mạnh mẽ với nhà nước cho đến đầu thế kỷ thứ hai mươi.

29. Yếu tố chính nào đã giúp cho việc lan rộng Chánh thống giáo trong các quốc gia thuộc vùng Balkan và nước Nga?

.....

...

.....

...

30 Ghép cặp các Hội Thánh với những chú trọng thích hợp của các hội truyền giáo

1) Đông giáo hội

2) Tây giáo hội

3) Cả hai giáo hội

.....a. Đặt trọng tâm việc đề ra một xã hội hoàn toàn Cơ đốc

.....b. Đã sử dụng ngôn ngữ địa phương trong sự thờ phượng

.....c. Đã quy định mọi chi tiết trong đời sống hàng ngày.

.....d. Đã xác lập những ràng buộc đối với Giáo hoàng

.....e. Các quốc vương trong vùng quy đạo đã đưa dân chúng đến những cuộc quy đạo hàng loạt

.....f. Bị thu hút đối với những đòi hỏi về mặt thẩm mỹ hơn là những nhu cầu về mặt trí tuệ hoặc đạo đức.

31. Điều gì đã dẫn đến sự phân rẽ củ giáo hội nước Nga khỏi Constantinople?

.....  
...  
.....  
...  
.....  
...

Trong giai đoạn này, hoạt động truyền giáo quan trọng ở giữa những cuộc đấu tranh không thuộc linh ngày càng nhiều hơn để giành quyền lực giữa chế độ giáo hoàng với các hoàng đế, phần lớn Âu châu đã được truyền giáo. Trở thành một điển hình, các Cơ đốc nhân đầu tiên đã tuận đạo do phản ứng của dân ngoại giáo. Sau đó dưới sự bảo vệ của những nhà cai trị đã quy đạo, một vị giám mục tài năng đã tái dẫn đến đức tin. Sự lan rộng Cơ đốc giáo ban đầu thường chỉ là bề ngoài. Rồi sau đó là một thời kỳ lâu dài hơn của sự tăng trưởng và sự ổn định.

Bài làm tự trắc nghiệm

CÂU LỰA CHỌN . Khoanh tròn mẫu tự đứng trước một câu trả lời đúng nhất .

1. Thế chế Giáo hoàng giữa khoảng 955 đến 1047 đã chịu hỏ nhục vì bị kiểm soát bởi

- a. Các hoàng đế ở phía Đông
- b. Giới quý tộc Ý
- c. Những người Hồi giáo
- d. Giáo trưởng thành Constantinople

2. Tiếp theo sau sự cai trị của Giáo hoàng Nicholas đệ I thế chế Giáo hoàng có thể

- a. Duy trì được quyền lực ngang hàng với thế tục
- b. Duy trì được quyền lực ngang hàng với hoàng đế
- c. Thực hiện được ít ỏi về việc củng cố địa vị của mình
- d. Thể hiện một trình độ thuộc linh cao.

3. Trong 1000 năm đầu tiên của Hồi giáo, nó đã làm suy yếu Hội Thánh Cơ đốc trong tất cả những khu vực sau đây NGOẠI TRỪ

- a. Đông âu
- b. Bắc phi
- c. Vùng Địa trung hải
- d. Trung đông

4. Hoạt động truyền giáo của Hội Thánh

- a. Đã làm gia tăng sự kinh địch giữa các nhà cai trị người Frank với quyền vị Giáo hoàng.

- b. Đã đáp ứng cho những lợi ích của quốc giáo Carolingian lẫn quyền vị của Giáo hoàng.
- c. Đã giải quyết được cuộc tranh chiến về quyền lực giữa các hoàng đế với quyền vị Giáo hoàng
- d. Phần lớn đã bị các nhà lãnh đạo người Frank lẫn thể chế Giáo hoàng bỏ qua.

CÂU ĐÚNG SAI . Viết chữ Đ trước mỗi câu ĐÚNG và chữ S trước câu nào sai .

.....5. Phong trào cải cách Clunio đã giúp gây dựng trình độ thuộc linh của Hội Thánh qua việc đem lại cho các chức vụ của hàng giáo phẩm khỏi bị sự kiểm soát thế tục.

.....6. Những mầm mống của sự cải cách trong Hội Thánh được gieo ra bởi Hội Thánh, chứ không phải do bất cứ nhà cai trị thế tục nào.

.....7. Bước tiến thành công của Hội giáo vào trung Đông và Bắc phi một phần do sự không hiệp nhất của giáo hội Cơ đốc trong các vùng này.

.....8. Một vấn đề không thể giải quyết được trong sự phân rẽ giữa các Hội Thánh phía Đông và phía Tây có liên quan ưu thế của chức vụ Giám mục lamã.

.....9. Không giống như các nhà truyền giáo phía Tây, các nhà truyền giáo phía Đông đã sử dụng những thứ tiếng của dân địa phương trong việc thờ phượng của Hội Thánh.

.....10. Tây giáo hội, không giống với Đông giáo hội, dường như đã chăm vào những hình thức vẻ mặt mỹ nhiều hơn là vấn đề đạo đức hoặc thần học.

.....11. Giáo hội của người Nga thoát thai từ Đông giáo hội chánh thống

.....12. Giáo trưởng thành Constantinople vẫn giữ người lãnh đạo của Đông giáo hội Chánh thống ngay cả sau khi đế quốc Byzantine đã rơi vào tay của người Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1453.

13. Ghép cặp những nhà truyền giáo với các lãnh vực truyền giáo

- 1. Aidan
- 2. Ansgar
- 3. Augustine
- 4. Boniface
- 5. Willibrord
- .....a. Hà lan, Bỉ
- .....b. Đức
- .....c. Miền Nam nước Anh
- .....d. Northumbria
- .....e. Scandinavia

14. Ghép cặp những nhân vật với danh hiệu phù hợp của họ

- 1. Ansgar
- 2. Augustine



3. Bede

4. Boniface

.....a. Tổng Giám mục thành Canterbury

.....b. "Vị sứ đồ của người Đức"

.....c. "Vị sứ đồ của phương Bắc"

.....d. Nhà viết sử của giáo hội Anh

### CÂU LỰA CHỌN

15. Tìm ra mỗi câu sau đây có nói đến chủ nghĩa ly giáo vào năm 1054 nêu đúng, đánh số 1. Và nếu sai, đánh số 2.

.....a. Sự phân rẽ giữa Đông và Tây là hậu quả của một sự khác biệt nhỏ nhoi, đơn độc, giữa quyền lãnh đạo của Constantinople với Lamã.

.....b. Phía Đông và phía Tây đã diễn giải Thánh kinh một cách khác nhau

.....c. Những khác biệt trong những vấn đề giáo nghi bao gồm cả việc để râu của hàng giáo phẩm, ngày tháng của lễ Phục sinh, và chế độ độc thân dành cho hàng giáo phẩm.

.....d. Cả Đông lẫn Tây giáo hội đều thừa nhận quyền lãnh đạo của Đông hoàng đế trong các công việc của Hội Thánh.

.....c. Những cuộc xâm lăng của Hồi giáo đã giúp cho việc hiệp nhất hai vùng.

### ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ ĐƠN VỊ 3

Trước khi tiếp tục với bài 10, hãy ôn lại từ bài 6 đến bài 9. Sau đó lấy phần đánh giá tiến bộ đơn vị 3, mà bạn sẽ tìm thấy trong tập tài liệu dành cho học viên. Gửi trả lời cho trưởng trung tâm ICI của bạn, kèm với những tài liệu nào đã nêu rõ ngoài bì của tập tài liệu dành cho học viên của bạn.

Giải đáp các câu hỏi của bài học

16. Câu trả lời của bạn. Điều đó có liên quan đến việc chinh phục những vùng đất mới và việc bành trướng đế quốc phía Tây.

1. d. Tất cả những điều kể trên

17. Augustine-Kent, Anh quốc

Aidan-Northumbria

Boniface-Hàlan, Đức, xứ Gaul

Ansgar-Nauy, Đan mạch

Willibrord-Bỉ, Luxembourg, Hà lan

2. Câu trả lời của bạn. Các nhà cai trị thế tục kiểm soát các Giáo hoàng thậm chí đến những việc bầu cử của họ. Các Giáo hoàng thường là những con người thiếu đạo đức, Vô luân.

18. b. Scandinavia

3. a. Nước Pháp

19. d. Tất cả những điều trên

4. C. Tự do khỏi quyền kiểm soát của thế tục

20. Câu trả lời của bạn. Nói chung, hoạt động truyền giáo đã củng cố thể chế Giáo hoàng khi dạy rằng phải trung thành đối với Giáo hoàng và mở rộng lãnh thổ của ông ta.

5. Câu trả lời của bạn. Đã nâng cao các tiêu chuẩn đạo đức và đời sống độc thân cũng như giảm bớt tệ mua bán phẩm trật và sự can thiệp thế tục.

21. Câu trả lời của bạn. Giáo hội ở phía Tây không bao giờ chịu để cho người lãnh đạo nhà nước can thiệp vào các công việc của Hội Thánh như thường xuyên vẫn xảy ra ở phía Đông.

6. Câu trả lời của bạn. Mỗi bên, trong việc cố gắng nhằm thực hiện uy quyền trong các việc công Hội Thánh, đều làm tăng thêm sự bại hoại của mình, đã khiến phải xảy đến sự cải cách.

22. Đó là việc hoàng đế kiểm soát Đông giáo hội, sức ép không ngừng của Hội giáo và sự phục hưng của đế quốc hùng cường ở phía Tây dưới thời Charlemagne.

7. b. Những tôn giáo theo thuyết duy nhất thần.

23. a1.

b2.

c1.

d2.

e1

8. Câu trả lời của bạn. Đó là ân điển nghịch với việc làm.

24. Câu trả lời của bạn. Các hoàng đế phía Đông, vì lợi ích của việc hiệp nhất giáo hội, đã triệu tập và chủ trì mỗi kỳ giáo hội nghị.

9. Câu trả lời của bạn. Vùng Đông trung phải trải qua nhiều tà giáo và Bắc phi bị thuyết Donatism thu hút.

25.

a2

b1

c1

d2

e2

f1

10. Câu trả lời của bạn. Giáo hội Cơ đốc đã bị mất Hội Thánh Bắc phi và phần lớn Hội Thánh ở tại tiểu Á và vùng Địa trung hải. Phải trải qua những cuộc tấn công liên tục của phía Đông cho đến khi người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục đế quốc phía Đông.

26. Câu trả lời của bạn. Không phải phần nhiều do việc dùng tranh tượng cho bằng việc các hoàng đế phía Đông lại can thiệp vào các công việc của giáo hội.

11. a3. Gregory b. 2. Augustine c. 1Aidan d. 4. Theodore
27. Câu trả lời của bạn. Photius, người đã buộc tội Tây giáo hội theo tà giáo, là người được Đông hoàng đế chọn làm giáo trưởng chứ không phải được Giáo hoàng chọn lựa.
12. Câu trả lời của bạn. Đã tạo được một giáo hội hiệp nhất của quốc gia dưới quyền của Giáo hoàng Lamã.
28. c. Bánh mì không men
13. Những nhà cai trị người Frank
29. Câu trả lời của bạn. Những phần Kinh thánh được Cyril và Methodius dịch sang tiếng Slavic đã trở nên dễ hiểu đối với dân chúng
14. Câu trả lời của bạn. Ông được sự chấp thuận của Giáo hoàng để truyền giáo cho nước Đức, ông đã thiết lập tổ chức của giáo hội Lamã với lòng trung thành với Giáo hoàng, ông là đại sứ của Giáo hoàng ở nước ngoài, ông đã hành động như thể Giáo hoàng là đầu của Hội Thánh.
30. a3. Cả hai giáo hội  
b1. Đông giáo hội  
c1. Đông giáo hội  
d2. Tây giáo hội  
e3. Cả hai giáo hội  
f1. Đông giáo hội
15. Câu trả lời của bạn. Những cá nhân có thể chịu báp tem hoặc được công nhận là Cơ đốc nhân. Song, không hề có một kinh nghiệm các nhân với Chúa Cứu thế.
31. Câu trả lời của bạn. Quân Mông cổ xâm lăng đã cô lập nước Nga khiến những người lãnh đạo thuộc quốc gia phải đứng lên, và sau đó, Constantinople bị người Thổ Nhĩ Kỳ kiểm soát. Moscow cũng đã trở thành trung tâm của giáo hội.

## BÀI HỌC 10: Thể Chế Giáo Hoàng và Sự Sốt Sắng Thuộc Linh

Suốt giai đoạn đầu của thời Trung cổ, xã hội hoàn toàn yên tĩnh, không có nhiều những sự thay đổi xảy ra. Cả Hội Thánh lẫn chính quyền đều đòi hỏi sự ổn định và sự hiệp một. Vào khoảng thế kỷ mười hai và mười ba, xã hội yên tĩnh này đang mở đường cho cả cuộc viễn chinh quân sự và các phong trào mới khác nhau. Cuộc sống bắt đầu thay đổi khi các biến cố quan trọng về chính trị và tôn giáo diễn ra. Trong cuộc đấu tranh giành quyền lực liên tục giữa giáo hội và chính quyền, thể chế Giáo Hoàng đã đạt được quyền lực lớn nhất chưa từng có của nó. Nó chế ngự cuộc sống của các vua và các Hoàng Đế cũng như dân quê. Nó tiến hành những cuộc viễn chinh quân sự quan trọng để giải phóng các nơi thánh ở Giêrusalem. Một lần nữa, nhu cầu cải cách trong giáo hội đã nổi lên. Các dòng tu mới đã vươn lên để phục hưng đời thuộc linh. Các dòng sư huynh nổi lên để truyền bá Tin lành cho kẻ hư mất và kiểm soát tà giáo. Các nhóm giáo dân họp lại cùng nhau để thách thức hệ thống bí tích của giáo hội và cố khôi phục lại Hội Thánh thời Tân ước. Mỗi

phong trào theo cách riêng của nó đều tìm cách cải cách giáo hội. Thật không may, thể chế Giáo Hoàng và lòng nhiệt thành đối với "sự thuần khiết" đã kiến lập Tòa Án Giáo Hội để loại trừ những người tà giáo lập giáo hội.

Khi bạn học bài học này, bạn có thể cảm thấy rằng thời kỳ này là một trong những thời kỳ buồn thảm nhất của lịch sử Hội Thánh. Tuy vậy, chúng ta có thể có lợi ích qua những bài học mà chúng dạy dỗ chúng ta. Ví dụ như chúng ta không bao giờ nên tấn công (công kích) những người bất đồng ý kiến với chúng ta nhân danh Cơ Đốc giáo.

Sự Cực Thịnh của Quyền Hành Giáo Hoàng

Giáo Hoàng Gregory VII

Giáo Hoàng Innocent III

Các Cuộc Viễn Chinh (Thập Tự Quân)

Các Phong Trào Cải Cách

Chế độ tu viện

Sự khát thực

Các nhóm Tà giáo

Khi học xong bài này bạn sẽ có thể:

Ừ Nhận biết những kết quả tích cực và tiêu cực của Quyền hành Giáo Hoàng gia tăng mạnh.

Ừ Bản thảo nguyên nhân và kết quả của các cuộc viễn chinh (đoàn Thập Tự Quân)

Ừ Xác định và đánh giá các phong trào cải cách khác nhau.

1. Nghiên cứu bài học này và làm bài tự trắc nghiệm về nó theo những chỉ dẫn ở Bài học 1

2. Nếu bạn chưa làm thì hãy dàn xếp với giảng viên ICI của bạn để dự kỳ thi cuối khóa. Hãy xem những chỉ dẫn đặc biệt trong tập học viên của bạn.

Các Từ Then Chốt

Tín lý (giáo lý)

Sư huynh

Bùa xá tội

Tòa án giáo hội

Biểu hiện

Cấm chỉ

Hiệp sĩ

Khất sĩ

Chủ nghĩa quốc gia

Chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia

Mục tiêu

Cuộc cải chánh Tin lành

Yên tĩnh

Biển thể thuyết

## SỰ CỰC THỊNH CỦA QUYỀN HÀNH GIÁO HOÀNG

Thời kỳ giữa 1054 và 1305 đánh dấu thời kỳ cực thịnh của quyền hành Giáo Hoàng. Năm 1059, Hồng Y Đoàn được thành lập để tuyển lựa các vị Giáo Hoàng. Các Giáo Hoàng đã làm đảo lộn các ý kiến cho rằng uy quyền của một vị vua phải trội hơn quyền lực của một Giáo Hoàng. Cũng vậy, các mầm mống về sự đổi mới được gieo trong cuộc cải cách Clunic và do Hoàng Đế Henry III đã có kết quả bước đầu trong thời Giáo Hoàng Gregory VII và sau đó trong thời Giáo Hoàng Innocent III.

### Giáo Hoàng Gregory VII

Một trong các Giáo Hoàng nổi tiếng nhất của thời trung cổ là Giáo Hoàng Gregory VII (1073-1085). Ông đã đạt được mức độ mới của lòng tôn kính dành cho Giáo Hoàng. Ngay cả trước khi trở thành Giáo Hoàng, ông đã giúp củng cố cho chức vụ ấy. Dưới thời Giáo Hoàng Leo IX, ông phục vụ trong chức vụ Hồng Y tổng trưởng trông coi tài chính của giáo triều Lamã. Dưới thời Giáo Hoàng Nicholas II, Gregory đã giúp thay đổi cách tuyển chọn Giáo Hoàng được thực hiện bởi một nhóm người trong giáo hội được gọi là Hồng Y Đoàn. Phương pháp mới này giải phóng sự tuyển chọn Giáo Hoàng khỏi sự can thiệp của những nhà lãnh đạo thế tục.

Khi làm Giáo Hoàng, Gregory đã ủng hộ mạnh mẽ những biện pháp của cuộc cải cách Clunic, bao gồm việc cấm buôn bán chức thánh và cấm tu sĩ lập gia đình. Ông tin rằng sự độc thân giúp cho các linh mục khỏi trở thành một giai cấp cha truyền con nối và tạo ra một lớp người trung thành với Giáo Hoàng. Chế độ độc thân của hàng giáo phẩm trong giáo hội Công Giáo Lamã đã trở thành bắt buộc kể từ đó. Điều có ý nghĩa quan trọng nhất là nỗ lực của Gregory nhằm thiết lập một thần quyền thế chế, trong đó Giáo Hoàng thực thi quyền hành cả về mặt đời này lẫn mặt thuộc linh như là người thay mặt Đức Chúa Trời. Gregory đã viết một cuốn sách gọi là Dictatus Papae (lệnh của Giáo Hoàng). Trong sách đó, ông nói rõ những đường lối mà trong đó quyền lực của giới tăng lữ thay thế cho quyền lực thế tục. Đây là một số điều mà ông đã tuyên bố:

Giáo hội Lamã do một mình Đức Chúa Trời thành lập mà thôi

Chỉ một mình Giáo Hoàng Lamã mới được gọi là phổ quát.

Chỉ một mình Người mới có quyền phế truất hay tái phục các giám mục.

Chỉ một mình người mới được dùng biển hiệu của đế quốc.

Tất cả các vua chúa phải hôn chân của Giáo Hoàng.

Người có quyền truất phế các Hoàng Đế.

Không ai có thể hủy bỏ sắc lệnh của Người, còn người có thể hủy bỏ lệnh của bất kỳ ai.

Không ai có thể phán xét Người.

Giáo hội Lamã chưa bao giờ sai lầm và sẽ không bao giờ sai lầm cho đến suốt cõi

đòi đòi.

Như bạn có thể thấy, ông đã có những đòi hỏi cực đoan cho cả Giáo Hoàng lẫn cho giáo hội Công Giáo. Ông đã cố sức để áp dụng chúng càng nhiều càng tốt theo như ông có thể làm được.

Đặc biệt một câu chuyện đã cho thấy sự quyết định và sức mạnh của Gregory. Cũng như các Giáo Hoàng trước, ông bị phiền nhiễu do nạn đề phong chức của hàng giáo dân. Tập quán này đã phát triển với sự nổi lên của chủ nghĩa phong kiến khi mà các vị lãnh chúa bắt đầu việc cấp phát biểu tượng (dấu hiệu) chức vụ giáo phẩm cho các tầng lớp trong khu vực của họ. Gregory đã nghiêm cấm bất kỳ một tu sĩ nào nhận sự phong chức do một giáo dân. Ông hy vọng rằng tất cả những người cai trị thế tục đều tôn trọng quyết định của ông. Do vậy, khi Hoàng đế Henry IV bác bỏ uy quyền của Giáo Hoàng trong vấn đề này thì Gregory đã dứt phép thông công Hoàng Đế. Gregory còn lăng nhục Henry bằng cách buộc ông phải thuần phục Gregory trước công chúng để nhận sự tha thứ. Henry đã để chân trần trên tuyết bên ngoài cung đình của Giáo Hoàng trong ba ngày liền trước khi Gregory tha lỗi cho ông.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh về việc phong chức của hàng giáo dân vẫn cứ tiếp tục. Henry lại bị dứt phép thông công. Về sau Gregory đã bị truất phế và đã chết trong sự lưu đày. Cuối cùng vấn đề đã được giải quyết tại Hiệp ước Worms vào năm 1122 bằng một sự thỏa hiệp giữa Hoàng đế Henry V và Giáo hoàng Calixtus II. Kết quả cuộc cải cách "của Gregory" là sự phân cách trầm trọng hơn giữa hàng giáo phẩm và hàng ngũ giáo dân. Khi trước, xã hội Cơ Đốc có một sự hiệp một và ít phân biệt giữa thế giới tầng lớp và thế giới thế tục. Hoàng đế Charlemagne đã cung cấp một nền giáo dục cho hàng ngũ giáo dân cũng như hàng giáo phẩm ở thế kỷ thứ chín. Nhưng dưới thời của Gregory, giáo dân đã bị tổ cáo. Mía mai thay, giáo hội đã bị thế tục hóa. Một sử gia đã ghi nhận rằng:

Cuộc cải cách của Gregory mà nó tìm cách cải thiện những tiêu chuẩn đạo đức trong Hội Thánh bằng cách sa thải các tầng lớp khỏi vai trò của họ như là những kẻ ủng hộ chính quyền, đã kết liễu, một lối lý luận kém cỏi, trong sự đưa đẩy giáo hội lún sâu và hoàn toàn vào thế giới thế tục. Thực ra, Hội Thánh đã trở thành một thế giới trần tục của chính nó (sách của Johnson, trang 207).

1. Sự đòi hỏi uy quyền tối cao hơn các nhà cầm quyền thế tục của vị Giáo Hoàng này được hỗ trợ bởi

- a. Kinh Thánh
- b. Các Giáo lệnh
- c. Các giáo phụ
- d. Các nhà cầm quyền dân sự.

2. Đóng góp chính của Gregory VII là gì?

.....

....

.....  
....  
3. Dù cho Gregory có đem lại sự cải cách đạo đức trong hàng giáo phẩm, nhưng đã có những kết quả tiêu cực nào xảy ra từ những tiêu chuẩn của ông?

.....  
....  
4. Sự sai lầm của câu nói "Giáo dục Lamã chưa bao giờ sai lầm và sẽ không bao giờ sai lầm cho đến suốt cõi đời đời" là ở nơi sự tham chiếu của nó đến Hội Thánh như là

- a. Một cơ chế
- b. Một tổ chức.

5. Có lời tuyên bố nào trong các lời tuyên bố của Gregory là đúng về mặt Thánh Kinh không?

.....  
....  
.....  
....  
**Giáo Hoàng Innocent III**

Giáo hoàng Innocent III đã có thể thực thi uy quyền Giáo Hoàng đến mức độ lớn hơn cả của Giáo Hoàng Gregory. Ông tin rằng Giáo Hoàng là ở trên loài người và ở dưới Đức Chúa Trời. Ông cảm thấy chính quyền dân sự phản ánh sự vinh quang của giáo hội, cũng như mặt trăng phản chiếu ánh sáng của mặt trời vậy.

Cũng như tất cả các Giáo Hoàng tiền nhiệm quan trọng, ông là một luật sư có tài. Ông cũng có nhiều năng lực ngoại giáo nữa. Trong thời kỳ làm Giáo Hoàng của mình, ông đã đưa những kẻ cai trị của các chính quyền theo quốc gia chủ nghĩa nổi lên, chẳng hạn như Anh và Pháp, vào dưới sự kiểm soát của mình và đã đánh bại Hoàng Đế của Đế Quốc Lamã Thánh. Quyền lực của ông nằm trong việc ông xử dụng sự dứt phép thông công, nó cắt đứt một người khỏi mọi sinh hoạt hợp pháp và sự được chôn cất của người Cơ Đốc, và ông xử dụng cấm chỉ, nó cắt đứt một quốc gia khỏi sự thờ phượng và mọi phép bí tích ngoại trừ phép Báp têm và phép xức dầu lúc lâm chung (nghỉ thức lúc qua đời của người Công Giáo)

Innocent đã áp dụng và đe dọa áp dụng cấm chỉ này đến 85 lần. Một ví dụ là sự bất đồng ý kiến của ông với vua Philip Augustus của nước Pháp, về sự ly dị và tái hôn của vị vua này. Dưới áp lực của cấm chỉ trên quốc gia mình, Philip phải phục tùng vị Giáo Hoàng và lấy lại người vợ trước. Trong một trường hợp khác, Innocent đã hạ nhục vua Jolen của nước Anh. Tiếp theo sau sự bất đồng ý kiến của họ về việc chọn lựa vị tổng giám mục ở Canterbury, Innocent đã giáng cấm chỉ trên nước Anh

vào năm 1208. Cuối cùng, năm 1213, vua Jolen đã nhượng bộ và tự hàng phục như là một chư hầu đối với Giáo Hoàng.

Trong sự can thiệp của ông vào những vấn đề của đế quốc trong Đế Quốc Lamã Thánh cũng như ở tại Anh Quốc, Innocent đã cầu viện vua Philip II của Pháp giúp đỡ. Việc này đưa đến sự hùng cường của nước Pháp và sự suy vong của Đế Quốc Lamã Thánh (vốn là nước bảo vệ cho thể chế Giáo Hoàng). Vô tình, Innocent đã giúp đỡ các thế lực chính trị mà một mai kia nó làm sụp đổ thể chế Giáo Hoàng.

Tham vọng về quyền lực của Innocent được cập theo bằng những hoạt động không mệt mỏi của ông. Ông khơi mào một cuộc viễn chinh lớn đến Đất Thánh, điều này xảy ra đem lại việc thành Constantinople nằm dưới sự kiểm soát của ông vào năm 1204. Ông tổ chức một đoàn thập tự quân chống lại một nhóm tà giáo mệnh danh là nhóm Albigenses ở miền Nam nước Pháp vào năm 1208. Dự định của ông là xóa sạch tà giáo bằng sức mạnh. Năm 1215, ông triệu tập Hội nghị Lateran Đệ Tứ. Qua hội nghị đó, việc xưng tội hàng năm đối với một linh mục trở thành điều bắt buộc và biến thể thuyết được công bố là một tín lý của giáo hội.

Tuy nhiên, khoảng cuối thế kỷ đó quyền hành và uy tín của Giáo Hoàng xuống đến một mức độ thấp kém nhất. Khi Giáo Hoàng Boniface VIII bị vua Philip the Fair người của nước Pháp giam cầm. Chúng ta sẽ nghiên cứu về sự sụp đổ này của thể chế Giáo Hoàng ở Bài học 12.

6. Giáo Hoàng Innocent III tin rằng Giáo Hoàng thì

- a. Ở dưới Đức Chúa Trời nhưng ở trên loài người
- b. Bình đẳng với Đức Chúa Trời
- c. Ở dưới Hoàng Đế nhưng ở trên mọi người khác.
- d. Ngang hàng với Hoàng Đế.

7. Tại sao cảm chỉ lại có hiệu lực trong việc khiến các vị vua thần phục ước muốn của Giáo Hoàng như vậy?

.....  
.....

.....

8. Đóng góp chính của Giáo Hoàng Innocent III là gì?

.....  
.....

.....

9. Trong cách xử sự với Đế Quốc Lamã Thánh, Innocent

- a. Đã làm suy yếu Đế Quốc Lamã Thánh
- b. Đã đánh mất sự bảo vệ của Đế Quốc Lamã Thánh
- c. Đã củng cố quyền lực của nước Pháp
- d. Tất cả các điều trên.



## CÁC CUỘC VIỄN CHINH (THẬP TỰ QUÂN)

Khoảng giữa năm 1095 và 1270, giáo hội Lamã bày tỏ lòng sốt sắng thuộc linh qua tám cuộc viễn chinh lớn mà sứ mạng của chúng là đánh đuổi người Hồi giáo ra khỏi Thánh Địa. Từ năm 800, đã có truyền thống của quân Frank bảo vệ các nơi thánh ở Giêrusalem và giúp đỡ những người hành hương đến đó. Với cuộc đại bại của Manzikert ở Đông Phần Đế quốc vào năm 1071 do quân Seljuk Thổ Nhĩ Kỳ, đoàn quân này cũng đã chiếm lấy Giêrusalem khỏi phe Hồi giáo đồng loại của họ, các khách hành hương đã gặp bất bớ. Quân Seljuk Thổ Nhĩ Kỳ đã chiếm hầu hết các Nơi Thánh ở xứ Palettin và đang đe dọa thành Constantinople. Vào năm 1095, hoàng Đế Alexius của Đông Phần Đế Quốc cầu cứu Giáo Hoàng Urban II. Do vậy, những động cơ khác cho các cuộc viễn chinh là phải đẩy lùi bước tiến của quân Hồi giáo và hàn gắn sự chia rẽ giữa phương Đông và phương Tây.

Một yếu tố phi tôn giáo đã thôi thúc các cuộc viễn chinh là tính mạnh mẽ kiệt quệ. Dân chúng cần sự cứu thoát khỏi nạn đói và cần sự khuyến khích giao thương. Như vậy, một loại di dân thuộc địa đã phát sinh tương tự như các cuộc di chuyển của các bộ tộc ở thế kỷ thứ tư và thứ năm. Dĩ nhiên các đoàn thập tự quân cũng thu hút những người nào mà họ chỉ muốn đi mạo hiểm hay là muốn trốn lánh các nan đề trong nước hay trốn lánh sự hình phạt về tội phạm. Tuy nhiên, yếu tố thúc đẩy chính là về tôn giáo. Cuộc viễn chinh Thập tự quân là một cuộc Thánh chiến của Cơ Đốc giáo mà nó cũng cung cấp cơ hội cho các cuộc hành hương cá nhân để đi đến các Nơi Thánh.

Cuộc viễn chinh đầu tiên (1095-1099) xảy ra khi Giáo Hoàng Urban II thách thức người Pháp trong một bài thuyết giảng kêu gọi giúp các tín đồ Cơ Đốc phương Đông chống lại quân Thổ Nhĩ Kỳ. Đáp lời kêu gọi của ông, người ta đã gào lên "Đức Chúa Trời muốn điều đó!". Hàng đoàn dân quê vô tội chức đã bắt đầu băng qua nước Đức, Hungary và Hylạp. Đó là một tai họa cho nhiều người trong số họ. Giới Quý Tộc của Pháp, Bỉ và Ý đã đưa quân đội của họ đến chỗ chiến thắng tại Giêrusalem vào năm 1099. Họ đã chuyển hệ thống chính trị thời trung cổ của Âu Châu bằng việc thành lập vương quốc Cơ Đốc giáo tại Giêrusalem, Adessa, Antioch và sau này tại Constantinople. Mặc dầu vương quốc Giêrusalem kéo dài gần 90 năm, nhưng thành phố này một lần nữa lại rơi vào vòng kiểm soát của người Hồi giáo dưới sự cai trị của Saladin của Aicập.

Nhưng cuộc viễn chinh khác ít thành công hơn. Cuộc viễn chinh thứ tư (1202-1204) do Giáo Hoàng Inocent III kêu gọi đã thất bại vì phe quân sự đã hướng những nỗ lực của họ chống lại thành phố Constantinople của Cơ Đốc giáo thay vì chống lại quân Thổ. Họ đã đem giáo hội Đông phương vào dưới sự cai trị của Giáo Hoàng từ năm 1204 đến 1261 và thành lập vương quốc Latinh ở đó. Cuộc viễn chinh thứ tám (1270) đã làm mất mạng vua Louis IX của Pháp. Vài năm sau vào năm 1291, Acre, tiền đồn cuối cùng của thập tự quân xứ Palettin đã rơi vào tay quân Thổ Nhĩ Kỳ.

Xét về những mục tiêu đã được công bố của họ là giành lại Đất Thánh, chặn bước tiến của Hồi giáo, và hàn gắn sự chia rẽ giữa các giáo hội Đông phương và Tây phương, thì những cuộc viễn chinh đã thất bại. Tuy nhiên họ đã sản sinh ra một số dòng tu vũ trang mà chúng kết hợp chế độ tu viện với sinh hoạt quân sự. Mục tiêu của các tu sĩ hiệp sĩ vốn là để phục vụ và bảo vệ các khách hành hương ở phương Đông tương tự như tổ chức Hồng Thập Tự ngày nay, các tu sĩ vũ trang Hospitallers được thành hình vào năm 1113 và dòng hiệp sĩ Knights Templar thành lập vào năm 1118 (tại Giêrusalem). Các Hiệp sĩ Teutonic (dân Đức) nổi lên vào cuối thế kỷ mười hai và có nhiều quyền lực về chính trị và kinh tế trong nhiều thế kỷ. Sau kỷ nguyên thập tự quân, các tổ chức này tiếp tục phục vụ như là những đạo quân thường trực trong thế giới Cơ Đốc Giáo.

Các cuộc viễn chinh cũng dẫn đến nhiều sự thay đổi ở Âu Châu. Chủ nghĩa phong kiến bị suy yếu. Đất đai của các nhà quý tộc mà họ không bao giờ trở về nữa đã được bán cho dân quê và dân thành thị. Các thành phố trở nên hùng mạnh và thành lập chính quyền tự quản. Đường giao thông được phát triển để cung cấp hàng hóa đã được đưa vào Châu Âu do các đoàn thập tự quân. Các thành phố ở Ý mua về tơ lụa, gia vị và hương liệu từ vùng Trung Đông.

Những cuộc tiếp xúc này đã cung cấp nhiều hàng hóa hơn. Châu Âu đã khám phá một thế giới tư tưởng mới. Nghệ thuật, triết học, khoa học và văn học của Ả rập đã tràn vào lục địa. Châu Âu không bao giờ bị biệt lập và yên tĩnh trở lại được nữa. Sau cùng, các cuộc viễn chinh đã ảnh hưởng sâu đậm trên giáo hội. Sau cuộc viễn chinh thứ tư, sự thù hận giữa phương Đông và phương Tây càng thêm nhiều.

Nhiều người bắt đầu thấy giáo hoàng như là một thủ lĩnh quân sự hơn là một nhà lãnh đạo thuộc linh. Các cuộc viễn chinh cũng giúp cho chủ nghĩa quốc gia bùng dậy khi dân chúng ủng hộ các nhà lãnh đạo địa phương và các chính phủ đang nổi dậy. Tóm lại, các cuộc viễn chinh đã làm suy yếu quyền lực của giáo hoàng và làm giảm uy tín của giáo hoàng.

10. Cuộc viễn chinh lần thứ tư đã thành công trong việc

- a. Tái chiếm Giêrusalem khỏi tay Saladin.
- b. Chọc thủng Aicập và đẩy lùi quân Hồi giáo.
- c. Làm gia tăng lòng thù hận giữa phương Đông và phương Tây.
- d. Hàn gắn sự chia rẽ trong Hội Thánh.

11. Hãy kể ra các yếu tố dẫn đến các cuộc viễn chinh

12. Cho biết những kết quả của các cuộc viễn chinh trong những lãnh vực sau:

- a. Quân sự
- b. Kinh tế
- c. Tri thức
- d. Tôn giáo

13. Hãy đánh giá sức mạnh quân sự như là một phương pháp truyền giáo.

## CÁC PHONG TRÀO CẢI CHÁNH

### Chế Độ Tu Viện

Lòng sốt sắng thuộc linh đã thúc đẩy các cuộc viễn chinh cũng như thúc đẩy việc thành lập các dòng tu mới vào cuối thế kỷ mười hai. Sự quan tâm cải cách của phong trào Clunio của thế kỷ thứ mười đã tiêu biến. Một lần nữa các tu viện có lợi lộc về mặt vật chất trong việc góp nhiều của cải, nhưng chịu khốn khổ về mặt thuộc linh trong sự suy đồi của họ.

Dòng Carthusian, thành lập năm 1084 là một sự hồi sinh của chủ nghĩa tu viện theo kiểu ẩn sĩ của Aicập. Lối sống trầm tư và khắc khổ đặc trưng cho chế độ tu viện suốt cả giai đoạn cuối của thời Trung cổ.

Nhiều dòng tu Benedictine nghiêm khắc đã được thành lập vào khoảng năm 1100. Dòng thành công nhất là dòng Cistercian. Khởi đầu ở Citeaux, Pháp vào năm 1090, nó bắt đầu phát triển vào năm 1115 dưới sự lãnh đạo của Bernard ở Clairvaux (1090-1153), thành viên quan trọng nhất của dòng. Dầu nhà dòng đã có một sự quản trị tập trung hơn giống như hệ thống tổ chức của tu viện Clunio, nhưng nó cho phép có sự biểu lộ nhiều hơn. Vào cuối thế kỷ mười hai, nó phát triển đến 530 tu viện.

Dòng Cistercians đã làm hồi sinh cuộc sống của dòng Benedictine ngày trước, sửa sai các thiếu sót về kỷ luật và đời thuộc linh giữa vòng các tu sinh. Họ nhấn mạnh đến sự từ bỏ mình, cơ sở vật chất không xa hoa và các sự phục vụ giản dị. Thay vì thu hút tầng lớp quý tộc như tu viện Clunio đã làm, họ thu hút tầng lớp dân quê. Nhiều dòng tu mới đã lập tu viện ở nơi xa xôi, hoang vắng. Các thành viên sinh sống và ăn mặc giản dị. Họ chú tâm đến sự yên tĩnh, sự khổ tu và công việc thủ công. Sự học vấn không được quan tâm đến.

Bernard đã gia nhập vào dòng tại Citeaux vào năm 1112 và đã thành lập một khu nhà dòng mới ở Clairvaux vào năm 1115, nhà dòng đầu tiên trong số hơn 65 nhà dòng. Cuộc sống của ông là một cuộc sống quân bình. Ông khiêm tốn nhưng can trường và là một nhà quản trị thuộc linh có khả năng. Sự thuyết giảng mạnh mẽ của ông luôn thu hút người ta gia nhập vào tu viện. Ông là một nhà thần học sâu nhiệm và là một nhà sáng tác Thánh ca sinh động. Cả các vị giáo hoàng lẫn vua chúa đều nghe theo mưu luận của ông. Ông đã được chọn để giảng thuyết cho cuộc viễn chinh thứ nhì.

Mĩa mai thay, dòng Xistercians đã phát triển thành những người lao động khéo léo đến nỗi họ đã biến những vùng đất hoang vu thành ra những điền sản trù phú. Tội tham lam bắt đầu phát sinh. Sự thành công đời này của họ đã hủy hoại mục đích khổ tu ban đầu của họ. Vào cuối thế kỷ mười hai, họ đã trở nên lỏng lẻo và vô hiệu.

14. Mặc dầu cả dòng Clunio và dòng Cistercian đều khởi đầu như là các cuộc cải chánh, nhưng sự khác nhau giữa họ là gì? Hãy dùng vở ghi bài.

15. Nhiều Cơ Đốc nhân đã quan sát thấy rằng mỗi thể hệ đều cần có một sự phục hưng. Điều này áp dụng như thế nào vào các cuộc cải cách của dòng Clunic và dòng Cistercian?

#### Sự Khát Thực

Vào lúc cao điểm của quyền lực giáo hoàng, các nhóm tôn giáo được biết như là các dòng tu khát sĩ đã nổi lên. Như là một thành phần của phong trào sống nghèo khó, họ chống đối giáo hội chuyên chú vào các phép bí tích, quan tâm đến chính trị nhiều hơn đến việc chăm sóc mục vụ. Họ nghi vấn sự ích lợi của giáo luật, các cuộc viễn chinh thánh, việc chỉ định các giám mục và các cuộc tranh luận thần học khi mà thường dân chỉ nhận được đá khi họ xin bánh ([Mat Mt 7:9](#)). Tuy nhiên, những dòng tu này tìm cách cải cách trong vòng giáo hội chứ không tìm cách thay thế giáo hội. Họ nhận được sự chuẩn thuận chính thức của giáo hoàng và trực tiếp chịu trách nhiệm đối với ông. Chung cuộc, họ đã thực sự củng cố cho sự cai trị của ông trong dân chúng.

Các thành viên của những dòng tu này được gọi là các Friars, hay thầy dòng, đó là từ ngữ Latinh để gọi "anh em". Họ chấp nhận lối sống theo Kinh Thánh dựa trên [19:21](#), "Chúa Jesus phán rằng: Nếu người muốn được trọn vẹn hãy đi bán hết gia tài mà bố thí cho kẻ nghèo nàn, thì người sẽ có của quý ở trên trời; rồi hãy đến mà theo ta". Họ cũng trích dẫn [16:26](#).

Thay vì sống trong một cộng đồng tu hành cách biệt như các tu sinh đã có, các sư huynh sống giữa vòng dân chúng. Trong khi các tu sinh kiếm sống bằng chính sức lao động của mình thì các sư huynh sinh sống bằng việc khiêm tốn tiếp nhận của bố thí. Họ đã có một chức vụ sinh động trong trần gian. Họ chăm sóc cho người đau và cung cấp những phục vụ khác cho dân sư thành thị. Họ thuyết giảng bằng ngôn ngữ của dân chúng, khôi phục lại việc giảng thuyết cho giáo dân trong nhà thờ.

16. [16:26](#) đã đối diện với khía cạnh nào của chế độ tu hành?

17. Hãy nhận ra từng câu sau đây là đặc điểm của A) Tu sinh, hay B) Các Sư huynh

.....a Họ sống trong những cộng đồng cách biệt.

.....b Mục đích của họ là sống theo [19:21](#)

.....c Họ giảng cho dân chúng bằng tiếng địa phương

.....d Họ kiếm sống bằng sức lao động của mình

.....e Họ dành nhiều thì giờ để suy gẫm.

.....f Họ cung cấp các phục vụ cho dân cư thành thị.

#### Dòng Franciscans

Dòng Franciscans là một trong hai dòng khát sĩ hay "ăn xin" quan trọng nhất.

Người sáng lập dòng là Francis (1182-1226) của thành phố Assisi, nước Ý. Sinh ra trong một gia đình buôn bán quần áo giàu có, Francis đã sống một cuộc đời bê tha, đầy sự lãnh đạm thuộc linh. Năm 22 tuổi, cậu bị đau nặng. Trong lúc đau ốm, cậu

đã được hoán cải thuộc linh và dâng mình để phụng sự Đức Chúa Trời. Trong một khả tượng, cậu đã nhìn thấy những lời Chúa Jesus phán trong [10:7-10](#). Cậu nhóm hiệp một nhóm nhỏ những người cứu giúp, cùng ra đi ca hát, giảng dạy và phục sự. Họ đi chân trần, ngủ ngoài trời, ăn uống ít ỏi, họ ra đi để chinh phục trần gian này cho Chúa Jesus. Luật lệ của họ bao gồm các mạng lệnh trong [LuLc 9:23](#); [Mat Mt 19:21](#) và [10:7-10](#).

18. Hãy đọc khúc Kinh Thánh đã nhắc đến ở trên và tóm lược luật lệ của Francis.

Francis đã rao giảng trong các vùng xa xăm tận Tây Ban Nha và Aicập. Từ buổi đầu, dòng Franciscans đã là những giáo sĩ tích cực. Một số người giảng đạo ở Batur, Đn độ và thậm chí ở Trung hoa vào năm 1205 dưới triều Thành Cát Tư Hãn, người Mông cổ. Họ để lại một chuỗi các hội truyền giáo cơ đốc từ Constantinople đến Bắc kinh. Tuy nhiên, khi người Mông cổ ở phía Tây trở thành người Hồi giáo, họ đã ngăn cản các giáo sĩ đi bằng ngang qua lãnh thổ của họ. Dòng Franciscans đã và vẫn đang hoạt động hữu hiệu ở nhiều vùng khác. Họ thuộc số những nhà truyền giảng Tin lành đầu tiên ở tại Bắc và Nam Mỹ.

Ngoài lòng nhiệt thành truyền bá Tin lành của họ, dòng Franciscans tỏ ra có nhiều lòng trắc ẩn về xã hội. Họ xây cất và điều hành các bệnh viện để chăm sóc cho người bệnh và người bị xã hội ruồng bỏ. Trong công tác này, nhiều người đã hy sinh trong những trận dịch đã quét qua Châu Âu vào giữa thế kỷ mười bốn. Chắc chắn dòng Franciscans đã nhờ đến những nhu cầu "trong lòng" của con người. Ngày nay, người ta vẫn cầu nguyện bài cầu nguyện mà Francis đã viết, gồm những lời này: "Vì chính khi hiến dâng là khi được nhận lãnh, chính lúc thứ tha là khi được tha thứ, chính lúc dứt đi là vui sống muôn đời".

Dòng Dominicans

Dòng sư huynh quan trọng khác là dòng Dominicans. Họ mang tên theo tên người sáng lập dòng là Dominic (1170-1221), một người thuộc hoàng gia Tây Ban Nha. Có một người mẹ tin kính, ông được phong làm linh mục khi còn là một thanh niên. Cuộc đời của ông đã nhận một hướng đi mới trong một chuyến đi đến miền Nam nước Pháp. Ông chịu cảm động, có thương xót đối với người Albigensians, một nhóm tà giáo mà giáo hoàng Innocent III đang đàn áp. Dominic quyết định chinh phục họ về đức tin Công giáo. Chiến lược của ông bao gồm sự khổ hạnh, sự giản dị và sự luận bàn. Những lời trấn trối của ông là một lời khuyên "hãy bày tỏ lòng nhân ái, duy trì sự khiêm tốn và chấp nhận sự khó nghèo".

Trước lúc qua đời, Dominic đã trở thành thần học gia của Giáo Hoàng, một địa vị mà dòng Dominicans đã chiếm giữ kể từ đó. Điều này chỉ tỏ sự quan tâm đến học vấn của họ. Không giống như dòng Franciscans nhờ đến tấm lòng, dòng Dominicans chỉ nhờ đến "đầu óc" của con người. Họ sử dụng sự thuyết phục bằng trí óc để đối đầu với tà giáo.

Dòng Dominicans thường được đề cập đến như là "những con chó săn của Chúa",

vì có họ kiên trì trong việc săn đuổi, triệt hạ tà giáo và sự dốt nát. Bất hạnh thay, họ bắt đầu tìm kiếm và trừng phạt những kẻ theo tà giáo. Năm 1220, giáo hoàng giao cho dòng Dominicans quản nhiệm tòa án giáo hội (Inquisition), tòa án này điều hành những vụ xử kín những kẻ theo tà giáo. Năm 1252, giáo hoàng ban cho họ quyền được làm thống khổ (tra tấn) các người theo tà giáo để buộc họ hối cải. Dòng Franciscans là những nhà truyền giáo vĩ đại cố chinh phục trần gian bằng việc rao giảng và thực hành chữa bệnh. Dòng Dominicans là những học giả uyên thâm vì cố chinh phục những người theo tà giáo bằng sự thuyết phục và sự bắt bớ. Từ hai nhóm nhà dòng này đã xuất hiện các học giả danh tiếng, các nhà thần bí và các nhà cải cách. Chúng ta sẽ nghiên cứu một số ít người trong số này ở Bài học 11.

19. Các đoàn thể tôn giáo đã có cái nhìn lành mạnh nhất về sự phục vụ và chức vụ thuộc linh đối với trần gian này là:

- a. Dòng Cistercians
- b. Dòng Clunics
- c. Các sư huynh (Friars)

20. Các dòng khát sĩ thì

- a. Chống lại thể chế giáo hoàng
- b. Bị giáo hoàng dứt phép thông công.
- c. Cũng giống như các dòng tu.

21. Hãy giải thích tại sao dòng Franciscans kêu gọi những nhu cầu "trong lòng" trong khi đó dòng Dominicans kêu gọi những nhu cầu "trong đầu".

.....  
.....  
.....

### Các Nhóm Tà Giáo

Ngày nay, đa số Cơ Đốc nhân đều xem đức tin tôn giáo của họ là vấn đề riêng tư. Trái lại, các Cơ Đốc nhân thời Trung cổ xem niềm tin Cơ Đốc là điều kết nối của xã hội. Sự phủ nhận chỉ một yếu tố của giáo hội tức là tà giáo.

Tà giáo là sự phủ nhận của một người đã chịu lễ Báp têm về bất cứ lễ thật nào đã được mặc khải của "đức tin" Cơ Đốc. Những lễ thật này bao gồm sự thống nhất giáo hội, sự chỉ định của thiên thượng cho giáo hoàng như là nguyên thủ về các phép bí tích, về hệ thống phẩm trật, sự phân biệt giữa hàng giáo phẩm và giáo dân, việc thu hồi Kinh Thánh từ quần chúng, v.v...

Trong nỗ lực đem lại sự cải cách trong giáo hội hoặc cung ứng một sự thay thế cho giáo hội đã thành lập, nhiều nhóm "tà giáo" đã nổi lên. Tà giáo không phải là điều mới mẻ. Augustine ở Hippo liệt kê ra 88 tà giáo đã có trong thế kỷ thứ năm. Trong thế kỷ mười hai và mười ba, giáo hội bắt đầu phân biệt đối xử với tà giáo.

Trong biểu đồ sau đây, hãy để ý tính khắt khe càng gia tăng của sự ứng phó của

giáo hội Lamã đối với những người theo tà giáo trong việc khai triển Tòa Án Giáo Hội. Lúc đầu đó là một định chế của hàng giám mục do các giám mục địa phương đảm nhiệm nhằm giúp cho giáo hội được "tinh ròng". Sau đó thể chế giáo hoàng được giao cho các sư huynh dòng Dominicans đảm nhiệm, họ chịu trách nhiệm trực tiếp với giáo hoàng. Tòa Án Giáo Hội là một phiên tòa đặc biệt, nó xét xử cả những ý định lẫn những hành động của người bị nghi ngờ theo tà giáo. Các người phụ trách giáo hội đã áp dụng cực hình để buộc những người theo tà giáo thú nhận và hoán cải. Nếu không chịu làm như vậy thì có nghĩa là bị hành quyết bằng cách thiêu sống.

## TOÀ ÁN GIÁO HỘI

Giáo Hoàng

Alexander III

Lucius III

Innocent III

Honorius III

Gregory IX

Innocent IV

Năm

1162

1172

1184

1199

1208

1220

1231

1252

Chiến thuật

Phái các viên chức đã phát hiện người theo tà giáo

Hội nghị Lateran lần thứ ba công bố cuộc viễn chinh chống lại nhóm Cathars ở Pháp.

Ra sắc lệnh cho phép các giám mục tra vấn những người tà giáo và giao cho họ chính quyền thế tục để trừng phạt.

Phái dòng Cistercians đàn áp nhóm Albigensians.

Phái một cuộc viễn chinh quân sự đi đàn áp nhóm Albigensians.

Đặt dòng Dominicans, hơn là các giám mục, trông coi các cuộc điều tra.

Ra sắc lệnh hỏa thiêu những người theo tà giáo bởi nhà cầm quyền thế tục và lập

Tòa Án giáo hội thành một định chế của giáo hoàng.

Đặt ra những biện pháp để hoàn thành trên Tòa Án Giáo Hội và cho phép Dominicans được sử dụng cực hình.

22. Trong thời Trung cổ, giáo hội định nghĩa tà giáo như thế nào?

23. Hãy khoanh tròn mẫu tự đứng trước mỗi câu ĐÚNG về Tòa Án Giáo Hội
- Các giám mục có quyền hỏi cung người theo tà giáo nhưng không được hành quyết những người bị nghi là có phạm tội.
  - Tòa Án Giáo Hội là một định chế của giáo hoàng phát triển từ nỗ lực của các giám mục trong việc giữ cho giáo hội được "tinh ròng"
  - Các vị giáo hoàng khác nhau đã dùng Tòa Án Giáo Hội để đàn áp nhóm Albigensians ở Pháp.
  - Các nhà cầm quyền thế tục không có phần gì trong Tòa Án Giáo Hội
  - Thế chế giáo hoàng ra lệnh xét xử những người theo tà giáo nhưng không làm thống khổ những người theo tà giáo.

Hai nhóm tà giáo lớn nhất là Albigensians và Waldensians. Vì hầu hết những thông tin về họ đều bị kẻ thù giữ kín, nên chúng ta không biết chắc về những gì họ tin. Tuy nhiên, điều biết rõ ràng nhất về họ đó là cả hai nhóm đều chống đối Cơ Đốc Giáo mang tính chất thế gian, giàu có... Cả hai đều ao ước tính đơn giản của Tân Ước.

#### Nhóm Albigensians

Nhóm Albigensians xuất xứ từ vùng Albi, Pháp Quốc. Họ là thành phần của nhóm Cathars, đã sinh trưởng ở Tây Âu vào thế kỷ mười hai và mười ba. Tin là mình "thuần khiết", họ cố noi theo Kinh Thánh Tân ước, nhưng đồng thời họ cũng noi theo các ý niệm về nhị nguyên và tu trì như người phái Manichaeans. Giáo thuyết của họ phân biệt thần lẽ thật (vị thần của thời Tân ước) với thần giả dối (thần của thời Cựu ước). Vị thần thiện đã tạo ra vật thuộc linh, còn vị thần ác tạo ra vật chất. Cũng như mọi người phái Trí Huệ, họ tin rằng mọi vật thuộc thể đều là xấu. Như vậy, họ phủ nhận sự nhập thể của Đấng Christ và các phép bí tích mà nó tập trung vào sự hiện diện thuộc thể của Đấng Christ trong lễ tiệc thánh, sự sống lại của thân thể, địa ngục và ngục luyện tội.

Họ lên án chiến tranh, hôn nhân và ngay cả việc ăn uống nữa. Những người thuộc linh thật (những người Trọn Lành) phải sống khó nghèo, sống độc thân và chỉ ăn rau quả mà thôi. Những người khác (các Tín Đồ) thì lỏng lẻo hơn trong lối sống của họ, vâng phục những người Trọn lành.

Việc họ dựa vào uy quyền của Tân Ước là một sự thách thức trực tiếp đối với sự yêu cầu của người Công Giáo về uy quyền của các sứ đồ. Việc này dẫn đến cuộc viễn chinh quân sự chống lại họ do giáo hoàng Innocent III triệu tập vào năm 1208. Nhiều cuộc thăm sát đã đem phong trào này đến chỗ chung kết vào năm 1250.

24. Dầu muốn noi theo Tân ước, nhưng thuyết nhị nguyên nền tảng của nhóm Albigensians đã ngăn chặn họ khỏi những lẽ thật đơn sơ của Kinh Thánh. Ví dụ như [ITi1Tm 5:14](#) và [HeDt 13:4](#) bất đồng với lập trường của họ về hôn nhân như thế nào?

.....  
 .....



.....

.....

### Nhóm Waldensians

Nhóm Waldensians cung cấp một sự thay thế cho giáo hội đã thành lập. Tuy nhiên, nhóm Waldensians vốn cố gắng để thanh lọc giáo hội. Người sáng lập nhóm là Peter Waldo, nước Pháp đã tin đạo qua việc đọc Kinh Thánh Tân ước. Ông đã từ bỏ sự giàu sang của mình và tổ chức một nhóm tín hữu để rao giảng về Đấng Christ. Họ dùng Kinh Thánh Tân ước mà Waldo đã phiên dịch ra tiếng bản xứ. Mệnh danh là "những người nghèo ở Lyons" họ được giáo hoàng Alexander III chuẩn nhận vào năm 1179.

Hai năm sau, tổng giám mục ở Lyons đã cấm họ rao giảng. Lối sống của họ là một sự lên án sống về sự giàu có và buông tuồng của giáo hội. Tuy nhiên, Waldo và các bạn hữu cứ tiếp tục rao giảng. Giáo hoàng Lucius III dứt phép thông công họ vào năm 1184, cũng trong năm đó, ông ra sắc lệnh truyền cho các linh mục phải quản nhiệm các cuộc điều tra về những người tà giáo.

Chưa đầy một thập niên, phong trào phổ thông này được gọi là tà giáo. Lỗi lầm chính của họ là giảng Kinh Thánh và bác bỏ vai trò trung gian của hàng ngũ linh mục. Họ tin rằng mọi người phải có Kinh Thánh bằng tiếng mẹ đẻ của mình và mọi người nam nữ thuộc nhóm Waldensian có thể ban phát các phép bí tích. Họ phủ nhận ngục luyện tội và sự cầu nguyện cùng các thánh. Cuối cùng họ bị vu cáo tội chối bỏ mọi khía cạnh thuộc thể của giáo hội: Nhà thờ, nghĩa trang, bàn thờ, nước thánh, các giáo nghi, các cuộc hành hương và sự xá tội.

Nhóm Waldensians mạnh mẽ nhất ở Trung Âu và Đông Âu, nơi đó sau này đã ảnh hưởng trên cuộc cải chánh Tin lành. Dầu họ bị Tòa Án Giáo Hội bắt bớ rộng khắp, họ vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

25. Tại sao giáo hội công giáo xem nhóm Waldensians là kẻ tà giáo dầu rằng giáo lý của họ dường như đúng theo Kinh Thánh?

26. Ghép cặp các đặc điểm (bên trái) với các nhóm thích hợp (bên phải)

- .....a Nhờ đến Kinh Thánh Tân ước
- .....b Giống với phái Trí Huệ Giáo
- .....c Khuyến khích giáo dân rao giảng
- .....d Bị cuộc viễn chinh tiêu diệt
- .....e Bị giáo hội Công Giáo chối bỏ
- .....f Muốn có Kinh Thánh bằng tiếng bản xứ

- 1) Albigenians
- 2) Waldensians
- 3) Cả hai nhóm

Thế kỷ mười hai và mười ba được đánh dấu bằng những phong trào. Các đoàn viễn chinh quân sự đã giao chiến với Hồi Giáo ở Trung Đông. Kết quả là Châu Âu đã khám phá một thế giới mới ở Đông phương và không bao giờ còn biệt lập nữa. Các

kiểu chủ nghĩa tu viện mới đã đem lại các cuộc cải cách cho thế giới Cơ đốc giáo. Các sư huynh phát triển sự phục vụ và sự giảng đạo thực tiễn. Những giáo dân thềm khát Cơ Đốc giáo thời Tân ước đã bỏ lòng sốt sắng nhưng đã bị loại khỏi giáo hội. SUốt trong thời kỳ này, giáo hội cũng đang trải qua những cuộc tranh luận về thần học của chủ nghĩa kinh viện, sự thực hiện đầy đủ các nghi thức trong sự thờ phượng, sự nổi lên của các Đại học đường và các giáo đường kiểu Gôtích. Đây là những đề tài của bài học 11.

## Bài Tự Trắc Nghiệm

**CÂU CHỌN LỰA:** Hãy khoanh vòng mẩu tự đứng trước câu trả lời đúng nhất.

1. Gregory VII đã có được một ít sự tiến triển trong việc giải quyết nan đề về sự phong chức của hàng giáo dân bằng cách:

- Ban một số quyền hạn nào đó cho các nhà cai trị thế tục.
- Hạ nhục một hoàng đế đã khiêu khích ông trong vấn đề này.
- Thuận theo một biện pháp hòa giải đối với thỏa ước Worms
- Cấm hàng linh mục dự các buổi lễ phong chức.

2. Cuộc cải cách "của Gregory" đã tạo ra những kết quả tiêu cực về

- Sự chia rẽ sâu đậm giữa hàng giáo phẩm và giáo dân.
- Sự khai trừ hàng giáo phẩm khỏi bất kỳ sự can dự thế tục nào.
- Bãi bỏ sự khống chế của chính quyền trong các công việc của giáo hội.
- Tất cả các điều trên.

3. Quyền hành thái quá của Innocent III dẫn đến

- Một cuộc viễn chinh quân sự lớn đã đem thành Constantinople vào dưới sự cai trị của ông
- Việc dùng sức mạnh để tiêu diệt nhóm Albigensians
- Sự làm suy yếu Đế Quốc Lamã Thánh mà trước kia đã bảo vệ thể chế giáo hoàng.
- Tất cả các điều trên.

4. Các tu sĩ và các sư huynh thì

- Được hướng dẫn bởi cùng mục đích giống nhau
- Trực tiếp chống đối lẫn nhau.
- Trực tiếp quan tâm đến sự đổi mới thuộc linh.
- Trực tiếp chống đối giáo hội Lamã

5. Dòng Dominicans và dòng Franciscans

- Cả hai đều là những dòng khát sĩ.
- Đối lập trong sự nhờ đến đầu óc và nhờ đến tâm lòng của họ.
- Sốt sắng trong những cố gắng của họ để đem người ta trở lại đạo.
- Tất cả các điều trên.

**CÂU ĐÚNG SAI.** Hãy viết chữ Đ trước mỗi câu đúng và chữ S trước mỗi câu sai.

.....6 Các cuộc viễn chinh được thúc đẩy bởi những mục đích thuần túy tôn giáo.

.....7 Các cuộc viễn chinh đã thành công trong việc giải phóng các nơi Thánh.

.....8 Thể chế giáo hoàng tìm cách gia tăng quyền lực của mình qua các cuộc viễn chinh nhưng thực tế đã làm suy giảm nó do kết quả của việc chủ nghĩa quốc gia đẩy lên mà các cuộc viễn chinh đã khuyến khích.

.....9 Các phạm nhân và những người "bất khiết" khác không được phép tham dự vào các cuộc viễn chinh mà được dùng như là những cuộc hành hương.

.....10 Ý tưởng về cuộc viễn chinh đã nhờ đến đông đảo quần chúng mà họ đã chịu khổ cực về họa nạn kinh tế.

.....11 Các cuộc viễn chinh bị thúc đẩy một phần là do Giáo Hội Đông phương cần được giúp đỡ để chôn gài quân Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ.

.....12 Các cuộc viễn chinh đã làm gia tăng lối sống yên tĩnh và cách biệt của người Âu châu.

.....13 Tòa Án Giáo Hội đã phát triển một thời gian thành "chó săn" của thể chế giáo hoàng.

.....14 Một người có thể bị Tòa Án Giáo Hội xét xử về những việc như là đọc Kinh Thánh hay chỉ bị vu cáo là có đọc Kinh Thánh.

.....15 Tòa Án Giáo Hội do các viên chức chính quyền đảm nhiệm chớ không phải do những nhà lãnh đạo tôn giáo.

.....16 Đối với giáo hội Lamã, tà giáo chủ yếu là sự phủ nhận của một người về đức tin nơi Chúa Jesus Christ.

17. Hãy ghép các hoạt động (bên trái) với các giáo hoàng thích hợp (bên phải)

.....a. Lập ra ý niệm về thần quyền thể chế trong Dictatus Papae (lệnh của Giáo Hoàng)

.....b Giúp thành lập Hồng Y Đoàn

.....c Dùng tài ngoại giao để đem các vua và các hoàng đế vào dưới sự sai khiến của mình.

.....d Triệu tập hội nghị Lateran đệ tứ.

.....e Dùng sự dứt phép thông công và cấm chỉ để thiết lập uy quyền giáo hoàng.

1) Gregory VII

2) Innocent III

3) Both men

18. Hãy ghép cặp các đặc điểm (trái) với các dòng tu (phải)

.....a Chú tâm đến sự đổi mới thuộc linh ở thế kỷ thứ mười

.....b Chú tâm đến sự đổi mới thuộc linh ở thế kỷ thứ mười hai.

.....c Thu hút các dân quê.

.....d Không muốn nhấn mạnh đến sự lao động chân tay.

.....e Chăm dứt việc chú tâm vào sự sung túc và cuộc sống dễ chịu.

1) Dòng Cistercians

2) Clunics

3) Cả hai dòng

19. Hãy ghép cặp các giáo lý hoặc các thói quen (trái) với các nhóm (phải)
- .....a Tin rằng họ thực sự "thuần khiết"
  - .....b Mong muốn sự giám dị của Hội Thánh thời Tân ước
  - .....c Đề rao giảng Kinh Thánh cho mọi người
  - .....d Chối bỏ sự nhập thể của Đấng Christ.
  - .....e Được xem như là theo đúng Kinh Thánh trong các niềm tin căn bản của họ.
  - .....f Chống đối hệ thống phép bí tích dành riêng cho giới phẩm trật của giáo hội.
- 1) Nhóm Albigensians
  - 2) Waldensians
  - 3) Cả hai nhóm

### Giải Đáp Các Câu Hỏi Nghiên Cứu

14. Câu trả lời của bạn. Dầu cả hai dòng đã tập trung hóa sự cai trị nhưng dòng Cistercians có sự biểu lộ nhiều hơn. Dòng Clunics thu hút giới quý tộc và nhấn mạnh đến sự học tập còn dòng Cistercians thì lôi cuối giới dân quê và nhấn mạnh đến việc trồng trọt.

1. b. Các giáo lệnh

15. Câu trả lời của bạn. Mặc dầu phong trào Clunics khởi đầu là một sự phấn hưng rất cần thiết nhưng nó đã rơi vào chỗ thờ ơ đời thuộc linh. Chính nó cần được cải cách trong khoảng thế kỷ mười hai.

2. Câu trả lời của bạn. Ông đã bành trướng thế lực giáo hoàng bằng cách ủng hộ các cuộc cải cách của dòng Clunics, giải phóng sự tuyển chọn giáo hoàng khỏi sự kiểm soát của giáo dân và hạ nhục một hoàng đế.

16. Câu trả lời của bạn. Sự làm việc cần cù của các tu sĩ thường dẫn đến sự phát triển điền sản và sự bận rộn với việc làm giàu và những điều thuộc vật chất.

3. Câu trả lời của bạn. Giáo dân và giáo phẩm đã cách biệt sâu đậm, giáo hội bị thế tục hóa, giáo phẩm phải ở độc thân mà điều này không có cơ sở Thánh Kinh.

17. a. 1

b. 2

c. 2

d. 2

e. 1

f. 2

4. b. Một tổ chức

18. Câu trả lời của bạn. Sự từ bỏ mình xoay khỏi lợi lộc trần gian, noi theo Đấng Christ, bố thí cho kẻ nghèo và rao giảng Tin lành.

5. Không

19. c. Các Sư Huynh

6. Ở dưới Đức Chúa Trời nhưng ở trên loài người

20. c. Trực tiếp vâng phục giáo hoàng

7. Câu trả lời của bạn. Các phép bí tích mà cấm chỉ cấm đoán là cần yếu cho sự cứu rỗi.

21. Câu trả lời của bạn. Dòng Franciscans là những giáo sĩ chinh phục kẻ bị hư mất về cho Chúa Jesus thông qua việc giảng Phúc âm và chăm sóc cho dân chúng.

Dòng Dominicans là những người bình vực đức tin công giáo bằng học thức, sử dụng những lập luận của trí óc để thuyết phục người theo tà giáo ăn năn.

8. Câu trả lời của bạn. Ông đã có thể thực thi quyền hành trên những nhà cầm quyền thế tục.

22. Câu trả lời của bạn. Tà giáo là sự phủ nhận của một người đã được làm báp têm về bất kỳ yếu tố nào của giáo hội.

9. a. Tất cả các điều trên

23. a. Đúng

b. Đúng

c. Đúng

d. Sai

e. Sai

10. c. Làm gia tăng lòng thù hận giữa Phương Đông và Phương Tây.

24. Câu trả lời của bạn. Trong khi nhóm Albigensians lên án cả hôn nhân lẫn sự sinh sản thì Kinh Thánh Tân ước cho phép (khuyến khích) cả hai.

11. Câu trả lời của bạn. Những yếu tố tôn giáo bao gồm việc chinh phục Đất Thánh, việc kiểm soát bước tiến của Hội Giáo và việc hàn gắn hố chia rẽ trong giáo hội. Các yếu tố không tôn giáo và bao gồm tình trạng kinh tế nghèo nàn và sự mạo hiểm.

25. Câu trả lời của bạn. Niềm tin của nhóm Waldensians cho rằng mọi người có quyền trực tiếp đến gần Đức Chúa Trời và phải được đọc Kinh Thánh cho chính mình đã thách thức hệ thống phép bí tích thuộc riêng hàng phẩm trật. Giáo hội không thể cho phép bất cứ nhóm người nào làm suy yếu thẩm quyền của giáo hội.

12. a. Không có sự thay đổi vĩnh viễn xảy ra.

b. Sự thương mại mới được thành lập.

c. Những ý niệm mới và tri thức mới được thu nhập.

d. Có sự mất đi uy tín của giáo hoàng gia tăng sự thù địch giữa người Cơ Đốc phương Đông và phương Tây. Họ đã chiến đấu chống lại nhau.

26. a. 3) Cả hai nhóm

b. 1) Nhóm Albigensians

c. 2) Nhóm Waldensians

e. 3) Cả hai nhóm

f. 2) Nhóm Waldensians

13. Câu trả lời của bạn. Dựa trên sự kỹ thuật về các cuộc viễn chinh, thì chúng không có hiệu quả.

## BÀI HỌC 11: Thần Học và Sự Thờ Phụng

Vào đầu thời kỳ trung cổ, các Giáo hội Đông phương đã quan tâm đến các vấn đề thần học. Họ đã có các cuộc hội nghị toàn cầu bàn về những vấn đề liên quan đến bản thể của Đức Chúa Trời và sự mặc khải của Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ (các bài học 7 và 8). Một số cuộc tranh luận liên quan đến thuyết Arianism, thuyết Nestorianism, và thuyết Duy Nhất Tính (Monophysitism).

Trái lại, các Giáo hội Tây phương thì quan tâm đến vấn đề của Giáo hội, chẳng hạn như giáo thuyết Pelagianism, Donatism, Tiệc thánh, quyền hành và địa vị tối cao của Giáo hoàng và địa điểm của cuộc hội nghị. Những vấn đề này tập trung vào bản tính con người và sự trưởng dưỡng đức tin trong sinh hoạt Giáo hội bằng sự tham chiếu đến các lễ nghi và các phép bí tích của Giáo hội.

Tuy nhiên, với sự nổi lên của chủ nghĩa kinh viện, Giáo hội phương Tây đã đối diện với vấn đề thần học để hoà hợp giữa lý trí và đức tin. Câu hỏi định ra là có sự xung đột giữa đức tin và lý trí không? có thể chứng minh sự thực hữu của Đức Chúa Trời bằng lý lẽ không? Thực tại tối hậu là gì? Mặc dầu chúng ta không thể xem xét các vấn đề này một cách tường tận, nhưng chúng ta sẽ xem xét Giáo hội ở cuối thời trung cổ đã tiếp cận chúng như thế nào? chúng ta cũng sẽ xem xét sinh hoạt các trường đại học như thế nào đối với các nhà kinh viện và các sinh viên khác trong thời kỳ này, khi mà các đại học đường đầu tiên được thành lập.

Trong khi các học giả bận rộn tranh luận những vấn đề thần học thì dân cư thành phố bận bịu xây cất những ngôi nhà thờ và những thánh đường theo kiểu Gôtích. Những công trình xây cất được chạm trổ đẹp đẽ này trình bày ra nền thần học của Giáo hội trong công tác nghệ thuật. Chúng là những trung tâm có những hình thức thờ phụng được lễ nghi hóa cao độ. Vì thời kỳ này vẫn còn là một thời kỳ hợp nhất giữa Giáo hội và chính quyền nên các nhà thờ và các giáo đường đều là những trung tâm cho mọi khía cạnh của cuộc sống.

Chủ nghĩa Kinh viện

Sự hợp lý hóa nền Thần Học

Các lập trường Triết Học

Các nhà Kinh Viện thời danh

Sự Nổi Lên của các Đại Học Đường

Nghi Thức trong sự Thờ Phụng

Các phép Bí Tích

Kiểu Kiến Trúc

Khi học xong bài này bạn sẽ có thể

Ủ Thảo luận về chủ nghĩa kinh viện, tập trung vào một số vấn đề và những người lãnh đạo của nó.

Ừ Mô tả sự nổi lên của các đại học đường

Ừ Giải thích bản chất của sự thờ phượng như được bày tỏ ra qua các phép bí tích được hợp thức hóa và các kiểu kiến trúc Gôtích.

1 Nghiên cứu bài học và làm bài tự trắc nghiệm theo những chỉ dẫn đã cho ở Bài học 1

2. Tham khảo bảng Tóm Lược ở cuối sách giáo khoa này.

Các Từ Then Chốt

Rút tía

Tu sĩ

Đạt đến cực đỉnh

Phiến thần giáo

Hợp lý hóa

Kiểu Lamã lai

Biện chứng pháp

Giáo hội học (t.t)

Lời giải nghĩa

Gô tích

Hội đoàn

Người cầu thay

Khách quan

Chuỗi hạt, xâu chuỗi

Chủ Nghĩa Kinh Viện

Sự hợp quần Siêu việt

Tối hậu

ý niệm chung.

## CHỦ NGHĨA KINH VIỆN

### Sự Hợp Lý Hóa Nền Thần Học

Các cuộc viễn chinh đã mang lại sự sung túc mới và những ý tưởng mới cho phương Tây. Đặc biệt, Triết học Hylạp được tái khám phá qua các sách dịch ra tiếng Ả-rập và tiếng Do thái của Aristotle (một triết gia Hylạp). Cách tiếp cận thế giới hoàn toàn duy lý của ông đã thách thức các nhà thần học từ một quan điểm triết học hơn là từ một quan điểm Thánh Kinh. Các dòng Khất Sĩ cũng vậy, họ đều quan tâm đến việc hòa giải triết lý Hylạp có được do lý luận với sự mặc khải thần học được chấp nhận bằng đức tin. Kết quả là chủ nghĩa kinh viện đã nổi lên.

Đỉnh cao của chủ nghĩa Kinh Viện (1050-1350) đã tiến hành song song với các phong trào khất sĩ và các phong trào tà giáo. Từ ngữ này xuất xứ từ từ ngữ Schole của tiếng Hylạp, có nghĩa là "một nơi học tập". Các nhà kinh viện là các học giả

thời Trung cổ, họ dùng triết lý trong việc nghiên cứu tôn giáo của họ. Mục tiêu của họ là hợp lý hóa nền thần học nhằm hài hoà giữa đức tin và lý trí. Họ không tìm ra lẽ thật mới mà chỉ cố tạo một hệ thống luận lý cho mọi tư tưởng. Trí óc thời trung cổ đi tìm một sự thống nhất về trí tuệ cũng như sự thống nhất về chính trị và Giáo hội học.

Chủ nghĩa Kinh viện ủng hộ ba lập trường căn bản: 1) Dầu triết học là công việc của lý trí mà thôi, nhưng nó phải được hướng dẫn bằng sự mạc khải Cơ Đốc; 2) Triết học và thần học liên hệ một cách hài hoà, phải truyền đi với các truyền thống Do Thái Cơ Đốc cũng như nền văn hóa của thế giới cổ điển thời trước. 3) Triết học và thần học là những bộ môn khoa học có thể được tổ chức và được dạy dỗ như là các môn học của các học viện.

Cả nhà kinh viện nghiên cứu Kinh Thánh, các bản Tín Điều của Hội Thánh, và các tác phẩm của các giáo phụ. Vấn đề mấu chốt của họ là "Đức tin có hợp lý không?". Phương pháp nghiên cứu được rút ra từ các triết gia Hylạp là biện chứng pháp. Từ "Biện chứng" ("Dialectic") có căn ngữ Hylạp là dialogue có nghĩa là "đàm đạo". Như vậy, qua sự bàn luận hay là sự xem xét các sự đối lập mà người ta có thể giải quyết sự xung đột và nhờ đó khám phá hay làm sáng tỏ chân lý.

1. Từ "Scholasticism" (chủ nghĩa Kinh Viện) xuất xứ từ từ ngữ Schole của tiếng Hylạp có nghĩa là

- a. Sự khôn ngoan
- b. Nơi học tập
- c. Hợp lý hóa
- d. Biện chứng pháp

2. Mục tiêu của chủ nghĩa Kinh viện là gì?

.....  
..

.....  
..

3. Hãy định nghĩa biện chứng pháp

.....  
..

.....  
..

**Các Lập Trường Triết Học**

Một trong những nan đề mấu chốt mà các nhà kinh viện tìm cách giải quyết là về thực tại tư tưởng mà họ gọi là những ý niệm chung ("Universals"). Có ba lập trường chính nổi lên: Thuyết thực thể luận, thuyết thực thể luận ôn hòa và thuyết duy danh.

Từ năm 1050 đến năm 1150, thực thể luận (realism) là một lập trường được đa số chấp nhận. Nó phản ánh niềm tin của Plato triết gia Hylạp, cho rằng những ý niệm



chung (tư tưởng) có sự tồn tại khách quan như là những thực thể siêu việt vượt cõi không gian và thời gian. Chúng có một sự tồn tại riêng và phân biệt với sự suy nghĩ hay sự cảm nhận của con người. Những thiện lành tồn tại cách biệt với những hoạt động đặc biệt của chân lý hay sự thiện lành của con người. Nói cách khác, các việc thiện lành là những sự phản chiếu của sự thiện lành tối hậu. Như vậy, Plato tin rằng con người phải tìm kiếm thực tại tối hậu ở ngoài cuộc đời này.

Nhà kinh viện Anselin khai triển thực thể luận này của Platon như là một cách tiếp cận Cơ Đốc giáo. Một nguy cơ của lập trường này là nó dẫn đến phiếm thần giáo. Phiếm thần giáo là quan niệm cho rằng Thượng Đế tức là các sức mạnh và các quy luật của vũ trụ. Thượng Đế ở trong vạn vật, bao gồm đá, cây cối v.v...

Các nhà Kinh viện Abelard và Aquinas quảng bá lập trường thực thể luận ôn hòa (moderate realism) như là một cách tiếp cận tư tưởng Cơ Đốc giáo giữa năm 1150 và 1300. Lập trường này khác với triết học của Aristotle, cho rằng những ý niệm chung có sự tồn tại khách quan, nó không cách biệt với sự vật mà ở trong sự vật. Những ý niệm chung là những tư tưởng được hình thành trong tâm trí bằng việc rút tía các đặc tính mà chúng thật sự áp dụng cho các đối tượng được cảm nhận. Như vậy, một ý niệm tồn tại trong đầu của quan sát viên có nền tảng thật sự ở nơi vật được quan sát.

Một lập trường thứ ba giữa vòng các nhà Kinh viện đã thay thế thực thể luận ôn hòa như là một cách tiếp cận chế ngự kể từ sau năm 1350. Nó được gọi là thuyết duy danh (nominalism), xuất xứ từ tiếng Latinh có nghĩa là "thuộc về tên gọi". Một người theo thuyết duy danh nói rằng các ý niệm chung như là công lý chẳng hạn chỉ tồn tại trong đầu óc như là một kết quả của nhiều sự quan sát cách công lý hành động. Không có sự tồn tại khách quan của các ý niệm chung, chỉ có sự tồn tại chủ quan trong đầu mà thôi. Chỉ có những điều riêng biệt hay cá thể mới có sự tồn tại thực sự.

William of Occam chịu trách nhiệm chính trong việc giới thiệu lập trường này, nó tập trung vào những cá nhân hơn là vào nhóm hay tổ chức như lập trường thực thể luận hay thực thể luận ôn hòa đã làm. Như vậy thuyết duy danh ít được sự ủng hộ của Giáo hoàng và của toàn hệ thống phàm trật.

## VẤN ĐỀ VỀ CÁC Ý NIỆM

Ba lập trường được trình bày trong bản đồ trên liên quan đến các ý niệm chung hay thực tại tối hậu là một ví dụ về các nhà kinh viện cố gắng hài hòa mọi lẽ thật. Họ cảm thấy họ có thể liên hệ mọi lẽ thật dù lẽ thật đó đến từ lý trí hay đến từ đức tin. Tuy nhiên, như một sử gia Giáo hội đã nhận xét, họ đã cố gắng hòa giải những điều không thể hòa giải. Chính các linh mục Cơ Đốc giáo mà họ yêu cầu dành uy quyền cho những vị đó cũng không thể là vô ngộ. Bất kỳ khi nào có ai cố gắng hòa hợp triết học Hylạp với thần học Thánh Kinh thì cái này sẽ bị cắt cụt để phù hợp với cái kia. Dầu các nhà kinh viện giải quyết những vấn đề thần học, nhưng những

vấn đề này đã làm bận bịu họ, cản trở họ nghe lẽ thật về Đức Chúa Trời và tình yêu thương của Ngài ở trong Đấng Christ (sách của Eerdmans, trang 279).

4. Tại sao nỗ lực hợp lý hóa thần học đã xảy ra vào thời kỳ này?

.....  
..  
.....  
..

5. Hãy ghép cặp những phát biểu thuộc về vẻ đẹp đối với các lập trường triết học

1) Thực thể luận

2) Thực thể luận ôn hòa

3) Thuyết duy danh

.....a "Tôi có một ý niệm tổng quát về vẻ đẹp vì trước đó tôi đã ngắm xem nhiều vật đẹp đẽ".

.....b "Bông hoa là sự phản ánh của vẻ đẹp tối hậu mà nó tồn tại khách quan cách biệt với bông hoa".

.....c "Bông hoa có vẻ đẹp của chính nó như là một thuộc thể khách quan"

5. Có thể có một triết lý "Cơ Đốc" không? Hãy giải thích

.....  
..  
.....  
..

7. Hãy nghiên cứu [CoCl 2:8](#). Câu này nhắc đến hai loại triết lý. Một loại Phaolô cảnh cáo hãy coi chừng thì "hư không và lừa dối" dựa trên

a. ....

b. Loại thứ nhì dựa trên .....

8. Một khúc Kinh Thánh khác giúp chúng ta đánh giá vai trò của lý luận trong đức tin Cơ Đốc là [ICo1Cr 1:18-2:8](#). Hãy đọc khúc Kinh Thánh này vài lần, nếu có thể thì đọc theo các phiên bản khác nhau. Hãy tóm lược sự dạy dỗ của Kinh Thánh về hai loại khôn ngoan này. Sử dụng vở ghi chép của bạn.

Các Nhà Kinh Viện Thời Danh

Bạn sẽ hiểu chủ nghĩa kinh viện nhiều hơn khi chúng ta xem xét cuộc đời của một vài nhà kinh viện có danh tiếng. Hãy đặc biệt chú ý đến một số ý kiến của họ về vấn đề thần học liên quan đến bản chất của sự chuộc tội của Đức Chúa Trời ở nơi con người.

Anselm ở Canterbury

Anselm (1033-1109) ra đời tại nước Ý, ông đã từ già quê nhà và du hành đến miền Bắc nước Pháp, ở đó ông trở thành một thầy dòng. Năm 1093, ông trở thành tổng giám mục Centerbury, việc này khiến ông trở thành người đứng đầu Giáo hội Công Giáo ở Anh Quốc. Ông là một nhà cải cách, đã khuyến khích các cuộc hội nghị của

Giáo hội, khuyến khích chế độ độc thân của hàng giáo phẩm và sự bãi bỏ việc buôn bán nô lệ. Ông đã bất đồng ý kiến với hai vị vua của nước Anh và bị lưu đày đến mấy lần.

Ông được đánh ghi nhớ nhất như là một trong số những thần học gia kinh viện thời trước. Ông bắt đầu với đức tin như là nền tảng của triết học. Ông nói: "Tôi tin để mà tôi biết". Ông đã khai triển hai luận cứ để chứng minh sự thực hữu của Đức Chúa Trời chỉ bằng lý luận mà thôi. Trước hết ông nói rằng con người có nhiều điều tốt nhờ đó mà vui hưởng cuộc sống. Những điều tốt này là sự phản chiếu về một sự Thiện tối cao tối hậu. Đối với Anselm, sự Thiện đó là Đức Chúa Trời. Lập luận thứ nhì của ông đó là Đức Chúa Trời phải hiện hữu trong thực tại cách biệt với ý niệm của chúng ta về Ngài. Nếu con người có thể quan niệm về Đức Chúa Trời như là một Hữu Thể Tối Cao thì như vậy Đức Chúa Trời phải hiện hữu.

Liên quan đến sự chuộc tội cho loài người, Anselm đã viết một cuốn sách *Why did God become Man* (Tại sao Đức Chúa Trời đã trở thành người). Trong đó ông trình bày rằng con người phải tuyệt đối vâng phục Đức Chúa Trời. Vì sự vâng phục này đã không được thực hiện kể từ thời của Adam nên đã có một món nợ lớn cần phải trả (mà Anselm gọi là "sự thỏa đáp"). Con người đã không thể trả món nợ đó, công tác của Đấng Christ trên cây thập tự có một giá trị xứng đáng để "thỏa đáp". Sự uy nghi đã bị xúc phạm của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã cung ứng sự cứu rỗi cho nhân loại (sự tự do khỏi nợ tội của họ) như là một phần thưởng cho công lao của Đấng Christ.

Quan niệm về sự đền tội của Anselm cho Giáo Hội Công Giáo, hỗ trợ cho hệ thống về sự sám hối (khổ hạnh). Quan niệm của ông cũng vút bỏ sự nghi ngờ trong niềm tin thông thường trước đó cho rằng Đấng Christ đã trả một giá chuộc tội cho satan.

9. Hai lập luận của Anselm để chứng minh sự thực hữu của Đức Chúa Trời chỉ bằng lý luận mà thôi phản ánh lập trường triết học được gọi là

- a. Thực thể luận
- b. Thực thể luận ôn hòa
- c. Thuyết duy danh

Peter Abelard

Ra đời tại Pháp, Abelard (1079-1142) đã trở thành một giáo sư rất là quen thuộc ở Paris, trung tâm đầu não của chủ nghĩa kinh viện. Đầu óc sắc bén và tài năng trong việc ăn nói của ông đã dẫn ông đến chỗ kiêu căng và chỉ trích kẻ khác, kể cả các giáo sư của ông. Ông đã vướng vào một chuyện tình cảm tai tiếng với một học trò của ông mà đã có lúc hầu như đã chấm dứt sự nghiệp của ông và nó đưa ông đến chỗ trở thành một tu sĩ dòng Benedictine. Dầu ông đã bị lên án nhiều lần về quan điểm của ông, nhưng ông vẫn tiếp tục thu hút một số đông đảo các sinh viên.

Là một nhà kinh viện, Abelard đã nhờ đến lý luận như là uy quyền chính. Ông nói: "Tôi biết để mà tôi tin". Đối với ông, thực tại đã hiện hữu trong đời này hơn là ở trên cao và vượt xa khỏi cõi đời này. Nó cũng tồn tại trong tâm trí của Đức Chúa

Trời. Ông đã chống lại truyền thống, kêu gọi mỗi người hãy sử dụng lý trí của mình. Như vậy, ông bắt đầu tìm uy quyền tối hậu ở nơi đức tin và tập quán của Giáo hội. Sự tìm kiếm này về sau đã đạt đến cực đỉnh ở nơi việc nhà cải chánh Tin lành Martin Luther quay trở về với Kinh Thánh trong thế kỷ mười sáu.

Sách của Abelard, cuốn Yes and No (phải và không phải) đã làm rối loạn các tín hữu. Trong đó ông đề cao những sự hoài nghi mà nó dẫn đến chỗ thắc mắc. Dùng kỹ thuật biện chứng pháp của một nhà kinh viện, ông đã đưa ra những câu nói mâu thuẫn nhau từ trong Kinh Thánh và từ các giáo phụ để cho các sinh viên giải quyết bằng cách sử dụng lý luận của họ.

Cũng như Anselm, Abelard viết về sự đền tội. ông nói rằng sự chết của Đấng Christ không làm thỏa mãn Đức Chúa Trời nhưng nó gây ấn tượng cho con người về tình yêu của Đức Chúa Trời. Hành động này của Đấng Christ đã ảnh hưởng về mặt đạo đức trên con người để đầu phục Đức Chúa Trời, xuất phát từ một sự đáp ứng của tình yêu. Quan niệm này né tránh sự khổ đau của thập tự giá. Nếu đã tách rời khỏi sự dạy dỗ của Kinh Thánh thì quan niệm của Anselm cũng như Abelard đều không phô diễn một cách thỏa đáng những gì Đấng Christ đã làm cho chúng ta trên thập tự giá.

10. Hãy đọc [RoRm 3:25, 26](#); [GaGl 3:13](#); [CoCl 1:14](#); [Tit Tt 2:14](#) và [KhKh 1:5](#).

Quan niệm của Kinh Thánh về sự đền tội như thế nào?

.....  
..  
.....  
..

11. Abelard đã tin nơi một thực thể luận ôn hòa mà nó cho rằng thực tại thì

- a. Ở trên cao và vượt xa khỏi cuộc đời này
- b. Không có ở đâu cả
- c. Ở trong cõi đời này.

Thomas Aquinas

Aquinas (1225-1274) ra đời tại nước Ý, ông là cháu của Hoàng Đế Barbarossa của Đế Quốc Lamã Thánh. Vì ông là một thanh niên to lớn, im lặng vụng về nên các bạn đồng học gọi ông là "Con bò im lặng". Tuy nhiên, vị thầy của ông đã bảo rằng một ngày kia cái phần kém cỏi của con bò đó sẽ làm đầy tràn cả thế giới. Aquinas, một tu sĩ dòng Dominicans, không chỉ trở thành một giáo sư lừng danh ở Paris mà ông còn viết những điều mà chúng trở thành lời giải nghĩa cổ điển của hệ thống thần học mà Công Giáo Lamã ủng hộ cho đến ngày nay.

Aquinas nói rằng mọi lẽ thật đều do đức tin hay do lý trí đều đến từ Đức Chúa Trời. Mặc dầu ông phân biệt rõ giữa kinh nghiệm cảm nhận với sự hiểu biết thiên thượng (triết học hoặc khoa học tự nhiên hay thần học), ông cũng đã kết luận rằng không thể có sự mâu thuẫn giữa hai điều này. Ông nói lý trí có thể cung cấp bằng chứng về sự thực hữu của Đức Chúa Trời và về sự bất tử. Điều này là điều tự nhiên

và có giá trị cho mọi người. Các lễ thật phụ thêm về những điều như là sự nhập thể và Ba Ngôi phải đến từ sự mặc khải thiên thượng hay là "ân điển". Như vậy ân điển trọn vẹn và không mâu thuẫn với những kết luận của lý trí.

Summa Theologiae (Thần học Tổng Luận) là tác phẩm chính yếu của Aquinas và nó đã tác động trên Công Giáo Lamã rất nhiều. Trong phần đầu, ông khai triển một số bằng chứng hợp lý để chứng minh lễ thật về sự thực hữu của Đức Chúa Trời.

Trong phần thứ nhì, ông mô tả con người trong mối tương quan với Đức Chúa Trời. Không giống như Augustine, Aquinas tin rằng ý chí của con người, dầu đã bị tội lỗi làm cong queo, không hoàn toàn bị sự ác phá hủy. Như vậy, ý chí loài người không phải là không giúp con người tiến đến Đức Chúa Trời. Phần thứ ba trình bày Đấng Christ là con đường dẫn đến Đức Chúa Trời với các phép bí tích là những ông dẫn ân điển cho con người. Điều này nâng cao quyền lực của Giáo hoàng như là nguyên thể của hệ thống linh mục, những con người duy nhất có thể quản trị các phép bí tích cần thiết cho sự cứu rỗi.

Aquinas đã phát triển các ý kiến cho rằng công lao phụ phí của Đấng Christ và các thánh đồ có thể áp dụng cho người khác. Điều này hỗ trợ cho ý niệm về sự xóa tội (bùa xá tội). Ông cũng tin nơi ngục luyện tội mà điều này thật sự đã mở rộng quyền lực của Giáo hội đến tận bên kia mồ mả. Thực thể luận ôn hoà của ông dẫn ông đến chỗ nhấn mạnh đến bản chất đoàn thể của Giáo hội, nó làm tăng cường sự kèm chế của Giáo hội Công Giáo Lamã trên từng cá nhân.

Aquinas cũng tạo ra sự đối lập với một số người dòng Franciscans. Bona venture đã tuyên bố rằng sự hiểu biết duy lý về Đức Chúa Trời là không thể có được, vì Đức Chúa Trời khác với con người về phẩm cũng như về lượng, sự hiểu biết tối đa chỉ là mù mờ và bằng sự tương tự. Roger Bacon (1214-1292), trong sự chống lại tổng đồ của Aquinas về lý trí và đức tin, đã giúp đặt nền tảng cho khoa học cận đại. Ông nhấn mạnh đến cách tiếp cận lễ thật qua lãnh vực thiên nhiên bằng sự thí nghiệm, sự quan sát và sử dụng các phép đo lường. John Duns Scotus (1285-1308) đã nhấn mạnh đến sự yêu thương và ý chí, trong khi Aquinas nhấn mạnh đến trí tuệ và sự hiểu biết. Scotus tin rằng yêu mến Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn là hiểu biết Đức Chúa Trời.

12. Hãy ghép cặp từng lập trường mà Aquinas chủ trương với người dòng Franciscans mà họ chống lại lập trường đó

- 1) Roger Bacon
- 2) Bonaventure
- 3) John Duns Scotus

.....a Những bằng chứng duy lý chứng minh sự thực hữu của Đức Chúa Trời.

.....b Hiểu Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn là yêu mến Ngài.

.....c Không thể có sự mâu thuẫn giữa lý trí và đức tin.

13. Hãy nhận biết từng điều thuộc về sự hiểu biết là 1) nếu nó phù hợp với loại "tự

nhiên" của Aquinas hoặc 2) nếu nó phù hợp với loại "ân điển" của ông.

.....a Sự xử dụng lý trí và (lý luận)

.....b Sự mặc khải của Kinh Thánh

.....c Các bằng chứng về sự hiểu biết của Đức Chúa Trời

.....d Công việc của Đức Thánh Linh

.....e Khởi điểm của sự truyền bá Tin lành.

William of Occam

Chủ nghĩa kinh viện mà nó tổng hợp tư tưởng triết học với thần học đã suy thoái cùng với sự phát triển của thuyết duy danh của William of Occam. lập trường của ông được gọi là "con đường mới" để đối lập với "con đường cũ" của Aquinas.

Occam (1290-1349) cũng là tu sĩ dòng Franciscans và là sinh viên trường Oxford, ông phủ nhận sự tổng hợp giữa lý trí và sự mặc khải là hai điều thường mâu thuẫn nhau. Ông phê phán những bằng chứng triết lý về Đức Chúa Trời. Ông nói Đức Chúa Trời chỉ có thể được biết nhờ đức tin mà thôi. Các niềm tin thần học không chề được chứng minh một cách luận lý. Như vậy, ông đã làm suy giảm uy quyền của Giáo hội như là một định chế dẫn xuất duy lý.

Occam đã là một nan đề cho Giáo hội. Ông gây rắc rối cho Giáo hội bằng việc nhấn mạnh đến đức tin và Kinh Thánh như là nguồn duy nhất cho sự dạy dỗ của Giáo hội, ông cũng công kích biến thể thuyết nữa. Thuyết này chính là trái tim của thánh lễ Misa theo như chúng ta sẽ thấy trong bài học sau này. Ông nhấn mạnh đến cá nhân như là đối lập với tổ chức. Ông quan niệm về việc có một đoàn Giáo hoàng thay vì chỉ có một Giáo hoàng, vì Đấng Christ là nguyên thủ duy nhất. Ý kiến này về sau phát triển thành một phong trào hội đồng mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong bài học 12. Occam hoàn toàn đối lập với uy quyền Giáo hoàng trong vấn đề quốc gia (chính quyền)

14. Bạn đánh giá quan điểm của Occam như thế nào?

.....

..

.....

..

15. Hãy ghép cặp cuốn sách hay phong trào với tác giả của nó

1) Abelard

2) Anselm

3) Aquinas

4) Occam

.....a Yes and No

.....b Summa Theologiae

.....c Why Did God Become Man

.....d "Con đường mới"

16. Hãy nêu những điểm tương phản giữa quan niệm của Anselm và quan niệm của Abelard về sự đền tội của Đấng Christ.

.....  
..

.....  
..

17. Hãy ghép cặp công lao đóng góp hoặc quan điểm với người chịu trách nhiệm về nó

- 1) Abelard
- 2) Anselm
- 3) Aquinas
- 4) Occam

.....a Đưa ra ý kiến về hàng Giáo hoàng

.....b Cung cấp cốt lõi cho nền thần học Công Giáo

.....c Nói rằng "Tôi biết để mà tôi tin"

.....d Nói rằng "Tôi tin để mà tôi biết"

.....e Dùng biện chứng pháp để khuyến khích học sinh giải quyết các câu hỏi thần học bằng lý luận.

.....f Cho rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể được biết nhờ đức tin chứ không nhờ các bằng chứng duy lý.

### SỰ NỔI LÊN CỦA CÁC ĐẠI HỌC ĐƯỜNG

Từ thế kỷ thứ sáu đến thế kỷ thứ mười một, nền giáo dục do các tu viện đảm nhiệm. Đối với các tu sĩ, sự thờ phượng là điều có giá trị nhất, nhưng việc đọc và sao chép các thư bản Kinh Thánh cũng là điều có giá trị. Khắp các nước Pháp, Anh, Đức, các trường dòng thực hiện việc dạy giáo lý cho các linh mục của Giáo hội. Dưới thời của Charlemagne, giáo viên cũng được giáo huấn nữa.

Đầu thế kỷ thứ mười một, có một sự chuyển biến nhanh chóng từ ban lãnh đạo của tu viện đến ban lãnh đạo của các linh mục về sự giáo dục đã diễn ra với sự nổi lên của các trường học thuộc các giáo đường. Cần nhắc lại rằng các phong trào cải cách, như dòng Cistercians chẳng hạn, đã giảm sự nhấn mạnh đến việc theo đuổi trí tuệ mà tán trợ cho việc lao động chân tay. Khoảng thế kỷ mười hai, phần lớn sự giáo dục là do các tu sĩ đảm nhiệm.

Cũng vào thế kỷ mười hai, chủ nghĩa kinh viện đang phát triển, cũng vào thời kỳ này, các Universitas (đại học đường) trở nên phổ thông. Những đại học đường này là những hội đoàn gồm cả các giáo sư lẫn các sinh viên kết hợp lại cùng nhau để tự vệ với các thành phố mà họ đang sinh sống ở đó. Đoàn thể này chuyên tìm kiếm lẽ thật. Các thành viên cùng gia nhập vào một cuộc sống chung để theo đuổi cùng một mục đích chung, đó là sự toàn vẹn của lẽ thật. Từ ngữ "Universitas" hàm ý về một sự hiểu biết chung hay phổ quát.

Trong thế kỷ mười ba, các đại học đường đầu tiên đã mọc lên trong các thành phố

nơi đã có các trường học thuộc các giáo đường nổi tiếng. Một số các đại học đường ban đầu là ở Salerno, Bologna, Paris, Oxford và Toulouse. Khoảng năm 1400, đã có độ mười đại học đường ở Âu châu. Chúng đều là những trung tâm dành cho chủ nghĩa kinh viện mãi cho tới lúc chủ nghĩa này bị suy thoái.

Vào cuối thời kỳ Trung cổ, các đại học đường phục vụ cho những lợi ích của Giáo hội (lúc ấy chưa có sự phân chia giữa sự học vấn thiêng liêng và sự học vấn trần tục). Các đại học huấn luyện các linh mục về nghệ thuật, luật học và thần học. Chúng dạy bảy ngành tự do (bảy bộ môn) được chia thành Trivium (bộ ba) và Quadrivium (Bộ bốn). Bộ ba bao gồm văn phạm, luận lý và tu từ học. Các môn học này đào tạo sinh viên cho việc nói năng trước công chúng, nó ích dụng cho việc rao giảng. Sinh viên được văn bằng Cử Nhân Văn Khoa (B.A). Khi học xong bộ ba. Bộ bốn bao gồm toán học, hình học, thiên văn học và âm nhạc, chúng giúp người sinh viên tổ chức các kỳ lễ hội thánh Bộ môn này đưa đến văn bằng Cao Học (M.A). Trước khi cấp văn bằng, các sinh viên nhận được các chứng chỉ. Dần dần, các phân khoa dạy về y khoa, luật khoa và thần khoa. Thần học là địa hạt có giá trị nhất. Ví dụ như Bằng Tiến Sĩ Thần Khoa phải mất sáu năm học bao gồm việc nghiên cứu Kinh Thánh và sách thần học hệ thống của Peter Lombaed, cuốn The Sentences suốt ba thế kỷ, cuốn này là sách giáo khoa tiêu chuẩn. Nó luận bàn về bảy phép bí tích mà cuối cùng đã được Giáo Hội Công Giáo chính thức công nhận vào năm 1439.

Tất cả mọi sự dạy dỗ đều bằng tiếng Latinh. Có rất ít sách do đó các sinh viên buộc phải ghi nhớ tài liệu. Khuôn mẫu văn bản của một buổi học là giáo sư đọc một cuốn sách giáo khoa rồi sau đó ông bình giảng bài đọc. Ký ức và luận lý là công cụ của các sinh viên cũng như việc đọc sách và khảo cứu ngày nay vậy.

Các trường đại học đầu tiên đã nổi lên không chỉ vì sự giảng dạy bảy ngành tự do trong các trường học của các tu viện và các nhà thờ, mà cũng bởi vì sự hiện diện của các giáo sư danh tiếng nữa. Peter Abelard là một người như vậy. Ông đã thu hút hàng ngàn sinh viên đến Paris. Do đó các đại học đường cũng mọc lên ở những nơi nào mà các sinh viên trong phong trào quyết định đi đến. Các đại học tại Oxford và Cambridge ở Anh đã phát triển từ các phong trào sinh viên. Hầu hết các đại học danh tiếng ở Âu Châu bắt đầu vào cuối thời Trung cổ.

18. Hãy giải thích sự liên hệ giữa từ ngữ "Universitas" với chủ nghĩa kinh viện.

.....  
..  
.....  
..

19. Nhiệm vụ nguyên thủy của các Universitas (đại học ) là

- a. Đào tạo các linh mục
- b. Cung cấp sự che chở cho các giáo sư và các sinh viên
- c. Dạy bảy ngành tự do



d. Phục vụ Giáo hội trong việc huấn luyện giáo dân

20. Hãy tóm tắt sự nổi lên của các đại học đường. Sử dụng vở ghi chép của bạn.

21. Hãy nhận ra từng yếu tố là 1) nếu nó là đặc điểm của các đại học đường thời trung cổ hoặc 2) nếu nó KHÔNG PHẢI

.....a Chúng dạy bảy ngành tự do

.....b Các văn bằng Cử Nhân Văn Khoa (B.A) và cử nhân khoa học (M.A) tương ứng với Trivium (bộ ba) và Quadrivium (bộ bốn)

.....c Chúng phân chia học vấn thiêng liêng và học vấn thế tục.

.....d Lãnh vực có giá trị nhất là luật học.

.....e Văn bằng Thần khoa bao gồm việc nghiên cứu sách The Sentences của Peter Lombaed

.....f Tất cả mọi sự giảng huấn đều bằng tiếng Pháp hoặc là tiếng Latinh

.....g Công cụ cơ bản của một sinh viên là ký ức và luận lý.

**NGHI THỨC TRONG SỰ THỜ PHƯỢNG**

**Các Phép Bí Tích (Thánh Lễ)**

Hội Thánh thời Tân ước làm phép báp têm cho các tân tín hữu theo cách thức Chúa Jesus được Giăng Báp Tít làm phép báp têm. Các Cơ Đốc nhân ban đầu dự tiệc thông công (tiệc thánh) theo như Đấng Christ đã dạy các môn đồ Ngài làm vào bữa ăn cuối cùng trước khi Ngài chịu đóng đinh. Suốt giai đoạn đầu của thời Trung cổ, Giáo hội đã phát triển hai nghi lễ này cũng như một số nghi lễ khác thành một hệ thống phép bí tích mà nó trở thành dấu hiệu bề ngoài của ân điển bề trong. Nghi thức này trong sự thờ phượng nhấn mạnh đến khía cạnh nghi lễ và công cộng của tôn giáo vượt trên khía cạnh riêng tư mang tính giáo lý.

Vào đầu thế kỷ mười hai, Hugle ở St. Victor đã liệt kê ba mươi phép bí tích. Peter Lombard (1100-1160) một giám mục ở Paris chỉ liệt kê bảy phép bí tích trong cuốn The Sentences của ông. Chúng đã được nhìn nhận tại Hội Nghị Florence vào năm 1439. Chúng bao gồm Phép rửa (Báp têm), Phép Thêm sức, Minh Thánh Chúa (Tiệc thánh) sự Sám Hối (Ăn năn), sự Xức dầu lúc lâm chung, Phép Truyền chức và phép Hôn phối. Giáo dục dạy rằng những phép bí tích này chỉ đem lại ân điển bằng việc thực hiện. Nói cách khác, sự cứu rỗi là nhờ việc làm.

Năm phép bí tích đầu sẽ đem lại sự trọn vẹn thuộc linh cho mỗi người. Hai phép bí tích sau dành cho việc quản trị và làm gia tăng cho Giáo hội. Phép Rửa (báp têm) cung cấp sự tái sinh trong tâm linh và được ban phát cho trẻ thơ. Phép Thêm sức đưa đến sự tăng trưởng trong ân điển và tăng cường đức tin. Các yếu tố trong lễ Minh Thánh Chúa (Bánh và Chén) cung cấp thức ăn thiêng liêng. Sự sám hối (Ăn năn) cung cấp sự toàn vẹn thuộc linh mỗi khi người ta phạm tội. Phép Xức dầu lúc lâm chung được ban ra trước lúc qua đời, cung cấp sự chữa lành cả phần linh lẫn phần thể xác.

22. Hãy nêu ra sự tương phản giữa hệ thống phép bí tích này với quyền cứu rỗi như được mô tả trong [RoRm 3:21-28](#)

.....  
..  
.....  
..  
Cuộc tranh luận giữa Augustine với Pelagius đã đưa Giáo hội đến giáo lý nguyên tội. Vì Giáo hội tin nơi sự cần thiết phải làm báp têm để được cứu rỗi nên Giáo hội đã lập phép báp têm cho trẻ thơ để ngăn ngừa con trẻ khỏi sa vào địa ngục. Điều này đi sai với phép báp têm mà được ban ra sau khi một người xưng nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình ([Cong Cv 8:36-38](#)).

Thánh lễ Misa đã trở thành trung tâm của sự thờ phượng. Người ta tin rằng khi ở trong tay của vị linh mục thì các yếu tố bánh và nước nho (rượu) đã thật sự biến thành thân và huyết của Chúa Jesus Christ. Những người thờ phượng được dạy rằng Đấng Christ chịu đóng đinh một cách mới mỗi lần dự lễ Misa. Nghi lễ này thực sự xóa tội. Như vậy sự hành động và quyền năng của sự tái hoạt sự hi sinh của Đấng Christ được nhấn mạnh hơn là thực tại thuộc linh mà sự hy sinh đó chỉ trở đến.

Không phải tất cả các linh mục đều đồng ý với biến thể thuyết này. Giữa năm 1045 và 1080 một cuộc tranh luận gay gắt đã diễn ra. Nhưng đến năm 1215, tại Hội nghị Lateran lần thứ tư, Giáo hội đã công nhận giáo lý này:

Thân và huyết đã thực sự hàm chứa trong Bàn Tiệc Thánh dưới dạng bánh và nước nho, sau khi bánh đã biến thành thân, nước nho đã biến thành huyết qua quyền năng của Đức Chúa Trời. Chỉ vị linh mục được chỉ định mới có thể thực thi phép bí tích này.

Sau thế kỷ mười hai, chén nước nho đã bị thay thế bởi rượu để ngăn ngừa nó bị tung tóe ra. Trước đó đã có những thủ tục dài dòng để hình phạt những người đã làm vung vãi nước nho. Người phạm lỗi phải hạ mình van xin sự tha thứ và chịu một sự hãm mình. Đôi khi người ấy phải chịu đánh đòn.

Cuối thời trung cổ, sự thờ phượng Nữ Đồng Trinh Mari đã gia tăng, sự nhấn mạnh đến nhân tính của Đấng Christ tập trung trên bà Mari như là người mẹ yêu dấu và là người che chở cho mọi người. Bà đã trở thành "người mẹ chung", người cầu thay vĩ đại với con thiên thượng của bà. Sự đọc kinh lần chuỗi hạt (xâu chuỗi) cùng nữ đồng trinh đã bắt đầu phát triển. Các sự thờ phượng các thánh, các thánh vật và các cuộc hành hương cũng gia tăng trong thời kỳ này.

Âm nhạc đã trở nên kỹ càng hơn. Các thành phần khác nhau đòi hỏi các ban hát với các giọng ca được luyện tập, do vậy sự ca hát của hội chúng phai mờ dần. Phần âm nhạc do các ban hợp ca (ca đoàn) và trống rung chuông làm tăng thêm sự huyền bí của lễ Misa.

23. Hãy ghép cặp những sự cung cấp vào các phép bí tích

- 1) Phép Rửa
- 2) Phép Thêm sức

- 3) Lễ Mình Thánh Chúa
- 4) Sự Sám Hối
- 5) Phép Xức Dầu lúc lâm chung
- 6) Phép Truyền Chức
- 7) Phép Hôn Phối
- .....a Sự toàn vẹn thuộc linh
- .....b Sự tái sinh
- .....c Sự gia tăng vật chất
- .....d Thức ăn thiêng liêng
- .....e Sự tăng trưởng quan điểm và đức tin.
- .....f Sự chữa lành thể xác và tâm linh.
- .....g Sự quản trị Giáo hội

24. Hãy nhận ra từng yếu tố trong lễ Mình Thánh Chúa (tiệc thánh) là 1) nếu nó đúng, hoặc 2) nếu nó không đúng

- .....a Lễ Mình Thánh Chúa vừa được gọi là tiệc thánh vừa được gọi là lễ Misa
  - .....b Đó là thánh lễ quan trọng thứ nhì trong sự thờ phượng
  - .....c Biện thể thuyết là thuyết cho rằng bánh và nước nho là những biểu tượng cho thực tại thuộc linh của việc thân thể Đấng Christ bị tan vỡ ra.
  - .....d Chỉ các linh mục được chỉ định mới được thực thi lễ Mình Thánh Chúa
  - .....e Sau thế kỷ mười hai, chỉ còn bánh được ban phát cho giáo dân mà thôi.
25. Sự gia tăng nghi thức trong sự thờ phượng được nhìn thấy trong
- a. Việc phát triển sự thờ phượng Nữ Đồng Trinh Mari
  - b. Các ca đoàn luyện tập công phu thay thế cho sự hát xướng của hội chúng.
  - c. Sự hợp thức hóa bằng phép bí tích.
  - d. Tất cả các điều trên

#### Kiểu Kiến Trúc

Đối với thường dân, các trung tâm thờ phượng thì quan trọng hơn các đại học đường và nền thần học kinh viện. Vào thế kỷ mười hai và mười ba, lòng sốt sắng thuộc linh này đã thúc đẩy các cuộc viễn chinh và đem lại cuộc cải cách các tu viện, đã tạo ra những ngôi đại giáo đường kiểu Gôtích. Các lầu chuông cao vút và những khung cửa kính màu mè của nó phô diễn "sự nâng cao" của Cơ Đốc giáo trong thời kỳ này. Sự khai hoàn của Giáo hội. Thể chế Giáo hoàng đã lên cao vượt trên xã hội Châu Âu. Tại Pháp đã có 80 ngôi giáo đường và 500 ngôi nhà thờ được xây cất trong thời kỳ này.

Phong cách Gôtích đã thay thế phong cách Lamã lai với những khung cửa sổ nhỏ, những vách tường nặng nề và những đường nét nằm ngang của nó. Vì nghệ thuật và kiến trúc thời trung cổ phô diễn một hệ thống các giá trị và một thế giới quan dựa trên sự hiểu biết Cơ Đốc giáo nên kiểu mẫu Lamã lai nhắc nhở mọi người rằng nhà thờ là một pháo đài trong những lúc khó khăn. Nó cho người ta cảm giác về sự

nương dựa và sự vững chắc.

Phong cách Gô tích phát khởi vào năm 1137 và đạt đến cực thịnh vào năm 1250. Sự tinh xảo của nó, chi tiết của nó và sự sáng sủa của nó được tu viện trưởng Suger vẽ lại trong mẫu thiết kế của ông cho ngôi giáo đường St. Denis ở gần Paris (1137-1144). Ông say mê nghệ thuật, vừa sưu tầm vừa sáng tạo nó. Ông cho rằng chúng ta sẽ đến chỗ hiểu biết cái đẹp tuyệt đối của Đức Chúa Trời qua sự tác động của những cái đẹp và quý trên các giác quan của chúng ta.

Trong tác phẩm của ông tại St. Denis, Suger đã tạo ra các cửa vòm cung nhọn, trần vòm khung cao và các cột treo áp vách (flying buttresses) để chống đỡ các vách tường và mái từ phía bên ngoài. Ông sử dụng các đường nét cao và thẳng đứng mà nó tạo ra cảm giác về một sự phấn đấu vươn lên trời. Ông cung cấp ánh sáng qua các cửa sổ ô kính màu và làm giảm đi sự nặng nề đồ sộ trong toàn cả thiết kế. Ông phác họa các hình chạm trổ trên các cột và cửa ra vào cũng như các cây thập tự và các bàn thờ trang trí hoa hòe bằng vàng và được nạm đá quý.

Các ngôi giáo đường của kỷ nguyên này vẫn chứng tỏ cho thời đại ngày nay tinh thần siêu nhiên của thời đại ấy, sự hợp quần của xã hội và giá trị giáo dục của chính các công trình xây cất đó. Các ngôi giáo đường phục vụ mọi người. Chúng là toà đại sảnh, là trung tâm thương mại, là nơi tị nạn cho khách hành hương hay người đau ốm, là trường học, là hí viện, là phòng trưng bày nghệ thuật, là thư viện cũng như các trung tâm thờ phượng. Chúng phản chiếu thế giới và mọi chi tiết của bản tín điều qua công tác nghệ thuật dị thường. Chúng được gọi là "những cuốn Thánh Kinh trong đá".

Những thành tựu kiến trúc này đòi hỏi sự hỗ trợ của toàn dân. Không chỉ thợ thủ công hay thợ xây cất làm lụng mà dân thành phố cũng đã vận chuyển đá từ hầm đá đến giáo đường và cung cấp thức ăn cho các công nhân. Thành công lớn của Giáo hội được phản ánh trong các ngôi giáo đường chế ngự toàn khu vực đó.

Tuy nhiên, không bao lâu quyền lực của Giáo hội đã thử nghiệm trong sự đối mặt với sự suy thoái uy tín của Giáo hoàng, sự nổi lên của các chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia, các cuộc cải cách đang được nỗ lực và sự nổi lên của chủ nghĩa nhân bản của thời phục hưng. Đây là những điều sẽ xét đến trong bài học cuối của khóa trình này.

26. Hãy nhận ra từng yếu tố như là đặc điểm của 1) phong cách Gô tích hay 2) phong cách Lamã lai

.....a Những đường nét nằm ngang của nó biểu lộ sự nương dựa

.....b Các khung cửa sổ kính màu của nó để tạo ra sự sáng sủa

.....c Các tháp chuông cao vút của nó phô diễn "sự nâng cao" của Cơ Đốc giáo

.....d Các bức tường nặng nề và các khung cửa sổ nhỏ của nó biểu thị một pháo đài trong những lúc khó khăn.

.....e Các đường nét cao và thẳng đứng của nó cho người ta một cảm giác về sự phấn đấu vươn lên trời.

27. Các giáo đường thời Trung cổ nói lên cho chúng ta

- a. Tinh thần siêu nhiên của thời đại này.
- b. Sự hợp quần của xã hội.
- c. Giá trị giáo dục của chính các công trình xây cất.
- d. Tất cả các điều trên

28. Sự đóng góp của Tu Viện Trường Suger cho các kiến trúc Gothic là gì?

.....  
..  
.....  
..

Trong bài học này, chúng ta đã thấy sự du nhập triết học Hylạp từ các cuộc viễn chinh đã dẫn đến chủ nghĩa kinh viện như thế nào. Các học giả đã cố gắng liên hệ triết học với lẽ thật Thánh Kinh. Họ đề xướng những cách tiếp cận khác nhau. Một số người nhấn mạnh đức tin có trước lý trí, một số khác nhấn mạnh "tự nhiên" có trước "ân điển". Bất cứ thế nào cách tiếp cận Đức Chúa Trời trừu tượng và duy lý này đã phát triển trong sự nổi lên của các đại học đường khắp cả Châu Âu. Trong khi đó, người thường dân tham gia vào sự thờ phượng với lễ nghi ngày càng tăng, bao gồm cả sự xây cất các nhà thờ lộng lẫy kiểu Gothic.

Bài Tự Trắc Nghiệm

CÂU CHỌN LỰA : Hãy khoanh vòng mẫu tự đứng trước câu trả lời đúng nhất .

1. Chủ nghĩa kinh viện thời trung cổ tiếp cận sự nghiên cứu thần học bằng cách cố gắng hòa hợp thần học với

- a. Khoa học
- b. Kinh Thánh
- c. Triết học
- d. Thần bí pháp.

2. Cách tiếp cận của chủ nghĩa kinh viện để nghiên cứu dựa trên phương pháp biện chứng pháp của người Hylạp, phương pháp này

- a. Đặt ra những ý tưởng mâu thuẫn nhau
- b. Loại trừ mọi ý tưởng xung khắc nhau
- c. Mở xẻ chính trọng tâm của sự thật
- d. Ngăn chặn mọi suy nghĩ tiêu cực

3. Quan niệm về thực tại tối hậu của nó dẫn đến phiếm thần giáo là

- a. Thực thể luận
- b. Thực thể luận ôn hòa
- c. Thuyết duy danh

4. Một triết lý Cơ Đốc là một

- a. Sự mâu thuẫn của các từ ngữ
- b. Nhãn quan tổng quát phù hợp với Kinh Thánh.

- c. Sự hòa hợp giữa thần học và triết học Hylạp
- d. Quan điểm tổng quát bài trừ (loại bỏ) thần học.
- 5. Liên quan đến sự cứu rỗi [ICo1Cr 1:18-2:8](#) bày tỏ rằng
  - a. Chúng ta đến chỗ hiểu biết Đức Chúa Trời nhờ trí khôn của chúng ta
  - b. Sự khôn ngoan của loài người kéo chúng ta đến sự cứu rỗi qua Đức Chúa Jesus Christ.
  - c. Chúng ta được cứu nhờ đức tin đặt nơi Chúa Jesus chứ không cậy sự khôn ngoan của loài người.
- 6. Aquinas đã bị chống đối vì tất cả các quan niệm này NGOẠI TRỪ
  - a. Đức tin và lý trí không mâu thuẫn nhau
  - b. Những bằng chứng duy lý chứng minh sự thực hữu của Đức Chúa Trời
  - c. Đức tin là thẩm quyền chính của Giáo hội.
  - d. Hiểu Đức Chúa Trời là quan trọng nhất.
- 7. Các giáo đường kiểu Gôtích trình bày các điều này NGOẠI TRỪ
  - a. Sự khai hoàn của Giáo hội
  - b. Trung tâm của cuộc sống đô thị
  - c. Tinh thần siêu nhiên của thời đại.
  - d. Ảnh hưởng của chủng tộc Hung nô Goths
- 8. Hãy ghép cặp các quan điểm về thực tại tối hậu với các lập trường
  - 1) Thực thể luận
  - 2) Thực thể luận ôn hòa
  - 3) Thuyết duy danh
    - ....a. Các ý niệm chung không có tồn tại khách quan mà chỉ tồn tại trong tâm trí người ta.
    - ....b Các ý niệm chung có sự tồn tại khách quan trong những vật riêng biệt.
    - ....c Các ý niệm chung có sự tồn tại khách quan cách biệt với các vật riêng biệt.
- 9. Hãy ghép cặp các sự đóng góp với những người thích hợp
  - 1) Abelard
  - 2) Anselm
  - 3) Aquinas
  - 4) Occam
    - ....a Cuốn sách Yes and No (phải và không phải)
    - ....b Thuyết duy danh
    - ....c Sự tổng hợp giữa lý trí và đức tin
    - ....d Cuốn Why Did God Become Man (Tại sao Đức Chúa Trời trở thành người)
    - ....e Ảnh hưởng đạo đức của sự đền tội.
    - ....f Sự nhấn mạnh về đức tin và Kinh Thánh
    - ....g Cuốn Summa Theologicae (Tổng luận thần học)
    - ....h "Tôi tin để mà tôi biết"

10. Hãy ghép cặp những đặc điểm với các phép bí tích.

- 1) Phép Rửa
  - 2) Thêm Sức
  - 3) Mình Thánh Chúa
  - 4) Sám Hối
  - 5) Xức dầu lúc lâm chung
- .....a Dùng làm thánh lễ Misa  
.....b Đem lại sự tái sinh  
.....c Chuẩn bị cho người qua đời  
.....d Tăng cường đức tin của người ta  
.....e Gây dựng cho sự toàn vẹn thuộc linh

CÂU ĐÚNG SAI . Hãy ghi từng câu liên quan đến sự nổi lên của các đại học dùng bằng chữ Đ nếu đúng hoặc chữ S nếu sai.

- .....11. Chính các trường đại học đầu tiên là những hội đoàn gồm các giáo sư và các sinh viên.
- .....12. Các đại học dường trở thành trung tâm cho chủ nghĩa kinh viện
- .....13. Việc giảng huấn trong các đại học là bằng ngôn ngữ địa phương.
- .....14. Luật khoa là lãnh vực quan trọng nhất trong các môn học tốt nghiệp ở thời Trung cổ.
- .....15. Các đại học dường ban ngày dạy những ngành tự do.
- .....16. Trivium (bộ ba) Quatrivium (bộ bốn) là các phần phân chia của các ngành tự do.

CÂU TRẢ LỜI NGẮN . Hãy trả lời đầy đủ các câu này càng ngắn gọn càng tốt .

17. Hãy kể ra vài điều về Giáo hội mà chúng cho thấy việc phát triển chủ nghĩa nghi thức trong sự thờ phượng.

.....  
.....  
.....

18. Hãy nêu các điểm tương phản giữa kiến trúc kiểu Gôtích và kiểu Lamã lai.

.....  
.....  
.....

Giải Đáp Các Câu Hỏi Nghiên Cứu

15. a. 1) Abelard
- b. 2) Aquinas
- c. 3) Anselm

d. 4) Occam

1. b. Nơi học tập

16. Câu trả lời của bạn. Anselm quan niệm sự đền tội theo cách thương mại trong khi Abelard quan niệm nó theo ảnh hưởng đạo đức.

2. Câu trả lời của bạn. Nó hợp nhất mọi tư tưởng bằng việc hợp lý hóa thần học qua việc sử dụng các quan điểm triết học.

17. a. 4) Occam

b. 3) Aquinas

c. 1) Abelard

d. 2) Anselm

e. 1) Abelard

f. 4) Occam

3. Câu trả lời của bạn. Đó là một kiểu lý luận định ra các ý kiến trái ngược nhau rồi sau đó tìm cách giải quyết sự xung đột.

18. Câu trả lời của bạn. Từ ngữ "Universitas" hàm ý về sự hiểu biết phổ quát mà nó làm bận rộn các học giả, họ cố tạo một tổng đề cho mọi sự hiểu biết và tìm ra những ý niệm chung liên hệ đến mọi sự vật.

4. Câu trả lời của bạn. Triết học Hylạp được du nhập vào Tây Âu do các cuộc viễn chinh.

19. b. Cung cấp sự che chở cho các giáo sư và các sinh viên.

5. a. 3) Thuyết duy danh

b. 1) Thực thể luận

c. 2) Thực thể luận ôn hòa

20. Câu trả lời của bạn. Nền giáo dục của tu viện dẫn đến các trường học của giáo đường mà chúng dọn đường cho các trường đại học với sự nổi lên của chủ nghĩa kinh viện và các giáo sĩ lừng danh trong thế kỷ mười hai.

6. Có. Triết lý tham chiếu đến sự hiểu biết của người ta, tức là niềm tin tổng quát quan niệm và thái độ của người ta. Nếu chúng phù hợp với Kinh Thánh thì chúng là triết lý Cơ Đốc.

21. a. 10

b. 1)

c. 2)

d. 2)

e. 1)

f. 2)

g. 1)

7. a. Truyền thống loài người và những nguyên tắc cơ bản của thế gian này.

b. Đấng Christ

22. Câu trả lời của bạn. Theo [RoRm 3:21-28](#), sự cứu rỗi là bởi đức tin nơi huyết của Chúa Jesus chứ không do một hệ thống việc làm.



8. Câu trả lời của bạn. Sự khôn ngoan của loài người (tức là triết học Hy Lạp như trong câu 22), không bao giờ có thể hiểu được Đức Chúa Trời hay là chương trình cứu rỗi của Ngài. Con người không bao giờ có thể đạt đến Đức Chúa Trời bằng lý trí. Nhưng ai lấy đức tin tiếp nhận Chúa Jesus Christ thì nhận được sự khôn ngoan thật.

23. a. 4) Sự sám hối

b. 1) Phép Rửa

c. 7. Phép Hôn Phối

d. 3) Lễ Minh Thánh Chúa

e. 2) Phép Thêm Sức

f. 5) Phép Xức Dầu lúc lâm chung

g. 6) Phép Truyền Chức.

9. a. Thực thể luận

24. a. 1

b. 2

c. 2

d. 1

e. 1

10. Câu trả lời của bạn. Đó là sự dục bị , sự cứu rỗi hay sự tha thứ tội lỗi qua dòng huyết của Đấng Christ và nó chứng tỏ lẽ công bình của Đức Chúa Trời.

25. d. Tất cả những điều trên

11. d. Ở trong cõi đời này

12. a. 2

b. 1

c. 1

d. 2

e. 1

26. a. 2) Bonaventure

b. Jolin Duns Scottes

c. Roger Bacon.

27. d. Tất cả các điều trên.

13. a. 1

b. 2

c. 1

d. 2

e. 1

28. Câu trả lời của bạn. Ông tin rằng chúng ta hiểu Đức Chúa Trời (vẻ đẹp tuyệt đối) qua sự đáp ứng của chúng ta đối với cái đẹp. Ông đã cung cấp sự tinh xảo, các chi tiết, sự trang trí hoa văn và sự sáng sửa cho nó.

14. Câu trả lời của bạn. Về cơ bản, chúng đúng với Kinh Thánh.

## BÀI HỌC 12: Các Tình Huống Dẫn Đến Cuộc Cải Chánh

Trong thế kỷ mười bốn và mười lăm, đời thuộc linh của giáo hội thật sa sút. Thứ nhất, thể chế Giáo Hoàng chịu sự chia rẽ nội bộ và thứ nhì là những ảnh hưởng ngoại giáo của thời phục hưng. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không lìa bỏ Hội Thánh. Đức Thánh Linh cứ tiếp tục hành động. Những người nam, người nữ cứ đi theo Kinh Thánh mặc cho những sự chống đối gay gắt.

Nhiều người nghĩ rằng sự quay về với đức tin Kinh Thánh khởi đầu với Martin Luther và John Calvin trong cuộc Cải Chánh Tin Lành. Tuy nhiên, nó đã bắt đầu sớm hơn. Thế kỷ mười lăm đã đánh dấu bằng những nỗ lực cải cách trong vòng giáo hội. Các cố động viên hội đồng, các nhà thần bí và những người như Wycliffe, Hus và Savonarola kêu gọi giáo hội đến sự ăn năn. Tuy nhiên, Giáo Hội Lamã đã khước từ cải cách.

Suốt thời kỳ này, thế giới của thời trung cổ được thay thế bằng một thế giới tân tiến. Sự thay đổi quan trọng được biết đến đó là Thời Phục Hưng (Renaissance). Trong khi người ta càng ngày càng trở nên bận rộn với chính mình thì Đức Chúa Trời sẽ hành động để chuẩn bị một "kỳ hạn được trọn" cho cuộc Cải Chánh. "Rượu mới" của người trung tín một ngày kia sẽ làm vỡ "bầu da cũ" của giáo hội Lamã. Có lẽ bạn đang chứng kiến những thay đổi lớn trong nền văn hóa của bạn. Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời đang điều khiển lịch sử. Qua Đức Thánh Linh, Ngài đang hành động mọi sự để Ngài được vinh hiển. Chúng ta hãy nhanh chóng đáp ứng sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh trong đời sống chúng ta.

Sự suy thoái của thể chế Giáo Hoàng  
Sự vô luân của hàng Giáo Phẩm  
Sự thất bại về mặt tổ chức  
Tài chính và sự nổi lên của các nước  
Chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia.  
Những Nỗ Lực Cải Cách Nội Bộ  
Phong Trào Hội Đồng  
Thần Bí Thuyết và các Cộng Đồng Mới  
Các nhà Cải Cách.  
Những Tác Dụng Của Thời Phục Hưng  
Những đổi thay về chính trị và xã hội.  
Sự thay đổi về tri thức  
Sự thay đổi về tôn giáo

Khi học xong bài này bạn sẽ có thể  
Ù Bàn thảo những yếu tố dẫn đến sự suy thoái thể chế Giáo Hoàng trong thế kỷ  
mười bốn và mười lăm.

Ừ Nhận biết những nỗ lực của các cố động viên hội đồng, các nhà thần bí và các nhà cải cách đem lại sự cải cách thuộc linh trong vòng giáo hội.

Ừ Mô tả những sự thay đổi về xã hội, chính trị, tri thức và tôn giáo liên quan đến cuộc phục hưng.

1. Hãy nghiên cứu bài học này và làm bài tự trắc nghiệm về nó theo những chỉ dẫn đã cho trong Bài học 1.
2. Ôn lại để làm bài Đánh Giá Tiến Bộ Đơn Vị 4 gồm các bài học 10-12 theo như những chỉ dẫn đã cho trong tập học viên của bạn.
3. Hãy ôn lại toàn khóa trình để chuẩn bị cho kỳ thi cuối khóa. Hãy xem tập học viên của bạn để biết những chỉ dẫn cho việc ôn tập này.

Văn khó

Cuộc phu tù Babylon

Giáo Lệnh (sắc lệnh của Giáo Hoàng)

Cố động viên hội đồng

Chủ nghĩa nhân bản

Mang tính nhân bản

Chủ nghĩa cá nhân

Âm mưu

Thần bí thuyết

Mang tính duy tự nhiên

Chủ nhân công cộng

Phép phối cảnh

sự duy lý luận

Thời Phục Hưng

bị phản kháng (trả đũa)

Nông nô (tá điền)

Phép phê bình bản văn.

## SỰ SUY THOÁI CỦA THỂ CHẾ GIÁO HOÀNG

### Sự Vô Đạo Đức Của Hàng Giáo Phẩm

Suốt các thế kỷ mười bốn và mười lăm, đời thuộc linh của giáo hội thiết lập đã sa sút. Một yếu tố chính là sự mất tính thuộc linh giữa vòng hàng giáo phẩm. Sự đòi hỏi các linh mục sống độc thân không thực tiễn cũng không theo Kinh Thánh. Sự vô luân lan ra giữa vòng các linh mục và các Giáo Hoàng. Nhiều người có tình nhân. Một số người có con cái bất hợp pháp (ngoài giá thú) phải chăm sóc. Đa số đã bỏ qua việc chăm sóc mục vụ của họ đối với giáo dân.

Tác động của chủ nghĩa phong kiến trên giáo hội vẫn làm phân chia mối quan tâm đối với nhiều linh mục. Họ được giả định là phải vâng phục Giáo Hoàng, nhưng họ đã phục vụ các lãnh chúa địa phương. Chính trị đã chiếm nhiều thì giờ của họ mà

đáng ra phải được dùng cho công tác mục vụ. Làm phức tạp thêm các vấn đề, thể chế Giáo Hoàng đang chịu sự thất bại về mặt tổ chức theo như chúng ta sẽ xem xét trong phần kế tiếp.

Hàng giáo phẩm (các linh mục) đã phạm lời tuyên hứa không chỉ trong lãnh vực trình bạch và vâng phục mà còn cả trong lãnh vực khổ tu nữa. Các Giáo Hoàng và nhiều linh mục, tu sĩ đã sống rất là xa hoa. Hỗ trợ cho sự tham muốn của họ, một số đã tham dự vào âm mưu chính trị, sự lạm dụng quyền hành và tội buôn bán chức Thánh. Nhiều người đã hoàn toàn không còn thích hợp cho chức vụ linh mục nữa. Năm 1401, một nhà phê bình có lòng quan tâm đã viết về sự xa hoa và tham lam của giáo hội. Ông kể ra ba thói xấu mà ông thấy là chúng đã dẫn đến các điều thói nát khác trong giáo hội. Ông quan sát thấy rằng hàng giáo phẩm mà họ đã theo đuổi, sự vinh hiển của địa vị họ và sự mở rộng quyền hành của họ đã dọn đường cho sự xa hoa, sự phô trương và sự tham muốn. Sự xa hoa đòi hỏi những sự thỏa mãn khác nhau, nào rượu chè, yến tiệc, tham ngủ nghỉ, nghe âm nhạc, săn bắn... Sự phô trương đòi hỏi nhà cao cửa đẹp, lâu đài, quần áo, tô tô, ngựa xe. Lòng tham muốn phải tìm cho được của cải thật nhiều để chi phí cho những sự đòi hỏi khác (sách của Petry trang 524).

Điều mà giáo dân còn có thể làm là không tôn trọng giáo hội nữa. Sự thiếu tôn trọng lớn dần đã làm suy giảm quyền hành và uy danh của thể chế Giáo Hoàng.

1. Sự độc thân của linh mục có tính cách bắt buộc do

a. Sự dạy dỗ của sứ đồ Phaolô

b. Sắc lệnh của Giáo Hoàng Gregory VII trong thế kỷ mười một.

c. Sự nổi lên của chủ nghĩa tu viện trong thế kỷ thứ ba.

d. Một quyết nghị của một hội nghị toàn cầu.

2. Hãy mô tả lối sống của các linh mục trong lãnh vực trình bạch, vâng phục và khổ tu vào thời kỳ này.

.....

....

.....

....

3. Bạn cảm thấy thế nào nếu người "lãnh đạo tinh thần" của bạn bày tỏ sự vô luân và ít quan tâm đến những điều thuộc linh.? Sử dụng vở ghi chép của bạn.

Sự Thất Bại Về Mặt Tổ Chức

Với sự tuyên chọn Clement V (1305-1314) một người Pháp làm Giáo Hoàng, thể chế Giáo Hoàng đã ở dưới sự khống chế của nước Pháp trong khoảng bảy mươi năm. Thời kỳ này được gọi là "cuộc Phụ Tù Babylon" của Giáo Hội. Điều này có thể nhắc bạn nhớ lại thời kỳ giữa năm 955 và năm 1047, khi mà các nhà cầm quyền Ý khống chế các Giáo Hoàng.

Năm 1309, Clement dời nơi ở của Giáo Hoàng về Avignon thuộc miền Nam nước Pháp. Tất cả những người kế nhiệm ông cũng vẫn ở đó cho tới năm 1377. Chúng ta

sẽ xem một biến cố cho thấy sự kiểm soát của chính quyền Pháp trên thể chế Giáo Hoàng. Theo sự yêu cầu của vua nước Pháp, Clement đã ra lệnh giải tán dòng Hiệp sĩ Knights Templar. Họ đã trở nên giàu có và có nhiều ảnh hưởng. Nhà vua muốn chiếm đoạt của cải của họ. Clement đã hành quyết vị thủ lĩnh và nhiều người trong dòng. Dân chúng rất kinh hoàng về hành động của Giáo Hoàng trong vấn đề này. Giáo hoàng Urban V (1362-1370) muốn cải cách trong giáo hội và cố khôi phục Rôma làm tòa Giáo Hoàng, nhưng ông đã bỏ cuộc. Người kế nhiệm ông, Gregory XI (1370-1378) đã đem thể chế Giáo Hoàng trở về Rôma vào năm 1377. Khi ông qua đời, những người Ý muốn giữ thể chế Giáo Hoàng ở tại Rôma đã đòi tuyển chọn một vị Giáo Hoàng người Ý. Đoàn Hồng Y đã chọn Urban VII (1378-1389) ông lại hóa thành một người chuyên quyền. Một số hồng y quyết định chọn một Giáo Hoàng khác, đó là Clement VII. Sau một thời gian hai vị Giáo Hoàng tranh chấp nhau, thì Urban ở lại Rôma còn Clement đi đến Avignon. Giáo hội bây giờ có hai vị Giáo Hoàng do cùng một hồng y đoàn chọn lựa! Điều này đã mở màn cho "cuộc Đại Ly Giáo" (hố chia rẽ lớn trong giáo hội).

Cuộc Đại Ly Giáo kéo dài đến năm 1417 phân chia giáo hội phương Tây gồm nước Ý, Đế quốc Lamã Thánh, các nước phía đông, Bắc Âu, Hungary và Anh Quốc ủng hộ Giáo Hoàng Urban VII; nước Pháp, Tây Ban nha, Tô cách lan ủng hộ Giáo Hoàng Clement VII. Một hội nghị đã được triệu tập để hàn gắn sự chia rẽ này. Tại hội nghị Pisa (1409), các Hồng Y bác bỏ cả hai vị Giáo Hoàng và họ chọn một người thứ ba. Bây giờ không phải chỉ có hai mà có tới ba vị Giáo Hoàng. Cuối cùng, tại Hội Nghị Constance cả ba Giáo Hoàng đều bị truất phế và một Giáo Hoàng mới được bầu lên.

Giáo hội tiếp tục chịu những nhóm áp lực khác nhau và các mưu đồ chính trị. Nhiều Cơ Đốc nhân thật ngạc nhiên vì các vụ tai tiếng về mặt tổ chức. Giáo hội đã chịu đựng những nan đề thuộc linh sâu xa và cần được phục hưng.

4. "Cuộc phu tù Babylôn" có ý nghĩa gì?

.....

....

.....

....

5. Hãy giải thích làm sao lại có ba vị Giáo Hoàng cùng một lúc?

.....

....

.....

....

Tài Chính và Sự Nổi Lên của Các Nước (chính quyền) Theo Chủ Nghĩa Quốc Gia Nền tài chính của các Giáo Hoàng cũng làm rối loạn hàng ngũ giáo dân. Riêng cung điện Giáo Hoàng thôi đã xử dụng tới 500 người. Các nhà cầm quyền quốc gia và giai cấp trung lưu thật bức tức vì thuế má của Giáo Hoàng, chúng làm hao hụt

sự giàu có của họ. Giáo hoàng Boniface VIII (1294-1303) thực sự nổi giận cùng dân chúng khi ông ra sắc lệnh gia tăng lợi tức của giáo hội bằng việc sa thải các linh mục đóng thuế cho nhà nước. Sắc lệnh truyền rằng bất kỳ linh mục nào đóng thuế cho nhà cầm quyền đều bị dứt phép thông công cũng như viên chức chính quyền nào thu thuế của bất kỳ linh mục nào cũng bị dứt phép thông công.

Giáo hoàng John XXII (1316-1334) một con người rất có hiệu năng nhưng tàn nhẫn, đã nghĩ ra nhiều cách mới để làm gia tăng lợi tức của Giáo Hoàng. Ví dụ như, ông thu tất cả lợi tức trong năm đầu của một giám mục mới được bổ nhiệm vào chức vụ. Trải một thời kỳ từ Giáo Hoàng John đến Giáo Hoàng Gregory XI (1378), hơn một phần tư tài liệu "dịch vụ" vẫn còn trong văn khố. Một trong những công cụ làm gia tăng tiền bạc lớn nhất là việc bán bùa xá tội. Đáp lại một số công lao đóng góp chính, Giáo Hoàng ban cho dân chúng được hưởng công đức từ cái gọi là ngân khố công đức của các thánh. Ông miễn xá họ khỏi sự chịu trừng phạt tội lỗi. Tập tục này về sau dẫn Martin Luther đến chỗ kêu gào có cuộc cải cách. Nhìn chung, lòng tham lam của thể chế Giáo Hoàng trong việc thu góp những số lượng tiền bạc khổng lồ đã làm giảm lòng tôn kính của dân chúng đối với thể chế Giáo Hoàng.

Quyền lực của thể chế Giáo Hoàng cũng suy thoái khi đối diện với sự dấy lên của chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa này đã có trong thời kỳ viễn chinh. Sự nổi lên của các chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia như Pháp, Anh tạo thành những chính quyền trung ương hóa. Dân chúng ngày càng nhận biết quốc gia của họ và nhận thức ngày càng kém đối với trung tâm của giáo hội. Các quốc gia đang phát triển này nhấn mạnh đến lòng trung thành và sự cai trị. Những nhà cầm quyền cung cấp binh lực hùng hậu để bảo vệ sự buôn bán của tầng lớp thương gia. Đáp lại, các thương gia đóng góp tiền cho nhà vua. Xã hội có kết quả đó đã đủ mạnh để thách đố Giáo Hoàng mà vai trò thuộc linh của ông dường như đã bị quên lãng trong cuồng vọng thu góp lợi tức của ông để hoán đổi một số đặc quyền đặc ân nào đó. Trong khi Giáo Hoàng ở tại Avegnon, Anh quốc thật sự đã ghét cay ghét đắng việc nạp tiền cho ông ta, bởi vì nước Anh căm ghét nước Pháp.

6. Nền tài chính đã phải làm gì với nhu cầu gia tăng để cải cách trong giáo hội?

.....  
....  
.....  
....

7. Việc nổi lên của các chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia đã giúp làm tiêu tan cái xã hội chung của thế giới Cơ Đốc như thế nào?

.....  
....  
.....  
....

## NHỮNG NỖ LỰC CẢI CÁCH NỘI BỘ

### Phong Trào Hội Đồng

Với thể chế Giáo Hoàng bị ô danh như vậy, một số người trong giáo hội bắt đầu tìm cách cải cách qua việc làm giảm thiểu quyền lực của Giáo Hoàng. Họ tin rằng uy quyền cao nhất trong giáo hội phải đặt nơi một "Thượng Hội Đồng" như là một bộ phận đại biểu cho toàn dân trong thế giới Cơ Đốc. Có nhiều cuộc bàn cãi để có một hội đồng như vậy dùng làm uy quyền cao hơn Giáo Hoàng.

Khi Giáo Hoàng Boniface VIII ra sắc chỉ tuyên bố thể chế Giáo Hoàng cầm quyền cả các lãnh vực thuộc linh và thuộc quyền đời này của cuộc sống từ John ở Paris, một nhà thần học dòng Dominicans đã phản kháng. Ông nhắc nhở dân chúng rằng Giáo Hoàng là tôi tớ chính của Hội Thánh chứ không phải là kẻ cầm quyền tuyệt đối của Hội Thánh. Do đó, Giáo Hoàng phải chịu trách nhiệm với một hội đồng mà nó có quyền lực lớn hơn Giáo Hoàng. Ông cũng nhắc nhở dân chúng rằng Cơ Đốc nhân thuộc vào Thân Thể của Đấng Christ dưới sự cầm đầu của Đấng Christ chứ không phải của Giáo Hoàng.

William of Occam cho rằng quyền lực của Giáo Hoàng không bao gồm việc cai trị về đời này. Ông trích dẫn [IITi 2Tm 2:4](#) "Chớ có ai đánh trận cho Đức Chúa Trời mà còn lầy việc đời lụy mình, hầu cho họ có thể làm đẹp lòng Ngài, nhận được ân sủng của Ngài". Ông còn đi xa hơn, cho rằng như Đấng Christ chẳng giao cho Phierơ quyền về công việc đời này thế nào thì Ngài cũng không giao cho ông quyền hành tuyệt đối trong các công việc thuộc linh thế ấy.

Chính Marsilius ở Padua (1270-1342), một người lãnh đạo tại đại học đường Paris đã công kích các ý kiến về một hệ thống phẩm trật hoặc trong giáo hội hoặc trong chính quyền. Ông công bố rằng uy quyền chính để quyết định những mạng lệnh Kinh Thánh thuộc về một thượng hội đồng gồm các Cơ Đốc nhân bao gồm các giáo dân lẫn hàng giáo phẩm, họ được bầu chọn ra để phục vụ trong một bộ phận như vậy. Trong số nhiều lời kết luận của ông, ông cũng lên án Tòa Án Giáo Hội, nhấn mạnh rằng Phúc âm không chấp nhận những hình phạt của đời này để ép buộc người ta vâng phục các điều răn thiên thượng.

Với những luận cứ này và những luận cứ khác hỗ trợ cho nó, một phong trào hội đồng (Conciliar movement) đã phát triển và hoạt động từ năm 1409- đến năm 1449. Các Hồng Y triệu tập Hội Nghị Pisa năm 1409 để giải quyết nan đề về hai vị Giáo Hoàng nhưng chung cuộc đã tạo ra ba vị Giáo Hoàng, vì hai vị kia từ chối từ chức. Năm 1414, hội nghị Constance bắt đầu nhóm họp. Năm trăm chức viên giáo hội từ năm quốc gia đã nhóm họp và cứu xét mãi cho đến năm 1418 họ đã thành công trong việc chấm dứt cuộc Đại Ly Giáo (The Great Schism)

Hội nghị Constance đã tiêu biểu niềm hy vọng lớn nhất cho cuộc cải cách trong thế kỷ thứ mười lăm cũng như sự xâm phạm đức tin lớn nhất. Các nghị viên hội nghị loại bỏ ba vị Giáo Hoàng trước khi chọn một Giáo Hoàng mới. Trong lúc "vô Giáo Hoàng", hội nghị này thực sự đã đại diện cho toàn giáo hội. Thành công của hội

ngợi trong việc hàn gắn hồ chia rẽ đã đem quyền lực tập trung hóa trở về cho thể chế Giáo Hoàng. Tuy nhiên, sự thất bại thực sự của hội nghị là nơi việc hỏa thiêu nhà cải cách John Hus, ông đã được hứa hẹn sẽ được bảo vệ nếu ông tham dự các kỳ họp.

Những người trong giáo hội đã triệu tập Hội nghị Basel vào năm 1431. Sau nhiều năm có sự xung đột giữa Giáo Hoàng và các nghị viên hội đồng, Giáo Hoàng đã dời hội nghị đến Ferrara vào năm 1438 và tiếp tục dời đến Florence vào năm 1439. Từ hội nghị này sự hàn gắn tạm thời giữa Đông giáo hội và Tây giáo hội đã xảy ra, bảy phép bí tích của Giáo Hội Công Giáo Lamã được chính thức công nhận. Trong khi đó, một hội đồng của phe đối nghịch vẫn cứ ở tại Basel và tuyển chọn một Giáo Hoàng khác. Cuối cùng nó đã tự giải tán vào năm 1449, chấp nhận thua cuộc. Phong trào hội đồng đã chấm dứt. Nó đã thất bại trong việc đem lại sự cải cách. Tuy nhiên, những biện pháp cải cách khác vẫn hoạt động giữa vòng các cộng đoàn mới, các nhà thần bí và các nhà cải cách.

8. Phong trào hội đồng bắt đầu như là một cố gắng nhằm

- a. Tái tổ chức hệ thống phẩm trật của giáo hội.
- b. Xóa bỏ thể chế Giáo Hoàng
- c. Cho giáo dân có tiếng nói trong những công việc của giáo hội.
- d. Hàn gắn một Đại Ly Giáo

9. Hãy ghép cặp những sự luận bàn về một thượng hội đồng với những người

1. John ở Paris

2. William of Occam

3. Marsilius ở Padua

.....a "Không có tổ chức phẩm trật trong giáo hội hoặc trong chính quyền"

.....b "Giáo hoàng là tối tở chính yếu của hội thánh"

.....c "Quyền hành của Giáo Hoàng phải giới hạn vào những vấn đề thuộc linh"

10. Hãy mô tả sự thất bại của phong trào hội đồng.

.....

....

.....

....

**Thần Bí Thuyết Và Các Cộng Đoàn Mới**

Chúng ta hãy suy nghĩ trở lại các nhà kinh viện. Lý luận của "đầu óc" của họ không làm thỏa mãn những nhu cầu của "con tim". Rồi chúng ta cũng hãy nhớ rằng các nhà duy lý đã bác bỏ sự nhân mạnh và ý niệm chung của chủ nghĩa kinh viện và họ đưa ra một sự quan tâm đến cá nhân. Dân chúng đã đói khát một kinh nghiệm cá nhân, tức là sự tương giao với Đức Chúa Trời. Kết quả là thần bí thuyết (Mysicism) đã nổi lên.

Nhà thần bí đi tìm sự tiếp xúc cá nhân trực tiếp với Đức Chúa Trời. Họ biệt riêng



mình để suy gẫm, tìm kiếm sự hiệp một với Đức Chúa Trời. Họ ao ước có một kinh nghiệm thần bí với Đức Chúa Trời mà không thể giải thích được. Điều này có nhắc bạn nhớ đến phái Montanists trong Hội Thánh ở thế kỷ thứ mười hai không? Họ quá nhấn mạnh đến những sự bày tỏ ra của Đức Thánh Linh trong sự phản ứng của họ đối với sự bận rộn của giáo hội về hình thức tổ chức.

Nhà thần bí Latinh ở miền Nam Châu Âu đã nhấn mạnh về một từng trải cảm xúc. Họ tìm một sự tương giao cá nhân với Đức Chúa Trời. Catherine ở Siena (1347-1380) là một ví dụ điển hình. Bà tin chắc rằng Đức Chúa Trời đã phán bảo với mình qua những dị tượng. Thực ra bà đã có thể thuyết phục Giáo Hoàng Gregory XI rời bỏ Avignon để về Rôma. Bà tố cáo sự vô luân và các tội lỗi của thể chế Giáo Hoàng một cách không sợ hãi.

11. Hãy định nghĩa thần bí thuyết và cho biết tại sao nó đã nổi lên?

.....

....

.....

....

Nhóm Bạn Hữu Đức Chúa Trời (The Friends of God).

Những nhà thần bí người Teutonic (gốc Đức) ở Bắc Âu đã nhấn mạnh đến bản tính của Đức Chúa Trời một cách mang tính triết học hơn. Meister Eckhart (1260-1327) là một người dòng Dominicans, ông đã được học tại đại học đường Paris nhưng phần lớn phục vụ tại Đức. Ông nói rằng thần thánh là một thực sự tối hậu. Con người cần có một kinh nghiệm thần bí mà nó sẽ kết hợp họ với Đức Chúa Trời. Eckhart muốn được hấp thụ vào Đức Chúa Trời, ông nói: "Đức Chúa Trời phải trở thành tôi và tôi phải trở thành Đức Chúa Trời".

Một người dòng Dominicans khác là John Tauler (1300-1361), ông là học trò của Eckhart. Tuy nhiên, Tauler lại mang tính chất Thánh Kinh hơn và thực tiễn hơn. Sự giảng dạy của ông nhấn mạnh đến việc con người không là gì cả trước mặt Đức Chúa Trời. Ông dạy rằng kinh nghiệm bề trong thì tốt cho linh hồn hơn là những biểu hiện bề ngoài. Chịu ảnh hưởng của nhóm Ealdensians, ông đòi hỏi một đời sống đạo đức cao. Ông bày tỏ ra tính thực tiễn trong sự chăm sóc cho người đau ốm trong thời kỳ có nạn dịch.

Những người thuộc hàng ngũ giáo dân đi theo Eckhart và Tauler được gọi là "các Bạn Hữu của Đức Chúa Trời". Sách German Theology (thần học Đức) là cuốn sách liên hệ đến họ. Sau này nó đã ảnh hưởng trên Martin Luther.

Nhóm Anh Em Sống Cộng Đồng (The Brethren of the Common Life)

Một nhóm tín hữu khác được gọi là "Anh Em Sống Cộng Đồng" tập trung tại Deventer, Hòa Lan. Họ sáng tạo ra "Devotio Moderna" nghĩa là phương cách mới để phụng sự Đức Chúa Trời. Đây là một cuộc phục hưng thuộc linh mà nó nhấn mạnh đến lòng sốt sắng cá nhân và sự can dự vào xã hội. Người lãnh đạo phong trào là Gerhard Groote (1340-1384), dầu có tính cách thần bí, nhưng ông nhấn

manh đến sự mặc khải của Kinh Thánh. Biệt mình theo kỷ luật thuộc linh, Groote và các Anh Em từ chối sự chăm chú trần gian. Họ hiến thân để lo dạy dỗ và xây cất các trường học khắp cả Hòa Lan, tại Đức và Thụy sĩ. Cùng với sự tham dự vào việc giáo dục, họ đã xuất bản nhiều sách.

Thomas à Kempis (1380-1471) đã tóm tắt đức tin của Devotio Moderna trong cuộc đời của ông. Từ năm 1406 cho đến lúc qua đời, ông đã viết sách, sao chép các bản Kinh Thánh, rao giảng về Đấng Christ và khải đạo cho người ta. Tác phẩm của ông, cuốn Imitation of Christ (Bắt chước Đấng Christ) ngày nay vẫn có nhiều người đọc đến.

Chúng ta đã xem xét một số gương mẫu lành mạnh hơn của các nhà thần bí. Họ đóng góp vào đời thuộc linh của Hội Thánh, nhưng một số nhà thần bí thì đi theo uy quyền nội tâm hơn là theo uy quyền Kinh Thánh. Một số người đã nói rằng giáo lý đúng nhưng không phải là quan trọng. Một số người khác đã ngã theo phiếm thần giáo. Chính Eckhart cũng gần như vậy. Một số người khác nữa thì quan tâm đến sự hưng vượng thuộc linh của chính mình đến nỗi họ bỏ quên những người khác. Họ đã trở thành thụ động và chống xã hội.

Các nhà thần bí lành mạnh hơn đã thấy những nhu cầu trong Hội Thánh và họ ra sức giúp đỡ. Họ kêu gọi Hội Thánh giầu đạo "trong lòng". Tuy nhiên, cố gắng của họ không đi đủ xa. Một số nhà cải cách khác phải đòi có sự cải cách về giáo lý cũng như về thực nghiệm.

12. Hãy ghép cặp những nhà thần bí với sự đóng góp của họ vào đời thuộc linh của Hội thánh

1. Catherine ở Siena
2. Meister Eckhart
3. Gerhard Groote
4. Thomas à Kempis

.....a Tham dự vào xã hội qua việc giáo dục.

.....b Hiệp một với Đức Chúa Trời theo tính cách triết học.

.....c Kinh nghiệm bằng cảm xúc và thấy khải tượng

.....d Mô tả Devotio Moderna trong đời sống ông.

13. Hãy nêu lên những sự tương phản giữa ưu và khuyết điểm của thần bí thuyết.

.....  
....  
.....  
....

14. Hãy nêu những tương phản giữa thần bí thuyết và chủ nghĩa kinh viện.

.....  
....

.....

....

### Các Nhà Cải Cách

Cũng như các nhà thần bí, Wycliffe, Hus và Savonarola đòi hỏi phải có một đức tin cá nhân. Nhưng khác với các nhà thần bí, họ nhấn mạnh đến một sự quay trở về với Hội Thánh thời Tân ước. Sự vô luân và sự băng hoại của thể chế Giáo Hoàng đã tác động sâu xa đến họ. Thậm chí họ quan tâm hơn nữa đến sự dạy dỗ bất khiết của giáo hội của các Giáo Hoàng. Như một sử gia đã nói: "Các nhà cải cách tin rằng sự tẻ hướng các ông dẫn ơn phước Đức Chúa Trời của giáo hội Lamã thông qua hệ thống linh mục đã đi quá xa. Nó cản trở sự tự do lưu chuyển sự công nghĩa của Đức Chúa Trời giữa vòng loài người và như vậy nó đã ngăn chặn và làm ảnh hưởng dòng suối thánh khiết của Hội Thánh" (Sách Của Marty, trang 195).

#### John Wycliffe

Cuộc đời của John Wycliffe đã tập trung xung quanh trường đại học Oxfröd, nơi mà ông đã học tập và sau này dạy dỗ tại đó. Là một linh mục, ông muốn loại trừ khỏi giáo hội những thói tục vô luân và những âm mưu chính trị. Ông cảm thấy rằng nếu giáo hội được cởi bỏ sự giàu có của nó thì cuộc cải chánh sẽ xảy ra. Khi nào giáo hội không sử dụng đúng đắn những mảnh đất của mình thì, ông nói rằng chúng sẽ được giao cho những người biết xử dụng chúng một cách đúng đắn. Dĩ nhiên, giới quý tộc ủng hộ ông. Họ sẵn sàng tiếp quản những mảnh đất đó. Người Anh từ lâu đã bực dọc về những thuế má phải đóng góp cho Rôma và về sự phát triển giàu có của các Giáo Hoàng. Do đó, những nhà cai trị đã ủng hộ Wycliffe về những biện pháp cải cách của ông.

Không bằng lòng với việc chỉ công kích sự giàu có của giáo hội, Wycliffe đã nghi vấn sự dạy dỗ của giáo hội. Ông cố ngăn chặn sự thờ phượng các thánh tích và các thánh. Ông thách thức uy quyền của Giáo Hoàng. Đấng Christ chứ không phải Giáo Hoàng mới là đầu của Hội Thánh. Kinh Thánh chứ không phải giáo hội là nguồn của sự sống thuộc linh. Do đó, ông đã xúc tiến phiên bản Kinh Thánh Anh Ngữ đầu tiên, Bản Kinh Thánh Wycliffe.

Dòng sư huynh chống báng việc có Kinh Thánh bằng Anh ngữ, bởi vì nó sẽ có hiệu lực cho quần chúng. Thực ra, người ta có thể sẽ so sánh Giáo Hoàng với Hội Thánh thời Tân ước và họ sẽ thấy được sự sa đọa lớn. Dân chúng sẽ không còn tùy thuộc vào các sư huynh như là những người môi giới giữa họ với Đức Chúa Trời nữa.

Wycliffe không những chống đối chức vụ tư tế trung gian mà còn chống đối tín lý lễ Misa của giáo hội Lamã nữa. Ông nói rằng Đấng Christ hiện diện "một cách thuộc linh" trong lễ tiệc thánh (Mình Thánh Chúa). Điều này bác bỏ giáo lý về biến thể thuyết. Wycliffe đã đi quá xa. Ông đã bị sa thải khỏi trường Oxford vào năm 1382.

Vài năm sau khi ông mất, Hội Nghị Constance đã lên án ông là một kẻ tà giáo. Hai

cốt của ông bị quật khỏi mộ và bị thiêu đốt.

Một nhóm người giảng đạo thuộc hàng giáo dân, nhóm Lollards, đã quảng bá tư tưởng ông khắp Anh quốc. Năm 1403, án tử hình được áp đặt cho tất cả mọi người thuộc nhóm Lollards. Những người chịu ảnh hưởng của Wycliffe đã đem tư tưởng ông sang Tôcáclan, xứ Bôhêmiên, Balan và Hunggary. Tuy nhiên việc rao giảng đức tin của Kinh Thánh liên tục của họ đã dọn đường cho Luther.

15. Sự phản kháng của Wycliffe giống với sự phản kháng của nhóm Waldensians như thế nào?

.....

....

.....

....

16. Chức vụ của Wycliffe khác với chức vụ của các nhà thần bí ở nơi sự nhấn mạnh của ông về

- a. Lòng sốt sắng cá nhân
- b. Nếp sống đạo đức
- c. Sự tương giao trực tiếp với Đức Chúa Trời,
- d. Sự cải cách về giáo lý.

John Hus

Một trong số nhiều người chịu ảnh hưởng của Wycliffe là John Hus (1369-1415). Cuộc đời của ông cũng xoay quanh một trường đại học. Hus đã điều hành đại học đường Prague ở Bohemia (ngày nay là Tiệp Khắc). Ông cũng đã giảng dạy ở Thánh đường Bêlêhem gần đó. Cuốn sách của ông, cuốn On The Church (bản về Hội thánh), đã định nghĩa Hội Thánh như là thân thể của Đấng Christ mà Đấng Christ là đầu duy nhất của Hội Thánh.

Hus đã cố cải cách Hội Thánh thời đại của ông. Dầu ông đã bình vực truyền thống của giới linh mục nhưng ông lên án sự băng hoại của họ. Ông đã lên án sự thờ phượng ảnh tượng, niềm tin nơi các phép lạ giả và những cuộc hành hương mê tín. Ông chỉ trích việc rút lại rượu nho trong lễ tiệc thánh khỏi giáo dân và đòi hỏi cho giáo dân dự phần trong thánh lễ Misa. Ông phản đối bùa xá tội. Ông dạy rằng chỉ Đức Chúa Trời mới có thể tha tội. Kinh Thánh là luật lệ tuyệt đối.

Được hỗ trợ bởi một tinh thần tự hào quốc gia đang phát triển, Hus đã trở thành một vị anh hùng của dân tộc. Tuy nhiên, Giáo Hoàng đã dứt phép thông công ông vào năm 1411. Bốn năm sau, với sự hứa hẹn bảo đảm an toàn của hoàng đế, Hus đồng ý tham dự hội nghị Constance để bình vực duyên cớ của mình. Hội nghị đã lên án ông về những tà thuyết của ông mà ông chẳng hề chủ trương và đã thiêu sống ông trên giàn hỏa.

Những tư tưởng của Hus đã không chết. nhóm Hussite (những người theo Hus) đã phát triển mạnh ở xứ Bohemia cho đến năm 1620. Tư tưởng của ông đã lan truyền khắp thế giới Cơ Đốc giáo. Nhóm Anh Em Plymouth và giáo hội Moravian, tức hai

hệ phái Tin lành, sau này đã phát triển từ ảnh hưởng của ông.

17. Tại sao nhà cầm quyền dân sự đã ủng hộ cả Hus và Wycliffe?

.....

....

.....

....

Savonarola

Girolamo Savonarola (1452-1459) là một sư huynh dòng Dominicans. Không giống như Hus và Wycliffe, chủ tâm của họ là làm cho Kinh Thánh có giá trị tuyệt đối với mọi người, Savonarola thì quyết tâm loại bỏ khỏi Hội Thánh sự Bái vật (sự thờ lạy đồ vật) của nó. Sự giảng dạy chủ ý của ông khắp miền bắc nước Ý đã làm cho ông rất được hâm mộ. Nhiều đoàn người đông đảo đã cảm động qua lời giảng của ông, những lời đó lên án sự xấu xa trong giáo hội và trong chính quyền.

Khi ông tự lập ở Florence, ông đã cảnh cáo về một sự phán xét lớn nghịch cùng thành phố này và về một sự quay trở lại. Savonarola đã giành được quyền kiểm soát qua sự rao giảng của ông và ông đã ghép cải cách thuế má và các tòa án. Ông bình vực duyên cớ của người nghèo và kẻ bị ức hiếp. ông đã thành công trong việc đem Florence từ một thành phố buông thả, ham thích sự vui chơi trở thành một loại tu viện.

Sau đó ông đã vạch ra sự sa đọa của giáo triều. Ông tố cáo chính Giáo Hoàng về nếp sống gây tai tiếng. năm 1497, Giáo Hoàng Alexandria VII dứt phép thông công Savonarola và đe dọa ra cấm chỉ đối với thành phố này. Thành phố Florence đã quay gót trở nghịch cùng Savonarola. Dân chúng đã hành hình ông và treo cổ ông tại quảng trường của thành phố.

Dẫu savonarola không nhân mạnh đến giải pháp cho tội lỗi, nhưng ông đã nêu ra sự hiện diện của nó. Trong vòng hai mươi năm, một con người khác đã bày tỏ hoàn toàn hơn niềm tin theo Kinh Thánh. Con người này chính là Martin Luther. ông cùng với John Calvin đã xây dựng trên cái nền móng mà đã được lập ra do Wycliffe, Hus, Savonarola, các nhà thần bí và các cổ động viên hội đồng.

18. Hãy giải thích tại sao bạn nghĩ rằng việc có Kinh Thánh bằng tiếng bản xứ là quan trọng đối với các nhà cải cách?

.....

....

.....

....

19. Hãy so sánh và nêu những điểm tương phản giữa Wycliffe, hus và Savonarola như là những nhà cải cách. hãy xử dụng vở ghi chép của bạn.

20. hãy ghép cặp các nhà cải cách với sự đóng góp của họ

1) Wycliffe

2) Hus

### 3) Savonarola

.....a Đã phơi bày nếp sống băng hoại của một Giáo Hoàng và trừ khử sự bái vật khỏi một thành phố.

.....b Đòi hỏi một sự cởi bỏ sự giàu có khỏi giáo hội.

.....c Chống đối chức vị tư tế trung gian của các sư huynh.

.....d Trở thành một anh hùng dân tộc trong sự nỗ lực của ông để giáo dân được dự phần trong lễ Misa.

### NHỮNG TÁC DỤNG CỦA THỜI PHỤC HUNG

Thời kỳ giữa thế kỷ thứ mười bốn và giữa thế kỷ thứ mười sáu trong lịch sử của Châu Âu được gọi là thời kỳ Phục Hưng. Nói chung, đó là một thời kỳ mà nền văn minh cổ của Hylạp và lamã được "tái sinh". những sự thay đổi lớn đã xảy ra tiếp theo sau sự thất bại một phần nào của đường lối thời trung cổ. Những sự thay đổi này đặc trưng hóa phần nhiều xã hội Tây phương mãi đến ngày nay.

Sự thay đổi khởi đầu ở nước Ý, nơi mà dân chúng đã tiếp xúc về mặt thuộc thể với sự suy tàn của Đế Quốc Lamã. Các thương gia giàu có đã có thể đủ sức tài trợ cho các nghệ sĩ và các học giả trong các ngành nghiên cứu của họ trong quá khứ. Họ có thể có đủ sức đầu tư những khoản tiền khổng lồ vào nghệ thuật và việc làm mỹ quan cho các thành phố của họ. Mũi nhọn chính của thời Phục Hưng tại Ý là làm hồi sinh các quá khứ của ngoại giáo. Tuy nhiên, khi sự tái sinh này lan ra ở phía bắc thì một số sự tập trung là trực chỉ vào việc nghiên cứu Kinh Thánh trong các ngôn ngữ nguyên bản của nó.

Thời Phục Hưng tác động rất ít trên Giáo Hội Đông Phương. nó chỉ gây những sự thay đổi nhỏ như là ban lãnh đạo chuyển dịch từ Hylạp sang Ngasô (xem bài học 9). Tuy nhiên, trong Giáo Hội Tây phương, một số những sự thay đổi chính yếu là trong việc làm cho cuộc Cải Chánh càng gần hơn.

21. Thời Kỳ Phục Hưng là gì và điều gì đã làm cho nó nổi lên?

.....

....

.....

....

### Những Đổi Thay Về Chính Trị Và Xã Hội

Sự phục hưng văn học và những quan điểm cổ điển đã dẫn đến sự tái khám phá con người và thế giới. Chủ nghĩa cá nhân bắt đầu phát triển trong các công việc chính trị và đời sống xã hội. Con người thời trung cổ đã bị cai trị bởi những truyền thống của những đoàn thể mà họ thuộc về gia đình của họ, đoàn thể của họ, giai cấp thời phong kiến của họ và giáo hội của họ. Giờ đây, con người được hưởng sự tự do của mình. Họ bắt đầu hành xử những công việc riêng của mình với sự duy lý luận (chỉ dựa vào lý luận), xem nhẹ những điều tôn kính của đạo đức và tôn giáo. Con người đã phát triển sự đánh giá duy tự nhiên về những vẻ đẹp của thế giới. Sự nhân mạnh mới mẻ này trên con người đã phát huy sự nổi loạn của các chính

quyền theo chủ nghĩa quốc gia, làm suy yếu sự thịnh vượng chung quốc tế dưới sự lãnh đạo của Giáo Hoàng. Các vị của chúa xem choính mình là những người cai trị chủ tể. Họ trở thành những nhà chính trị duy lý và những chủ nhân ông quan trọng về tư tưởng và học thức. Thể chế Giáo Hoàng cũng trở thành một chủ nhân ông của nghệ thuật và tri thức thời Phục Hưng. Trong khi đó thể chế ấy đã liên tục mất dần uy tín đạo đức cũng như quyền lực để ảnh hưởng đến nền chính trị quốc tế. Anh Pháp và Tây Ban Nha đều đã giành quyền kiểm soát các nhà thờ của quốc gia mình.

Các tỉnh thành đang phát triển đã nâng cao nền thương mại đến nỗi những hội đoàn thương nhân và thợ thủ công đã trở thành những trung tâm mới của cuộc sống. Chủ nghĩa duy vật đã được trun ghóa phong cách sống của càng ngày càng nhiều người. Những khuôn mẫu cũ kỹ của đời sống người dân quê và chủ nghĩa phong kiến đã bị đập vỡ. Một người nông nô (tá điền) thời trước có thể đến thành thị và làm lưng chăm chỉ sẽ trở thành một nhà buôn hay một thương gia. Những gia đình có quyền thế lớn như gia đình Medicis ở Ý đã có thể cạnh tranh với giáo hội trong việc tích lũy của cải. Càng ngày giáo dân càng nhận được sự học vấn mà nó được rút khỏi sự độc quyền của hàng ngũ linh mục có học thức.

Nền công nghệ cũng tạo được nhiều lợi ích. Thuốc súng đã được phát minh ra vào giữa thập niên 1300. Johann Gutenberg ở Đức đã phát minh ra việc ấn loát và đã in Kinh Thánh vào năm 1456. Các quốc gia đua nhau trong việc thám hiểm Châu Phi và trong việc khám phá các vùng đất ở Bắc và Nam phi. Họ học hỏi nhiều điều về địa lý và đã lập được bản đồ.

22. hãy kể ra những thay đổi chính về mặt chính trị và xã hội của thời kỳ này. hãy xử dụng vở ghi chép của bạn.

23. Sự nổi lên của chủ nghĩa cá nhân đã làm suy yếu giáo hội đã có tổ chức như thế nào?

.....

....

.....

....

### Sự Thay Đổi Về Mặt Tri Thức (Trí Tuệ)

Cùng với tất cả các sự thay đổi khác, đã có một sự thay đổi lớn về mặt tri thức.

Người ta đã chấp nhận một nhãn quan mang tính nhân bản về cuộc sống. Chủ nghĩa nhân bản đề cao con người. Nó thay thế sự vinh hiển của Đức Chúa Trời bằng vinh quang của loài người. Nó đánh giá những khả năng, những hy vọng và những thành tựu trong đời sống con người trên đất này là có giá trị. Chủ nghĩa nhân bản phản kháng loại xu hướng về một thế giới khác mà đã từng ngự trị trong thời trung cổ. nó xoay khỏi lãnh vực siêu nhiên của thần học và những hình thức đã thiết lập của nó trong Hội Thánh. Nó cho rằng hưởng thụ đời này thì quan trọng hơn nhiều so với việc chuẩn bị cho đời sau.

Trong địa hạt văn học, những người theo chủ nghĩa nhân bản đã phát triển phép phê bình văn. Từ phương pháp kinh viện của Aquinas dựa vào lý luận Occam để đánh giá đức tin, giới tri thức giờ đây xoay qua khảo cứu các bản văn của Hylạp và Lamã nguyên thủy. Khác hơn việc chấp nhận truyền thống, họ đọc kỹ càng và phân tích các bản văn cho chính họ, khôn đức cuộc sống của họ theo những gì họ đã học được. Họ viết sách cho hàng ngũ giáo dân. Như vậy, các tác phẩm của họ đã gia thêm vào văn học tiếng bản xứ có giá trị trong thời của họ. Sự chú tâm của họ vào các tác giả cổ điển, từ thời của họ cho đến nay, đã làm cho sự quen thuộc các ngôn ngữ cổ và các tác giả thời cổ trở thành một mục tiêu của người có học thức.

Trong địa hạt nghệ thuật, ngành hội họa và điêu khắc đã vươn lên một tầm quan trọng mới. Trước kia, chúng phụ thuộc vào ngành kiến trúc như trong các kiến trúc kiểu Gôtích. Những nghệ sĩ người Ý, nhiều người trong số họ xuất thân từ Florence (thành phố mà Savonarola đã cố xoay họ khỏi bái vật giáo), đã mở đường trong việc miêu tả những đề tài thuần túy thế tục. Họ đã đưa ra những sự trình bày duy tự nhiên để thay thế những hình ảnh tĩnh vật, biểu tượng của thời trung cổ. Họ đưa ra các luật vẽ phối cảnh và hình vẽ chân dung chính xác của người.

Con người lý tưởng thời phục hưng là một con người am tường một vài lãnh vực tri thức. Họ thực sự là một con người đa hiệu. Leonardo da Vinci (1452-1519) là một thiên tài trong nhiều lãnh vực. Ông đã vẽ bức tranh tiệc thánh (Last Supper) và bức tranh Mona Lisa. Ông là một nhà phát minh và là một cố vấn quân sự. Ông đã tạo ra những phác họa về máy móc tưởng tượng có thể bay trong không khí và có thể đi ngầm dưới nước. Một con người thực sự khác của thời Phục Hưng là Michaelangelo, ông là một họa sĩ, một nhà điêu khắc và một nhà kiến trúc.

24. Sự thay đổi về mặt tri thức do thời phục hưng đem lại đã chuyển sự chú tâm của con người từ

- a. Chính mình đến người khác
- b. Những người khác đến Đức Chúa Trời.
- c. Đức Chúa Trời đến chính mình.
- d. Chính mình đến Đức Chúa Trời.

25. Công cụ chủ yếu củ sinh hoạt trí tuệ trong thời Phục Hưng là

- a. Phép phê bình văn.
- b. Biện chứng pháp
- c. Truyền thống có thẩm quyền.
- d. Đức tin.

26. Hãy định nghĩa chủ nghĩa nhân bản.

.....

....

.....

....



27. Hãy kể ra những sự thay đổi trong các lãnh vực văn học và nghệ thuật. Sử dụng vở ghi chép của bạn.

### Sự Thay Đổi Về Tôn Giáo

Mũi nhọn thể tục của thời phục hưng cùng với sự nhấn mạnh mang tính nhân bản của nó đã ảnh hưởng trên thể chế Giáo Hoàng. Như chúng tôi đã nói, nó trở nên liên can đến việc làm củ về nghệ thuật và văn học. Giáo Hoàng Nicholas V (1447-1455) đã hiến thư viện riêng của mình để mở đầu cho việc dùng làm thư viện của tòa thánh Vatican vào các cuộc khảo cứu cổ điển. Chính nhờ sự giúp đỡ của ông mà Lorenzo Valla bằng cách sử dụng phép phê bình văn, đã phơi bày các chiếu chỉ giả tạo thời hoàng đế Isiodore là những văn kiện giả.

Các vị Giáo Hoàng kế nhiệm bắt đầu sống một nếp sống càng ngày càng giống như các vua chúa của nước Ý. Sự ưa thích về văn học, nghệ thuật và những lý tưởng ngoại giáo của thời phục hưng đã che mờ chức năng thuộc linh của họ. Tôn giáo trở thành một chủ nghĩa hình thức máy móc với sự thuộc linh chiếm vị trí thứ nhì so với các nghi lễ tôn giáo.

Có một sự cách biệt gia tăng giữa sinh hoạt tôn giáo của con người với sinh hoạt thường nhật của con người. Chúng ta hãy ghi nhận một số đổi thay khác đã xảy ra. Dân chúng tiếp tục vâng giữ những nghi thức và Các Ngày Lễ Thánh, còn "đức tin" của họ đã giảm sút chỉ còn mang tính hình thức. Họ không biết đến những sự đòi hỏi cá nhân của Đức Chúa Trời trong đời sống thường nhật của họ.

28. Hãy so sánh xã hội của bạn với xã hội thời trung cổ và thời phục hưng như đã tóm tắt trong biểu đồ. Nó giống xã hội nào hơn?

.....  
....

.....  
....

29. Đời sống tôn giáo của con người trở thành tách biệt với đời sống thường nhật của con người như thế nào?

.....  
....

.....  
....

Chủ nghĩa hình thức máy móc của giáo hội tại Rôma đã gây tai tiếng cho một số nhà nhân bản Cơ Đốc. Nó xui giục họ phải trả đũa. Họ không nhận sự tồn tại của một giai cấp linh mục có đặc quyền, phủ nhận giai cấp này là môi giới giữa linh hồn người Cơ Đốc với Kinh Thánh. Họ theo đuổi việc phải có Kinh Thánh bằng tiếng bản xứ. Họ bác bỏ các dấu hiệu Cơ Đốc giáo máy móc như bùa xá tội, các cuộc hành hương, việc rước lễ cho người chết và toàn bộ hệ thống sự cứu rỗi bằng việc mua công đức.

Thông qua việc nghiên cứu Kinh Thánh cách kỹ càng, áp dụng phép bình văn, một

số người trong vòng họ đã đạt đến những lễ thật và họ truyền đạt lại cho những người khác. Jacques Lefevre (1450-1536), một linh mục người Pháp, đã xuất bản một sách chú giải các thư tín của Phao lô. Ông công bố thẩm quyền của Kinh Thánh và giải thích rằng con người được trở nên đẹp lòng Đức Chúa Trời nhờ đức tin. Về sau, ông đã xuất bản Kinh Thánh bằng Pháp Ngữ.

Tại Anh Quốc, John Colet (1467-1519) đã bác bỏ những sự giải nghĩa Kinh Thánh theo lối ẩn dụ mà chúng tất phổ biến trong thời của ông. Ông nhấn mạnh đến nghĩa đen. là một người giảng Kinh Thánh, ông chống lại những tội lỗi của giới linh mục. Với sự tan rã của toàn bộ xã hội thời Carolingian (thời vua Charles I và II của Anh Quốc), Colet được xem như là người dân thành thị chăm chỉ làm lưng và có chừng mực, như là Cơ Đốc nhân chân chính nhất và là niềm hy vọng nhiều nhất cho sự cải cách.

John Reuchlin (1455-1522) ở Đức, ông rất thích ngôn ngữ và văn học HiBá, ông đã cố gắng ngăn cản sự phá hủy các sách đang lên của người Do Thái do lệnh của Tòa Án Giáo Hội của dòng Dominicans. Ông cảm thấy tiếng Hybá là chìa khóa để hiểu biết Kinh Thánh Cựu ước. Với sự phát hành cuốn văn phạm Hibá Cơ Đốc đầu tiên vào năm 1506, ông đã thành lập khoa nghiên cứu tiếng Hibá ở Tây phương.

Nổi tiếng nhất trong số các nhà nhân bản Cơ Đốc là Desiderius Erasmus (1466-1536) ở Hòa Lan. Là con bất hợp pháp của một linh mục, ông buộc phải theo làm linh mục. Căm ghét đời sống của mình, ông bắt đầu theo học ở các trường đại học khác nhau. Giống như hầu hết các nhà nhân bản, ông phê phán lối làm của hàng giáo phẩm. Năm 1499, ông nghe Colet diễn thuyết tại đại học đường Oxford về thư Phao lô gửi cho người Rôma và ông quyết định tự mình tái xem xét Kinh Thánh, vì thế ông theo học tiếng Hylạp. ông đã trở thành một nhà trước tác có nhiều tác phẩm, xử dụng sự hài hước để vạch ra sự hung ác của hàng linh mục và Giáo Hoàng. Tác phẩm của ông được bán rộng rãi. là một học giả được kính trọng, ông được người ta hoan nghênh ở mọi xứ.

Trong số các tác phẩm lớn của ông, ấn bản Kinh Thánh Tân ước tiếng Hilạp (1516) là đáng ghi nhớ nhất. ông cũng khuyến khích việc phiên dịch Kinh Thánh ra theo cách nói thông dụng của dân chúng. Sự khác biệt thật rõ ràng. Tác động thật là lớn lao. Erasmus đã cố giải phóng giáo hội ra khỏi chủ nghĩa hình thức máy móc bằng việc nhấn mạnh đến một sự bước đi cá nhân với Đấng Christ. Dầu ông đã ủng hộ Martin Luther trong một thời gian, nhưng ông không bao giờ ly khai với Giáo Hội Lamã.

Công tác của những con người này và những người khác đã gia thêm cho tình trạng chung sự sẵn sàng cho cuộc Cải Chánh Tin lành. Khi Giáo Hoàng Leo X (1523-15210 làm kiệt quệ thể chế Giáo Hoàng bằng sự hoang phí của ông và đã chuẩn nhận việc bán bùa xá tội để kiếm tiền cho Giáo đường Thánh Phierơ ở Rôma thì Martin Luther đã phản kháng. Ông đã làm cho cuộc cải chánh Tin lành hoạt

động vào năm 1517 với một danh sách dài những sự phản đối của ông với bùa xá tội.

30. Hãy ghép cặp những sự đóng góp với các nhà nhân bản Cơ Đốc.

- 1) Colet
- 2) Erasmus
- 3) Lefevre
- 4) Reuchlin

.....a Đã sửa soạn một ấn bản Kinh Thánh Tân ước tiếng Hy Lạp

.....b Đã nhấn mạnh đến việc nghiên cứu tiếng Hy Lạp

.....c Bác bỏ sự giải thích Kinh Thánh theo lối ẩn dụ, nhấn mạnh đến nghĩa đen

.....d Đã dạy tầm quan trọng của đức tin để có một mối tương giao ngay thẳng với Đức Chúa Trời.

31. Nhiều nhà nhân bản Cơ Đốc đã phản kháng lại chủ nghĩa hình thức máy móc của giáo hội bằng cách bác bỏ mọi điều sau đây NGOẠI TRỪ

- a. Linh mục được hưởng đặc quyền
- b. Bùa xá tội, sự rước lễ cho người chết
- c. Sự môi giới giữa con người và Đức Chúa Trời
- d. Cách tiếp cận bằng phép bình văn.

Cuộc Cải Chánh Tin Lành với các biến cố tiếp theo sau đó cho tới thời đại ngày nay là những bài thuộc giáo trình Hội Thánh: Từ Cuộc Cải Chánh cho đến Hiện Nay (The Church The Reformation to the Present). nếu bạn chưa làm thì bây giờ hãy xin ghi danh theo học khóa trình đó để hoàn tất việc học tập của bạn về môn lịch sử Hội Thánh. Khóa Trình Hội Thánh Từ Cuộc Cải Chánh Cho Đến Hiện nay sẽ cung cấp những xem xét có giá trị về Hội Thánh khi nó phát triển suốt thời kỳ Cải Chánh và xa hơn nữa, nó tiếp tục đáp ứng sự thách thức của Chúa Jesus Christ để làm chứng nhân cho toàn thế giới mãi cho tới lúc Ngài đến.

### Bài Tự Trắc Nghiệm

CÂU CHỌN LỰA . Hãy khoanh tròn mẫu tự đứng trước câu trả lời đúng nhất

1. Vấn đề vô luân giữa vòng các linh mục đã nổi lên từ sự vi phạm lời khấn hứa về

- a. Sự trinh bạch
- b. Sự vâng phục
- c. Sự khổ tu
- d. Tất cả các điều trên

2. Cuộc phu tù Babilôn của giáo hội xuất phát từ

- a. Những sự đại bại phải chịu ở vùng Trung Đông
- b. Việc Đức Thánh Linh liả bỏ Hội Thánh
- c. sự can thiệp của các vua nước Pháp vào công việc của Giáo Hoàng.

- d. Sự nổi loạn của hàng ngũ giáo dân chống lại sự kém thiếu đòi thuộc linh.
3. Cuộc Đại Ly Giáo ở cuối thế kỷ thứ mười bốn liên can đến
- Sự phân chia giữa Đông và Tây
  - Sự tuyển chọn nhiều Giáo Hoàng.
  - Sự tranh chấp giữa chủ nghĩa kinh viện và thuyết duy danh.
  - Sự quay về với Kinh Thánh như là uy quyền.
4. Phong trào Hội Đồng đã thành công trong
- Việc chấm dứt cuộc Đại Ly Giáo
  - Việc đem lại sự cải cách trong giáo hội.
  - Việc thành lập Thượng Hội Đồng như là thẩm quyền chính.
  - Tất cả các điều trên
5. Những thay đổi về mặt xã hội đi kèm với thời Phục Hưng bao gồm
- Sự tự do cá nhân nhiều hơn
  - Sự quan tâm đến các vẻ đẹp trong thế gian
  - Sự tiến triển về một mức độ xã hội này đến một mức độ xã hội khác.
  - Tất cả các điều trên
6. Thời Phục Hưng đã làm thay đổi đời sống chính trị bằng việc làm gia tăng
- Chữ nghĩa quốc gia
  - Sự thắt chặt giữa các quốc gia
  - Quyền tể trị của Giáo Hoàng
  - Mối liên hệ giữa giáo hội và chính quyền
7. Chủ nghĩa nhân bản chú tâm vào mọi điều này NGOẠI TRỪ
- Các cá nhân
  - Đức Chúa Trời
  - Văn Học cổ điển
  - Cuộc sống trần gian

CÂU ĐÚNG SAI . Hãy ghi chữ Đ trước mỗi câu đúng và chữ S trước mỗi câu sai  
 ....8 Thể chế Giáo Hoàng càng ngày càng không được ưa chuộng khi nó toan tính để kiếm ngày càng nhiều lợi tức.

....9 Sự dấy lên cách chính quyền theo chủ nghĩa quốc gia của Pháp và Anh giúp làm gia tăng lòng trung thành của dân chúng đối với quốc vương và Giáo Hoàng của họ.

....10. Thần bí thuyết là một sự phản ứng một phần nào đối với chủ nghĩa kinh viện, chủ nghĩa này nhấn mạnh đến "đầu óc" của con người.

....11 Các nhà thần bí ít đóng góp nhiều cho giáo hội khi họ rút lui khỏi xã hội và chống lại xã hội.

....12 Trong thời Phục Hưng, đời sống tôn giáo và đời sống thường nhật cách biệt nhau.

....13 Trong thời Phục Hưng người ta thôi tuân giữ nhiều nghi lễ của giáo hội và

các Ngày Lễ Thánh.

....14 Vào khoảng thế kỷ mười lăm, tôn giáo đã trở thành một điều hình thức và máy móc, ít tính thuộc linh.

15. Hãy ghép cặp những thành tựu với các nhà thần bí

- 1) Catherine
- 2) Ecksrt
- 3) Groote
- 4) Kempis
- 5) Tauler

....a Chú tâm vào Đức Chúa Trời như là thực tại tối hậu

....b Viết cuốn Imitation of Christ (Bắt chước Đấng Christ)

....c Thuyết phục Giáo Hoàng trở về Rôma

....d Công hiến đời mình cho xã hội trong ngành giáo dục

....e Nhân mạnh sự dạy dỗ của Kinh Thánh và mang tính thực tiễn

16. Hãy ghép cặp các sự đóng góp với các nhà cải chánh

- 1) Hus
- 2) Savonarola
- 3) Wycliffe

....a Biến đổi một xã hội ham thú vui trở thành một loại tu viện

....b Tìm cách để vạch trần giáo hội trong việc xử dụng đất đai của giáo hội cách sai lầm

....c Đòi cho giáo dân được dự phần trong lễ Misa

17. Hãy ghép cặp những sự đóng góp với các nhà nhân bản Cơ Đốc

- 1) Colet
- 2) Erasmus
- 3) Lefevre
- 4) Reuchlin

....a Bản Kinh Thánh Tân ước tiếng Hylạp

....b Cuốn văn phạm Hybá Cơ Đốc

....c Kinh Thánh Pháp ngữ

....d Nghĩa đen của Kinh Thánh.

## ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ ĐƠN VỊ 4 VÀ KỶ THI CUỐI KHÓA

Giờ đây bạn đã kết thúc tất cả các bài trong sách hướng dẫn học tập này. Hãy ôn lại các bài học 10 đến 12 rồi trả lời các câu hỏi trong Bài Thi Đánh Giá Tiến Bộ Đơn Vị 4. Hãy gửi tờ trả lời và các tài liệu khác như đã chỉ ra trên tờ bìa của tập học viên về cho Giảng Viên ICI của bạn. Nếu bạn chưa làm thì hãy dàn xếp với giảng viên của bạn để dự kỳ thi cuối khóa càng sớm càng tốt. Hãy ôn lại cho kỳ thi cuối khóa bằng cách nghiên cứu các mục tiêu của khóa trình, các mục tiêu của các bài

học, các bài tập tự trắc nghiệm và các bài thi đánh giá tiến bộ đơn vị. Hãy xem lại nội dung của bài học nào cần thiết để giúp bạn nhớ bài. Nếu bạn ôn bài cẩn thận và làm bài đầy đủ các mục tiêu thì bạn sẽ không khó khăn gì để thi đỗ kỳ thi cuối khóa.

### Giải Đáp Các Câu Hỏi Nghiên Cứu

16. d. Sự cải cách về giáo lý

1> b. Sắc lệnh của Giáo Hoàng Gregory VII trong thế kỷ thứ mười một.

17. Câu trả lời của bạn. Nhà cầm quyền đã bực mình về những đòi hỏi của Giáo Hoàng (như là tiền bạc) và lòng tự hào quốc gia khiến họ khó chịu vì sự can thiệp của bên ngoài.

2. Câu trả lời của bạn. Phần lớn họ bị băng hoại vì sự vô luân, âm mưu chính trị và nếp sống xa hoa.

18. Câu trả lời của bạn. Họ tin nơi sự hiểu biết về Đấng Christ cách cá nhân để được cứu và họ tin rằng mọi tín đồ là thầy tế lễ của Đấng Christ. Do đó, mỗi người cần đến với lời của Đức Chúa Trời một cách cá nhân.

3. Câu trả lời của bạn. Đa số người ta đều cảm thấy buồn, thất vọng và chán nản, chắc chắn người ta không thần phục con người đó.

19. Câu trả lời của bạn. Họ đều có sự ủng hộ của chính quyền hoặc sự hâm mộ của quần chúng. Họ đều phản đối sự băng hoại trong giáo hội. Wycliffe và Hus cố đặt Kinh Thánh vào tay của hàng ngũ giáo dân để khơi mào sự cải hoán bề trong. Savonarola thì quan tâm nhiều hơn đến những dấu hiệu thánh khiết bề ngoài.

4. Câu trả lời của bạn. Đó là thời kỳ (1309-1377) mà thế chế Giáo Hoàng bị các vua nước Pháp khống chế và các Giáo Hoàng đã cư tại miền Avignon.

20. a. 3) Savonarola

b. 1) Wycliffe

c. 2) Wycliffe

d. 2) Hus

5. Câu trả lời của bạn. Hai vị mà cả hai đều được Hồng Y Đoàn tuyển chọn đều xưng là Giáo Hoàng, do đó gây chia rẽ Giáo Hội Tây phương. Khi họ bị truất phế và người thứ ba được chọn thì cả ba người đều xưng mình là Giáo Hoàng.

21. Câu trả lời của bạn. Đó là thời kỳ chuyển tiếp ở Châu Âu từ đời sống thời trung cổ đến đời sống tân tiến; nó nổi lên do sự hồi sinh nền văn hóa Lamã và Hylạp thời cổ và các lý tưởng ngoại giáo, những dấu vết còn sót lại ở khắp nước Ý từ thời Đế Quốc Lamã.

6. Câu trả lời của bạn. Những biện pháp cực đoan để thu tiền đã làm tổn thương sự thanh liêm của giáo hội và khiến cho sự bực tức ngày càng gia tăng.

22. Câu trả lời của bạn. Những sự thay đổi bao gồm việc nổi lên của chủ nghĩa cá nhân, tính cơ động của xã hội, chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa duy vật, sự thương mại, sự đi lại, sự học vấn của hàng giáo dân, việc ăn lát, sự thám hiểm v.v...

7. Câu trả lời của bạn. Lòng trung thành với quốc gia đã phân cách các dân tộc, và cuộc sống cá nhân của họ trở nên chịu ảnh hưởng của chính quyền nhiều hơn là của giáo hội.

23. Câu trả lời của bạn. Nó làm suy giảm sự tùy thuộc của các nhân vào sự hướng dẫn của giáo hội và nâng cao ý thức của họ về sự đầy đủ của chính mình. Điều này đã làm giảm đi sự kiểm soát của giáo hội trên cuộc sống dân chúng.

8. d. Hàn gắn cuộc Đại Ly Giáo

24. c. Đức Chúa Trời đến chính mình.

9. a. 3) Marsilins ở Padua

b. 1) John ở Paris

c. 2) William of Occam

25. a. Phép phê bình văn.

10. Câu trả lời của bạn. Nhằm chấm dứt cuộc Đại Ly Giáo, nó giúp cho thể chế Giáo Hoàng tập trung hóa quyền hành trở lại, và như vậy nó đã làm thất bại việc thành lập một Thượng Hội Đồng. Nó chịu sự tranh cãi nội bộ và đã kết án người vô tội phải chịu chết.

26. Câu trả lời của bạn. Đó là một lối suy nghĩ mà nó đề cao con người và khuyến khích con người thành đạt những việc lớn nhờ năng lực của chính mình. Các nhà nhân bản phi Cơ Đốc giáo nhấn mạnh con người trời hơn Đức Chúa Trời.

11. Câu trả lời của bạn. Đó là cố gắng đạt đến kinh nghiệm hiệp thông với Đức Chúa Trời. Người ta không thỏa mãn với sự lý luận của chủ nghĩa kinh viện. Họ cần một tôn giáo cá nhân "của lòng".

27. Câu trả lời của bạn. Trong lãnh vực văn học, phép phê bình văn sáng tác bằng tiếng bản xứ đã phát triển. Trong lãnh vực nghệ thuật, đề tài thuộc thế tục và luật phối cảnh được đưa vào, hội họa và điêu khắc nổi lên giữa vai trò quan trọng.

12. a. 3) Gerhard Groote

b. 2) Meiter Eckhart

c. 1) Catherine of Siena

d. 4) Thomas à Kempis

28. Câu trả lời của bạn

13. Câu trả lời của bạn. Nó dẫn đến sự thuộc linh nhiều hơn, nhưng có lúc lại mang tính tự hấp thu nhiều hơn. Trong khi một số người tham dự vào xã hội thì một số người khác lại chống xã hội hoặc là mang tính phiếm thần.

29. Câu trả lời của bạn. Tôn giáo đã trở thành chỉ còn là hình thức, các buổi lễ đông đúc thiếu tính thuộc linh và đức tin cá nhân đặt nơi Đức Chúa Trời. Phần lớn cuộc đời dành cho những nỗ lực thuộc thế tục, mang tính nhân bản.

30. a. 2) Erasmus

b. 4) Reuchlin

c. 1) Colet

d. 2) Lefevre.

15. Câu trả lời của bạn. Cả hai đều rao giảng Thánh Kinh và đã dịch Thánh Kinh ra ngôn ngữ thông thường của dân chúng. Cả hai đều chống đối vai trò trung gian của hàng linh mục.